

NGUYỄN VĂN LINH

HÀNH
TRÌNH
CÙNG
LỊCH
SỬ

Nhiều tác giả



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

NGUYỄN
VĂN
LINH

HÀNH
TRÌNH
CÙNG
LỊCH
SỬ

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử / Ngô Thị Huệ ... [và nh.ng. khác] tuyển chọn. - Tái
bản lần thứ 1 có sửa chữa, bổ sung. - T.P. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2015.

406 tr. ; 23 cm.

1. Nguyễn Văn Linh, 1915-1998. 2. Người cộng sản -- Việt Nam. 3. Việt Nam -- Chính trị và
chính quyền. I. Ngô Thị Huệ.

1. Nguyễn Văn Linh, 1915-1998. 2. Communists -- Vietnam. 3. Vietnam -- Politics and
government.

959.704092 -- ddc 22
N573

ISBN 978-604-1-07309-8
Nguyễn Văn Linh...



NGUYỄN
VĂN
LINH HÀNH
TRÌNH
CÙNG
LỊCH
SỬ

NHIỀU TÁC GIẢ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Nhóm chủ biên:

NGÔ THỊ HUỆ

TRẦN BẠCH ĐĂNG

DƯƠNG ĐÌNH THẢO

TÔ BỬU GIÁM

LÊ HỒNG QUANG

Nhóm thực hiện:

QUÁCH THU NGUYỆT

HOÀNG PHỦ NGỌC PHAN

NGUYỄN THỊ LƯƠNG NGỌC

ĐOÀN HỮU THÀNH

TRƯƠNG QUỐC DŨNG

NGÔ PHỤNG ÁNH

Nhóm cộng tác:

HUỲNH DŨNG NHÂN

DƯƠNG CẨM THÚY

TRẦN CHÍ KÔNG

NGUYỄN THẾ THANH

• **Nguồn ảnh do gia đình cung cấp:**

Lấy từ ảnh gốc của gia đình đồng chí Nguyễn Văn Linh.

• **Nguồn ảnh Nxb Chính trị Quốc gia:**

Lấy từ quyển *Nguyễn Văn Linh - Nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo*.

In tháng 8-2003.

• **Nguồn ảnh Nxb Trẻ:**

Lấy từ quyển *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*. In tháng 4-1999.

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản	9
Có một người Việt Nam như thế!	
Có một đảng viên cộng sản Việt Nam như thế!	
Có một công dân Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh như thế! - Trần Bạch Đằng	11

Chương 1: TUỔI TRẺ DẤN THÂN

Nơi ấy, tôi đã trưởng thành - Nguyễn Văn Linh	16
Hải Phòng, đường vào cách mạng - Đặng Quý Nhất	23
Chí khí tuổi 20 - Nguyễn Công Hòa	28
Ánh mắt người tù - Nguyễn Thanh Hà	35
Học ở trong tù, học trong cuộc sống - Nguyễn Kim Cương	40
Viết báo vào những ngày đầu kháng chiến - Nguyễn Văn Linh	44

Chương 2: HÀNH TRÌNH CÙNG LỊCH SỬ

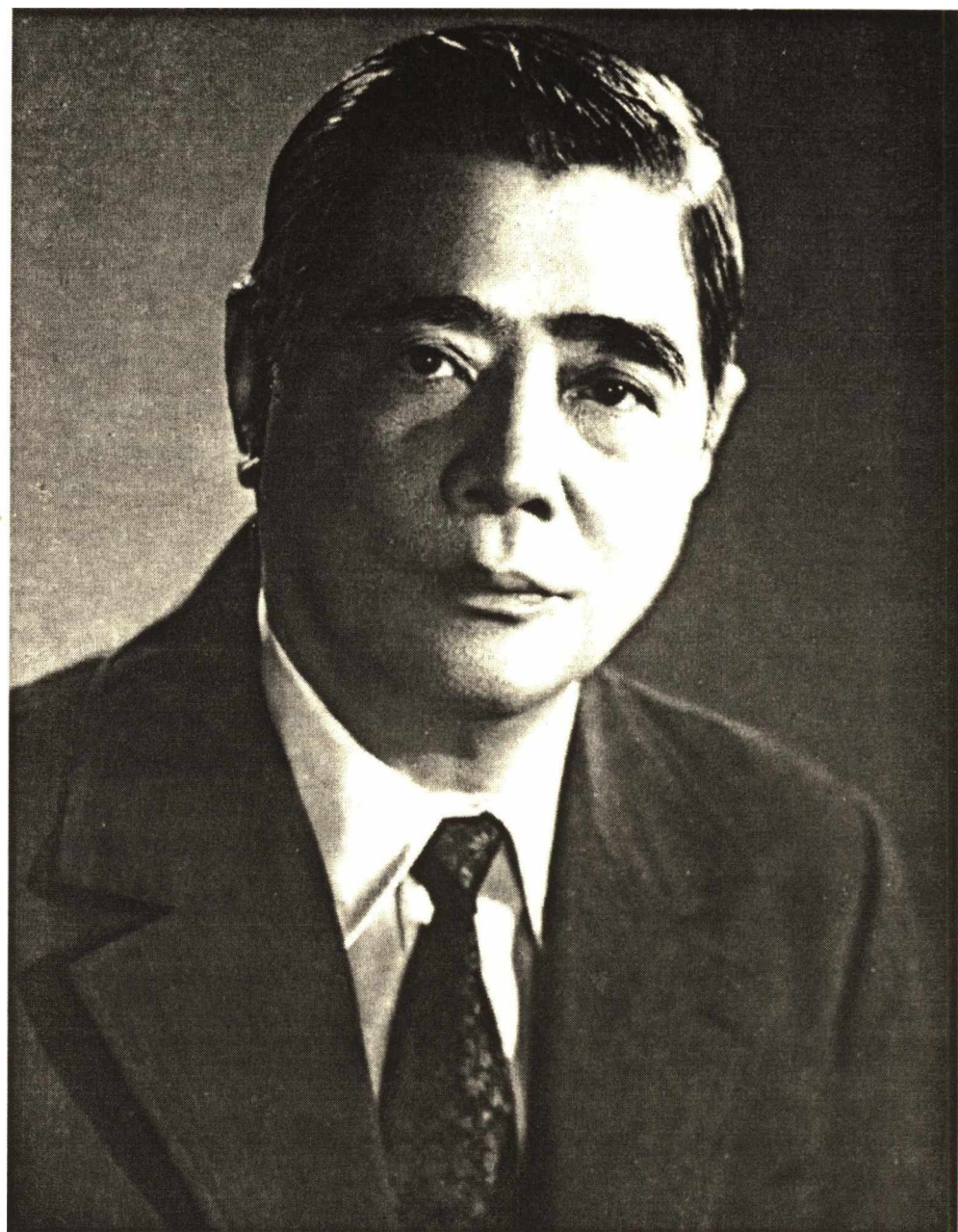
Tình nghĩa giữa anh Mười Cúc và tôi trong những năm kháng chiến - Võ Văn Kiệt	50
“Lấy súng mà đánh giặc, con ơi!” - Châu Quốc Tuấn	55
Thực tiễn ác liệt và những bước đi “hai chân, ba mũi” - Phạm Văn Xô	64
Cội rẽ từ nhân dân - Mai Chí Thọ	70
Luôn tràn trở, suy nghĩ, tháo gỡ khó khăn đưa cách mạng tiến lên - Nguyễn Võ Danh	75
“Ông già căn cơ” - Nguyễn Vĩnh Nghiệp	79
Nửa thế kỷ gắn bó với Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh - Phạm Dân	87

“Bật đèn xanh” - <i>Phạm Thị Sứ (Năm Bắc)</i>	93
Như cơn mưa rào - <i>Nguyễn Thị Nữ</i>	99
Đi tìm cơ chế đổi mới quản lý kinh tế qua sinh hoạt “câu lạc bộ giám đốc” - <i>Võ Thành Công</i>	105
Dấu ấn “tự cứu mình” - <i>Lê Thị Lý</i>	112
Một sự kiện đáng nhớ (sự kiện Đà Lạt) - <i>Lê Hồng Quang</i>	120
Nguyễn Văn Linh - Một trong những ngọn cờ đổi mới - <i>Trần Bạch Đằng</i>	125
Đội ngũ cán bộ lãnh đạo để thực hiện đổi mới: Mối quan tâm hàng đầu - Trích bài “Tiếng nói của tấm lòng lớp trẻ”, <i>Báo Tuổi Trẻ</i> 1986	129
Khởi động của đổi mới - Trích báo <i>Tuổi Trẻ</i> - 1986, (Nhóm PV Thời sự)	132
“Những việc cần làm ngay” với sự nghiệp đổi mới và cuộc đấu tranh chống tiêu cực - <i>Hữu Thọ</i>	136
Một nhân cách lớn - <i>Kim Hạnh</i>	143

Chương 3: CÂY ĐỜI MÃI MÃI XANH TƯƠI

Anh còn sống mãi - <i>Ngô Thị Huệ</i>	150
Cha và chúng tôi - <i>Nguyễn Thị Bình</i>	171
“Anh Linh nhà mình đấy!” - <i>Ngô Quang Đạo - Đặng Văn Cáo</i>	181
Anh Nguyễn Văn Linh, tính cách một con người - <i>Lê Xuân Tùng</i>	187
60 năm, cùng anh... - <i>Trần Văn Quang</i>	193
Đồng chí Nguyễn Văn Linh - một Chủ tịch Tổng Công đoàn được tin yêu, kính trọng - <i>Phạm Thế Duyệt</i>	198
Một học trò xuất sắc của Bác Hồ - <i>Tô Bữu Giám</i>	201
Tấm lòng người cộng sản Việt Nam - <i>Phạm Chánh Trực</i>	207
Thưa chú Mười - <i>Trần Thị Lan</i>	213
Bác Mười Cúc với tuổi trẻ TP. Hồ Chí Minh! - <i>Cầm Thúy</i>	219
“Hứa với các bạn đoàn viên...” - <i>Huỳnh Sơn Phước</i>	223
Người đồng chí - người lãnh tụ của giai cấp công nhân - <i>Hoàng Thị Khánh</i>	227
“Ông Linh rất hiếu đồng bào người Hoa mình!” - <i>Nghị Đoàn</i>	231
Sự quan tâm đối với đồng bào Công giáo - <i>Trương Bá Cần</i>	237
Dòng tưởng niệm - <i>Thích Trí Quảng</i>	243

Người bạn lớn của trí thức thành phố - <i>Lý Chánh Trung</i>	246
Noi gương anh - <i>Trần Trọng Tân</i>	251
Người lãnh đạo chí tình chí nghĩa - <i>Bùi Thị Mè</i>	255
Vài mẩu chuyện kể về đồng chí tổng bí thư - <i>Lê Hồng Quang</i>	261
Về một người anh - <i>Nguyễn Thị Chơn</i>	268
Điều tôi học ở anh - <i>Lê Thanh Hải (Mười Nhóm)</i>	273
Vài kỷ niệm về người thầy cách mạng đầu tiên của tôi - <i>Lý Bích Quang</i>	279
Nhớ anh Mười - <i>Đinh Phong</i>	284
Nhớ người tù xưa ở hòn đảo ngọc - <i>Phạm Khánh Toàn</i>	289
Câu chuyện bát nhang bùng cháy - <i>Đoàn Hữu Thành</i>	296
Trong tôi sống mãi hình ảnh một con người - <i>Bảo Định Giang</i>	302
Càng nhớ càng thương anh - <i>Đỗ Duy Liên</i>	308
Những hoài niệm về vùng đất Trung Huyện, Chợ Lớn xưa - <i>Trương Minh Nhựt</i>	315
Lần cuối gặp anh - <i>Đặng Văn Thượng</i>	320
Chú Mười và những nghĩa tình để lại - <i>Lê Hồng Liêm</i>	323
Mãi mãi sống trẻ trung - <i>Dương Đình Thào</i>	327
Vinh biệt anh Mười Cúc - <i>Trần Bạch Đằng</i>	337
PHỤ LỤC	339
- Một số bài viết của đồng chí Nguyễn Văn Linh	
- Một số hình ảnh	
- Lời điệu của Tổng bí thư Lê Khả Phiêu	
- Trích sổ tang	
- Những cột mốc thời gian trong cuộc đời đồng chí Nguyễn Văn Linh	



Đồng chí NGUYỄN VĂN LINH (1915-1998)

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

Lời Nhà xuất bản

Với tình cảm sâu đậm của tuổi trẻ luôn luôn mong muốn được hiểu biết về cuộc đời hoạt động cách mạng, nhân cách đạo đức, lối sống của một người đã từng là lãnh đạo cao nhất của Thành phố và là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam; được sự giúp đỡ của đồng chí Ngô Thị Huệ, phu nhân đồng chí Nguyễn Văn Linh và gia đình, từ tháng 9 năm 1998, NXB Trẻ đã tiến hành việc tổ chức biên soạn tập sách: **Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử**. Ở tập sách này, NXB Trẻ giới hạn mong muốn của mình là tập hợp những tư liệu, những bài viết của những đồng chí, đồng đội, bạn chiến đấu, những lớp cán bộ nhiều thời kỳ từng làm việc, gắn bó với đồng chí Nguyễn Văn Linh, những người thân gần gũi trong gia đình và cả đồng hương, thân tộc ở quê nhà.

Tập sách giới thiệu bài viết của nhiều người và từ tình cảm, từ những kỷ niệm, từ những mối quan hệ mà tác giả có cách phản ánh, thể hiện và cảm nhận riêng. Định hướng chung của tập sách là cố gắng nói lên một phần những cống hiến, tư tưởng, đạo đức, nhân cách, lối sống của đồng chí Nguyễn Văn Linh đối với dân tộc, đất nước, xã hội và gia đình.

Tập sách được trình bày dưới dạng các chương gắn liền cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Văn Linh với tiến trình lịch sử phát triển của đất nước.

Trong quá trình tổ chức tập sách, NXB Trẻ đã được sự hỗ trợ hết lòng, đầy tâm huyết của các đồng chí Ngô Thị Huệ, Trần Bạch Đằng, Dương Đình Thảo, Tô Bửu Giám, Lê Hồng Quang, cùng các anh chị là con và rể của chú Mười. Các đồng chí đã dành nhiều công sức cho tập sách từ việc cố vấn đề cương, tổ chức bài vở cho đến góp phần tham gia biên tập.

Để hoàn thành được tập sách Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử, NXB Trẻ đã nhận được sự cổ vũ, động viên của nhiều đồng chí cách mạng lão thành, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước Trung ương và Thành phố, các đồng chí lãnh đạo các ban ngành và đại diện đồng bào các giới... Và thật là cảm động khi nhiều đồng chí dầu tuổi cao sức yếu, dầu bộn bề với khá nhiều công việc vẫn dành thời gian đóng góp viết bài. Đây là một công trình tập thể mà sự tham gia của các tác giả có ý nghĩa và đáng trân trọng biết bao. NXB Trẻ xin cảm ơn sự đóng góp quý báu và nghĩa tình sâu đậm này.

Tập sách được in lần thứ nhất để kỷ niệm ngày giỗ đầu của đồng chí Nguyễn Văn Linh vào tháng 4 năm 1999.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn nhóm chủ biên, các phóng viên, biên tập viên ở các báo Lao Động, Đài truyền hình TP. Hồ Chí Minh, Hãng phim Giải Phóng, đã nỗ lực, tập trung cao độ để tập sách hoàn thành đúng thời hạn.

Ngày 1 tháng 7 năm 2015 là kỷ niệm 100 năm ngày sinh của chú Mười Cúc thương kính, việc tái bản tập sách này được xem như là một nén nhang, một lời hứa, một món quà để tuổi trẻ thành phố soi mình vào nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, 70 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sau cùng, dầu có nhiều cố gắng song tập sách ắt không tránh khỏi những thiếu sót nhất định, rất mong được các đồng chí góp ý, bổ sung, sửa chữa để lần tái bản sau sách được hoàn thiện hơn.

Nhà xuất bản Trẻ

**Có một người Việt Nam như thế!
Có một đảng viên cộng sản Việt Nam như thế!
Có một công dân Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh
như thế!**

TRẦN BẠCH ĐĂNG⁽¹⁾

Viết về một con người như anh Nguyễn Văn Linh là điều rất khó đối với lớp cán bộ đi sau như chúng tôi. Cuộc đời hoạt động cách mạng của anh trải dài khi anh còn là một học sinh trung học cho đến khi anh trở thành người đứng đầu Đảng Cộng sản Việt Nam - từ dự đám tang cụ Phan Châu Trinh lúc anh 11 tuổi đến lúc anh nhắm mắt 1998. Một công trình nghiên cứu lịch sử về anh Nguyễn Văn Linh đòi hỏi công sức lớn, tra cứu nhiều tư liệu, tìm hiểu qua nhiều người cùng quê, cùng học, cùng công tác với anh. Địa bàn hoạt động của anh rất rộng, ở những trọng điểm Bắc bộ như Nam Định, Hải Phòng, Hà Nội, ở bắc Trung bộ, ở Nam bộ, ngoài đời và trong tù với nhiều trọng trách khác nhau. Nói thật chính xác, nghiên cứu về anh Nguyễn Văn Linh chính là nghiên cứu về lịch sử Đảng ta từ những năm 30 đến cuối thế kỷ, qua ba thời kỳ: vận động giành chính quyền, kháng chiến giữ chính quyền, xây dựng chế độ mới. Riêng với thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh, từ 1939 trở đi, nghiên cứu về anh là nghiên cứu tiến trình của một thành phố lớn.

1 Ông Trần Bạch Đằng (1926-2007) là một nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà báo nổi tiếng. Ông còn là nhà chính trị lão thành đã tham gia hoạt động cách mạng từ trước năm 1945. Ông lần lượt đảm trách nhiều cương vị quan trọng như Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định, Phụ trách Ban Tuyên huấn Trung ương Cục, Ủy viên Đoàn chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Phó ban Dân vận Trung ương Đảng.

Các tác giả của tập sách này dành thu hẹp diện địa lẫn thời gian mà chủ yếu là tập trung vào thời điểm gần chúng ta nhất. Nó mang tính chất bày tỏ tấm lòng chứ không phải là một công trình nghiên cứu - dù trong rất nhiều bước ngoặt của lịch sử dân tộc và Đảng ta, vai trò của anh Nguyễn Văn Linh rất lớn. Chúng ta hy vọng một chân dung đầy đủ, trung thực của anh Nguyễn Văn Linh được Viện lịch sử Đảng đưa vào kế hoạch khoa học cùng với các đồng chí lãnh đạo hàng đầu khác đã quá cố.

Ban chủ biên tập sách này có một mục đích khiêm tốn phản ánh tình cảm của từng người viết với một đồng chí lãnh đạo, một bạn chiến đấu, một người anh, một người thầy từng sống chết có nhau. Bởi vậy, bài viết chỉ nói về anh Nguyễn Văn Linh, về mối quan hệ công tác với anh Linh, không qua anh Linh để nói về mình. Đó là sự trung thực sơ khởi. Khi chúng ta bày tỏ tình cảm với anh Linh thì hoàn toàn không có nghĩa anh Linh là thiên sứ, mọi cái đều hoàn mỹ - không hề có một con người như vậy trong thực tế. Tấm gương mà anh Linh để lại cho người đang sống và các lớp trẻ, các thế hệ nối tiếp chung qui ở tính người, tính trung thực của anh. Cái đáng kính trọng ở anh Linh là giữa đời công và đời thường không dang cách, hai mặt của một bản chất. Anh có nổi nóng không? Có. Anh có định kiến mức này mức khác với người này người khác không? Có. Anh có đôi khi xử lý công việc và đối nhân không thật công bằng không? Có. Nhưng rồi anh lại hối tâm và tự sửa. Như thế là đã quá quý rồi.

Cuộc đời hoạt động cách mạng ở cương vị lãnh đạo cấp cao của anh Nguyễn Văn Linh, theo điều tôi hiểu - và có trực tiếp dự vào một số cuộc tranh luận - nổi lên mấy điểm chủ yếu:

1. Trước, trong và sau Đồng Khởi, anh là người kiến trúc chiến lược vận dụng sức quần chúng từ đấu tranh chống Mỹ Diệt ở mức thấp đến mức cao, dẫn đến cao trào Đồng Khởi - cách mạng làm chủ một bộ phận nông thôn rộng lớn.

2. Song song với tiến hành đấu tranh chính trị, anh Linh nghĩ đến việc xây dựng lực lượng vũ trang, đầu tiên là tự vệ, phát triển dần lên các đơn vị tập trung, đánh một số trận như Minh Thạnh, Dầu Tiếng và nổi bật hơn

cả là trận Tua Hai, chính với lực lượng vũ trang này mà quân giải phóng miền Nam có nòng cốt, sau được Trung ương chỉ viện, tạo được bề thế tương đối mạnh.

Nếu trước Đồng Khởi, anh ưu tư về chỉ đấu tranh chính trị thì sau Đồng Khởi, anh lại ưu tư về phương châm chỉ tự vệ mà không tiến công.

3. Anh chăm sóc việc hình thành căn cứ địa ở vùng rừng Tây Ninh. Theo quan điểm của anh, căn cứ địa không phải là nơi ẩn náu đầu não của lãnh đạo mà phải gần các vùng cư dân, vừa tạo thế du kích chiến tranh trong lòng địch vừa phải giải quyết tốt hậu cần.

4. Đi đôi với phong trào vũ trang, anh đặc biệt chú ý phong trào chính trị phá kềm diệt ác, mở rộng ảnh hưởng cách mạng trong xóm, ấp, xã, tạo thế liên hoàn giữa các vùng giải phóng với các căn cứ "lõm", tạo hành lang liên hoàn tự cục Nam Trung bộ qua Đông và Trung Nam bộ đến tận miền Tây.

5. Anh dành một chăm sóc đặc biệt cho phong trào đô thị, nhất là Sài Gòn mà theo anh, cách mạng sẽ thành công nếu phong trào đô thị mạnh, thậm chí phong trào đô thị mạnh sẽ hỗ trợ đắc lực cho toàn cục. Rút kinh nghiệm lịch sử cách mạng nước ta, anh khẳng định rằng cách mạng miền Nam sẽ phải kết thúc ở Sài Gòn - đầu não của kẻ thù.

6. Anh nhấn mạnh đến công tác binh vận, công tác vận động trí thức ở thành thị và do đó, phương châm "hai chân ba mũi" hình thành dần.

7. Anh chủ trương khai thác triệt để các mâu thuẫn nội bộ địch, mỗi khi nội bộ địch phát sinh biến động như đảo chánh, anh chỉ đạo "cướp thời cơ" - dù chỉ lợi dụng một phần tinh thể thôi nhưng vẫn không bỏ qua.

8. Về xây dựng thực lực, anh rất nghiêm khắc đối với những sơ sót dẫn đến tổn thất cơ sở và luôn nhắc "toa căn bản": phải có thực lực thì mới có thể thắng to.

9. Trong đợt tổng công kích Mậu Thân, anh ủng hộ quan điểm kết hợp sức mạnh tiến công quân sự, ở nội thành, tiến công bằng đặc công và biệt động với phong trào quần chúng, đặc biệt phong trào của lớp trẻ sinh viên, học sinh. Với anh, đơn thuần sử dụng lực lượng vũ trang là không phù hợp với chiến trường trọng điểm Sài Gòn.

Sau đợt một, anh bắt đầu suy nghĩ việc đối dân phương thức đánh vào Sài Gòn và anh rất băn khoăn với đợt ba.

10. Sau Hiệp định Paris, anh không tán thành một chủ trương, trong một thời gian ngắn thôi, lấy phòng ngự làm chính khiến cho quân của Thiệu lấn vùng giải phóng và gây tổn thất cho ta. Trong nhiều cuộc họp mà tôi có dự, anh lên án gay gắt cho sự co thủ nơi này nơi khác.

11. Sau giải phóng hoàn toàn, anh là một trong những cán bộ lãnh đạo chủ trương quan tâm đặc điểm của sản xuất ở miền Nam, thống nhất đất nước về chính trị, tư tưởng, tổ chức... song cần tôn trọng những quy luật phát triển của một vùng đã sống với kinh tế thị trường, đã đạt một trình độ sản xuất hàng hóa từ hàng trăm năm trước ngay khi chủ nghĩa tư bản phương Tây chưa xâm nhập vào nước ta.

12. Anh chủ trương nói và làm phải đi đôi, rất không thích phô trương hình thức, quan dạng, ghét thói xu nịnh, cơ hội chủ nghĩa...

Trong bài này, khi tôi dùng chữ “anh” xin được hiểu tính tập thể mà anh là trung tâm phát huy trong những thời điểm nhất định. Tôi biết rõ trong không ít thời kỳ, anh cùng tập thể bàn bạc, trao đổi, có khi kéo dài hàng tháng - hoặc hơn nữa - để tìm chân lý. Trước Đồng Khởi, anh phái cán bộ đi các khu, mời các Khu và Tỉnh gặp anh, đặt câu hỏi và lắng nghe các ý kiến.

Nguyễn Văn Linh là học trò giỏi của Bác Hồ, học từ Bác Hồ tư tưởng và tác phong làm việc. Anh còn là học trò của đồng chí Lê Duẩn và rất tôn trọng ý kiến của các cộng sự như anh Nguyễn Chí Thanh, Phạm Hùng.

Nếu trong cuộc đời chính trị và trong đối nhân xử thế, anh Nguyễn Văn Linh không tránh khỏi thiếu sót thì đó cũng là chuyện bình thường.

Tuy nhiên, đánh giá anh - bây giờ khi nắp quan tài đã đóng đến một năm rồi - thì đồng bào và đồng chí của anh có thể nói được rằng:

Có một người Việt Nam như thế!

Có một đảng viên Cộng sản Việt Nam như thế!

Có một công dân Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh như thế!

Và, với chị Ngô Thị Huệ: Có một người chồng như thế, với cháu Hòa, cháu Bình: Có một người cha như thế; với cả nhà: Có một người ông như thế!...

Ai mà không có nỗi đau riêng. Anh Linh cũng vậy. Chính từ tên Nguyễn Văn Cúc anh đổi ra Nguyễn Văn Linh - tên đứa con trai độc nhất của anh chị - đã nói lên đảm lượng sống với nỗi đau gia đình dù cay nghiệt đến: Có một Nguyễn Văn Linh như thế!

Ngày 31 tháng 3 năm 1999

C h ư ơ n g 1

TUỔI TRẺ DẪN THÂN



Đồng chí NGUYỄN VĂN LINH sau khi ra tù Côn Đảo (1946)

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

Nơi ấy, tôi đã trưởng thành

LÊ ĐIỆP - CHÍ THÀNH

(ghi theo lời kể của đồng chí Nguyễn Văn Linh)

Mồ côi cha mẹ từ tuổi còn nhỏ, tôi ở với ông chú họ tên là Hùng tại Hải Phòng. Lúc đó tôi mới vào học lớp nhì trường Bonnal, nay là trường Ngô Quyền, và cũng là năm đầu tiên Hải Phòng mở trường trung học. Trước kia muốn học trung học, học sinh phải lên tận trường Bưởi - Hà Nội. Cùng học với tôi còn có nhiều anh em sau này cũng tham gia cách mạng. Riêng tôi lần lần được giác ngộ cách mạng do nhiều cách. Nhưng những buổi đầu sâu sắc nhất có lẽ bắt đầu từ một thầy giáo dạy lớp tôi. Thầy thường chờ lúc vắng viên giám thị người Pháp, bảo chúng tôi đóng kín cửa lại, rồi đem những bài báo viết bằng tiếng Pháp của tác giả Nguyễn Ái Quốc đọc cho cả lớp cùng nghe. Chỉ đọc thôi, không bình luận gì hết. Nhưng đó lại chính là những hạt giống đầu tiên gieo vào nhận thức của tôi để sau này trở thành những mầm non của tư tưởng cách mạng. Chỉ tiếc là hình như kẻ địch phát hiện ra việc làm của thầy nên chỉ một tháng sau ông bị chúng đối đi nơi khác. Hồi đó học trên tôi một lớp còn có các anh Thế Lũ, anh Vũ Văn Hiến...

Tuổi trẻ bao giờ cũng nhạy bén tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của thời đại. Hồi ấy, nhiều học sinh trường Bonnal chúng tôi rất ham đọc sách báo tiến bộ mà phải đọc vụng đọc trộm. Dù sách báo ấy xuất bản từ bên Pháp nhưng chính quyền thực dân cai trị ở xứ Đông Dương này đều cấm ngặt. Tôi tuy mới học lớp nhì nhưng đã đọc được sách tiếng Pháp như

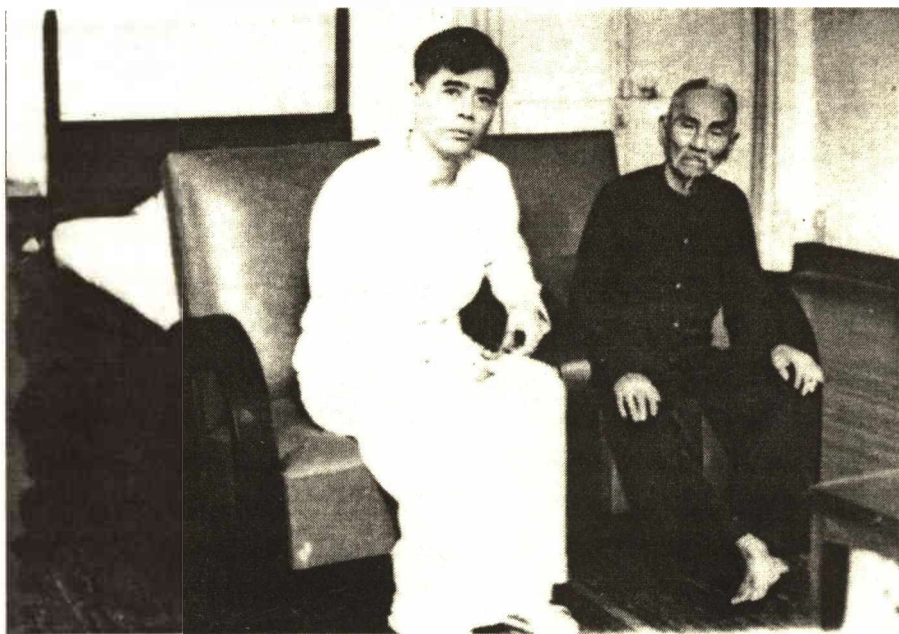
“Những người khốn khổ” (Les misérables) của Victor Hugo, “Vô gia đình” (Sans famille) của Hector Malot... Chúng tôi thường bí mật bàn luận với nhau về những vấn đề mà thanh niên ta thời bấy giờ rất khao khát như tự do, dân chủ, bình đẳng, bác ái, dân tộc tự quyết... được nói nhiều chính trong sách báo của Pháp. Tuy nhiều thanh niên học sinh chúng tôi không ở trong hoàn cảnh của tầng lớp lao động cực khổ, bị bóc lột như thợ thuyền, dân nghèo và nông dân ở các miền quê, nhưng vẫn bị những người Pháp thực dân khinh rẻ, nên nỗi nhục của người dân mất nước khiến chúng tôi muốn đem sức trai ra cứu nước giúp dân thoát khỏi gông xiềng nô lệ. Khi đọc những sách tiến bộ của Pháp, tôi cứ liên tưởng tới những cảnh cực khổ của thợ thuyền, dân nghèo ở thành phố cảng Hải Phòng mà lòng thấy quặn đau, không ít lần tôi đã phải khóc. Nhưng phải nói rằng lúc đó, nhận thức của tôi còn non nớt, đọc mà chưa hiểu rõ nỗi căn nguyên của sự khốn khó bất hạnh của đồng bào mình. Mãi đến khi được nghe và đọc những bài báo của Nguyễn Ái Quốc, nhất là khi tôi tham gia phong trào học sinh, được kết nạp vào Học sinh đoàn ở trường (Bonnal) mới dần dần hiểu được rõ hơn. Cũng từ đây ý thức về bốn phận của bản thân đối với Tổ quốc và nhân dân được hình thành.

Trường Bonnal. Nguồn: Internet.



Tôi còn nhớ mãi một chuyện rất đậm về anh Thế Lữ mở một lớp học thêm tại nhà anh. Mẹ của anh là cụ lang Thụ lúc đó chuyên trị bệnh cho trẻ em. Lớp học thêm tại nhà anh có 5-6 anh em trong đó có tôi. Hôm khai giảng, tôi thấy trên bàn cao để hình cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Châu Trinh. Lúc đó chưa có hình Bác Hồ. Các anh lôi trong chuồng ra một con gà trống đem chặt cổ. Hành động đó ngấm như một lời răn, nếu ai trong số chúng tôi không giữ bí mật thì sẽ bị chặt cổ như con gà. Kể lại bây giờ việc làm như vậy nghe có vẻ tức cười, nhưng đối với chúng tôi lúc đó thiêng liêng lắm. Sau đó tôi được biết đó là tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Hành động cách mạng lần đầu tiên của tôi phải kể tới là lần tôi được phái đi rải truyền đơn nhân ngày 1-5-1930. Ba anh em được phái đi đều là đoàn viên của tổ chức Học sinh Đoàn do Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội - tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức. Buổi sáng sớm hôm đó, vào giờ tập thể dục, chúng tôi đi đầu trần, chân đất, mặc quần cụt cùng với bó truyền đơn trong tay với nhiệm vụ là rải truyền đơn dọc



Đồng chí Nguyễn Văn Linh với người chủ ruột (ông Nguyễn Đức Thụ) tại Hải Phòng.

Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

theo phố Cát Dài (Hải Phòng). Chúng tôi không hay biết là ở ngã tư của phố thường có cảnh binh đứng đó. Bởi vậy khi rải tới ngã tư, cảnh binh phát hiện thấy và bắt cả ba chúng tôi. Lúc đó tôi chưa đủ 16 tuổi nên khi ra tòa chỉ bị xử 18 tháng tù. Nhưng do lúc bấy giờ có khởi nghĩa Yên Bái của Quốc dân đảng, thực dân Pháp lập ra Tòa để hình (Cour Criminelle) nên chúng đã xử tôi thêm án phát lưu chung thân. Như vậy là tôi bị hai án. Sau khi tôi bị kết án có người hẹn đón tôi thoát ly ra hoạt động bí mật. Cuộc hẹn tại vườn hoa, ngày ấy còn gọi là “Vườn hoa đưa người”, nhưng không thành. Cuối cùng tôi đi tù và bị đày ra Côn Đảo. Hồi đó, những người thành án phát lưu như anh Phạm Văn Đồng bị 15 năm thì ở banh 2. Còn tôi vì hai án, có án 18 tháng tù nên ở banh 1. Tù chính trị ai bị xử khổ sai cũng đều đưa qua banh 1.

Một lần, bị chúng bắt đi vác gạo, tôi vác không nổi bao gạo, bị ngã, bọn canh giữ đánh tôi. Hỏi ra, biết tôi chưa đủ 16 tuổi, nên từ đó tụi nó để tôi ở lại trong banh. Những người khác phải ra ngoài làm lao động khổ sai. Lúc bấy giờ bác Tôn Đức Thắng cùng ở banh 1 với tôi. Vì bác lớn tuổi nên chúng để bác ở lại dọn dẹp trong banh. Tôi đi theo phụ với bác. Bác Tôn vốn là một người rất giỏi về máy thủy. Bởi vậy mỗi khi tàu hư, máy móc hỏng chúng đều kêu bác Tôn ra xưởng sửa chữa. Tôi được ra theo bác để phụ việc. Có điều đặc biệt là Bác Tôn không chịu ngủ lại ngoài đó. Hàng ngày xong việc là bác lại về khám ngủ với anh em. Còn tôi ngủ ở tầng 3.

Ở trong tù tôi còn tiếp tục học thêm tiếng Pháp. Trong số người dạy có anh Nguyễn Đức Chính. Hồi đó anh Phạm Văn Đồng được một số thủy thủ tiến bộ người Pháp cho nhiều sách báo tiếng Pháp nói về chủ nghĩa Marx-Lenin. Anh đem cất giấu rồi dịch ra tiếng Việt. Tôi cũng được anh Đồng cho tham gia dịch và còn được dự một khóa huấn luyện về chủ nghĩa Marx-Lenin. Tham gia dạy lý luận Marx-Lenin có nhiều đồng chí, trong đó có đồng chí Bùi Công Trùng... Do đó, tuy chưa có điều kiện đi học ở nước ngoài, nhưng tôi đã bắt đầu tiếp cận chủ nghĩa Marx-Lenin tại khóa học trong nhà tù. Một lần có bạn tù hỏi tôi: Sau này độc lập sẽ xây dựng đất nước mình như thế nào? Tôi trả lời đại ý là xây dựng đất nước giàu mạnh, nhưng làm sao ai cũng có cơm no áo ấm, được học hành. Sau này tôi đọc về Bác Hồ, Bác cũng có hoài bão sâu sắc đó, tôi nghĩ mình đã

trả lời cũng gần giống ý của Bác. Có lẽ có được ý nghĩ ấy là nhờ khi còn là Học sinh đoàn ở trường Bonnal, được nghe và đọc một số bài báo của Nguyễn Ái Quốc, nhất là được học tập, dịch sách ở ngoài Côn Đảo nên tôi đã bước đầu được giác ngộ tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Năm 1936, do áp lực đấu tranh của phong trào Mặt trận nhân dân Pháp, tôi và nhiều anh em tù chính trị được trả tự do. Ra tù, tôi về Hà Nội ở với anh Nguyễn Văn Cừ và anh Lương Khánh Thiện. Sau đó, cuối năm 1936 tôi được phái về lập lại phong trào cách mạng và Tỉnh ủy Hải Phòng. Về Hải Phòng, tôi mới có 22 tuổi, đóng vai hợp pháp là một cậu giáo tiểu học để che mắt mật thám. Tôi đến ở nhà anh Đường tại phố An Dương, là một bạn tù chính trị đã cùng với tôi ở Côn Đảo. Người ta thường gọi anh là “Đường phở” vì anh có một người anh bán phở. Sau đó tôi đi dạy học, một tháng được mấy đồng bạc và mượn một cái nhà lá ở trước nhà anh Đường để ở. Bắt đầu từ đó tôi đi gây dựng cơ sở ở nhiều nơi như nhà máy Tơ, Cảng Hải Phòng... Nơi tôi ở lâu nhất và được đảm bảo bí mật là nhà mẹ Đặng Thị Sáu ở xóm Nam làng Hàng Kênh. Sau này mẹ Sáu là bà mẹ Việt Nam anh hùng có ba con liệt sĩ, một con thương binh nặng.

Tôi xin vào làm ở nhà máy xi măng vì nghĩ rằng phải là công nhân thì việc vận động mới thuận lợi hơn. Hồi ấy có một công nhân làm ở nhà máy xi măng đã hơn 20 năm nhưng vẫn bị trả lương thấp nên anh xin nghỉ việc. Tôi viết đơn xin việc làm thay chỗ anh. Bọn nhận đơn là người Pháp thấy đơn viết bằng tiếng Pháp hỏi ai viết, tôi nói là tôi viết, chúng bèn nhận tôi vào làm với công việc là mỗi sáng tới coi ai làm ai nghỉ thì ghi vào sổ, rồi họ cho đi học thêm về nghiệp vụ. Làm được mấy tháng, tôi đành nghỉ vì công việc của tổ chức rất bận rộn.

Tôi nhớ hồi ở trong tù anh Ngô Gia Tự có viết một cuốn sách tên là “Trên đường tranh đấu”, nói về cách thức tổ chức đình công bãi thị... Anh thường nói sau này về với phong trào quần chúng mà đưa ngay sách về chủ nghĩa Marx-Lenin ra là không được. Mình phải huấn luyện quần chúng hành động theo từng bước như những gì anh viết trong cuốn “Trên đường tranh đấu” của anh.

Ra tù về Hải Phòng hoạt động, lúc đầu tôi làm công tác tuyên truyền vận động trong công nhân không theo bài bản anh Ngô Gia Tự hướng dẫn mà

theo sự hiểu biết của mình. Kết quả thấy các lần gặp mặt anh chị em, người dự cứ ít dần. Tôi có phần nản về nằm ở nhà. Một hôm, đang đêm anh Bùi Lâm đến vực dậy bảo: “Công nhân đang họp bàn sôi nổi, sao lại nằm đây?”. Tôi đến nơi thấy bên ngoài có các công nhân đang gác cho cuộc họp. Bên trong, anh chị em công nhân thảo luận bàn bạc rất có bài bản y như hướng dẫn của anh Ngô Gia Tự. Chính từ thực tiễn như vậy đã giúp tôi nhận thức thêm rất nhiều về công tác vận động giáo dục và tổ chức quần chúng tham gia cách mạng.

Cũng như tình hình cả nước, sau cao trào 1930-1931, cách mạng Việt Nam ở vào thời kỳ thoái trào. Hải Phòng tuy vẫn còn một số cơ sở cách mạng của Đảng ở nhà máy, nông thôn... nhưng chỉ đến 1936-1937, nhiều đồng chí ở tù ra, cơ sở mới được phục hồi. Trước khi tôi về Hải Phòng, anh Bùi Lâm, Nguyễn Văn Túc (Nguyễn Công Hòa), Vũ Quý... đã xây dựng được nhiều cơ sở, chuẩn bị lập lại Thành ủy. Tôi về đến Hải Phòng khoảng tháng 9-1936 thì đến tháng 4-1937 có một cuộc họp cán bộ chủ chốt của Đảng bộ Hải Phòng để lập lại Thành ủy. Cuộc họp có chừng chục đồng chí, trong đó có anh Nguyễn Văn Túc, Đinh Văn Nhạ, Nguyễn Văn Vượng, Tư Thành, Hoàng Văn Thành... và tôi. Tôi còn nhớ họp ở nhà một đồng chí trong ngõ Đá đường Cát Dài. Trong cuộc họp này có một chuyện làm tôi khó xử: các đồng chí đều nhất trí bầu tôi làm Bí thư Thành ủy. Việc đó thật bất ngờ đối với tôi. Vì tôi tuy được Trung ương và Xứ ủy phái về lập lại Thành ủy, nhưng bản thân mình lại chưa phải là đảng viên. Cái khó cho tôi là nếu nói thật với các đồng chí rằng mình chưa phải đảng viên thì các đồng chí sẽ thất vọng, mà nhận chức vụ Bí thư Thành ủy thì tôi không dám. Tôi đã xử trí tình huống này bằng cách nhất định không làm Bí thư với lý do là mình không phải là thành phần công nhân. Tôi nói với các đồng chí, làm Bí thư Thành ủy ở thành phố đông đảo thợ thuyền lao động này nhất thiết phải là thành phần công nhân. Kết quả cuộc họp đã phải cử đồng chí khác làm Bí thư Thành ủy đó là anh Nguyễn Văn Túc (Nguyễn Công Hòa). Tuy nhiên, trong thực tế thì mọi việc tôi vẫn phải làm gần như một Bí thư Thành ủy, nhất là việc liên lạc, đi họp ở trên Xứ ủy, chỉ đạo các đấu mối và phong trào đấu tranh. Anh Túc làm Bí thư nhưng hằng ngày vẫn phải đi làm thợ để có tiền lương nuôi anh và nuôi cả tôi. Anh Túc đã

cùng tôi bàn bạc mọi công việc và cùng nhau chỉ đạo rất ăn ý. Cứ như thế, đến khi anh Túc được Trung ương điều động đi công tác khác thì tôi vẫn đảm nhận mọi nhiệm vụ thay cả anh Túc. Tôi báo cáo với Trung ương về chuyện này. Anh Trường Chinh đã quyết định công nhận trở lại cho tôi là vào Đảng năm 1936. Thì ra ở Côn Đảo về, các đồng chí ở Trung ương và Xứ ủy cứ nghĩ tôi đã là đảng viên từ năm 1930 rồi.

Đến năm 1938, anh Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư Trung ương Đảng. Lúc này ở Hải Phòng, cơ sở đã được phục hồi khá rộng, phong trào đấu tranh của quần chúng đòi dân sinh, dân chủ, tự do cơm áo và hòa bình, phong trào lập Ái Hữu phát triển rầm rộ mạnh mẽ. Cơ sở Đảng và các đoàn thể cách mạng đã xây dựng phục hồi và phát triển ở nhiều nơi. Khoảng cuối năm 1938, đầu năm 1939, anh Nguyễn Văn Cừ và Trung ương điều động tôi vào Sài Gòn hoạt động và tham gia Thành ủy Sài Gòn. Khi ấy chị Nguyễn Thị Minh Khai đang làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn, tôi vào làm Phó Bí thư Thành ủy.

Tôi xa Hải Phòng từ năm 1939 và rồi hai cuộc kháng chiến liên tiếp đã cuốn hút tôi suốt mấy chục năm sau này. Mãi tới năm 1978 tôi mới trở lại thăm thành phố Cảng Hải Phòng. Thăm lại Hàng Kênh, nơi ngày xưa tôi đã từng sống và hoạt động. Thăm lại những gia đình đã từng giúp đỡ, cứu mang và bảo vệ tôi từ những buổi đầu trở về gây dựng phong trào. Thăm lại mái trường Ngô Quyền ngày xưa tôi đã từng học. Có lẽ một trong những kỷ niệm sâu sắc nhất trong đời tôi là nhờ có học ở trường Ngô Quyền và chính từ đó tôi giác ngộ cách mạng. Suốt đời, tôi không quên được kỷ niệm ấy. Nhắc tới những ngày ấy thật xúc động.

Năm nay tôi đã bước vào tuổi 82, tôi có thể khẳng định điều này: Tuy tôi quê quán ở Hưng Yên, sinh ra ở Hà Nội, nhưng đối với tôi, tôi coi mình như người của thành phố cảng Hải Phòng. Coi như sinh đẻ ở Hải Phòng một lần nữa. Và, tôi nhận Hải Phòng là quê hương, bởi vì tôi trưởng thành bắt đầu chính từ nơi thân thương ấy.

Hải Phòng, đường vào cách mạng

ĐẶNG QUÝ NHẤT⁽¹⁾

Hải Phòng, nơi đã từng gắn bó với tuổi học trò sôi nổi và những năm tháng hoạt động cách mạng gian khổ, là quê hương thứ hai của đồng chí Nguyễn Văn Linh. Sau ngày đất nước thống nhất, đồng chí đã trở lại Hải Phòng thăm ngôi trường Bonnal xưa, thăm các gia đình cơ sở cách mạng. Mặc dù thời gian xa cách đã lâu và Hải Phòng đã đổi mới nhiều nhưng đồng chí vẫn nhớ lối vào cơ sở ở ngõ Đá, nhà bà Sáu, thăm hỏi những người cùng hoạt động hoặc nuôi giấu mình trong những năm đầu của cuộc cách mạng.

Trường Bonnal được chuyển thành trường Cao đẳng tiểu học vào năm 1920 (năm 1948 đổi thành trường Ngô Quyền) có từ lớp năm đến lớp nhất và vài lớp bậc thành chung. Đây là trường của khu vực duyên hải Bắc kỳ nên khá đông học sinh các tỉnh Kiến An, Hải Dương, Hưng Yên, Hòn Gia theo học. Năm 1926, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã vào học ở trường này. Anh học trò mười một tuổi hằng ngày từ khu xóm nghèo Lạc Viên cắp sách đi dọc đại lộ Paul Bert, rẽ sang đường Bonnal hoặc Clemenceau, Cầu Đất, phố Nghè đến trường.

Hải Phòng, lúc ấy là một thành phố cảng đang phát triển sôi động, nhưng cũng chứa chất nhiều đau thương, uất hận của những phu thuyền

1 Nguyên Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy Hải Phòng.

vác mình trần oằn lưng dưới những bao hàng nặng trĩu và roi vọt của cai, của lính, những người thợ xi măng đẩy bụi đất chỉ còn thấy hai con mắt khát khao tự do... Có áp bức, có đấu tranh, nhiều cuộc bãi khóa, bãi công, bãi thị, biểu tình đòi quyền sống, chống áp bức bóc lột của học sinh, thợ thuyền, tiểu thương... liên tiếp nổ ra. Cả thành phố sục sôi bởi phong trào “vô sản hóa”, bởi các cuộc bãi công của thợ thuyền xi măng, Cảng, máy Tơ, máy Chai... Những người dân mất nước, bị áp bức bóc lột đã cùng nhau đứng lên tranh đấu. Được chứng kiến tất cả và bị cuốn hút vào luồng gió mới của phong trào cách mạng, anh hiểu và có hoài bão muốn làm cái gì đó để góp phần cứu nước, xây dựng cuộc sống công bằng hơn. Sau này đồng chí kể lại: “Lúc đó tôi mới độ 9-10 tuổi, nhưng do chịu ảnh hưởng của phong trào để tang cụ Phan Chu Trinh và bãi khóa phản đối việc thực dân Pháp bắt và đưa cụ Phan Bội Châu ra tòa xử chỉ vì tội yêu nước, nên số đông học sinh chúng tôi nhất quyết không chỉ chịu chăm chỉ học hành để lớn lên làm thầy thông, thầy ký, làm những tên nô lệ, tay sai của thực dân, phong kiến. Chúng tôi bàn với nhau để tìm cho ra một tương lai cao sáng, một cuộc sống cho xứng đáng với thanh niên Việt Nam, với con Lạc, cháu Hồng”.⁽¹⁾

Năm 1927, tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội lập được cơ sở trong giáo viên trường Bonnal. Nhóm này đã bí mật lưu hành và tuyên truyền nhiều sách báo cách mạng. “Vài thầy giáo trẻ thường bí mật đọc cho chúng tôi nghe những bài văn thơ cổ động yêu nước của nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc trong các tờ báo “Người cùng khổ” và “Việt Nam hồn”. Chúng tôi đã bắt đầu có lòng yêu nước, yêu dân, muốn đi tìm con đường cứu dân, cứu nước”.⁽²⁾ Năm 1929, Nguyễn Văn Linh được kết nạp vào tổ chức “Học sinh Đoàn”. Số học sinh Đoàn phát triển khá nhanh và có nhiều hoạt động sôi nổi góp phần tuyên truyền lòng yêu nước trong các tầng lớp dân chúng. Tháo vát, có nhiệt huyết và lòng yêu nước nên dù tuổi còn rất trẻ nhưng Nguyễn Văn Linh vẫn được dự lớp huấn luyện về chủ nghĩa cộng sản do Nguyễn Hới, phụ trách Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội của trường tổ chức.

1, 2 Nguyễn Văn Linh - “Mấy lời gửi các bạn trẻ Hải Phòng” (12-10-1990) - Lưu tại Thành đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh TP. Hải Phòng.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào cách mạng ở Hải Phòng diễn ra sôi nổi. Hưởng ứng chủ trương của Đảng, lần đầu tiên ngày Quốc tế lao động 1-5 được tổ chức kỷ niệm trên phạm vi toàn quốc. Tỉnh ủy chỉ đạo chuẩn bị tích cực và kẻ thù cũng ráo riết khủng bố, ngăn chặn. Lúc này Nguyễn Văn Linh đã chuyển sang học lớp nhất của trường Jean Dupuis, anh đã cùng tổ Học sinh Đoàn của mình (3 người) đi rải truyền đơn và bị địch bắt. Dù còn ở tuổi vị thành niên, tòa án thực dân vẫn xử Nguyễn Văn Linh 18 tháng tù. Ngày 26-1-1931, Nguyễn Văn Linh lại bị chúng đưa ra phiên tòa đặc biệt xử cùng hàng trăm tù chính trị, trong đó có cả các đồng chí ủy viên Trung ương Đảng, tỉnh ủy viên... Do phong trào phản đối của công nhân Hải Phòng nên thực dân Pháp phải chuyển phiên tòa sang tỉnh lỵ Kiến An, cách Hải Phòng 10km. Các chiến sĩ cộng sản Hoàng Quốc Việt, Phạm Thị Hợi, Trần Công Thái, Nguyễn Phú Cường... đã biến phiên tòa thành nơi luận tội bọn cướp nước, tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản, giương cao cờ đỏ búa liềm. Cuộc đấu tranh này có tiếng vang lớn. Trong Báo cáo với Quốc tế Cộng sản, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nói về phiên tòa: “Khủng bố trắng không làm giảm sút tinh thần cách mạng của các chiến sĩ. Những câu trả lời của anh chị em trước tòa đã chứng tỏ điều đó mặc dù anh em không được phép nói nhiều”. Đồng chí Nguyễn Văn Linh bị chúng xử chung thân và đày đi Côn Đảo. Đồng chí cùng hàng trăm tù chính trị xuống tàu biển rời bến cảng. Tạm biệt thành phố gần bó thuờ học trò, đồng chí ngẩng cao đầu sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới và hẹn gặp lại Hải Phòng thân yêu.

Những năm ở Côn Đảo, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã trưởng thành và trở thành người Cộng sản, thành nhà cách mạng xuất sắc của Đảng. Trong thư gửi trường phổ thông trung học Ngô Quyền, ngày 30 tháng 8 năm 1990, nhân kỷ niệm 70 năm thành lập trường, đồng chí viết: “Côn Đảo, cái địa ngục trần gian ấy, đã trở thành trường học đào tạo cả về văn hóa và đặc biệt là về cách mạng cho chúng tôi”.

Cuối năm 1936, sau khi được trả tự do, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Trung ương phân công về Hải Phòng khôi phục tổ chức Đảng và phong trào đấu tranh. Trong vai một thầy giáo, với cái tên mới (Lan), đồng chí đã chấp nối với các đồng chí Nguyễn Văn Túc (Nguyễn Công Hòa), Bùi



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh về thăm đồng bào, cán bộ và chiến sĩ thành phố Hải Phòng, ngày 26-1-1987. Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

Lâm... cùng nhau xây dựng cơ sở Đảng, thành lập nhiều chi bộ và Thành ủy lâm thời Hải Phòng. Đồng chí thường ở và làm việc tại nhà bà Đặng Thị Sáu, xóm Nam, Hàng Kênh - một làng ven đô. Trong hội nghị thành lập Thành ủy Hải Phòng, tại ngõ Đá phố Cát Cụt, mặc dù được các đồng chí có mặt đề cử làm Bí thư (vì đồng chí là phái viên của Trung ương Đảng cử về), nhưng đồng chí Nguyễn Văn Linh dứt khoát đề nghị hội nghị cử đồng chí Nguyễn Văn Túc, một đảng viên công nhân làm Bí thư Thành ủy, còn mình làm nhiệm vụ thường trực Thành ủy. Đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng các đồng chí trong Thành ủy ngày đêm bám các xóm thợ, bến cảng, vào các chợ lớn, đến từng hiệu may... để vận động công nhân, tiểu thương, thanh niên học sinh, tiểu chủ... đấu tranh đòi “tự do-dân chủ, cơm áo-hòa bình”. Thời kỳ này các cuộc đấu tranh của công nhân, tiểu thương... nổ ra liên tục, kéo dài và rất được đông người tham gia. Thành ủy chỉ đạo sát sao, có phương pháp, biết chọn những nhà máy có vị trí kinh tế trọng yếu,

có đội ngũ công nhân đông đảo để phát động đấu tranh, tạo hiệu ứng dây chuyền làm nòng cốt cho phong trào chung. Thành ủy Hải Phòng đã phối hợp chặt chẽ với bộ phận hoạt động công khai của Đảng để tuyên truyền chủ nghĩa Marx-Lenin, đường lối cách mạng của Đảng và phát động quần chúng đấu tranh. Các cuộc đấu tranh của công nhân Máy Tơ, Xi Măng, Cảng, Tapi, của tiểu thương chợ Sắt... đòi lập hội ái hữu, đòi cải thiện đời sống nổ ra rầm rộ có tiếng vang trong toàn quốc. Trong thư “Mấy lời gửi các bạn trẻ Hải Phòng”, đồng chí viết: “Tôi trở về Hải Phòng tiếp tục hoạt động cách mạng, cùng nhiều đồng chí xây dựng các phong trào đấu tranh, các tổ chức cách mạng. Các chi đoàn thanh niên cộng sản, các chi bộ cộng sản góp phần đưa phong trào cách mạng Hải Phòng cùng phong trào cách mạng cả nước tiến lên làm Cách mạng tháng Tám thành công”.

Tháng 7-1938, đồng chí Nguyễn Văn Túc, Bí thư Thành ủy chuyển vùng công tác, đồng chí Nguyễn Văn Linh là người trực tiếp phụ trách Thành ủy Hải Phòng. Tháng 1-1939, một lần nữa đồng chí Nguyễn Văn Linh lại tạm biệt thành phố Cảng thân yêu để vào công tác tại Sài Gòn, đồng chí Tô Hiệu về làm Bí thư Thành ủy Hải Phòng.

Đến nay, nhiều gia đình cơ sở phố Cầu Đất, Cát Cụt, Ben-gích, Đông Khê, xóm thợ Hạ Lý, Ao Than (Lạc Viên), Hàng Kênh... vẫn còn nhớ những kỷ niệm về đồng chí Nguyễn Văn Linh trong những năm tháng hoạt động cách mạng hồi đó. Khi trở thành Tổng Bí thư Đảng, dù rất bận rộn, đồng chí Nguyễn Văn Linh vẫn dành thời gian về thăm lại những gia đình, những đồng bào đã từng nuôi giấu, che chở đồng chí. Hải Phòng không phải là nơi đồng chí Nguyễn Văn Linh sinh ra, mà là nơi đồng chí được giác ngộ về Đảng, về dân tộc và giai cấp, bước đầu dẫn thân vào sự nghiệp cách mạng vô sản. Đảng bộ và nhân dân Hải Phòng đón nhận đồng chí như người con yêu dấu của quê hương.

Chí khí tuổi 20

HUỲNH DŨNG NHÂN

*(ghi theo lời kể của ông Nguyễn Công Hòa,
bạn chiến đấu thân thiết với đồng chí Nguyễn Văn Linh
những năm 1930-1945)*

Tôi và anh Mười Cúc đã gắn bó với nhau hơn 70 năm, nhưng thời gian gần bên nhau không nhiều. Mỗi lần anh Cúc ra Hà Nội đều có đến thăm nhà tôi, cả chị Bảy và các cháu cũng có đến.

Anh Mười Cúc kém tôi 7, 8 tuổi, nhưng đối với tôi đó là một người tuyệt vời, độc đáo. Cuộc đời anh là cả một cuộc đấu tranh đầy gian khổ, từ nhỏ đấu tranh với cảnh cơ cực, mồ côi; lớn lên tham gia cách mạng từ rất sớm cho đến ngày vĩnh biệt chúng ta.

Anh Cúc học trường Bonnal lớn nhất Hải Phòng lúc bấy giờ. Tôi còn nhớ thầy giáo từng nói với học sinh trong trường là: “Cúc nghèo nhưng được bạn bè, thầy cô quý mến vì có tinh thần ham học, chan hòa với mọi người, được bầu làm lớp trưởng, tuy nhỏ tuổi hơn một số bạn”. Lúc đó tôi cũng đã chú ý đến anh Cúc, thấy anh là một người dễ có cảm tình, có uy tín, sống trong sáng, trung thực, dễ tiếp thu tinh thần cách mạng. Tôi nghĩ bụng có thể giúp anh Cúc sớm bắt liên lạc với cách mạng. Hồi đó, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh là Bí thư Thành ủy Hải Phòng, tôi là Ủy viên Ban Chấp hành. Tổ chức Đảng ở Hải Phòng lúc này tập trung phát triển trong

phong trào công nhân, vào các xí nghiệp, trường học... nên người như anh Cúc rất cần. Theo sự giới thiệu của tôi, tổ chức Đảng ở Hải Phòng rất chú ý đến anh. Trong phong trào quần chúng do Đảng phát động và lãnh đạo thời kỳ năm 1930 rất sôi động, trường Bonnal là một điểm nóng. Tổ chức Đảng chú ý trường Bonnal và bọn mật thám Pháp cũng ngày đêm rình rập trường này.

Anh Cúc tham gia xây dựng tổ thanh niên học sinh đoàn, trực thuộc Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Ngày 1-5-1930, trong khi rải truyền đơn chống đế quốc, anh Cúc và một số học sinh của trường bị bắt, bị đày ra Côn Đảo. Lẽ ra anh Cúc chỉ bị giam giữ cải tạo vì lúc đó anh chưa đủ tuổi thanh niên. Nhưng bọn mật thám Pháp lại rất sợ vai trò của anh nên chúng kết án anh Cúc tù chung thân và đày đi Côn Đảo.

Còn tôi khi ấy bị chúng đưa ra hội đồng xử 20 năm tù cấm cố ở Hà Nội, sau đó đưa về Hải Phòng, chuyển về nhà giam Sáu Kho rồi cũng đày đi Côn Đảo cùng lượt với anh Cúc.

Tôi nhớ lần ấy bọn mật thám Pháp đưa chúng tôi từ Hà Nội về Hải Phòng vào ban đêm để dân chúng không biết. Đoàn tù có cả trăm người, cả đồng chí Ngô Gia Tự, Tô Chấn... Khi tàu đến Sáu Kho đã 11 giờ đêm, chúng đưa tù xuống hầm tàu, còng chân hai người một. Tôi và anh Cúc bị còng chung. Không khí đêm đông lạnh lẽo và yên tĩnh đến rợn người. Chỉ nghe thấy tiếng nước vỗ ì oạp dưới mạn tàu, tiếng còng khô lạnh và tiếng quát tháo của bọn lính áp tải. Nhiều người tù đã là đi sau một ngày bị đày ải... Chợt mọi người vùng dậy nhìn qua khe hở mạn tàu đen đặc. Trên bờ, hàng trăm đồng bào không hiểu vì sao biết tin bọn thực dân đưa tù đi Côn Đảo đã kéo ra bến Sáu Kho đả đảo bọn giặc, động viên anh em. Chợt trong tiếng ồn ào của đám đông vang lên tiếng gọi của một em gái nhỏ. Tiếng gọi đã cố sức lắm nhưng vẫn còn run run yếu ớt giữa đêm đen:

- Anh Cúc ơi! Em nhớ anh lắm! Anh giữ sức khỏe để về với em.

Đang ngồi im lặng, bỗng anh Cúc khẽ giật mình rồi nắm tay tôi và nói nghẹn ngào: “Em gái tôi đấy!”

Cô bé cứ nhắc đi nhắc lại hai, ba lần. Lúc đó có lẽ đã 12 giờ đêm... Tiếng cô bé chừng 12, 13 tuổi giữa đêm hôm khuya khoắt kêu gào thương nhớ mong đợi anh mình về, ai nghe mà chẳng nát lòng. Bố mẹ, người chị đã

mất hết rồi, chỉ còn lại hai anh em, mà nay anh bị đi đày, em ở lại với ai? Mãi đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ tiếng kêu la của em bé hôm đó. Về sau, tôi có nhắc hỏi tin tức cô em gái thì anh buồn bã cho biết cô em đã chết rồi. Chết vì một phần thương nhớ anh, một phần vì sống trong cảnh côi cút sinh bệnh mà chết, chết trước khi anh Cúc được thả ra và được trở về Hải Phòng.

Trở lại thời gian ở Côn Đảo, tôi bị giam chung với anh Cúc nên mới thấy rõ, thấy hết những nét đáng yêu, đáng quý, đáng phục của anh Cúc. Bị giam cầm mà anh vẫn phát huy ý chí phấn đấu. Do có học hành chữ nghĩa đảng hoàng, anh được ra làm lao công trong tù và lập tức tận dụng cơ hội này để liên lạc với anh em, học tập rất chăm chỉ. Cứ rảnh tay là anh lại kiếm cái để học, để đọc, thấy vậy có người nói nửa đùa nửa thật: “Tù chung thân không có ngày về mà học làm gì? Học để ra nghĩa trang à?”. Anh Cúc vẫn cứ cặm cụi học. Ông Phạm Văn Đồng rất quý và ra sức kèm cặp anh Cúc về mọi mặt và anh Cúc đã không phụ lòng ông.

Anh Cúc và tôi ở Côn Đảo được 6 năm thì có một sự thay đổi lớn từ chính trường bên Pháp. Phong trào Mặt trận Bình dân Pháp giành thắng lợi, gây sức ép buộc thực dân Pháp ở Đông Dương phải có những thay đổi đường lối cai trị, như thả tù chính trị. Tôi và anh Cúc cùng mấy trăm đồng chí khác được đưa về đất liền, người trước người sau. Tôi về trước, anh Cúc về sau một chuyến và có nói một câu rất thấm thía đối với tôi, khi anh dìu tôi xuống tàu vì tôi đang bị đau mắt gần như mù: “Anh về trước tôi về sau, nhưng chắc chắn chúng ta sẽ gặp nhau ở Hải Phòng”. Câu nói đầy ý chí lạc quan, niềm tin tưởng sâu sắc đối với Đảng và cách mạng, về sau đã trở thành sự thật.

Thời gian ở tù Côn Đảo là một chuỗi ngày dài dằng dặc sống trong địa ngục trần gian. Nhưng cái địa ngục đó không làm nao núng tinh thần của những người cộng sản, mà trở thành một trường học lớn của cách mạng. Khi ra tù, anh Cúc chỉ mới hơn 20 tuổi, nhưng đã phát huy được bản chất của một con người cách mạng được trui rèn qua bao nhiêu thử thách khó khăn. Ra tù (1936), anh Cúc định về Hải Phòng nhưng rồi lại về Hà Nội gặp anh Trường Chinh, anh Hoàng Quốc Việt. Tôi quan tâm theo sát hoạt động của anh Cúc, người thanh niên đầy ý chí cách mạng. Đến nay có lẽ

còn nhiều người vẫn chưa biết anh Cúc đã có thời gian làm báo ở tờ “Tin Tức” của Đảng do đồng chí Trường Chinh và Hoàng Quốc Việt phụ trách.

Tại sao anh Cúc lúc ấy không về Hải Phòng ngay? Là thế này, hồi ở tù anh Cúc cũng thường tâm sự với tôi: “Hải Phòng lúc này chưa xây dựng kịp cơ sở, người em gái ruột thịt thì đã mất... Ở nhờ nhà người chú cũng khó...”. Tôi đã trải qua những năm tháng sống lang thang, nghèo khó nên rất cảm thông với anh Cúc. Phần tôi, sau khi ra tù thì bị quản thúc ở Hải Dương, một tháng ra Hải Phòng trình diện một lần. Chỉ được ít lâu, tôi không ra trình diện nữa mà đi tìm bắt liên lạc với cơ sở cũ. Tôi tập hợp nhiều đồng chí đang hoạt động âm thầm rải rác ở nhiều nơi, nhưng vẫn chưa làm cách nào để liên lạc được với Xứ ủy, với Trung ương. Đúng lúc ấy, Trung ương và Xứ ủy phái anh Cúc về Hải Phòng. Hai chúng tôi gặp lại nhau ở một địa điểm liên lạc cũ vào cuối năm 1936. Tôi đã có nghe phong phanh Trung ương sẽ cử người xuống Hải Phòng, nhưng không ngờ người đó lại là anh Cúc. Thế mới biết câu hẹn gặp lại nhau từ Côn Đảo mới hiệu nghiệm làm sao! Sau khi tay bắt mặt mừng, anh Cúc mới nói: “Tôi được Trung ương và Xứ ủy phái xuống Hải Phòng khôi phục lại các cơ sở cách mạng, xây dựng gấp Đảng bộ Hải Phòng”.

Biết tin anh Cúc trở về theo lệnh của cấp trên, mọi người đều mừng rỡ và tin tưởng tuyệt đối. Tôi nhớ hình ảnh anh Cúc, một thanh niên mảnh dẻ, cương nghị, dễ gần và có đôi mắt sáng với giọng nói đầy nhiệt huyết có sức thu hút lạ lùng. Tôi đã nghĩ về anh với những gì tốt đẹp nhất.

Có anh Cúc về, phong trào có thêm sinh khí, hoạt động khẩn trương năng nổ. Chúng tôi liên lạc được với các đồng chí Bùi Lâm, Chành, Vượng, Kiên... tất cả 9 đồng chí cốt cán. Sau đó tổ chức một cuộc họp, đa số là những người đã từng bị tù ở Côn Đảo cùng anh Cúc bầu ra Thành ủy. Tôi nhớ giây phút đó ngắn gọn, giản dị nhưng cũng rất thiêng liêng. Sau đó chúng tôi cùng nhau đặt ra chương trình hành động của Thành ủy lâm thời và khôi phục phong trào cách mạng lâm thời ở Hải Phòng, đồng thời đánh giá tình hình tương quan lực lượng địch, ta và phương hướng hành động trước mắt. Tôi nhớ cuộc họp 9 người hôm ấy nhiều ý nghĩa và cảm động lắm. Đảng ta vẫn hoạt động, phong trào cách mạng vẫn sôi sục, dân chúng một lòng theo cách mạng đấu tranh với thực dân... Còn gì mừng vui

hơn, cảm động hơn. Nay các đồng chí dự cuộc họp đầu tiên của Thành ủy lâm thời Hải Phòng đã mất hết, chỉ còn tôi...

Sau đó chúng tôi chuẩn bị cuộc họp Thành ủy lâm thời, anh Dư chủ tiệm giặt là người lo tìm địa điểm.

Chúng tôi họp và bầu được 7 đồng chí vào Thành ủy. Sau đó đến phần bầu Bí thư, phó Bí thư và Thường vụ. Ngay trong cuộc họp này có người giới thiệu: “Anh Cúc là đặc phái viên của Trung ương về thì làm Bí thư Thành ủy luôn”. Nhưng anh Cúc nói thế này: “Tôi được Trung ương phái về để tập hợp các đồng chí, và còn có nhiệm vụ đi lại liên lạc với Trung ương. Hơn nữa Thành ủy của Hải Phòng, nơi đa số là công nhân, người lãnh đạo phải là công nhân”. Anh Cúc liền giới thiệu tôi tức là Hòa nhận chức Bí thư và được các đồng chí khác nhất trí. Tôi đã chân thành nói: “Để tôi làm công nhân thì mới kiếm ra tiền nuôi các anh được. Bây giờ các anh cử tôi làm Bí thư thì làm sao làm công nhân được nữa”. Mọi người đều cười vui vẻ.

Việc đầu tiên phải làm của chúng tôi lúc đó là tìm trụ sở cho Thành ủy. Anh Cảo, con ông bà Sáu đứng ra đảm nhận việc này. Anh là công nhân làm chung với tôi nên có thể tin tưởng được. Anh về bàn với cha mẹ, ông bà Sáu tán thành và ông Sáu còn nói: “Nếu được đón Thành ủy về đây, chúng tôi sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ”.

Như vậy là chúng tôi dùng nhà của ông bà Sáu và anh Cảo làm việc, còn ở thì ở tại một gia đình gần đó. Nhà này cũng nghèo, nhưng họ sẵn sàng nhường cho chúng tôi một cái giường để nằm. Nhưng nói thật chứ có đêm nào chúng tôi ngủ được đâu. Nhiều muỗi quá. Hai anh em nằm ôm nhau mà ngủ, lấy cái quần cái áo cũ đắp lên mặt để tránh muỗi cắn vào mặt, còn nó muốn đốt vào đâu thì mặc kệ nó. Hồi ấy ăn còn chẳng đủ nữa, tiền đâu mà mua màn mua chăn? Thế mà một hôm chúng tôi về nhà thì thấy chủ nhà đã mắc sẵn một cái màn mới tinh trên chiếc giường chúng tôi ngủ. Chủ nhà nói: “Để các anh ngủ ngon mà có sức làm việc”. Chuyện đó nhỏ thôi nhưng đã làm chúng tôi cảm động, nhớ mãi.

Tôi làm Bí thư, nhưng cứ sáng ra là chui vào nhà máy Hạ Lý đến tối mịt mới về. Còn anh Cúc là Thường vụ thường trực phụ trách văn phòng. Thấy tôi bận khoản, anh nói với tôi: “Anh cứ yên tâm đi, mọi việc tôi sẽ lo

hết cho". Và đúng như vậy. Mọi việc của Đảng là anh Cúc làm hết, kể cả liên lạc với các địa phương. Không những thế, anh Cúc còn dạy học cho các cháu trong xóm, vận động tuyên truyền bà con hưởng ứng phong trào cách mạng. Bây giờ người ta gọi những công việc đó là dân vận. Địa chỉ đó là một ngôi nhà ở Hàng Kênh, bây giờ trở thành nhà lưu niệm. Bà con xóm Hàng Kênh cho chúng tôi ở nhờ, lại giúp cả cái ăn cái mặc. Chúng tôi cũng không muốn ỷ lại, phân công nhau chăn nuôi gà, lợn để có thêm thu nhập. Cuối cùng, anh Cúc đi lên Việt Trì mua được bốn con thỏ cái, một con thỏ đực về nuôi. Bà con trong xóm lại đóng chuồng giúp, rồi cắt cỏ, súp lơ, cải bắp đem đến cả rổ để cho thỏ ăn... Hồi ấy vùng này toàn trồng rau nên dễ kiếm rau thối. Thỏ được chăm sóc tốt, đẻ cả mấy chục con, dân lại đem ra chợ bán hộ.

Kể lại chuyện ấy để thấy tình của dân với cách mạng. Họ vì cách mạng mà giúp đỡ những chiến sĩ cộng sản. Cách mạng nhờ vậy mới có sức mạnh.

Với sự tin yêu và giúp đỡ của bà con trong xóm Hàng Kênh, anh Cúc đã khôi phục được các cơ sở Đảng ở nhà máy xi măng Hải Phòng, ở Sở Dầu, ở Càng... Nhưng khi vừa khôi phục được cơ sở thì bên Pháp, Mặt trận Bình dân Pháp đã không nắm được chính quyền. Cuối năm 1937 đầu năm 1938, bọn Pháp ở Đông Dương quay lại khủng bố, lùng bắt các đảng viên, phá tổ chức Đảng ở Hải Phòng. Tôi bị lộ phải rút lui vào hoạt động bí mật. Sau đó toàn bộ Ban Chấp hành Thành ủy lâm thời đều bị địch bắt. Tôi cũng bị bắt, nhưng chúng buộc tôi phải trở về Hải Dương, phát sổ quản thúc ở Than Miện (Hải Dương).

Tôi nhớ trước đó, thấy cơ sở bị lộ, để bảo đảm an toàn, anh Cúc nói với tôi: "Minh là tù chính trị, sớm muộn cũng bị lộ, bị bắt. Tôi đề nghị xây dựng thêm cơ sở mới, phát triển những anh em mới... Làm xong sẽ rời Hải Phòng vào Nam. Tôi đã xin chỉ thị của Trung ương như thế".

Để chuẩn bị cho cơ sở ở Sài Gòn, anh Cúc đã liên hệ với một người tên là Tường Dân Bảo. Trước anh này thuộc tổ chức Quốc Dân đảng. Bị tù ở Côn Đảo anh giác ngộ và ngả theo Đảng Cộng sản, bị cánh Quốc Dân đảng trả thù bằng cách cửa cổ, anh em tù cộng sản cứu được. Từ đó anh về Hải Phòng hoạt động cho ta. Anh Cúc đã bàn với anh em đưa anh Bảo vào Sài Gòn gây cơ sở, nhưng tiền đâu mà đưa anh Bảo đi? Anh em liền

đến bàn với ông Nguyễn Sơn Hà, chủ một tiệm sơn giàu có. Họ liền giúp tiền để đi đường và còn giới thiệu cho ở nhờ trong một cửa hàng bán sơn ở Sài Gòn do cô em gái của ông ấy làm chủ. Ít lâu sau hai người này nảy sinh tình cảm và lấy nhau. Hai năm sau (1939), anh Cúc vào Nam, công tác ở Đảng bộ Sài Gòn. Đến cuối năm 1939, anh Cúc được phân công trở ra tham gia lập lại Xứ ủy Trung kỳ. Đầu năm 1941, anh bị địch bắt ở Vinh và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai.

Năm 1945, ta khởi nghĩa cướp chính quyền. Anh em tù Côn Đảo nổi dậy phá ngục giành tự do. Lúc đó Xứ ủy Nam bộ tổ chức các đoàn tàu ra đón, trong số người đi đón có anh Tường Dân Bảo. Máy chiếc tàu vừa đưa anh em về đất liền thì sau đó, đêm 22 rạng ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp nổ súng ở Sài Gòn. May mắn, mọi người đều đã được giải thoát khỏi Côn Đảo, trong đó có nhiều đồng chí sau này là lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta.

Anh Cúc cũng được về đất liền trong những chuyến tàu ấy, và sau này khi vui chuyện, anh em vẫn bảo nhau rằng đó là lần thứ hai chết hụt...

Sau những năm tháng đó, đồng chí Mười Cúc và tôi mỗi người một nhiệm vụ, mỗi người một nơi, nhưng vẫn liên lạc qua thư từ và tin tức của bạn bè, đồng chí.

Anh Mười Cúc là một người rất liêm khiết, có nhiều đức tính tốt. Làm việc gì, anh cũng phải kiểm tra, tổng kết. Cuộc đời của anh Cúc cũng là một cuộc tổng kết của một người chiến sĩ cách mạng. Đó là một người Tổng Bí thư Đảng rất xứng đáng của chúng ta.

Ánh mắt người tù

NGUYỄN THANH HÀ⁽¹⁾

“Kìa xa xa... nơi Côn Đảo, ở sóng nước muôn trùng...

Hồi đàn cò trắng bay qua... a... ngang trời

Về phương nao... ở ờ... Hồi chim ta nhẩn cùng...”

Mỗi lần bài hát trên ngân nga trong đầu, tôi bỗng thấy bùng dậy những ký ức xa xưa thời trai trẻ, cũng là thời kỳ thử thách gian nan trong ngục tù Côn Đảo.

Lúc bấy giờ, số đông chúng tôi đều ở lứa tuổi từ 20 đến 25. Cũng có một số anh lớn tuổi bị đày ra đây khá lâu rồi.

Anh Mười Cúc bị địch bắt ở Vinh năm 1941. Anh ra Côn Đảo lần đó là lần thứ hai.

Sau này địch còn tiếp tục đưa thêm nhiều đảng viên Cộng sản và quần chúng cảm tình Đảng ra đảo. Anh em là dân thợ dân thầy, học sinh, trí thức ở Sài Gòn cũng như nhiều thành phố địa phương khác. Đồng nhất là nông dân ở hầu khắp các tỉnh Nam bộ đã bị bắt trước, trong và sau cuộc khởi nghĩa Nam kỳ. Anh em đã sống sót sau bao nhiêu trận đòn tra khảo khốc liệt tại sở lính kín và nhiều nhà giam khác trên đất liền hoặc trên những xà lan bị kín neo ở biển khơi.

1 Nguyên Bí thư Khu ủy Khu 8 thời kỳ kháng chiến chống Pháp, nguyên Vụ trưởng Vụ các nước xã hội chủ nghĩa, nguyên Đại sứ ở Tiệp Khắc, Hungary, Mali, Rumani, Cuba thời kỳ chống Mỹ.

Các đồng chí vào tù trước được mọi người rất kính nể do dạn dày kinh nghiệm đấu tranh, do ý chí kiên cường bất khuất và biết tổ chức cuộc sống trong tù nhằm nâng cao phẩm chất cách mạng, rèn luyện thân thể để khi ra tù tiếp tục hoạt động.

Anh em mới ra đảo mỗi người được phát một chiếc chiếu, một bộ quần áo vải thô nhuộm chàm. Vải dày mo, may sơ sài qua loa, nên mới cảm lên đã thấy rớt ra từng mảnh. Muốn mặc được chúng tôi phải cắt may lại cho đường may được chắc và hợp với khổ người mình.

Trong hoàn cảnh nghiệt ngã ấy người tù không một thứ dụng cụ gì sao có thể cắt may được. Nhưng nhờ các anh em tù chỉ vẽ, thời gian sau chúng tôi cũng tạo được kim chỉ, dao cắt, nút áo làm bằng những vật liệu nhặt được bên ngoài, như mảnh gáo dừa cắt nhỏ, những cây đinh được mài trên nền xi măng thật bén nhọn và những lon thiếc cắt mài thành dao. Vậy là sau một tháng chúng tôi đã có được bộ quần áo “đàng hoàng”.

Còn Đảo bốn bề sóng nước cách xa đất liền hàng trăm cây số. Mọi liên lạc với gia đình, người thân đều bị cắt đứt, chúng tôi chỉ biết nương tựa vào nhau, giúp nhau cùng vượt khó khăn. Chẳng những dần dần chúng tôi thích nghi với hoàn cảnh mà còn làm chủ cuộc sống, rèn luyện ý chí, giữ vững niềm tin ở ngày tất thắng.

Kẻ thù vô cùng hiểm độc, chúng muốn giết dần giết mòn chúng tôi bằng cách bắt làm lao động khổ sai hay giam cầm cổ trong các xà lim tối tăm bẩn thỉu.

Tới bữa cơm chúng lừa chúng tôi ra hàng ba. Thằng cai ngục đứng chặn ngang cửa dùng roi mây quất trót trót lên đầu lên lưng chúng tôi, máu tuôn xối xả. Mỗi ca cơm là một bùm máu. Chúng tôi thường phải ăn cơm trộn máu. Ngày nào cũng như ngày nào, vẫn ca cơm lẫn đầy thóc sạn với mấy lát cá khô ký ninh⁽¹⁾.

Một hôm sau bữa ăn, chúng tôi xếp hàng đi vào khám. Tôi đi gần anh Mười Cúc. Không hiểu sao tên gác-dan⁽²⁾ Tây quất anh mấy roi gân bò làm anh té quỵ. Không một chút sợ hãi, anh Mười quay ngoắt lại nhìn trừng trừng tên này. Trong ánh mắt anh như có tia máu.

1 Khô đã mục đắng như thuốc quinin.

2 F. gardien: người canh gác.

Tôi không bao giờ quên được nét mặt đầy căm hờn và đôi mắt rực lửa của anh. Anh Mười là một trong những tấm gương bất khuất đầy bản lĩnh khi đối mặt với quân thù.

Một lần khác rơi vào trường hợp anh Soái, một đồng chí rất trẻ. Khi đang “múa phượng hoàng”⁽¹⁾ chẳng may cục san hô giấu trong đít anh rơi ra (anh em dùng san hô thay cho phấn viết), thế là thằng gác-dan Tây quát anh túi bụi. Anh té lăn ra sàn xi măng. Thằng Tây vừa quát vừa hét lớn: “qu'ils crèvent ou que ca marche” (cho chúng mày chết hoặc là công việc chạy).

Hành động độc ác của bọn cai ngục Tây chỉ gây thêm căm thù chứ không hề làm cho người tù cộng sản khiếp sợ.

Khi cánh cửa phòng giam đóng sầm lại, bên trong là thế giới riêng của chúng tôi. Ở góc này là một lớp học văn hay toán, góc kia là lớp triết học hay kinh tế chính trị học. Tôi thì đang truyền đạt lại cho mấy anh em trẻ mới ra đảo bài học “Cách mạng Đông Dương” nhờ thụ giáo với đồng chí Trần Văn Giàu lúc ở khám lớn Sài Gòn. Anh Mười Cúc thì đang nhấm lại tập truyện thơ Kim Vân Kiều của thi hào Nguyễn Du do một anh mới ra đảo giấu đem vào khám. Ở chính giữa phòng giam nhiều anh em bu quanh anh Ba Duẩn vĩnh tai nghe anh phân tích: “Mặc dù quân Hitler vây hãm Leningrad, chiếm gần hết Stalingrad, nhưng nhất định chúng sẽ thảm bại. Vì chủ nghĩa phát xít tàn ác là phi nghĩa, chúng đại diện cho thế lực tài phiệt đang suy tàn. Liên Xô nhất định thắng vì có chính nghĩa và đại diện cho lực lượng đang tiến lên. Chủ nghĩa Cộng sản là mùa xuân của nhân loại...”

Anh Ba Duẩn nói hăng đến nỗi cả phòng giam đều hướng về phía anh và vỗ tay hoan hô nồng nhiệt mặc dầu vẫn biết chắc rằng sau đó sẽ phải chịu một trận đòn bằng roi mây.

Mỗi tối trước khi ngủ anh Mười Cúc thường hô hào anh em ca hát hoặc kể chuyện vui. Có anh kể chuyện tiểu lâm rất hay làm cho mọi người cười muốn bể bụng. Có anh còn kể cả câu chuyện trong quyển tiểu thuyết “những người khốn khổ” của đại văn hào Pháp Victor Hugo. Đặc biệt anh Nhuận, thợ nấu ăn có biệt tài kể chuyện chế biến các món ăn của ba miền Nam Trung Bắc khiến anh em có cảm giác như mình đang thưởng thức các món ăn đó vậy.

1 Một cách khám xét tù nhân bằng cách lột đồ ra khám xét, dùng gậy thọc vào những chỗ kín.



"Múa phương hoàng" trong tù. Nguồn: Internet.

Trong số anh em tham gia văn nghệ có anh Thi người tỉnh Trà Vinh ca cải lương rất mùi. Mỗi lần anh ca bài Phụng cầu hoàng (kể về chuyện tình giữa Tư Mã Tương Như với Trác Văn Quân) phòng giam im phăng phắc lắng nghe tưởng chừng nghe thấy cả tiếng vo ve của đàn muỗi. Còn đồng chí Ba Cò là thợ máy ở đề-pô Dĩ An (Biên Hòa) đàn cò rất giỏi. Anh thường đàn miện hòa theo giọng ca của anh Thi.

Có thể nói thể xác chúng tôi bị giam cầm trong ngục tối nhưng tâm hồn chúng tôi kẻ thù làm sao có thể giam hãm được!

Những năm tháng bị đày ở nhà lao Côn Đảo, chúng tôi được học rất nhiều: học văn hóa, học lý luận chính trị, học ngoại ngữ, học về phẩm chất và khí tiết của người cộng sản. Và chúng tôi đã trưởng thành trong trường học vĩ đại này.

Sống gần anh Mười Cúc trong thời gian khá dài, tôi và nhiều đồng chí khác rất quý mến và khâm phục anh. Những lúc tâm sự với nhau, chúng tôi thường nghe anh Mười Cúc kể về miền quê Hưng Yên tuy nghèo nhưng rất đổi thân thương đối với anh; kể về những ngày sống đầm ấm nhưng

ngắn ngủi bên cha mẹ; kể về anh em bạn bè thuở cắp sách đến trường; kể về mái trường Ngô Quyền, cái nôi nuôi dưỡng và giác ngộ anh theo con đường cứu nước; kể về bến cảng Hải Phòng với những người phu khuân vác tối ngày bán lưng cho trời bán mặt cho đất, lao động nhọc nhằn mà cơm không đủ no áo không đủ ấm. Bấy giờ đứng vào đội ngũ đấu tranh do Đảng lãnh đạo, anh Mười Cúc càng thấy bức xúc phải đòi lại sự công bằng, phải giành lại tự do cơm áo cho đồng bào mình.

Nhớ có lần khám chúng tôi được cho ra ngoài lao động, anh em vui thích lắm. Nhưng tôi thấy anh Mười dăm chiêu nhìn về hướng nghĩa địa Hàng Dương với ánh mắt thật triu mến. Chắc anh đang tưởng nhớ đến các đồng chí anh em đã ngã xuống nơi mũi Cá Mập này. Anh nhìn hàng phi lao dài tít tắp bao quanh nghĩa địa đang uốn mình trong gió sớm, rồi phóng tầm mắt ra biển cả sóng đang cuộn trào. Đôi mắt ưu tư của anh đã truyền cho tôi nỗi cảm xúc dạt dào, tôi thì thấm trong sự đồng cảm của anh: “Gió ơi, cây ơi hãy ca mãi bài ca bất tận ru giấc ngủ ngàn thu của đồng chí anh em ta nhé!”.

Sau một phút im lặng, anh Mười như chợt tỉnh, quay lại nói với tôi: “Đất nước mình nơi nào cũng đẹp. Anh thấy không hàng phi lao kia cũng có hồn đấy. Nhìn bầu trời cao rộng, nhìn mặt biển bao la tôi cảm thấy yêu hơn lúc nào hết non sông gấm vóc Việt Nam chúng mình”. Rồi anh dang rộng hai cánh tay hít căng lồng ngực bầu không khí trong lành, nói tiếp: “Nhất định sẽ có ngày đất nước mình giải phóng, dân tộc mình sẽ thoát ách nô lệ lầm than, và hòn đảo này nơi địa ngục trần gian rồi cũng sẽ phát triển thành vùng đất giàu đẹp không kém những nơi khác”.

Anh Mười Cúc ơi! Lời anh nói năm nào giờ đây đã thành hiện thực. Hơn 20 năm nay, kể từ ngày miền Nam được giải phóng, đất nước được thống nhất, anh và tôi mỗi người có nhiệm vụ và cương vị khác nhau, nhưng chúng ta có chung niềm tự hào là đã hiến dâng trọn vẹn cuộc đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập tự do của Tổ quốc, đã bao năm trường chiến đấu không ngơi nghỉ để có được thắng lợi to lớn ngày hôm nay.

Học ở trong tù, học trong cuộc sống

NGUYỄN KIM CƯƠNG ⁽¹⁾

“Hồi ức về đồng chí Nguyễn Văn Linh”

Bài đăng báo Tuổi Trẻ, 1985

Năm 1931, tôi gặp chú⁽²⁾ Mười ở Côn Đảo - Để lao 2. Tôi bị nhốt chung với chú Mười ở Khám 2, có khoảng 70 người, trong đó có chú Đồng, chú Duẩn, chú Giáp, v.v... Lúc đó chú Mười là người trẻ nhất, cỡ 16 tuổi. Bộ mặt thư sinh, hiền hậu, ít nói, nghe nhiều, đặc biệt chú Mười rất ham học, việc gì cũng muốn biết, nên mọi người đều “cung”. Khi các bạn lớn tuổi kể chuyện thì chú không bỏ sót một câu nào: chuyện đời, chuyện xã hội, chuyện về Bác Nguyễn Ái Quốc, chuyện Cách mạng tháng 10, chuyện về Marx và Lenin.

Chú Đồng là người chăm lo để có sách báo từ Sài Gòn, nhờ chuyển qua tàu tiếp tế định kỳ ra Côn Đảo. Sách trong Khám 2 toàn viết bằng tiếng Pháp. Báo hằng ngày ở Sài Gòn ra đến đây đã chậm mất cả tuần có khi cả tháng, cũng bằng tiếng Pháp.

1 Là một chiến sĩ cách mạng lão thành, nguyên là Phó giám đốc trường Đảng cao cấp Trường Chinh thời kháng chiến chống Pháp, nguyên là Thứ trưởng Phủ Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng chí đã từng ở tù chung thân với các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Linh. Trong tù, đồng chí là người giúp đỡ đồng chí Nguyễn Văn Linh (lúc đó mới 16 tuổi), học văn hóa và học chính trị.

2 Cách gọi người nhỏ tuổi hơn mình theo kiểu miền Bắc.

Chú Mười lúc vào tù, văn hóa mới cỡ lớp sáu ngày nay, những bài học ở nhà trường cũ, từ toán lý, hóa đến văn, sử, địa đều học bằng tiếng Pháp. Chú Mười đọc được báo nhưng chưa đủ vốn từ để đọc các thứ sách. Chú Mười ra sức học tập chăm chỉ, lúc nào cũng có quyển sách hoặc tờ báo cũ cầm tay để nghiền ngẫm. Mặt lúc nào cũng đăm chiêu, miệng mấp máy ôn bài ôn chữ một mình.

Văn hóa cũng học thêm, chữ nào không biết, câu nào chưa thông thì thường hay nín tôi để hỏi. Giải thích cho chú Mười một chữ nhưng chú Mười hỏi cả bài, bắt buộc tôi phải kể kỹ, nói dài, hóa ra tôi cũng được ôn lại kiến thức của tôi.

Trong Khám 2, chú Đồng tổ chức ra các nhóm học, ai biết nhiều thì phát biểu ý kiến, ai biết ít thì nghe, có khi tranh luận ồn ào sôi nổi, những ý kiến rộng và đúng như của chú Đồng thì anh em thích thú nhấm lại, những ý kiến ngớ ngẩn thì ngắt lại cười chơi. Ở tù rồi rãi ngồi không, nhưng không phải ai cũng ham học như chú Mười và chú Ba Duẩn. Có thể nói chú Ba và chú Mười là hai người chăm học nhất, kiến thức cách mạng được tích lũy nhiều nhất. Năm sau lại có thêm chú Nguyễn Văn Cừ ra, chú cũng là một gương chịu khó học tập, chịu khó nhớ. Cả một bản luận cương mới của Đảng, chú Cừ học thuộc lòng viết lại cho tất cả anh em đọc và học. Chú Mười cũng mài miết say sưa nghiền cứu. Lúc này chú đã 18 tuổi. Tôi đoán chú Mười cũng học thuộc lòng luận cương của Đảng từ hồi đó để nghiền ngẫm, lúc nào bộ mặt chú Mười cũng đăm chiêu suy nghĩ.

Từ năm 1932, chúng tôi tổ chức diễn kịch. Lúc đầu diễn trong khám không cho Tây ta biết. Những vở kịch này do nhiều người biên soạn theo thể dân ca, cải lương và kịch nói để giúp anh em có thêm kiến thức chính trị và giải trí cho đỡ buồn nản. Nhưng khi ra sân chơi chung, tất cả 12 khám cỡ nghìn rưỡi người, anh em yêu cầu diễn ngoài hàng hiên cho mọi người cùng xem với.

Bàn mãi mới nảy ra một kế: Lúc đầu hãy diễn những vở kịch vui mà Tây cũng biết, tức của nhà hài kịch Molière, gác ngục xem cũng thấy hay mà không hiểu hết mới yêu cầu chúng tôi diễn cả bằng tiếng Pháp. Quần áo, trang trí, phong màn không có gì phức tạp thêm, chỉ cần phải chọn những người nói tiếng Pháp tốt.

Thế là diễn vở đầu “Trường giả học làm sang”. Tôi sắm vai bà Jourdain, chú Mười sắm vai Élise, con gái của Jourdain; tôi chịu trách nhiệm luyện giọng cho anh em, đặc biệt luyện giọng cho chú Mười - lúc này, chú Mười tiếng Pháp đã khá. Đối với chú Mười, nhà hóa trang Đình Nhu không phải quá vất vả như đối với người khác. chú Mười người mảnh dẻ cao cao, chân mày đã dày lại đen, lông nheo cũng dài khỏi phải tính chấp dán lông nheo thêm. Mặt trái xoan, lại có miệng chúm chím như gái kiêu hãnh, tiếng nói luyện cũng nhanh. Trong vai Élise - con gái cưng nhà trường giả, cũng như năm sau, trong vai Hortense con riêng của nữ hoàng Joséphène, vợ của Napoléon, chú Mười đóng rất đạt, nhưng mà đó cũng là “tai vạ”. “Élise”, “Hortense” cũng như bà “Jourdain” ngày ngày đến giờ trực ở cổng để lao là có vài ba chú người Corse⁽¹⁾, có vẻ quê mùa vào khám hay đến chỗ chúng tôi đứng chơi để đi tìm hỏi cô đầm “nâu” và bà Joséphène để tán phét, ngắm nghĩa cầu thân. Chú Mười hễ gặp mấy “tướng” đó là lùi một hơi xuống nhà bếp trốn sau đồng cùi, để mặc bà Jourdain xử sự.

Cũng có kết quả bất ngờ từ những buổi diễn Molière thứ nhất và từ sau diễn Napoléon của Saint George de Bouhelier, trong đó tôi đóng vai chính. Sau khi Napoléon qua đời ở Saint Hélène trên sân khấu thì một số gác-dan người Corse xem đứng dậy giơ tay lên thái dương đứng nghiêm chào vĩnh biệt. Từ đó tất cả Tây tà, kể cả chủ ngục đều có thái độ đối hằn với tù nhân Để lao 2. Trước kia chúng nó thường chửi là quân xúc lúa bắt heo thì nay chúng nó coi như là trí thức cả.

Từ 1933, chú Mười đã đọc thông thạo tiếng Pháp. Những quyển đầu tiên chú đọc một mình được, hỏi thêm chút ít thôi là: *A.B.C chủ nghĩa Cộng sản*; *Mười ngày chấn động hoàn cầu*. Dần dần sau là *Chủ nghĩa xã hội không tưởng* và *Chủ nghĩa xã hội khoa học* của Engels; *Tuyên ngôn Cộng sản* của Marx và Engels. *Triết học biện chứng* của Polizer và Boukharine; *Kinh tế chính trị học phổ cập* của Segal của Lapidus Ostrovitianov - (Trích lược *Bộ Tư bản* của Marx), *Những vấn đề của chủ nghĩa Lenin của Stalin...* Còn bao nhiêu sách nữa như *Bộ Tư bản*, *Bộ Chủ nghĩa Lenin toàn tập*.

1 Là một hòn đảo của Pháp tại Địa Trung Hải. Hoàng đế Napoléon Bonaparte của Pháp được sinh ra tại đảo Corse.

Tôi không dám nói hết những sách kinh điển mà chú Mười đã đọc lúc đó và sau này. Nhưng chú Mười có đức tính là khiêm tốn, không giấu dốt, cái gì chưa hiểu rõ là trao đổi với anh em đồng chí.

Tôi còn nhớ, bài học đầu tiên chú Mười học về triết học duy vật biện chứng: Vạn vật đều luôn luôn vận động, biến đổi từ những nhân tố trái ngược nhau trong bản thân sự vật. Không có cái gì tĩnh tại một chỗ mà tất cả đương vận động, biến đổi thành một cái khác.

Hiểu được qui luật vận động của chung thì con người có thể tác động, thúc đẩy quá trình vận động của chúng... Còn bài học thứ hai chú Mười học được từ Côn Đảo là bài học về *học thuyết giá trị thặng dư*.

Trước khi chủ nghĩa Marx ra đời, các nhà kinh tế học tư sản cũng đã hiểu được rằng lao động là cội nguồn của giá trị. Nhưng cho đến lúc Marx chỉ ra thặng dư giá trị là phần giá trị làm ra bởi lao động không được trả công của người công nhân bị nhà tư bản tước đoạt thì mọi việc mới sáng tỏ. Nguồn tích lũy tư bản khổng lồ của giai cấp công nhân bị chúng bóc lột. Và nguồn gốc của áp bức bất công xã hội cũng từ ở chỗ này mà ra.

Những bài học cơ bản đầu tiên ấy, có lẽ đã theo chú Mười suốt đời...

Viết báo vào những ngày đầu kháng chiến

ANH NGỌC

*(viết theo lời kể của đồng chí Nguyễn Văn Linh
lúc làm Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ đầu tiên)*

Đầu năm 1941, tôi bị địch bắt lần thứ hai, xử năm năm tù và đày ra Côn Đảo...

Tháng 8-1945, cách mạng thành công, các đồng chí bị bắt, bị tù ở Côn Đảo lần lượt được tàu đón về đất liền. Khi tôi về đến thành phố thì cũng vừa lúc nổ ra cuộc Nam bộ kháng chiến.

Tình hình bấy giờ rất căng thẳng. Sau nhiều ngày chiến đấu ác liệt bám giữ từng góc phố, lực lượng vũ trang kháng chiến mới rút ra khỏi thành phố, phát động vườn không nhà trống. Đồng bào đồng bào hưởng ứng bỏ thành phố tản cư về nông thôn.

Vài tháng sau địch bắt đầu đánh lấn ra ngoại thành. Phần lớn đồng bào phải hồi cư trở lại thành phố, rồi lại phải tìm cách làm ăn sinh sống. Nhiều người phải đi làm trở lại trong các nhà máy, xưởng thợ, trường học, công sở của địch, hoặc phải mua bán giao dịch với giặc. Hầu hết rất buồn bực vì vừa mới đây đã chọn con đường cách mạng, không cộng tác với giặc, rồi bỏ thành phố đi kháng chiến, nay vì hoàn cảnh phải trở về lại thành phố sinh sống, ít nhiều quan hệ với giặc. Đồng bào mặc cảm vì đã không vẹn

Ngày thứ năm và chủ nhật - Thứ tư, ngân phiếu gửi cho anh PHẠM-YÂN-KHOA, Hà Nội

kháng chiến là rất quý. Những người có sức khỏe thì đi bộ đội, vào các chi đội 6, Chi đội 12, các chi đội Bình Xuyên, các chi đội của Công đoàn. Còn những người không có sức khỏe, những người lớn tuổi, có vợ con không theo kháng chiến lâu dài được phải về trở lại nội thành là dĩ nhiên. Và về thành thì phải làm ăn sinh sống, phải đi làm việc trở lại. Đó là hoàn cảnh, như thế không phải là không yêu nước, phản bội Tổ quốc. Đồng bào cứ đi làm ăn, buôn bán, học hành, sinh sống miễn là tấm lòng không theo đế quốc, không công nhận chính phủ Nam kỳ quốc của Nguyễn Văn Thỉnh⁽¹⁾, coi chúng như là tội tở của đế quốc Pháp và nên bí mật vào các hội cứu quốc.

Những điều đó đáp ứng đúng tâm trạng của đồng bào thành phố, mọi người hiểu ra vui mừng, thấy mặt trận và Cụ Hồ hiểu và thông cảm hoàn cảnh của mình, lại chỉ vẽ con đường cứu nước, nên đã hăng hái tham gia các tổ chức cứu quốc như Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Công nhân cứu quốc, Học sinh cứu quốc, có cả Công chức cứu quốc...

Hai tờ báo *Cảm Tử* và *Chống xâm lăng* cũng được đồng bào thành phố chuyển nhau đọc và tổ chức đọc rất đều đặn hàng ngày. Có những chị buôn bán làm nhiệm vụ chuyển báo, báo đặt dưới đáy thùng, trên để rau trái, đi từ phố này qua phố khác để phân phát.

Lúc đó địch tổ chức hành chính theo cấp thành rồi xuống các hộ (như quận hiện nay). Hệ thống tổ chức của ta cũng theo từng hộ và theo ngành, dưới cơ sở là các tổ cứu quốc. Các tổ cứu quốc sinh hoạt rất đều, tuần nào cũng sinh hoạt, lấy nội dung hai tờ báo để phân tích tình hình, âm mưu của địch và tìm ra những hình thức kháng chiến thích hợp với từng giới. Thí dụ, công nhân thì đình công hoặc phá hoại máy móc, phụ nữ thì bãi thị, học sinh thì bãi khóa, bác sĩ, dược sĩ thì quyên góp thuốc men dụng cụ y tế... Ngoài việc trao đổi, phân tích tình hình, các tổ cứu quốc còn tổ chức lạc quyên tiền, thuốc, giấy mực, vải vóc gửi ra khu ủng hộ kháng chiến.

Phong trào bắt đầu nổ ra liên tục. Học sinh thường xuyên có những cuộc bãi khóa toàn trường, nhiều trường và bãi khóa toàn thành. Công

1 Nguyễn Văn Thỉnh (1888-1946) là thủ tướng lâm thời của chính phủ Nam kỳ quốc do thực dân Pháp lập ra vào ngày 26 tháng 3 năm 1946. Ngày 10 tháng 11 năm 1946, sau khi nhận thấy mình đã bị thực dân Pháp lừa và lợi dụng, ông đã tự tử bằng cách thắt cổ, trên bàn viết gần đó có quyển sách thuốc còn mở ra ở trang nói về "Thất cố" (Pendaision).

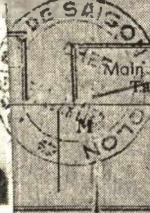
Gouvernement Provisoire de la République de Cochinchine
CHÁNH-PHỦ CỘNG-HÒA NAM-KỲ LÂM-THỜI

Région de Saigon-Cholon
19/10/1946 ĐỊA PHƯƠNG SAIGON-CHOLON

Laissez-Passer tenant lieu de pièce d'identité provisoire
Giấy Thông Hành thay vì giấy căn cước tạm

Valable jusqu'à nouvel ordre

Nom et Prénoms *Le Van Linh*
Tên và Họ
Surnoms et pseudonyms
Tục danh và danh-từ
Né le 1916 à Saigon ville
Sinh ngày 10 tại Tổng
Huyen ou Phu de Province de Saigon
Huyen hay Phủ Tỉnh
Fils de *Yam Sam* do *Sam Sam*
Con của
Profession *l'achron*
Nghe Nghiệp
Domicile *21 Boulevard Paul Bert*
Chỗ ở
Vu caste d'imp. Saigon-Cholon, le 28 Janvier 1947
Le Chef du 5^e Quartier
Leu

 
VO-VAN-SUU

Giấy thông hành thay vì giấy căn cước tạm của đồng chí Nguyễn Văn Linh.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

nhân thì đình công đòi bớt giờ làm việc, đòi tăng lương. Phụ nữ thì bãi thị chống đánh thuế cao. Những cuộc đấu tranh đó một mặt vừa bảo vệ được quyền lợi đồng bào mặt khác vừa mang tính chất chính trị làm rối loạn hang ổ kẻ thù.

Lâu lâu Mặt trận Việt Minh ra lời kêu gọi thì 80-90% đồng bào thành phố đồng loạt không ra đường, khi thì một giờ, khi thì hai giờ để biểu thị phản đối giặc Pháp.

Học sinh lúc đó rất ghét cảnh sát, lúc đó còn gọi là mã tà, thỉnh thoảng tìm cách vây đánh bọn chúng. Dẫn dắt trong công nhân và học sinh sinh

viên, thanh niên đã lập ra 10 Ban công tác, bắt đầu có những hoạt động vũ trang như ám sát giặc Pháp, đánh cảnh sát, ném lựu đạn vào các công sở hành chính quân sự.

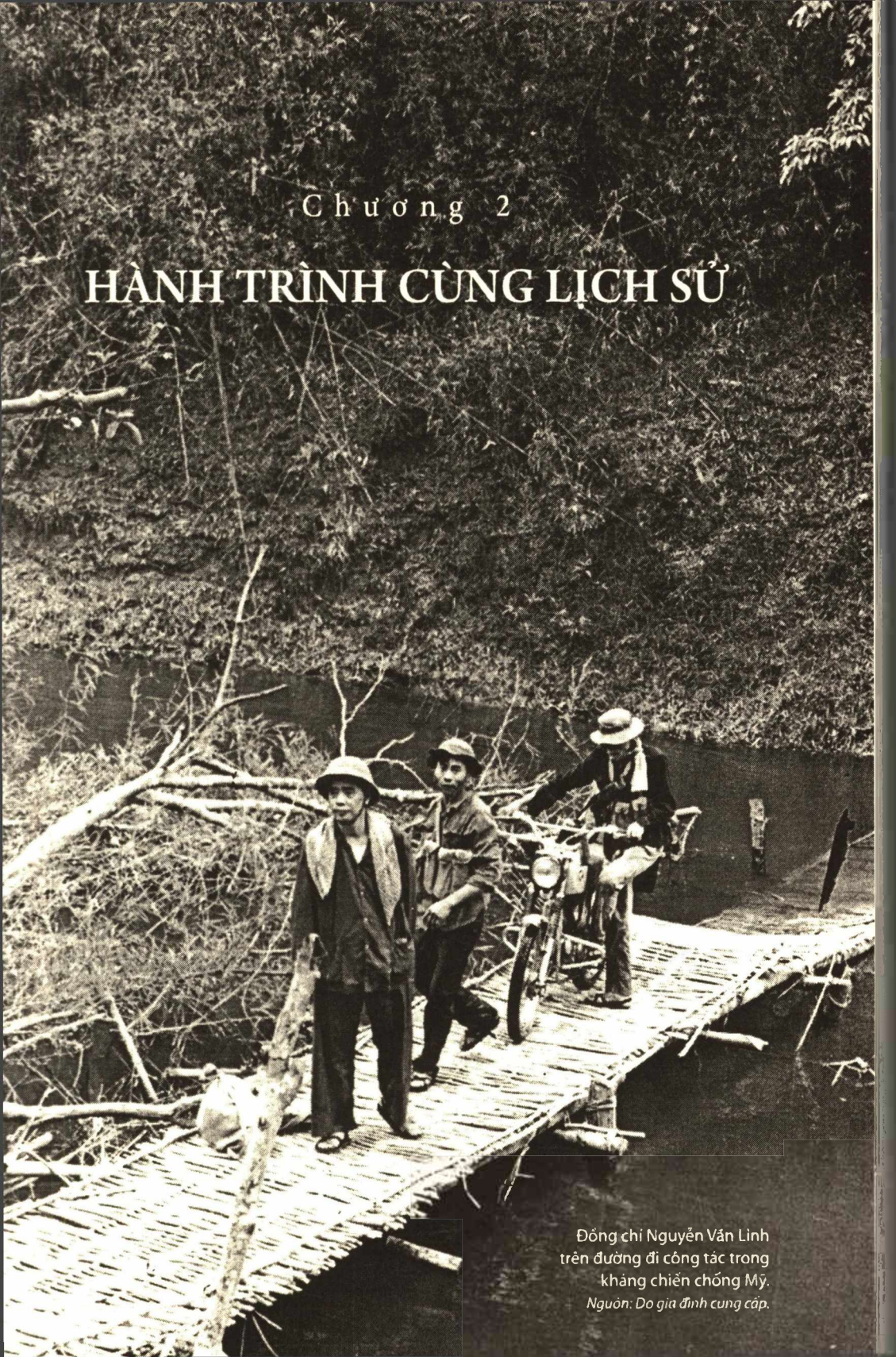
Năm 1946, tôi nhận nhiệm vụ Bí thư Thành ủy. Đến năm 1947, đồng chí Lê Duẩn, lúc đó là Bí thư Xứ ủy về thành chủ trì hội nghị, bầu lại Thành ủy. Tôi tiếp tục làm Bí thư Thành ủy. Thành ủy lúc đó có bảy đồng chí. Hội nghị đã thảo luận về đường lối vận động và tổ chức các tầng lớp nhân dân đô thị tham gia kháng chiến. Đấu tranh đô thị không chỉ có đấu tranh chính trị mà phải có những hoạt động vũ trang và tổ chức vũ trang thích hợp. Đấu tranh chính trị phải căn cứ vào quyền lợi của từng giới một để đấu tranh.

Tổ chức Đảng được củng cố, dù lúc đó thành phố chỉ có 50, 60 đảng viên (không kể tỉnh Gia Định) nhưng phong trào vẫn sôi nổi là nhờ hoạt động của các đoàn thể cứu quốc và nhờ các tờ báo truyền đạt các chủ trương của Đảng.

Tờ báo lúc đó, đã thay cho cán bộ đảng viên đến với quần chúng, nói chuyện và giáo dục quần chúng.

Chương 2

HÀNH TRÌNH CÙNG LỊCH SỬ



Đồng chí Nguyễn Văn Linh
trên đường đi công tác trong
kháng chiến chống Mỹ.
Nguồn: Do gia đình cung cấp.

Tình nghĩa giữa anh Mười Cúc và tôi trong những năm kháng chiến

VÕ VĂN KIỆT⁽¹⁾

Trước khi biết anh Mười Cúc (tức đồng chí Nguyễn Văn Linh), tôi biết nhiều về gia đình chị Bảy Huệ - vợ anh. Đối với bà cụ thân sinh và các anh chị trong gia đình chị Bảy, tôi được coi như người thân thuộc. Sau khi cuộc khởi nghĩa Nam kỳ bị thất bại, mối quan hệ giữa gia đình chị Bảy và tôi như tình nghĩa ruột rà. Đối với tôi, chị Bảy vừa là người có tuổi, vừa là đảng viên thuộc lớp lãnh đạo khi tôi mới vào Đảng.

Mãi cho đến bây giờ, chị Bảy vẫn coi tôi như em, các cháu con chị và anh Mười vẫn gọi tôi bằng cậu. Các con tôi cũng vậy, chúng rất yêu quý chị Bảy và gọi chị là “Bảy” (ở trong Nam, cách gọi này đồng nghĩa với tiếng “Mẹ”).

Gia đình anh Mười và gia đình tôi còn có chung một nỗi đau, một mất mát không thể nào bù đắp được. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, đứa con trai đầu lòng yêu quý của tôi hy sinh ngoài mặt trận. Đây chính là đứa con mà chị Bảy đã chăm sóc, dạy dỗ ở miền Bắc như con mình. Cháu Linh - con trai út của anh Mười và chị Bảy, sau ngày miền Nam giải phóng, đã đột ngột qua đời ở lứa tuổi còn rất trẻ, giữa lúc cả hai

1 Ông Võ Văn Kiệt (1922-2008): Nguyên Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, nguyên nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Thủ tướng chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

anh chị đều đang trên đường đi công tác ở nước ngoài. Ở nhà, tôi cùng các cháu đã lo chu toàn mọi việc cho cháu Linh như lo cho con đẻ của mình.

Trước thời kỳ tiền khởi nghĩa, tôi chưa có dịp gặp anh Mười, vì anh đã bị chính quyền thuộc địa của bọn thực dân Pháp bắt và bị lưu đày nhiều năm tại nhà tù Côn Đảo. Những tháng năm kháng chiến chống Pháp, tôi chỉ biết anh nhưng chưa có cơ hội làm việc trực tiếp. Lần đầu tiên, lúc anh đến thị trấn Long Mỹ (thuộc tỉnh Rạch Giá lúc bấy giờ) trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, trước khi mặt trận Long Mỹ bị thất thủ. Lần thứ hai, tôi biết anh trong hội nghị Xứ ủy Nam bộ mở rộng ở chiến khu Đồng Tháp Mười vào khoảng giữa năm 1947. Hội nghị này có sự hiện diện của Phái đoàn Trung ương Đảng và Chính phủ từ chiến khu Việt Bắc mới vào, do đồng chí Lê Đức Thọ - Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng - dẫn đầu. Lần thứ ba, tôi thấy anh tại vùng Chắc Bông (thuộc huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang ngày nay), sau khi Hiệp định đình chiến ở Đông Dương được ký kết tại Genève. Anh đến Chắc Bông để làm việc với Xứ ủy, đồng thời thăm gia đình bên chị Bảy đang ở đây.

Tôi còn nhớ, cách đây 47 năm, vào khoảng cuối năm 1956 - lúc tôi đang là Xứ ủy viên kiêm Phó Bí thư Liên tỉnh ủy Hậu Giang, tôi được Thường vụ Xứ ủy gọi lên làm việc ở Sài Gòn để nghe báo cáo tình hình vùng nông thôn Tây Nam bộ và những thông tin về tình hình Sài Gòn. Thay mặt cho Thường vụ Xứ ủy, anh Mười và anh Lê Toàn Thư trực tiếp làm việc với tôi.

Sau khi làm việc xong, vì hiểu rõ tôi chưa biết Sài Gòn, nên anh Mười đã giao nhiệm vụ cho đồng chí chuyên trách về công tác giao liên của văn phòng Xứ ủy chở tôi bằng xe honda đưa đi tham quan thành phố. Sau khi xuống bến Bạch Đằng, đến ngã tư Hàng Xanh về đường Phan Thanh Giản rồi chạy dọc theo một số trục đường lớn ở trung tâm thành phố.

Lúc trở về nơi làm việc, anh Mười liền hỏi tôi: “Chú mày thích ăn món gì ở cái xứ Sài Gòn này?”. Tôi thoáng nghĩ rồi trả lời ngay: “Có món gì đặc biệt, anh cho ăn thử”. Anh cười, vui vẻ nói: “Có nhiều món đặc biệt đấy, nhưng biết chú mày thích món nào?”. Tôi nghĩ bụng: Mình sinh ra, lớn lên rồi đi hoạt động cách mạng chủ yếu ở vùng nông thôn, đồng bằng, các món cá, lươn, tôm, cua, thịt heo... thường được ăn, riêng thịt bò thì ít khi có, tôi nói với anh Mười: “Anh cho ăn thịt bò thử coi”. Anh bảo ngay:

“Được, vậy thì bữa nay bọn này sẽ thết chú mày món đặc sản của đồng bào miền Bắc - món bê thui chấm tương gừng”. Đó là lần đầu tiên tôi được ăn món thịt bò non thui, còn tươi rói, chấm với nước tương gừng dậy mùi hấp dẫn ở phố thợ mộc, nơi ngụ cư của một số bà con người miền Bắc, nằm trên đại lộ Trần Hưng Đạo. Được thưởng thức món ngon, anh Lê Toàn Thư và tôi ngói nhăm nháp, “lai rai bia bọt” bàn tán chuyện đời và cả hai đều ngà ngà trong hương vị ngọt của thịt bê, thật là một ngày khó quên.

Đó là lần đầu tiên tôi trực tiếp làm việc và tiếp xúc với anh Mười. Bước sang đầu năm 1957, tôi được gặp lại anh trong cuộc Hội nghị Xứ ủy mở rộng tại thành phố Nam Vang (Phnom Penh), do anh Ba Lê Duẩn chủ trì để thảo luận về bản dự thảo “Đề cương cách mạng miền Nam” đã được soạn thảo xong. Tại cuộc Hội nghị này, còn giải quyết một vấn đề quan trọng về việc bố trí nhân sự trong Ban Thường vụ Xứ ủy và chuyển đổi vị trí công tác của một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt trên chiến trường. Trước hết, anh Mười được quyết định phụ trách Bí thư Xứ ủy thay cho anh Ba ra thủ đô Hà Nội nhận nhiệm vụ công tác mới. Anh Phan Đức - Bí thư Liên tỉnh ủy miền Đông, lúc đầu được dự kiến bố trí thay anh Mười làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Còn tôi, sẽ được điều động lên miền Đông để thay anh Phan Đức. Thế nhưng cuối cùng, tôi được quyết định giữ lại để thay anh Mười phụ trách Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn.

Nhận nhiệm vụ mới, trước mắt tôi đặt ra không ít khó khăn. Bởi vì trải qua quá trình công tác lâu dài ở thời kỳ tiền khởi nghĩa cũng như trong kháng chiến chống Pháp, tôi quen với địa bàn công tác ở nông thôn, chưa được tiếp cận với môi trường hoạt động đô thị, nhất là Sài Gòn. Hai là, trải qua các đợt khủng bố tàn bạo của kẻ thù khoảng từ đầu năm 1956 đến năm 1957, bộ máy tổ chức của Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn đã bị bể bạc nghiêm trọng.

Thông cảm với tình hình đó, anh Mười đã tranh thủ thời gian để thường xuyên bàn bạc công việc và trao đổi kinh nghiệm công tác với tôi. Nhờ sự hỗ trợ tích cực của anh Mười, tôi đã dần dần móc ráp được với số cán bộ cốt cán còn lại (như anh Huỳnh Tấn Phát, anh Mười Thanh, chị Yên - vợ anh Trần Bửu Kiếm, chị Bồi Hoàn, v.v.) để tái xây dựng lại hệ thống tổ chức của Đảng bộ thành phố. Có thể nói gần như tôi là người đã “thọ giáo” ở anh về công tác hoạt động đô thị. Chính từ thời gian này, mối quan hệ giữa anh Mười và tôi đã ngày càng được thắt chặt hơn.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh và đồng chí Võ Văn Kiệt. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

Đến cuối năm 1959, Xứ ủy quyết định chuyển cơ quan về vùng “đất thánh” ở Tây Ninh. Cơ quan Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn (sau là Sài Gòn - Gia Định) lúc bấy giờ cũng tạm đóng xung quanh khu rừng Bờ Lối, Lộc Thuận thuộc huyện Trảng Bàng, và vùng Củ Chi thuộc Gia Định. Đường từ chỗ chúng tôi về “R” cũng không xa lắm (đi xe đạp đường rừng lối một ngày). Do vậy, tôi thường về làm việc với Thường vụ Trung ương Cục. Sau Hiệp định Paris, tôi được Trung ương điều về từ chiến trường T.3 (Tây Nam bộ) tham gia điều hành công tác chỉ đạo của Ban Thường vụ Trung ương Cục. Do đó, tôi và anh Mười lại có dịp thường xuyên trao đổi công việc, nhất là việc chuẩn bị tiếp quản thành phố Sài Gòn.

Điểm tương đồng trước hết giữa anh Mười và tôi là sự dễ dàng nhất trí với nhau trong việc nhận thức, đánh giá tình hình. Do vậy, tôi thường gặp anh để trao đổi ý kiến - kể cả những việc còn chưa đạt được sự nhất trí hoàn toàn trong nội bộ Trung ương Cục. Một điểm trùng hợp nữa trong công việc giữa anh Mười và tôi là không thích nghe báo cáo chung chung, không cụ thể; càng không thích báo cáo tình hình theo kiểu tô hồng hiện thực.

Anh Mười và tôi còn gặp nhau trong hoạt động để thư giãn đầu óc sau những giờ làm việc căng thẳng - đó là thú vui chụp ảnh và chơi bài túlôkhơ. Anh Mười thích chụp ảnh và chụp khá nhiều ảnh. Lắm khi, anh trực tiếp vào “buồng tối” để tự tay in tráng phim và rửa ảnh cùng với bác sĩ Quang (đi với anh như bạn đồng nghiệp làm ảnh).

Nhân nhắc tới chuyện chơi bài túlôkhơ để giải trí, khiến tôi sức nhớ đến cái biệt danh “Mười Le” mà anh em đã thân mật gán cho anh. Nhớ lại lúc ở “R”, vì anh vốn có cặp chân mày rậm, gặp những khi có chuyện vui, nói cười thì lông mày giương cao lên, còn lúc có điều không ưng ý thì lông mày sụp xuống. Đặc biệt là, những lúc cùng nhau ngồi đánh bài túlôkhơ, nếu đoán được ý định của ai đó muốn gỡ trò “chơi ăn gian” thì anh cự dũ lăm và chân mày đột nhiên sụp xuống giống như bụi le.

Sau khi miền Nam giải phóng, và đất nước thống nhất, anh Mười và tôi lại cùng gánh vác nhiệm vụ mới tại TP. Hồ Chí Minh. Sau Đại hội lần thứ IV của Đảng (1976), anh Mười chia tay chúng tôi ra Trung ương để đảm nhận trọng trách mới. Như vậy là lần thứ hai, tôi lại được thay anh Mười làm Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh. Rồi tới Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI, với cương vị Tổng Bí thư, anh Mười đã ra tay leo lái đất nước ta thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội sâu sắc, trong nhiệm kỳ đổi mới. Còn tôi, trong những năm tháng đó, cùng chung lưng với các thành viên trong Chính phủ vượt quá khả năng mình, lao vào công việc, ra sức vừa làm vừa học, cũng may là đúng vào thời điểm đất nước đang bắt đầu vận hội mới.

Anh Mười là một chiến sĩ cộng sản kiên định, là nhà lãnh đạo tâm cỡ của Đảng ta, anh đã cống hiến cả cuộc đời mình cho dân tộc, cho đất nước. Đối với lứa tuổi như tôi, anh thuộc lớp người đi trước và đáng như bậc thầy.

Mới đây, nhân dịp tổ chức kỷ niệm năm thứ 62 cuộc khởi nghĩa Nam kỳ (23.11.1940 - 23.11.2002) tại quê hương tôi ở huyện Vũng Liêm thuộc tỉnh Vĩnh Long, chị Bảy Huệ - vợ anh Mười - và tôi cùng về dự với đồng chí, đồng bào thân thuộc. Hai chị em chúng tôi bồi hồi nhắc lại những kỷ niệm sâu sắc cách đây hơn 60 năm, bao kỷ niệm bi hùng. Một điều riêng tư hai chị em cảm nhận thấy rất hài lòng trước mối quan hệ gắn bó giữa hai gia đình là con cháu của chúng tôi cư xử với nhau như tình nghĩa ruột rà.

“Lấy súng mà đánh giặc, con ơi!”

HỒNG NHỰT

*(ghi theo lời kể của ông Châu Quốc Tuấn (Ba Kiểng),
Nguyên Chánh văn phòng Trung ương Cục thời kháng chiến chống Mỹ)*

Gần hai mươi năm làm việc ở Văn phòng Xứ ủy Nam bộ, rồi Trung ương Cục miền Nam⁽¹⁾ (1957-1976) tôi có dịp sống và làm việc cạnh đồng chí Nguyễn Văn Linh, chúng tôi gọi một cách thân thương là anh Út. Có nhiều điều hiểu biết về anh Út mà bây giờ nhắc lại tôi vẫn thấy rất gần gũi, ấm áp như người anh ruột thịt của mình, bên cạnh hình ảnh về người lãnh đạo mẫu mực.

Có thể nói, với tầm cỡ một người lãnh tụ như anh Út, trước bao sóng gió của cuộc đấu tranh cách mạng cũng như những thử thách với riêng mình, anh luôn là tấm gương sáng về sự đúng đắn trong chiến lược, nhạy bén linh hoạt trong phương pháp và cũng rất nghiêm túc trong chấp hành nguyên tắc Đảng. Đặc biệt trong công tác vận động quần chúng, anh đã nổi lên là một cán bộ dân vận xuất sắc.

Tôi xin kể một vài sự kiện tôi được biết về anh như sau:

Năm 1957-1959, sau khi đồng chí Lê Duẩn ra Bắc, đồng chí Phạm Hữu Lầu bệnh nhiều, anh Út giữ vai trò chính ở Xứ ủy Nam bộ - Có thể nói trong thời gian này, mỗi lần nhận báo cáo từ các nơi khác gửi về đều là

1 Mặt danh là R - chữ đầu của Région (miền).



Từ trái qua phải: đồng chí Châu Quốc Tuấn, đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Võ Văn Kiệt.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

những tin đồn thất, nhiều đồng chí bị bắt, nhiều cơ sở bị bể bạc, cái tin đau đớn nhất là vụ thảm sát Phú Lợi.

Nhưng rồi cũng có những báo cáo, nhất là từ Y 1,2,3 (miền Đông, miền Trung và Tây Nam bộ) và những câu chuyện do cán bộ đi công tác về báo cáo lại làm anh Út cười thích thú và cũng suy nghĩ lung lắm.

- Như câu chuyện một bà má ở An Giang dắt đứa con trai út lặn lội vào trong kiểm cán bộ ta làm anh em phải trốn tránh hết hơi. Khi gặp má nói rằng: “Tao có 3 thằng con trai, một đứa hy sinh hồi 9 năm, một thằng đang ngồi tù ngoài Côn Đảo, còn thằng út đây tao giao cho bọn bây - Lấy súng mà đánh giặc, đừng có nói miệng với nó nữa, nó giết hết đó, con ơi”.

- Một chị nữ cán bộ, sau nhiều lần bị địch truy lùng, phải đổi vùng hoạt động nhiều lần. Khi nhận được lệnh gọi đi học tập nghị quyết, chị nói một câu xanh rờn: “Đi học đánh giặc thì đi, còn đi học năn nỉ thì thôi, không đi nữa”. (Ý nói hình thức đấu tranh chính trị).

- Và rất nhiều vụ, quần chúng bị truy bức rượt bắt lính, lừa vô khu trừ mật. Túng thế, anh em dùng đất cục ném lại, địch tưởng bị lựu đạn nằm rạp xuống, anh em chạy thoát, hoặc có nhóm đang gặt lúa, tức quá lấy lưỡi hái chém bọn chúng rồi tháo chạy vào rừng sống bất hợp pháp - gọi là cái túi bất hợp pháp, nhiều nơi họ tự động kiếm súng, cướp súng của tề nguỵ để tự vệ.

Qua nhiều lần đi công tác về báo cáo trực tiếp, cộng với đọc báo cáo từ các nơi gửi về - anh Ủt chủ trì hội nghị Xứ ủy - anh kết luận ba vấn đề chính:

Một là, lòng dân thực sự mong muốn dùng vũ trang đánh địch chứ không phải ý muốn chủ quan của cán bộ. (Bởi vì lúc đó cũng có ý kiến cho rằng vì cán bộ ngán ngại tuyên truyền vận động đấu tranh chính trị hợp pháp nên đòi đấu tranh vũ trang, lập chiến khu). Dù ta cố lèo lái dùng hình thức đấu tranh đòi hòa bình thống nhất đất nước nhưng vì bức xúc quần chúng cũng tự phá rào.

Hai là, địch càng khủng bố đàn áp dồn dân vào ấp chiến lược, khu trừ mật, càng diễu võ giương oai chúng càng bị quần chúng căm ghét, ý thức chống lại chúng càng cao thì chúng càng rơi vào thế suy yếu, thất bại về chính trị nặng nề hơn - Ta cần nhận ra điều đó để giúp quần chúng giữ vững lòng tin, sáng tạo nhiều hình thức đấu tranh chống địch.

Ba là, đối với lòng dân, nhất là nông dân ở vùng được chính quyền kháng chiến cấp đất, cần hướng dẫn cho bà con dùng lý lẽ hợp pháp đấu tranh chống chủ trương của địch cướp đất của nông dân cấp cho tề nguỵ hoặc đưa đồng bào miền Bắc di cư vào chiếm gây mâu thuẫn trong nội bộ nông dân.

Tôi còn nhớ lúc đó nhiều nơi như ở Tây Ninh, có khu dinh điền Bàu Cò, khu di cư Cao Xá, ở Kiên Giang có khu di cư Cái Sắn địch đưa hàng mấy vạn đồng bào di cư đến đó và bảo làm khế ước nhận đất. Đồng bào đã được cán bộ ta hướng dẫn chống lại, với cái lý là làm như thế chẳng khác nào là bắt chúng tôi suốt đời làm mướn như phu cao su ngày trước. Hơn nữa, đồng bào di cư cũng không muốn đụng chạm đến quyền lợi ruộng đất của nông dân địa phương.

Xứ ủy một mặt phản ánh tình hình đấu tranh của quần chúng, một mặt xin ý kiến của Trung ương và chờ đợi một chủ trương chiến lược mới.

Sự kiện thứ hai tôi cho là rất đáng nhớ là khoảng đầu năm 1959, lúc đó chưa có văn bản nghị quyết 15 của Trung ương - Rải rác nhiều nơi ở Nam bộ quần chúng đã tự động nổi dậy đấu tranh có kết hợp vũ trang - ban đêm, số thanh niên nòng cốt nổi lên diệt ác ôn, ban ngày quần chúng kéo vào đồn đòi đảm bảo an ninh và đòi trở về ruộng vườn cũ làm ăn. Anh Út đã chỉ đạo văn phòng Xứ ủy kịp thời tổng kết những kinh nghiệm phong phú đó của các địa phương - nên khi Trung ương có nghị quyết 15, ta đã có tích lũy một số kinh nghiệm để xây dựng kế hoạch chỉ đạo ra diện rộng.

Phải kể đến Bến Tre là địa phương vận dụng rất sáng tạo - làm được cuộc Đồng Khởi thắng lợi vang dội mà vẫn giữ được thể hợp pháp của quần chúng. Địch diên tiết vì thua đau, vì bị dân đánh mà không đánh lại dân được. Dân làm "cái gọi là" hình thức tản cư ngược - nghĩa là cứ sau đêm diệt ác phá kềm, sáng lại biết rằng địch sẽ đưa lực lượng bảo an hay chủ lực đi càn, nên thay vì chạy cho xa địch, quần chúng lại bồng bế gánh nhau chạy sát vào đồn bót dinh thự của địch, viện lý sự quốc gia đánh Việt cộng trúng nhằm dân nên chạy về gần quốc gia là yên nhất.

Trước lập luận như thế của quần chúng, địch vô cùng lúng túng không biết đối phó ra sao nên đổ thừa là tại cấp trên tất cả.

Anh Út còn chủ trì bàn bạc để có những chủ trương rất quan trọng mang tính chiến lược khác; lúc đó gọi là các bừa pháp cách mạng. Đó là vấn đề Đảng lãnh đạo mặt trận đoàn kết dân tộc, vấn đề lực lượng vũ trang và vấn đề căn cứ địa cách mạng.

Về xây dựng Đảng, có đồng chí cán bộ nói phải quan tâm đến vấn đề "Đảng viên bốn tốt". Anh Út bảo rằng "Mấy tốt là tùy tình hình cụ thể nhưng cái tốt thứ nhất ở miền Nam hiện nay là phải bám dân và phá ấp chiến lược của địch - bởi vì thằng địch đang tìm mọi cách chia rẽ dân với Đảng - Thứ nhì là phải bám địch mà đấu tranh cho có hiệu quả".

Vấn đề đặc biệt lúc đó là việc tổ chức cơ sở Đảng ở các vùng địch tập trung dân vào ấp chiến lược, khu trù mật, vùng ven... Anh Út chủ trương những nơi ấy có thể có hai chi bộ: một chi bộ mật hoạt động trong lòng địch thực hiện ba bám (bám dân để củng cố niềm tin, hướng dẫn dân đấu tranh chống địch, bám đất cùng với dân sản xuất tự túc, xây dựng lom chính trị và bám địch để nắm tình hình, khai thác mâu thuẫn địch làm



Đổng chí Nguyễn Văn Linh tại Đại hội Đại biểu Quốc Dân thành lập chính phủ
Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

binh vận và phục vụ chiến đấu...). Một chi bộ hoạt động bất hợp pháp có
lực lượng vũ trang tự vệ tạo thế cho chi bộ mật.

Đối với bộ máy tệ ngụy, ta có thể xây dựng tế hai mặt, hoặc cài người tốt
vào để không đàn áp dân và có thể giúp dân việc này việc khác đấu tranh
về dân sinh dân chủ.

Để chuẩn bị cho sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam
Việt Nam, anh Út chủ trì cho anh em bàn rất kỹ. Nào là chọn màu sắc, hình
thức của lá cờ, nào là chọn nhân sự tiêu biểu, nào là nội dung bản cương
lĩnh, bản tuyên bố, địa điểm, thời điểm làm lễ ra mắt...

Sau khi cân nhắc kỹ anh Út quyết định tìm luật sư Nguyễn Hữu Thọ cử
làm Chủ tịch Mặt trận vì ông Thọ là một nhân vật lịch sử, một trí thức tiêu
biểu, có quá trình chống Pháp và Mỹ. Ông là người lãnh đạo cuộc biểu
tình của nhân dân Sài Gòn đuổi tàu chiến Mỹ vào cảng Sài Gòn ngày 19-3
-1950. Anh Út trực tiếp viết thư cho khu ủy khu V nhờ phối hợp hỗ trợ

giải thoát cho luật sư Nguyễn Hữu Thọ (Lúc này đang bị đày tại Phú Yên).

Tôi còn nhớ rõ chính anh Út đã chỉ đạo lên kế hoạch cụ thể giải thoát luật sư Nguyễn Hữu Thọ và chuẩn bị các điều kiện để khi luật sư về đến căn cứ Trung ương Cục là tiến hành đại hội bầu Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Đại hội sau đó đã bầu đoàn Chủ tịch do luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch, bác sĩ Phùng Văn Cung làm phó Chủ tịch và nhiều vị nhân sĩ tiêu biểu khác.

Mặt trận được triển khai tổ chức đến cấp tỉnh và huyện; còn ở cấp xã thông thường là hình thức chính quyền tự quản hay gọi là mặt trận đều phải do yêu cầu, do tình hình của từng nơi. Điều quan trọng là đừng làm cho dân bị đẩy vào thế bất hợp pháp, khó ứng phó với địch.

Đối với đồng bào bị dồn vào các khu trù mật, áp chiến lược cũng cần có cách tháo gỡ tâm tư cho bà con - Vì địch kềm kẹp rất gắt, bà con cần đi lại làm ăn phải xin phép, phải có giấy tờ. Anh Út đã chỉ đạo cần quan tâm đến hoàn cảnh này của dân, loại giấy tờ nào cần thì dân cứ việc xin giấy phép của bọn tể ngụy giữ thế hợp pháp, đồng thời đấu tranh đòi nói lòng kềm kẹp cho dân dễ dàng làm ăn, một mặt tìm cách xé rào đi đến phá toàn bộ, tên tể nào ác ôn thì diệt đúng người đúng tội.

Về căn cứ cách mạng, để chuẩn bị thành lập Trung ương Cục, tháng 4-1961, văn phòng Xứ ủy chuyển về chiến khu Đ (Căn cứ Mã Đà). Vì nếu tính về khoảng cách thì ở chiến khu Đ là trung tâm từ khu V vào, từ miền Tây Nam bộ lên, từ Tây Nguyên và các tỉnh khác của Nam bộ và cực Nam Trung bộ, đều gần hơn so với vùng bắc Tây Ninh. Nhưng ở chiến khu Đ chỉ khoảng 6 tháng mà tình hình sức khỏe của anh em sụt hẳn vì sốt rét ác tính, vì rừng thiêng nước độc, vì đường tiếp tế lương thực khó khăn, hơn nữa thông tin liên lạc đi và về cũng cách trở chậm trễ.

Sau hội nghị thành lập Trung ương Cục tháng 10-1961, với nhiệm vụ Bí thư Trung ương Cục, anh Út lại đưa vấn đề chọn điểm đứng chân của Văn phòng Trung ương Cục và các ban xung quanh Trung ương Cục ra bàn bạc. Có rất nhiều ý kiến khác nhau, mọi người tranh luận rất sôi nổi. Cuối cùng, Trung ương Cục quyết định dời cơ quan trở về bắc Tây Ninh. Ban an toàn khu được thành lập để đi trước chuẩn bị mọi mặt cho căn cứ Trung ương Cục ở bắc Tây Ninh.

Có thể nói quá trình bàn bạc các bừa pháp cách mạng tôi kể ở trên là quá trình phát huy dân chủ nội bộ rất cao. Trong vai trò người chủ trì các cuộc hội nghị, anh Út luôn luôn khơi gợi để anh em mạnh dạn phát biểu ý kiến. Nhiều khi ý kiến tranh cãi kịch liệt, có lúc phùng xè với nhau, thậm chí có ý kiến ngược lại với ý kiến của anh Út, nhưng tôi thấy anh bình tĩnh lắng nghe, suy gẫm cân nhắc rất kỹ, sau đó mới giải quyết từng vấn đề cụ thể có lý có tình, nên mọi người lại thoải mái với nhau, và các trận cười giòn tan quanh bàn tu-lơ-khơ, hoặc đông đưa trên vòng quanh câu chuyện tiếu lâm của anh hai Già nối tiếp nhau không dứt.

Một sự kiện tôi cho là có tầm chiến lược quyết định là khoảng đầu năm 1970, sau hai đợt tấn công bất ngờ của ta đánh vào các đô thị miền Nam tết Mậu Thân và cũng là sau khi Lonol lật đổ Sihanouk⁽¹⁾, anh Út, lúc đó là phó Bí thư Trung ương Cục đã nêu hai vấn đề lớn:

Một là, ta cần chuyển hướng chỉ đạo chiến lược. Hồi Mậu Thân, ta tập trung đánh vào đô thị với ý đồ đánh tan tinh thần hiếu chiến xâm lược của Mỹ, nhưng về quân sự ta chưa đủ sức diệt gọn chúng, lực lượng quân sự của địch đang trội hơn ta. Cả quân Mỹ và quân các nước chư hầu có đến 600.000. Ta tấn công được đợt một là nhờ yếu tố bất ngờ, nay yếu tố đó đã hết, địch đã tỉnh hồn nếu ta cứ tiếp tục tấn công kiểu đó thì rất bất lợi.

Tôi còn nhớ câu nói của anh Út: “Bây giờ thằng địch tự thấy tương quan nó hơn mình chứ không phải nó hoang mang vì thấy nguy cơ tới nơi như hồi đợt 1 Mậu Thân đâu. Nếu bây giờ mình để nó tỉnh lại nó đánh vào nông thôn thì mình gặp khó khăn hơn, cho nên mình phải chủ động vừa đứng vững ở nông thôn, vừa khôi phục lại các lực lượng Đảng kể cả quân sự địa phương, quân du kích ở các vùng đô thị”.

Tôi cũng muốn nhắc lại rằng lúc đó địch cũng đã có chủ trương “Bình định cấp tốc” rồi và nó làm rất quyết liệt. Nếu ta không thủ ở nông thôn cho vững đồng thời khôi phục lực lượng ở đô thị đã bị địch đánh bể bạc nhiều sau mấy đợt Mậu Thân thì không thể nào đủ sức làm nhiệm vụ nổi dậy tổng khởi nghĩa trong chiến dịch Hồ Chí Minh.

Ý kiến trên của anh Út được các khu ủy và các địa phương đồng tình và triển khai thực hiện tích cực. Chủ trương này cho thấy rõ hai tác dụng lớn:

1 Norodom Sihanouk: (1922-2012) là cựu Quốc vương, Thái thượng vương của Vương quốc Campuchia.



Từ trái qua phải (ngồi): Đồng chí Châu Quốc Tuấn, đồng chí Hồng Nhựt, đồng chí Ngô Thị Huệ, đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Nguyễn Chơn Trung, đồng chí Đỗ Ngọc Trinh.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

+ Quân địa phương của ta đã được khôi phục kịp thời nên khi vào chiến dịch Hồ Chí Minh đã hợp đồng tác chiến rất hiệu quả hỗ trợ đồng bào nổi dậy giành chính quyền.

+ Đại quân ở miền Bắc vào đông hơn bất cứ lúc nào, thực hiện quả đấm chiến lược đã làm chuyển tương quan lực lượng ta trội hơn hẳn địch cộng với lực lượng vũ trang và chính trị tại chỗ thực hiện tổng tiến công thần tốc, giải quyết chiến trường nhanh gọn.

Hai là: Đối với Campuchia - anh Út nêu vấn đề phối hợp với lực lượng cách mạng Campuchia.

Sau khi Sihanouk bị Lonol lật đổ, nhân dân Campuchia rất phản uất mong muốn khôi phục lại vị trí của Sihanouk. Lúc đó anh Út cùng với bộ chỉ huy miền chỉ đạo một loạt các trận đánh có sự phối hợp với lực lượng cách mạng của bạn. Chỉ trong vòng mười ngày ta đã giúp giải phóng được 6,7 thị xã của bạn (từ Stung Treng đến Kompongcham). Phải nói đó là cú bất ngờ lớn đối với Mỹ nguy ở miền Nam vì nó tưởng rằng dựng được

chính quyền Lonol là có thể phối hợp với Lonol tiêu diệt căn cứ đầu não Trung ương Cục, khống chế đường mòn Hồ Chí Minh. Không ngờ chúng đánh hút rồi mất trớn té đau còn bị mất thêm đến 6,7 tỉnh vùng giáp biên giới Việt Nam - Campuchia.

Tôi được biết đồng chí Nguyễn Văn Linh, anh Út từ những ngày đầu kháng Pháp, anh vừa là Bí thư Thành ủy Sài Gòn vừa có chân trong Xứ ủy Nam bộ. Nhưng tôi có dịp gần gũi và hiểu anh nhiều nhất là từ thời gian tôi làm Phó văn phòng rồi Chánh văn phòng Xứ ủy Nam bộ và Văn phòng Trung ương Cục. Ngoài những phẩm chất cao đẹp và phong cách mẫu mực của người lãnh đạo thể hiện qua những sự kiện tôi đã kể trên, tôi đặc biệt quý mến anh bởi hai điểm cá tính:

- Có thể nói cuộc đời cách mạng của anh Út phần lớn gắn với Nam bộ đặc biệt là với Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh. Anh Út am hiểu tâm lý tình cảm, lối sống của người dân Nam bộ và hòa nhập như chính anh là người miền Nam mặc dù anh gốc ở Hưng Yên. Anh yêu quý cá tính bộc trực, ngang ngang mà tốt bụng của đám lính trẻ người miền Nam và anh cũng thích ăn mắm như người miền Nam.

- Anh hay tìm hiểu, hay hỏi, hay nghe, nhất là những đối tượng cần nghe, anh nghe cả những ý kiến ngược lại và anh hỏi lại cặn kẽ. Đôi khi bị anh hỏi dồn, anh em lúng túng, nhưng họ dám nói hết sự thật với anh. Nhiều lúc tôi nghĩ, chúng tôi là cán bộ chuyên nghiên cứu, hay tìm tòi mà chúng tôi chưa tìm hiểu được như anh. Có lẽ nhờ vậy mà trước những bước ngoặt của lịch sử, anh phát hiện vấn đề khá sớm, đề xuất được những chủ trương đúng đắn kịp thời - đó vừa là cá tính vừa là bản lĩnh đặc sắc của anh.

- Còn những vấn đề thuộc về nội bộ, đâu có đơn giản - nhất là sau này, có số chuyện nhỏ thôi, anh em không thật bằng lòng về một số ý kiến phát biểu của anh, tôi cho là điều dễ hiểu, vì đâu có ai suốt đời không có thiếu sót, hoặc nhất thời không tự kiểm chế được - tôi tin rằng anh em cũng hiểu và thông cảm được. Nhưng những điều còn lại mãi mãi trong chúng ta, đó là người lãnh tụ, người anh cả hết mực yêu dân, yêu nước, thâm tình với đồng chí, bạn bè. Anh đã ra đi trong niềm tiếc thương vô hạn của mọi người.

Thực tiễn ác liệt và những bước đi “hai chân, ba mũi”

PHẠM VĂN XÔ

Tình hình miền Nam sau Hiệp định Genève rất căng. Nhiều đồng chí bị địch bắt nên khi đó đồng chí Nguyễn Văn Linh đề nghị đưa đồng chí Lê Duẩn đi và dời cơ quan Xứ ủy vì không thể nằm ở thành phố Sài Gòn được nữa.

Trong hai năm đầu, xu hướng chủ yếu là đấu tranh hòa bình đòi thi hành Hiệp định Genève. Đến tháng 4 năm 1956, Xứ ủy Nam bộ chủ trương đấu tranh chống khủng bố đàn áp vì Mỹ Diệm đánh phá mạnh cơ sở cách mạng. Sau khi dẹp các lực lượng giáo phái rồi thì địch quay lại công khai tuyên bố “Lấp sông Bến Hải”; “Tiến công miền Bắc”. Ngay trong nội bộ nó cũng thanh trừng quyết liệt, nêu khẩu hiệu: “Chống Việt Cộng nằm vùng”, “Chống bọn ăn cơm quốc gia thờ ma Cộng sản”.

Địch hành quân từng sư đoàn đàn áp khủng bố nhân dân ta rất khốc liệt. Cho nên có lúc dân chúng nghi ngờ chủ trương đấu tranh hòa bình đòi thi hành Hiệp định Genève. Vì thế Xứ ủy tổ chức một cuộc họp do đồng chí Nguyễn Văn Linh lúc ấy là quyền Bí thư Xứ ủy Nam bộ (đồng chí Lê Duẩn ra Bắc), chủ trì. Cuộc họp bàn cãi rất dữ, nhiều ý kiến nêu ra. Có ý kiến hỏi: “Miền Nam với miền Bắc là hai hay một?”. Hội nghị đều cho là hai, bởi vì miền Bắc đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, miền Nam còn phải



Đồng chí Nguyễn Văn Linh (bên trái) và đồng chí Phan Văn Đăng, nguyên Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, tại căn cứ Trung ương Cục "R". Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

đấu tranh, không phải là miền Nam đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân rồi. Có đồng chí phát biểu: "Tình hình miền Nam bây giờ như là tình hình trước Cách mạng tháng Tám, cần phải lập căn cứ. Muốn chống địch thì phải lập căn cứ. Căn cứ chính trị có vũ trang tự vệ, tức là có tổ chức quần chúng cách mạng, không để một thằng gián điệp nào lọt vào được hết, quần chúng làm chủ tình hình". Đại thể là như thế.

Trước tình hình đó, năm 1958, tôi⁽¹⁾ và anh Hai Văn (Phan Văn Đăng)⁽²⁾

1 Ông Phạm Văn Xô (1910-2005) là một trong 13 người tham dự Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Macao năm 1935 và được bầu làm ủy viên Trung ương chính thức. Nguyên ủy viên Thường vụ Trung ương Cục miền Nam. Năm 2004, ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao Vàng.

2 Ông Phan Văn Đăng (1918-1997) nguyên Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, là một trong hai Xứ ủy viên của Xứ ủy Nam bộ, tham dự Hội nghị Trung ương 15 năm 1959 tại Hà Nội (người kia là Phạm Văn Xô), Phó Chủ tịch Quốc hội Việt Nam khóa VI.

được cử ra miền Bắc để xin ý kiến Trung ương. Đến tháng 2-1959 ăn tết rồi thì Trung ương họp hội nghị lần thứ 15, bàn bạc rất kỹ. Lúc bấy giờ Bác Hồ còn khỏe, Bác chủ trì cuộc hội nghị Trung ương. Cán bộ miền Nam ra báo cáo với Trung ương nhiều vấn đề rất bí mật. Ví dụ: Bọn địch lừa bắt một số quần chúng rồi giao cho mỗi người một bó thuốc để vô rừng bao vây dậm cù bắt cán bộ. Khi bắt được người mình rồi thằng địch đưa dây bắt quần chúng trói cán bộ lại rồi đánh đập. Quần chúng vừa đánh vừa khóc là bởi vì trước đây đã từng nuôi giấu bảo vệ những cán bộ này. Có thể nói địch làm đủ mọi cách, mượn tay quần chúng đàn áp khủng bố cán bộ ta, đẩy quần chúng đến chân tường. (tình hình này do đồng chí Ba Bường ở Khu 9 báo cáo).

Trước khi tôi và anh Hai Văn về, Bác gọi chúng tôi đến nói tình hình chung và bảo: “Tình hình miền Nam bây giờ nó đánh phá tàn phá dữ dội như vậy, Xứ ủy phải bàn kỹ đối chiếu với tình hình mà giải quyết vấn đề!”.

Ý của Bác Hồ và đồng chí Lê Duẩn như vậy.

Khi hai chúng tôi về đến nơi báo cáo lại thì Xứ ủy họp lại liền, do đồng chí Nguyễn Văn Linh chủ trì. Đồng chí Linh nói như thế này: “Tình hình quần chúng bị o ép như vậy, bị dồn đến chân tường như vậy mà mình không có chủ trương, không có một hình thức đấu tranh gì khác thì không thể được”. Đồng chí Linh cũng khẳng định: “Nếu mình phát động đấu tranh vũ trang thì nhất định quần chúng đứng về phía ta thôi”.

Lúc ấy, vấn đề thành lập lực lượng vũ trang chống lại địch là vấn đề bức xúc. Nhưng đối phó với cuộc chiến tranh giữa ta và địch thì phải làm như thế nào? Trước kia hồi đánh Pháp ta cũng có một vùng căn cứ rộng, bây giờ thì khắp nơi địch đóng đồn bót như vậy ta phải có phương châm biện pháp sao đây?

Hội nghị Xứ ủy bàn rất kỹ, kiểm điểm đánh giá tình hình địch và ta lúc bấy giờ. Rõ ràng lúc đó ai cũng thấy nổi dậy là một sự đòi hỏi bức xúc của quần chúng. Tất cả các xã đều có cơ sở cách mạng. Quần chúng căm thù địch cao độ cho nên cần phải vũ trang đấu tranh. Quần chúng nói: “Nếu mình không chống lại chúng thì để nó giết hết sao?”. Nhất là các cơ sở hồi kháng chiến chống Pháp lại càng hăng hái vì ai cũng sốt ruột, bởi lẽ nếu để kẻ thù mặc tình làm mưa làm gió thì công lao chín năm đánh Pháp coi

như không còn nữa. Vì thế mà vũ trang đấu tranh phải làm diện rộng, làm toàn Nam bộ, vì các tỉnh Nam bộ xã nào cũng có cơ sở từ thời kháng chiến chống Pháp nổi dậy với danh nghĩa là quần chúng vũ trang tự vệ chống khủng bố. Đồng chí Nguyễn Văn Linh cũng tán thành các ý kiến đó. Hội nghị nhất trí chọn thời điểm nổi dậy vào ngày tết âm lịch năm 1960 (vì thời điểm này thuận lợi do địch lo ăn tết, có nhiều sơ hở. Hơn nữa ngày tết dân ta đã gặt xong lúa rồi, lúa đã được vào bồ rồi). Như vậy mới đảm bảo lương ăn cho quần chúng và lực lượng cách mạng. Hội nghị cũng bàn các bước tiến hành, ví dụ: khi nổi dậy đánh và cướp súng bọn dân vệ (tức bọn tể xã ngụ) nhất định bọn bảo an ở huyện ở tỉnh và bọn chủ lực sẽ kéo về. Lúc đó ta hướng dẫn quần chúng đối phó bằng cách nào? Làm sao bảo vệ được lực lượng? Nhớ hồi chống Pháp mỗi lần có đánh trận thì ta sơ tán đồng bào đi sâu vào vùng căn cứ, nhưng bây giờ chỗ nào cũng có địch, phải có biện pháp khác. Vậy thì ta phải tổ chức quần chúng tản cư ngược vào trong lòng địch, nghĩa là vùng thành thị. Đồng thời cũng trang bị lập luận cho quần chúng đấu tranh như: “Các ông nói quốc gia bảo vệ nhân dân, khi đêm cộng sản nổi dậy bảo đánh tể rồi tước súng dân vệ. Bây giờ xóm ấp không yên nữa nên chúng tôi phải kéo ra đây báo cho các ông biết”. Còn bộ phận ở tại chỗ (mấy ông già) thì đấu tranh tại chỗ ngăn không cho lính đốt nhà. Có ông già cầm dao dọa “Nếu đốt nhà tao thì tao chém bây”.

Còn một số thanh niên (là lực lượng nòng cốt trong diệt tể trừ gian) thì vẫn bám trụ trong đồng để nếu cần thì chiến đấu.

Khi bọn lính bảo an và chủ lực địch về nó thấy có một số người chạy trên đồng, chúng lấy cối định bắn về phía đó thì các bà mẹ la lớn “Đừng bắn, mấy đứa đó là con em chúng tôi, vì thấy các ông vào nó sợ bắt lính nên chạy ra đồng trốn chứ không phải Việt cộng đâu”.

Còn anh em du kích thì đã chuẩn bị sẵn sàng trong tư thế chiến đấu, anh em đã làm hầm chông, hố đinh tại xã ấp chiến đấu của mình chờ địch tới là tiêu diệt chúng. Tổ chức như vậy mới giữ được thế hợp pháp của quần chúng.

Tôi nhớ cuộc hội nghị Xứ ủy cuối năm 1954 ở tại Chác Bạng thì có nghị quyết là bắt đầu từ đó giải tán tất cả các tổ chức công nông thanh phụ. Đến tháng 10-1961, hội nghị Trung ương Cục do đồng chí Nguyễn Văn Linh chủ trì bàn về vấn đề Đồng Khởi, đồng thời cũng quyết định phục hồi các



Từ trái qua phải: Đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Phạm Văn Xô, đồng chí Trần Nam Trung. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

tổ chức quần chúng như nông hội giải phóng, công hội giải phóng, phụ nữ giải phóng, thanh niên và trí thức yêu nước.

Còn vấn đề thực hiện phương châm “2 chân 3 mũi” thì tổ chức quần chúng vừa tham gia đấu tranh vũ trang đồng thời đấu tranh chính trị (đi 2 chân). Đấu tranh chủ trương không phải đấu tranh trong nghị viện mà là đấu tranh chống khủng bố, chống đàn áp đòi tự do dân chủ... kết hợp với đấu tranh vũ trang và binh vận. Khi quần chúng Đồng Khởi rồi thì một số bộ phận ém lại để đấu tranh vũ trang, dân người ta thường nói là “đá song phi để giải quyết vấn đề ta địch”. Hội nghị Trung ương Cục cũng bàn kỹ: đi hai chân nhưng có chân chính và chân phụ, tùy theo vùng chiến lược: ở rừng núi, căn cứ kháng chiến thì đấu tranh vũ trang và chính trị song song; vùng đô thị tạm chiếm thì đấu tranh chính trị là chính, có vũ trang hỗ trợ. Bắt đầu từ đó vận dụng phương châm này cho đến chiến dịch Hồ Chí Minh giành toàn thắng.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh trong suốt cuộc đấu tranh từ giai đoạn chống Mỹ cho đến khi kết thúc cuộc chiến tranh, luôn luôn nhấn mạnh vấn đề củng cố chi bộ. Lúc gay gắt nhất thì đồng chí chủ trương ở mỗi xã có hai chi bộ, tách ra một chi bộ thì vũ trang bất hợp pháp, còn một chi bộ thì lãnh đạo đấu tranh hợp pháp chống địch.

Chi bộ hợp pháp ở trong ấp chiến lược của địch thì hằng ngày lãnh đạo quần chúng đấu tranh giữ thế hợp pháp. Đây là dân có quyền, quyền tự do sinh sống làm ăn. Chi bộ hợp pháp đồng thời cũng làm cơ sở bí mật cho chi bộ bất hợp pháp.

Còn chi bộ bất hợp pháp ban ngày họ xuống hầm, ban đêm thì ra ngoài hoạt động. Vấn đề kết hợp hai chi bộ là ý kiến của đồng chí Nguyễn Văn Linh.

Còn 5 bước công tác thì suốt cuộc chiến tranh, đồng chí Nguyễn Văn Linh chủ trương: cán bộ cơ sở phải tiến hành 5 bước công tác:

Một là: Công tác điều tra (điều tra ai tốt ai xấu, điều tra tình hình quần chúng cốt là để củng cố chi bộ).

Hai là: Công tác tuyên truyền.

Ba là: Công tác tổ chức.

Bốn là: Huấn luyện cho cán bộ đảng viên, cho các đoàn thể quần chúng và cả quần chúng nữa.

Năm là: Công tác đấu tranh: đấu tranh cách nào để chống địch có hiệu quả, ta có khẩu hiệu: “một bước không đi một ly không rời”.

Bám sát thực tiễn, đồng chí Nguyễn Văn Linh là một người lãnh đạo rất nhạy bén trong chủ trương và trong thực hiện các bước đi chiến lược của cách mạng miền Nam”.

Cội rễ từ nhân dân

MAI CHÍ THỌ⁽¹⁾

Cùng ở tù Côn Đảo, cùng kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam bộ, nhưng tôi ít có dịp công tác chung với đồng chí Nguyễn Văn Linh. Mãi tới năm 1957, khi tham gia Xứ ủy Nam bộ, mà đồng chí Linh là Quyền Bí thư, tôi mới thực sự công tác chung với đồng chí.

Đó là một thời kỳ đen tối nhất trong suốt hai cuộc kháng chiến của miền Nam. Bọn đế quốc và tay sai không những không thực hiện Hiệp định Genève ký kết năm 1954, mà còn liên tục hành quân, đưa máy chém đi khắp nơi thẳng tay đàn áp, chém giết quần chúng và cán bộ kháng chiến trong các chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng”. Chúng ta đã không kịp thời chuyển từ đấu tranh chính trị trong hòa bình sang thời kỳ dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, trong khi thế và lực cho phép, cho nên đã tổn thất hết sức nặng nề. Riêng miền Đông Nam bộ gồm 6 tỉnh, từ 21.000 đảng viên, đến khi Đồng Khởi chỉ còn gần 900 đảng viên với 4 chi bộ, số còn lại gồm toàn là đảng viên đơn tuyến. Có lúc ở Nam bộ, chúng ta nắm hàng trăm đại đội địa phương quân của ngụy, của giáo phái, hoặc được tổ chức dưới danh nghĩa giáo phái, nhưng cuối cùng do không có chủ trương sử dụng bạo lực, cho nên cũng tan rã, chôn sủng hoặc bó tay

1 Ông Mai Chí Thọ (1922- 2007): nguyên Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Đại tướng Công an Nhân dân Việt Nam đầu tiên, nguyên Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an).



Đồng chí Nguyễn Văn Linh và nhà báo Pháp Madeleine Riffaud⁽¹⁾ trong chiến khu.

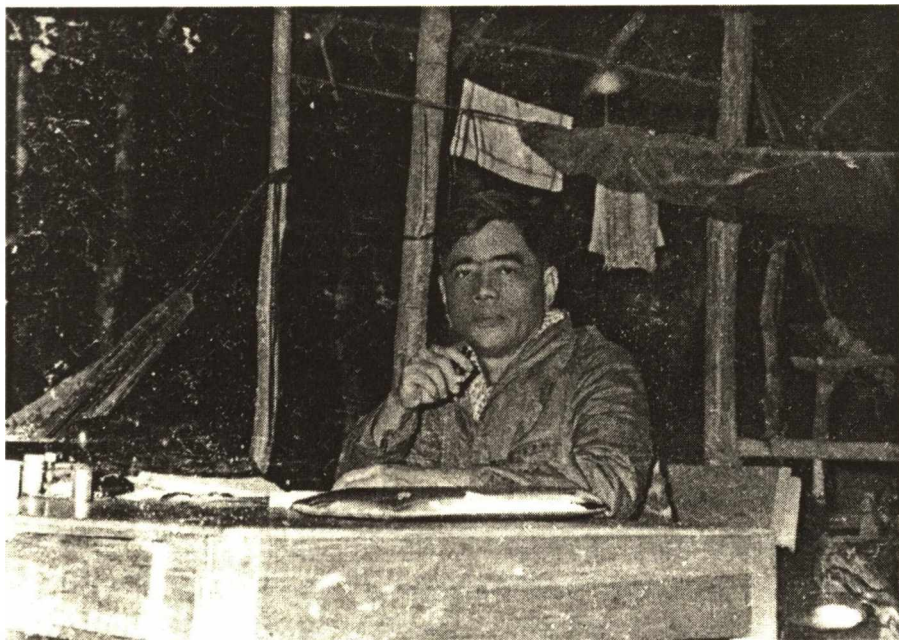
Nguồn: Do gia đình cung cấp.

trốn tránh, không hoạt động được. Tình thế thật bế tắc. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Xứ ủy Nam bộ đã nhiều lần họp, nghiên cứu, tranh luận đi đến thống nhất: cử cán bộ ra Trung ương trình bày, đề nghị dùng bạo lực cách mạng chống bạo lực phản cách mạng, vì chúng ta không còn con đường nào khác. Và đầu năm 1959, Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra đời cho phép cách mạng miền Nam được quyền chuyển đấu tranh chính trị sang đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền. Từ đó, phong trào như nước vỡ bờ, khắp nơi “Đồng Khởi”, tạo ra một nước ngoặt lịch sử trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam, lật ngược thế cờ thay đổi tương quan giữa ta và địch. Trong thời điểm lịch sử này, với cương vị là Bí thư Xứ ủy, sự đóng góp của đồng chí Nguyễn Văn Linh quả thực không nhỏ.

1 Bà Madeleine Riffaud, sinh năm 1924, đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp, phóng viên báo “L’Humanité” (Nhân đạo) - cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, đã từng đến Việt Nam nhiều lần, được “phỏng vấn” Bác Hồ, bà cũng là tác giả của quyển sách Dans le maquis “Việt Cong”, tạm dịch là: “Trong chiến khu Việt Cộng”.

Lúc đó tôi được Xứ ủy phân công về căn cứ Dương Minh Châu (Tây Ninh) để phổ biến Nghị quyết 15 của Trung ương cho lực lượng vũ trang được tổ chức mai phục ở các chiến khu miền Đông Nam bộ. Tôi ra đi thật phấn khởi như “cọc về rừng”, sau 5 năm hoạt động bí mật, ngọt ngào và bức bối giữa vòng vây quân thù. Về căn cứ, tôi vui mừng được gặp anh Nguyễn Văn Xuyến, tức 8 Kiến Quốc, anh 5 Quốc Đảng, anh 8 Lê Thanh - những đồng chí chỉ huy quân sự trong kháng chiến chống thực dân Pháp, được Đảng bố trí ở lại Nam bộ. Nhân dịp này, các anh đề nghị tập trung lực lượng đánh căn cứ của Sư đoàn 21 nguy đóng ở Trảng Sup, cách phía Bắc thị xã Tây Ninh khoảng 10km. Tuy là căn cứ Sư đoàn, nhưng chúng rất sơ hở, vì trong lúc đó không ai có thể ngờ rằng lại có một lực lượng vũ trang nào “từ trên trời rơi xuống”, lại đủ sức tấn công vào căn cứ của chúng.

Sau khi nghe các anh phụ trách quân sự trình bày tình hình và phương án tác chiến, tôi thấy chắc ăn, và đồng tình với các anh, nhưng tôi không thể quyết định. Nghị quyết 15 của Trung ương chỉ cho vũ trang tự vệ, mà đây lại là đánh vào căn cứ sư đoàn, không biết có ảnh hưởng gì đến “hòa bình thế giới” hay không? Tôi cấp tốc báo cáo về Xứ ủy với ý kiến ủng hộ trận đánh, và xin quyết định của Xứ ủy. Anh Linh thay mặt Xứ ủy, về căn cứ trực tiếp nghe chúng tôi báo cáo. Lập luận của chúng tôi là nếu không đánh địch để lấy súng thì cũng không lấy gì để vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền? Hơn nữa, đây cũng chỉ là một trận đánh đột xuất, đơn lẻ. Lực lượng của chúng ta lúc đó chưa có sức đâu để đánh liên tục những trận tầm cỡ như thế. Sau khi nghe xong, anh Linh đã trao đổi kỹ lưỡng với chúng tôi và cuối cùng dứt khoát đồng ý. Tôi liền tự thảo một tờ truyền đơn vạch tội ác Mỹ Diêm, kêu gọi nhân dân nổi dậy chống Mỹ nguy, dưới ký tên “Lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam”. Tôi đưa anh Linh coi, anh đồng ý, nhưng sửa lại danh xưng là “Lực lượng nhân dân tự vệ vũ trang miền Nam”. Diễn biến sự việc đã nói lên tính quyết đoán và sự thận trọng thường có ở anh. Đó đích thực là bản lãnh cần có của người lãnh đạo. Anh đã chỉ định tôi làm Bí thư Đảng ủy, anh Xuyến chỉ huy trưởng, anh Lê Thanh chỉ huy phó trận đánh. Trận đánh diễn biến đúng theo dự kiến, thu được hơn 1000 súng, hy sinh 7 đồng chí. Vào thời kỳ đó, đây là trận đánh lớn nhất, vang dội nhất của miền Nam góp phần mở màn cho “Đồng Khởi” cuối năm 1959.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh tại căn cứ Trung ương Cục.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

Sau giải phóng, do cơ chế tập trung bao cấp, quan liêu, do sai lầm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, tình hình của chúng ta cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980 vô cùng khó khăn. Tình trạng thiếu đói, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội hết sức phức tạp. Trước tình hình ấy, nhiều địa phương cơ sở đã cố xoay xở để tháo gỡ khó khăn. Đã có những sáng tạo, những thành công nước đầu rất đáng khích lệ, đáng học tập. Thành ủy TP. Hồ Chí Minh do anh Nguyễn Văn Linh làm Bí thư đã đi sát cơ sở tìm hiểu và “đỡ đầu” cho những sáng kiến đó. Cuộc đấu tranh giữa đổi mới và bảo thủ, trì trệ diễn ra khá gay gắt. Có dư luận phê phán gay gắt những sáng kiến tháo gỡ đó mang nặng tính xét lại “sặc mùi Nam Tư”. Tình thế đang đi vào ngõ cụt. Tuy nhiên, anh Linh vẫn kiên trì chân lý. Để giải quyết một cách có tính thuyết phục trong tình hình lúc đó, anh đề nghị lãnh đạo Trung ương, trong đó có anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng, trực tiếp nghe báo cáo của một số cơ sở sản xuất, kinh doanh của TP. Hồ Chí Minh, nhân dịp các anh vào nghỉ hè ở Đà Lạt, sau đó đề nghị các anh đi thăm cơ sở, trực tiếp kiểm tra báo cáo của cơ sở. Qua thời

gian tiếp xúc với thực tế, với các cơ sở trong Nam ngoài Bắc, các anh lãnh đạo chủ chốt của Trung ương, mà người đứng đầu là Tổng Bí thư Trường Chinh đã đi đến thống nhất chủ trương thực hiện công cuộc đổi mới. Nghị quyết Đại hội Đảng lần VI đã tạo ra một bước ngoặt mới trong lịch sử nước ta sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Một lần nữa, anh Nguyễn Văn Linh lại có sự đóng góp to lớn trong bước ngoặt lịch sử mới, đưa nước ta ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội đầy thách thức nguy hiểm.

15 tuổi đã lãnh án chung thân khổ sai, một án lệnh có thể nói là phi pháp đối với tuổi vị thành niên, suốt thời kỳ Pháp thuộc cũng rất hiếm có ai ở tuổi vị thành niên được “ân sủng” đặc biệt như thế. Hai lần ở tù Côn Đảo, hoạt động cả trên ba miền đất nước, ba lần làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định, TP. Hồ Chí Minh, cả trong thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ và thời kỳ đất nước được hòa bình thống nhất, hai lần góp công to lớn vào những thắng lợi quyết định của lịch sử, đó là những gì đồng chí Nguyễn Văn Linh đã cống hiến cho dân tộc, cho Đảng.

“Lấy dân làm gốc”, gắn bó với cơ sở, tôn trọng thực tế khác quan, tính nghiêm túc cao độ đối với những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, linh hoạt, nhuần nhuyễn trong vận dụng những nguyên tắc đó vào thực tiễn hành động, đó là những bài học mà đồng chí Nguyễn Văn Linh đã để lại cho chúng ta.

Luôn trần trở, suy nghĩ, tháo gỡ khó khăn đưa cách mạng tiến lên

NGUYỄN VÔ DANH⁽¹⁾

(Thời điểm thực hiện bài viết, đồng chí Nguyễn Võ Danh - Bảy Dụ đang đau nặng. Gặp đồng chí Trần Chí Kông đến xin ghi hình và ghi âm những hiểu biết của anh về đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí đã phát biểu sôi nổi những suy nghĩ của mình. Sau đây là lược ghi những ý kiến của đồng chí Nguyễn Võ Danh đã ghi âm được)

“Tôi có dịp được gần gũi đồng chí Nguyễn Văn Linh, mà chúng tôi gọi thân thương là anh Út, trong một thời gian khá dài trong đấu tranh chống Mỹ cũng như trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở TP. Hồ Chí Minh.

Anh Út là người có trước có sau, luôn gắn bó với cách mạng miền Nam, lúc kháng chiến cũng như khi hòa bình lập lại.

Những năm đầu của thời kỳ chống Mỹ, anh rất trần trở trước tình hình lúc bấy giờ. Địch thì quyết liệt chống cộng, tổ cộng, giết hại người kháng chiến, người yêu nước. Nhiều cơ sở cách mạng bị tan rã, các đồng chí bị bắt bớ, tù đầy, tra tấn dã man. Ta thì không được vũ trang chống lại mà phải tích cực đấu tranh đòi địch thi hành các điều khoản của Hiệp định

1 Nguyễn Phó Ban Binh vận miền Nam, Phó bí thư thường trực Thành ủy TP. Hồ Chí Minh.

Genève, đòi thi hành các quyền tự do dân chủ, đòi hiệp thương bàn tổng tuyển cử để thống nhất nước nhà.

Làm thế nào vừa đấu tranh chặn bàn tay tội ác của địch, thi hành được những điều khoản của Hiệp định Genève, vừa bảo vệ được quần chúng, bảo toàn được cơ sở và phát triển được lực lượng cách mạng.

Ngoài việc anh trực tiếp lắng nghe ý kiến của đảng viên và cơ sở, anh còn phân công chúng tôi đi các nơi nắm lấy ý kiến của quần chúng, theo dõi tình hình, phát hiện những sáng kiến của đồng bào trong đấu tranh với địch, từ đó đề ra các hình thức hoạt động và đấu tranh thích hợp.

Anh thường nhắc nhở chúng tôi: Phải tránh chủ quan lơ đãng gây thiệt hại cho cơ sở, cho phong trào. Luôn củng cố và xây dựng phát triển lực lượng cách mạng trong quần chúng. Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Phải giác ngộ quần chúng, đưa quần chúng vào tổ chức cách mạng, hướng dẫn đấu tranh theo hình thức và khẩu hiệu thích hợp. Có phong trào rồi, phải suy nghĩ đến việc giữ vững và phát triển ra sao? Trong đấu tranh chính trị cũng phải có kết hợp chừng mực nào vũ trang tự vệ để bảo vệ quần chúng. Chú ý trong đấu tranh luôn lôi kéo binh sĩ ngụy về phía mình. Theo tôi, những ý kiến chỉ đạo này của anh đã là tiền đề cho các cuộc đấu tranh “hai chân ba mũi” sau này góp phần tạo nên cuộc Đồng Khởi ở miền Nam khi có Nghị quyết 15 của Trung ương.

Trong thời gian sau hòa bình lập lại, thống nhất Tổ quốc, anh luôn trăn trở, suy nghĩ cách đưa đất nước ta tiến lên, xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách tốt nhất, phù hợp với tình hình thực tế nước ta.

Lúc trực tiếp làm Trưởng ban cải tạo Công thương nghiệp cũng như lúc anh không còn làm nữa mà trực tiếp là Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, anh luôn đi sát, theo dõi tình hình chung cũng như tình hình thành phố và các tỉnh thực hiện công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa. Anh rất băn khoăn, ray rứt về đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa nên như thế nào? Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất mới phải thích ứng, phù hợp với nhau ra sao? Cải tạo quan hệ sản xuất nhưng làm sao để sản xuất tiếp tục phát triển, đẩy mạnh lực lượng sản xuất tiến lên? Nếu cải tạo công thương nghiệp xong mà sản xuất đình trệ, đời sống nhân dân khó khăn hơn thì có nên cải tạo không? Do đó, theo anh, phải nghiên cứu kỹ về tổ chức quản lý thế nào



Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Linh đi thăm Nhà máy liên hợp Xi măng Hà Tiên.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

cho phù hợp để khi ta cải tạo xí nghiệp, công ty nào xong là có thể đi vào cơ chế quản lý mới, điều hành công việc sản xuất được ngay, có năng suất và hiệu quả cao hơn trước khi cải tạo.

Anh đề nghị cải tạo tư sản mại bản trước. Tổ chức quản lý mới ổn rồi sẽ làm tiếp các bước sau. Đối với các hộ tư sản, tư thương nên để cho họ tiếp tục kinh doanh theo đúng luật pháp Nhà nước. Sau này, khi các tổ chức quốc doanh ta vững mạnh, đủ sức, ta sẽ tiến hành liên doanh với họ, hướng họ đi vào con đường tư bản Nhà nước... Ý kiến của anh không được chấp thuận. Sau đợt cải tạo ào ạt cả tư sản mại bản, tư sản, tư thương, cả tiểu thương, tình hình xã hội trở nên rối ren. Sản xuất bị giảm sút. Xe cộ không lưu thông được vì thiếu xăng. Máy móc thiếu phụ tùng thay thế, nhà máy thiếu nguyên liệu, nhiên liệu, hoạt động cầm chừng. Lực lượng tư sản, tiểu chủ về nông thôn nói là để phát triển sản xuất nhưng thiếu nông cụ, không có nhà trường, trạm y tế, phương tiện sinh sống lại kéo về thành phố. Cán bộ công nhân viên chức sống nhờ tem phiếu v.v...

Trong tình hình rối ren này, anh Út lại tích cực đi vào quần chúng, đến tận các cơ sở lắng nghe các cơ sở sản xuất phát biểu ý kiến, góp ý kiến chỉ đạo, khuyến khích các sáng kiến “tự tháo gỡ” ở từng đơn vị, tổ chức câu lạc bộ Giám đốc để trao đổi kinh nghiệm “tự cứu” trước khi trời cứu...

Qua những điển hình làm ăn mới trong sửa đổi cơ chế quản lý kinh tế của các xí nghiệp của Thành phố (như khoán sản phẩm ở cơ sở quốc doanh đánh cá, xí nghiệp dệt Thành Công, dệt Phong Phú...), anh đã thuyết phục được các đồng chí lãnh đạo chủ chốt ở Trung ương, góp phần xây dựng đường lối đổi mới được triển khai tại Đại hội Đảng lần thứ VI (11-1986)....

Anh Út đúng là một đồng chí lãnh đạo luôn đi sát thực tế, đi sát quần chúng, luôn trăn trở tìm tòi phương cách tháo gỡ khó khăn trong kháng chiến cùng lúc xây dựng trong hòa bình để thực hiện một xã hội công bằng, văn minh, nhân dân ai cũng ấm no hạnh phúc như lời mong mỏi thiết tha của Bác Hồ.

“Ông già căn cơ”

NGUYỄN VINH NGHIỆP⁽¹⁾

Không rõ từ lúc nào, cứ mỗi lần nhắc đến đồng chí Nguyễn Văn Linh, nhiều đồng đội chúng tôi quen dùng biệt danh “Ông già căn cơ” để nói lên tình cảm thân thương và niềm tin gởi gắm đồng chí, một nhà cách mạng được tôi luyện, có bản lĩnh lãnh đạo, chỉ đạo vững vàng qua những khúc quanh của lịch sử, trong những thời điểm gay go, phức tạp. Qua nhiều giai đoạn thăng trầm của đất nước, trên những cương vị khác nhau như Bí thư Xứ ủy, Bí thư rồi Phó Bí thư Trung ương Cục và nhiều lần là Bí thư Khu ủy, đặc khu ủy Sài Gòn - Gia Định, trong quá trình lăn lộn sâu sát với cơ sở, với quần chúng, tính “căn cơ” bản lĩnh của đồng chí đã thể hiện ở sự kết hợp hài hòa giữa trí tuệ mẫn tiệp với phong cách, tính tình điềm đạm thâm trầm có chiều sâu.

Qua những năm tháng hoạt động trong phong trào cách mạng giữa thành phố Sài Gòn - Gia Định, được nhiều dịp làm việc với đồng chí,

1 Ông Nguyễn Vinh Nghiệp (1930-2007): Từng giữ chức Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, nhưng người dân biết đến ông nhiều hơn trên cương vị là một nhà hoạt động từ thiện xã hội, người sáng lập và là chủ tịch đầu tiên của Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo TP. Hồ Chí Minh. Hội đã vận động kinh phí từ các nhà hảo tâm trong và ngoài nước để giúp chữa bệnh miễn phí cho bệnh nhân nghèo, kể cả một số bệnh nan y. Đối tượng bệnh nhân nghèo được giúp đỡ không chỉ giới hạn ở TP. Hồ Chí Minh, mà còn lan rộng đến các tỉnh trong cả nước. Ông đã được phong tặng Huân chương Độc lập hạng nhất; danh hiệu Anh hùng Lao động; Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

chính tinh cách “căn cơ” của đồng chí đã để lại cho tôi nhiều bài học rất quý báu như sau:

Đồng chí hết sức quan tâm đến các kinh nghiệm xây dựng cơ sở, chỉ đạo phong trào, chú trọng lắng nghe thuộc cấp báo cáo tình hình công tác, hỏi han những điều rất tỉ mỉ để từ đó mà phân tích bổ sung giúp cán bộ nhận thức sâu sắc thêm những vấn đề mới nảy sinh, khuyến khích động viên chúng tôi ra sức phấn đấu làm công tác tốt hơn. Tôi nhớ có lần báo cáo về chuyện bám trụ trong vùng địch kiểm soát, tôi là cán bộ mới về làm sao nhập thân vào quần chúng. Tôi báo cáo một số kinh nghiệm thực hiện ba cùng (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) trong đó có việc vận dụng nhiều chuyện xưa tích cũ của Việt Nam và Trung Quốc như truyền thuyết “Đồng Bào” mẹ Âu Cơ đẻ bọc 100 trứng nở 100 con, chuyện về Cống Quỳnh, Trạng Trình, về lưỡng quốc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, v.v... hoặc những chuyện Án Bình Trọng đi sứ, viên Ngọc Liên Thành trong Đông Chu Liệt Quốc, Lưu Bị cầu hôn Giang Tả trong Tam Quốc Chí, v.v... của Trung Quốc để bắt rễ tiếp cận các vị tuổi tác và dễ dàng tìm được mối đồng cảm cùng sự kết thân, nhờ đó mà sớm thâm nhập địa bàn, xây dựng cơ sở, từng nước đưa phong trào quần chúng lên. Tôi kể hứng thú và đồng chí Nguyễn Văn Linh nghe cũng hứng thú. Đồng chí đánh giá phương thức tiếp cận quần chúng như thế là tốt và khuyến khích việc sơ kết, tổng kết, phổ biến rộng rãi những kinh nghiệm công tác hay.

Những khi tôi báo cáo với đồng chí tình hình phong trào đang gặp khó khăn, bị địch đàn áp khốc liệt, cơ sở bị tổn thất nặng nề, đồng chí không hề tỏ thái độ nóng nảy, không hề có phê phán gay gắt, qui chụp vội vàng mà bình tĩnh, điềm đạm lắng nghe có đầu có đuôi, rồi từ đó phân tích cận kề những thiếu sót, sơ hở đã phạm phải. Đó cũng là những dịp để đồng chí nhắc nhở, làm sáng tỏ thêm những nguyên tắc, phương châm hoạt động vùng đô thị phong phú, đa dạng mà mình cứ chủ quan tưởng đã nắm chắc. Được nghe những lời khuyên bảo của đồng chí, vừa là của người lãnh đạo, vừa là của một đồng chí, người anh, có lý có tình, thân ái độ lượng, tôi hết sức cảm kích và thêm một lần tự hứa với lòng mình nhứt quyết không bao giờ chùn bước và khắc phục thiếu sót để công tác tốt hơn.

Bài học thứ hai mà chúng tôi ghi nhận được ở đồng chí Nguyễn Văn

Linh là đồng chí thường xuyên nhắc nhở người đảng viên cộng sản phải luôn luôn quan tâm bảo vệ lợi ích thiết thân của quần chúng, như đòi tăng lương, giảm thuế, chống đuổi nhà, đuổi chợ, v.v... đều là lợi ích nhỏ nhất. Bấy giờ trong chỉ đạo phong trào, có một số đồng chí quan niệm rằng phải đưa ra những khẩu hiệu đấu tranh chính trị mới thật là “cách mạng” như đòi đối phương phải thi hành Hiệp định Genève, phải thực hiện hòa bình, phải tổng tuyển cử thống nhất đất nước, chống chủ trương Bắc tiến, đòi Mỹ rút về nước, v.v... Đồng chí Nguyễn Văn Linh chỉ rõ các khẩu hiệu nêu trên là những đòi hỏi cơ bản cần hướng dẫn quần chúng đấu tranh đạt cho kỳ được, song điều quan trọng là phải chọn thời điểm thích hợp. Khẩu hiệu, hình thức đấu tranh thích hợp, không phải xuất phát từ chủ quan duy ý chí của lãnh đạo, mà phải từ nguyện vọng, quyền lợi, bức xúc của quần chúng, có tính đến so sánh lực lượng giữa ta và địch trong từng thời điểm cụ thể. Đưa ra khẩu hiệu hình thức đấu tranh không phù hợp, thì quần chúng không hưởng ứng, làm sao tập hợp và xây dựng lực lượng được. Nếu cố gò ép quần chúng ra đấu tranh non, thì sẽ bị địch đàn áp, phong trào quần chúng bị tổn thất rất bất lợi cho cách mạng. Nếu ra những khẩu hiệu đấu tranh vì quyền lợi gần gũi thiết thân hàng ngày của quần chúng, dù là quyền lợi nhỏ nhất thì được quần chúng hưởng ứng, và qua đấu tranh trình độ giác ngộ của quần chúng được nâng lên, phân biệt rõ bạn thù, ai đứng về phía bóc lột, ai bình vực người bị bóc lột. Và chính từ thắng lợi của những cuộc đấu tranh thường ngày về dân sinh dân chủ mà xây dựng và phát triển thực lực cách mạng. Khẩu hiệu đấu tranh được nâng cao hơn khi tình hình cho phép, lúc ấy có cơ sở để giành thắng lợi to lớn hơn, đưa phong trào phát triển vững chắc.

Bài học thứ ba là đồng chí luôn nhắc nhở cán bộ lãnh đạo phong trào mỗi khi đưa phong trào lên, phải nhất thiết đảm bảo phát triển thực lực, bởi vì thực lực cách mạng là căn bản, là yếu tố quyết định. Nếu đấu tranh thắng lợi, mà không xây dựng được lực lượng, thì thắng lợi chỉ là một phần nào thôi, phải nhân thắng lợi mà phát hiện phần tử tích cực mở rộng đội ngũ cốt cán xây dựng và phát triển thực lực. Có thực lực mới chủ động tranh thủ và sử dụng thời cơ được. Đó là một nguyên lý cách mạng phải được quán triệt.

Bài học thứ tư không được xem nhẹ là đi đôi với xây dựng và phát triển lực lượng còn phải biết bảo tồn lực lượng. Nếu chúng ta chủ quan mất cảnh giác thì có khi công lao xây dựng hàng chục năm trời, phút chốc bị tiêu tan hết. Trong thực tế đấu tranh phong trào Sài Gòn nhiều lần gần như bị “trắng tay”.

Đồng chí phân tích sâu sắc kẻ thù rất nham hiểm, chúng âm mưu “gài bẫy” khiến ta chủ quan mở những cuộc đấu tranh với qui mô lớn bộc lộ lực lượng để qua đó, chúng phát hiện được cán bộ nòng cốt, cán bộ lãnh đạo, quần chúng trung kiên mà đánh phá, diệt phong trào. Và đồng chí nhấn mạnh nếu mất cảnh giác để cho địch đánh phá, lực lượng bị tổn thất nặng nề, thì có thời cơ cũng không sử dụng được, làm thiệt hại cho cách mạng, như thế có tội với nhân dân, có tội với lịch sử. Cho nên mỗi lần gặp cán bộ, đồng chí không bao giờ quên nhắc nhở cán bộ phải triệt để tuân thủ những nguyên tắc phương châm hoạt động của Đảng trong vùng đô thị. Đó là những nét lớn trong tính cách “căn cơ” của đồng chí Nguyễn Văn Linh đã trở thành những bài học rất “căn cơ”, rất quý báu đối với tôi không chỉ cho hôm qua mà cho cả hôm nay trong hòa bình xây dựng.

Ngoài tính “căn cơ”, cái nổi bật thứ hai nơi đồng chí Nguyễn Văn Linh là trong nhiều bước ngoặt lịch sử Việt Nam, đồng chí đã có những quan điểm, chủ trương, đối sách đúng đắn, đồng thời biết phấn đấu kiên trì, dũng cảm để những quan điểm chủ trương ấy được thực hiện. Tôi nghĩ đó là điều tối cần trong bản lĩnh lãnh đạo. Và bản lĩnh ấy đã được thể hiện qua mấy vấn đề mà tôi được biết như sau:

Vấn đề thứ nhất về Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng và trận đánh Tua Hai mở màn cho một diễn biến lớn lao của cách mạng miền Nam. Chúng ta đều biết sau Hiệp định Genève 1954, địch đã ngoan cố xé bỏ hiệp định và ra sức đàn áp khốc liệt phong trào quần chúng, sát hại đảng viên cộng sản, người kháng chiến cũ, người dân yêu nước. Chúng tôi được biết sau khi đồng chí Lê Duẩn ra Trung ương năm 1957, đồng chí Nguyễn Văn Linh đảm nhận trọng trách quyền Bí thư Xứ ủy Nam bộ, có mấy lần đề nghị đưa ra Trung ương Đảng thảo luận “Đề cương cách mạng miền Nam” do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo và đã được Xứ ủy đóng góp ý kiến. Đến năm 1958, Xứ ủy cử đại diện ra dự hội nghị Trung ương 15 mang theo kiến



Đồng chí Nguyễn Văn Linh và lãnh đạo Thành ủy TP. Hồ Chí Minh năm 1983
(tác giả là người thứ tư từ phải sang). Nguồn: Do gia đình cung cấp.

ng nghị “kết hợp bạo lực vũ trang với chính trị”. Nghị quyết 15 lịch sử ra đời mở bước ngoặt cho phong trào cách mạng miền Nam, tạo sự phấn khởi hết sức lớn lao cho Đảng bộ và nhân dân miền Nam. Chúng tôi cũng được biết đồng chí Nguyễn Văn Linh và Xứ ủy đã vận dụng Nghị quyết 15 một cách linh hoạt sáng tạo, kết hợp bạo lực vũ trang với đấu tranh chính trị. Trường hợp điển hình là chiến thắng Tua Hai gây tiếng vang chính trị lớn, và có thêm vũ khí trang bị và phát triển lực lượng vũ trang tạo tiền đề đưa phong trào cách mạng miền Nam từng bước chuyển qua giai đoạn mới, giai đoạn Đồng Khởi, đấu tranh hai chân, ba mũi giáp công, tạo tình thế chiến lược mới, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, dẫn đến tổng tiến công và nổi dậy toàn thắng vào mùa xuân lịch sử năm 1975.

Vấn đề thứ hai là do thất bại ở miền Nam, thất bại trong chiến tranh phá hoại bằng không quân ở miền Bắc, nhất là trong cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, địch hốt hoảng, lung lay ý chí xâm lược, phải chuyển hướng chiến lược và chịu ngồi vào bàn hội nghị bốn bên. Chủ trương táo

bạo mở tổng tiến công Tết Mậu Thân là rất đúng đắn, đầy tính sáng tạo. Nhưng qua đợt 1, khi ta đánh tiếp, yếu tố bất ngờ không còn nữa. Trong lúc đó địch đã chuẩn bị sẵn sàng đối phó với lực lượng còn trên dưới 1,2 triệu quân (cả Mỹ và quân đội Sài Gòn) với vũ khí hiện đại, cố thủ ở các địa bàn vững chắc, nên đã gây cho ta nhiều tổn thất. Riêng tại khu Sài Gòn - Gia Định, sau đợt 2, trước tình hình bức xúc nghiêm trọng, chúng tôi biết đồng chí Nguyễn Văn Linh và một số đồng chí nữa đã đề nghị không nên tiếp tục đánh vào thành phố, thị xã, thị trấn, mà quay về củng cố vùng giải phóng đã được mở rộng. Thực tế chiến trường về sau đã xác minh sự đúng đắn của ý kiến này.

Và vấn đề thứ ba là sau ngày thành phố Sài Gòn và miền Nam được giải phóng, đồng chí Nguyễn Văn Linh được phân công phụ trách công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh trong một thời gian ngắn, đồng chí đã có những quan điểm, phương thức cải tạo mà đến bây giờ chúng tôi vẫn nghĩ là đúng đắn. Theo đồng chí, miền Nam vừa mới giải phóng, yêu cầu lớn nhất và bức xúc là ra sức ổn định về chính trị và phát triển kinh tế, việc cải tạo phải thực hiện từng bước và tập trung chủ yếu vào đối tượng tư sản mại bản quan liêu, là tầng lớp ôm chân đế quốc, làm hại đất nước, không mở rộng diện cải tạo tràn lan như đã diễn ra. Sau này, khi về công tác ở Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, tôi cùng các đồng chí ở đây đã phải hết sức chật vật gỡ rối, giải quyết những hậu quả đúng ra không phải có, chúng tôi càng thấy rõ nếu làm theo quan điểm, bước đi, phương thức của đồng chí Nguyễn Văn Linh, chúng ta đã phát huy được tinh thần dân tộc yêu nước, tập hợp được nhiều lực lượng kinh tế có kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh làm đà thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu, đưa nền kinh tế tăng trưởng, góp phần ổn định đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, và đã hạn chế được những yếu kém, thất thoát gây ảnh hưởng tiêu cực về kinh tế xã hội kéo dài trong nhiều năm.

Vấn đề thứ tư mà tôi thấy lớn nhất trong cuộc đời đồng chí Nguyễn Văn Linh là những đóng góp trong vấn đề đổi mới. Vào thời điểm 1980-1985, tình hình TP. Hồ Chí Minh cũng như cả nước lâm vào tình trạng khủng hoảng rất nghiêm trọng. Trong Đảng cũng như trong chính quyền, các cuộc họp đã được mở ra liên tiếp để bàn cách giải quyết thực trạng “làm

không đủ ăn, xuất không đủ nhập, thu không đủ chi..." đang là nỗi bức xúc lớn. Bấy giờ đồng chí Nguyễn Văn Linh là Bí thư Thành ủy, cùng với Thành ủy nghiên cứu làm thí điểm, mạnh dạn thực hiện việc xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, mà đi đầu lúc đó là xóa bao cấp về lương thực. Hồi tưởng thời điểm ấy, ắt không quên cảnh thường xuyên thiếu hụt lương thực, phải ăn gạo ầm mốc và phải ăn độn. Lúc chị Ba Thi làm giám đốc Công ty Lương thực đã có nói đi nói lại một câu mà tôi nhớ mãi: "Cơ chế của chúng ta, mua thì như cướp, bán thì như cho", dù thấy tình hình phức tạp như thế nào. Sau khi đồng chí Nguyễn Văn Linh và Thành ủy đã chỉ đạo làm thử (có khi "làm lén", chưa dám báo cáo lên trên): xóa bao cấp, thực hiện ba lợi ích, lương sản phẩm trong công ty xí nghiệp, khoán sản phẩm trong nông nghiệp, trong đánh bắt cá ngoài biển, v.v... Với cơ chế mới này thì tình hình đã thay đổi rõ rệt theo chiều hướng tích cực: sản xuất bung ra, công nhân có việc làm, đời sống được cải thiện. Lương thực không còn là vấn đề căng thẳng nữa, chúng ta được ăn gạo trắng, gạo ngon, ngoài ra còn giúp đỡ những nơi khó khăn hoặc đang thiếu đói vì bão lụt. Bấy giờ một số đồng chí lại phê phán nghiêm khắc TP. Hồ Chí Minh chạy theo "cơ chế thị trường", phát triển "chủ nghĩa tư bản", bước xuống sân bay Tân Sơn Nhất nghe "sặc mùi Nam Tư"... Do vậy, trong nội bộ đã có sự tranh luận rất gay gắt, căng thẳng. Mở cuộc họp mật, phải công nhận là có tính lịch sử, ở Đà Lạt, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã đưa bốn đồng chí giám đốc doanh nghiệp, trong đó có hai giám đốc trực thuộc Bộ, Ngành, Trung ương báo cáo với những đồng chí có trách nhiệm cao nhất ở Trung ương về tình hình làm ăn theo kiểu xóa tập trung quan liêu bao cấp (lúc đó chưa có danh từ "đổi mới"). Tôi vẫn còn nhớ, được nghe kể lại, một đồng chí giám đốc trực thuộc Bộ Ngành Trung ương vừa khóc vừa nói với đồng chí Trường Chinh rằng: "Chúng tôi phải làm theo cơ chế của Thành phố, bởi nếu không thì nhà máy phải đóng cửa, công nhân chịu thất nghiệp, tình hình sẽ vô cùng khó khăn, bế tắc, không lối thoát". Sau khi nghe báo cáo, đồng chí Trường Chinh có nói đại ý: Nếu đúng như các đồng chí trình bày, thì hóa ra từ trước đến nay tôi nhận được những thông tin không đúng sự thật.

Sau đó, đồng chí Trường Chinh và các đồng chí trong Bộ Chính trị đã

trực tiếp đi tìm hiểu nhiều cơ sở, nghe các công ty, xí nghiệp của TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh báo cáo. Thực tế sinh động đã giúp các đồng chí thấy rõ, hiểu sâu sát tình hình, trên cơ sở đó các đồng chí lãnh đạo Trung ương nhất là đồng chí Trường Chinh quyết tâm và dứt khoát xóa bỏ cơ chế cũ, thực hiện đường lối đổi mới. Và Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI, Nghị quyết có tính lịch sử ra đời, đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam chuyển sang bước ngoặt mới.

Công lao “đổi mới” thuộc về tập thể, nhưng tôi nghĩ công bằng mà nói, đồng chí Nguyễn Văn Linh bằng tấm lòng và tư duy của mình, từ thực tiễn của thành phố và những tình thành bạn, là người đã góp phần to lớn, quan trọng và đi trước.

Nửa thế kỷ gắn bó với Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh

PHẠM DÂN (BA HƯƠNG)⁽¹⁾

Ngày nay nhiều người trên thế giới cũng như nhân dân trong nước đều biết đến, nhắc đến tên anh Nguyễn Văn Linh, như một nhà lãnh đạo “Đổi mới” của Việt Nam.

Riêng đồng bào Sài Gòn và lớp lớp cán bộ chiến sĩ đã từng hoạt động và sống chết với đô thị này thì thương nhớ đồng chí Nguyễn Văn Linh như một người lãnh đạo xuất sắc của Đảng gắn bó gắn như suốt đời với cuộc đấu tranh anh hùng của nhân dân Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh, lúc cao trào cách mạng cũng như lúc khó khăn ác liệt nhất.

Anh là Thành ủy viên Sài Gòn từ thời kỳ Nam kỳ khởi nghĩa năm 1940 lúc chị Minh Khai là Bí thư. Anh từng gánh vác trọng trách Bí thư Thành ủy Sài Gòn vào những năm đầu kháng chiến chống Pháp; vào lúc nhân dân Sài Gòn chuyển hình thái đấu tranh hòa bình năm 1954 không một tấc sắt trong tay sang đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang chống Mỹ Diệm; vào lúc Mỹ ồ ạt đổ quân biến Sài Gòn thành đầu não của cuộc chiến tranh cục bộ năm 1965. Có lúc anh Mười là Bí thư Trung ương Cục kiêm luôn Bí thư Thành ủy Sài Gòn, Bí thư khu “Trọng Điểm” rồi Bí thư

1 Nguyên Phó Tổng giám đốc Việt Nam thông tấn xã

Thành ủy TP. Hồ Chí Minh vào những thời điểm đáng ghi nhớ: Xuân Mậu Thân, trước và sau Hiệp định Paris, Sài Gòn sau giải phóng, nhất là lúc TP. Hồ Chí Minh vượt lên gian khó, năng động sáng tạo trong xây dựng kinh tế, tạo tiền đề cho công cuộc “đổi mới” (1980-1985) - Anh Mười trăm trở tâm huyết với Sài Gòn, vất vả gian nan với Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh.

Quen biết với anh trong gần nửa thế kỷ, tôi coi anh như người anh lớn. Chúng tôi có nhiều kỷ niệm trong mối quan hệ công tác, trong sở thích cá nhân - sách báo và văn học - kể cả một vài thú vui nho nhỏ: mê Tu-lơ-khơ trong những giờ thư giãn ở căn cứ rừng già thời kháng chiến.

Lần đầu tiên tôi gặp anh Nguyễn Văn Linh - mà anh em gọi thân thiết là anh Mười Cúc - trong cuộc họp Xứ ủy mở rộng năm 1950. Lúc đó, anh đang là Ủy viên Thường vụ Xứ ủy. Anh hẹn ngày đến thăm và làm việc với cơ quan Hoa Kiều vụ Nam bộ do tôi phụ trách.

Khi đến anh đi trên chiếc xuống “cà rèm” như anh em mà không đi ghe tam bản mui ống bốn chèo như cán bộ lãnh đạo. Rất may lúc đó cơ quan tôi đang mở lớp huấn luyện cán bộ Hoa vận, có cả người Hoa và người Việt của các tỉnh, nên có dịp anh hỏi rất cặn kẽ tình hình các tỉnh, đi sâu vào đời sống nhân dân và phong trào đấu tranh. Theo câu chuyện anh trao đổi với cán bộ, chúng ta có thể hình dung được tình hình của các địa phương. Anh nhận giảng cho lớp học một buổi, nội dung có nhiều vấn đề căn bản của cách mạng, các chủ trương của Xứ ủy và cả phương pháp công tác vận động quần chúng. Bài nói của anh được ghi âm để các lớp sau sử dụng rất bổ ích.

Anh thích đọc báo tiếng Pháp. Vì cơ quan tôi có liên lạc ra vô thành nên chúng tôi có đủ loại sách báo, cả sách lý luận và văn nghệ của nhà xuất bản Xã hội Pháp. Và anh cũng đã khuyên tôi nên dịch hai cuốn truyện “Một người chân chính” của Boris Polevoy và “Tấm kính giết người” của Aleksey Tolstoy. Hai cuốn truyện sau đó được đăng trên báo Sống Chung và được Nhà xuất bản Thanh Niên in thành sách.

Lúc hoạt động trong thành phố, anh thường ở nhà các gia đình thợ thuyền, lao động nên anh hiểu rõ đời sống và tâm tư nguyện vọng của bà con lao động nghèo. Anh hướng dẫn tôi chỉ đạo phong trào thành phố phải biết quyền lợi bức xúc của quần chúng, đưa ra khẩu hiệu từ thấp đến cao, phù hợp với nguyện vọng quần chúng, phải biết tiến thoái trong từng

cuộc đấu tranh để vừa giành được thắng lợi cho quần chúng vừa bảo tồn được thực lực. Công tác công khai và bí mật phải biết xử trí đúng mức. Bộ phận chỉ đạo phải cố gắng áp sát đô thị mới để tiếp cận điều khiển phong trào Sài Gòn. Anh cho biết đến năm 1948 (lúc đó anh đang làm Bí thư Đặc khu ủy Sài Gòn - Gia Định), anh vẫn đóng cơ quan lãnh đạo ở vùng ven thành phố như Vườn Thơm, Bàu Cò, Láng Le... Anh nói lẽ ra cấp ủy phải làm việc trong nội thành, nhưng dễ gặp rủi ro hơn ở vùng ven, nếu tổ chức đường giao liên chặt chẽ thì cũng có thể nắm bắt nhanh nhạy tình hình để chỉ đạo phong trào. Tất nhiên giặc Pháp cũng có lúc đánh hơi được nơi đóng cơ quan Thành ủy. Nhưng nhờ tai mắt của nhân dân, Thành ủy ít bị tổn thất, còn giặc Pháp trở trêu thay thường bị thất bại khi xua quân đi ruồng bố ven đô.

Năm 1950, là năm phong trào Sài Gòn - Chợ Lớn sôi động với các cuộc biểu tình của thanh niên học sinh và đồng bào đuổi tàu chiến Mỹ khỏi bến cảng Sài Gòn. Cái chết anh hùng của học sinh Trần Văn Ôn và nữ sinh người Hoa Trần Bội Cơ đã đẩy lên phong trào quần chúng sục sôi xuống đường rầm rộ. Trí thức Sài Gòn - tiêu biểu là luật sư Nguyễn Hữu Thọ - đã cùng với nhân dân lao động và thanh niên học sinh biểu dương lực lượng đòi quyền Dân sinh Dân chủ. Anh Mười có nhiều ý kiến rất hay để chỉ đạo phong trào Sài Gòn lúc này. Anh Mười chú trọng xây dựng một lực lượng cốt cán trong công nhân lao động, chủ lực quân của phong trào thành phố, đồng thời anh là người vận dụng sắc sảo đường lối đại đoàn kết trong mặt trận thống nhất dân tộc. Anh trân trọng đối với trí thức, nhân sĩ và tôn giáo, những người công khai đối đầu với địch như Lưu Văn Lang, Nguyễn Xuân Bái, Trịnh Đình Thảo, Triệu Quốc Mạnh, Trần Ngọc Liễng....

Sau Hiệp định Genève 1954, anh Mười trực tiếp chỉ đạo phong trào đấu tranh chính trị rộng lớn, sôi nổi của Sài Gòn. Đến năm 1958, anh giữ cương vị Bí thư Xứ ủy Nam bộ. Anh Trần Quốc Thảo thay thế làm Bí thư Sài Gòn. Khó khăn lớn trong 2 năm 1958-1959 là anh Thảo và nhiều đồng chí lãnh đạo của thành phố bị bắt và bị giết, cơ sở nội thành bị đánh phá dữ dội. Anh Mười chỉ đạo thành lập ngay một cấp ủy mới cho Đặc khu Sài Gòn - Gia Định. Xứ ủy điều động anh Võ Văn Kiệt về làm Bí thư, anh Nguyễn Thái Sơn (Bảy Bình) làm Trưởng ban tổ chức, (tôi) Ba Hương làm

Trường ban Tuyên huấn cùng Cấp ủy Gia Định cũ như anh Hồng Đào, Sáu Khiêm, Ba Ka, Năm Tấn (Huỳnh Văn Bánh) móc ráp cơ sở nội thành chỉ đạo phong trào. Để nhanh chóng khôi phục cơ sở nội thành, anh giao cho tôi mở ngay một “lớp học rừng xanh” bồi dưỡng về đường lối cách mạng miền Nam và phương châm đấu tranh đô thị cho 13 cán bộ chủ chốt học sinh - sinh viên, xong đưa ngay vào hoạt động nội thành Sài Gòn, trong đó có các đồng chí Hồ Hảo Hớn, Trần Quang Cơ, Ba Vạn... là những cán bộ lãnh đạo xuất sắc của phong trào học sinh - sinh viên, ngòi pháo của phong trào đấu tranh đô thị sau đó.

Anh Mười còn đề ra sáng kiến không để thành phố trở lại như một “cô đảo” mà phải sáp nhập các huyện nông thôn ven vào đặc khu Sài Gòn - Gia Định. Nông thôn vừa làm bàn đạp, vừa làm căn cứ cho thành thị. Nhờ vậy khi làm Tuyên huấn chúng tôi đã có địa bàn để mở hàng chục lớp huấn luyện, lập đoàn Văn công giải phóng, xây dựng Nhà in, Xưởng phim ảnh, tổ chức những cuộc mít tinh với hàng vạn quần chúng cả nội và ngoại thành tham gia. Địa bàn hoạt động ngày càng rộng, khi thì ở “mật khu” Hồ Bò (Củ Chi) khi thì ở “Đại Tây Dương” (Bình Tân) móc ráp nhiều lượt. Cán bộ ra Thủ Đức, Nhà Bè, Bình Dương hội họp, tập huấn. Nhờ vậy ta có vùng nông thôn ven rất mạnh, bảo tồn được cơ sở trong thành phố, có chỗ điều lắng cho số cán bộ ở nội thành bị lộ ra căn cứ. “Mật khu” Hồ Bò chỉ cách Sài Gòn vài chục cây số đường chim bay vậy mà kẻ thù bất lực không làm gì được.

Năm 1965, tình hình Sài Gòn cấp bách, tuy anh Mười đang làm Bí thư Trung ương Cục miền Nam, nhưng anh về kiêm luôn nhiệm vụ Bí thư Đặc khu Sài Gòn - Gia Định.

Mùa khô 1967, ta chuẩn bị Tổng công kích xuân Mậu Thân nên Trung ương Cục miền Nam thành lập “khu Trọng Điểm” gồm 5 tỉnh cùng với Sài Gòn thành 6 phân khu: phân khu I (Gia Định), phân khu II (Bình Tân), phân khu III (Long An), phân khu IV (Bà Rịa), phân khu V (Đồng Nai - Sông Bé) và phân khu VI (Nội thành). Phân khu 6 chỉ đạo các đoàn thể Công vận, Thanh vận (Học sinh sinh viên), Phụ vận, Trí vận và Nhân sĩ trong Mật trận. Mỗi phân khu (tỉnh) vừa chỉ đạo vùng nông thôn tỉnh mình, vừa tập trung chỉ đạo vài quận nội thành.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh giảng bài tại lớp học “ngăn cách” của các cán bộ hoạt động nội thành Sài Gòn. *Nguồn: Do gia đình cung cấp.*

Trước ngày Tổng công kích xuân Mậu Thân 1968, chúng tôi không ăn Tết trước khi xuống đường như bộ đội. Anh Mười kêu tôi đi cùng anh xuống vùng ven phân khu 2 để anh trực tiếp với bộ phận tấn công nội thành. Đến nơi anh thấy ngoài vùng ven còn chừng 50 cán bộ cơ quan phân khu 2, anh bảo tôi mở ngay một lớp cấp tốc hướng dẫn anh em về Tổng công kích vào các thành thị toàn miền Nam, về phương pháp công tác khi vô nội thành. Lúc đó quân ta đã tấn công vào các công sở lớn của địch và đã chiếm được một phần Chợ Lớn đến đường Sư Vạn Hạnh, nên tôi đã dùng bản đồ hướng dẫn anh chị em.

Chiến thắng Mậu Thân có tính chiến lược làm nhụt ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải ngồi vào bàn hội nghị Paris. Nhưng chúng ta cũng tổn thất rất lớn vì lúc đó Mỹ còn gần 60 vạn quân,

nguy còn trên 1 triệu quân, ta không thể công khai và liên tục đánh trong các thành phố. Năm 1971, anh Mười trở lại làm Bí thư Sài Gòn - Gia Định khi anh Kiệt đi Khu 9 và sau giải phóng anh đã làm Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh vài nhiệm kỳ.

Như vậy, anh Nguyễn Văn Linh đã sống và chiến đấu trong nửa thế kỷ với nhân dân thành phố. Anh là người lãnh đạo thành phố suốt hai cuộc kháng chiến và cả sau ngày Sài Gòn hoàn toàn giải phóng. Vì cả nước, cùng cả nước, nhân dân Sài Gòn chiến đấu chống xâm lược và xây dựng phát triển kinh tế, luôn luôn có anh Mười trong các nước thắng trận của thành phố mang tên Bác.

Đời sống và phong trào của nhân dân Sài Gòn là tư liệu thực tiễn để anh rút ra những bài học bổ ích cho lãnh đạo và chỉ đạo của tập thể Thành ủy. Phải nói rằng Sài Gòn là một thành phố đi đầu với nhiều phong trào tiêu biểu của quần chúng: phong trào nhân dân đòi quyền sống, phong trào học sinh sinh viên, đốt xe Mỹ, chiếm đại sứ quán Campuchia khi Lonnot tàn sát Việt kiều, đêm không ngủ, biểu tình “đứng và ngồi”, biểu tình “đi và chạy”, phong trào phụ nữ bảo vệ nhân phẩm, nhà báo “đi ăn mày”, v.v... Sau ngày giải phóng, lại có những phong trào tiêu biểu như phong trào cứu trợ, nhà tình nghĩa, nhà tình thương, xóa đói giảm nghèo, lớp học tình thương cho trẻ thất học, nhà mở cho trẻ đường phố...

TP. Hồ Chí Minh, trong hai cuộc kháng chiến chỉ có 29 ngày độc lập, còn lại trên 100 năm là thuộc địa của thực dân đế quốc với nền kinh tế thị trường. Chính đặc điểm này đã tạo điều kiện cho thành phố đi vào cơ chế thị trường sớm hơn các địa phương, anh Mười và những người lãnh đạo thành phố cũng từ thực tế này để chỉ đạo “đổi mới” với các hình thức sản xuất và thương mại theo kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa.

Anh Mười gắn bó với thành phố mang tên Bác và cũng chính thành phố này tạo môi trường và kinh nghiệm cho anh hoạt động. Nó nằm trong sự gắn bó hữu cơ giữa nhân dân và lãnh đạo của Đảng, dẫn đến những thắng lợi vang dội, kết thúc hai cuộc kháng chiến kéo dài vừa đúng 30 năm, không một ngày ngơi nghỉ, bằng chiến dịch Hồ Chí Minh mùa xuân 1975, giải phóng hoàn toàn Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh.

“Bật đèn xanh”

PHẠM THỊ SỬ (NĂM BẮC)⁽¹⁾

Trong thời kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng chí Nguyễn Văn Linh là Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn (sau đổi là Đặc khu Sài Gòn - Gia Định). Tôi tham gia cách mạng ở Sài Gòn từ ngày có tổ chức Thanh niên Tiến Phong. Tuy vậy, mãi đến năm 1954, sau Hiệp định Genève tôi mới được thấy anh, khi anh đến giảng trong một lớp học chính trị mở cho anh chị em tù nhân mới được địch trao trả, trong đó có tôi.

Như đã biết, sau Hiệp định Genève 1954, bọn địch tung ra những luận điệu tuyên truyền bịp bợm để hù dọa nhân dân trong những vùng chúng tạm chiếm ở miền Bắc. Nào là “Cộng sản sẽ tàn sát tín đồ Công giáo”, nào là “Chúa đã vào Nam”, v.v... Do đó hàng loạt đồng bào, tuyệt đại đa số là tín đồ Công giáo, vốn là những nông dân chất phác, dễ tin, đã theo các cha cố di cư vào Nam. Luống cưỡng ép di dân ồ ạt này ở chừng mực nào đó đã gây những khó khăn cho đời sống kinh tế và xã hội trong nhân dân miền Nam và gây ra những ngộ nhận bất lợi về chính trị, nhất là ở một thành phố lớn đông người như Sài Gòn.

Gặp tôi, anh hỏi tình cảm của nhân dân thành phố đối với đồng bào di cư như thế nào. Tôi báo cáo rằng đông đảo nhân dân tỏ ý trách đồng bào di cư là miền Bắc đã được giải phóng tại sao còn theo giặc và tay sai vào miền Nam. Bỗng anh hỏi tôi: “Còn quan điểm của chị thì thế nào?”. Bị hỏi

1 Nguyễn Bí thư Quận ủy Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

bất ngờ, tôi lúng túng... Thú thật, lúc bấy giờ, theo cảm tính, trong thâm tâm tôi cũng đồng tình với lời trách móc trên. Tôi đang suy nghĩ, chưa kịp trả lời thì anh nói, đại ý: Ngô Đình Diệm ngồi trong dinh Độc lập mà có thể dùng luận điệu lừa bịp, dụ dỗ đồng bào Công giáo di cư. Còn cán bộ đảng viên ta, sống giữa quần chúng nhân dân, tại sao không thâm nhập giới đồng bào di cư để tuyên truyền giác ngộ số bà con ấy, vận động họ đấu tranh với địch đòi thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Genève, đòi hòa bình thống nhất đất nước; tại sao không giải thích với đồng bào miền Nam biết bà con di cư cũng là những người lao động, những nông dân tay lấm chân bùn bị địch lừa bịp lôi kéo vào đây, ta cần gần gũi giúp đỡ, đoàn kết với họ để đấu tranh với địch?

Thú thật, từ khi có phong trào đồng bào Công giáo bị cưỡng ép di cư vào Nam, nhiều anh chị em cán bộ như chúng tôi rất lúng túng trong công tác vận động quần chúng nhập cư và bà con tại chỗ. Sau khi được anh phân tích âm mưu của địch, tình hình của đồng bào bị cưỡng ép vào Nam cần phải được thông cảm đúng mức..., tôi cảm thấy như mình vừa được trao cho một “cẩm nang” công tác dân vận.

Lần gặp thứ hai, nghe báo cáo tình hình xong, anh hỏi về hoàn cảnh gia đình tôi, có khó khăn lắm không. Rất cảm động trước sự quan tâm của lãnh đạo, tôi cứ theo sự thật mà trình bày.

Trước 1945, ba tôi là một thủy thủ, tham gia cách mạng trong thời kỳ bí mật. Cụ có mua được một ít ruộng đất ở quê nhà, và nhờ một người bà con quản lý. Sau Cách mạng tháng Tám, ba mẹ tôi về quê. Rồi ba tôi tham gia kháng chiến và qua đời vài tháng trước ngày hòa bình lập lại. Chống tôi công tác ở vùng giải phóng miền Nam. Tôi ở Sài Gòn, vừa công tác vừa may vá nuôi con. Vì quá đơn chiếc, tôi mời mẹ tôi vào giúp đỡ. Rồi tôi bị địch bắt, bị tù. Bà cụ một mình nuôi hai cháu nhỏ, thỉnh thoảng nhận được một ít tiền hoa lợi ruộng đất ở quê nhà gửi vào để nuôi hai cháu ngoại. Sau Hiệp định Genève 1954, tôi ra tù, chống tôi ở vùng giải phóng về, cả gia đình đoàn tụ. Vợ chồng tôi bàn với nhau: còn hoạt động cách mạng ở vùng địch hậu thì còn có thể bị bắt bớ, tù đày, và như thế thì mẹ già và hai con nhỏ sẽ bơ vơ. Chúng tôi xin mẹ đưa hai cháu về quê để chúng được giáo dục tốt dưới chế độ cách mạng và có nơi nương tựa.

Năm 1956, tôi nhận được một bưu thiếp ghi văn tắt: “Mẹ bị liệt, không đi đâu được. Hai cháu không được đi học”. Tôi tưởng cụ bị bệnh bại liệt nên rất lo. Ít lâu sau, một người bà con ở Lào gửi thư báo tin mẹ tôi “bị liệt” vào hàng địa chủ, và cả ba bà cháu đều bị cô lập hóa.

Nghe tôi trình bày xong, đồng chí Nguyễn Văn Linh bảo tôi làm ngay một bản tường trình để anh can thiệp cho. Tôi thưa: Từ nhỏ, tôi sống ở Sài Gòn, đâu có biết gì về chuyện ruộng đất tô tức ở quê nhà; và lại, đây chỉ là chuyện riêng của gia đình tôi, không liên quan và không ảnh hưởng đến công tác. Chỉ mong hai con tôi được giải oan, vì chúng còn bé (đứa lớn mới mười tuổi) chưa làm gì nên tội.

Anh nghiêm nghị nhìn tôi, bảo: “Đây không phải chỉ vì chuyện riêng của gia đình chị, mà còn vì vấn đề chủ trương chính sách của Đảng đối với miền Nam sau này”. Điều này thì quả là tôi chưa nghĩ tới. Lúc bấy giờ, cách mạng miền Nam đang ở vào giai đoạn thoái trào, Mỹ - Diệm liên tục mở những chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”, khủng bố ác liệt. Thế nhưng, trong những ngày cực kỳ đen tối ấy, anh đã thấy trước ngày cách mạng thành công trên cả nước, và nghĩ tới chính sách của Đảng đối với miền Nam. Nghe anh nói, tôi mới vỡ lẽ ra, và làm bản tường trình theo lời anh dạy. Ít lâu sau, có tin mẹ tôi đã được giải oan, nhà cửa bị tịch thu được trả lại, và hai con tôi được vào học trường dành cho trẻ em có cha mẹ chiến đấu ở miền Nam.

Mấy năm đầu sau ngày thống nhất đất nước, địa phương chúng tôi (Quận 10) gặp rất nhiều khó khăn về các mặt kinh tế, xã hội, chính trị, khó khăn cả trong vấn đề đoàn kết nội bộ. Ở cương vị Bí thư quận, tôi rất lo, không biết phải xoay xở như thế nào.

Hồi đó còn là thời kỳ kinh tế bao cấp. Hợp tác xã và tổ hợp các ngành nghề thủ công thì chỉ có hình thức, hoạt động không có hiệu quả. Đời sống công nhân lao động gặp rất nhiều khó khăn. Các hợp tác xã tiêu thụ thì chỉ phân phối những mặt hàng ít cần dùng. Ví dụ như kim chỉ thì phân phối hoài, tháng nào cũng có, không biết dùng làm gì cho hết. May thì không có



Đồng chí Nguyễn Văn Linh đi thăm một số cơ sở ở Quận 10.

Nguồn: Nxb Trẻ.

may đo, mà cứ phải mua đồ may sẵn. Các loại hình giải trí cũng rất nghèo nàn. Muốn mua vé xem phim, xem cải lương thì phải xếp hàng rồng rắn dài cả một đoạn đường. Còn về mặt tổ chức, nhân sự thì cán bộ được điều về từ nhiều nguồn, có nhận thức thực tại và quan điểm khác nhau. Do vậy, thường không thống nhất được ý kiến về phương hướng và biện pháp đưa quận nhà đi lên, trường hợp trống đánh xuôi kèn thổi ngược không hiếm.

Tháng 12 năm 1981, khi được tin đồng chí Nguyễn Văn Linh vào làm Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, anh chị em cán bộ trưởng thành từ cuộc kháng chiến ở thành phố rất mừng. Mừng vì anh đã hoạt động lâu năm ở Nam bộ nói chung, ở Sài Gòn nói riêng, nên anh rõ đặc thù của địa phương, biết rõ nhân dân và cán bộ ở thành phố này.

Sau ngày đồng chí Nguyễn Văn Linh về làm Bí thư thành phố, Thành ủy có chỉ thị: ai có nghề thủ công thì cứ làm, ở trong hay ngoài tổ hợp, hợp tác xã đều được quyền hành nghề cả. Chủ trương mới này đã tạo ra một niềm hồ hởi rất rộng lớn trong nhân dân lao động, và bà con dành cho đồng chí Bí thư của mình lòng cảm mến sâu sắc. Sau này, khi hay tin đồng

chí từ trần, một bác thợ giày già xúc động nhắc lại chuyện cũ và bùi ngủi nói: “Hồi đó mà không có ông Linh thì tui tui kẹt cứng, không biết làm gì mà sống”.

Tư tưởng đổi mới ở cấp trên nhanh chóng thâm nhập cán bộ cấp dưới. Chúng tôi thấy được chỗ mạnh, chỗ yếu của địa phương mình. Tuy nhiên, khi đã có định hướng, đã chọn được con đường đi lên thì trong nội bộ vẫn còn những điểm chưa thống nhất. Có lẽ chuyện này không riêng Quận 10 mới có.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh cho rà soát lại cơ sở vật chất và nhân sự của các quận huyện. Chúng tôi trình bày thực trạng của địa phương và nguyện vọng của mình. Và anh đã tạo điều kiện cho chúng tôi thống nhất và đoàn kết nội bộ, chỉ cho chúng tôi phải thay đổi như thế nào và quyết tâm ra sao để thực hiện những nguyện vọng đó.

Từ sự “bật đèn xanh” ấy, chúng tôi xây dựng nhà hát Hòa Bình, khu công viên Kỳ Hòa cho đồng bào có nơi vui chơi giải trí. Để có kinh phí, chúng tôi kêu gọi sự đóng góp của các mạnh thường quân, tổ chức bán vé hội chợ, vé danh dự... Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, không phải mọi việc đều suôn sẻ. Dù được nhân dân đồng tình, dù nội bộ có sự nhất trí cao, nhưng râm ran vẫn có lời ra tiếng vào. Nào là, theo nguyên tắc phân cấp quản lý, Quận 10 xây dựng một nhà hát lớn như thế là “vượt khung”; nào là đất nước còn nghèo, xây dựng nhà hát lớn như thế là không phù hợp với tình hình, v.v... Rồi từ thành phố, từ Trung ương cũng có người xuống “đặt vôn đề!”.

Nhưng tâm chúng tôi đã quyết, nhân dân đã đồng tình, lãnh đạo thành phố đã tán thành và ủng hộ thì chúng tôi cứ làm. Làm trong sự kiểm tra của cấp trên, và sau khi hoàn thành, kiểm điểm lại thì chúng tôi không vi phạm gì cả.

Tiếp đó, khi thấy cần có những dịch vụ để nâng cao đời sống nhân dân thì chúng tôi mở các cơ sở làm dịch vụ. Rồi xây dựng hai chung cư cao tầng ở phường Một hiện nay. Vùng này ngày trước gọi là vùng Pétrus Ký, là nơi cư trú của kiều bào ở Campuchia, bị chính quyền Lonol đánh đuổi về nước, trôi dạt đến đây, sống trong những ngôi nhà xuống cấp rất cực khổ. Xây xong chung cư, chúng tôi đưa đồng bào vào ở. Rồi làm tiếp

trường Diên Hồng, nhà trẻ Quận 10 mà bây giờ vẫn còn là một “ngọn cờ đầu” của ngành giáo dục mầm non của thành phố. Cũng xin nói thêm là sự mở mang và xây dựng nói trên đã tạo được nhiều công ăn việc làm cho nhân dân lao động trong quận.

Sau khi làm xong tất cả những công trình ấy, kiểm điểm lại thì thấy phía đề xuất là Ủy ban nhân dân Quận 10, nguồn lực đầu tư vừa là của nhân dân, vừa là của Nhà nước, nhưng nếu không có sự tán thành và ủng hộ của đồng chí Nguyễn Văn Linh và của các đồng chí khác trong Thành ủy lúc bấy giờ như đồng chí Mai Chí Thọ, đồng chí Mười Hương (Trần Quốc Hương), đồng chí Chín Đào (Phan Minh Tánh), v.v... thì khó mà thực hiện nổi.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã vĩnh biệt gia đình, vĩnh biệt đồng bào đồng chí. Nhưng dấu ấn anh để lại và tình cảm của nhân dân và cán bộ, thành phố đối với anh thì vẫn như xưa, còn đó lâu dài...

Như cơn mưa rào

NGÔ PHỤNG ÁNH

(ghi theo lời kể của bà Nguyễn Thị Nữ,
Giám đốc Công ty TNHH gạch bông Đức Tân,
nguyên Chủ tịch Hội Công kỹ nghệ gia TP. Hồ Chí Minh)

Sau ngày giải phóng chưa được bao lâu, cả miền Nam bị cuốn hút vào công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Chủ trương của Đảng là vẫn duy trì 5 thành phần kinh tế, nhưng rất tiếc khi thực hiện đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, gây khó khăn cho nhà sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ chung của thành phố. Nền kinh tế gần như chững lại. Công nhân không có việc làm do thiếu vật tư nguyên liệu. Các nhà sản xuất hoang mang lo lắng, vì trên thực tế chỉ tồn tại 2 thành phần kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Nhưng vì cách tổ chức quá mới mẻ, cán bộ Nhà nước chưa quen hoặc trái ngành nghề nên không phát huy được khả năng trong môi trường mới.

Rải rác một số nơi có hình thức công tư hợp doanh nhưng thực chất là quốc hữu hóa có bồi hoàn. Mọi việc điều hành tổ chức sản xuất đều do cán bộ nhà nước nắm giữ. Chủ cũ chỉ “ngồi chơi xơi nước” trong chức vụ phó giám đốc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh. Riêng xí nghiệp công tư hợp doanh gạch bông Đức Tân, tôi có may mắn được Bộ Xây dựng cử làm quyền giám đốc. Nhưng bên cạnh cán bộ nhà nước, tôi cảm thấy mình như chiếc bóng, không được quyền quyết định bất cứ một việc gì dù lớn hay nhỏ.



Ngày 6-2-1987 Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh thăm xí nghiệp công tư hợp doanh cao su Phạm Hiệp thuộc Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh. Đây là cơ sở thí điểm thực hiện nghị quyết 306 của Bộ Chính Trị. *Nguồn: Báo Tuổi Trẻ.*

Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở những nơi khác cũng trong tình trạng như vậy. Nhìn lại trong giới hầu hết các nhà tư sản (kể cả vừa và nhỏ), các tiểu chủ tiểu thương, thậm chí cả tiểu tư sản trí thức cũng nằm trong diện cải tạo và bị quy là tư sản, có người bị đưa đi vùng kinh tế mới.

Không khí thật ngột ngạt. Anh chị em trong giới kinh doanh, công kỹ nghệ đều băn khoăn không biết tương lai cuộc sống của gia đình và con cái mình rồi sẽ ra sao? Tình hình sản xuất rồi sẽ đi đến đâu? Niềm tin bị lung lay. Tâm trạng chúng tôi gần như bế tắc.

Trong sự suy tư dày vò ấy tôi bỗng nhớ đến anh Bảy Dự (lúc ấy làm Phó Ban cải tạo) người cán bộ hoạt động nội thành tôi quen biết từ thời kháng chiến chống Mỹ. Nhờ anh tôi mới hiểu biết về cách mạng, và đã tiếp tế lương thực thuốc men, các vật tư cần thiết cho chiến khu thông qua đường dây cơ sở nội thành của anh. Tôi bèn tìm đến anh Bảy Dự phản ánh những khó khăn thắc mắc của tôi và bày tỏ tâm tư cùng nỗi bức xúc của anh chị em trong giới kỹ nghệ công thương lúc bấy giờ. Anh Bảy Dự hứa

sẽ báo cáo lại cho cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền thành phố biết tình hình này.

Không phải chờ đợi lâu, ít ngày sau anh Mười Nguyễn Văn Linh lúc đó là Bí thư Thành ủy đã cho triệu tập tất cả anh em trong giới công kỹ nghệ, tiểu thương tiểu chủ đến dự họp tại cơ sở sản xuất cao su Phạm Hiệp do anh Nguyễn Văn Thạnh (chủ cũ) làm phó giám đốc.

Anh Mười yêu cầu chúng tôi phát biểu, nói hết những gì mà anh chị em chúng tôi đã trải qua cũng như nói lên tâm tư nguyện vọng của mình đối với Đảng và Nhà nước. Nhiều anh chị em nghẹn ngào không nói nên lời vì thấy Đảng tin mình, cho mình nói hết sự thật.

Sau khi nghe hết rồi, anh Mười mới nói những sai sót vừa qua đang được chấn chỉnh, và anh giải thích: Vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh là cần thiết vì muốn đưa nền kinh tế phát triển thì nhất thiết phải tổ chức sắp xếp lại bộ máy, thay đổi cơ cấu. Nhưng không phải ai cũng cải tạo. Đảng chủ trương chỉ quốc hữu hóa những cơ sở trước đây phục vụ cho chiến tranh, và chỉ cải tạo những tư sản mại bản đã làm giàu bất minh do quyền lợi họ gắn liền với guồng máy chiến tranh xâm lược của Mỹ. Còn những thành phần khác: tư sản dân tộc, tiểu thương tiểu chủ thì Đảng luôn khuyến khích hỗ trợ cho họ phát triển sản xuất xây dựng đất nước.

Anh Mười giải đáp cặn kẽ về những vấn đề chúng tôi chưa thấu triệt và mở ra hướng phát triển trong tương lai.

Cuối cùng anh Mười nói: “Các vị hãy yên tâm, hãy phát huy lòng yêu nước, óc sáng tạo, phát huy tài năng và tiềm năng của mình góp phần tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất, đưa thành phố của chúng ta đi lên một cách mạnh mẽ. Đây là các vị góp phần làm giàu cho đất nước, làm giàu cho nhà máy xí nghiệp của mình, vừa ích nước vừa lợi nhà”.

Chúng tôi ngồi nghe mà hả lòng hả dạ, chẳng khác gì như nắng hạn gặp mưa rào. Mưa đã cuốn trôi những cản ngại trên đường đi, mọi băn khoăn thắc mắc được giải tỏa. Anh chị em hết sức phấn khởi vì Đảng hiểu mình, chỉ dẫn cho mình từng đường đi nước bước. Chúng tôi như đang ở trong một con đường hầm rất vất vả, gian truân mà không vượt qua nổi, từ đây thấy được ánh sáng đi tới.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh đến thăm công ty gạch bông Đức Tân. *Nguồn: Nxb Trẻ.*

Anh Mười, người đại diện của Đảng ở thành phố đã giúp chúng tôi lấy lại niềm tin và sức mạnh để vươn lên với một ý chí và quyết tâm mới.

Từ sau cuộc họp đó, như có một luồng sinh khí tràn vào xí nghiệp chúng tôi. Mối quan hệ giữa các thành viên trong ban giám đốc được thay đổi, bình đẳng và tôn trọng nhau. Quy chế được đặt ra rõ ràng. Vai trò của công nhân, viên chức được phát huy. Đời sống công nhân được cải thiện. Hàng năm có tổ chức đại hội công nhân viên chức, có chế độ nghỉ mát và khám sức khỏe cho công nhân. Trong sản xuất, nguyên liệu là vấn đề sống còn của chúng tôi thì được xí nghiệp vật tư nhà nước ưu tiên giải quyết, cộng thêm chúng tôi mở rộng quan hệ với các xí nghiệp bạn, tạo được nguồn nguyên liệu dồi dào và ổn định. Trong chỉ đạo sản xuất, có sự phối hợp giữa bộ tứ nên năng suất và chất lượng sản phẩm ngày càng tăng, năm sau cao hơn năm trước.

Nhưng phải nói rằng cột mốc đánh dấu sự đổi mới toàn diện là khi có Đại hội Đảng lần thứ VI và anh Mười được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp

hành Trung ương Đảng. Ngày 15-7-1988, Bộ Chính trị có Nghị quyết về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Nghị quyết này có một sức thuyết phục rất lớn đối với giới công kỹ nghệ và doanh thương, đem lại sức sống mới cho những ai muốn đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh làm giàu cho mình và cho đất nước.

Về mặt chính trị, nghị quyết cũng nêu rõ: “Các nhà tư sản dân tộc hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp góp phần tích cực vào quốc kế dân sinh, ích nước lợi nhà được nhà nước bảo đảm bằng pháp luật. Tư sản dân tộc là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Các nhà tư sản dân tộc, các tiểu chủ, người sản xuất cá thể cùng nhau tự nguyện tổ chức và tham gia Hội công kỹ nghệ gia”.

Xuất phát từ nghị quyết nói trên, Hội công kỹ nghệ gia ra đời vào tháng 3 năm 1989 thay thế cho Ban liên lạc công thương. Tôi được anh em tín nhiệm cử làm Chủ tịch Hội.

Tổ chức được ổn định, đường lối rõ ràng, cơ chế quản lý được đổi mới, tôi hết sức phấn khởi đem hết tài năng và sức lực đẩy mạnh sản xuất. Cụ thể như năm 1988, công ty gạch bông Đức Tân chúng tôi đạt từ 3 triệu rưỡi đến 4 triệu viên một năm. Sang năm 1989, sau khi có nghị quyết đổi mới, năng suất vượt lên 6 triệu viên một năm. Lúc bấy giờ gạch ngoại chưa có điều kiện thâm nhập thị trường nên sản phẩm chúng tôi làm ra tiêu thụ rất dễ dàng, doanh thu tăng rõ rệt nên lương bổng của công nhân cũng tăng theo. Trung bình lương công nhân kỹ thuật là 1,1 triệu, công nhân làm việc giản đơn cũng được từ 600 đến 700 ngàn một tháng. Khi ấy nhiều công ty, nhà máy xí nghiệp ở thành phố này như dệt Phước Long, dệt Thành Công, công ty gạch bông Đức Tân được công nhận là đơn vị điển hình tiên tiến.

Và ngày 5-5-1990, anh Mười trên cương vị là Tổng Bí thư Đảng, dù phải lo toan bao nhiêu việc trọng đại, vẫn dành thì giờ về thăm công ty chúng tôi. Hôm đó quả là một ngày lịch sử đối với toàn thể công nhân viên chức gạch bông Đức Tân.

Sau khi báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, chúng tôi đưa anh Mười đi thăm các phân xưởng sản xuất. Anh Mười rất chú ý vấn đề cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm. Khi đi ngang qua nhà ăn tập thể,

anh Mười dừng lại xem xét và căn dặn: “Muốn duy trì và phát triển sản xuất, trước tiên là phải chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân. Người lãnh đạo cơ sở phải luôn sâu sát với công nhân nhằm bắt tình hình và kịp thời biểu dương, phát huy những tài năng mới”.

Tôi hết sức tâm đắc những điều anh Mười nói, bởi công nhân lao động là yếu tố quan trọng và quyết định trong sản xuất. Giai cấp công nhân là những người làm ra của cải vật chất cho xã hội, là những người đi đầu trong phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đưa nền kinh tế đất nước đi lên.

Thực hiện lời chỉ bảo của anh Mười, đơn vị chúng tôi tiến hành rà soát lại đội ngũ công nhân tiên tiến để kịp thời phát huy những cải tiến mới, nâng lương nâng bậc cho anh chị em. Đồng thời nghiên cứu vận dụng thật tốt chế độ bảo hiểm xã hội, và tổ chức buổi ăn trưa không mất tiền để bồi dưỡng sức lao động cho toàn thể công nhân viên chức trong công ty.

Nhìn lại bước trưởng thành của đơn vị mình, tôi bồi hồi nhớ đến anh Mười, nhớ cuộc hội nghị lịch sử trong giới công kỹ nghệ và doanh thương năm nào. Chính anh Mười là người khai sáng và đem lại niềm tin cho chúng tôi, mở ra một triển vọng tốt đẹp cho công cuộc đổi mới (dù thuở ấy còn là thời kỳ phôi thai).

Anh Mười là một trong những lãnh tụ của Đảng, của giai cấp công nhân, giàu tâm huyết, rất thực tế, dám nghĩ dám làm và dám chịu trách nhiệm trước dân, trước Đảng.

Dù ngày nay anh Mười không còn nữa nhưng hình ảnh và sự nghiệp của anh vẫn sống mãi trong lòng chúng tôi, hướng chúng tôi đi lên theo mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, hạnh phúc.

Đi tìm cơ chế đổi mới quản lý kinh tế qua sinh hoạt “câu lạc bộ giám đốc”

VÕ THÀNH CÔNG⁽¹⁾

Vào tháng 12-1981, đồng chí Nguyễn Văn Linh, ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng được phân công về TP. Hồ Chí Minh làm Bí thư Thành ủy cho đến tháng 6 năm 1986. Trong thời gian này, tôi được phân công tham gia Thành ủy làm Trưởng ban Công nghiệp.

Tôi đặc biệt nhớ lại, nhiều năm sau giải phóng, nền kinh tế nước ta loay hoay trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, sản xuất bị đình đốn, một số đơn vị và ngành có tăng nhưng rất chậm, lưu thông hàng hóa bị cắt khúc. Thành phố thiếu lương thực, đã phải phân công người đi lo sản xuất bo bo, đời sống công nhân viên chức rất khổ. Một số thí điểm mở rộng quyền tự chủ xí nghiệp như dệt Thành Công cũng hé ra niềm hy vọng nhưng chưa nhân rộng ra được. Nhiều xí nghiệp công nghiệp vẫn không đủ vật tư để sản xuất. Nhiều đồng chí lãnh đạo thành phố bứt rứt không yên, chạy đôn chạy đáo lo từng bữa ăn cho cán bộ, công nhân viên và nhân dân lao động trong một đất nước đã thống nhất, thật là một cảnh tượng đau lòng. Kẻ thù chính trị nắm cơ hội đã tấn công ta, xuyên tạc chế độ.

Thành ủy và Ủy ban, lúc đó đồng chí Võ Văn Kiệt làm Bí thư (tháng

1 Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. HCM, phụ trách công nghiệp

12/1976 - 12/1981) đã rất mạnh dạn ủng hộ và chỉ đạo các nhân tố mới ở các cơ sở nhằm không những thúc đẩy sản xuất, khôi phục từng bước lưu thông phân phối. Một khí thế “tháo gỡ” các vướng mắc trong quản lý đã bắt đầu sôi nổi khắp các xí nghiệp thành phố.

Nhà máy dệt Thành Công, một đơn vị đi đầu trong thực hiện quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của cơ sở, gắn sản xuất với thị trường (trước chỉ sản xuất theo kế hoạch tập trung) tự cân đối vật tư, tự lựa chọn thị trường bán hàng và tự quyết định việc nhập thiết bị lẻ để bổ sung dây chuyền, tự tìm thị trường xuất nhập khẩu và tự chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên...

Trở lại thành phố với nhiệm vụ Bí thư Thành ủy lần này, với bao nhiệm vụ nặng nề, để thực hiện NQ 01 Bộ Chính trị xác định TP. Hồ Chí Minh là một trung tâm công nghiệp, trung tâm xuất nhập khẩu, trung tâm văn hóa xã hội của phía Nam và cả nước, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã thấy rất sớm, muốn làm được việc đó, điều quan trọng nhất là phải thoát ra khỏi cơ chế quan liêu bao cấp hãy còn nặng nề, phải vực kinh tế lên, nhất là kinh tế công nông nghiệp, khôi phục và phát triển sản xuất vì sản phẩm của thành phố sản xuất và chế biến ra không phải chỉ là của nó, cho nó, vì nó mà là lượng hàng hóa quan trọng để trao đổi sản phẩm công nghiệp với sản phẩm nông nghiệp trong khu vực để có cái xuất và nhập lại vật tư cho rất nhiều xí nghiệp của thành phố và khu vực đang đói vật tư, đòi hỏi đổi mới thiết bị công nghệ và cũng nhằm điều hòa một phần trong cả nước. Vì vậy, sau khi nắm tình hình thực tế ở cơ sở, đồng chí giao cho Ban Công nghiệp Thành ủy và các chuyên viên nhiệm vụ tham mưu, giao cho lãnh đạo nhà máy dệt Thành Công đi đầu trong thí điểm, phải sơ kết và kết luận về cơ chế đã cho thí điểm ở đó, để phát hiện những điều bất hợp lý, sai trái trong chế độ kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp hiện hành. Nghe và tranh luận rất sôi nổi về mô hình dệt Thành Công, đồng chí Bùi Văn Long, nguyên Tổng giám đốc ngành dệt phía Nam, với lòng xúc động đã thốt ra mấy vần thơ mộc mạc:

Thành Công nhà máy đi đầu

Phá rào bao cấp ai đâu có ngờ

*Thành Công dệt được bài thơ
Kinh tế mở cửa bây giờ chứng minh
Việc làm đúng lý, đúng tình
Có trên, có dưới, có mình, có ta...
Thành Công vang dội bài ca
Phá rào bao cấp đó là nghiệp chung...*

Các giám đốc ngành dệt rất tâm đắc khi nghe đồng chí Nguyễn Văn Linh nói: “Chỉ có một Thành Công không đủ, mà phải cả trăm nghìn cơ sở thành phố tiến mạnh vào mặt trận chống quan liêu bao cấp, tháo gỡ để sản xuất bung ra, hiệu quả kinh tế tăng lên, đồng vốn, tay nghề của người thợ, tiểu chủ thành phố phải được huy động, công nhân có việc làm”.

Trong nhiều phiên họp của Thành ủy, đồng chí nêu nhiều ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo mở rộng thí điểm cho nhiều đơn vị với nhiều mô hình khác nhau, nhiều ngành nghề và từng loại sở hữu khác nhau, có xí nghiệp do các bộ Trung ương quản lý, có loại do thành phố và quận quản lý.

Ngoài việc tiếp tục làm thí điểm dệt Thành Công, không chỉ về cơ chế quản lý mà còn cơ chế Đảng lãnh đạo, thủ trưởng quản lý, công nhân tham gia quản lý, mở rộng thêm thí điểm với các xí nghiệp sau đây:

- Dệt Phước Long, Phong Phú, Việt Thắng, v.v...
- Nhà máy Caric
- Công ty Dược (xí nghiệp Dược 2-9)
- Xí nghiệp Công tư hợp doanh cao su Phạm Hiệp
- Xí nghiệp gạch lát Đời Tân
- Liên hiệp thuốc lá miền Nam
- Nhà máy liên hiệp bia Sài Gòn
- Công ty bột giặt Viso
- LISATA (sự liên kết công nghiệp vừa, nhỏ và gia đình)
- Quận 5 và Quận 11

Nhiều đơn vị không được chọn làm thí điểm nhưng cũng đã nao nức lập đề án đổi mới cơ chế như thủy tinh Gò Vấp, Khánh Hội, Vikyno, Vinapro, các xí nghiệp đóng sửa chữa tàu, Công ty Vận tải, Cung ứng Vật tư...



Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Linh nói chuyện với các giám đốc xí nghiệp dự hội thảo
“Câu lạc bộ giám đốc lần thứ nhất” diễn ra ngày 15-9-1984. *Nguồn: Báo Tuổi Trẻ.*

Trước tình hình đó, tập hợp ý kiến, nguyện vọng của nhiều giám đốc xí nghiệp, đồng chí Nguyễn Văn Linh chấp nhận hình thức tổ chức Câu lạc bộ giám đốc, đồng chí Võ Thành Công được chỉ định làm Chủ nhiệm.

Chức năng Câu lạc bộ này là tập hợp có chọn lọc các cách làm nhằm tháo gỡ những khó khăn do cơ chế tập trung quan liêu bao cấp áp đặt lâu nay, tìm cho được mô hình: kinh doanh phải có lãi, xí nghiệp không những chỉ đứng vững trên cơ sở vật chất cũ mà qua mỗi chu kỳ sản xuất phải thực hiện cho được tái sản xuất mở rộng, đời sống cán bộ, công nhân viên được từng bước ổn định và cải thiện.

Phiên họp đầu với 80 giám đốc tham dự là để nghe nhà máy dệt Thành Công báo cáo. Cuộc họp quan tâm rất nhiều đến quan điểm mà dệt Thành Công đã làm: gắn sản xuất với thị trường (trước gắn với kế hoạch nhà nước Trung ương), tự cân đối vật tư để sản xuất với giá cả theo thương trường thế giới...

Thấy cách làm của Thành Công có kết quả, nhưng nhiều đại biểu cũng lo ngại việc “phá rào” mạnh quá, lo nhà nước không cho, các đoàn kiểm tra đã sẵn sàng “xộc” vào. Đồng chí Nguyễn Văn Linh rất chăm chú lắng nghe các ý kiến khác nhau và nhiệt liệt hoan nghênh, ủng hộ cung cách làm ăn mới bước đầu có hiệu quả và dặn dò: làm thí điểm có thể đúng hoàn toàn, có thể còn chưa chặt chẽ, nhưng có hiệu quả kinh tế là tốt và thẳng thắn căn dặn mạnh dạn tiếp tục tìm cách đổi mới cơ chế, nhưng không được tư túi. Đồng chí khẳng định điều này rất cần trong thời điểm đó, với tư cách Bí thư Thành ủy, đồng chí ủng hộ việc làm đổi mới và chịu trách nhiệm trước Trung ương và các đồng chí giám đốc xí nghiệp.

Phiên họp lần thứ 2 của Câu lạc bộ giám đốc thảo luận quyết định 25CP của Chính phủ và đi sâu vào 3 phần kế hoạch. Hội nghị đề nghị Trung ương và nhà nước cân đối kế hoạch phải sớm và rõ ràng, xí nghiệp sẽ ưu tiên thực hiện chỉ tiêu nhà nước. Còn lại là cho phép xí nghiệp tự cân đối trên cơ chế tự sản tự tiêu, tự lo nhập nguyên vật liệu, lo thị trường để bán hoặc xuất nhưng cũng phải làm nghĩa vụ nhà nước, phần nữa là kế hoạch tận dụng phế liệu, phế thải và sản xuất các loại phụ tùng... cũng được tính vào tổng sản phẩm của xí nghiệp. Hội nghị cũng thiết tha đề nghị ở Trung ương và cấp chính quyền địa phương nên dành nhiều thì giờ để quy hoạch, đề ra cho được chiến lược từng ngành và vùng lãnh thổ, chăm lo chính sách lớn như quy hoạch và đào tạo cán bộ... giao mạnh quyền tự chủ cho xí nghiệp.

Và nhiều phiên họp Câu lạc bộ kế tiếp đi sâu vào bàn về cơ chế thị trường, về hạch toán kinh tế, nghe báo cáo về mô hình kết hợp công nghiệp tư gia, công nghiệp nhỏ, vừa và lớn ở Nhật Bản một cách thành công. Mô hình này kết hợp một cách tự giác, mà các công ty lớn là chủ đạo, nắm vững thị trường, chế mẫu mã mới, sản xuất các trang bị công nghệ cho các xí nghiệp vệ tinh, xây dựng và chỉ đạo theo một tiến độ giao nộp hàng đúng chất lượng, đúng kỳ hạn...

Trong một cuộc họp khác, có đồng chí giám đốc xí nghiệp xây lắp phát biểu rằng: “Với chế độ hạch toán kinh tế như hiện nay, tôi phải thú nhận rằng để cấp trên dễ thông qua, tôi phải dùng công thức: Hợp pháp nhưng không hợp lý - Hợp lý lại không hợp pháp”.

Nghe lời phát biểu đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh hỏi đồng chí nói thế nghĩa là gì? - Đồng chí ấy chứng minh, xây lắp cần tre mà giá bán tre của dân là 6đ một cây, không mua là không làm được, tôi ra lệnh cho anh em mua 100 cây, khi hạch toán ghi vào 200 cây vì với giá quy định nhà nước là 3đ mới là hợp pháp. Cả hội trường cười nhưng nhiều đồng chí nói ở xí nghiệp tôi cũng na ná như vậy và như vậy là chúng tôi nói dối mà hợp lý. Đồng chí Nguyễn Văn Linh cho như thế là không được, phải đề nghị lên trên sửa ngay, cũng chính vì vậy mà có lần đồng chí Trường Chinh đã nói: Lỗi là thật, lời là giả.

Lần khác Câu lạc bộ sinh hoạt với chủ đề Công nghiệp vệ tinh. Hội nghị nhất là đại biểu các quận 5, quận 11 cho rằng thất nghiệp là có thật, cơ sở nhỏ đóng cửa cũng là có thật vì theo quy chế chủ không được thuê nhân công, mà chỉ xúm xít bà con gia đình. Câu lạc bộ đã thống nhất đề nghị và Ủy ban nhân dân ra quyết định số 34 UBQĐ cho phép thuê dưới 10 công nhân với giá thỏa thuận, không coi là bóc lột. Một đại biểu ở Lisata cảm hứng với quyết định đó nên có câu rằng:

Vệ tinh, công nghiệp nhân dân

Ba tư soi sáng, thành công mở đường

Hàng chục nghìn cơ sở nhỏ, gia đình khôi phục làm ăn, phố phường vui vẻ.

Một lần, sau khi đi xem kết quả sản xuất của một số cơ sở công tư hợp doanh, đồng chí Nguyễn Văn Linh gợi ý, anh Nguyễn Văn Thanh (công ty hợp doanh cao su Phạm Hiệp) phát biểu: “Thực ra suốt đời tôi chỉ làm sản phẩm từ cao su. Thời địch tạm chiếm, xí nghiệp cũng bị chèn ép chỉ làm được các sản phẩm từ lốp xe máy, phụ tùng, vốn không đủ để đầu tư hiện đại hóa, tôi đã tham gia Hội Công thương hoạt động bí mật ủng hộ cách mạng và nuôi giấu nhiều cán bộ, giải phóng thành phố, tôi vô cùng vui mừng và nghĩ rằng cơ hội làm ăn đã đến. Nhưng sau đó, được công tư hợp doanh mà vốn nhà nước không bỏ thêm, chỉ đưa cán bộ về làm giám đốc, tôi xuống làm phó giám đốc. Dù vậy, tôi vẫn thấy tự do hơn lúc Mỹ nguy nên những ý nghĩ ấp ủ đưa ra thiết kế sản phẩm theo nhu cầu thị trường đã từng bước thực hiện, tôi đã sản xuất nhiều băng tải, lốp ô tô”.... Đồng

chí Nguyễn Văn Linh gợi ý. “Nếu đưa anh làm giám đốc, anh phải tự chủ kinh tế, phải làm đầy đủ nghĩa vụ cho nhà nước và đời sống cán bộ công nhân viên phải được cải thiện - Anh có làm được không?” - Anh Phạm Hiệp phấn khởi trả lời: “Được chứ ạ! Đảng và Nhà nước tin sao không làm được”. Từ đó đồng chí nói phải nghiên cứu lại mô hình Công tư hợp doanh sao cho đúng.

Qua hơn 20 lần sinh hoạt, Câu lạc bộ thu hút rất đông đảo người dự và phát biểu. Để sinh hoạt theo ngành nghề, Câu lạc bộ sẽ bàn rất sâu và tốt hơn, tôi có đề nghị và được hội nghị nhất trí: tổ chức họp theo ngành kinh tế - kỹ thuật như Câu lạc bộ giám đốc các xí nghiệp cơ khí, điện tử, dệt, thông tin, v.v...

Lần sinh hoạt cuối cùng với Câu lạc bộ, đồng chí Nguyễn Văn Linh trong sơ kết đã nói rõ: “Tuy tôi không dự được đầy đủ, nhưng tôi nghe báo cáo lại đầy đủ. Tôi thấy thu thập được nhiều bài học từ thực tiễn, hiểu rõ hơn ý nguyện của các đồng chí mong muốn làm cho nền kinh tế công nghiệp thành phố phát triển, công nhân có việc làm, mọi thành phần ai có của, có nghề được khuyến khích giúp đỡ đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Còn một số vấn đề chưa có đủ thì giờ thảo luận, như cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, công nhân tham gia quản lý, chúng ta sẽ tiếp tục vừa làm, vừa rút kinh nghiệm.

Với vị trí là một trung tâm như Nghị quyết 01 Bộ Chính trị đã chỉ rõ cho thành phố, chúng ta phải vừa lao động, vừa quản lý, vừa phải chấp hành các thể chế của Nhà nước, vừa phải đào sâu suy nghĩ sao cho sản xuất phải sinh lãi, hàng phải có chất lượng tốt, giá cả vừa sức mua của dân và đời sống cán bộ công nhân viên phải được giữ vững và từng bước cải thiện. Theo hướng đó, Thành ủy, Ủy ban và tôi hết lòng ủng hộ các đồng chí”.

Để chuẩn bị cho Đại hội VI, Ban Bí thư Trung ương đã có quyết định số 1590/VPT.Ư ngày 10-5-1986 phân công nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong tổ nghiên cứu cải tiến và đổi mới quản lý kinh tế. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được phân công tổng kết kinh nghiệm về vấn đề này ở TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam, góp phần quan trọng vào việc xây dựng đường lối đổi mới của Đảng tại Đại hội Đảng lần thứ VI năm 1986.

Dấu ấn “tự cứu mình”

LÊ THỊ LÝ ⁽¹⁾

Tôi nhớ một ngày giữa tháng 6 năm 1983, tôi và ba đồng chí giám đốc ở thành phố được Văn phòng Thành ủy triệu tập lên gặp đồng chí Bí thư Nguyễn Văn Linh.

Ngồi trong phòng họp, chúng tôi nhìn nhau bồn khoăn lo lắng. Nhưng liền sau đó đồng chí Linh xuất hiện với nét mặt hồ hởi. Tôi thấy đỡ lo. Đồng chí chậm rãi nói: “Hiện nay có các đồng chí trong Bộ Chính trị đang nghỉ ở Đà Lạt. Thành phố đã đăng ký xin được báo cáo về những việc đã làm của chúng ta trong thời gian qua, cũng như những khó khăn tồn tại để Bộ Chính trị có thêm cơ sở thực tế để đề ra đường lối chính sách mới. Tôi và Thường vụ cử các đồng chí là những người trực tiếp lãnh đạo cơ sở lên Đà Lạt báo cáo. Sứ mệnh của các đồng chí rất nặng nề”.

Chúng tôi ngồi đó nhìn nhau, lo ngại.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh lập tức động viên: “Các đồng chí đừng lo mà phải coi đây là niềm vinh dự của thành phố mình”.

Chấp hành ý kiến đồng chí Bí thư Thành ủy tôi về cùng với Đảng ủy, Ban giám đốc nhà máy dệt Phước Long khẩn trương làm báo cáo, cố gắng nói lên một cách trung thực những việc đang làm để tháo gỡ khó khăn, ách tắc và những tồn tại trở ngại do cơ chế gây ra.

1 Nguyên Giám đốc nhà máy dệt Phước Long, nguyên Phó Tổng giám đốc Tổng công ty dệt Việt Nam, nguyên Giám đốc Công ty dệt Việt Thắng.

Có dịp nhìn lại, chúng tôi mới thấy mình đã vượt một chặng đường đầy chông gai hiểm trở và trước mắt cũng còn lắm khó khăn. Nhất là cơ chế quan liêu bao cấp đã trói chặt người lãnh đạo cơ sở.

Nói thật lúc đó chúng tôi vừa làm vừa run. Bởi vì nhà máy dệt Phước Long thuộc diện Trung ương quản lý. Nếu làm theo sự chỉ đạo của thành phố tức là xé rào, sợ bị Bộ chủ quản khiển trách.

Nhưng gì thì gì, chúng tôi cũng phải bám sát sự chỉ đạo của Thành ủy, vì lẽ chúng tôi đóng trên địa bàn này, thành phố cũng có trách nhiệm với chúng tôi. Có thể nói thời kỳ 1979-1983 là thời kỳ suy thoái kinh tế, sản xuất đình đốn. Máy móc hư hỏng 70-80%, không có phụ tùng thay thế. Nguyên liệu cạn kiệt. Công nhân không có việc làm.

Riêng nhà máy dệt Phước Long có 3.000 công nhân (lao động nữ chiếm 80%) thì phân nửa phải nghỉ việc. Người thì sống tạm bợ bằng nghề phụ hoặc chạy chợ, người về nông thôn kéo xe bò, người đi vùng kinh tế mới.

May mắn sao lúc đó đồng chí Nguyễn Văn Linh đến thăm nhà máy chúng tôi.

Đồng chí vào đến cổng, chúng tôi vội chạy ra đón. Chưa kịp nói gì tôi đã òa khóc, cảm giác như mình đón người cha về đúng lúc để cứu những đứa con sắp chết đuối.

Lần đó phái đoàn tháp tùng có anh Quýnh, anh Năm Hoàng, anh Văn Anh, anh Bùi Văn Long...

Đồng chí Nguyễn Văn Linh nhẹ nhàng bảo tôi ngồi xuống, hãy báo cáo những việc đã làm, đang làm và chỗ nào còn vướng mắc thì nêu ra.

Tôi thưa với đồng chí: Nhà máy chúng tôi có 1.000 máy dệt thoi, 20 máy dệt kim bằng. Năng lực thiết kế 30 triệu mét một năm. Nguyên liệu là sợi tổng hợp 100% nhập khẩu. Hiện tại chỉ sản xuất được có 5 triệu mét vải một năm. Nhà máy sắp hết nguyên liệu nên chỉ làm cầm chừng. Công nhân đang hết sức khó khăn. Nhiều chị em không có tiền đóng gạo xin được làm bất cứ việc gì để được ăn bữa cơm trưa. Có người chỉ dám ăn nửa phần, còn lại nửa phần mang về nhà cho con hoặc cho mẹ già.

Tình hình này đòi hỏi chúng tôi phải tìm cách tháo gỡ. Nhờ trước đây chủ cũ có lập một xưởng làm gạch để kinh doanh thêm, chúng tôi tận

dụng xưởng này vì nguyên liệu có sẵn trong nước như đá, vôi, xi măng... Nhờ đó giúp hơn 100 chị em có việc làm.

Đi xem khu làm gạch, đồng chí Linh nói ngay: “Phải thay công nhân nam làm việc này để tránh cho chị em đỡ ướt quần áo. Làm cả ngày trong bộ quần áo ướt đầm làm sao sức phụ nữ chịu nổi!”

Tôi tiếp tục đưa đồng chí Nguyễn Văn Linh đi xem xưởng dệt nhuộm khu A. Trên đường đi đồng chí nhìn thấy phía sau nhà máy có một số chị em đang cuốc cuốc đào đào, đồng chí hỏi: “Ở đó sản xuất gì mà sao công nhân đứng ngoài trời?”

Tôi định giấu nhưng đồng chí đã trót nhìn thấy nên tôi đành phải báo cáo thật: “Dạ đó là hai hầm sợi phế thải, chủ cũ đã vứt bỏ lâu ngày thành hầm rác. Chúng tôi cho đào thử và thấy có thể giặt sạch sấy khô dùng chế tạo sản phẩm phụ như thú nhồi bông, chổi, đệm xe, v.v... Các công việc này thu hút trên dưới 20 công nhân. Có việc làm, có lương chị em rất mừng”.

Nhìn đồng chí tôi thấy trên nét mặt đượm vẻ buồn. Đồng chí nói với tôi: “Giải quyết công ăn việc làm cho chị em là đúng, nhưng phải tìm cách nào giảm bớt nỗi nhọc nhằn cho công nhân”.

Lời đồng chí khiến tôi vô cùng thấm thía. Đến thăm xưởng cơ khí, thấy anh em tận dụng sắt thép cũ để đóng các xe đẩy hàng phục vụ sản xuất, đồng chí Nguyễn Văn Linh rất hài lòng. Đồng chí nhắc chúng tôi cần lo sớm vấn đề phụ tùng thay thế bằng cách liên kết với các đơn vị khoa học kỹ thuật, không nên ỷ lại ngồi chờ nhập khẩu những thứ mà mình có thể tự làm được.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh còn chỉ ra nhiều vấn đề mà tập thể lãnh đạo Đảng, chính quyền nhà máy thấy mở ra một triển vọng thật sáng sủa, nhưng điều tôi tâm đắc nhất là câu nói: “Mình phải tự cứu mình trước khi trời cứu”.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí, chúng tôi phối hợp với hai công ty xuất khẩu thủy sản và nông sản thực phẩm tổ chức một đoàn đi điều tra nghiên cứu tình hình, nắm bắt những nhu cầu thiết yếu của người dân từ Quảng Nam - Đà Nẵng cho đến Cà Mau - Minh Hải.

Kết quả điều tra, chúng tôi thấy có 3 mặt hàng cần phải sản xuất đáp ứng ngay:



Từ phải sang trái: Đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Võ Chí Công, bà Lê Thị Lý.

Nguồn: Nxb Trẻ.

Một là vải mùng rất cần cho sinh hoạt của người dân, nhất là vùng Bạc Liêu Cà Mau vốn nổi tiếng nhiều muỗi.

Hai là hàng soie, một mặt hàng dùng phổ biến trong bà con nông dân, nhất là phụ nữ.

Ba là mặt hàng denim dùng để may quần tây cho cánh nam giới.

Chúng tôi đến gặp anh Bùi Văn Long - Tổng giám đốc liên hiệp dệt Trung ương báo cáo và xin chi viện nguyên liệu. Anh Long liền ký lệnh cấp cho nhà máy chúng tôi hàng trăm tấn sợi cotton dùng để dệt vải mùng. Đồng thời chúng tôi vét hết số nguyên liệu còn rất ít trong kho tập trung sản xuất ba mặt hàng nói trên. Rồi đem trao đổi hai chiều với bà con nông dân lấy tôm, đậu phộng, đậu xanh, hạt điều... chế biến những mặt hàng xuất khẩu, dùng số ngoại tệ thu được nhập nguyên liệu sợi tổng hợp.

Kết quả năm 1981, chúng tôi nhập về được 80 tấn sợi polyester 75P để nuôi dưỡng và phát triển sản xuất.

Những việc làm của chúng tôi gây được sự chú ý của nhiều đơn vị sản xuất. Bộ chủ quản cũng không có ý kiến gì, chúng tôi thấy yên tâm.

Có lần vào ngày 28 Tết, đồng chí Tổng giám đốc công ty xuất nhập khẩu tổng hợp Bộ Ngoại thương và đồng chí Nguyễn Xuân Quang (thời điểm viết bài này là thứ trưởng Bộ Thương mại) đến thăm nhà máy chúng tôi, hai đồng chí cho biết: đồng chí Bí thư Thành ủy nói mô hình tự cứu mình ở dệt Phước Long rất đáng phát huy.

Chúng tôi mừng quá đôi nói với nhau: Vậy là ta đi đúng quỹ đạo rồi.

Sau khi nghiên cứu đề án phát triển sản xuất của chúng tôi, hai đồng chí mạnh dạn giao làm gia công 50 tấn sợi của Thụy Điển viện trợ cho Tiến Giang. Dệt xong chúng tôi giao thành phẩm lại cho Tiến Giang, được biết tỉnh này mở rộng xưởng may, thu nhận nhiều chị em Trường phục hồi nhân phẩm nhằm giải quyết việc làm giúp chị em sớm hoàn lương.

Có một vấn đề làm chúng tôi đau đầu là vấn đề phụ tùng thay thế. Nhớ những gợi ý khi đồng chí Nguyễn Văn Linh đến thăm nhà máy, chúng tôi tổ chức cuộc họp gồm: khoa chế tạo máy trường Đại học Bách khoa, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Viện chế tạo máy của Bộ Cơ khí luyện kim, Nhà máy Z.751 của quân đội...

Sau khi bàn cách tháo gỡ, các nhà chuyên môn đi xem xét thực tế rồi nghiên cứu chế tạo thành công nhiều phụ tùng thay thế.

Kết quả trong hai năm 1981, 1982, chúng tôi phục hồi được 700 máy dệt thoi, 12 máy dệt kim bằng.

Theo đà này nhiều nhà máy xí nghiệp trong thành phố cũng liên kết với các đơn vị trên dần dần phục hồi sản xuất. Nền kinh tế của thành phố bắt đầu khởi sắc.

Có nguyên liệu rồi, máy móc được sửa chữa hoàn chỉnh rồi, chúng tôi lập tức tập hợp công nhân có tay nghề và những chị em thợ dệt lâu năm.

Vấn đề này thật khó vì phải tung người đi nhiều nơi, nhưng chúng tôi quyết tâm làm bằng được. Như trường hợp quản đốc Ba Dương đưa vợ con về tận Trại An (Sông Bé), quản đốc Hai Ti cũng về nông thôn rất xa.

Chúng tôi đón các anh về lại nhà máy ai ai cũng phấn khởi. Để giúp các anh yên tâm sản xuất, hằng tháng chúng tôi cho xe chở gạo và những nhu cầu thiết yếu về gia đình các anh trong thời gian 6 tháng, nghĩa là đến khi các anh tự giải quyết được vấn đề kinh tế cho gia đình mình.

Lực lượng từ nữ công nhân tuy đông nhưng cũng có đủ công việc cho chị em làm nhờ tận dụng phế liệu phế phẩm và khâu sản xuất phụ.

Để sử dụng hết công suất máy, chúng tôi nghĩ đến việc sản xuất tơ lụa bằng nguyên liệu tại chỗ. Phối hợp với trường Trung cấp kỹ thuật Bộ Công nghiệp nhẹ và trường Đại học Nông lâm Thủ Đức, chúng tôi lên Bảo Lộc nghiên cứu, tổ chức phục hồi việc nuôi tằm kéo tơ (lúc này chưa có công ty Dâu tằm tơ). Phương pháp kéo tơ ở đây toàn làm thủ công vì máy móc đã bị hỏng hóc. Để khắc phục, chúng tôi vận động bà con nông dân nuôi tằm và cử công nhân lên sửa chữa phục hồi máy kéo tơ. Vậy là chúng tôi có thêm nguyên liệu, thêm mặt hàng mới. Chúng tôi chọn những chị em có nghề thêu và lập bộ phận thêu tay trong nhà máy. Các kiểu áo thêu trên lụa tơ tằm rất được ưa chuộng ở nước ngoài. Chúng tôi gửi những thành phẩm đó qua Pháp nhờ Việt kiều bên ấy bán hộ, lấy ngoại tệ nhập thêm nguyên liệu mới.

Tính đến cuối năm 1983, chúng tôi đưa sản lượng lên hơn 15 triệu mét vải một năm. Chất lượng có thể cạnh tranh được với hàng ngoại nhập.

Nhờ bám sát sự chỉ đạo của Thành ủy và Bộ Công nghiệp nhẹ, các đơn vị bạn như dệt Thành Công, dệt Phong Phú, dệt Thắng Lợi cũng lập thành tích tốt. Nhưng nếu chỉ riêng đơn vị mình tốt thôi chưa đủ, đồng chí Nguyễn Văn Linh nói: “Cần phải nghĩ cách nào để trao đổi phát huy những cái làm được, những thành công bước đầu ấy để tiếp tục đưa sản xuất đi lên”. Và từ đó, Câu lạc bộ giám đốc hình thành. Hàng tháng sinh hoạt đều kỳ nhằm phát huy cái mới, rút kinh nghiệm khắc phục những lệch lạc trên con đường mò mẫm đi lên.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh nhiều lần đến dự họp và có ý kiến chỉ đạo xác đáng.

Cho nên khi đồng chí về thăm nhà máy dệt Phước Long chúng tôi lần thứ hai vào cuối năm 1992, anh chị em công nhân vô cùng phấn khởi, náo nức chào đón đồng chí như đón người cha kính yêu. Bởi vì anh chị em hiểu rằng mỗi lần đồng chí đến là có một sự đổi mới, là đem lại một cái gì đó làm cho cuộc sống người thợ ngày một tốt tươi hạnh phúc.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đi một lượt thăm qua các xưởng dệt, nhuộm. Đồng chí tỏ ý rất vui khi thấy nhà máy sản xuất nhiều loại vải đẹp, máy

đã có tơ sợi dệt không phải ăn đong. Năng suất tăng gấp ba lần năm 1980.

Vừa đi xem nhà máy, đồng chí vừa hỏi tôi: “Vây cô liên kết với các công ty thu mua chế biến hải sản, nông sản đem lại bao nhiêu tấn sợi?”. Tôi thưa: “Dạ tính đến cuối năm 1982 này chúng tôi thu được trên 1.000 tấn sợi, tương đương 4 triệu đôla ạ!”.

Thực ra lúc đó các công ty bạn còn nợ chúng tôi và số dư ở tài khoản trên 2 triệu đôla nữa. Tôi báo cáo luôn: “Thưa đồng chí, vấn đề đang khó khăn hiện nay là việc cấm chợ ngăn sông. Vận chuyển hàng từ đây về đồng bằng sông Cửu Long hoặc ra miền Trung thường bị các trạm gác ngăn chặn gây khó dễ”.

Đồng chí liền kêu anh em giao nhận hàng ra hỏi, anh em thưa: “Chúng cháu chờ vài có hợp đồng hóa đơn đảng hoàng vậy mà cũng bị hoành hợc. Chờ vài xuống Cần Thơ, Minh Hải mất từ 4 đến 5 ngày”.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh cười an ủi chúng tôi: “Đảng và nhà nước đã thấy vấn đề này và đang khắc phục sửa chữa. Anh em đi chờ hàng đừng có chờ hàng cấm nhé!”. Rồi đồng chí quay sang hỏi tôi vấn đề nhà trẻ và tổ chức bữa ăn giữa ca, tôi thưa: “Dạ vẫn duy trì bữa ăn giữa ca, đặc biệt là phục vụ công nhân làm ca ba rất đầy đủ. Tuy không có trong chế độ quy định, nhưng chúng tôi đã tận dụng phế liệu và làm thêm gạch để có tiền bồi dưỡng cho anh chị em công nhân. Còn nhà trẻ thì tạm thời gởi con ở nhà trẻ phường”, đồng chí nói ngay: “Không được, chị em làm ca đêm phường nào giữ trẻ cho. Nhà thiếu gì, cần tổ chức ngay nhà trẻ để chị em làm ca kíp yên tâm sản xuất”. Tôi dạ và trong lòng mừng tượng những việc cần làm ngay mà đồng chí vừa nhắc nhở.

Sau khi đi thăm các phân xưởng, đồng chí nói chuyện tại hội trường. Nét mặt rất vui, đồng chí nói: “Các đồng chí làm rất năng động, tốt. Những việc làm cụ thể này không thể nào Trung ương biết hết được nên phải biết đúc kết và báo cáo. Đây chính là các đồng chí tự cứu mình trước khi trời cứu đấy. Làm việc có lợi cho đất nước, có lợi cho công nhân là tốt, nhưng có một điều phải nhớ là luôn luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức của người cộng sản, người cách mạng trong lĩnh vực kinh tế. Ba là các đồng chí phải luôn giữ mối quan hệ chặt chẽ, tranh thủ sự giúp đỡ của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các ngành có liên quan, ngành chủ quản. Các

đồng chí cứ yên tâm mà làm. Đặc biệt có anh chị em, công nhân ở đây sẽ làm chứng cho các đồng chí về những việc làm tốt và giúp các đồng chí khắc phục những việc làm chưa tốt”.

Lời đồng chí tuy ngắn gọn nhưng bao hàm rất nhiều ý nghĩa, đồng chí quan tâm đến tất cả mọi người và cảm thông với mọi nỗi khó khăn của công nhân. Nhiều chị em không cầm được nước mắt khi thấy đồng chí đề cập đến vấn đề tổ chức nhà trẻ và bữa ăn ca đêm cho công nhân.

Chúng tôi, Đảng ủy và Ban giám đốc triển khai học tập trong toàn thể công nhân viên chức những lời chỉ dạy quý báu của đồng chí.

Không khí học tập và làm việc thật sôi nổi. Anh chị em công nhân luôn đề cao phẩm chất đạo đức cách mạng của người thợ trong chế độ mới. Tin tưởng, đoàn kết giúp nhau cùng tiến bộ.

Cùng với nhiều đơn vị khác, nhà máy dệt Phước Long được công nhận là đơn vị điển hình tiên tiến.

Riêng tôi, tôi mãi mãi khắc ghi trong lòng dấu ấn tốt đẹp về đồng chí, vị lãnh tụ đầy năng động và sáng tạo.

Tôi cũng nhớ mãi sự kiện lịch sử ở Đà Lạt, tìm kiếm và xác nhận những nhân tố mới gây phấn khích trong lòng các vị lãnh đạo cao cấp cũng như nhân dân thành phố bằng câu đúc kết của đồng chí Trường Chinh: “Trong sa mạc đã có những chòm cây xanh”.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh là người diu dặt chúng tôi vượt từng chặng đường gian khó để có ngày chúng tôi được đứng trước Bộ Chính trị báo cáo những kết quả đạt được, giúp Trung ương có thêm thực tiễn để ra đường lối đổi mới.

Bằng sự tìm tòi suy nghĩ, bằng sự chỉ đạo sát sao, suốt từ những năm đầu của thập kỷ 80, đồng chí đã rút ra những bài học bổ ích cùng với Trung ương khẳng định con đường đúng nhất, phù hợp nhất trong giai đoạn lịch sử này.

Xin cho phép tôi được thấp nén hương nghiêng mình trước vong linh đồng chí nói lên lòng biết ơn sâu sắc của tôi, của tất cả chúng ta đang mạnh bước theo tiếng gọi của Tổ quốc, phấn đấu cho một nước Việt Nam giàu đẹp, phồn vinh.

Một sự kiện đáng nhớ (sự kiện Đà Lạt)

LÊ HỒNG QUANG⁽¹⁾

Một trong những việc đáng nói và có lẽ nhiều người còn chưa biết rõ là “Sự kiện Đà Lạt” (1983). Sự kiện đó có mối quan hệ hữu cơ đến công cuộc đổi mới sau này của Đảng.

Chiều (thứ hai) ngày 11-7-1983, sau khi đi tiếp đồng chí Rô-lăng Hô-phơ, Tổng lãnh sự Cộng hòa Dân chủ Đức hết nhiệm kỳ công tác tại thành phố Hồ Chí Minh và đồng chí Gê-Rôn Plét-ton, Tổng lãnh sự mới đến nhận nhiệm vụ tại thành phố; vừa về đến nhà, đồng chí Nguyễn Văn Linh gọi tôi đến giao việc. Đồng chí bảo: “Sáng mai, 7 giờ xuất phát đi công tác ở Đà Lạt khoảng 10 ngày. Ta đi hai xe và ba xe khác của các đồng chí ở UBND thành phố và các xí nghiệp cùng đi. Cậu liên hệ với các anh và lo ăn uống trên đường đi”.

Sau đó chính Thủ trưởng (đồng chí Nguyễn Văn Linh) ghi cho tôi một danh sách những người trong đoàn.

Đúng 7 giờ sáng (thứ ba) 12-7-1983, xe Thủ trưởng xuất phát. Qua khỏi cầu Sài Gòn thì đoàn hợp đủ 5 xe tiếp tục cuộc hành trình. Đi đến 10 giờ, qua khỏi Bảo Lộc 3km dừng lại nghỉ, ăn bánh mì (dã chiến) rồi đi thẳng đến Đà Lạt.

Buổi chiều, Thủ trưởng ăn cơm chung với anh em trong đoàn, có các anh: Sáu Công, anh Quýnh, anh Thụy, anh Lộc và anh Hoài.

1 Đại tá, bác sĩ đặc trách chăm sóc sức khỏe đồng chí Nguyễn Văn Linh từ năm 1967

Tôi được biết thời gian này là đợt nghỉ hè của các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và nhà nước.

- Đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Đảng đang nghỉ ở Liên Xô

- Ở Đà Lạt đang có mặt để nghỉ tại đây có: đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch Hội đồng nhà nước; đồng chí Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí Võ Chí Công, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Được sự đồng ý của ba đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng đang nghỉ ở Đà Lạt, đồng chí Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Linh tổ chức để các giám đốc một số xí nghiệp có những sản phẩm thiết yếu cho đời sống, làm ăn có hiệu quả, được trực tiếp báo cáo tình hình hoạt động thực tế trên tinh thần năng động sáng tạo tìm ra cách làm ăn mới mang lại hiệu quả kinh tế, theo những chủ trương của thành phố trong thời gian qua.

Thành phần của thành phố, ngoài các đồng chí đến trong ngày 12-7-1983 nêu trên, sáng hôm sau (13-7-1983) có thêm: đồng chí Trần Tựu, giám đốc xí nghiệp Dược phẩm 2.9; đồng chí Nguyễn Văn Long, Tổng giám đốc ngành dệt, đồng chí Lê Thị Lý, giám đốc xí nghiệp dệt Phước Long.

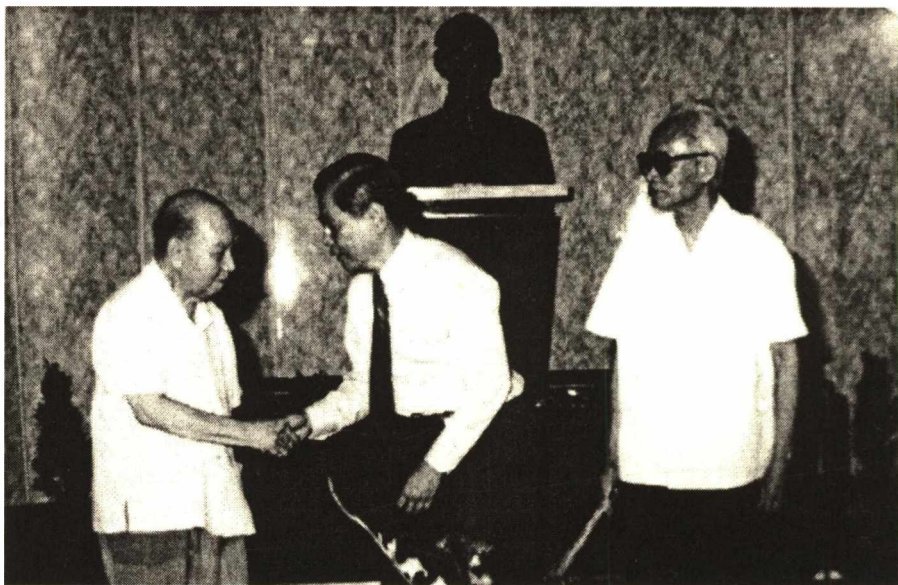
Ngày 14-7-1983, có thêm đồng chí Ba Văn, cán bộ thuộc Vụ địa phương 2 của Văn phòng Trung ương Đảng đến tham dự. Ngày 18-7-1983 có thêm anh Năm Nam, Thành ủy viên của TP. Hồ Chí Minh.

Hội trường làm việc cách nơi ở của đồng chí Nguyễn Văn Linh khoảng 200m nên đồng chí đi bộ đến làm việc hằng ngày.

Sáng 16-7-1983 làm việc xong, ngay chiều hôm ấy các đồng chí đều về TP. Hồ Chí Minh, chỉ còn lại đồng chí Sáu Công - Phó Chủ tịch UBND thành phố, và đồng chí Quỳnh - Trưởng ban công nghiệp Thành ủy - ở lại Đà Lạt với đồng chí Bí thư Thành ủy làm việc tiếp trong những ngày sau.

Ngày 17-7-1983 (chủ nhật), 7 giờ sáng đồng chí Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Linh mời ba đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và nhà nước đi thăm cơ sở tầm tợ và xí nghiệp chè ở Bảo Lộc. Sau khi làm việc, ăn trưa ở Bảo Lộc xong, 12 giờ 30 cả đoàn trở về Đà Lạt nghỉ.

8 giờ sáng thứ hai, 18-7-1983 làm việc ở hội trường có ba đồng chí lãnh đạo cao cấp, đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Sáu Công, đồng chí Quỳnh, và đồng chí Năm Nam. Đó là buổi làm việc Hội trường cuối cùng;



Đồng chí Nguyễn Văn Linh từ miền Nam ra gặp Trung ương và Bộ Chính trị
(Từ trái qua phải: Đồng chí Trường Chinh, đồng chí Nguyễn Văn Linh,
đồng chí Phạm Văn Đồng). *Nguồn: Do gia đình cung cấp.*

chiều hôm ấy đồng chí Sáu Công, đồng chí Quỳnh và đồng chí Năm Nam về thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19-7-1983, không làm việc ở Hội trường, đồng chí Nguyễn Văn Linh chuẩn bị để buổi chiều làm việc riêng với đồng chí Trường Chinh và đồng chí Phạm Văn Đồng.

7 giờ sáng ngày (thứ tư) 20-7-1983, đồng chí Nguyễn Văn Linh trở về TP. Hồ Chí Minh. Trên đường về, ngồi trong xe đồng chí nói: “Cái mới không dễ được sớm chấp nhận. Còn phải cố gắng nhiều hơn nữa để bằng thực tế với cung cách làm ăn có hiệu quả, mới có thể thuyết phục nhằm thay đổi dần được cách nghĩ, cách điều hành đất nước theo lối cũ!”. Một phần nào đó tôi đã hiểu được tâm tư của đồng chí Nguyễn Văn Linh sau “Sự kiện Đà Lạt” này. Một ý chí, một quyết tâm chiến lược của người lãnh đạo đang nung nấu. Hai năm sau, năm 1985, tác phẩm “Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm” của đồng chí Nguyễn Văn Linh ra đời.

Có một sự thật được nhìn nhận là: Mười một năm sau, tính từ sau giải phóng đến Đại hội Đảng lần thứ VI (1975-1986) thành phố đi lên được

coi là “không giống ai” mà trong tác phẩm “Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm”, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã tổng kết đánh giá, trong đó “Sự kiện Đà Lạt” nằm ở mốc thứ 8; càng củng cố thêm những suy nghĩ của tôi từ sau “Sự kiện Đà Lạt”. Chính thành quả 10 năm (1975-1986) phát triển của TP. Hồ Chí Minh cùng một số địa phương đi trước khác là quá trình đóng góp vào làm thay đổi cơ chế quản lý kinh tế và nhiều mặt khác, đã dẫn đến kết cục hiển nhiên là Đại hội Đảng lần thứ VI (1986), Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước.

Như trên đã nêu tóm tắt “Sự kiện Đà Lạt” diễn ra từ ngày 12-7-1983 đến 20-7-1983 là kết thúc.

Sau khi Nhà nước thực hiện chủ trương về “Giá - Lương- Tiền”, tình hình kinh tế đất nước gặp nhiều khó khăn, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Trung ương điều về làm Thường trực Ban Bí thư (1-7-1986). Những ý tưởng từ “Sự kiện Đà Lạt”, cùng cách làm mới mẻ của TP. Hồ Chí Minh và nhiều nơi khác: Long An, Vĩnh Phú,... được đồng chí Nguyễn Văn Linh đúc kết vận dụng kết hợp với những đánh giá mới của Trung ương về tình hình đất nước, đã giúp Đảng chuẩn bị Nghị quyết 6 khởi xướng “Công cuộc đổi mới” đất nước, bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ VI (tháng 12 năm 1986).

Đó là câu chuyện của 15 năm trước, tôi muốn nói thêm điều này “Sự kiện Đà Lạt” gắn với một kỷ niệm riêng của gia đình đồng chí Nguyễn Văn Linh. Ở tuổi vừa tròn “thất thập”, đồng chí rất vui mừng đón đứa cháu ngoại trai đầu tiên, con của đôi vợ chồng trẻ Đoàn Hữu Thành và Nguyễn Thị Hòa (con gái lớn), chính là cháu Đoàn Hồng Sơn.

Năm 1998, cháu Sơn đã 15 tuổi. Ở lứa tuổi cùng cháu Sơn hiện nay đang sống, các cháu đã được thừa hưởng thành quả của thời kỳ đổi mới được 12 năm rồi (1986-1998). Các cháu ở tuổi học sinh ấy không thể nào hình dung được lúc mình cất tiếng chào đời thì cuộc sống người dân trong xã hội khó khăn đến nhường nào. Các cháu 15 tuổi ở thời điểm ấy thì nay đã là 30 tuổi, còn người 30 tuổi lúc đó nay nhớ lại càng thấm thía về những đổi thay trên nhiều lĩnh vực khác hẳn biết bao so với hiện tại. Nếu bạn nào còn giữ được tờ Sài Gòn Giải Phóng ngày 16-8-1988 sẽ được đọc lại bài này: “Công ty kinh doanh lương thực đảm bảo đủ gạo bán cho mỗi người

9kg/tháng với giá ổn định”. Đọc lại lời hứa của công ty Kinh doanh lương thực TP. Hồ Chí Minh đảm bảo bán cho mỗi người dân là 9kg/tháng với giá ổn định mới thấy, chỉ nói riêng về lương thực thôi (chưa nói đến các mặt hàng khác, các lĩnh vực khác) so với hiện nay ta đã có một sự cách biệt “một trời một vực” rồi. Câu chuyện định lượng lương thực và giá cả của 15 năm trước, nay nghe và nói lại cho lớp trẻ cũng gần như là chuyện “cổ tích!”. Nói như vậy để ta cảm nhận được cái tinh thần “Sự kiện Đà Lạt” đã góp phần với những sự kiện và hiện tượng khác trong cung cách làm ăn mà cả nước một thời vừa làm vừa rút kinh nghiệm, dẫn đến “Đại hội Đổi Mới” là điều tất yếu.

“... Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay” (Tố Hữu), là người trong cuộc và may mắn “vô tình” còn giữ được đôi chút tư liệu về sự kiện của 15 năm trước, tôi xin ghi lại nhân kỷ niệm một năm đồng chí Nguyễn Văn Linh đi xa.

Năm 1998

Nguyễn Văn Linh - Một trong những ngọn cờ đổi mới

TRẦN BẠCH ĐĂNG

Tin đồng chí Nguyễn Văn Linh, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam từ trần vào tuổi 83 với căn bệnh quái ác không gây bất ngờ song lại hết sức đau buồn trong chúng ta.

Từ Đại hội VI, tên tuổi đồng chí đồng nhất với Đổi mới và những gì đất nước ta đạt tới hôm nay gắn liền với nỗ lực của đồng chí. Tất nhiên đồng chí Nguyễn Văn Linh không phải là người duy nhất chủ trương Đổi mới - mầm mống đổi mới này nở từ đầu những năm 80, thành một thôi thúc sống còn qua cơn khủng hoảng 1979-1980 với những cái tên đã đi vào lịch sử: Trường Chinh, Võ Văn Kiệt - nhưng đồng chí chính là người chủ trì việc Đảng, việc nước vào thời kỳ Đổi mới chính thức được tuyên cáo thành quốc sách ở ta. Lịch sử tư tưởng Đổi mới của đồng chí Nguyễn Văn Linh mang nguồn gốc sâu xa - là một cán bộ lẫn lộn với quần chúng từ thuở vừa bước chân vào cách mạng, là một trí thức hiểu các cốt lõi vì lợi ích nhân dân lao động, vì sự phát triển xã hội của chủ nghĩa Marx-Lenin - Hồ Chí Minh, là một nhà lãnh đạo sống tại môi trường năng động Nam bộ và Sài Gòn, đồng chí xem bảo thủ và quan liêu như tai họa đáng kinh sợ.

Tôi giờ lại quyển “Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm”⁽¹⁾ mà đồng chí viết

1 Nhà xuất bản Sự Thật - 1985.



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh (bên phải) trao đổi với các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng: Phạm Văn Đồng và Lê Đức Thọ, tháng 1-1989.

Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

năm 1985 với tư cách Bí thư Thành ủy, dễ dàng tìm thấy những suy nghĩ Đổi mới của đồng chí.

Trong lời nói đầu quyền sách, đồng chí nhắc lại nghị quyết 01 của Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9 năm 1982 đánh giá vị trí TP. Hồ Chí Minh như sau: “TP. Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế lớn, một trung tâm giao dịch quốc tế và du lịch của nước ta. TP. Hồ Chí Minh có vị trí chính trị quan trọng sau thủ đô Hà Nội. Nhân dân lao động TP. Hồ Chí Minh vốn có tinh thần yêu nước nồng nàn, có truyền thống cách mạng kiên cường, đồng thời lại rất năng động và giàu sáng tạo trong sản xuất và kinh doanh.

Riêng về kinh tế, thành phố là một trung tâm công nghiệp lớn, có năng lực sản xuất công nghiệp khá phát triển, nhất là công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; ngành nghề tiểu thủ công nghiệp rất phong phú; đội ngũ công nhân và thợ thủ công có tay nghề khá; lực lượng khoa học, kỹ thuật đông đảo, có tài năng; có cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển công nghiệp, xuất nhập khẩu và du lịch.

Thành phố là đầu mối giao thông lớn cả về thủy, bộ và đường hàng không, thông thương thuận tiện với các tỉnh ở Nam bộ, Nam Trung bộ và Nam Tây Nguyên; có vị trí và điều kiện rất thuận lợi về giao lưu quốc tế, trước hết là với Campuchia, Lào và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Điều đặc biệt quan trọng là kinh tế của thành phố gắn liền với một vùng nông, lâm, ngư nghiệp trù phú (khu vực B.2 cũ) có nền sản xuất hàng hóa phát triển, có những khả năng lớn về lao động, đất đai, bảo đảm cho thành phố một hậu phương phong phú về lương thực, thực phẩm, nông sản, nguyên liệu, v.v...

Trên cơ sở tư tưởng của Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Linh nói: “Xét ở một khía cạnh khác, TP. Hồ Chí Minh cũng như mọi thành phố nước ta là kết quả lao động của nhân dân; riêng quy mô TP. Hồ Chí Minh được như ngày nay là kết quả lao động của nhân dân cả nước thuở vùng Bến Nghé còn hoang vắng, trải qua những thế kỷ cần cù lao động và tích lũy. Sự nghiệp đấu tranh cách mạng của thành phố cũng là sự nghiệp chung của nhân dân cả nước mà cao trào dân chủ 1936-1939, khởi nghĩa Nam kỳ, Nam bộ kháng chiến, đợt tập kích chiến lược Tết Mậu Thân 1968 và đại thắng mùa xuân 1975 là những đỉnh chói lọi. Quá trình chuyển hóa từ Sài Gòn lên TP. Hồ Chí Minh là quá trình hy sinh của hàng chục vạn đồng bào, đồng chí, không phải tất cả đều quê quán ở thành phố.

Sản phẩm của cả nước, tầm vóc của thành phố chính là niềm hạnh diện của mọi người Việt Nam”.

Giới thiệu quan điểm chung của đồng chí Lê Duẩn: “Đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa phát triển là việc chưa từng có trong lịch sử nhưng lại là một tất yếu trong thời đại mới. Quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đang đặt ra hàng loạt vấn đề về lý luận và thực tiễn cần được giải quyết, bao gồm những vấn đề thấu suốt đường lối cách mạng và đường lối phát triển kinh tế, phát huy những động lực của sự phát triển, tăng cường quản lý Nhà nước, nâng cao trình độ tổ chức thực tiễn, phát động phong trào cách mạng của quần chúng”, đồng chí Nguyễn Văn Linh nhấn mạnh: “Như vậy, bài học rút ra sau 10 năm phấn đấu là tiến độ của sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa tùy thuộc ở tri thức nắm và

vận dụng quy luật khách quan trong chặng đường đầu thời kỳ quá độ của công cuộc xây dựng đó tại một thành phố nằm giữa một khu vực mang nhiều đặc điểm, trong bối cảnh chung của đất nước đang cần kiệm công nghiệp hóa với rất nhiều khó khăn bên trong và bên ngoài. Tiến độ của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội còn tùy thuộc ở nhiệt tình và độ trong sáng cách mạng của Đảng bộ. Từ tri thức và nhiệt tình đó mà khơi dậy khí thế tiến công của giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức và đông đảo quần chúng thành phố, lấy tuổi trẻ làm lực lượng xung kích.

Cần phải thấy một thực tế là bản thân sức sống của thành phố bao gồm sự vận động của quy luật kinh tế - xã hội của một thành phố công nghiệp cộng với tính chất cách mạng của quần chúng, không chấp nhận bất kỳ trì trệ nào. Đảng bộ không vươn kịp quá trình đi lên của thành phố thì lập tức phát sinh mâu thuẫn, cho nên vấn đề nghiên cứu và vận dụng quy luật kinh tế - xã hội ở thành phố giữ vai trò rất quyết định. Khái niệm “cách mạng” ở thành phố hiện nay phải là sự hài hòa giữa tri thức và nhiệt tình, nhấn mạnh một phía nào cũng đều phiến diện”.

Lược qua vài đoạn trong một quyển sách, chúng ta đã thấy tư duy Đổi mới của đồng chí Nguyễn Văn Linh không ngẫu nhiên. Nó rất khoa học.

Đồng chí mất nhưng tư duy của đồng chí còn đó, nhất là tư duy được từ thực tế hơn 10 năm bồi đắp thêm độ dày và độ sinh động, dự báo con đường chúng ta theo đuổi sẽ càng hào hứng, càng tiến gần đến mong ước dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh...

Tháng 4 năm 1998

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo để thực hiện đổi mới: Mối quan tâm hàng đầu

Trích bài "Tiếng nói của tấm lòng lớp trẻ"

Báo Tuổi Trẻ 1986

... Chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI, đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh nói: "Càng gần đến đại hội, mối quan tâm đó (tức là mối quan tâm về việc lựa chọn đội ngũ cán bộ để thực hiện chủ trương của đại hội - ghi chú của Tuổi Trẻ) càng trở nên da diết, gần như ở đâu, cán bộ, đảng viên cũng đều đặt ra câu hỏi: Đảng ta dự định bố trí đội ngũ lãnh đạo thế nào để thực hiện tốt bước đổi mới đúng đắn đã đề ra. Kinh nghiệm trong những năm qua khiến cho câu hỏi đó trở thành mối quan tâm, lo lắng hàng đầu của mọi người. Trong giờ phút trọng đại của đất nước hiện nay, toàn Đảng đã trao cho Ban Chấp hành Trung ương nhiệm vụ trả lời câu hỏi đó". Đồng chí Tổng Bí thư nhắc tinh thần trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương Khóa V "xem xét, cân nhắc, thảo luận kỹ lưỡng và qua đấu tranh thẳng thắn giữa cái đúng và cái sai, với thái độ tôn trọng sự thật, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật" để giới thiệu đại hội lựa chọn cơ quan lãnh đạo đủ tài đức. Đồng chí nêu rõ tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ - trước hết, trong bố trí đúng cán bộ lúc này, "phải căn cứ vào quan điểm của cán bộ. Năng lực của cán bộ hiện nay, phải thể hiện

ở sự đổi mới tư duy và ở khả năng, triển vọng tiếp thu cái mới...” Đồng chí nói: “Chúng ta hết sức quý trọng những đồng chí sớm gắn bó với cái mới ngay từ lúc nó còn manh nha, dám dũng cảm đi đầu trong cuộc đấu tranh cho cái mới ra đời. Nay chính là lúc Đảng ta phải trọng dụng các đồng chí đó. Chúng ta quý trọng những đồng chí từ lâu đã gắn bó hoạt động của mình với cơ chế cũ, nhưng đã nhạy bén tiếp nhận và hết lòng ủng hộ cái mới, góp phần xây dựng nó. Chúng ta cũng vui mừng hoan nghênh những đồng chí đến nay còn ray rứt băn khoăn, nhưng mai đây sẽ gạt bỏ những ý nghĩ cũ, dứt khoát bảo vệ cái mới”...

... “Hiện nay, điều trước tiên - đồng chí Trường Chinh nói - là phải lựa chọn những đồng chí có quan điểm, nhận thức mới, tiến kịp tư duy của thời đại, nhạy bén với quá trình đổi mới, thể hiện trong cách nghĩ, cách làm. Những người như vậy thì dù lớn tuổi, Đảng ta vẫn cần tiếp tục sử dụng. Những người vẫn theo đuổi cách nghĩ, cách làm cũ, vẫn muốn duy trì tập trung quan liêu, bao cấp, cố ý cản trở việc thi hành Nghị quyết của Đảng hoặc cục bộ, bản vị, chỉ chăm lo thu vén cho cá nhân đơn vị mình thì dù ở độ tuổi nào cũng không thể sắp xếp vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước”. Về mặt phẩm chất, đồng chí Tổng Bí thư chỉ rõ: “Cán bộ lãnh đạo phải là những người cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”, thật sự là “đầy tớ trung thành của nhân dân” như Bác Hồ đã dạy”...

Các đồng chí trong Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng
đến thăm và chúc Tết Đinh Mão (1987) Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh.

Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.



Khởi động của đổi mới

Trích báo Tuổi Trẻ - 1986

(Nhóm PV Thời sự)

Chiều 18-12, phiên họp bế mạc của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI được trực tiếp truyền qua vô tuyến truyền hình, đài phát thanh và qua hệ thống loa truyền thanh ở các phường. Hàng triệu đồng bào, cán bộ, chiến sĩ của thành phố chăm chú theo dõi kết quả của Đại hội.

Từ trong công xưởng

Hơn 40 cán bộ, công nhân viên Xí nghiệp Khảo sát Thiết kế thủy lợi đã có mặt đúng giờ chờ xem chương trình trực tiếp lễ bế mạc Đại hội Đảng VI qua màn ảnh nhỏ. Vài kỹ sư trẻ tuy đang bận rộn xây dựng các bản thiết kế công trình cho kế hoạch năm cũng chạy lên chạy xuống thăm dò diễn tiến lễ bế mạc. Đồng chí Đỗ Văn Hương, phó giám đốc xí nghiệp, cho biết: “Đại hội Đảng lần này có nhiều nét mới. Có thể nói trong lịch sử Đại hội Đảng của nước ta, đây là lần đầu tiên ý kiến của quảng đại quần chúng đã được phản ánh gần như đầy đủ vào nghị quyết của Đại hội. Đặc biệt sự kiện ba đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng và Lê Đức Thọ không ra ứng cử vì tuổi đã cao, sức đã yếu, nhưng lại sẵn sàng mang hết kinh nghiệm của mình ra làm Cố vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, cho chúng tôi tin rằng quả thật chúng ta đang bước trên một chặng đường đổi mới của đất nước”.



Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam, tháng 12 năm 1986. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

Phòng khách yên lặng bỗng ồn ào, xôn xao bàn tán khi nghe sắp công bố đồng chí Tổng Bí thư mới của Đảng, lập tức có những tiếng “suyt, suyt” vang lên và ai đó hét lớn “im đi” để rồi ào lên những tràng vỗ tay sôi động khi nghe đồng chí Nguyễn Văn Linh được tín nhiệm bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Còn kỹ sư trẻ Trương Tín Dũng cho biết: “Qua Đại hội lần này, tôi hy vọng đất nước chúng ta sẽ trẻ hóa đội ngũ cán bộ từ Trung ương đến địa phương. Nghị quyết Đại hội Đảng đã xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trong đó thủy lợi phải là biện pháp hàng đầu của nông nghiệp. Vì vậy, trách nhiệm ấy đối với chúng tôi rất nặng nề. Tôi hy vọng lãnh đạo của xí nghiệp từ nhận thức đó sẽ cải tiến bộ máy, thay đổi cung cách làm ăn cho phù hợp với sự đổi mới”.

...Đến chợ đầu cầu...

13 giờ 30, chúng tôi xuôi đường Cách mạng tháng Tám về chợ Cầu Muối, bắt gặp một số người đi đường vội vã nhìn đồng hồ đeo tay. Một

anh mãi miết đập xích lô giải thích: canh giờ xem truyền hình phiên họp bế mạc Đại hội Đảng lần thứ VI.

Đa số máy thu hình ở phường 20 đều thu hút đông đảo người xem. Hai chị bán ve chai đứng bên cửa sổ nhà số 50 Cô Giang, bốn thanh niên đứng bên cửa sổ nhà số 17/2 đường Nguyễn Thái Học xem ké, vui mừng ra mặt khi nghe khẩu hiệu “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Một chị bán ve chai nói: Như vậy mới là dân chủ. Chị Hai tổ dân phố 29, cổ đông hợp tác kinh doanh hàng bông có vẻ thích thú khi nghe nghị quyết chỉ đạo không chia cắt thị trường, cho phép hàng hóa lưu thông.

Sau lễ bế mạc, anh Đào Văn Linh ở tiệm may số 29 đường Nguyễn Thái Học, nói với chúng tôi:

- Mình vui thật sự. Đảng kêu gọi mọi người sản xuất thoải mái, mình tin vào nghề thợ may sẽ khá hơn.

Nhận xét về các đồng chí lãnh đạo mới, anh nói: Mình biết rằng các vị ấy là những con người năng động, kiên quyết tháo gỡ những khó khăn. Chúng tôi mừng và kỳ vọng rất nhiều về xu hướng đổi mới của nước ta thông qua những người lãnh đạo mới của Đảng.

... Trong các ký túc xá...

Sinh viên Ký túc xá 230 Ngô Gia Tự (Quận 5) cũng đã có mặt rất sớm trên hành lang trước nhà ăn. Trên màn ảnh, đồng chí đang đọc dự thảo nghị quyết của Đảng, trông chỉ mới ở lứa tuổi 40. Nhiều sinh viên xuyết xoa gật đầu kể cho nhau biết đây là giáo sư tiến sĩ vật lý Nguyễn Văn Huệ, Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam - một tấm gương học tập nổi tiếng bấy lâu trong sinh viên. Có bạn bình luận: “Đại hội chọn ông này đọc nghị quyết là “có lý” lắm chứ. Thể hiện sức trẻ của Đảng và việc đặt đúng chỗ vai trò khoa học kỹ thuật mà!”.

Các bạn vừa mới được thầy đồng ý tạm ngưng tiết học để về xem truyền hình vì có tiết học nào lý thú quan trọng hơn những giờ phút này.

Lại một tràng vỗ tay vang dội kéo dài, khi Đại hội công bố tin đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư. Sinh viên Hồ Hải (Y 83E) nói thành thật: “Chúng ta đang cần những nhà lãnh đạo dũng cảm và năng

động để đổi mới đất nước. Và nếu có được như thế thì thanh niên đau tiếc cuộc đời học hỏi, cống hiến”.

Và những “đại hội trừ bị đặc biệt” trong lòng dân

Khi màn ảnh hiện lên những hình ảnh đầu tiên chiều 18-12-1986 thì ở Tổ hợp đồ bạc Hoa Lư phường 10 Quận 1, “đại hội trừ bị đặc biệt” thảo luận về nhân sự ở đây đang diễn ra sôi nổi. Công việc sản xuất chiều nay tạm ngưng trong giây lát. Không ai bảo ai, từ tổ trưởng đến 20 tổ viên, đều tự động tập hợp quanh máy truyền hình. Lòng mỗi người đều có sự tín nhiệm khác nhau. Nhiều ý kiến cân nhắc trước cuộc “chọn mặt gửi vàng” của Đại hội.

Rõ ràng là người thành phố đặc biệt quan tâm tới Đại hội. Tại phường 19, quận 1, bác Nguyễn Kim Sơn, cán bộ hưu trí thông báo khi gặp phóng viên:

- Hay quá hay. Nhân sự như vậy nó biểu hiện thái độ của đại hội là thật cương quyết trước tình hình “nan y” hiện nay. Câu hỏi băn khoăn chờ đợi lâu nay “có đổi mới được không?” thì bây giờ Đảng đã trả lời là “Có”. Và tôi tin như thế tuy biết rằng đổi mới không là việc dễ dàng. Nhưng Đảng đã nhìn thấy điều chủ yếu: Phải làm cho Đảng thật sự trong sạch vững mạnh. Tôi rất tâm đắc điều đó.

“Những việc cần làm ngay” với sự nghiệp đổi mới và cuộc đấu tranh chống tiêu cực

HỮU THỌ⁽¹⁾

Năm 1987, trên báo Nhân Dân xuất hiện loạt bài dưới dấu đề “Những việc cần làm ngay” với bút danh N.V.L, được đông đảo bạn đọc yêu thích. Hàng ngày, tòa soạn báo nhận được hàng trăm thư, bài của bạn đọc gửi đến hưởng ứng. Sau đúng hai tháng - kể từ khi đăng bài đầu trong loạt bài đó, nhà báo Hữu Thọ đã viết bài “Những việc cần làm ngay” với sự nghiệp đổi mới và cuộc đấu tranh chống tiêu cực dưới dạng Sổ tay phóng viên, đăng trên báo Nhân Dân số ra ngày 25-7-1987. Tưởng nhớ đồng chí Nguyễn Văn Linh, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bài báo đó cùng bạn đọc.

Chiều chủ nhật 24-5-1987, đồng chí thường trực Tòa soạn báo Nhân Dân đưa đến Ban Biên tập một phong thư, nói là của một “người đứng tuổi” nhờ đưa ngay cho đồng chí Tổng biên tập. Trong phong bì có một bức thư và một bài báo, cả hai đều viết tay. Sau này, chúng tôi mới biết chính đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã đến báo Nhân Dân đưa bài báo ấy.

1 Ông Hữu Thọ sinh năm 1932, nguyên là Tổng biên tập báo Nhân Dân, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng các khóa VII, VIII, nguyên Trưởng ban Tư tưởng & Văn hóa Trung ương.

Sáng hôm sau, ngày 25-5, bạn đọc xa gần thấy xuất hiện trên báo Nhân dân bài báo với đầu đề in chữ đậm “Những việc cần làm ngay”. Đầu đề bài báo đầu tiên đó trở thành một chuyên mục được đông đảo bạn đọc ưa thích. Cho đến nay, vừa tròn hai tháng, “Những việc cần làm ngay” trở thành một nhu cầu, một đòi hỏi, một sự cổ vũ động viên. Cho đến bài báo của N.V.L ngày 10-7 vừa qua, sự hưởng ứng của đông đảo cán bộ và quần chúng nhân dân đã phát triển thành một phong trào. Hàng ngày báo Đảng nhận được mấy trăm thư và bài bạn đọc gửi đến hưởng ứng “những việc cần làm ngay”. Mấy chục ngành và tỉnh, thành phố đã có chỉ thị hưởng ứng với tinh thần N.V.L tức là nói và làm.

Cũng nên nhớ lại thời điểm xuất hiện bài báo đầu tiên đó để hiểu bối cảnh xã hội ra đời một chuyên mục báo chí được sự hưởng ứng rộng rãi của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Lúc đó nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ II đã công bố được hơn một tháng. “Bốn giảm”, trong đó giảm nhịp độ tăng giá là một mục tiêu quan trọng. Nhưng tình hình giá cả vẫn diễn biến xấu. Nhịp độ tăng giá không những không giảm mà còn tăng, làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất, lưu thông và đời sống nhân

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đọc báo Nhân Dân. Nguồn: Do gia đình cung cấp.



dân. Bài báo đầu tiên đó yêu cầu: “Trật tự giá cả cần phải được tôn trọng”, đó thật sự là một việc cấp bách, cần phải làm ngay. Giá cả tiếp tục tăng do nhiều nguyên nhân, trong đó có “nguyên nhân bất chính” như bài báo đã phân tích và tác giả yêu cầu “các cơ quan tuyên truyền (báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình...) phải phản ánh và lên án, phải chỉ đích danh những cá nhân, những cơ quan, những tổ chức... làm các việc trái với chủ trương của nghị quyết Trung ương II”, “các cơ quan pháp luật phải lời các vụ, việc làm sai trái lớn để nghiêm trị và kết quả thế nào phải đưa rõ lên các cơ quan ngôn luận cho nhân dân biết”. Nhắc lại hoàn cảnh lịch sử ra đời chuyên mục này, chúng ta thấy rõ mục tiêu “Những việc cần làm ngay” nhằm bảo đảm thực hiện các nghị quyết của Đảng, và muốn thực hiện các nghị quyết Đảng thì phải đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực.

Từ mục đích ban đầu, tác giả “Những việc cần làm ngay” trong những bài sau đó, từng bước làm rõ thêm mục đích, nội dung, phương châm và phương pháp trong cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực.

“Từ khi chuẩn bị Đại hội VI, Đảng và Nhà nước phát động phong trào nói thẳng, nói thật. Ai làm tốt thì khen, ai làm không tốt thì phê bình để sửa chữa, trừng phạt nếu cần” - ngay từ bài báo thứ hai trong chuyên mục “Những việc cần làm ngay”, tác giả đã nêu rõ như vậy. Và sau đúng một tháng, ngày 25-6, đồng chí N.V.L còn nêu rõ “Những việc cần làm ngay, không chỉ trên mặt trận chống tiêu cực mà trên cả mọi lĩnh vực khác của các hoạt động kinh tế - xã hội, nhằm thực hiện tốt các mục tiêu Đảng và Nhà nước đã đề ra”. Như vậy, định hướng của “những việc cần làm ngay” thật rõ ràng, gắn liền biểu dương với phê phán hướng tới việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; nêu lên phong cách mới, giải quyết những vấn đề đặt ra một cách dứt điểm theo tinh thần nói thẳng, nói thật, lời nói đi đôi với việc làm, mở rộng tính công khai, dân chủ.

Trong “Những việc cần làm ngay”, có việc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực. Chống các hiện tượng tiêu cực, thực hiện công bằng xã hội là một nhiệm vụ cấp bách trước mắt và thường xuyên lâu dài xuất hiện trong văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng ở hầu hết các lĩnh vực, khi là một điểm quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, củng cố bộ máy Nhà nước, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, khi là một chính sách xã hội

NHỮNG VIỆC CẦN LÀM NGAY

1. **Đặc điểm của những việc cần làm ngay.**
 có tính chất khẩn cấp đến mức thời, vì lý do:
 — Những bài tập viết sẽ không được hưởng
 ứng tác do một thời tiết, thế là đánh trống
 lảng để chờ lại một lần nữa.

Sự thế làm sao biết hết, biết thật đúng hơn
ở chỗ nó đòi có phần tác dụng. Hoặc với nó
với lực cơ thể, nó cũng là một thể đánh trống
hết.

Hỏi nói không việc như, đi có sự không bằng,
cho rằng chỉ thêm là vui sướng của đời thì
hãy không đến.

Cũng có người cho trách nhiệm AS chỉ trích: bất chấp việc cần làm, họ lại phải làm bất chấp mọi như thế? Sao không chuyển tâm sức vào chuyển tích cực? Với trọng tâm đó, mấy người chủ trương ngoại giao đi buôn... có gì là phải? Phải và tự phải công khai cần làm rồi làm làm cần rồi công việc cần của họ là cần... cũng như xưa xưa xưa xưa công cơ và thời để lịch sử của nó theo thời này?

14. 1881 1882 1883 1884 1885 1886 1887 1888 1889 1890 1891 1892 1893 1894 1895 1896 1897 1898 1899 1900 1901 1902 1903 1904 1905 1906 1907 1908 1909 1910 1911 1912 1913 1914 1915 1916 1917 1918 1919 1920 1921 1922 1923 1924 1925 1926 1927 1928 1929 1930 1931 1932 1933 1934 1935 1936 1937 1938 1939 1940 1941 1942 1943 1944 1945 1946 1947 1948 1949 1950 1951 1952 1953 1954 1955 1956 1957 1958 1959 1960 1961 1962 1963 1964 1965 1966 1967 1968 1969 1970 1971 1972 1973 1974 1975 1976 1977 1978 1979 1980 1981 1982 1983 1984 1985 1986 1987 1988 1989 1990 1991 1992 1993 1994 1995 1996 1997 1998 1999 2000 2001 2002 2003 2004 2005 2006 2007 2008 2009 2010 2011 2012 2013 2014 2015 2016 2017 2018 2019 2020 2021 2022 2023 2024 2025 2026 2027 2028 2029 2030 2031 2032 2033 2034 2035 2036 2037 2038 2039 2040 2041 2042 2043 2044 2045 2046 2047 2048 2049 2050 2051 2052 2053 2054 2055 2056 2057 2058 2059 2060 2061 2062 2063 2064 2065 2066 2067 2068 2069 2070 2071 2072 2073 2074 2075 2076 2077 2078 2079 2080 2081 2082 2083 2084 2085 2086 2087 2088 2089 2090 2091 2092 2093 2094 2095 2096 2097 2098 2099 2100 2101 2102 2103 2104 2105 2106 2107 2108 2109 2110 2111 2112 2113 2114 2115 2116 2117 2118 2119 2120 2121 2122 2123 2124 2125 2126 2127 2128 2129 2130 2131 2132 2133 2134 2135 2136 2137 2138 2139 2140 2141 2142 2143 2144 2145 2146 2147 2148 2149 2150 2151 2152 2153 2154 2155 2156 2157 2158 2159 2160 2161 2162 2163 2164 2165 2166 2167 2168 2169 2170 2171 2172 2173 2174 2175 2176 2177 2178 2179 2180 2181 2182 2183 2184 2185 2186 2187 2188 2189 2190 2191 2192 2193 2194 2195 2196 2197 2198 2199 2200 2201 2202 2203 2204 2205 2206 2207 2208 2209 2210 2211 2212 2213 2214 2215 2216 2217 2218 2219 2220 2221 2222 2223 2224 2225 2226 2227 2228 2229 2230 2231 2232 2233 2234 2235 2236 2237 2238 2239 2240 2241 2242 2243 2244 2245 2246 2247 2248 2249 2250 2251 2252 2253 2254 2255 2256 2257 2258 2259 2260 2261 2262 2263 2264 2265 2266 2267 2268 2269 2270 2271 2272 2273 2274 2275 2276 2277 2278 2279 2280 2281 2282 2283 2284 2285 2286 2287 2288 2289 2290 2291 2292 2293 2294 2295 2296 2297 2298 2299 2300 2301 2302 2303 2304 2305 2306 2307 2308 2309 2310 2311 2312 2313 2314 2315 2316 2317 2318 2319 2320 2321 2322 2323 2324 2325 2326 2327 2328 2329 2330 2331 2332 2333 2334 2335 2336 2337 2338 2339 2340 2341 2342 2343 2344 2345 2346 2347 2348 2349 2350 2351 2352 2353 2354 2355 2356 2357 2358 2359 2360 2361 2362 2363 2364 2365 2366 2367 2368 2369 2370 2371 2372 2373 2374 2375 2376 2377 2378 2379 2380 2381 2382 2383 2384 2385 2386 2387 2388 2389 2390 2391 2392 2393 2394 2395 2396 2397 2398 2399 2400 2401 2402 2403 2404 2405 2406 2407 2408 2409 2410 2411 2412 2413 2414 2415 2416 2417 2418 2419 2420 2421 2422 2423 2424 2425 2426 2427 2428 2429 2430 2431 2432 2433 2434 2435 2436 2437 2438 2439 2440 2441 2442 2443 2444 2445 2446 2447 2448 2449 2450 2451 2452 2453 2454 2455 2456 2457 2458 2459 2460 2461 2462 2463 2464 2465 2466 2467 2468 2469 2470 2471 2472 2473 2474 2475 2476 2477 2478 2479 2480 2481 2482 2483 2484 2485 2486 2487 2488 2489 2490 2491 2492 2493 2494 2495 2496 2497 2498 2499 2500 2501 2502 2503 2504 2505 2506 2507 2508 2509 2510 2511 2512 2513 2514 2515 2516 2517 2518 2519 2520 2521 2522 2523 2524 2525 2526 2527 2528 2529 2530 2531 2532 2533 2534 2535 2536 2537 2538 2539 2540 2541 2542 2543 2544 2545 2546 2547 2548 2549 2550 2551 2552 2553 2554 2555 2556 2557 2558 2559 2560 2561 2562 2563 2564 2565 2566 2567 2568 2569 2570 2571 2572 2573 2574 2575 2576 2577 2578 2579 2580 2581 2582 2583 2584 2585 2586 2587 2588 2589 2590 2591 2592 2593 2594 2595 2596 2597 2598 2599 2600 2601 2602 2603 2604 2605 2606 2607 2608 2609 2610 2611 2612 2613 2614 2615 2616 2617 2618 2619 2620 2621 2622 2623 2624 2625 2626 2627 2628 2629 2630 2631 2632 2633 2634 2635 2636 2637 2638 2639 2640 2641 2642 2643 2644 2645 2646 2647 2648 2649 2650 2651 2652 2653 2654 2655 2656 2657 2658 2659 2660 2661 2662 2663 2664 2665 2666 2667 2668 2669 2670 2671 2672 2673 2674 2675 2676 2677 2678 2679 2680 2681 2682 2683 2684 2685 2686 2687 2688 2689 2690 2691 2692 2693 2694 2695 2696 2697 26

Thầy cô trường, thầy trưởng các đơn vị cho
tên mọi các vụ việc chỉ rõ người minh, rõ
tên từ rõ cho đúng công khai trên báo, rồi
đưa trình minh rõ lên trong công luận
Thầy cô phương chỉ rõ chỉ nam, chỉ cấp ủy
báo, huyện khách quan chính cấp phân rõ
đề, cho đi kiểm tra tập thể chỉ rõ cả phân
rõ danh các nhà vụ việc rõ ràng, rõ đơn
công đơn chỉ rõ chỉ chứng của đơn, quan
hệ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ
đơn rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ
đơn rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ rõ

Đến đây là nhất định giúp thêm những đồng
đồng mệnh, hoặc một vài người; rồi đến nhà
của bà lão đến nhà cụ, nhưng đến thời phải
lìu lợu chúng như cụ thì gần có một nghìn
cười đồng, đồng như có nhà anh ở đây, đến
đây là lần cuối cùng rồi.

[illegible]

NHỮNG VIỆC...

(Tếp theo trang 1)

quyển Đại hội VI và các nghị quyết khác của Đảng, nhằm đưa nước nhà khỏi cảnh khổ hèn, đi đến bờ bình đẳng hình mai mối, làm cho dân tộc ta, ngày càng được lên hàng phát, như Di chúc Bác Hồ đã dạy.

N.V.L. nói với chúng tôi với cảm kích trước sự không
hài lòng và nỗ lực của họ.

Chúng ta chúng ta cực, chúng ta chúng ta, nó trên như là một không phải ở nước cao hay là thấp ở từ các chỉ ở nhân dân ở như cách này là là của một ở người và ở một sự tiến tiến hơn nhau: lập lại trật tự, công bằng xã hội, các bộ những cái của nó ở trên con đường phát triển kinh tế của đất nước. Đó cũng là vũ trụ của chúng ta, của loài người, toàn thể.

Người quí! Đại Hỷ Vĩ của chúng tôi rất rõ: phải dùng sức mạnh của pháp chế để xử lý chủ nghĩa tập hợp với sức mạnh của tư pháp quân chính để đấu tranh chống lại cực. Mong rằng chúng ta sẽ làm theo đúng tinh thần của người quí, và cũng là tinh thần của chúng ta để tư pháp quân chính sẽ: - Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại thành hòn núi cao...

N.V.L. ở đây tiếp tục viết, và mong muốn của bộ tư tưởng mong muốn được cơ sở, mong được báo trong và ngoài Đảng khi đây sẽ thêm gia nhập cũng đang dần dần rút, cũng phân phát không thể mà N.V.L. lại không biết nói nói và biết nói được. Với thời không đó, các cấp lãnh đạo phải xử lý nghiêm minh và cũng bình minh được. Ở xã hội cũ thì phải trừng trị. Ở xã hội mới thì phải xử lý theo đúng pháp luật. Khiến cho dân chúng biết, dân chúng kỷ luật, pháp luật.

Những việc này phải chúng ta mà làm một cách
hết sức thật thành công được. Phải vừa nghiêm
khắc, vừa độ lượng. Dạy dỗ, chỉ bảo như một
đồng cơ trong sáng, tâm lòng chân thành và ý thức
trách nhiệm cao.

Hồ chí từ trung ương đến địa phương, chỉ phải
thừa, rồi ngày tiếp hành tiếp tục đi đến
chúng ta Đảng và các địa, là công sự để thực hiện
chế độ trung tâm địa, địa bàn, địa điểm, địa điểm
trên, là phương tiện thông tin từ một người đến
thường, chúng không có tính chất chỉ và phải đến
mà không tính, nhưng nó sẽ rời bỏ kinh, trong
điều kiện kinh của nó cũng báo cáo địa vị.

Đầu tháng trung tuần phải được lau rửa. 4/7 là
rửa rửa bên trong hồ.

dân tộc, dân chủ và tiến
bộ xã hội thành một phương
trào đấu tranh và hòa bình,
an ninh, phát triển và hợp
tác ở châu Á-Phổ Bình
Đông, trong đó các nước
và dân chủ nghĩa, các đảng

rất thuận lợi. Một vài giờ
 ở Đình-Yam A có sự căng
 thẳng và công tác lấy cơ
 sở chứng cứ xâm phạm
 quyền dân tộc tự quyết,
 chúng ta trả lại quyền
 tự quyết của một dân tộc
 trong đó là chúng được

Một trong những bài báo "Những việc cần làm ngay" của tác giả N.V.L đăng trên báo Nhân Dân. *Nguồn: Internet.*

quan trọng, là một yếu tố thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa... Đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực không phải là vấn đề mới. Chúng ta đã làm thường xuyên, và chúng ta đã tổ chức nhiều cuộc vận động. Hàng năm, các cơ quan Đảng và Nhà nước thi hành kỷ luật đảng viên, cán bộ, xét xử các vụ tội phạm không ít. Nhưng những hiện tượng tiêu cực không giảm, lại còn tăng, và ngày càng có tính phổ biến. Ngay ở những nơi tưởng như thâm nghiêm, ở những lĩnh vực tưởng như người làm ở đó đã được chọn lọc kỹ càng, nhưng những hiện tượng tiêu cực với đủ sắc phục vẫn len lỏi tới. Đó là điều mà mọi người đang suy nghĩ, băn khoăn. Nó phá hoại kinh tế. Nó làm trật tự xã hội đảo lộn, làm xói mòn các giá trị đạo đức, làm rối loạn nguyên tắc phân phối. Cuối cùng, nó phá hoại niềm tin mà ai đó đã nói rất đúng: mất niềm tin là mất tất cả, lớn hơn cả mất cấp và mất cướp. Chống tiêu cực là một nhiệm vụ cấp bách và quan trọng, “dọn đường cho việc thực hiện nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết khác của Đảng nhằm đưa nước nhà khỏi cảnh khó khăn, đi đến ổn định tình hình mọi mặt, làm cho dân bớt khổ, ngày càng được hạnh phúc, như Di chúc Bác Hồ đã dạy”, “làm cho xã hội ta đã tốt đẹp, càng tốt đẹp hơn, dân mới tin Đảng, Đảng mới càng hiểu dân, tin dân”. Ý nghĩa nhân văn rộng lớn, xét theo lợi ích của toàn xã hội, của cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực chính là ở chỗ đó.

Đúng là cơ chế quan liêu bao cấp đã tạo ra điều kiện xã hội cho các hiện tượng tiêu cực nảy nở. Một số kẻ thoái hóa, biến chất đang luyên tiết và muốn co kéo lại cơ chế bảo thủ, quan liêu để dễ ra uy, ban ân, làm rối loạn kỷ cương, dễ bề đục khoét. Nhưng cũng không nên có ảo tưởng cho rằng có cơ chế mới thì tiêu cực tự nhiên mất đi, như có lúc chúng ta đã nghĩ lầm rằng với khoán sản phẩm thì một số hiện tượng tiêu cực trong kinh tế ở nông thôn sẽ không còn nữa. Những kẻ thoái hóa biến chất trong các cơ quan Đảng, Nhà nước cùng với bọn đầu cơ, buôn lậu ngoài xã hội, móc nối với nhau, có trăm phương nghìn kế. Thời nào chúng cũng tìm ra cách để ăn cắp của công, mưu lợi riêng, tìm cách đàn áp những người nào “dám” ngăn cản hành vi phạm tội của chúng.

Đại hội lần VI của Đảng đề ra phương hướng đổi mới. Đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. những vấn đề cụ thể trong cuộc sống phải được giải quyết theo hướng đổi

mới đúng đắn mới có lối ra. Nhưng thực tiễn đã cho chúng ta thấy việc thực hiện các quyết sách đổi mới phải gắn liền với việc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực. Đồng chí N.V.L cũng đã nhắc: “Đồng thời với chống tiêu cực, chấn chỉnh cán bộ là nhanh chóng đề ra và phổ biến các phương thức làm ăn mới phù hợp với yêu cầu mới của nền kinh tế nước ta”. Như thế có nghĩa là chống cái xấu xa luôn luôn gắn liền với xây dựng cái tốt đẹp, chống tiêu cực không tách rời mà là gắn liền với đổi mới.

Cũng có thể nói, trên một số lĩnh vực, không chống tiêu cực thì không thể có sự đổi mới đúng đắn. Chúng ta thử nghĩ mà xem, mọi vụ ăn cắp theo các kiểu khác nhau, mọi thứ phân phối nội bộ không hợp pháp, mọi khoản tiền rút lột gọi sang trọng là “giao dịch phí”, mọi cuộc chè chén xa hoa lãng phí, mọi vụ làm hỏng sản phẩm... đều được rút ra từ thu nhập quốc dân, là một cuộc phân phối lại và đều được tính rất chu đáo ở phần “đầu vào” thì làm thế nào mà có thể tính giá thành sản phẩm hợp lý để “đầu ra” không đội giá thị trường đã hình thành. Liên kết, hợp tác là một hình thức kinh tế mới mẻ, năng động, đem lại nhiều lợi ích cho sản xuất, lưu thông, nhưng đã bị những bọn xấu ở khá nhiều cơ sở lợi dụng lấy tiền chênh lệch giá vì lợi ích cục bộ hoặc bỏ vào túi riêng, nhận “hoa hồng” ngoài chúng từ để ký những hợp đồng mua bán không có lợi cho tập thể... thật sự là đã xuyên tạc sự liên kết đúng đắn, làm giảm hiệu quả liên kết. Rồi việc kéo bè, kéo cánh, sắp xếp người trong họ, người thân giữ các chức vị then chốt hình thành các “băng”, trù úm người ngay, người không ăn cánh, người dám trái ý, và hà hiếp dân lành... thì làm sao có thể tạo nên sự phấn khởi trong đông đảo người lao động để thúc đẩy sản xuất theo tinh thần đổi mới. Đổi mới không chỉ có chống tiêu cực, nhưng rõ ràng là chống tiêu cực cũng là một bộ phận của đổi mới và không chống tiêu cực thì khó có thể đổi mới đúng hướng trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Do đó, chống tiêu cực có định hướng, là trước hết nhằm vào những lĩnh vực cần đổi mới.

Cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực lần này, tuy mới bắt đầu, nhưng đã có khởi sắc mới theo tinh thần công khai, dân chủ. Không phải là lần đầu tiên chúng ta mới dựa vào đông đảo quần chúng trong các cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực. Điều mới mẻ là lần này thực hiện tinh công khai rộng rãi hơn, tạo ra công luận và theo tinh thần của Đại

hội Đảng lần thứ VI là làm cho không một cá nhân hay tập thể nào có thể đứng ngoài vòng pháp luật và kỷ cương xã hội. Đó chính là sức mạnh mới và cũng chính là điều mà những kẻ thoái hóa biến chất sợ nhất và đang tìm cách chống lại. Trong cuộc đấu tranh này, công luận có sức mạnh rất to lớn, nhưng không phải là duy nhất. Mọi người đều quan tâm tới dư luận xã hội, nhưng kỷ cương xã hội chỉ có thể lập lại trên cơ sở pháp luật. Chính vì thế mà chúng ta nêu lên: Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật và phải sống và làm việc theo pháp luật... đồng chí N.V.L nhắc nhở mọi người coi trọng công luận - nghĩa là không “bỏ ngoài tai” ý kiến của quần chúng - nhưng cũng viết: “Pháp chế xã hội chủ nghĩa kết hợp với sức mạnh của dư luận quần chúng để đấu tranh chống tiêu cực”. Và cuối cùng phải là pháp luật, phải thực hiện quản lý đất nước bằng pháp luật. Các cơ quan thông tin đại chúng, như đồng chí N.V.L đã chỉ rõ, “là công cụ để thực hiện chủ trương dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được giao trách nhiệm “tiếp tục phát hiện, theo dõi để giúp đỡ pháp luật và các cơ quan có trách nhiệm điều tra xử lý nhanh chóng, chính xác, triệt để mọi vụ, việc”. Đó là trách nhiệm xã hội rất to lớn và nặng nề. Muốn thực hiện được nhiệm vụ đó, đồng chí đã khuyên những người cầm bút cần có “tấm lòng trong sáng”, “tấm lòng cương trực” và yêu cầu những người được giao một công cụ rất quan trọng này phải có “động cơ trong sáng, tấm lòng chân thành và ý thức trách nhiệm cao”. Thông tin đại chúng là kênh công khai rộng rãi nhất, một dòng tin phát đi là cả triệu người cùng biết, để hình thành công luận, do đó, nếu sử dụng đúng thì hiệu quả rất to lớn. “Nghiêm minh và công bằng” cũng là lời dặn của đồng chí N.V.L đối với người làm báo. Làm đúng, được nhân dân hoan nghênh, cũng là góp một phần vào cuộc đấu tranh chung. Làm có thiếu sót, cũng công khai tự phê bình, vì báo chí cũng hòa mình vào chứ không phải đứng ngoài và đứng trên phê bình. Chúng tôi giữ cho mình tấm lòng “yêu người làm đúng, làm tốt để ca ngợi; ghét bọn làm xấu, làm sai, làm ác để lên án”. Làm được như thế, thì rõ ràng “vai trò của nhà báo là đem ánh sáng trong lành tỏa rộng ra, đẩy lùi, thu hẹp và xua dần bóng tối”.

24-7-1987

1 Những chỗ viết trong ngoặc kép đều trích trong “Những việc cần làm ngay” của N.V.L đăng trên báo Nhân Dân.

Một nhân cách lớn

KIM HẠNH⁽¹⁾

Bài đăng báo Tuổi Trẻ, 6-7-1991

Hà Nội một đêm rét mướt cách đây chín năm, đêm 30-3-1982, có hai nhà báo trẻ tìm đến nhà riêng một đồng chí Ủy viên Trung ương, đồng chí Nguyễn Văn Linh, lấy cớ là đi phỏng vấn, nhưng thực lòng muốn đến thăm và chia sẻ. Buổi chiều hôm đó đã có kết quả bầu cử nhân sự Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ V, sáng mai mới công bố, nhưng các nhà báo đều đã biết. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, lúc ấy đang là Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, đã rút ra khỏi Bộ Chính trị.

Chúng tôi phân vân rất lâu trước khi gõ cửa. Bên ngoài trời lạnh căm, lòng mình thì buồn. Bản tính đồng chí Bí thư lại kín đáo, trầm lặng.

Đồng chí tiếp nhà báo, vẫn phong cách một người Bí thư từng chỉ đạo phong trào đô thị nói chuyện với cán bộ Thành đoàn làm báo. Đồng chí - chú Mười - nói về các nhiệm vụ Đại hội đặt ra cho thành phố sắp tới, trong đó, Đoàn thanh niên có một phần trách nhiệm quan trọng. Thực hiện nghị quyết ở thành phố như thế nào, nổi ưu tư lớn được đồng chí trình bày khá cặn kẽ. Cuối cùng, nhà báo hỏi thẳng, thưa Chú, còn về kết quả bầu cử và về việc chú rời khỏi Bộ Chính trị? Đồng chí trả lời thanh thản và sau

1 Bà Vũ Kim Hạnh: Nguyên Tổng Biên tập báo Tuổi Trẻ; nguyên Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại TP. Hồ Chí Minh (ITPC). Hiện nay bà là Chủ tịch Hội Doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao.

đó, tôi đã thường thuật đầy đủ trên mặt báo: “Về kết quả bầu cử, đồng chí cười rất vui, gật đầu khá mạnh - kết quả tốt, rất tốt. Đó là nói chung; nội dung các cuộc thảo luận tại Đại hội, các ý kiến các đại biểu từ cơ sở rất có giá trị góp phần nâng cao tính trí tuệ của Đại hội”. Cùng với nụ cười, đôi mắt thường nghiêm trang của Chú, đêm hôm ấy thoáng một nét cười nhẹ nhàng, thanh thản và tự tin. Tôi thử cố tìm một nét buồn, một nét chịu đựng nhẫn nhịn song không thấy.

Chín năm sau. Đêm 30-6-1991, tôi không có mặt ở Hà Nội, nhưng điện của phóng viên theo dõi Đại hội VII về có đoạn: “Cán bộ và dân thường gặp phóng viên, ai cũng cảm động nói lên tình cảm kính phục, yêu thương và cả... biết ơn đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Nhiều người dân Hà Nội bộc bạch: “Đồng chí Linh đã lãnh đạo cuộc đổi mới sau Đại hội VI, mở hướng đổi mới đất nước, còn đời dân Hà Nội thì chỉ mấy năm đã thay đổi thấy rõ, tốc độ nhanh bằng mấy chục năm”.

Sau Đại hội Đảng bộ Hà Nội, về lại thành phố, gặp nhà báo, đồng chí lại cười, thanh thản: “Kỳ này chú xin nghỉ. 76 tuổi rồi. Chú có nhận được nhiều thư, ý kiến yêu cầu làm tiếp nhưng chú thấy nghỉ được rồi, cần đóng góp thì sẽ ở cương vị khác”.

Và quả thế, ý định ấy được cụ thể hóa rất rõ trong đơn gửi Ban Chấp hành Trung ương khá lâu trước Đại hội và ngay trong thời điểm chuẩn bị khai mạc Đại hội VII mà nhà báo Xuân Cang (báo Lao Động) đã tường thuật rõ: “Tôi làm cách mạng từ năm 15 tuổi, nay đã 76 tuổi rồi. Sức khỏe yếu, huyết áp dao động lớn. Tôi xin rút. Nếu Đại hội quyết định lập Hội đồng Cố vấn, nếu được tín nhiệm, thì tôi xin nhận. Nhưng phải nói rõ Hội đồng Cố vấn sinh hoạt ra sao. Nếu lại thành Bộ Chính trị cũ chống lên Bộ Chính trị mới thì tôi sẽ xin không tham gia...”.

Nói về việc rút lui của một đồng chí ủy viên trong số bảy đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, nhà báo Thép Mới đã viết trên báo Nhân Dân: “Đó là cử chỉ cao đẹp tạo cái trớn không thể đảo ngược để khắc phục dần tư tưởng cũ “sau ta là trận hồng thủy”. Thói thường quen nghề lãnh đạo, mấy ai dễ dàng rời bỏ chức vụ cao”.

Tôi bắt đầu bài viết này ngày 1-7 năm nay, là ngày đồng chí tròn 76 tuổi. Một ngày đẹp đánh dấu một khúc quanh mới trong cuộc đời của Đảng và



Ngày 25-6-1992, tại Phủ Chủ tịch, Đảng và Nhà nước tổ chức trọng thể Lễ trao tặng Huân chương Sao Vàng cho đồng chí Nguyễn Văn Linh. Đồng chí Nguyễn Văn Linh phát biểu tại buổi lễ. *Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.*

cũng là khúc quanh trong cuộc đời riêng. Nhiều người dân Sài Gòn tôi gặp đã bày tỏ cảm kích về “sự rút lui” của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và đồng tình lời biểu dương chân thành của đồng chí Đỗ Mười: “Đại hội vô cùng xúc động về đề nghị của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công đã nêu tấm gương cao đẹp về tinh thần suốt đời tận tụy phục vụ Cách mạng, phục vụ nhân dân, về tấm lòng trong sáng Cộng sản chủ nghĩa”.

Nhưng những người cán bộ Đoàn thành phố, nghĩ về đồng chí, không chỉ nghĩ về lần “xin rút lui” này. Tôi muốn quay lại khúc quanh Đại hội V. Trong ba nhiệm vụ chính Đại hội V nêu ra, có nhiệm vụ “hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, củng cố quan hệ sản xuất trong cả nước”. Hôm ấy, trong cuộc phỏng vấn về Đại hội V, Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Linh nhấn mạnh ý chí tiếp tục công cuộc tháo gỡ những trói buộc của cơ chế cũ mà năm 1979-1980, TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh thành đã tiến hành, sau Nghị quyết 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa 4 (năm 1979). Tuy không nói ra thành văn bản phản đối cách tiến hành cải tạo nóng vội, duy ý chí, trái qui luật khách quan nhưng cách làm của đảng

bộ thành phố mà lúc đó đồng chí là Bí thư đã thể hiện ý chí kiên trì quan điểm cải tạo đúng đắn, có xác định bước đi phù hợp điều kiện thực tế. Sau này, trong cuốn *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm* (tháng 4 năm 1985), đồng chí đã thẳng thắn nhìn về đợt cải tạo công thương nghiệp toàn miền Nam năm 1978 là “chỉ làm cải tạo trên mặt hình thức còn vấn đề quan hệ quản lý, yếu tố quyết định cho mục đích cải tạo là phát triển sản xuất và nâng cao đời sống nhân dân thì chưa làm được, thậm chí phá vỡ tính cách hợp lý của qui trình sản xuất, xé lẻ các xí nghiệp vốn được xây dựng một cách đồng bộ ở nhiều khâu theo qui trình nền công nghiệp đã bước đầu phát triển”. Trong năm bài học về những vi phạm trong công tác lãnh đạo thành phố năm 1976-1979, “thời kỳ khủng hoảng trưởng thành của thành phố” cũng là “thời kỳ tháo gỡ”, đồng chí cho rằng vi phạm quan trọng nhất là “chưa xác định thật rõ mục tiêu của hoạt động kinh tế thành phố là mở rộng, nâng cao sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân”. Và “Sai sót của chúng ta trong cải tạo là đáng lẽ thay cơ chế kinh doanh tư bản chủ nghĩa bằng cơ chế kinh doanh XHCN, chúng ta lại đưa cơ chế hành chính quan liêu bao cấp vào trong quản lý kinh tế”. Những năm ở thành phố, đồng chí thường nhắc: Trên địa bàn thành phố, đã hình thành nền kinh tế năm thành phần như tinh thần Nghị quyết 24 khóa 3 của Trung ương. Sau Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị (1980), đồng chí và đảng bộ thành phố càng kiên trì quan điểm phát huy chính sách kinh tế nhiều thành phần và kiên quyết, triệt để chống cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp.

Từ thực tiễn TP. Hồ Chí Minh cùng một số tỉnh thành, quan điểm xây dựng một nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, xóa bỏ phương thức quản lý hành chính bao cấp đã hình thành rõ dần và sau này đã có đóng góp nhất định cho Đại hội VI, Đại hội đánh dấu một bước đổi mới căn bản về quan điểm, chính sách nhiều lĩnh vực, đặc biệt là đổi mới kinh tế.

Sự kiên định về quan điểm, nhuần nhuyễn trong bước đi, biện pháp, vừa chống cơ chế cũ vừa ngăn chặn việc quay trở lại con đường tư bản chủ nghĩa, bằng vận dụng từng bước tư bản nhà nước của đồng chí đã góp một dấu ấn sắc sảo cho thành công của quá trình đưa Nghị quyết Đại hội VI vào cuộc sống.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh dự lễ kỷ niệm 10 năm Báo Tuổi Trẻ năm 1985 tại Hội trường cơ quan, anh Võ Như Lan tiếp khách. Nguồn: Báo Tuổi Trẻ.

Cũng chính từ quan điểm chống cơ chế cũ, Đảng ta chỉ đạo chống lạm phát có kết quả mà trước đó các nước xã hội chủ nghĩa chưa từng có chút kinh nghiệm nào bằng việc “xóa bao cấp qua ngân sách và tín dụng, thực hiện chính sách một giá, ổn định sức mua của đồng tiền và tiến hành hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa”. Gần đây, cùng với công cuộc đổi mới kinh tế đã có những thành công hứa hẹn, trước những xáo trộn dồn dập phức tạp từ tình hình Đông Âu, đồng chí đã lãnh đạo Đảng ta, đất nước ta đứng vững, ổn định và vượt mọi khó khăn tiếp tục con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nước Việt Nam dân chủ giàu mạnh.

Suốt bao nhiêu năm, vẫn vậy, lặng lẽ, trầm tĩnh, đồng chí sống kiên định với nguyên tắc sống của mình: trau dồi bản lĩnh lý luận, nhận thức, lăn xả vào thực tiễn, gần bó với nhân dân, để cao trách nhiệm người đảng viên, kể cả những lúc ý kiến mình khác với Trung ương Đảng, vẫn chấp hành kỷ luật Đảng nhưng dám suy nghĩ độc lập và chiến đấu kiên trì lý tưởng.

Sáu mươi năm chiến đấu là cả một đời người sôi động và quá nhiều thăng trầm gian khổ. Chắc ít bạn trẻ biết rằng chàng thanh niên quê ở Hải Hưng (miền Bắc) Nguyễn Văn Linh mới 15 tuổi đã bị Pháp kết án tù chung thân - đày Côn Đảo. Năm 24 tuổi vào hoạt động ở miền Nam, và cuối năm 1946 (năm ấy 31 tuổi) đã là Bí thư Thành ủy Sài Gòn, lãnh đạo cuộc kháng

chiến ngay trong lòng Sài Gòn - Chợ Lớn. Năm 1975, giải phóng xong, về lại thành phố làm Bí thư Thành ủy lần hai và năm 1981, từ Hà Nội trở về làm Bí thư Thành ủy lần ba. Rồi đến khúc quanh Đại hội V, ra khỏi Bộ Chính trị; tháng 6-1986, trở lại làm Thường trực Ban Bí thư; tại Đại hội VI được bầu làm Tổng Bí thư Đảng. Và đến khúc quanh này...

Cuối cùng cũng phải nói đôi dòng về mối thâm tình giữa báo Tuổi Trẻ với đồng chí. Cùng với một số đồng chí lãnh đạo thành phố trước đây như đồng chí Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ... đồng chí đã yêu thương, tin cậy tờ báo Tuổi Trẻ như yêu quý tuổi trẻ, thế hệ trẻ. Những năm làm Bí thư Thành ủy, đồng chí yêu cầu Ban biên tập phải báo cáo tình hình công tác bạn đọc hàng tuần và nhiều lần nhắc, chỉ đạo về công tác quần chúng của một tờ báo đoàn thể. Mười năm thành lập báo, đồng chí lại đến, nhắc nhở và tạo điều kiện cho tờ báo phát triển. Năm 1982, Ban Thường vụ Thành ủy mà đồng chí là Bí thư, quyết định giao cho Tuổi Trẻ ra báo hằng ngày và chỉ đạo quá trình chuẩn bị. Và thời gian đồng chí là Tổng Bí thư, bao giờ về thành phố, cũng có những lời ân cần nhắc nhở, đòi hỏi nghiêm khắc nhưng hiểu và tin Thành đoàn, cán bộ Đoàn, báo Đoàn. Với báo Tuổi Trẻ, luôn luôn là sự đòi hỏi, nhắc nhở, chấn chỉnh những non yếu, thiếu sót, nhưng bao trùm là sự tin cậy, thiết tha tạo điều kiện cho tờ báo tiến bộ vươn lên.

Lần này, có lẽ đồng chí sẽ ở lại luôn TP. Hồ Chí Minh với gia đình như nơi quay về, trạm cuối chuyến đi dài.

Sự rút lui kiên quyết của đồng chí khắc thêm một nét sắc sảo khó quên, hoàn thiện một hình ảnh, một cốt cách cao đẹp của một người Cộng sản trong sáng, cả đời vì nước, vì dân.

Trong và sáng một nhân cách, một con người. Trong vắt một tấm lòng vì nghĩa lớn, không màng danh lợi cá nhân; sáng rõ một ý chí kiên định lý tưởng, kiên trì chân lý. Từ sự lựa chọn đúng của tuổi 15, cho đến sự lựa chọn đúng hôm nay, tuổi 76, những người trẻ lớp sau đồng chí có một tấm gương trong sáng để tự soi mình, trước Đảng, trước dân.

C h ư ơ n g 3

CÂY ĐỜI MÃI MÃI XANH TƯƠI



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh gặp gỡ thân mật các đại biểu dự Hội nghị toàn quốc cán bộ phụ trách thiếu nhi giỏi tại Hà Nội, ngày 13-11-1988. Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

Anh còn sống mãi

NGÔ THỊ HUỆ⁽¹⁾

Dẫu biết rằng tử sinh là qui luật của tạo hóa. Nhưng anh ra đi, nỗi đau này là khôn cùng đối với con cháu và tôi!

Trong những ngày anh sắp chia tay lần chót và trong tang lễ, tôi gắng gượng làm chỗ dựa cho con cháu. Sau đó do tuổi tác, đau buồn chồng chất, tôi ngã bệnh. Rồi cũng nhờ thầy thuốc, bạn bè đồng chí, những người đã

1 Bà Ngô Thị Huệ sinh năm 1918, là cán bộ lão thành cách mạng, từng giữ nhiều trọng trách trong Đảng và chính quyền:

- Tỉnh ủy viên liên Tỉnh ủy Hậu Giang (6 tỉnh miền Tây); Phó Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Vĩnh Long vào những năm 40.
- Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Sài Gòn năm 1948.
- Nguyên đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ khóa I đến khóa IV
- Nguyên Vụ trưởng Vụ Cán bộ Ban Tổ chức Trung ương Đảng trong nhiều năm liền.

Với quá trình hoạt động cách mạng và cống hiến của mình, bà đã được Đảng và Nhà nước phong tặng Huân chương Hồ Chí Minh, trao tặng huy hiệu 80 năm tuổi Đảng, và nhiều huân chương cao quý khác.

Dù đã nghỉ hưu, bà vẫn không ngừng phấn đấu cho sự nghiệp của đất nước, bà nguyên là Phó Chủ tịch Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo TP. Hồ Chí Minh. Bà là tấm gương mẫu mực trong phong trào phụ nữ và là người bạn đời chiến đấu, người vợ rất mực thủy chung nghĩa tình của đồng chí Nguyễn Văn Linh.

Trong lời giới thiệu quyển Hồi ức: “Tiếng sóng bủa ghềnh” của bà Ngô Thị Huệ, nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã viết: “Chị đã dành hết tâm sức của mình cho sự nghiệp cách mạng, cho phúc lợi cộng đồng, không biết mệt mỏi, đặc biệt cho đến tận giờ ở cái tuổi quá cổ lai hý của chị. Ý chí và nghị lực của chị Bầy thể hiện đúng nghĩa là một chiến sĩ cách mạng kiên trung. Trong gia đình, chị là người mẹ, người chị tuyệt vời; đối với bạn bè, đồng chí, chị nhất mực quý mến. Chị Bầy Huệ là một biểu tượng rất đẹp của người phụ nữ Nam bộ, người phụ nữ Việt Nam”.

từng hết lòng lo cho anh bây giờ tập trung lo cho tôi, và các con tôi đêm ngày chăm lo thuốc thang cho mẹ, sức khỏe của tôi cũng dần dần hồi phục. Và tôi trở lại với công việc bình thường của mình như thuở anh còn sống.

Ngày ngày tôi vẫn vào phòng của anh làm một việc gì đó, khi thì lau lại cái bàn, lúc xếp lại chồng sách báo, khi thì kéo tấm trải giường cho thẳng thơm. Mọi thứ đều là kỷ vật, đều gợi nhớ đến anh, và trong tâm trí tôi hồi ức về cuộc đời anh lại hiện lên như không thể dứt được.

Từng chặng đường đời của anh

Anh sinh ra trong một gia đình nghèo, cha là cụ Nguyễn Đức Lan làm nghề dạy học, mẹ tảo tần buôn bán kiếm thêm chút đỉnh tiền phụ vào đồng lương ít ỏi của chồng.

Sống giữa Hà Nội, lên 4 tuổi anh đã mồ côi cha! Gánh nặng nuôi nấng dạy dỗ ba chị em của anh đè trĩu lên đôi vai gầy của mẹ. Rồi người chị anh bị bệnh không có tiền thuốc thang lại qua đời. Thêm một sự đau buồn khiến cho mắt mẹ lúc nào cũng đầm chiêu nghĩ ngợi nhớ người chồng, người con vừa mới khuất. Nhiều khi nhà hết gạo mà trong nhà chẳng còn một vật gì đáng giá để cầm, để bán nên mẹ cứ phải vay mượn hàng xóm, và nợ cứ chất chồng... Thương mẹ lắm, nhưng tuổi thơ có biết làm gì đâu? Mẹ con ôm nhau khóc, tủi cho số phận nghiệt ngã.

Bà nội và chú ruột anh - ông Nguyễn Đức Thụ - xót thương đưa anh về nuôi cho ăn học. Biết thân phận, nên anh chăm chỉ học để không thua kém bạn bè. Một hôm đang đi học, được tin mẹ ốm nặng, anh hối hả chạy về, gặp lại mẹ bị lao phổi nặng, thân hình gầy nhom, chỉ còn nhận ra cặp mắt đầm chiêu như ngày nào và anh cũng chỉ còn biết ôm mẹ khóc sục sùi. Mẹ anh lẩn dưới gối lấy ra một cọc xu, nhét vào tay anh, vỗ về bảo con đừng khóc nhưng mẹ lại nghẹn ngào trong hơi thở đứt quãng. Có ngờ đâu đó là lần cuối cùng mẹ con anh gặp nhau!

Mười mười tuổi đầu, anh đã nhận ra những nỗi đắng cay khắc nghiệt trong cuộc sống mà gia đình anh và người nghèo khổ phải gánh chịu trước cuộc sống xa hoa của người giàu có.

Năm mười bốn tuổi, anh theo bà và chú Thụ về sống ở Hải Phòng và được chú gởi anh vào học trường Bonnal (nay là trường Ngô Quyền). Lại

thêm một cái tang khiến anh thấy lòng thêm trống vắng: Bà nội qua đời! Để vơi bớt nỗi buồn và tiện đường đi học, anh xin phép chú Thụ được về ở với chú Hùng là em họ của cha. Đến tuổi này càng ham đọc, anh càng ham hiểu biết và những điều ngang trái trước mắt đã bắt anh đặt câu hỏi: Làm sao cho người nghèo thoát khỏi cảnh khổ, không còn bất công bạo ngược trong xã hội? Điều may đến với anh khi một thầy giáo có lòng yêu nước, tin cậy lên cho anh mượn những sách báo tiến bộ bằng tiếng Việt và tiếng Pháp. Càng đọc anh càng vỡ lẽ về nhiều vấn đề trong cuộc sống và tâm hồn anh mở ra đón ánh sáng chính trị như đón ánh bình minh buổi sáng. Anh nhận ra một chân lý giản đơn: muốn đồng bào mình hết khổ, dân tộc mình thoát khỏi ách nô lệ lầm than, con đường duy nhất là đấu tranh.

Gia nhập Học sinh Đoàn trong Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, anh hăng say hoạt động theo sự phân công của tổ chức.

Kịp đến 1 tháng 5, Đảng vừa mới ra đời, chủ trương kỷ niệm lần đầu tiên ngày Quốc tế lao động. Tại địa phương, anh nhận nhiệm vụ rải truyền đơn cùng hai bạn học và đã bị bắt. Tòa án thực dân gấp rút xử anh 18 tháng tù giam, bắt chấp anh đang ở tuổi vị thành niên, vì chúng hoảng sợ ảnh hưởng của Đảng lan rộng trong tuổi trẻ công nhân, nông dân, học sinh... Cuối năm 1930, chúng đưa anh lên Hà Nội nói là để xét xử lại, nhưng Hội đồng đề hình của thực dân Pháp lại tăng án xử phát lưu chung thân, đày anh ra Côn Đảo, địa ngục trần gian. Anh ném đủ các đòn tra tấn, bị cùm chân bỏ đói, nhốt chuồng bò, lao động khổ sai. Tinh thần anh không hề nao núng mà ý chí càng được trui rèn theo gương các bậc đàn anh.

May mắn anh đã được gặp bác Tôn Đức Thắng, người thợ Ba Son, người lính thủy Việt Nam kéo cờ đỏ trên Hắc Hải ủng hộ Cách mạng tháng Mười Nga. Phẩm chất, đạo đức Cộng sản ở anh được bồi đắp thêm một phần nhờ tấm gương của Bác - người đảng viên công nhân kiên trung mẫu mực.

Năm 1936, do áp lực của Mặt trận Bình dân và Đảng Cộng sản Pháp, cùng với một số tù chính trị, anh được thả về. Như chim sổ lồng tung cánh giữa trời xanh, chim cứ bay mãi bay hoài không biết mỏi. Tâm hồn, ý chí cộng sản là nguồn động lực thúc đẩy anh lao vào nhiệm vụ.

Theo sự phân công của Trung ương Đảng, anh đi xây dựng cơ sở mới, củng cố những cơ sở bị đánh phá, từ Hà Nội trở về Hải Phòng, rồi vô Sài

Gòn tham gia Thành ủy, sau đó ra miền Trung lập lại Xứ ủy Trung kỳ. Không hề chùn bước trước gian nguy thử thách anh hết lòng vì Đảng vì dân, và một lần nữa kẻ thù lại bắt anh, kết án 5 năm tù, đày ra Côn Đảo lần thứ hai vào đầu năm 1941, lúc anh mới 25, 26 tuổi.

Trái với mọi toan tính nham hiểm của kẻ thù, những năm tháng trở lại Côn Đảo đối với anh thật vô cùng quý báu: các chế độ hà khắc không ngăn được quyết tâm của người chiến sĩ Cộng sản biến nhà tù thành trường học, học văn hóa, chính trị. Chính ở đây anh tiếp thu có hệ thống triết học Marx, những vấn đề chủ nghĩa Lenin, lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô... do các bậc đàn anh Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng... truyền lại và anh rất chịu khó trau dồi vốn liếng tiếng Pháp sẵn có.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi, anh và anh em đồng chí tù chính trị Côn Đảo náo nức trở về. Lịch sử sang trang, khởi đầu một giai đoạn cách mạng mới. Cùng với anh Lê Văn Sĩ, anh tham gia Ban tổ chức phân phối tù chính trị về tăng đường cho các địa phương góp phần xây dựng chính quyền cách mạng, rồi được Xứ ủy Nam bộ phân công về lại Sài Gòn với trọng trách lãnh đạo phong trào đô thị, giữa lúc thành phố đã nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến lần thứ hai chống xâm lược Pháp từ trong đêm 22 rạng 23 tháng 9 năm 1945.

Vào cuối năm 1946, anh được bầu vào Xứ ủy, phụ trách Bí thư Thành ủy ở tuổi 31. Gần giữa năm 1947, Hội nghị cán bộ Thành ủy với tính chất và nhiệm vụ của một Đại hội đại biểu đảng bộ, có sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lê Duẩn, đang là Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy, bầu Thành ủy chính thức, anh tiếp tục giữ trách nhiệm Bí thư và tôi cũng được tham gia Thành ủy khóa này.

Chúng tôi gặp nhau

Gặp lần đầu là lúc anh từ Côn Đảo trở về. Lần thứ hai anh ra đón tôi tại ga xe lửa Sài Gòn khi tôi dự họp Quốc hội khóa đầu tiên từ Hà Nội về. Tránh sự dòm ngó của bọn mật thám, tôi đi sau anh một khoảng cách khá xa. Về đến nhà chị Năm Bắc, cơ sở của Thành ủy, anh với tôi trao đổi chớp nhoáng vài việc và tôi đi ngay về khu căn cứ ở Đồng Tháp Mười. Qua những giây phút ban đầu, tôi đã thoáng nghĩ về anh: một người đồng



Từ trái qua phải: Đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Trần Thế Môn,
đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Trần Quốc Thảo.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

chí chín chắn, trầm tĩnh, tự tin. Anh mặc chiếc quần short đen, áo sơ mi trắng ngắn tay, hai vai đã sờn, và có lẽ chiếc áo sờn vai đó đã đi vào lòng tôi. Còn anh, sau này mới biết, anh đã để ý tôi ngay từ buổi đầu gặp mặt và sau một thời gian anh viết thư ngỏ ý thương tôi. Nhưng do hoàn cảnh công tác mỗi người một nơi, mãi đến đầu năm 1947, theo sự phân công của tổ chức (chắc không phải do tình cờ hoặc có phải do một sự thông cảm

nào không) tôi về Sài Gòn đảm nhận công tác phụ vận và được bổ sung vào Thành ủy. Anh và tôi chỉ gặp nhau qua những lần hội họp, học nghị quyết. Đến một lần tại nhà anh Ngô Liên⁽¹⁾, anh ngỏ ý muốn gặp riêng tôi sau buổi họp.

Chúng tôi đứng nói chuyện với nhau trên gác thượng. Nhìn xuống đường trông thấy mấy người ăn xin lê lết, tôi buột miệng nói với anh: “Còn có những người như thế này, mình mới thoát ly gia đình đi làm cách mạng”. Đồng tình, anh nói: “Đúng vậy, lắm than, bất công phải được xóa bỏ. Chúng mình hy sinh, đấu tranh là nhằm giải phóng đất nước đem lại công bằng, hạnh phúc cho dân”. Đây là lần đầu tôi nghe anh bộc lộ lý tưởng anh ấp ủ từ lúc giác ngộ cách mạng và suốt những năm tháng sống chung với nhau sau này cho đến ngày anh nhắm mắt xuôi tay, ý tưởng đó không bao giờ nguội lạnh trong anh. Còn về hoài bão ước mơ và quan niệm về tình yêu hạnh phúc riêng tư, mỗi lần có dịp anh đều nói: “Đã gắn đời mình với cách mạng thì tình yêu cũng nằm trong cái chung ấy. Sống có ý nghĩa thì tình yêu mới cao đẹp được”. So sánh đời anh với đời tôi, anh thường tâm sự: “Hai chúng mình thuộc tầng lớp nghèo, đều có trải qua tù tội, thấm thía nỗi đau của riêng mình nằm trong nỗi đau của dân tộc, những điểm giống nhau đó sẽ giúp chúng mình dễ cảm thông nhau, sẽ biết sống và biết hy sinh cho nhau”.

Những điều anh nói sao trùng ý của tôi quá, khiến cho tôi chột thấy xao xuyến trong lòng. Dẫu nuôi ý thức nam nữ bình đẳng, tôi không thoát khỏi tâm lý chọn người chồng mạnh mẽ, có tâm huyết, có nghị lực... làm điểm nương tựa tinh thần, tình cảm trong cuộc sống sau này.

Tình yêu của chúng tôi đã nảy nở từ sự đồng cảm có chung chí hướng và tính tình có nhiều điểm hợp nhau: sống tình nghĩa, trung thực... Chúng tôi bàn với nhau sẽ tổ chức lễ thành hôn đơn giản vào một dịp thuận tiện. Và ngày ấy đã đến: ngày 23 tháng 5 năm 1948, dịp Thành ủy họp Hội nghị mở rộng. Anh Lê Văn Sỹ là bạn tù thân thiết của anh từ Côn Đảo sẽ đại diện Xứ ủy về dự Hội nghị và làm chủ hôn. “Tiệc cưới” được tổ chức ở nhà

1 Túc Ngô Như Niên (1918-2001), bí danh Ba Đức, nguyên Vụ trưởng Vụ Hoa vận Trung ương Đảng; Trưởng ban Hoa vận Trung ương Cục miền Nam, ông là người Hoa đầu tiên được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh và vợ sau lễ cưới. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

anh Biện Sinh, một đồng chí rất thân quen ở Gò Xoài (nay thuộc huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh) là một bữa cơm thân mật có mặt đông đủ các đồng chí về dự Hội nghị và bà con đồng bào sống quanh nơi đóng cơ quan là những người góp sức góp công tổ chức “bữa tiệc”. Quà tặng của anh Sỹ mang về là một trăm trái gòn khô để may gối cưới cho đôi tân hôn, nhưng vì không có vải sẵn, đành phải may sau.

Trong hoàn cảnh kháng chiến, cưới nhau rất đơn giản mà nghĩa tình sâu đậm biết bao giữa chồng vợ, bạn bè đồng chí, bà con xóm làng, bù đắp cho sự thiếu vắng của người thân hai họ. Sau lễ cưới, chúng tôi đưa nhau về rạch Chanh, ở đây có sẵn mấy căn nhà nhỏ vừa được dựng lên làm chỗ

ngồi nơi cho đại biểu về họp hội nghị. Tôi nhớ như in, đêm đó, mười bốn trăng tròn vành vạnh. Ánh trăng tràn qua cửa sổ vẽ thành những vệt sáng trải dài trên vách. Bên hè, theo từng cơn gió thoảng, những tàu lá chuối đong đưa xào xạc như múa nhảy chan hòa niềm vui hạnh phúc của hai chúng tôi.

Gà đã gáy sáng mà câu chuyện tâm tình như chưa dứt được. Khi anh nhắc đến nỗi cơ cực của thời thơ ấu, chúng tôi đã không cầm được nước mắt. Trả lời câu hỏi của tôi: “Nghe nói người cộng sản không biết khóc mà?”. Anh nói: “Có chứ! Người cộng sản nếu có khác người thường là khác ở chỗ biết lúc nào phải lau nước mắt”.

Ba ngày trời qua sao mà nhanh quá! Tôi phải lên đường đi dự Hội nghị Phụ nữ Nam bộ, còn anh trở lại nhiệm vụ với bao khó khăn đang chờ. Chia tay rồi, đây là chia tay lần đầu, mà sao lúc nào, ở đâu, tôi vẫn cứ tưởng có anh bên cạnh như đang mỉm cười theo dõi từng bước đi, từng hơi thở của tôi và cũng là lần đầu tôi mới chợt hiểu ra cái “nhiệm mầu” của tình yêu!

Từ khi có anh, tôi như được tiếp thêm sức mạnh tình cảm, tinh thần để chịu đựng và vượt khó khăn trong công tác, bình tĩnh hơn khi gặp chuyện



Đổng chí Nguyễn Văn Linh và vợ trước khi lên đường ra Việt Bắc năm 1953.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

không may. Nhớ lần sinh đầu lòng, thai nhi yếu quá, do ảnh hưởng căn bệnh sốt rét kinh niên của tôi, nên cháu đã mất khi mới chào đời. Anh và tôi buồn lắm và rất mong muốn có được một mụn con, nhưng do hoàn cảnh công tác phải xa nhau luôn. Rồi anh lại được Trung ương Đảng triệu tập ra Việt Bắc học tập, dự một số cuộc Hội nghị. Để chuẩn bị cho anh lên đường, tôi chỉ có 24 tiếng đồng hồ ở bên anh.

Từ giữa đường Trường Sơn, dưới những cơn mưa rừng như trút nước, thú dữ rần rít muỗi mòng như chực sẵn, anh đã tranh thủ viết vội lá thư gửi về cho tôi. Tôi hiểu trong lòng anh thông cảm sâu sắc niềm khao khát được làm mẹ của người phụ nữ, nhất là hoàn cảnh của tôi, nên mới viết được những lời lẽ giản dị mà rất cảm động khuyên tôi đừng “quá buồn” nếu phải “chậm có con một chút”, “công cuộc kháng chiến, công việc Đảng còn bao nhiêu bận bẽ... đồng bào còn khổ...”. Đọc thơ anh viết rất ngắn, mà tôi cảm thấy như trong mình có một sức sống đang bùng dậy.

Tình sâu nghĩa nặng

Tin thắng trận từ Điện Biên Phủ như làn gió mạnh đem đến cho mọi người niềm vui chiến thắng tràn ngập. Hiệp định đình chiến được ký kết tại Genève. Cách mạng chuyển sang giai đoạn mới.

Từ chiến khu Việt Bắc, anh trở về miền Nam trong nỗi mừng gặp lại đồng bào, đồng chí, người thân, nhưng với nhiều lo toan trước nhiệm vụ mới, nặng nề, phức tạp. Đảng và Bác Hồ đã lường trước tình hình khó khăn của miền Nam sau thời hạn chuyển quân tập kết.

Trong khi đông đảo cán bộ, bộ đội lên đường ra Bắc, anh khẩn trương mở những lớp huấn luyện cấp tốc bồi dưỡng số cán bộ ở lại, chuẩn bị lực lượng chuyển sang hình thái đấu tranh mới.

Anh vừa làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn vừa có chân trong Thường vụ Xứ ủy Nam bộ, cùng với một số đồng chí khác trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở Nam bộ.

Để quốc Mỹ thay chân thực dân Pháp đưa Ngô Đình Diệm lên nắm quyền, ra sức khủng bố trắng, lê máy chém đi khắp thành thị nông thôn gieo rắc đau thương, tang tóc và sức đè nén càng nặng thì sức bật lòng căm thù càng cao.

Nhiều nơi anh em ta đào súng lên đòi vũ trang đấu tranh. Có một bà mẹ tìm đến gặp anh hỏi gay gắt: “Cứ đấu tranh hòa bình hoài sao? Làm cách nào khác chớ không thì chúng nó giết hết anh em mình!”

Trong lòng anh rất day dứt băn khoăn nhưng cứ phải kiên trì khuyên bảo cán bộ, đồng bào chờ chủ trương của Trung ương: “Lúc này cần phải bình tĩnh tìm ra phương hướng đấu tranh thích hợp, tránh thiệt hại cho Đảng, cho quần chúng nhân dân”.

Anh lặn lội đi các tỉnh, nay chỗ này mai chỗ khác, để hiểu thêm dân và dân cũng cần sự có mặt của Đảng.

Khi anh về miền Tây dự cuộc họp Xứ ủy do anh Ba Lê Duẩn chủ trì được ba ngày thì ở nhà tôi sanh cháu Hòa. Bé nặng 2,8kg. Ôi giống bố y hệt, nhất là đôi mắt sáng long lanh. Nhìn cháu đòi bú mắt nhấp nháy, cái miệng chép chép dễ thương làm sao!

Được tin tôi sanh, anh bươn bả trở về. Trước mặt vợ con anh mừng không nói nên lời. Anh nhìn con thật lâu trù mẩn thiết tha và cúi xuống hôn nhẹ lên trán con, nắm chặt tay tôi như truyền sự ấm nồng của tình yêu và niềm vui được làm cha. Để có nhiều sữa cho con bú, anh ép tôi ăn món khoai tây hấp trứng gà. Tôi nhớ bức thư anh gửi về từ giữa đường Trường Sơn năm nào, nhìn nét mặt tràn đầy hạnh phúc, tôi biết anh không muốn rời con và tôi trong lúc này. Nhiệm vụ đang chờ. Kẻ thù đang rình rập theo từng bước chân anh. Nhìn anh ra đi mà mấy lần ngoái lại hướng mẹ con tôi, càng thương và càng lo cho anh. Ôm chặt con vào lòng, tôi thầm thì: “Con gái bé bỏng của mẹ, con có biết mẹ lo cho bố đến đường nào không? Con là niềm hạnh phúc của bố và mẹ, con chóng lớn nhé!”

Đến lần tôi sanh cháu Bình, anh cũng không có mặt. Tình hình càng căng thẳng, cơ sở bấp bấp, công tác càng khẩn trương, càng phải giữ gìn bí mật, những lần anh ghé thăm mẹ con tôi thưa dần. Các con tôi sống trong sự thương yêu đùm bọc của các dì Chín Vân, Ba Yêm, các cháu Hương, Út Nhựt và những cơ sở che giấu mình.

Hồi ấy cơ quan phụ vận, cùng với tôi có các chị Tám Thanh, Lê Thị Riêng, và Duy Liên. Chị em mình lúc đó cực lắm. Ai cũng phải gọi con để đi cơ sở, nhưng lòng luôn phập phồng lo sợ kẻ thù giờ trò bắt con để chiêu dụ mẹ. Tù tội tra tấn mình chịu được, nhưng nếu con mình rơi vào tay giặc



Đổng chí Nguyễn Văn Linh cùng vợ và các con chụp hình vào tháng 11 năm 1959.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

biết đối phó sao đây, thử thách lương sao cho hết? Nhưng nhiệm vụ thì không chậm trễ được. Sau một thời gian, tôi được giao công tác cùng cố chi bộ tại xã Tân Hưng tỉnh Bến Tre nơi địch đánh phá rất dữ. Lòng dân ở đây càng sôi sục căm thù, nổi dậy diệt ác phá kềm và đấu tranh bằng nhiều hình thức phong phú.

Cuối năm 1959 tôi được lệnh ra miền Bắc cùng với các cháu. Anh thu xếp lên tận vùng biên giới thăm con. Lúc đó cháu Linh của tôi mới 18 tháng. Tự tay anh chuẩn bị bình sữa, áo ấm... và dặn đi dặn lại: “Ra miền Bắc phải cố gắng giữ gìn cho con, lạnh lắm”. Anh biết tôi cũng buồn, vì sắp phải xa chồng, xa bạn bè đồng chí, dù rằng ở miền Nam 5, 7 tháng mới được gặp nhau. Anh cố an ủi động viên tôi: “Phải coi đây là nhiệm vụ. Ở đây thằng địch không để cho con cháu mình yên đâu. Chẳng những con mình mà con các đồng chí khác rồi đây cũng lần lượt sẽ đưa ra miền Bắc để đảm bảo tương lai cho chúng nó”.

Chuyến đi khá vất vả. Cứ mỗi lần chuyển tàu, một mình tôi tay ấm Bình, tay ấm Linh, còn cháu Hòa níu chặt áo mẹ lon ton chạy theo.

Bù lại ra đến Hà Nội mẹ con tôi được chăm sóc thật chu đáo, ấm đậm tình thương yêu.

Những năm tháng trên miền Bắc, nguồn động viên an ủi tôi là công tác vì miền Nam, cố gắng nuôi dạy con và không nề hà việc gì cần đến tôi. Các cháu ngày càng lớn phổng lên, tôi nghĩ nếu được gặp các con, chắc anh sung sướng lắm. Những tấm hình của các con, những lá thư viết nguệch ngoạc của con trẻ cũng là một nguồn động viên rất lớn đối với anh.

Sau Tết Mậu Thân và những năm sau đó, tình hình chiến trường miền Nam càng trở nên ác liệt. Giặc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc. Cả nước có chiến tranh. Miền Bắc hậu phương lớn dốc hết sức người sức của chi viện cho miền Nam. Thanh niên trai gái đều ra chiến trường. Phụ nữ đảm đang việc sản xuất và chiến đấu tại chỗ. Các thành phố thị xã bị đánh phá, người già và trẻ em phải sơ tán về nông thôn. Các con tôi sơ tán mãi tận Sơn Tây. Mỗi chiều thứ bảy tôi đạp xe đi thăm con rồi hôm sau lại đạp về. Trên đường đi tôi thường nghĩ về anh. Nhớ mới hôm nào anh và tôi yêu nhau rồi cưới nhau, bây giờ có ba mặt con mà chưa lần nào vợ chồng được chung sống quá nửa tháng. Hơn lúc nào hết tôi cảm nhận sự hy sinh là cần thiết, và tự nhiên tôi nghĩ đến cả dân tộc đang hy sinh, cả ở miền Bắc, miền Nam vì nghĩa lớn.

Tôi theo dõi tin tức quê nhà và trông tin anh bằng cả sự khao khát, lo âu dù trong những lá thư gửi ra anh không hé ra điều gì khiến mẹ con tôi lo lắng. Bao giờ anh cũng đem đến sự lạc quan tin tưởng không chỉ cho riêng gia đình mình:

Ngày 14-10-70

Kính thân yêu,

Chú này chắc đến tay Huệ vào dịp Tết. Sau 11 năm (từ 1959 - 1969) bố mẹ và ba con không được ăn Tết chung, thì năm ngoài có dịp ăn Tết đoàn tụ. Ấy thế mà nay đã một năm rồi. Năm này Huệ và các con Tết đến không biết không nhớ tới Tết năm ngoài mà búi ngầu đây rồi?

Bình tĩnh này chắc phải vài năm nữa mới lại có dịp đoàn tụ. Cần chắc nên vậy đi để không mong chờ Huệ a. Và H. cũng đừng quá lo lắng cho tôi về an toàn và về sức khỏe của tôi, vì tôi cũng như các đ.c. khác đều đã chú ý lo lắng cho tôi rồi. Trái lại chính là H. phải lo cho H. và các con cho tốt.

Bừ ngày tôi về đã nhận được ba lần thư của H., hai lần thư của Hòa B., một lần thư của Linh.

Được biết các con đều mạnh khỏe, ngoan và học hành tiến bộ, tôi rất vui. Đặc biệt là được tin Hòa đã được kết nạp vào Đoàn, tôi vui mừng, mừng đến nỗi không chảy nước mắt. Hồi nhớ lại 40 năm về trước Bố nó được kết nạp vào "Hội ươm đoàn", lúc đó Bố nó không thể nghĩ thấy trước được là 40 năm sau

3

mình lại có mấy đứa con sông dưới.
chê-đồ xã hội chủ nghĩa và lần lượt sẽ
được vào Đoàn vào Đảng, nối chí hướng
của cha mà chiến đấu phục vụ nhân dân
phục vụ Đảng!

Không biết cái giá của H. ra sao
khi được tin con vào Đoàn?

Ở gần con H. rằng giá của con cho
nó xứng đáng là đoàn viên ưu tú, rồi
ngột ngậy. Khi lại được gia nhập đội ngũ
của Đảng nữa nhé. H. rằng giá của
Bình, Linh để noi theo Bồ Mẹ và Chi
mà sớm được vào Đoàn.

Nay cả bốn mẹ con cùng sống
chung ở Hà Nội, chắc là vui đấy nhỉ?

Về việc giấy tờ các con, Hồ loàn
toàn từ nhiệm H., nên không cần nói
gi thêm nữa. Trái lại chỉ cần nhắc H.
phải tự lo cho bản thân, lo đến mức
khỏe, lo có thời giờ mà đọc sách, học
tập cho có thể. Kiềm hãm đi công
tác tốt hơn.

× ×

Huê à, tôi nghĩ cho Hồng Hoa,
Chi Năm và Bé Trường quá!

Ở ngoài đó về được ba tháng thì
tôi có dịp gặp Trí. Đây là lần đầu
tiên và cũng là lần chót hai đường chân
gặp nhau. Khi gặp Trí, tôi có kể

Hòa viết thư cho Bô' lớn tá sủa xong cái ống lòi' chừa, vì lòi' này' sẽ cần' đang' lòi'. Bô' tá sủa xong rồi. Bô' gọi' Kiên theo đây. Nhưng từng' như' sủa' thì' lại' lòi' nên' chạy' không' đi' 24' tiếng'. Vậy' nên' cần' cần' thì' Me' tá' dẫu' hèn' mua' cho' Ba' Hòa và Phis' một' con' nớt' cái' như'.

18
chuyện về Hồng Hoa, về Trường, về chị Năm
cho nó nghe, có cho nó nghe bằng ghi
âm có tiếng nói của cả nhà, có tiếng mẹ
con Trường đọc thơ và hát... Trĩ thích
lắm, mang băng ghi âm đó theo.

19

Huê có đủ cái di' làm cho Hồng Hoa và
chị Năm đó đau khổ và cũng là di'
làm cho chính Huê đó buồn.

H. đưa các thư gởi Keim đây cho
cô Ba, chị Chấn Văn, ~~chị Ba~~, ~~cô Duy Liên~~.
Nhờ H. gởi lời hỏi thăm di' và
dường Chấn và các cháu.

Có dịp H. nói tới gởi lời hỏi thăm
chị Ba, Duy Liên và tất cả các đ. c. quen.

Huê a, nghĩ đến Hồng Hoa, tôi thấy tôi ngộp quá, và
lại càng thương chị Năm. Cháu tôi thấy Liên Quan
cũng buồn và thương Hồng Hoa nhiều.

Tôi nghĩ Huê có cái nào khác hơn là di' cho Huê
giàu làm người ngạo, hẳn gần vết thương từ cái
thời. Tôi nghĩ Huê nên bán với chị Năm và mời
người chung quanh và trong gia đình nên tạo điều
kiện về tài lý và tình cảm để cho Hồng Hoa nó
còn thể nó có thể sớm xây dựng lại gia đình. Muốn
vậy nhý n. chung quanh phải có cái khéo léo mới
được. Điều này tôi chỉ nói riêng với H. thôi. Nếu
ở gần, tôi cũng chưa nói đâu. Nhý vì bây giờ làm
làm mới có dịp viết thư, nên tôi mới viết sớm
cho H. Chắc nói vậy nhiều H. cũng hiểu
rồi.

Liên với Quan đi học bao giờ rồi? Vô dùng
con Lê lúc này có còn hay lớn gần, khý?

A chỉ từ đi theo kỳ Cao Việt Kiên vì Miền
Nam rồi. Cháu chị và Trâm. Chị mang theo 1 đứa con của Huê
con bé lớn của Huê thì về cái củ ở với con Huê. Vô

chớ con Huê cũng mang, con út vẫn ở tr. Chứ Năm. Họ con ông, bay ở tr.
Có người ở tại ra nói cháu nều ông.

Bấy Lính

Bức thư của đồng chí Nguyễn Văn Linh gửi thăm vợ và các con, đặc biệt đồng chí
mừng khi nghe tin con gái đầu được đứng vào hàng ngũ Đoàn. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

“Các con ơi, miền Nam đang thắng to. Càng thắng to thắng mau, mau đi đến hòa bình độc lập thì gia đình ta và bao gia đình khác càng mau được đoàn tụ. Cho nên bố khỏe và vui lắm lắm.

Bây giờ mẹ phải lo công tác tốt, bố phải nghĩ cách đánh thắng giặc Mỹ. Còn các con phải ngoan và chăm học...”

Nhưng để có được thắng lợi to lớn đó, tôi hiểu cùng với đồng chí, đồng bào, anh đã và đang phải làm việc nhiều, đương đầu với hiểm nguy, phải đối phó với tình hình vô vàn khó khăn phức tạp.

Có lần tôi nghe một đồng chí công tác ở cơ quan Trung ương Cục ra miền Bắc học tập kể lại: Khi cần nghiên cứu thực tế để có chủ trương sát hợp, anh đã về sát cận Sài Gòn để nắm bắt tình hình, không nể hiểm nguy gian khó.

Anh có cách nhìn rất thực tế, nhạy bén, vận dụng lý luận với thực tiễn một cách nhuần nhuyễn, nhờ đó giúp lãnh đạo đưa phong trào cách mạng miền Nam tiến lên.

Lịch sử lại sang trang

Giải phóng thành phố, giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất đất nước là niềm vui của triệu triệu con tim trên cả giang san đất nước.

Gia đình chúng tôi được đoàn tụ như bao nhiêu gia đình khác. Cha được gặp con, vợ gặp chồng trong nước mắt phấn khởi tự hào, thương nhớ người đã hy sinh.

Anh lại được trở về thành phố mà anh gắn bó từ năm 1939 và suốt 30 năm ròng của hai cuộc kháng chiến trường kỳ.

Với vai trò Bí thư Thành ủy trong năm đầu sau giải phóng, anh cố gắng đưa thành phố đi lên. Anh nói với tôi: “Hình như có cái gì đó chưa ổn lắm”. Cái “chưa ổn” đó khiến anh có nhiều ưu tư, trăn trở. Anh mạnh dạn đề đạt với Trung ương những ý kiến về vấn đề cải tạo, xây dựng, phát triển kinh tế ở miền Nam, về bước đi đưa kinh tế miền Nam hòa nhập với kinh tế cả nước.

Trong thời gian được điều ra Trung ương làm Chủ tịch Tổng Công đoàn, sau làm Trưởng ban Dân vận, anh nghiêm túc chấp hành sự phân công của Đảng và làm hết trách nhiệm của mình đồng thời tiếp tục ấp ủ những suy tư về đường lối, đối sách trước tình hình rất mới, rất đặc biệt của Việt Nam.



Tiền đồng chí Nguyễn Văn Linh đi Hà Nội 1987. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

Trong những năm tháng đó, gia đình lại gặp chuyện không may: đứa con trai duy nhất của chúng tôi qua đời. Anh và tôi buồn lắm. Cố kềm giữ lòng mình, anh khuyên tôi: “Hãy cố gắng, hãy lấy nghị lực bản thân mình mà vượt qua”. Rồi anh kể cho tôi nghe những kỷ niệm trong tù lúc thuở xa xưa, kể về cái chết của anh Hiếu, người đồng chí thân thương trước lúc nhắm mắt còn cời chiếc áo rách của mình trao lại bạn tù mặc cho đỡ lạnh.

Hình như tình đồng chí thiêng liêng, những kỷ niệm sâu sắc thời ở tù, những hy sinh to lớn của dân tộc đời này qua đời khác luôn luôn là nghị lực trong anh. Rất thông hiểu anh, tôi cũng tiếp lời anh: “Mình còn hạnh phúc hơn anh Hiếu và nhiều bạn tù đã bỏ xương nơi Côn Đảo vì được tham gia những chặng đường lịch sử của đất nước, được thấy ngày hòa bình thống nhất Tổ quốc”.

Sau khúc quanh, anh được Đảng phân công trở về lại Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh. Lúc bấy giờ thành phố gặp nhiều khó khăn, sản xuất bị chững lại, lòng dân xao xuyến, cán bộ đảng viên có nhiều ưu tư, không chịu bó tay. Nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh đã có những cách làm “bung ra”, “phá rào”...

Với sự cảm nhận sâu sắc về những chuyển động đang diễn ra từ cơ sở cần được phát hiện, bồi dưỡng, với tác phong sâu sát quần chúng, anh ra sức nắm bắt tình hình thực tế, khi thì đi xuống xí nghiệp nhà máy, lúc đi vào khu xóm lao động, lúc đi tìm hiểu thị trường không chỉ trên địa bàn thành phố mà còn đi tham khảo kinh nghiệm của nhiều địa phương khác.

Từ thực tiễn, tập trung trí tuệ từ nhiều nguồn, trong cán bộ, trong đồng bào các giới, anh đề xuất những chủ trương mới, tạo quyền chủ động cho các doanh nghiệp, tìm cơ chế chính sách giải quyết những ách tắc trong sản xuất, lưu thông phân phối hàng hóa, rút và phổ biến kinh nghiệm làm ăn qua sinh hoạt Câu lạc bộ giám đốc...

Mục tiêu ban đầu là vực nền kinh tế lên rồi dần dần giải quyết những vấn đề khác kế tiếp theo. Khi nền kinh tế thành phố và một số tỉnh thành khác ở miền Nam, miền Bắc khởi sắc cũng là lúc trong anh hình thành có hệ thống những phương hướng, nội dung, biện pháp đổi mới.

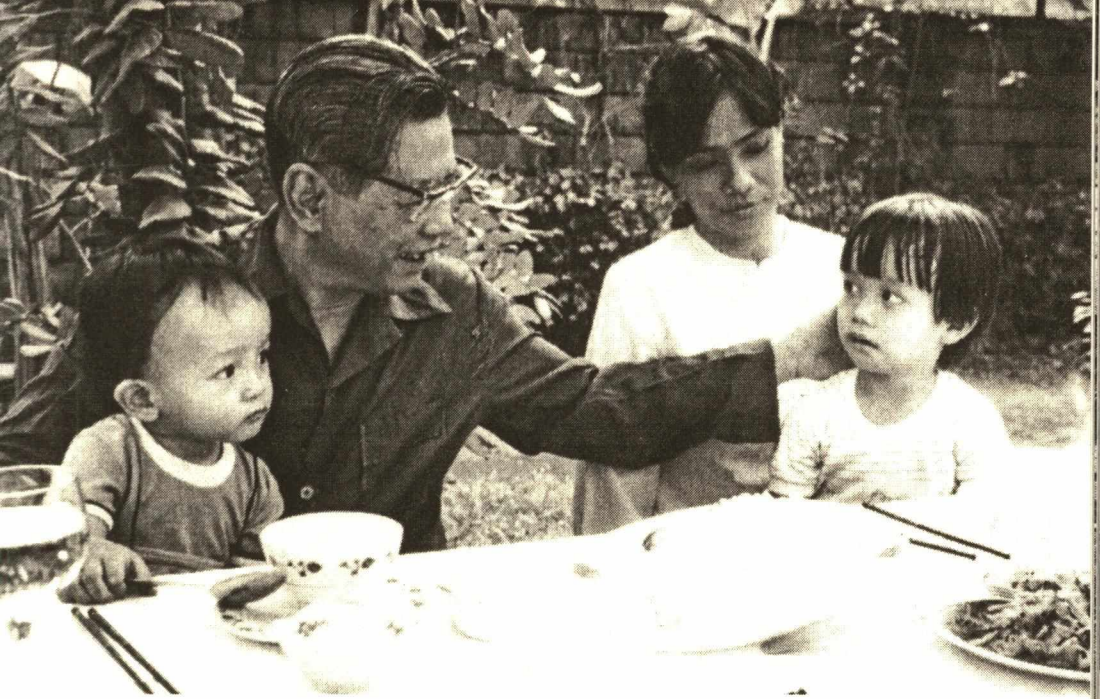
Mẹ con chúng tôi rất vui khi nghe anh kể về sự kiện Đà Lạt. Tại đây giám đốc một số đơn vị sản xuất kinh doanh của Trung ương và của thành phố báo cáo những khó khăn được tháo gỡ, cung cách làm ăn theo kiểu mới, được các đồng chí trong Bộ Chính trị có mặt hôm đó rất quan tâm.

Gần giữa năm 1986, anh được Trung ương điều ra phụ trách thường trực của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Anh được giao nhiệm vụ chuẩn bị các văn bản của Đại hội VI (tham gia tiểu ban nội dung).

Với sự nhất trí cao, Đại hội Đảng lần thứ VI đã mở ra thời kỳ đổi mới, và anh được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Anh rất vui vì những ý tưởng ấp ủ từ nhiều năm giờ đây có điều kiện trở thành hiện thực trong cuộc sống. Đất nước chuyển mình trên nhiều lĩnh vực cả đối nội và đối ngoại.

Tại Đại hội Đảng lần thứ VII, với tấm lòng trung thực và tinh thần trách nhiệm, anh xin rút khỏi Ban Chấp hành Trung ương khóa mới và xin cùng với một số đồng chí lão thành khác nhận nhiệm vụ làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trong những năm tháng còn lại anh luôn theo dõi góp ý kiến với lãnh đạo Đảng, chính quyền về nhiều lĩnh vực của công cuộc đổi mới ở Trung ương, thành phố và nhiều địa phương khác.



Đổng chí Nguyễn Văn Linh cùng con gái Nguyễn Thị Hòa và cháu.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

Tôi và các cháu rất lo cho sức khỏe của anh mỗi khi thấy anh băn khoăn suy nghĩ qua đọc báo, xem thư, nghe thấy chỗ này chỗ kia tình hình chưa tốt. Bà con dân nghèo vẫn còn thiếu thốn, đời sống các gia đình thương binh liệt sĩ, cựu chiến binh, cán bộ đảng viên nghỉ hưu... còn nhiều chật vật khó khăn; tệ nạn quan liêu tham nhũng chưa khắc phục được mà còn có chiều hướng gia tăng ở cấp này cấp khác...

Cũng có những lúc thấy anh rất vui khi nhận được tin thắng lợi dù lớn dù nhỏ, dù ở lĩnh vực nào, trong cả nước, ở địa phương này, địa phương khác... Có lần đi họp về tôi kể lại: đã có 40 trường hợp người nghèo được mổ mắt, thấy lại ánh sáng, hòa nhập với cuộc sống mọi người; và trong chương trình “Đem lại nụ cười cho trẻ thơ”, các thầy thuốc đã tận tình giải quyết thành công hàng ngàn ca dị tật. Anh vui lắm. Trong bữa cơm hôm đó, nhìn anh ăn ngon miệng hơn, ai cũng thấy vui lây và mong anh giữ được sức khỏe để tiếp tục đóng góp theo sức của mình vào công việc chung còn gặp nhiều khó khăn phức tạp.

Đến cuối năm 1997, bệnh cũ tái phát, sức khỏe của anh giảm sút nhiều, cơ thể héo mòn dần. Đó là những căn bệnh tích tụ từ hậu quả của những trận đòn tra tấn ở ngục tù Côn Đảo và những năm dài sống ở rừng rậm trong chiến khu.

Vào những ngày chuẩn bị đón mừng 30 tháng 4, nghe tôi và các con bàn thêm việc tổ chức kỷ niệm 50 năm ngày cưới của anh và tôi, anh gật đầu đồng ý và nói chậm rãi đầy vẻ ưu tư: “Nhanh quá! Mới đây mà nửa thế kỷ rồi! Trong nửa thế kỷ, bố mẹ xa nhau thì nhiều, gần nhau lại ít. Lúc bố mạnh khỏe thì xa mẹ và các con, lúc được gần nhau thì bố lại yếu đau làm cho mẹ và các con phải cực vì bố”. Tôi bất giác nói liền: “Cực vậy chứ có người muốn mà không được đó. Bố mấy nhỏ cứ yên tâm lo dưỡng bệnh. Kỳ này thấy da dẻ mịn màng tốt lắm rồi!”.

Lời nói của anh như còn văng vẳng bên tai. Anh nói vậy để an ủi, chớ thật ra anh cũng hiểu được sống bên nhau dù già yếu bệnh tật vẫn là điều hết sức quý giá. Cuộc chiến ác liệt ở miền Nam kéo dài 21 năm, thì 16 năm đằng đẵng chúng tôi sống xa cách nhau trong khắc khoải lo âu, chờ đợi. Nhiều lúc tưởng chừng như không còn gặp lại nhau được nữa, vì những cơn sốt rét ác tính, vì B.52 rải thảm, vì bom đạn chất độc hóa học trút xuống như mưa, cái chết và cái sống gần nhau trong gang tấc.

Năm mươi năm tính từ ngày chúng tôi cưới nhau, nhiều lần anh ra đi rồi trở về, chỉ có lần này không thể ngờ được, anh ra đi, ra đi mãi mãi...

Anh Mười ơi, anh mất đi nhưng anh vẫn sống mãi trong tim vợ con anh và trong niềm thương tiếc của đồng bào, bạn bè, đồng chí. Xin nguyện hứa với anh, còn sống ngày nào tôi còn cố gắng làm việc ngày ấy và nhắc nhở con cháu nối chí của anh, hướng theo hoài bão ước mơ mà anh phấn đấu suốt cuộc đời để mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân, quần chúng và tuổi trẻ yêu thương.

Cha và chúng tôi

NGUYỄN THỊ BÌNH⁽¹⁾

1. Mẹ tôi kể lại, cha mẹ lấy nhau trong kháng chiến, cả hai đều đang hoạt động cách mạng nên rất ít khi được cùng chung sống. Năm cha tôi bốn mươi tuổi mới có chị tôi. Ngày mẹ sắp sinh chị, cha tôi đang công tác xa, ông cố gắng sắp xếp để về chăm sóc mẹ tôi và chuẩn bị đón đứa con đầu lòng của mình. Mẹ sinh buổi sáng thì tối đó cha mới đến Sài Gòn, vì trễ giờ nên nhà bảo sanh không cho thân nhân vào, ông phải đợi ở nhà. Đêm đó ông ngồi đốt thuốc rất khuya. Hôm sau ông hối hả vào thăm từ sáng sớm, nghe tiếng khóc u ơ, ngấm gương mặt non nớt của đứa con vừa chào đời, ông nắm chặt tay mẹ lặng người đi vì xúc động.

Đối với cha tôi niềm hạnh phúc gia đình này quá lớn lao, đã nửa đời người ông mới tìm lại được. Thời thơ ấu của ông nhiều lận đận. Chỉ được sống trong tình cảm êm ấm của những người thân yêu nhất được ít năm, rồi cha mẹ lần lượt qua đời. Cha tôi phải chịu thân phận mồ côi khi còn quá nhỏ sống nhờ cậy vào họ hàng. Mới mười bốn, mười lăm tuổi ông đã chịu án tù chung thân đầy đi Côn Đảo, trong thời gian này em gái của ông cũng mất vì bệnh. Ở lứa tuổi mà những đứa trẻ khác còn được sống trong sự chăm sóc, thương yêu của cha mẹ, ông đã phải chịu đựng đói khát đòn roi trong ngục thất. Ra tù ông nhận nhiệm vụ xây dựng các cơ sở mới cho cách

1 Bà Nguyễn Thị Bình: Con gái thứ hai của cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và phu nhân Ngô Thị Huệ, hiện gia đình bà đang sống cùng mẹ trong khuôn viên nhà cũ tại quận 3 TP. Hồ Chí Minh.



Đổng chí Nguyễn Văn Linh và phu nhân Tết Bính Tý năm 1996. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

mạng, nay đây mai đó với nhiều hiểm nguy rình rập, rồi lại bị bắt đi Côn Đảo lần nữa khi vừa hai mươi lăm tuổi. Cha tôi đã lớn lên như vậy. Một mái ấm gia đình, một vòng tay con trẻ đối với ông thật vô cùng quý giá.

Mẹ tôi, ba chị em chúng tôi là tất cả tình thương yêu của riêng ông sau mấy chục năm kể từ ngày mồ côi cha mẹ. Tuy nhiên những ngày tháng đầm ấm dành cho cha tôi khá ngắn ngủi, ông bận rộn với công tác nên chỉ thỉnh thoảng mới ghé về thăm nhà. Năm 1959, khi chúng tôi mới ba, bốn tuổi, mẹ tôi được lệnh ra miền Bắc, cha tôi nhận nhiệm vụ ở lại lãnh đạo cách mạng miền Nam đấu tranh chống đế quốc Mỹ. Thế là cuộc chiến ác liệt lại đẩy chúng tôi xa khỏi vòng tay của cha. Lần này không tính bằng ngày tháng mà là mười sáu năm ròng rã.

Sau này mẹ tôi lấy những bức thư của ông đã gửi cho gia đình đưa chúng tôi đọc. Những lá thư đã ố vàng là mối dây tình cảm duy nhất giữa cha và mẹ con chúng tôi trong phần lớn những năm tháng chiến tranh. Sự xa cách cùng bao nguy hiểm ngày đêm rình rập làm cha tôi khắc khoải

thương nhớ, trong thư ông nhắc tới gia đình với một nỗi niềm riêng thật tha thiết: “Ước gì Bố được gần Mẹ và các con ít ngày, chỉ ít ngày thôi. Nhưng đó chỉ là ước mơ”.

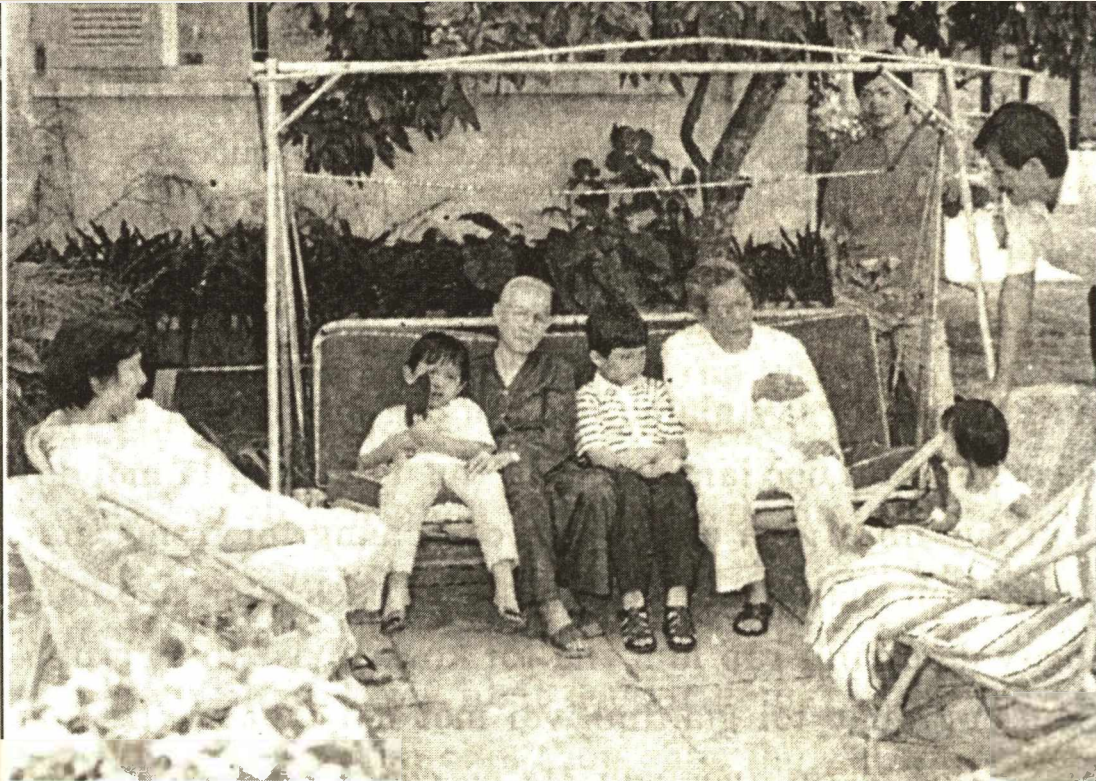
Những ước mơ về cha thời thơ ấu của chị em chúng tôi cũng thật giản đơn, mong có một lần được cha chở đi chơi phố như các bạn cùng trang lứa, một lần được chạy về nhà mách cha khi bị người khác trêu chọc. Chúng tôi chỉ được gặp cha vài lần trong khoảng thời gian rất ngắn và hết sức bí mật, cả những lần đó ông cũng phải dành thì giờ cho công việc nhiều hơn. Khi mẹ và chúng tôi được đưa ra miền Bắc, kỷ niệm về cha tôi trong các năm đó là những bức thư ông gửi từ miền Nam ra. Những bức thư như các cột mốc đánh dấu thời gian chờ đợi đang trôi đi, các cột mốc vui mừng khi biết tin cha vẫn bình yên, khi ông biết tin gia đình vẫn mạnh khỏe. Khoảng giữa các cột mốc ấy là những ngày tháng dài đầy âu lo, trăn trở, mẹ và chúng tôi đều biết bom đạn quân thù có thể cướp cha đi bất cứ lúc nào, trong rừng sâu chiến khu hằng ngày ông cũng day dứt khi nghe tin máy bay Mỹ đang đánh phá ác liệt Hà Nội và các tỉnh thành miền Bắc. Gia đình chúng tôi đã sống suốt thời gian chiến tranh trong thương nhớ và hy vọng, chúng tôi hy vọng một ngày đoàn tụ như cha thường viết trong thư: “Bố còn phải lo đánh Mỹ để miền Nam mau được giải phóng, nước nhà mau thống nhất, chẳng những gia đình ta mà bao nhiêu gia đình khác cũng được sum họp, lúc đó mới thực vui”.

Chúng tôi nhớ cha thương mẹ nhiều. Ý chí cách mạng, tinh thần hy sinh của cha mẹ đã là hành trang đầu tiên cho chúng tôi khi bước vào đời.

2. Ngày vui thống nhất cuối cùng cũng đã tới. Cảnh đoàn tụ mừng mừng tủi tủi. Nhìn lại, tóc mẹ tôi điểm nhiều sợi bạc, cha tôi đã bước qua tuổi 60. Gia đình chúng tôi cùng bao nhiêu gia đình khác lại sum họp như cha đã mong ước.

Công việc sau ngày giải phóng bề bộn không cho phép nghỉ ngơi, ông lại nhận các nhiệm vụ mới được giao phó. Khó khăn chất chồng kéo tới, chúng tôi nhiều khi phải xót xa khi thấy ông làm việc quá căng thẳng. Những bữa cơm ăn vội, những cơn đau tim bất chợt xuất hiện làm mẹ con chúng tôi lại đầy nỗi lo âu.

Bên cạnh công việc bận rộn của Đảng và chính quyền, cha tôi còn phải



Đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng gia đình. Nguồn: Nxb Trẻ.

làm một việc mà ông chưa bao giờ trực tiếp làm là dạy dỗ chúng tôi. Theo tâm lý thông thường, để đền bù cho những năm tháng xa cha, lẽ ra ông phải chiều chuộng, dễ dãi với con cái. Tuy nhiên ông lại tỏ ra khá nghiêm khắc mặc dù rất thương mấy chị em tôi. Ông lo chúng tôi ỷ vào chức vụ của ông rồi lơ là học tập, công tác, cây quếen cây thể trở thành một loại con ông cháu cha mà xã hội rất không ưa.

Trước hết đối với việc học tập của chúng tôi, ông thường xuyên hỏi han động viên, ông kể lại chuyện tuổi nhỏ thiệt thòi thêm học lắm mà bị đi tù sớm, vào tù cuộc sống hết sức cực nhọc vẫn phải cố học hỏi với các bác Ngô Gia Tự, Phạm Văn Đồng và các đồng chí khác để có thêm kiến thức. Giờ đây lớp trẻ có điều kiện nếu không chịu học tập thì thật có lỗi với thế hệ đi trước. Cha tôi hay nhắc nhở phải thường xuyên đọc sách báo. Bản thân ông rất quý sách, quanh phòng làm việc của ông là các tủ sách mà ông giữ gìn khá kỹ. Ông viết cho chúng tôi: “Phải làm sao thấy hứng thú, say sưa trong việc đọc sách, đọc tiểu thuyết, đọc các tác phẩm khác. Người nào không biết thưởng thức cái thú đó là một thiệt thòi lớn đấy”.

Cha tôi thích văn học Pháp, ông bảo tôi phải cho các cháu đọc “Không gia đình”, “Những người khốn khổ”... Khi rảnh rỗi ông thường nằm vông lấy bản tiếng tiếng Pháp của Victor Hugo ra coi. Cha tôi hay đọc lại Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng, Nam Cao và các tác giả cùng thời với ông, thỉnh thoảng ông lại nói tôi tìm cho ông vài cuốn sách mới in có chữ lớn để mắt dễ nhìn hơn. Sau này cho tới khi tuổi cao mắt yếu, đeo kính mắt vẫn đọc không rõ, ông thường chịu khó dùng tay soi một chiếc kính lúp cỡ lớn trên mặt sách báo để cho dễ thấy hơn.

Liên quan giữa học và hành, cha tôi có một phân biệt khá thực tế giữa việc học để trau dồi kiến thức và học để lấy bằng cấp. Ông luôn đòi hỏi chúng tôi cần cố gắng hết sức khi ngồi trên ghế nhà trường, nhưng không khuyến khích bằng mọi cách phải vào đại học, ông nhắc trong thư viết cho chị tôi: “Việc kiến thiết xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cũng như kiến thiết miền Nam chẳng những cần kỹ sư, bác sĩ... mà còn rất cần thợ giỏi, y tá giỏi, cô giáo, thầy giáo giỏi nữa... Miễn là phẩm chất cách mạng tốt, tinh thần phục vụ cao, chuyên môn giỏi là được. Chớ chỉ coi trọng trình độ đại học, cố ước ao, tới khi không được thì bi quan là không đúng”. “Con học đại học dự bị hoặc xin học trung cấp chuyên môn nào mà con thích. Học xong xin đi làm thợ, vừa lao động vừa học thêm. Cách nào cũng đều tốt cả. Bỏ đều bằng lòng cả. Điều cần thiết là phải say sưa tự học, tìm sách mà đọc thêm, mà mở rộng kiến thức”.

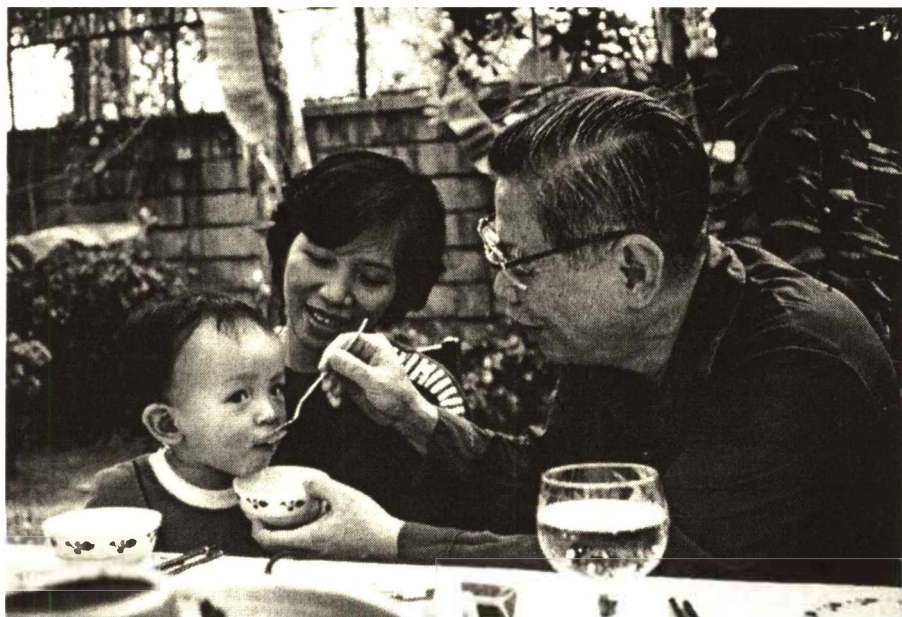
Cha tôi mong con cái học tập cho nên người và cũng muốn con cái biết lao động như mọi người. Khi chúng tôi học xong ông để chúng tôi tự đi tìm việc, chỉ khuyên nên làm gì cho đúng khả năng của mình. Chị tôi vào Đài Truyền hình làm phóng viên, tôi làm kiến trúc sư ở Bộ Xây dựng, em tôi làm kỹ thuật viên trong một xưởng điện tử. Trong suốt bao nhiêu năm là lãnh đạo tại thành phố rồi Trung ương cha tôi chưa bao giờ can thiệp để xin cho chúng tôi một chỗ ngồi tốt hơn người khác. Ông chỉ hy vọng con cái trở thành những người lao động có ích cho xã hội, phấn đấu theo lý tưởng mà cha mẹ đã suốt đời ôm ấp. Khi còn hoạt động trong chiến khu, nghe báo chị tôi đã thành đoàn viên, ông viết ngay cho mẹ tôi: “Được tin con được kết nạp vào Đoàn, tôi vui mừng cảm động muốn chảy nước mắt. Hồi nhớ lại 40 năm về trước bố nó được kết nạp vào “Học sinh đoàn”, lúc đó không thể nghĩ thấy trước được là 40 năm sau mình lại có mấy đứa con

sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa và lần lượt vào Đoàn vào Đảng, nối chí hướng của cha mà chiến đấu phục vụ nhân dân, phục vụ Đảng”.

3. Vâng lời cha mẹ, chị em chúng tôi luôn cố gắng hoàn thành tốt công việc ở cơ quan, đối xử chan hòa đoàn kết với đồng nghiệp, giữ cách sống bình dị như mọi người quanh mình. Trong những năm tháng khó khăn, thiếu thốn sau giải phóng, nhà nhà đều phải lo toan cho cuộc sống hàng ngày, tuy cha tôi có một số tiêu chuẩn ưu đãi nhưng đồng lương của cha mẹ, chị em chúng tôi cộng lại vẫn quá ít so với nhu cầu khi các cháu ra đời. Nhà có mảnh vườn còn rộng, cha tôi nói chặn lại dành nuôi thêm gà vịt, trồng thêm rau trái. Tôi còn nhớ rõ những ngày ấy, bước chân ra khỏi cơ quan là đạp thẳng tới Cầu Sắt mua cám cho cút, tới nhà dựa xe vào tường là vội vàng dọn chuồng, rồi trộn cám cho ngày mai, mang giỏ trứng đi bỏ mối, nhiều bữa chín mười giờ đêm mới ăn cơm chiều. Gia đình chị tôi thì nuôi heo, không biết bao nhiêu mồ hôi công sức phải đổ ra cho tới ngày một con xuất chuồng, những đêm heo bệnh một hai giờ sáng vợ chồng còn hì hụi đánh gió, chích thuốc cho chúng. Cha thấy chúng tôi vất vả cũng xót xa lắm, ông hay xuống dưới chuồng nhắc chúng tôi nghỉ tay ăn cơm, lúc rảnh việc ông giúp cho cút ăn, thay nước uống. Mỗi khi đọc báo nói về cách chăn nuôi hay có giới thiệu giống mới ông để riêng sang một bên đưa cho chúng tôi tham khảo. Khi bán heo, gia đình làm một bữa liên hoan nhỏ, ông cười rất vui nghe chúng tôi tính toán kết quả lao động của mình.

Đến hôm nay vui miệng kể lại chuyện chị em tôi chăn nuôi, những người không biết chúng tôi thời ấy vẫn khó có thể tin rằng gia đình của một lãnh đạo cao cấp cũng phải làm lụng vất vả. Có phải hằng ngày tận mắt nhìn thấy những khó khăn thực tế ấy, mà ông thấy bức xúc phải đẩy mạnh công cuộc đổi mới cho nhân dân bớt khổ không?

Có lần ra công trường làm việc, thấy tôi đầu tóc đầy bụi, áo ướt mồ hôi, một bác thợ điện già bảo: “Không thể ngờ cô là con ông Linh. Trước 1975 như cô phải lên xe xuống ngựa, ăn trắng mặc trơn chứ đâu cần đi làm kiếm tiền như tụi tôi thế này”. Tôi nghe xong chỉ biết cười, nhưng trong lòng chợt thấy tự hào, những người cộng sản như cha tôi, và các đồng chí của ông chiến đấu hy sinh đâu phải vì mục đích cho con cái mình sướng hơn mọi người.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh, con gái Nguyễn Thị Bình và cháu. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

Cha tôi dạy trong khi đất nước còn nghèo, người dân còn khổ làm lãnh đạo mà sung sướng riêng mình, xa hoa lãng phí, xa cách mọi người thì nói hay mấy cũng không ai tin. Khi nhậm chức Tổng Bí thư, ông bỏ ngay việc dùng chuyên cơ khi không cần thiết, ông không cho xe hộ còi dẹp đường khi đi lại trong thành phố, ông nhắc các cán bộ phải tiết kiệm khi sử dụng tiền bạc, phương tiện của Nhà nước. Tôi còn nhớ, mỗi lần đi công tác nước ngoài cha tôi tự tay duyệt danh sách cán bộ đi kèm, chỉ ai thật sự cần thiết ông mới đồng ý cho đi, ông cấm việc lợi dụng đi nước ngoài để buôn bán. Có lúc nóng giận làm căng tới mức anh em chưa hiểu cho là ông không biết thông cảm, thiếu tế nhị. Sau đó, khi vui vẻ ông mới kể lại những gì ông đã nghe người ta xì xào về các chuyến chuyên cơ đầy ắp hàng hóa, thực hư chưa biết nhưng để cho nhân dân nghi ngờ như vậy thì buồn cho Đảng lắm. Đối với gia đình cha tôi cũng giữ nguyên tắc đó, suốt thời gian làm Tổng Bí thư ông chỉ cho người nhà đi theo ra nước ngoài hai lần. Một lần khi Thủ tướng Ấn Độ Ragiv Gandhi mời cả phu nhân cùng sang thăm. Lần thứ hai khi Đảng Cộng sản Liên Xô mời cả gia đình cùng sang nghỉ.

Tôi chỉ nhớ vài chuyện nhỏ, nhưng nghĩ lại hình như có ý nghĩa không nhỏ. Ở thời điểm cha tôi nhận trọng trách, ngoài khủng hoảng về kinh tế, Đảng còn đang đối với một khủng hoảng về lòng tin, mỗi việc làm của người lãnh đạo đều được cán bộ, nhân dân theo dõi và bình luận rất sát. Cha tôi muốn tìm lại lòng tin của dân với Đảng từ những điều đơn giản nhất. Và có lẽ ông đã làm đúng. Đầu năm 1998, bảy năm sau khi ông rời khỏi chức vụ, lần tôi ra Hải Phòng công tác, một bác cán bộ hoàn toàn xa lạ khi biết tôi là con ông liền tới bắt tay và nói: “Cho tôi gửi lời chúc sức khỏe ông Linh. Chúng tôi luôn quý và tin ông”. Tôi có vẻ nhần lại với cha, ông chỉ cười, ánh mắt thật thanh thản.

Năm 1991, nhiệm kỳ của Đại hội VI sắp kết thúc, dư luận lại xôn xao về nhân sự mới. Tôi ra Hà Nội thăm cha. Ông đã tới tuổi 75, sức khỏe còn khá, nhưng gánh nặng của công việc và thời gian đã làm ông thấm mệt. Nhìn những xấp tài liệu chồng chất trên bàn đợi ông sau cả ngày họp hành căng thẳng, nhìn ông ăn uống qua loa ngồi trầm ngâm một mình trong căn phòng trống vắng, nghe ông bực bội khi gặp điều gì chưa vừa ý, tôi cảm thấy cha tôi đã tới lúc cần phải nghỉ ngơi. Nhiều lần ông nói với chúng tôi hết nhiệm kỳ này sẽ về, nhưng cũng đã có nhiều ý kiến đề nghị ông làm tiếp vì công cuộc đổi mới đất nước còn cần sự đóng góp của ông. Mẹ con chúng tôi chỉ mong ông được nghỉ, vì phải phòng xa với tuổi đã cao, ngồi trên ghế lãnh đạo lâu năm dễ phát sinh những biểu hiện nóng nảy, thiếu thực tế, tính chủ quan sẽ khó lòng tránh được, trong khi tình hình không ngừng đòi hỏi đổi mới, nhạy cảm... Phần nữa, ông đã cống hiến gần cả cuộc đời cho cách mạng, xa cách gia đình quá nhiều, những năm cuối chúng tôi muốn ông được đầm ấm vui vầy cùng vợ con và các cháu mà ông rất mực thương yêu.

Vì tín nhiệm cha tôi, các cô chú quen biết có lần la chúng tôi: “Đây là việc nước. Các cháu và mẹ không được can thiệp”. Chúng tôi chỉ biết cười trừ nhưng lòng vẫn nghĩ công cuộc đổi mới là tất yếu, cha rời khỏi vị trí sẽ có đồng chí của ông thay thế như bao thế hệ đã từng kế tiếp nhau.

Rồi cha tôi đã về, nụ cười bình yên rung rung mái đầu tóc bạc, buổi cơm hàng ngày ríu rít tiếng trẻ mời ông. Chúng tôi thật mừng vui, cảm động nhìn cha thư thái ngồi đánh cờ với cháu trai, tập bơi cho cháu gái, nhẹ



Đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng các cháu. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

nhàng nâng một cảnh lan vừa nở, ung dung đi vài đường dưỡng sinh buổi sáng. Những giờ phút êm ả như vậy thật cần thiết cho tuổi già của ông. Cuộc sống của người dân nói chung, của gia đình nói riêng đều đã khá lên. Nồi vắt và nuôi heo cút ngày nào giờ đây thành chuyện vui trong bữa cơm chiều, khi cả nhà ngồi quây quần nhắc lại những kỷ niệm khó quên của một thời bao cấp. Cha thường hỏi chúng tôi về công việc, thu nhập hàng tháng, giá cả ngoài chợ, tiền trường lớp cho các cháu ăn học. Ông hài lòng khi thấy chúng tôi đều có thể lo liệu bản thân, cho tương lai con cái. Mẹ và chúng tôi cũng yên lòng khi cha vui khỏe, thậm chí mong ông sẽ được thấy các cháu trai, cháu gái trưởng thành, thấy đất nước chuyển mình qua thế kỷ mới, thấy cuộc sống ngày càng hạnh phúc hơn như ông vẫn ước muốn.

Ngày tháng trôi qua. Trên khắp đất nước những vụ lúa bội thu, những công trình mới mọc lên, nền kinh tế khởi sắc với nhiều kết quả làm phấn chấn lòng người, tình công khai, dân chủ trong đời sống xã hội ngày càng rõ nét. Công cuộc đổi mới được khơi nguồn từ Đại hội VI đã từng bước mang lại cho nhân dân một cuộc sống tốt đẹp hơn. Các chủ trương chính

sách của Đại hội VII càng đẩy mạnh quá trình phát triển và hòa nhập của Việt Nam với thế giới. Nhưng bên cạnh cái vui, ông không khỏi canh cánh bên lòng nhiều ưu tư về những gì chưa làm được, những biểu hiện đáng lo ngại. Hằng ngày ông vẫn dành thời gian cho công việc, đọc tài liệu, nghe báo cáo, bàn bạc với các lãnh đạo về các vấn đề cần quan tâm. Ông lại cầm bút viết bài về ruộng đất của nông dân, sự bình đẳng trong quan hệ khi mở cửa với thế giới và tự tay viết thơ, trực tiếp gọi điện thoại góp ý kiến với cấp này cấp nọ về những vấn đề đáng được quan tâm.

4. Những bài báo đang lên trang, lại là lúc cha tôi đang chống chọi với căn bệnh cũ tái phát, hậu quả của thời gian tù ngục và di chứng của những trận sốt rét rừng trước đây đã ảnh hưởng nặng tới cơ thể ông. Cuối năm 1997, sức khỏe của ông giảm dần, số lần vào bệnh viện nhiều lên. Tuy nhiên chúng tôi vẫn hy vọng ông sẽ qua được như những lần trước. Cha tôi vẫn tin ở sự hồi phục của bản thân, không hề nhắc tới chuyện ra đi, không nhả nhủ gì lại với gia đình, giống như ông chỉ muốn ngả lưng sau một ngày dài làm việc để sáng sớm mai ra còn tiếp tục. Đêm 25-4-1998, cha tôi nằm xuống, ngủ một giấc dài! Mẹ, chúng tôi và các cháu ngồi đợi bên ông, đợi ông thức dậy như mọi khi rồi tuần sau sẽ cùng vui với cả nước ngày kỷ niệm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, tháng sau sẽ lại cùng vui với gia đình năm mươi năm ngày cưới của cha và mẹ.

Chúng tôi chờ đợi, như ba bốn mươi năm trước đã từng đợi cha. Cuộc đời ông đã nhiều lần ra đi và nhiều lần trở về. Nhưng lần này cha không về nữa. Sáng 27-4-1998 trái tim ông đã ngừng đập sau hơn tám mươi năm không mệt mỏi.

Ngày 28, 29 tháng 4 cả nước để tang. Tôi như thấy cha lại về trong vòng tay, trong ánh mắt bao nhiêu đồng chí, đồng bào đến tiễn đưa ông. Ngày 30 tháng 4 thành phố rợp màu cờ. Tôi như lại thấy cha về với chúng tôi trong sắc đỏ vinh quang mà ông đã cống hiến cả đời mình.

Rồi từ đây, mỗi dịp 30 tháng 4 gia đình sẽ lại đón cha về. Với mẹ, với chúng tôi và với các cháu. Tôi sẽ kể cho các cháu nghe những kỷ niệm về ông, để lớn lên mãi mãi nhớ rằng: ông đã sống trọn đời làm một người chân chính.

“Anh Linh nhà mình đấy!”

NGÔ QUANG ĐẠO⁽¹⁾ - ĐẶNG VĂN CẢO⁽²⁾

Khoảng giữa năm 1965, chúng tôi nhận được điện của Văn phòng Trung ương Đảng là: “Chuẩn bị đón khách đặc biệt”. Sáng hôm sau thì có đồng chí cán bộ Văn phòng Trung ương về trao đổi cụ thể và xem kỹ hệ thống phòng không, hầm tránh máy bay làm bằng kèo tre dày đặc đắp đất phủ kín, nối liền từ nơi làm việc ra đến ngoài vườn, ở đó có những bụi tre bao bọc xung quanh. Đó là chùa làng Nội Linh thuộc huyện Tiên Lữ, là cơ quan sơ tán của Tỉnh ủy trong những năm có chiến tranh phá hoại ác liệt của đế quốc Mỹ ở miền Bắc nước ta.

Đúng ngày đã định, anh Lê Quý Quỳnh, Bí thư Tỉnh ủy đi đón khách ở địa điểm thuộc địa phận tỉnh Hưng Yên giáp Hà Nội. Khách về tới cơ quan, chúng tôi cũng chưa được biết là ai, đi cùng với khác có anh Nguyễn Khai (hồi đó là ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, phó Ban tổ chức Trung ương). Anh Khai có nói nhỏ với chúng tôi là anh Linh nhà mình đấy, quê ở Giai Phạm, Bần Yên Phú.

Về thăm Hưng Yên, anh thăm hợp tác xã nông nghiệp, thăm hệ thống thủy lợi, trường thanh niên Tô Hiệu vừa học vừa làm và một vài nơi khác, sau đó anh về thăm quê làng Giai Phạm.

1 Nguyên Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Hải Hưng

2 Thời điểm năm 1999 đang giữ chức Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Hưng Yên

Hưng Yên là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng, kho người kho của, luôn luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức nghĩa vụ với Nhà nước về người và của, chi viện đầy đủ cho chiến trường miền Nam. Anh rất quan tâm tìm hiểu đời sống của dân, của nông dân ở một tỉnh mà thanh niên hầu hết đi chiến đấu còn lại ở địa phương là phụ nữ và người già đảm nhiệm công việc của hợp tác xã và các công việc khác. Chúng tôi còn nhớ trong lúc ngồi nói chuyện với Thường trực Tỉnh ủy, anh có hỏi đại ý là hợp tác xã nông nghiệp có cách nào đưa năng suất lên được nữa không, làm thế nào để nông dân yên tâm phấn khởi làm ăn, v.v... Đó là những điều mà anh gợi cho chúng tôi suy nghĩ.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt, nhiều lần anh từ chiến trường miền Nam ra miền Bắc công tác đã về thăm quê hương trong khi quê hương vừa chống lại cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội. Anh nhắc nhở Hưng Yên phải thâm canh tăng vụ làm tốt công tác thủy lợi, chú trọng việc củng cố hợp tác xã để phát triển sản xuất nông nghiệp đồng thời chăm lo đời sống văn hóa của nhân dân, chăm lo xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa.

Những năm sau giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, anh có nhiều lần về thăm Hải Hưng (cũ), về thăm huyện Mỹ Văn⁽¹⁾ là quê hương của anh. Những lần về anh đều quan tâm đến đổi mới cách khoán của hợp tác xã nông nghiệp. Lúc đó Hải Hưng khoán hai vụ lúa là theo sự hướng dẫn của trên. Riêng vụ đông, ở nhiều nơi hợp tác xã cho xã viên mượn đất để trồng rau màu, cây có bột vì vụ này không phải làm nghĩa vụ với Nhà nước. Làm như vậy thì thấy diện tích, năng suất vụ đông ngày một tăng mà vẫn đảm bảo kịp vụ lúa. Có nơi dân nói nhờ có vụ đông mà chúng tôi khá lên được. Vụ đông dần dần trở thành vụ sản xuất chính, diện tích day phát triển, đặc biệt là khoai tây ở huyện Mỹ Văn phát triển với năng suất ngày một tăng, có gia đình tăng tới 14 - 15 tấn một ha. Với cách khoán vụ đông như vậy, chúng tôi thấy nhân dân phấn khởi làm ăn với khẩu hiệu sáng gặt lúa chiều làm vụ đông. Vào vụ đông thì lúc nào cũng đông người làm từ sáng sớm cho tới tối mới về để đảm bảo cho kịp thời vụ. Đến khi có chỉ thị 100 của Ban Bí thư, thì việc khoán lúa được mở rộng ngày một nhiều, với kinh nghiệm khoán vụ đông, nên khoán lúa cho hộ gia đình làm nhanh gọn.

1 Năm 1999, huyện Yên Mỹ được tái lập từ huyện Mỹ Văn.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh thắp hương trước mộ cụ thân sinh:
Nhà giáo Nguyễn Đức Lan (thuộc xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên).

Nguồn: Do gia đình cung cấp.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh về thăm quê hương -
xã Giai Phạm, huyện Mỹ Văn (nay là Yên Mỹ), tỉnh Hưng Yên. *Nguồn: Do gia đình cung cấp.*

Năm 1985, được Tỉnh ủy cử đi công tác miền Nam, chúng tôi vào thăm TP. Hồ Chí Minh, đến thăm anh Nguyễn Văn Linh hồi đó là Bí thư Thành ủy với danh nghĩa là đồng hương đến thăm anh. Mặc dù rất bận rộn công việc và chuẩn bị đi công tác nhưng biết chúng tôi ở quê hương Hải Hưng đến thăm. Anh vẫn dành thời gian tiếp chúng tôi ở Văn phòng Thành ủy. Qua câu chuyện anh hỏi nhiều về đời sống của dân Hải Hưng, của huyện Mỹ Văn, về đổi mới quản lý hợp tác xã nông nghiệp. Anh nhắc là phải phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Về nghề phụ trong hợp tác xã nông nghiệp, phải mạnh dạn phát triển thì mới giải quyết được công ăn việc làm cho dân, nếu cần chuyên gia giỏi điện vào trong này anh sẽ cử người ra giúp. Anh cho biết nhiều thợ thủ công giỏi là gốc ở ngoài Bắc vào trong này làm ăn. Anh nhắc nhiều lần là phải làm cho nông nghiệp nông thôn thật vững mạnh, phải mạnh dạn đổi mới trong hợp tác xã nông nghiệp, trong công nghiệp, thủ công nghiệp. Với tình cảm quê hương anh nói chuyện với chúng tôi rất nhiệt tình, gần một tiếng đồng hồ, như người anh cả lâu mới

gặp các em, căn dặn các em làm ăn. Những lời chỉ bảo của anh gợi lên cho chúng tôi nhiều suy nghĩ về cách làm ăn trong thời kỳ đổi mới.

Đến năm 1994, với cương vị là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, anh về thăm Hải Hưng trong đó có huyện Mỹ Văn. Ở những nơi đến thăm, anh quan tâm tìm hiểu hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, hộ nông dân và gợi mở những vấn đề cụ thể để tháo gỡ khó khăn, phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Anh đã dành thời gian thăm hỏi, tặng quà một số gia đình thương binh liệt sĩ và cán bộ lãnh đạo tỉnh nghỉ hưu. Nói chuyện với cán bộ chủ chốt các ban ngành của tỉnh và các huyện, thị xã trong tỉnh, Anh căn dặn cán bộ phải đoàn kết, phải giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống cho trong sạch, phải sát dân, sát cơ sở. Anh đặc biệt nhấn mạnh phải dựa vào dân, khơi dậy sức dân để phát triển sản xuất, xây dựng đời sống văn hóa, chống tham nhũng, lãng phí quan liêu, phải thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đây cũng là lần cuối cùng anh về thăm quê hương.

Sau ngày tỉnh Hưng Yên được tái lập, hàng năm vào dịp đi công tác miền Nam, lãnh đạo tỉnh Hưng Yên đều đến thăm anh. Mỗi lần như vậy, anh hỏi han rất nhiều tình hình quê hương và căn dặn nhiều điều.

Đảng bộ và nhân dân Hưng Yên chúng tôi rất tự hào vì Hưng Yên là quê hương của anh Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI. Ở anh Nguyễn Văn Linh luôn tỏa sáng tinh thần cách mạng kiên định, suốt đời chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân. Tinh thần cách mạng ấy thể hiện từ thời trai trẻ khi đi theo cách mạng hay lúc gian nan trong các nhà tù của thực dân Pháp hoặc trên chiến trường miền Nam ác liệt thời kỳ đánh Mỹ, và sau này với cương vị Tổng Bí thư rồi Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đảng bộ và nhân dân Hưng Yên rất tự hào trước những cống hiến to lớn của anh Nguyễn Văn Linh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta trong gần 70 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhất là những cống hiến to lớn quan trọng của anh trong việc đề ra và lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới. Đồng thời Đảng bộ và nhân dân Hưng Yên rất biết ơn anh

Nguyễn Văn Linh đã luôn luôn dành cho quê hương Hưng Yên những tình cảm và sự quan tâm đặc biệt.

Đảng bộ và nhân dân Hưng Yên với khí thế phấn khởi của tỉnh mới được tái lập, nguyện noi theo và học tập tinh thần cách mạng kiên định sáng tạo của anh Nguyễn Văn Linh. Phát huy truyền thống văn hiến, bản lĩnh chính trị và truyền thống cách mạng kiên cường, phát huy những thành tựu đã đạt được, những thuận lợi và tiềm năng, vượt qua khó khăn thử thách, đoàn kết nhất trí trong quyết tâm xây dựng tỉnh Hưng Yên giàu đẹp như anh hằng mong muốn.

Đã có một mái trường ở xã Giai Phạm huyện Mỹ Văn và một đường phố chính ở thị xã Hưng Yên quê hương anh mang tên Nguyễn Văn Linh và tên tuổi anh Nguyễn Văn Linh mãi mãi là niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân Hưng Yên.

Tháng 3-1999

Anh Nguyễn Văn Linh, tính cách một con người

LÊ XUÂN TÙNG⁽¹⁾

Nhiều người từng được sống gần anh Nguyễn Văn Linh đã và sẽ viết về anh, về sự đóng góp to lớn của anh đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, và về những phẩm chất cao quý trong con người anh, với tư cách là một chiến sĩ cộng sản kiên cường, một nhà lãnh đạo xuất sắc. Anh sinh ra và lớn lên ở miền Bắc, từng hoạt động ở miền Trung, gần bó, cống hiến nhiều năm tháng và trút hơi thở cuối cùng trên mảnh đất miền Nam, Thành đồng Tổ quốc. Anh là người con kiên trung yêu dấu của đất nước Việt Nam liền một dải.

Tôi may mắn được giúp việc anh trong một số năm. Thời gian tuy ngắn, nhưng đã để lại trong tôi những ấn tượng mạnh mẽ, những kỷ niệm không phai mờ.

Cuối tháng 12 năm 1986, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, tôi trúng cử vào Ban Chấp hành Trung ương. Mấy ngày sau, vào khoảng đầu tháng 1 năm 1987, anh Nguyễn Đức Tâm, lúc đó là Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban tổ chức Trung ương triệu tập tôi đến phổ biến quyết định của Bộ Chính trị giao nhiệm vụ làm Trợ lý Tổng Bí thư. Phổ biến xong, anh Tâm nói thêm:

¹ Ông Lê Xuân Tùng: sinh năm 1936, Giáo sư, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Bí thư Thành ủy Hà Nội.

- Công việc nhiều, anh Linh cần anh thu xếp lên ngay để giúp Tổng Bí thư về việc chuẩn bị các tài liệu, các bài phát biểu...

Anh Nguyễn Văn Linh ra Trung ương đảm nhiệm trọng trách Tổng Bí thư nhưng gia đình thì vẫn ở trong Nam. Anh ở một mình, cho nên ngoài công việc, lúc rảnh rỗi thường gọi tôi sang, có lúc cùng ăn cơm trưa, có lúc cùng ăn cơm chiều.

Trước Tết Đinh Mão (1987), một lần tôi sang làm việc đến tận chiều muộn, rồi ở lại ăn cơm với anh. Cơm xong, trời mưa rất to, tôi ngồi chờ mưa tạnh. Đột nhiên, anh Linh nói:

- Tôi kể cho anh nghe chuyện này, rất xúc động về một đồng chí đã cứu nguy cho tôi trong thời gian hoạt động bí mật ở Sài Gòn trước cách mạng tháng Tám.

Nghe giọng nói thân tình của anh có vẻ khác với lúc nói về công việc, tôi đã cảm giác về một điều gì đó không bình thường. Năm 1984, tôi từng được anh tiếp chuyện một lần khá lâu. Lần đó, tôi đưa đoàn cán bộ của trường Nguyễn Ái Quốc vào nghiên cứu tại TP. Hồ Chí Minh. Với tư cách là Bí thư Thành ủy, anh nồng nhiệt tiếp đoàn suốt một buổi sáng. Đây là lần thứ hai, tôi được ngồi lâu trò chuyện với anh. Trong căn phòng nhỏ, vắng tiếng mưa rơi từ cửa sổ vọng vào, anh kể:

"Tôi quen biết một đồng chí tên là Lê Xuân Trứ từ đầu những năm 30 trong quá trình hoạt động cách mạng. Năm 1937, sau khi thực hiện nhiệm vụ của Trung ương giao cho là lập lại Xứ ủy Trung kỳ, tôi trở vào Sài Gòn báo cáo kết quả với Trung ương. Lúc này, địch khủng bố rất gắt gao, nhiều cơ sở cách mạng bị tan vỡ, vì vậy tìm chỗ ở trong thành phố rất khó khăn. Một cán bộ của Thành ủy vốn là thủy thủ đưa tôi đến ở tạm tại khu Bàn Cờ. Giáp tết, chúng tôi đang ngồi gói bánh chưng tại nhà một cơ sở cách mạng thì bất ngờ cảnh sát ập đến khám xét nhà bên cạnh. Ngay lập tức, tôi và đồng chí cán bộ Thành ủy phải rút chạy mỗi người một ngã, hẹn gặp lại nhau trước cửa chợ Bến Thành vào chiều 30 Tết để anh đưa tôi xuống trú tạm tại một chiếc tàu đậu dưới sông Sài Gòn, qua sáng mồng một Tết sẽ tìm chỗ ở khác. Đúng hẹn, tôi lẫn vào dòng người tấp nập đi sắm Tết, qua lại cổng chợ Bến Thành nhiều lần, nhưng đến gần giao thừa, chợ vẫn người vẫn không tìm thấy đồng chí đó. (Sau này tôi mới biết rằng, đồng

chí cán bộ Thành ủy chưa kịp đi đến chỗ hẹn thì đã bị địch bắt). Tình thế lúc bấy giờ thật nguy hiểm. Cảnh sát và mật vụ Pháp giăng lưới khắp nơi, lùng bắt những người chúng tình nghi. Tôi định vào chợ Bến Thành núp tạm ở nơi kín đáo chờ qua đêm rồi sáng hẩn hay. Đúng lúc đó, tôi bỗng thấy một bàn tay vỗ nhẹ sau lưng. Tôi quay lại, nhận ra anh Lê Xuân Trứ. Anh hỏi tôi:

- Anh đi đâu mà bây giờ còn ở đây? Nguy hiểm quá, địch có thể bắt anh ngay.

Thì ra lúc đó anh Trứ đang cùng tốp thợ kéo nhau đi Biên Hòa đón Tết. May mắn thế nào trong đêm tối, đèn đóm nhập nhoạng mà anh vẫn nhận ra tôi. Anh bảo mấy người thợ đi trước, quay lại rủ tôi đi mua mấy thứ đồ ăn ngày Tết như bánh chưng, giò lụa, Lạp xưởng... rồi cùng ngồi xe kéo về một ngõ hẻm ở Chợ Lớn. Đó là một căn nhà hai tầng nhỏ, cũ kỹ. Anh Trứ và anh em thợ thuê tầng một, còn tầng trên chủ khác ở. Đến nơi, anh vội mở khóa dẫn tôi vào và bảo:

- Mấy ngày Tết anh cứ ở đây, chớ có ra khỏi cửa. Đi lại phải thật nhẹ nhàng, không để những nhà chung quanh và trên gác biết có người ở trong này. Nước rửa mặt tôi để trong xô, đi vệ sinh thì dùng tạm cái xô. Tôi đi Biên Hòa lễ ra mồng ba mới về, nhưng sẽ có mặt vào sáng mồng hai.

Dặn dò xong, anh khóa cửa lại, dán một mảnh giấy ngoài cửa có ghi mấy chữ: "Chủ nhà đi vắng". Tôi ở đó bình yên đến khi anh Trứ đi Biên Hòa về, tìm cho một chỗ ở mới an toàn. Ít lâu sau, tôi bắt liên lạc được với Thành ủy và tiếp tục hoạt động. Thật may mắn, anh Trứ đã giúp tôi vượt qua cơn hiểm nghèo. Nếu không thì lúc đó tôi có thể đã bị địch bắt...

Nghe anh Linh kể đến đó, tôi hỏi:

- Anh có biết anh Trứ người ở đâu không? Có phải anh Lê Xuân Trứ, người Hà Tĩnh không?

Anh Linh ngạc nhiên hỏi lại:

- Đúng, anh Lê Xuân Trứ là người Hà Tĩnh. Sao anh biết?

- Đó là bố tôi!

Anh Linh ngỡ ngàng nhận ra tôi là con trai người bạn, người đồng chí của anh là Lê Xuân Trứ. Còn tôi, tôi thật bất ngờ và xúc động trước câu chuyện anh kể có liên quan đến người cha kính yêu của mình đã hy sinh

từ khi tôi còn trứng nước. Ngồi lặng hồi lâu để cho những xúc cảm lắng lại, tôi hỏi anh:

- Sau đó anh có gặp lại bố tôi lần nào nữa không?

Anh Linh ngồi trầm ngâm, dường như cố nén điều gì đó đang xao động trong lòng, và kể tiếp:

- Cuối năm 1939, tôi được phân công tham gia lập lại Xứ ủy Trung kỳ. Đầu năm 1941, tôi bị địch bắt ở Vinh và bị kết án đày đi Côn Đảo. Ra đó tôi gặp lại anh Lê Xuân Trứ. Chúng tôi cùng bị giam ở banh hai, cùng chỗ với các anh Lê Duẩn, Nguyễn Côn... Banh này có nhiều phòng, mỗi phòng bình thường nhốt được 50 người đã chật. Vậy mà lúc đó, để giết dần giết mòn tù chính trị, chúng nhồi vào cả hơn trăm người. Một số người bị bắt vào thời điểm khác chỉ bị cùm ban ngày, anh Trứ và các đồng chí tham gia khởi nghĩa Nam kỳ bị địch cùm suốt ngày đêm. Đi ngoài bằng những cái xô treo trên chiếc sào có thể kéo qua kéo lại. Cơm gạo mốc mà kẻ thù còn độc ác khi thì cho ăn rất nhạt, khi thì trộn lẫn muối rất mặn. Nhiều người mắc bệnh thào dạ, nhiều người khác bị kiết lỵ. Thuốc thang hoàn toàn không có. Vì vậy, không tính tù thường phạm, trong 600 đồng chí bị giam giữ ở đây, phần lớn đã bị chết, chỉ còn 200 người sống sót. Cũng như nhiều đồng chí khác, anh Lê Xuân Trứ bị địch giết hại ở địa ngục Côn Đảo bằng sự đày đoạ vô cùng dã man. Để xóa vết tích của tội ác, phần mộ của các anh bị địch nhiều lần cày xới tung lên.

Kể đến đây, giọng anh Linh càng trở nên ngậm ngùi:

“Anh Lê Xuân Trứ cùng nhiều đồng chí khác đã hy sinh trong hoàn cảnh đó, không còn để lại một mộ chí, một nắm xương. Tất cả những chuyện về anh Trứ tôi đã viết lại thành một bài báo, định gửi đăng trong dịp Tết vừa rồi nhưng không kịp. Nhân hôm nay, tôi kể cho anh nghe...”

Cơn mưa chiều đã dứt hồi lâu mà tôi vẫn ngồi chìm đắm trong nỗi đau khôn cùng về cái chết bi thảm của người cha, xen lẫn niềm cảm phục và tự hào được là con em, được đi tiếp con đường của những con người kiên trung như anh Linh, như bố tôi và biết bao đồng chí khác.

Từ đó, trong những tháng năm tiếp theo được giúp việc anh, tôi vẫn giữ đúng nguyên tắc, nỗ lực làm tròn nhiệm vụ của một trợ lý. Nhưng cùng với sự kính trọng đồng chí Tổng Bí thư của Đảng như biết bao đảng viên



Giám ngục đánh đập tù nhân tại Côn Đảo. Nguồn: Internet.

khác, trong sâu thẳm tâm hồn tôi, còn có cả niềm tôn kính của con cháu đối với bậc cha chú từng vào sinh ra tử, chia ngọt sẻ bùi với bố mình. Anh Nguyễn Văn Linh là người rất giản dị và khiêm tốn, nhưng trong công việc, anh đòi hỏi ở mình và các đồng chí chung quanh tinh thần tận tụy, sự chu đáo, cẩn trọng và tính nguyên tắc rất cao. Đối với tôi, anh cũng nghiêm như vậy. Anh không để tình cảm chen vào việc công. Mặc dù, trong con người anh, những tình cảm đó luôn tràn đầy, sâu nặng.

Năm 1994, khi đã thôi giữ cương vị Tổng Bí thư, trở thành Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, từ miền Nam, anh Linh viết thư ra bảo anh sắp ra thăm Côn Đảo, muốn tôi đi cùng để chỉ cho tôi nơi bố tôi từng bị giam cầm và bị địch giết hại. Đáp máy bay vào TP. Hồ Chí Minh ngày hôm trước, hôm sau gia đình tôi theo anh ra Côn Đảo ngay. Hôm đó trời cũng

mưa tầm tã, anh ra sân bay chỉ có một cán bộ giúp việc và một chiến sĩ bảo vệ đi theo. Chờ chúng tôi ra Côn Đảo là một chiếc máy bay do đặc bản đồ, gặp mưa to gió lớn, lắc như đưa võng. Tôi ngồi bên thềm lo cho sức khỏe của anh. Nhưng anh vẫn quyết tâm ra đảo bằng được. Đến nơi, anh đưa tôi đến banh 2, vào từng phòng, chỉ rõ chỗ nằm của nhiều đồng chí tiến bối cách mạng. Rồi anh chỉ cho tôi một góc sàn xi măng đã ngả màu đen sẫm:

- Đây chính là nơi anh Lê Xuân Trứ đã nằm và trút hơi thở cuối cùng. Còn đây là chỗ tôi nằm...

Sau đó anh đưa gia đình tôi ra nghĩa trang thấp hương trên những ngôi mộ, trong đó có ngôi mộ tượng trưng của bố tôi. Trong khói hương ngào ngạt, anh ngậm ngùi đứng khấn, nhắc lại những tình cảm sắt son, cảm động và tinh thần hy sinh, chịu đựng ngoan cường khi hoạt động bí mật cũng như lúc bị địch giam cầm của những đồng chí đã hy sinh. Gió biển thổi lồng lộng trên mái tóc bạc phơ, mang theo tiếng nói thì thầm, nghẹn trong nước mắt của anh về cõi vô cùng, nơi hương hồn những người bạn tù chính trị năm nào yên nghỉ.

Năm tháng trôi qua, hình ảnh anh đứng giữa Nghĩa trang liệt sĩ Hàng Dương vẫn còn in đậm trong tâm trí tôi. Và tôi ngày càng thấm thía rằng, tình yêu sâu nặng đối với đất nước, con người, nghĩa tình trọn vẹn thủy chung với đồng chí, đồng bào là tính cách con người nổi bật trong anh Nguyễn Văn Linh. Cùng với lửa nhiệt tình cách mạng và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn dày dặn, tính cách đó đã góp phần quyết định tôi luyện nên trí tuệ, bản lĩnh và nghị lực phi thường để anh vượt qua những thử thách gian nan, gánh vác mọi trọng trách được giao từ khi còn hoạt động bí mật đến lúc chỉ đạo cách mạng miền Nam và xúc tiến sự nghiệp đổi mới, nhất là khi vận mệnh của Đảng, của đất nước ở thời điểm ngặt nghèo của những năm cuối thập kỷ 80. Cuộc đời, sự nghiệp, những phẩm chất và tính cách con người của anh Nguyễn Văn Linh cao quý biết bao, xứng đáng để chúng ta học tập và noi theo.

Tháng 3-1999

60 năm, cùng anh...

TRẦN VĂN QUANG⁽¹⁾

Tôi vinh dự được biết đồng chí Nguyễn Văn Linh từ năm 1938. Lúc đó, Trung ương Đảng có điều một số đảng viên từ miền Bắc và miền Trung vào tăng cường cho Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Tôi là một trong những đảng viên đó. Mùa hè năm 1938, trong lúc chờ Đảng phân công, tôi có dịp xuống Mỹ Tho thăm Đông Phương tạp chí (do đồng chí Nguyễn Thanh Sơn phụ trách). Tại đây, tôi được gặp và làm quen với đồng chí Nguyễn Văn Linh, lúc đó cũng được Trung ương Đảng điều vào Nam công tác. Từ đó, mỗi người một nhiệm vụ và theo nguyên tắc bí mật, chúng tôi không biết tin tức của nhau.

Đầu năm 1939, trong cuộc vận động tranh cử Hội đồng quản hạt Nam kỳ, một số đồng chí đảng viên của ta có những nhận thức khác nhau đối với đảng “Lập hiến” của Bùi Quang Chiêu. Có đồng chí cho rằng “Lập hiến” là tay sai của đế quốc Pháp, Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương không thể liên hiệp với họ mà chỉ tranh thủ từng cá nhân tiến bộ trong đảng đó. Lại có đồng chí chủ trương để mở rộng Mặt trận thống nhất cần liên hiệp với toàn thể đảng “Lập hiến”, chỉ chống và cô lập một số phần tử phản động nhất trong đảng đó. Cuộc tranh luận rất sôi nổi nhất

1 Ông Trần Văn Quang (1917- 2013): Thượng tướng, nguyên Cục trưởng Cục tác chiến, Phó Tổng tham mưu trưởng, Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng Quân đội Nhân dân Việt Nam, chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

là ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Tôi là một ủy viên Ban Chấp hành Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, tuy trình độ hiểu biết có hạn, nhưng cũng có dịp tham gia vào một số cuộc tranh luận. Bí thư Thành ủy lúc đó là đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai cho chúng tôi biết đồng chí sẽ tổ chức cho một số đồng chí chúng tôi trực tiếp gặp thượng cấp để phát biểu. Mấy ngày sau, đồng chí Minh Khai giới thiệu tôi với đồng chí Nguyễn Văn Linh, để cùng nhau lên gặp thượng cấp. Đoàn có 4 người: đồng chí Minh Khai, đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Tân (đã hy sinh trong kháng chiến chống Pháp) và tôi. Chúng tôi đến 18 thôn vườn trầu được gặp đồng chí “thượng cấp” (sau này chúng tôi mới biết đó là đồng chí Lê Hồng Phong). Đồng chí Nguyễn Văn Linh thay mặt chúng tôi báo cáo với đồng chí Lê Hồng Phong những thắc mắc của chúng tôi. Chúng tôi được tranh luận một cách rất bình đẳng, dân chủ với thượng cấp, tiếp thu những ý kiến của đồng chí thượng cấp, đồng thời cũng được bảo lưu những gì còn chưa thông. Trong cuộc “hội thảo” đó, tôi có nhiều quan điểm giống đồng chí Nguyễn Văn Linh, từ đó chúng tôi hiểu nhau và càng thân nhau. Sau cuộc gặp, mỗi người lại về địa bàn hoạt động của mình và trải qua những ngày tháng đấu tranh rất gian khổ. Mãi đến mùa đông năm 1940, lúc đó tôi đã bị đế quốc Pháp bắt và kết án tù giam ở nhà lao Vinh. Tôi có ý định vượt ngục để tiếp tục hoạt động, nhưng vì trong Đảng bộ Nghệ An, có người phản bội đã giúp cho mật thám Pháp phá vỡ hầu hết cơ sở cách mạng, nên tôi còn lưỡng lự, chưa biết vượt ngục rồi ra dựa vào đâu để liên lạc với Đảng. May thay, một hôm đang đi làm lao công ngoài đường phố, tôi thấy một thanh niên, mặc áo dài trắng, đi từ ga Vinh hướng về trường học. Nhìn kỹ, đó chính là đồng chí Nguyễn Văn Linh. Anh Linh cũng liếc mắt ra hiệu với tôi. “Ồi! Mười Cúc đây rồi, Đảng đây rồi”, tôi nghẹn ngào vì cảm động, Nguyễn Văn Linh lúc đó đối với tôi là Đảng, là Trung ương, là phong trào cách mạng tại quê tôi. Tôi nghĩ ngay là nếu vượt ngục chạy ra thì thế nào cũng tìm được Đảng. Trở về nhà lao, tôi trao đổi với một vài đồng chí tin cậy, thông qua người nhà liên lạc được với đồng chí Hoàng Đôn (lúc đó là Tỉnh ủy viên Nghệ An).

Tôi trốn khỏi nhà lao, trở về với Đảng. Nhưng tiếc thay, khi tôi đã về được với Đảng, thì đồng chí Nguyễn Văn Linh lại bị đế quốc Pháp bắt và đưa vào Sài Gòn. Từ đó và cả trong cuộc kháng chiến chống Pháp, tôi chỉ biết đồng



Nhân dịp Tết Đinh Mão (1987), Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đến thăm một đơn vị Hải quân Nhân dân Việt Nam. *Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.*

chí Nguyễn Văn Linh ở tù Côn Đảo, được cách mạng giải phóng, trong Cách mạng tháng Tám 1945 về hoạt động ở thành phố Sài Gòn đang bị chiếm đóng và tiếp đó lãnh đạo Xứ ủy Nam kỳ sau Hiệp định Genève 1954.

Hai mươi một năm sau, năm 1961, tôi được Trung ương phân công vào miền Nam, cùng đồng chí Trần Lương, tổ chức ban quân sự miền, giúp Trung ương Cục chỉ đạo chiến trường miền Nam. Đồng chí Nguyễn Văn Linh là Bí thư Trung ương Cục. Xa nhau 20 năm, nay gặp lại ở chiến trường khu Đ, chúng tôi mừng mừng tủi tủi. Từ đó cho đến cuối 1964 với tư cách là một thành viên của Trung ương Cục miền Nam, tôi luôn luôn được gần đồng chí Linh, được đồng chí Linh và tập thể Trung ương Cục chỉ đạo giúp đỡ. Cũng trong thời gian này, đồng chí Ngô Thị Huệ, người vợ yêu quý của đồng chí Linh công tác ở Ban tổ chức Trung ương Đảng. Đồng chí Huệ thường quan hệ với gia đình tôi ở Hà Nội, động viên và giúp đỡ vợ con tôi, nên tình bạn lại càng gắn bó. Năm 1965, tôi được Trung ương điều ra chiến trường Trị Thiên Huế. Tuy xa, nhưng chúng tôi thường xuyên

theo dõi những khó khăn, gian khổ cũng như những thắng lợi to lớn của mỗi chiến trường và qua những thắng lợi đó động viên nhau. Ngay sau ngày toàn thắng (5-1975), tôi vào thăm TP. Hồ Chí Minh, đồng chí Linh lúc đó là Bí thư Thành ủy trực tiếp đưa tôi đi thăm lại thành phố, chỉ cho tôi những địa điểm mà trước đây chúng tôi đã gặp nhau, đã đấu tranh dưới thời Pháp thuộc và những chiến tích trong hai cuộc kháng chiến.

Năm 1986, Đại hội VI của Đảng - Đại hội “đổi mới” thành công tốt đẹp. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI cử làm Tổng Bí thư. Chúng tôi rất mừng vì đồng chí Linh là một đồng chí có lập trường kiên định, có quan điểm thực tiễn, có phương pháp làm việc rất dân chủ. Đồng chí Linh sẽ cùng các đồng chí lãnh đạo khác thành một tập thể đưa công cuộc cách mạng của nhân dân ta bước lên con đường đổi mới một cách vững chắc. Những thắng lợi trong những năm đầu đổi mới đã chứng minh sự tin tưởng đó là đúng.

Trong thời gian này, với cương vị của mình, ít khi tôi có dịp làm việc với đồng chí Linh. Tôi cũng không có ý định lợi dụng sự quen biết và tình bạn để gặp gỡ. Nhưng đồng chí Linh vẫn giữ tình đồng chí thăm thiết đối với tôi. Nhiều lúc đồng chí trao đổi với tôi tình hình chung của đất nước và của phong trào cách mạng thế giới. Trong một số cuộc gặp gỡ của đồng chí Linh với một số nhà lãnh đạo phong trào cách mạng của các nước thuộc thế giới thứ ba, đồng chí Linh đã gọi tôi đến dự và sau đó giao cho tôi giới thiệu cụ thể những kinh nghiệm chống đế quốc của Việt Nam cho các đảng bạn, hoặc tại Việt Nam, hoặc sang trao đổi tại nước bạn. Sự tin cậy và mối quan hệ giữa đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng đối với tôi càng làm tôi xúc động và cố gắng làm tròn nhiệm vụ. Sau khi đồng chí Nguyễn Văn Linh thôi giữ chức Tổng Bí thư, tôi còn có nhiều dịp được gặp đồng chí: lúc thì xin ý kiến của đồng chí về tổng kết chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ, lúc thì báo cáo tình hình hoạt động của Hội Cựu chiến binh, cũng có lúc với tình bạn ôn lại chuyện cũ...

Nhớ lại cuộc đời trong sáng, công lao to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh, toàn dân, toàn Đảng vô cùng thương tiếc. Riêng tôi, những hồi ức cách đây tròn 60 năm và cả quá trình đấu tranh mà tôi được gần gũi đồng chí Nguyễn Văn Linh lại hiện lên trước mắt. Thương nhớ, biết ơn một

đồng chí lãnh đạo xuất sắc của Đảng, một người học trò ưu tú của Bác Hồ
quyện tình thương nhớ một người đồng chí, một người bạn, một người
anh mà tôi đã gắn bó suốt 60 tôi không chỉ buồn cảnh biệt ly mà càng làm
cho tôi thấy tấm gương của một người Cộng sản chân chính, tình bạn cụ
thể của những người cách mạng.

Anh Nguyễn Văn Linh kính mến!

Anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một người Cộng sản, một vị
lãnh tụ cách mạng trong thời kỳ khá phức tạp của đất nước. Cuộc đời anh
luôn luôn là tấm gương cho cả thế hệ tiếp theo.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh đến dự Đại hội Cựu chiến binh thành phố Hồ Chí Minh
nhiệm kỳ 2 năm 1997. Nguồn: Nxb Trẻ.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh - một Chủ tịch Tổng Công đoàn được tin yêu, kính trọng

HUỲNH DŨNG NHÂN

(ghi theo ghi theo lời kể của ông Phạm Thế Duyệt⁽¹⁾)

Trong thời gian anh Nguyễn Văn Linh ra Hà Nội nhận nhiệm vụ Chủ tịch Tổng Công đoàn, đồng chí Nguyễn Đức Thuận làm Phó Chủ tịch, lúc đó tôi còn ở Quảng Ninh. Lần đầu tiên tiếp xúc, gặp gỡ anh trong một cuộc họp Ban Chấp hành Tổng công đoàn, tôi có ngay ấn tượng sâu sắc về anh: một người từng trải, điển hình cho ý chí quyết tâm giải phóng đất nước cao và quyết tâm xây dựng đất nước ấm no hạnh phúc.

Là người luôn nêu cao ý chí thống nhất đất nước, nêu cao vai trò của giai cấp công nhân, trong bối cảnh của đất nước vừa mới kết thúc chiến tranh còn vô vàn khó khăn, đồng chí Nguyễn Văn Linh có ý thức rất cao là lo bằng được cho người công nhân, cho người sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

Là Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, anh luôn yêu cầu cán bộ công đoàn phải sâu sát cơ sở, không được xa rời công nhân. Chính anh trực tiếp chỉ đạo cho tất cả cán bộ Tổng Công đoàn phải đi xuống thực tế ở cơ

1 Ông Phạm Thế Duyệt (sinh năm 1936), nguyên Ủy viên Ban chấp hành Trung ương các khóa V đến VIII, Bí thư Trung ương Đảng khóa VI, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương các khóa VII và VIII, nguyên Bí thư Thành ủy Hà Nội, Tổng thư ký Tổng Công đoàn Việt Nam (nay là Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam) khóa V, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa V, đại biểu Quốc hội từ các khóa VIII, X, XI.



Đổng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh làm việc với Ban Thư ký Tổng Công đoàn Việt Nam, ngày 2-4-1988. Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

sở. Bản thân anh cũng là người đi nhiều và rất sát cơ sở: đến với dệt Nam Định, anh chú ý từng mẫu vải, đến với Phan Thiết, anh xem xét chất lượng của từng chai nước mắm. Anh cũng đặc biệt chú ý đến việc phát triển tổ chức công đoàn trong cả lĩnh vực ngoài quốc doanh. Điều này so với thực tiễn hiện nay là rất đúng. Một vấn đề khác mà anh cũng rất quan tâm là công nhân phải gần với nông dân. Anh Nguyễn Đức Thuận về sau làm Chủ tịch Tổng Công đoàn vẫn theo tinh thần này, anh từng nói “Hai giai cấp làm ra một sản phẩm”. Từ thực tiễn ở TP. Hồ Chí Minh những năm đầu sau giải phóng, với cương vị Chủ tịch Tổng Công đoàn, anh Linh luôn trăn trở làm sao cho sản xuất phát triển, khơi gợi và phát huy mọi tiềm năng, sản xuất và năng lực sáng tạo của người lao động, anh quan tâm và khuyến khích chính sách khoán và đặc biệt rất kiên định bảo vệ quan điểm của mình. Làm việc chung với anh Linh, tôi kính trọng tính cách kiên định, quyết đoán nhưng biết lắng nghe, thấy đúng thì làm không sợ

sức ép dư luận và biết phát huy trí tuệ tập thể, nhất là phong cách giản dị, ghét hình thức, luôn chú ý bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế thừa - những cán bộ trẻ có năng lực.

Khi ở cương vị là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, anh Linh vẫn luôn luôn đòi hỏi cán bộ Công đoàn phải đi thực tế cơ sở nhiều, phải báo cáo cụ thể, không được chung chung, phải biết vận dụng thực tiễn, rất ghét sáo rỗng, ghét những chuyện không thiết thực.

Sau mỗi việc, anh đều yêu cầu phải có tổng kết rút kinh nghiệm, không bỏ qua việc gì.

Về tư chất, tôi luôn cảm thấy anh Nguyễn Văn Linh là một người không chịu sống khuất tất, rất ghét tham nhũng tiêu cực.

Về những điều cần làm ngay của đồng chí Nguyễn Văn Linh rất hợp lòng dân. Đó là những quan điểm lớn có tính chất đột phá, chống tiêu cực, đột kích vào sự trì trệ, vô trách nhiệm, tiêu cực của một số cán bộ. Người dân gọi anh là “Nói và làm” chứ không phải là tên tác giả N.V.L. Tinh thần “Những việc cần làm ngay” đến bây giờ vẫn còn nguyên giá trị.

Tôi được gặp anh lần cuối vào sáng ngày 5-4-1998 trước khi đi công tác ở Trường Sa. Anh đã nói chuyện với tôi 40 phút, hỏi han công tác, dặn dò... như những lúc còn khỏe mạnh trước đây.

Với tôi, anh Linh là con người của thực tiễn, gắn bó với cơ sở, nói và làm, có tổng kết và rút kinh nghiệm. Đó là một con người đầy nhiệt huyết cách mạng, đấu tranh tôi luyện, có kiến thức, có thực tiễn và quyết liệt thôi thúc trong hành động.

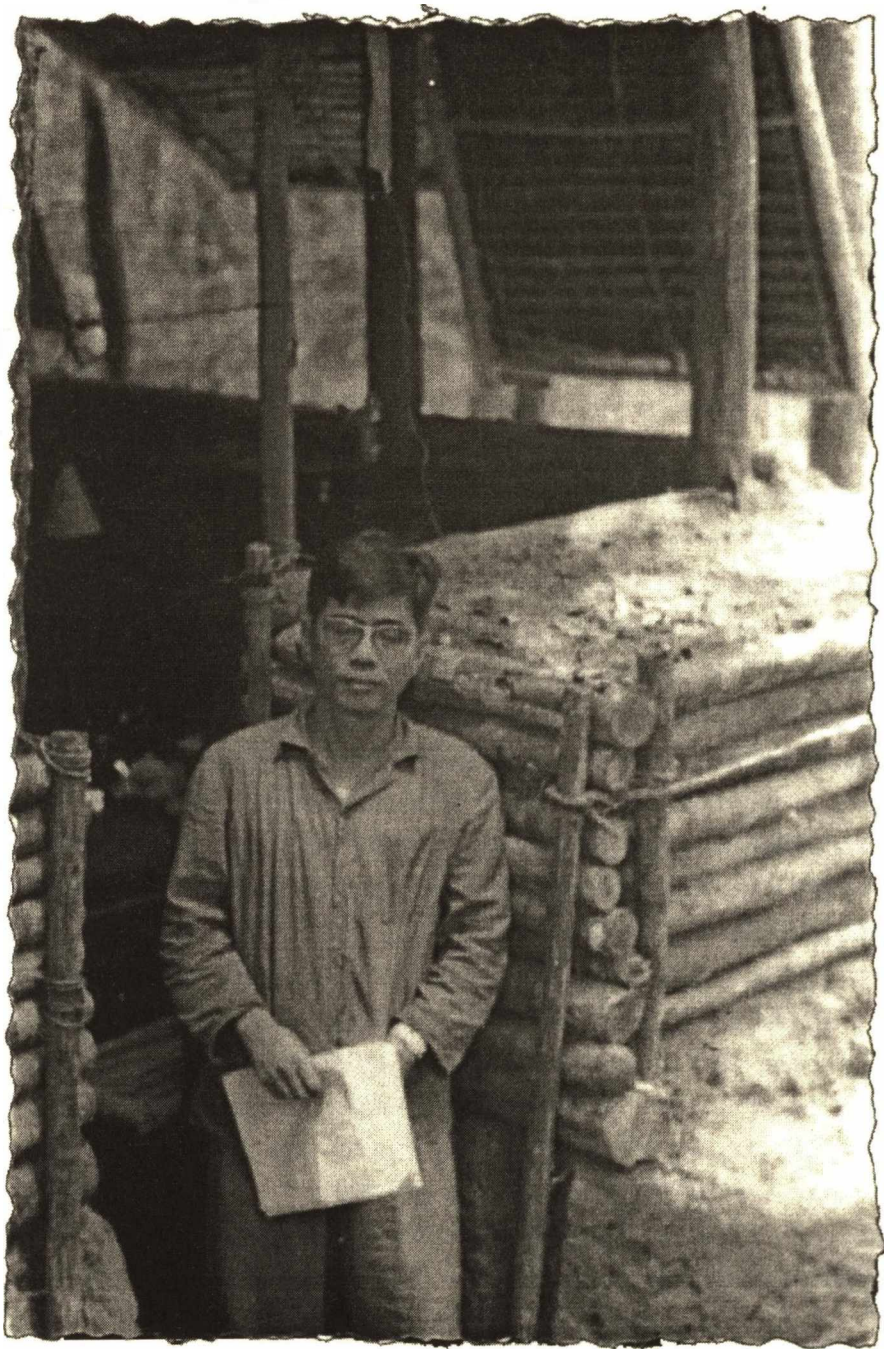
Một học trò xuất sắc của Bác Hồ

TÔ BỬU GIÂM⁽¹⁾

8 giờ 12 phút ngày 27 tháng 4 năm 1998, trái tim sôi sục nhiệt huyết cách mạng của một chiến sĩ cộng sản kiên cường đã ngừng đập. Khối óc luôn suy nghĩ lo lắng tìm tòi hoạch định những kế sách nhằm giành, giữ gìn độc lập, thống nhất, hòa bình cho Tổ quốc, xây dựng đất nước vững vàng tiến bước đúng theo con đường Bác Hồ đã ngưng trăn trở, suy tư. Đồng chí Nguyễn Văn Linh với trái tim nóng bỏng và khối óc sáng tạo ấy, một trong những học trò xuất sắc của Bác Hồ kính yêu, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam đã ra đi trong niềm tiếc thương vô hạn của toàn Đảng và đồng bào cả nước.

Đồng chí đã ra đi sau gần 70 năm liên tục hoạt động cách mạng bắt đầu từ khi mới 14 tuổi. Bị bắt vào năm 1930, đồng chí mới 15 tuổi, ở tuổi vị thành niên, đồng chí bị đày ra Côn Đảo với án lưu đày chung thân. Chỉ riêng việc đó đã cho thấy nhà cầm quyền thực dân Pháp đã dự cảm và sợ hãi người cách mạng còn trẻ tuổi này như thế nào. Thật đúng như thực dân Pháp lo sợ, chàng thiếu niên sớm giác ngộ cách mạng đã không bị lao khổ ngục tù làm lung lạc ý chí chiến đấu. Thoát được tù ngục năm 1936, nhờ phong trào Mặt trận Bình dân ở Pháp, đồng chí lại hoạt động, lại bị

¹ Nguyễn Phóng Văn phòng Trung ương Cục miền Nam, Phó Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang, nguyên Trợ lý Cố vấn Nguyễn Văn Linh.



Đổng chí Nguyễn Văn Linh tại khu căn cứ Trung ương Cục. *Nguồn: Do gia đình cung cấp.*

bắt năm 1941, lại bị đày đi Côn Đảo đến 1945 mới được đón về đất liền hoạt động liên tục đến nay.

Có thể nói trong gần 70 năm hoạt động của mình, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã có mặt ở khắp ba miền Nam Trung Bắc của Tổ quốc.

Đồng chí đã hoạt động trong học sinh và công nhân ở Hà Nội và Hải Phòng. Để thâm nhập vào cuộc sống của người lao động thành phố, đồng chí đã đi vào xưởng thợ học việc, cùng ăn, cùng ở trong xóm lao động nghèo. Qua đó đồng chí đã xây dựng nhiều cơ sở cách mạng ở những nơi này, nhất là trong giai cấp công nhân, thành lập Thành ủy Hải Phòng.

Sau khi được ra tù lần thứ nhất năm 1939, đồng chí về thành phố Sài Gòn hoạt động một thời gian thì được đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ phân công về miền Trung công tác, ráp nối các cơ sở bị đứt liên lạc, xây dựng các cơ sở cách mạng mới và chuẩn bị thành lập Xứ ủy Trung kỳ.

Trong cuộc đời cách mạng của mình, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã sống và chiến đấu ở miền Nam, “một chiến trường đi trước về sau” của đất nước trong cuộc chiến tranh thần thánh hết chống Pháp rồi chống Mỹ gần 38 năm.

Thay đồng chí Lê Duẩn về miền Bắc lãnh trọng trách mới, đồng chí Nguyễn Văn Linh, với cương vị Quyền Bí thư Xứ ủy Nam bộ và từ năm 1961 được chỉ định làm Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí cùng các đồng chí khác trong Xứ ủy Nam bộ và sau đó trong Trung ương Cục miền Nam đã đương đầu với cơn bão táp phản cách mạng, cùng với những làn sóng dữ của đội quân viễn chinh của quân đội Mỹ trang bị đủ loại vũ khí hiện đại, đã lèo lái một cách vững vàng con thuyền cách mạng miền Nam vượt qua bao thác ghềnh để cuối cùng giành được toàn thắng trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Trong những giờ phút tình hình kinh tế đất nước gặp những khó khăn tưởng chừng khó có thể vượt qua, lạm phát đã đến ba chữ số, đời sống nhân dân rất khó khăn nhất là thiếu thốn về lương thực, thực phẩm, thiếu nguyên liệu cho sản xuất, đồng chí, lúc đó là Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, với những chủ trương táo bạo trong việc xây dựng cơ chế mới trong quản lý kinh tế, đã thử nghiệm bước đầu trong một số xí nghiệp ở TP. Hồ Chí Minh. Với kết quả bước đầu đạt được, đồng chí đã báo cáo với Bộ



Đoàn đại biểu Ban Tài chính quản trị Trung ương, Cục Quản trị Trung ương - T.78 chúc Tết đồng chí Nguyễn Văn Linh Xuân Mậu Dần 1998. (Tác giả là người thứ hai từ trái sang).

Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

Chính trị. Trong sự nghiệp đổi mới của đất nước, xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, thực hiện cơ chế quản lý mới, đổi mới tư duy trước hết là tư duy kinh tế, do Đại hội VI khởi xướng được tiếp tục tiến hành đến nay, phải nói đồng chí Nguyễn Văn Linh là một trong những người có công lớn trong việc đề xuất, góp phần thiết kế và trực tiếp triển khai suốt nhiệm kỳ Đại hội VI trên cương vị và trách nhiệm nặng nề làm Tổng Bí thư Trung ương Đảng.

Những đổi mới trong hoạt động kinh tế, xã hội, tinh thần dám nhìn thẳng vào sự thật, nói thẳng sự thật, hết lòng tin và kiên quyết dựa vào quần chúng nhân dân, thực hiện phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra... đã thổi lên một làn gió mới, hồi phục lại nền kinh tế xã hội đất nước, cải thiện một bước đời sống của nhân dân.

Tinh thần kiên quyết chống tham nhũng quan liêu lãng phí được thể hiện trong các bài báo “những việc cần làm ngay” ký tên N.V.L (mà đồng

chí sau này cho biết đó là Nói và Làm) đã tiêm vào một liều thuốc kích thích cho phong trào đấu tranh chống tiêu cực trong cả nước.

Những chủ trương đúng đắn của đồng chí về đối nội như đối ngoại (nổi bật nhất là khai thông quan hệ với Trung Quốc, chủ trương mở cửa quan hệ với các nước phương Tây, với Mỹ nhưng vẫn giữ vững tinh thần độc lập tự chủ) đã giúp đất nước Việt Nam đứng vững trước cơn khủng hoảng lớn trong trận địa xã hội chủ nghĩa sau sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, sau khi góp phần to lớn vào việc xây dựng Cương lĩnh mới của Đảng trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội và chiến lược kinh tế xã hội Việt Nam đến năm 2000, mặc dù nhiều đại biểu Đại hội đề nghị đồng chí tiếp tục tái nhiệm, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã chân thành xin Đại hội cho đồng chí không ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khóa VII và chỉ xin giữ vị trí Cố vấn, nhường cho các đồng chí trẻ hơn, có sức khỏe đảm nhiệm việc lớn của đất nước.

Trong cương vị Cố vấn của mình, đồng chí vẫn theo dõi chặt chẽ tình hình các địa phương, tiếp tục đóng góp những ý kiến của mình với Bộ Chính trị và với đồng chí Tổng Bí thư đương nhiệm Đỗ Mười. Tháng 11-1997, trong Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 4 cùng với các đồng chí Cố vấn Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công, đồng chí đã viết thư xin phép Trung ương Đảng cho thôi giữ chức Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng vì lý do tuổi già sức yếu.

Nay, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã ra đi, nhưng hình ảnh một người cộng sản chiến đấu rất mực kiên cường, luôn tìm tòi, suy nghĩ học tập trong thực tế phong trào, trong quần chúng nhân dân mà đồng chí suốt đời gắn bó, từ thực tiễn chiến đấu rút ra những bài học kinh nghiệm lãnh đạo và chỉ đạo phong trào, luôn có mặt ở những chiến trường gian khổ nhất, biết rút lui đúng lúc để nhường bước cho các đồng chí trẻ hơn... hình ảnh thân thương đó luôn sống mãi trong nhân dân ta, trong Đảng ta.

Tính kiên quyết trong việc giữ vững và bảo vệ những quan điểm cách mạng của Đảng, cũng như những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tính linh hoạt trong sách lược, trong hoạch định và mạnh dạn thay đổi những chính sách sao cho phù hợp với thực

tế phong trào, thực tế đời sống, tính nghiêm khắc trong phê phán và xử lý các hành động tham nhũng quan liêu, tinh thần gắn bó máu thịt với nhân dân, đặc biệt chăm sóc các đoàn thể cách mạng... Có thể nói đó là những nét khái quát về quan điểm về phong cách lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh.

Chúng tôi rất tự hào về đồng chí, vô cùng biết ơn đồng chí. Càng thương tiếc đồng chí bao nhiêu, chúng tôi quyết sống, học tập, chiến đấu suốt đời không mệt mỏi theo gương của đồng chí.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh, người con ưu tú của dân tộc, một học trò xuất sắc của Hồ Chủ tịch, một lãnh tụ thân thương của Đảng Cộng sản sống mãi với nhân dân, và đất nước Việt Nam.

Tấm lòng người cộng sản Việt Nam

PHẠM CHÁNH TRỰC⁽¹⁾

Thành đoàn thời chống Mỹ được hạnh phúc lớn lao bởi có những đồng chí lãnh đạo Khu ủy hết lòng thương yêu dìu dắt trên con đường cách mạng. Những đồng chí ấy, mỗi người một vẻ, mỗi người một tài năng và phẩm cách riêng, nhưng đều đến với tuổi trẻ, đến với cán bộ Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng khu Sài Gòn - Gia Định (tức Khu Đoàn, Thành đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh TP. Hồ Chí Minh bây giờ) đến với chúng tôi bằng một tấm lòng tin yêu của những người cộng sản lớp đàn anh.

Đặc biệt với chú Út Nguyễn Văn Linh dù với tư cách là Bí thư, Phó Bí thư Trung ương Cục hay với tư cách là Bí thư Khu ủy, Bí thư Thành ủy trong nhiều thời kỳ, cán bộ Đoàn chúng tôi vẫn cảm thấy gần gũi vô cùng. Tôi biết có một số đồng chí lãnh đạo ban ngành hoặc cấp ủy trực thuộc Khu, cũng “run” như chúng tôi khi làm việc với chú Linh. Chuyện đó cũng bình thường thôi, nếu chúng ta biết rằng trong công việc chú rất nghiêm, và kinh nghiệm thực tiễn con người cùng kiến thức của chú đối với phong trào đô thị Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định ví như một quyển từ điển sống. Do vậy, việc gì biết thì nói biết, không thì thôi chứ không phải qua loa đại khái cho xong với ông già.

1 Ông Phạm Chánh Trực (tức Năm Nghi) nguyên Bí thư Thành đoàn, Giám đốc Sở Giáo dục, Bí thư Quận ủy Quận 5, Phó Chủ tịch UBND TP, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Chủ tịch HĐND TP. Hồ Chí Minh, Phó Ban Kinh tế Trung ương Đảng.

Chú Linh đến với cán bộ Đoàn một cách kiên trì và chu đáo. Chúng tôi hoạt động thường xuyên trong lòng địch, ngày đêm luôn luôn sống trong tình trạng căng thẳng đối phó với địch, trong phong trào đấu tranh cũng như trong việc móc ráp liên hệ làm việc và kể cả trong sinh hoạt ăn, ở, đi, lại... Cho nên mỗi lần được Khu ủy triệu tập về dự hội nghị, hoặc học tập nghị quyết mới... y như chim xỏ lồng, cá xuống nước: về căn cứ kháng chiến là về với mẹ, ai nấy đều cảm thấy yên lòng, được chăm lo và bảo bọc, thậm chí lúc bị giặc bao vây căn quét vẫn yên chí nói với nhau “đã có các đồng chí du kích và bộ đội bảo vệ cho mình rồi”. Và cứ như vậy mà tập trung lo ngấu nghiến tài liệu sách vở, rồi tranh thủ đọc mấy tạp chí và truyện từ miền Bắc gửi vào, hoặc học mấy bài hát mới để “thêm vốn” - cán bộ Đoàn mà không thuộc bài hát thì hơi yếu! Trong lúc đó thì các đồng chí bảo vệ cứ phải nhắc nhở đến bực mình, vì chúng tôi tranh nhau mà ca hát, dễ làm lộ căn cứ. Trong hội nghị cũng như trong lớp học, đến giờ nghỉ giải lao là tiếng hát tiếng hò từ các ô ngồi ngăn cắt vang lên không dứt, trong khi chú Linh nghỉ. Chú ngồi nghe anh em chúng tôi ca hát. Thành thạo có một cô nào đó lên tiếng “Mời đồng chí giảng viên hát một bài!”. Rồi có tiếng nói của đồng chí Văn phòng Khu ủy đỡ lời cho chú. Chú bảo “Các cô chú hát hay lắm, cứ hát nữa đi!”.

Đó là nói ở vùng căn cứ sâu. Chứ còn khi chú Linh xuống làm việc với chúng tôi ở căn cứ vùng yếu thì mọi việc hết sức lặng lẽ, yên tĩnh, ngoại trừ giọng báo cáo rì rào của một cơ sở nào đó ở nội thành mới ra, và thỉnh thoảng chú Linh hỏi một câu. Còn chúng tôi thì mãi theo dõi để học cách nắm tình hình, phát hiện vấn đề qua những câu hỏi gợi ý của chú.

Chúng tôi biết là chú chịu cực chịu khó như vậy có phần để sâu sát cơ sở, nhưng cái chính là để dạy chúng tôi một cách nhẹ nhàng và sinh động bài học lãnh đạo chỉ đạo phong trào đô thị. Cho nên càng thương chú mà càng nỗ lực rèn luyện mỗi khi có dịp vào chiến khu. Và chúng tôi động viên nhau cố gắng như vậy, vì ở trong thành phố thì chỉ “tuồng bụng” chứ không có sách vở như ở căn cứ, càng không có chú Linh ở bên cạnh.

Một hôm chú gọi chúng tôi lên làm việc. Tôi cùng một đồng chí Thường vụ Khu Đoàn và đồng chí Bí thư Đảng Đoàn Tổng hội sinh viên Sài Gòn vừa mới vào, đi gặp chú. Căn cứ Khu Đoàn thường đóng gần căn cứ Khu

ủy, nhưng đi bộ cũng mất một buổi. Chú cho hai bảo vệ ở văn phòng của chú trực tiếp đón chúng tôi và đưa đi. Gần đến nơi thì bác sĩ Q đưa chúng tôi vào hầm của chú, nay là di tích ở khu địa đạo Củ Chi. Trong khi chờ gặp chú, tôi tranh thủ hỏi bác sĩ Q. về sức khỏe của chú. Bác sĩ bảo mấy hôm nay chú khó ngủ, về gầy đi, có lẽ lo lắng cho phong trào sau một vụ bê bối của chúng tôi. Tôi chợt xót xa trong lòng. Tôi nhìn qua giá sách nhỏ và quyển Lenin toàn tập chú đọc dở dang trên bàn viết.

Rồi chú đến bắt tay chúng tôi, thăm hỏi. Tôi thấy chú vui, vì ít khi gặp chú mỉm cười trong những lần làm việc trước đây. Và như vậy chú mở đầu hỏi luôn tình hình bên trong thành phố, hoạt động của địch, cách đối phó của ta và sự chỉ đạo của Khu Đoàn đối với phong trào thanh niên. Đặc biệt lần này chú quan tâm lắng nghe đồng chí Bí thư Đảng Đoàn Tổng hội sinh viên Sài Gòn báo cáo. Thình thoảng chú khen phong trào lĩnh hoạt chuyển từ công khai sang nửa công khai nửa bí mật, rồi lại chuyển từ bí mật sang nửa công khai rồi công khai hợp pháp, huy động được quần chúng đông đảo, chẳng những trong thanh niên học sinh sinh viên mà cả trong các giới đồng bào bằng “Tiếng hát những người đi tới” rồi sau đó “Hát cho đồng bào tôi nghe”, và “Đồng bào ta cùng hát”. Chú dặn dò phải phối hợp tốt với phong trào công nhân và giới trí thức. Chú kiểm tra thực lực trong phong trào công khai như thế nào rồi dặn chúng tôi tạo điều kiện hỗ trợ cho Đảng Đoàn công khai. Sẵn quyển Lenin tuyển tập trên bàn, chú giờ ra đọc cho chúng tôi nghe lại một đoạn: “Nhưng những người cách mạng nào không biết kết hợp tất cả những hình thức đấu tranh hợp pháp với những hình thức đấu tranh bất hợp pháp thì đều là những người cách mạng rất tồi”... Khi tình thế chưa cho phép đấu tranh một cách trực tiếp, công khai, thực sự có tính chất quần chúng, thực sự cách mạng, mà tỏ ra là người cách mạng mà biết bênh vực lợi ích của cách mạng (bằng tuyên truyền, cổ động, tổ chức) trong các tổ chức không cách mạng, có khi rõ ràng phản động nữa, trong một môi trường không cách mạng, giữa đám quần chúng không có thể hiểu ngay được sự cần thiết phải có một phương pháp hoạt động cách mạng, thì đó mới là việc khó khăn hơn nhiều và quý báu hơn nhiều”... Rồi chú có vẻ trầm ngâm ra chiều suy nghĩ. Tôi chợt thấy chú thoảng về mỉm cười độ lượng. Chú nhấn mạnh mấy lần: Hoạt động bí

mật trong tổ chức phản động của địch là rất khó, nhưng hoạt động trong tổ chức công khai hợp pháp của quần chúng mà địch biết rõ mười mươi là có cơ sở cách mạng trong đó thì cũng khó khăn vô cùng. Tuy nhiên ta có thể quần chúng”.

Còn bao nhiêu điều chúng tôi muốn hỏi và chú Linh muốn nói với chúng tôi, nhưng chú không còn thời gian nữa. Chúng tôi lưu luyến không muốn rời căn hầm ẩm cúng của chú. Mãi đến khi bác sĩ Q chia tay chúng tôi tận ngoài “ngõ” và dặn hai đồng chí bảo vệ đưa chúng tôi trở về, tôi mới sực nhớ là mình quên hỏi chú xem sức khỏe chú thế nào.

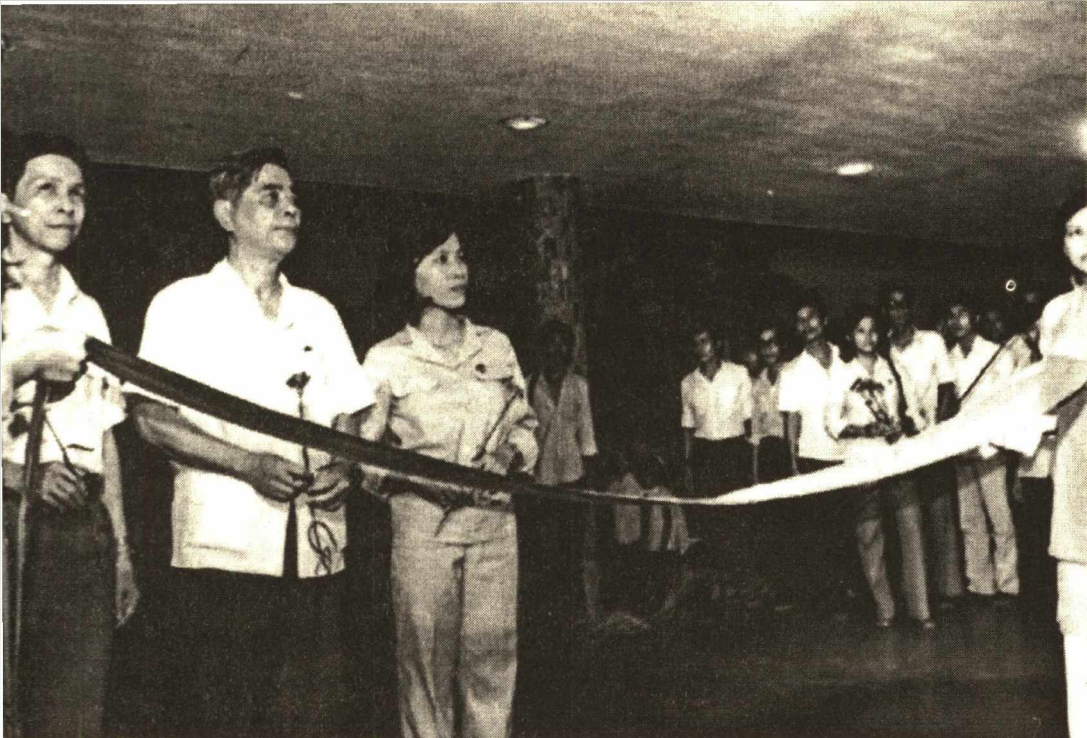
Hiệp định Paris vừa ký kết xong, Thành đoàn chúng tôi vội chuyển căn cứ từ biên giới Campuchia về Dầu Tiếng, Bến Cát và Củ Chi đóng liên hoàn hai bên bờ sông Sài Gòn.

Thành ủy mới điều động một bộ phận cán bộ Thành Đoàn đi tăng cường cho các bộ phận khác trong đô thị, một số đồng chí nữa được rút về trên. Tôi cùng các đồng chí còn lại vừa tập trung lo kiện toàn tổ chức và ổn định căn cứ, vừa móc cơ sở vào truyền đạt chỉ thị của Thành ủy và bàn công tác chỉ đạo phong trào thanh niên thành phố. Riêng tôi, tôi nhận được tin vui bất ngờ: Người yêu của tôi vừa được trao trả tù binh, cùng chị em nữ tù binh từ trại giam Quy Nhơn về Lộc Ninh. Tôi mừng lắm, nhưng không thể đi thăm. Chắc cô ấy hiểu mình.

Mấy tháng sau thì đồng chí Chín Ngân⁽¹⁾ được phân công trở về Thành Đoàn. Và sau đó chúng tôi được gia đình và cơ quan cho phép làm lễ tuyên hôn. Tôi cảm thấy bạn bè đồng chí vui với chúng tôi, nên càng hạnh phúc. Chú Linh làm cho chúng tôi hết sức bất ngờ và xúc động. Chú gửi quà và viết thư chúc mừng chúng tôi đầy tình nghĩa. “Được biết đồng chí Ngân mới được thoát khỏi lao tù và hai đồng chí sắp sửa thành hôn, tôi rất mừng và chúc hai đồng chí được nhiều hạnh phúc”.

Giữa bốn bể bom đạn, cánh thư tình cảm của chú Linh đã mang đến

1 Bí danh của bà Nguyễn Thị Nghĩa, nguyên Chủ tịch hội đồng quản trị Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh, người khai sinh ra chuỗi siêu thị Co-opmart.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh tại Đại hội truyền thống Thành đoàn
ngày 26 tháng 3 năm 1985. Nguồn: *Do gia đình cung cấp.*

cho tuổi trẻ chúng tôi màu xanh cuộc sống, vun đắp thêm niềm tin yêu lý tưởng cách mạng sáng mãi trong mỗi chúng tôi.

Công việc nặng nhọc, dồn dập ngày đêm và chiến trường chia cắt không ngăn được người lãnh đạo ấy của Đảng luôn luôn gần gũi với chúng tôi, những cán bộ Đoàn.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, tôi có dịp đi công tác ở Hà Nội. Tôi đến thăm chú Linh, người Tổng Bí thư Đảng của thời kỳ đổi mới. Tôi vào nhà, đồng chí bảo vệ báo cáo lên chú rồi chỉ cho tôi đi một mình thẳng lên phòng chú Linh. Tôi vào salon ngồi. Đồng chí phục vụ mời nước và nói với tôi chú bận chút xíu thôi. Tôi nhìn căn phòng đơn sơ, ấm áp giữa lòng Thủ đô đang có gió mùa Đông Bắc bổ sung về, rồi chợt nghĩ những ngày chủ ở thành phố, nhớ lại thời kỳ “xé rào”, “bung ra” ở thành phố, với những lần đi cơ sở đẩy sóng gió của chú Võ Văn Kiệt để chỉ đạo các ngành phá bỏ cơ chế lỗi thời trói buộc sản xuất kinh doanh, nhớ quyết định 34

mà chú Mai Chí Thọ hết lòng động viên doanh nghiệp tư nhân cá thể yên tâm sản xuất, rồi chú Linh vào cuộc một cách bài bản để Trung ương đồng tình chấp thuận chuyển đường lối phát triển kinh tế theo hướng mới. Tất cả những hình ảnh sôi động ấy, phút chốc hiện ra trong tâm trí tôi, cùng dáng dấp của chú Linh thâm trầm, trí tuệ.

Cũng một phong cách như xưa, chú Linh chủ động hỏi tôi về tình hình thành phố. Tôi vừa báo cáo, vừa đề xuất ý kiến với chú nhiều vấn đề, nhất là về phát triển kinh tế thành phố theo đường lối đổi mới và việc giáo dục rèn luyện thanh niên. Tôi nói như thể chú đang là Bí thư Thành ủy, nhiều chuyện thiệt là mất thì giờ đối với một đồng chí Tổng Bí thư của Đảng. Nhưng sao tôi thấy chú vẫn lắng nghe, kiên trì và như còn khuyến khích tôi. Công việc cả nước rộng lớn và nặng nề càng làm cho chú quan tâm đến thành phố như là một trọng điểm kinh tế, chỗ dựa cho cả nước, điều đó là một phương pháp cách mạng mà trong kháng chiến chúng tôi đã được chú truyền đạt, nhưng bây giờ trong xây dựng đất nước áp dụng như thế nào không phải dễ.

Chú Linh vẫn ung dung: “Được! Được rồi! Bộ Chính trị đang quan tâm những điều mà cậu vừa nói. Cậu vẽ trong ấy cho tôi gửi lời thăm Thành ủy”. Rồi chú đứng lên đến bên tủ sách. “Này, cậu mang giúp tôi cái này về cho cô Bảy nhé”. Chú Linh cầm một túi xách đã chuẩn bị sẵn quà gửi cho cô Bảy Huệ. Tôi lật đặt đỡ lấy. Bỗng tôi thật bất ngờ: túi xách nhẹ tênh. Lòng tôi trào lên nỗi xúc động đến nghẹn lời. Người Tổng Bí thư ấy mãi xa vợ xa con. Tôi không nghe rõ chú dặn dò những gì, chỉ mang mang nhớ là chú nói sức khỏe cô Bảy cần được bồi dưỡng, chú lo. Rồi chú như muốn xem lại mấy món quà trong túi có đủ chưa. Tôi vội từ giả chú một lần nữa rồi xách túi bước ra cửa phòng.

Trong lúc đường lối đổi mới sau Đại hội Đảng lần thứ VI đang sôi nổi đi vào cuộc sống, nhân dân đang kỳ vọng, thế giới đang theo nhìn, tôi hiểu được công việc của người Tổng Bí thư của Đảng bọn bề đến mức nào, mà trong lòng chú vẫn giữ những tình cảm sâu đậm, nhớ từng người, đồng chí trong cấp ủy, người thân thương trong gia quyến, không quên một ai, những tình cảm thật Việt Nam!

Mùa xuân Kỷ Mão, thành phố Bắc Hồ

Thư chú Mười

TRẦN THỊ LAN⁽¹⁾

Chú Mười ơi!

Thấm thoát đã gần một năm kể từ ngày chú đi xa. Hôm ấy từ một nơi xa xôi không điện, cách thành phố trên 300 cây số, qua chiếc đài cũ kỹ cháu được nghe thông báo chú từ trần. Bàng hoàng, đau đớn, chúng cháu đã tìm mọi cách đón xe di chuyển đến sáu chuyến để kịp về dự tang lễ của chú. Suốt hai hôm, chúng cháu đã chứng kiến tình cảm, trân trọng kính yêu của đồng bào các tầng lớp dành cho chú. Vinh quang, tự hào và cũng xé lòng làm sao! Các cán bộ Thành đoàn trẻ ngày nào nay cũng đã già, trên dưới 50 cả rồi. Quỹ thời gian còn lại không dài mà những hồi ức về chú với chúng cháu như còn mới rời rợi...

Trong lớp bồi dưỡng chính trị năm 1973 cho số sinh viên, trí thức hoạt động nội thành ở tù về, chú đã đến giảng bài và gợi mở cho chúng cháu đặt những câu hỏi về phương pháp cách mạng đối với tầng lớp trí thức, nhân sĩ. Cháu là đứa hay đặt nhiều câu hỏi, trong đó có những điều mà cháu còn dằn vặt, day dứt. Trước thái độ khoan hòa, đồng cảm của chú, cháu đã mạnh dạn bộc bạch và chú đã nghiêm khắc phê bình, nhẹ nhàng mà thấm sâu vào lòng:

“Đồng chí vận động cách mạng chớ không phải bluffer (trò bịp). Trí

1 Nguyên cán bộ Thành đoàn, nguyên giám đốc công ty cung ứng tàu biển TP. Hồ Chí Minh.

thức, nhân sĩ tinh lắm. Nếu mình vận động mà lừa bịp thì các vị đó biết ngay và như thế là có hại cho cách mạng. Phải nói cho rõ mục tiêu cuối cùng của cuộc đấu tranh cách mạng của chúng ta là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trước mắt vận động các vị đó cùng ta đạt mục tiêu đấu tranh chống Mỹ, giành độc lập cho dân tộc và khi đó chúng ta hy vọng bà con sẽ đi chung đường với chúng ta đến mục tiêu cuối cùng... Người cách mạng phải kiên định vững tin con đường mình đi, thì mới đủ sức thuyết phục được các tầng lớp trên cùng đi vì ích nước, lợi nhà”.

Câu phê bình đó, cháu không nhớ từng chữ, nhưng nội dung của nó thì khắc sâu trong tâm khảm cháu, làm kim chỉ nam hành động cho cháu suốt cuộc đời hoạt động cho đến ngày nay.

Tại hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, năm 1979, chú đã đến dự, góp ý kiến và nhấn mạnh, đại ý: “Thanh niên phải biết yêu, biết ghét một cách minh bạch. Ghét điều xấu và ra sức đấu tranh bảo vệ đến cùng điều tốt, điều phải”.

Bọn chúng cháu khi nói về chú thường gọi chú là “Ông già” và khi làm điều gì không phải thường nhắc nhau: “Làm như vậy, Ông già biết thì rầy dữ lắm!”. Câu nhắc đó gần như là một mệnh lệnh tinh thần buộc đối tượng phải ngưng ngay hành động sai trái đó. Những câu nói, lời phê bình, phân tích, đề xuất chủ trương của chú luôn mạch lạc, logic, ngắn gọn, súc tích. Bọn cháu thường nói với nhau: “Ông già nói như viết vậy, không sai văn phạm chút nào”.

Cán bộ thành phố gọi chú là Anh Mười Cúc, chú Mười. Cán bộ, nhân dân miền Bắc gọi chú là bác Mười. Ông già, anh Mười, chú Mười đều là những tên gọi triu mến thân thương, là phần thưởng tinh thần cao quý mà cán bộ, nhân dân dành cho con người cộng sản kiên cường, thông minh, sắc sảo như chú.

Viết đến đây, cháu lại nhớ những nỗi truân chuyên, vất vả của chú trên con đường tìm tòi và thực hiện công cuộc đổi mới nền kinh tế của đất nước mà bắt đầu là từ TP. Hồ Chí Minh. Tại sự kiện Đà Lạt năm 1983, chú đã trình bày quan điểm đổi mới của mình thông qua các hoạt động kinh doanh sản xuất của các doanh nghiệp lớn tại thành phố. Có thể nói công



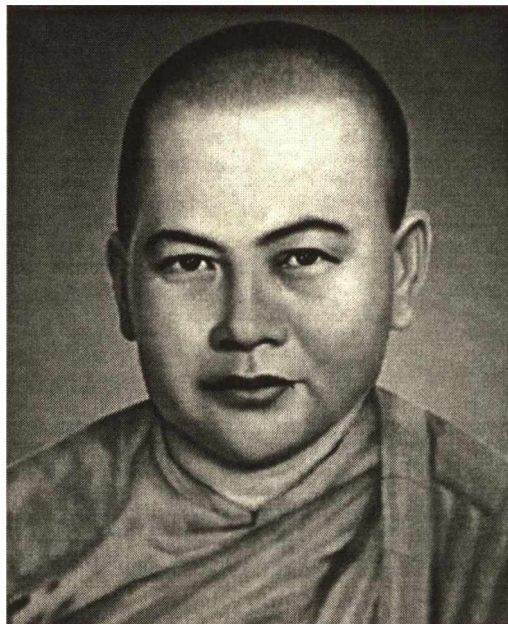
Đồng chí Nguyễn Văn Linh nói chuyện thân mật với thanh niên TP. Hồ Chí Minh.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

lao của chú đối với công cuộc đổi mới không nhỏ, nếu không nói là công đầu. Bọn trẻ chúng cháu mãi mãi tự hào về ý chí kiên cường và tầm nhìn chiến lược của nhà lãnh đạo quốc gia trong chiến tranh và cả hòa bình.

Các vị chức sắc các tôn giáo rất kính nể chú: những khó khăn, trở ngại trong mối quan hệ giữa các giáo hội và chính quyền ở chỗ này, chỗ nọ có lúc căng thẳng, nhưng chú đã uyển chuyển mềm dẻo giải quyết thuận đạo hợp tình và đúng với chủ trương, chính sách Đảng ta. Cháu còn nhớ, cách đây nhiều năm, cháu đến họp tại Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố gặp Ni sư Ngoạt Liên, lúc bấy giờ là trụ trì Tịnh xá Ngọc Phương, Ni sư hồ hởi nắm tay cháu “Cô Lan ơi, ông Mười hay hết sức, ông Mười nói Phật giáo là người nhà, mà đã là người nhà thì ráng cùng với chính quyền tiếp, trọng đãi khách, ráng thông cảm những khó khăn, thiếu sót của chính quyền. Tăng ni nghe ông Mười nói mà mát lòng mát dạ, không còn giận hờn chi hết!”. Cháu đến chùa, gặp Cổ ni sư trưởng Huỳnh Liên⁽¹⁾ ni sư vui vẻ nói

1 Ni sư trưởng Huỳnh Liên (1923-1987): Bà nguyên là Trưởng hệ phái ni giới khất sĩ, Đại biểu Quốc hội Khóa VI, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP. Hồ Chí Minh, Ủy viên ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, Thành viên hội đồng hòa bình thế giới.



Ni sư trưởng Huỳnh Liên. Nguồn: Internet.

với cháu: “Ông Mười hiểu Phật giáo Việt Nam luôn luôn gắn liền với dân tộc, thật là đại phước cho Việt Nam có người lãnh đạo biết trước biết sau như vậy”. Cho đến ngày nay, dù Ni sư Huỳnh Liên đã viên tịch, nhưng hệ phái của Ni sư vẫn theo con đường gần Đạo với Đời của Ni sư. Tịnh xá Ngọc Phương, một địa chỉ đỏ của cách mạng đã được chính thức công nhận là Di tích lịch sử cách mạng.

Năm 1996, chú đến thăm viếng Thiền viện Trúc Lâm ở Đà Lạt và đàm đạo với Hòa thượng Thích Thanh Từ, Viện chủ Thiền viện, cháu cùng chị Quế Hương⁽¹⁾ được vinh dự tháp tùng chú. Suốt 3 giờ đàm đạo, sau khi chăm chú nghe Hòa thượng nói về sự truyền bá đạo Phật ở Việt Nam; Thiền tông Việt Nam và phái Trúc Lâm Yên tử do vua Trần Nhân Tông sáng lập, chú đã trao đổi ý kiến với Hòa thượng. Chúng cháu hết sức cảm phục trước những hiểu biết sâu sắc của chú về Phật giáo Việt Nam, đặc biệt sự

1 Quế Hương: Chị Cao Thị Quế Hương, cán bộ Thành đoàn, vợ liệt sĩ Nguyễn Ngọc Phương, Bí thư Đoàn ủy viên sinh viên thời chống Mỹ đã hy sinh tại khám Chí Hòa. Chị nguyên là Phó Chủ tịch Hội phụ nữ tỉnh Lâm Đồng.

đóng góp của các Thiền sư, tăng ni, đồng bào Phật tử trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc. Trước khi ra về, Hòa thượng Viện chủ đưa chú đi ngoạn cảnh chùa và tặng chú cây gậy trúc của Hòa thượng. Nhìn phong thái của chú ung dung, khoan thai cỡi mở bên cạnh Hòa thượng, cháu chợt hiểu rõ tại sao tăng ni lại hồ hởi, an tâm khi nghe chú nói Phật giáo là người nhà.

Chú Mười ơi!

Chúng cháu biết chú rất thương yêu dì Bảy và các em, nhưng vì dồn tâm sức cho việc chung nên gia đình chú chịu nhiều thiệt thòi về hạnh phúc riêng. Và cũng như các chú lãnh đạo Trung ương Cục và T4 thời bấy giờ, chú luôn quan tâm đến hạnh phúc của các cán bộ đang dấn thân trong cuộc đấu tranh nhiều gian khổ, hy sinh.

Vợ chồng chúng cháu còn nhớ mãi cái tình của chú đối với lớp trẻ hoạt động nội thành, luôn hăng say, không nghĩ gì đến hạnh phúc riêng. Chú đã cắt tấm ảnh chụp cháu và bạn bè trong ngày trao trả đăng trên báo Điện Tín và sau đó đã tác thành cho chúng cháu tại Lộc Ninh. Chú và dì Ba Thi nói: “Các cháu yêu nhau đã lâu, phải thành hôn, sinh con rồi lại tiếp tục chiến đấu. Việc này là đúng đắn, các chú các dì ủng hộ”. Sau này khi biết cháu sinh cháu bé, chú gửi thư mừng trong đó có đoạn viết vui: “Chúc cháu mẹ tròn con vuông”.

Tấm lòng cao cả, thủy chung và nhân hậu của các chú, các dì đã động viên chúng cháu và là tấm gương cho lớp trẻ chúng cháu học tập trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình.

Lớp trẻ chúng cháu luôn được chú động viên và quan tâm chăm sóc bồi dưỡng đào tạo. Chú thường hay nhắc nhở: “Các cháu phải tự tin vào mình. Lúc chú mới 24 tuổi (1939) chú đã tham gia Thành ủy Sài Gòn. Lúc ấy chú chưa hiểu gì nhiều về lý luận chủ nghĩa cộng sản, chủ yếu là có lòng yêu nước, lòng căm thù giặc sâu sắc, quyết tâm đấu tranh để giành độc lập dân tộc. Các cháu ngày nay đã được thử thách, trưởng thành qua cuộc chiến tranh chống Mỹ, lại có trình độ kiến thức, có điều kiện hòa bình để thi thố tài năng. Các cháu cũng đã trên dưới 40 cả rồi, phải mạnh dạn dấn thân vào các lĩnh vực hoạt động để được rèn luyện, tập sự dấn, cứ mạnh dạn làm, có sai sót thì chân thành khiêm tốn nhận và sửa; vừa làm vừa tự nâng

cao trình độ, kiến thức chuyên môn để thay thế lớp già chúng tôi chứ! Nhưng làm gì thì làm, đừng quên mình vốn xuất thân là cán bộ phong trào, phải luôn gắn bó với quần chúng, vì lợi ích quần chúng mà phục vụ, không vì động cơ cá nhân mà làm sai lý tưởng chủ nghĩa xã hội của Đảng”.

Thưa chú,

Hồi ức về chú rất nhiều, nhưng cháu chỉ thưa lại với chú một số kỷ niệm sâu sắc để nói lên tấm lòng thành kính, ngưỡng vọng của chúng cháu đối với chú Mười Cúc kính yêu của cán bộ, đảng viên và những người đã có hạnh phúc đôi lần được công tác, tiếp xúc với chú.

Các cháu của chú nay có người đã nằm xuống trong cuộc chiến đấu chống Mỹ, có người đã ra đi trước chú. Dù thành công hoặc thất bại, thậm chí vấp ngã trong quá trình mò mẫm học làm kinh tế, xây dựng Đảng, nhưng chúng cháu luôn thấy ấm áp, vững lòng tin vào con đường mình đi khi nghĩ đến những tấm gương cao cả của Bác Hồ và các chú, các dì, đặc biệt chú là người luôn gần gũi, động viên, nhắc nhở chúng cháu.

Chúng cháu tự nhủ rằng dù ở cương vị nào, cũng phải làm tròn nhiệm vụ đảng viên với động cơ trong sáng thì dù có vấp ngã trên quá trình xây dựng đất nước chủ nghĩa xã hội, Đảng vẫn hiểu, tin và rộng mở vòng tay khoan dung để chúng cháu đủ nghị lực tiếp tục bước tới.

Chú và các đồng chí lãnh đạo mà tên tuổi đã gắn liền với sự nghiệp đấu tranh cách mạng của thành phố mãi mãi là tấm gương ngời sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

Ngày di quan đưa chú về nơi an nghỉ cuối cùng, hòa quyện với nỗi đau của dì Bảy, các em, gia đình là tiếng khóc, nỗi đau của nhiều tầng lớp đồng bào, trong đó có chúng cháu, khóc người thầy, người cha tinh thần suốt đời tận tụy trung thành vì cách mạng, vì nhân dân.

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi cuối cùng ấy so với cả cuộc đời đầy vinh quang, trong suốt của một con người cao cả, nỗi đau lòng xé ruột của mọi người không phải bi lụy, mà được thăng hoa, như một bài tụng văn tiễn đưa bậc Bô Tát về cõi vĩnh hằng.

22 tháng 11 năm 1998

Bác Mười Cúc với tuổi trẻ TP. Hồ Chí Minh!

CẨM THÚY⁽¹⁾

Tôi có người bạn gái cùng lớp những năm đại học. Vào những lúc rảnh rỗi, chị hay cho tôi xem những bức ảnh của gia đình: cha, mẹ, các em... của chị, kèm theo đó là những lời thuyết minh: đây là Ba ở Liên Xô, đây là Ba với Mẹ... Gương mặt của người cha gợi nhớ đến người quen mà mãi tôi không nghĩ ra được là ai... Hơn 20 năm rồi, tôi vẫn tự cười thầm sự non nớt của mình. Người trong ảnh, đó là bác Nguyễn Văn Linh.

Thế rồi, như để sửa chữa sự thiếu sót ấy, công việc của một người làm phim tài liệu, thời sự đã cho tôi có nhiều dịp tiếp xúc với bác Nguyễn Văn Linh: cùng đi thăm Củ Chi, đi Trị An, thăm những cơ sở sản xuất, nghĩa trang liệt sĩ, khánh thành các công trình khi bác làm Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh và cả những năm sau này khi bác là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng... Dịp hãng phim Giải Phóng của chúng tôi kỷ niệm ngày thành lập, bác Mười cũng đến chung vui, gợi nhiều kỷ niệm, góp nhiều ý kiến chân tình, xây dựng hãng, xây dựng nền điện ảnh.

Chúng tôi đã quen gọi bác một cách yêu kính là bác Mười.

Có lẽ do mối quan hệ có sẵn từ trước: ba tôi, mẹ tôi, chú tôi, các anh chị tôi đều cùng hoạt động ở chiến khu R, nơi bác Mười làm Bí thư Trung ương Cục miền Nam? Hay còn do một mối quan hệ gần gũi hơn nữa: bác

¹ Dương Cẩm Thúy: bạn học của Nguyễn Thị Hòa, con gái đầu của đồng chí Nguyễn Văn Linh. Hiện bà là phó Chủ tịch Hội Điện ảnh Việt Nam, Chủ tịch Hội Điện ảnh TP. Hồ Chí Minh.

Mười là cha của người bạn học thân thiết của mình? Hay là do tính cách của bác Mười bình dị, đầy tình cảm mà mỗi lần tiếp xúc với bác, chúng tôi cứ nghĩ về bác như là một người cha hiền lành, điềm đạm, hơn là nghĩ về một vị lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước.

Mỗi lần gặp chúng tôi, bao giờ bác Mười cũng hỏi han việc học hành, công tác: “Vây là các cháu cũng chọn nghề giống con gái bác, chọn nghề làm báo, nhân dân đang cần báo chí lắm, đó là nơi người dân bình thường có thể nói lên những tâm tư, băn khoăn, thắc mắc về những vấn đề lớn, nhỏ trong cuộc sống riêng, cuộc sống xã hội của thành phố cũng như của đất nước và nhận được lời giải đáp...”

Những năm đầu sau giải phóng, chúng tôi chỉ quay bằng phim nhựa. Máy móc linh tinh, nặng nề, đèn đuốc nhiều khê, việc quay cũng công phu hơn, không nhanh nhạy như quay video, xe thì rất hay bị hư hỏng, có khi chúng tôi bị chậm, để lỡ mất những cảnh hay, lúc đầu không kịp ghi hình, bác Mười cứ nhắc các anh bảo vệ là từ từ cho các cháu nó quay.

Trong quyển *TP. Hồ Chí Minh - 10 năm*, bác Mười đã viết: “Làm văn học nghệ thuật cần phải có nhiều tác phẩm nói về thành phố của ta, nói về con người thành phố, cũng như những con người Việt Nam ở những địa phương khác nhau với nét độc đáo, sâu sắc của nó, đòi hỏi phải có cái nhìn đúng và phải có quá trình nhập cuộc. Thế nhưng đã có không ít trường hợp con người thành phố bị giới thiệu lệch lạc, bị khai thác từ những khía cạnh phụ trong văn học điện ảnh, nhất là điện ảnh. Những hình tượng lệch lạc đó chẳng những không thuyết phục, không gây được cảm xúc tốt đẹp mà ngược lại, nhẹ nhất là gây ngộ nhận, nặng hơn là gây phản ứng trong dư luận thành phố”. Những ý kiến ấy giống như bác nói riêng với chúng tôi, và công việc của chúng tôi.

Bác Mười rất quan tâm đến thanh niên, lớp trẻ, không chỉ vì Bác đã có “ba thanh niên ở trong nhà” - Bác đã nói: “Thanh niên thành phố trong phong trào cách mạng dân tộc dân chủ, luôn là lực lượng xung kích đấu tranh chống địch. Sau giải phóng lớp trẻ thành phố vẫn luôn là đối tượng mà kẻ tìm mọi cách lung đoạn, vì chúng biết rằng đánh vào tuổi trẻ là đánh vào sức mạnh, vào tương lai của dân tộc”.

Và cũng từ mối quan tâm đó mà bác Mười luôn luôn đánh giá đúng vai



Đồng chí Nguyễn Văn Linh với đại biểu dự Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
TP. Hồ Chí Minh. *Nguồn: Do gia đình cung cấp.*

trò của thanh niên, rất tự hào vì những việc làm mà thanh niên tự khẳng định vị trí của mình, của những người lãnh đạo đối với lớp trẻ: “Thanh niên thành phố vốn có truyền thống, lại có kiến thức, dễ tiếp thu cái mới tiến bộ, hăng hái trong mọi hoạt động xã hội, Đảng bộ thành phố, có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản làm nòng cốt, đã phát huy bản chất tốt đẹp của thanh niên, phát động và tổ chức thanh niên góp phần cống hiến lớn lao vào sự nghiệp cách mạng chủ nghĩa xã hội, làm thất bại âm mưu kẻ thù giành giật tuổi trẻ cách mạng...”.

Thành phố 10 năm đầu sau giải phóng đã tạo được công ăn việc làm cho thanh niên trong các ngành kinh tế - xã hội, tổ chức được lực lượng thanh niên xung phong, tổ chức các lớp chính trị văn hóa ở nhiều trình độ cho thanh niên các tầng lớp khác nhau, có trường lớp cho những thanh niên hư hỏng. Thành phố cũng đã phát động nhiều phong trào thanh niên xung kích trên các lĩnh vực hoạt động, đưa thanh niên đi vào lao động, qua đó xây dựng một thế hệ thanh niên mới có lý tưởng, có lối sống lành mạnh, có phẩm chất tốt đẹp.

Ngay sau ngày giải phóng, phong trào thanh niên tham gia sản xuất công nghiệp nông nghiệp, làm thủy lợi ở ngoại thành, giữ gìn trật tự an ninh, truy quét bọn phản động, bài trừ văn hóa phản động đồi trụy, tòng quân giữ nước, tiến quân vào khoa học kỹ thuật, học tập, văn hóa,... liên tục được duy trì và phát triển. Chúng ta còn nhớ, trong những năm 1980-

1985, những phong trào thi đua “về trước kế hoạch”, “luyện tay nghề, thi thợ giỏi”, “cánh đồng mẫu, cánh đồng cao sản”, “mậu dịch viên trẻ và giỏi”... đã hình thành nên từ các phân xưởng thanh niên, công trình thanh niên, cửa hàng thanh niên... trong từng ngành đã xuất hiện những cá nhân xuất sắc, những kiện hướng, những bàn tay vàng, chiến sĩ thi đua. Rồi còn những đợt hội chợ, triển lãm các công trình thanh niên, những sáng kiến khoa học kỹ thuật, các hội diễn, hội thi sáng tác... Điều đó làm cho bác Mười, các đồng chí lãnh đạo và cả thành phố rất mừng.

Thật ra, công việc của một đất nước, một thành phố sau bao năm chiến tranh có quá nhiều công việc ngổn ngang, bề bộn đã làm cho việc chăm sóc và giáo dục thanh niên còn chưa được như mong muốn - như bác Mười đã từng nói: “Chưa lôi cuốn hết các tầng lớp thanh niên...”. Bác Mười cảm thấy không vui vì những sự hạn chế đó, một mặt vẫn thấy băn khoăn vì thấy thành phố còn thiếu nhiều hình thức, tổ chức nhẹ nhàng, linh hoạt để tập hợp thanh niên. Nhưng những việc mà TP. Hồ Chí Minh đã làm được đã thể hiện tình thương và trách nhiệm của những người lãnh đạo đối với lớp trẻ. Và những chuyển biến của lớp trẻ đã làm tăng thêm lòng tin của lãnh đạo, của nhân dân vào họ.

Ngày 20-8-1997, nhân kỷ niệm ngày sinh Bác Tôn tại Bảo tàng Tôn Đức Thắng, chúng tôi lại có dịp quay phim bác Mười. Không ngờ lần này lại là lần chót, bác đến hơi muộn, sau phần nghi thức, và rất băn khoăn: “Bác đến muộn rồi hả cháu?...”. Chúng tôi biết rằng buổi sáng nay bác sĩ đã phải khám bệnh tiêm thuốc cho bác trước khi bác đi dự lễ. Lúc này bác bệnh trở lại, gầy đi rất nhiều, bác vẫn không muốn vắng mặt trong buổi kỷ niệm sinh nhật Bác Tôn. Bác Mười vẫn như vậy, thích đi chỗ này, chỗ nọ, đến với nhân dân, chiến sĩ, bạn bè... không thích ngồi ở văn phòng. Chúng tôi đã chứng kiến nhiều lần bác cũng tham gia làm công việc nhà cùng với bác gái - và đôi lần tôi đã nghe bác ao ước: Bác thích cũng được ngồi quán cóc bên đường để ăn bún riêu, bún bò Huế như các cháu.

Bác Mười đã đi xa, nhưng tuổi trẻ hôm nay của thành phố và cả nước vẫn luôn nhớ lời bác dặn dò, dạy bảo: Tuổi trẻ hãy xứng đáng với lòng tin của lãnh đạo và nhân dân thành phố. Tuổi trẻ thành phố chính là biểu hiện của sức vươn lên của thành phố trẻ.

“Hứa với các bạn đoàn viên...”

HUỖNH SƠN PHƯỚC⁽¹⁾

Trích bài ghi nhanh đăng báo Tuổi Trẻ 1985

1-7-1985 mới đúng là ngày sinh nhật thứ 70 của đồng chí Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Linh. Nhưng để có thể gặp gỡ khá đông đủ chúc mừng đồng chí, những đại biểu thanh niên tiên tiến của thành phố đã chọn ngày chủ nhật 30-6.

Gần ba mươi đại biểu trẻ, những gương mặt quen thuộc: quản đốc Nguyễn Văn Tri (nhà máy dệt Thành Công), thợ giỏi trẻ Nguyễn Mạnh Hải (nhà máy Caric), bàn tay vàng ngành dệt Trần Thị Bé Bảy, thợ trẻ về trước kế hoạch Phạm Thị Xuân (dệt Việt Thắng), Mộng Trinh (dệt Phong Phú), học sinh giỏi Nguyễn Duy Nguyên, các cán bộ quản lý nông nghiệp trẻ: Bùi Văn Le (Hóc Môn), Nguyễn Thị Út (Bình Mỹ - Củ Chi), Phó Chủ tịch UBND phường 13 quận 5 Trịnh Khải Quốc, giáo viên dạy giỏi Hoàng Lan (trường mẫu giáo Hoa Lư quận 1), mậu dịch viên bán rau giỏi Lê Thị Thảo (phường 11, quận 3), cầu thủ Hồ Ngọc Sơn (Cảng Sài Gòn), Nguyễn Hoàng Minh tức Minh “nhí” (Hải quan), kiện tướng bơi lội Kiều Oanh, ca sĩ Cẩm Vân... đều có cái tình cảm háo hức đến với một ngày vui.

Anh Vũ Mão, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn và chị Phạm Phương

1 Nguyễn Phó Tổng biên tập báo Tuổi Trẻ *

Thảo, Bí thư Thành đoàn cũng cùng đi. Đồng chí Nguyễn Văn Linh ra đón chúng tôi ở hành lang văn phòng Thành ủy (đường Trương Định). Trong ngày vui của mình, đồng chí Bí thư trông khỏe, tươi vui và linh hoạt. Đồng chí mở lời:

“Tôi biết các đồng chí đến với tôi hôm nay không phải vì tôi tròn 70 xuân, mà là vì muốn nhân dịp này nhắc nhở tôi, dẫu đã 70 phải luôn luôn giữ cho được phong độ thanh xuân của lứa tuổi thanh niên. Chính vì thế mà tôi đã đến đây rất sớm, với một tình cảm náo nức rất trai trẻ. Tôi biết qua cuộc gặp gỡ này, mình sẽ được bồi đắp thêm sức sống thanh xuân. Tôi rất cảm động nhận món quà của các đồng chí...”

Thì ra món quà lớn nhất mà đồng chí nói chính là: cái sức sống thanh xuân của thành phố.

Đồng chí cảm động và cảm ơn Nguyễn Thị Út đã không ngại đường xa, từ Bình Mỹ (Củ Chi) đến chúc mừng nhân ngày sinh của đồng chí. Đồng chí bắt tay khá lâu kiện tướng bơi lội Kiều Oanh và chúc mừng Oanh về quyết định sáng suốt từ chối xuất cảnh để ở lại với đất nước.

Đồng chí hỏi Minh Tiên, kế toán trưởng Cửa hàng hợp tác kinh doanh bánh xèo Đình Công Tráng:

- Có không ít cửa hàng khi vào hợp tác kinh doanh rồi thì giá lại cao hơn trước thế Cửa hàng bánh xèo Đình Công Tráng của cháu thế nào?

- Dạ, giá vẫn như cũ, nhưng chất lượng thì có phần khá hơn trước.

- Như thế là có phần hạ giá rồi đó. Phải cố gắng kìm giữ giá, đồng thời phải nâng cho được chất lượng mặt hàng và cả chất lượng phục vụ - đồng chí kết luận và cười sảng khoái.

Khi hỏi chuyện Bí thư chi đoàn TNCS đội Cảng Sài Gòn, hậu vệ Hồ Ngọc Sơn và Bí thư chi đoàn TNCS đội Hải quan, tiền đạo Nguyễn Hoàng Minh tức Minh nhí, đồng chí căn dặn rất ân cần và vui vẻ:

“Đội bóng khi đã có chi đoàn TNCS thì không được bán độ, đúng không?”

Gặp lại Trần Thị Bé Bày, đồng chí hỏi ngay:

- Chú thấy cháu xanh và ốm đi rất nhiều.

Bé Bày khựng lại, chưa kịp trả lời - chú lại hỏi tiếp:



Đổng chí Nguyễn Văn Linh với thanh niên TP. Hồ Chí Minh. *Nguồn: Do gia đình cung cấp.*

- Sức khỏe cháu ra sao?
- Dạ, cũng bình thường.
- Như cháu bây giờ tính tất cả thu nhập được bao nhiêu?
- Dạ khoảng 700 đồng.

Đôi mắt đồng chí Bí thư hơi chùng xuống, thoáng nét không vui.

Trong hoạt động nghề nghiệp của mình, người làm báo như chúng tôi có điều kiện chia sẻ những trăn trở của Đảng bộ từ những năm 1979-1980, quyết tâm tháo gỡ để giải phóng sức sản xuất, và tích cực chăm lo cho người ăn lương và trước hết là giai cấp công nhân. Cuộc sống vẫn chưa phản ánh được ý muốn của Đảng khi mọi sự tháo gỡ chưa được thực hiện đồng bộ và toàn diện. Thu nhập 700 đồng một tháng rõ ràng là không bù đắp xứng đáng công sức của những người thợ tận tụy với công việc.

Đúng như lời hứa, để làm quà cho tất cả chúng tôi, đồng chí Nguyễn Văn Linh kể chuyện tuổi trẻ của mình.

... Nhắc lại những hy sinh mất mát của thế hệ thứ nhất, phải đổi bằng hàng chục năm tù đầy, có khi cả sinh mạng mới tìm được con đường cách mạng, đồng chí Bí thư chỉ ra cái may mắn, niềm hạnh phúc của thế hệ thứ tư là đất nước độc lập thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

“Đảng cầm quyền, chúng ta tự do tuyên truyền, giáo dục cộng sản, tổ chức lực lượng cách mạng... Nhưng chính từ trong cái ưu thế tuyệt đối của Đảng cầm quyền, các đồng chí đừng quên lời dặn của Lenin về “Cái nguy cơ của bệnh quan liêu xa rời quần chúng”.

Gần 50 năm đi theo Đảng, bài học lớn nhất, sâu sắc nhất, đẹp nhất, tôi muốn nhân dịp này nhắc lại để làm quà cho các đồng chí là: “Không chỉ giác ngộ lý tưởng cộng sản mà phải luôn luôn suy nghĩ và làm việc vì lòng trung thành với những quyền lợi và nguyện vọng của quần chúng”.

Về phần mình, bước vào tuổi 70, tất nhiên tuổi càng cao, sức khỏe càng giảm, không còn cái linh hoạt nhanh nhẹn như tuổi thanh niên. Nhưng tôi hứa với các đồng chí, hứa với tất cả các bạn đoàn viên không có mặt ở đây, ngày nào tôi còn đủ sức hoạt động thì tôi nhất định sẽ hoạt động như một người cộng sản chân chính, mà người cộng sản chân chính thì nhất định phải gắn bó với quần chúng, sát với cơ sở, dẫu là ở chức vị gì đi nữa, làm Bí thư Thành ủy đã phải đề phòng bệnh xa rời quần chúng, nay được tin nhiệm bầu trở lại Bộ Chính trị thì lại càng phải tâm niệm không được xa rời quần chúng”.

Người đồng chí - người lãnh tụ của giai cấp công nhân

HOÀNG THỊ KHÁNH⁽¹⁾

Tôi còn nhớ những ngày sôi động của Đại hội Đại biểu Công đoàn Việt Nam lần thứ VI diễn ra từ 17-10-1988 đến 20-10-1988 tại Ba Đình - Hà Nội. Là Tổng Bí thư, nhưng chú Mười không hề vắng mặt suốt những ngày Đại hội. Khi bàn về nhân sự Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, có sự khác nhau giữa ý kiến của đại biểu đại hội và dự định đưa cán bộ Đảng qua ứng cử của Bộ Chính trị. Chú Mười đã bình tĩnh ngồi nghe đại biểu thảo luận, chú Mười chỉ gợi ý đặt vấn đề để đại biểu nói kỹ hơn, rõ hơn chứ không hề có hướng áp đặt hoặc làm cho mọi người sợ mà nói theo Đảng. Suốt tối 19-10-1988 với phong cách làm việc dân chủ, lắng nghe, chú Mười đã cùng Bộ Chính trị quyết định rút nhân sự đã dự định và chấp nhận ý kiến của đại biểu đại hội. Đại hội Đại biểu Công đoàn Việt Nam lần thứ VI được dư luận xã hội đánh giá là một đại hội dân chủ, nhìn thẳng sự thật, đổi mới và tích cực. Phong cách làm việc của chú Mười trên cương vị của người Tổng Bí thư đã thực sự để lại cho đội ngũ cán bộ Công đoàn một bài học về dân chủ nội bộ, một ấn tượng đẹp, một niềm tin tuyệt đối vào Đảng.

1 Nguyên Chủ tịch Liên đoàn Lao động T P. Hồ Chí Minh, thời điểm viết bài là Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Thành Ủy TP. Hồ Chí Minh.

Tôi cũng nhớ, tháng 9-1992, lần đầu tiên tôi được tổ chức Công đoàn tiến bộ Nhật ở Osaka mời qua thăm hữu nghị và trao đổi kinh nghiệm. Một mình qua Nhật, ngoại ngữ mới lôm bôm, tôi bước đến bàn làm thủ tục vào nước Nhật. Nhân viên hải quan hỏi tôi vài câu đầu tôi còn trả lời được, đến những câu sau khó quá tôi không trả lời được. Người nhân viên hải quan còn rất trẻ nhìn tôi, cậu ta hỏi: “Bà có phải người Trung Quốc không?”. Tôi trả lời: “Không, tôi không phải là người Trung Quốc, tôi là người Việt Nam”. Cậu ta reo lên: “A! Việt Nam - đổi mới - Nguyễn Văn Linh”. Tôi cười: “Vâng, Việt Nam, đổi mới, Nguyễn Văn Linh” và tôi đã được hoàn tất thủ tục nhanh chóng, không phải trả lời gì thêm. Một nhân viên hải quan sân bay bình thường ở một tỉnh của Nhật nhưng họ cũng hiểu rằng Việt Nam đang đổi mới và sự đổi mới đó gắn liền với người Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Nguyễn Văn Linh!

Đặc biệt, khi tôi gặp các bạn trong BCH Rengo Osaka, mọi người vừa tỏ ra phấn khởi trước quyết tâm đổi mới nhưng vẫn duy trì xã hội chủ nghĩa của Việt Nam nhưng họ vẫn băn khoăn liệu Việt Nam có một mình đứng vững được trước sự tấn công của các thế lực thù địch. Họ rất quan tâm đến vai trò của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và họ hiểu về đồng chí Nguyễn Văn Linh không kém gì người Việt Nam. Họ tỏ ra rất tin và ngưỡng mộ. Là người Việt Nam khi ra nước ngoài, tôi nghĩ ai cũng sẽ như tôi: thực sự xúc động và hân hoan vì đất nước mình, lãnh tụ của mình được người ta biết đến với một sự kính trọng, ngưỡng mộ thật sự.

Lúc tình hình việc làm, đời sống của công nhân lao động căng thẳng nhất, là lúc mà chú Mười duy trì rất ổn định định kỳ làm việc của Tổng Bí thư với đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Nội dung làm việc bao giờ cũng có phần báo cáo của Công đoàn cho chú nghe về thực trạng việc làm, cuộc sống của công nhân lao động, đặc biệt là công nhân công nghiệp nặng. Cái gì vướng từ phía Nhà nước là chú chỉ đạo giải quyết ngay. Tôi nhớ rất kỹ, ngày 3-2-1989, lúc đó tôi là Chủ tịch Liên đoàn Lao động TP. Hồ Chí Minh, là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phụ trách ngành cao su. Công nhân cao su lúc này rất vất vả, lương thưởng bị thiếu từ 3 tháng đến 7 tháng. Nhân ngày thành lập Đảng (ngày 3-2) tôi có viết thư tay phản ánh tình hình trên và đồng chí

Tổng Biên tập báo Sài Gòn Giải Phóng đã cho đăng đúng vào ngày sinh nhật Đảng. Báo phát hành, chú Mười đọc và chỉ đạo giải quyết ngay lương cho công nhân cao su. Năm đó, công nhân cao su rất vui vì được nhận lương để lo Tết. Một cái Tết còn nghèo, còn thiếu nhưng rất ấm cúng, tin Đảng vì Đảng có người Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh luôn luôn quan tâm và lo cho họ.

Đại hội VII, chú Mười nhận nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành, chú vẫn dành sự quan tâm cho công nhân lao động không kém lúc chú còn là Tổng Bí thư, đôi khi còn sâu hơn, cụ thể hơn. Những năm 1992-1996, tình hình trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tư nhân sôi động bởi các cuộc đình công, lãn công của công nhân do sự cố tình vi phạm pháp luật lao động, xâm phạm quyền tự do thân thể của công nhân, ức hiếp đánh đập công nhân... của các nhà quản lý nước ngoài, của chủ doanh nghiệp. Chú Mười đã liên tục yêu cầu Công đoàn thành phố báo cáo và có những chất vấn, chỉ đạo, hướng dẫn đối với Công đoàn để bảo vệ quyền lợi, bảo vệ nhân phẩm của công nhân, cũng chính là bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trong từng doanh nghiệp. Đến lúc bệnh chú đã nặng, đi lại đã khó khăn, khi tôi đến thăm chú ở bệnh viện, chú vẫn dặn dò: “Làm Công đoàn nhiệm vụ đầu tiên là trên hết là phải bảo vệ được quyền lợi làm việc an toàn và lợi ích của công nhân lao động, là phải hướng dẫn cho công nhân lao động làm những việc đúng theo pháp luật, những việc hay phù hợp với đạo lý của người Việt Nam. Làm Công đoàn là phải dũng cảm, dám hy sinh quyền lợi của cá nhân mình vì lợi quyền công nhân lao động, không được thỏa hiệp nhưng cũng không quá cứng nhắc. Phải mềm dẻo nhưng không trái với các qui định của pháp luật, kiên quyết nhưng không quá khích. Các cháu là người đại diện cho Đảng đến với công nhân lao động, hướng dẫn công nhân lao động, lãnh đạo họ và chăm lo cho họ. Cháu hiểu hết điều chú nói không?”. Và sự hiểu biết được chú truyền cho đã giúp tôi cùng tập thể Công đoàn thành phố vững vàng, uyển chuyển trong đấu tranh bảo vệ quyền lợi của công nhân lao động, trong tổ chức phong trào và các chương trình chăm lo cho sự phát triển của giai cấp công nhân và người lao động. Mười năm chuyển mình theo chủ trương đổi mới của Đảng, có sự đề xướng của chú Mười (1988-1998) tổ chức Công đoàn

Thành phố đã được Nhà nước xét tặng thưởng 03 Huân chương Lao động hạng 3, 01 Huân chương Lao động hạng 2, 01 Huân chương Lao động hạng nhất, 01 Huân chương Độc lập hạng 3 và hạng 2. Tại Đại hội đại biểu Công đoàn thành phố nhiệm kỳ 1998-2003, trong không khí trang nghiêm xúc động, toàn thể đại biểu đại diện cho gần 600.000 công nhân lao động thành phố đã kính cẩn mặc niệm tưởng nhớ công ơn của người Tổng Bí thư - người lãnh tụ của giai cấp công nhân - người thầy kính mến của tổ chức Công đoàn Nguyễn Văn Linh, thành viên sáng lập danh dự trường Đại học Tôn Đức Thắng của công nhân lao động thành phố mãi mãi được công nhân lao động thành phố tưởng nhớ công ơn.

Dù có bao nhiêu bút mực cũng không thể nói hết được tấm lòng của người đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh đối với công nhân lao động, không tả hết được sự quý mến và tình cảm của công nhân lao động thành phố đối với chú Mười. Chú sống mãi với công nhân lao động và tổ chức Công đoàn.

“Ông Linh rất hiểu đồng bào người Hoa mình!”

NGHỊ ĐOÀN⁽¹⁾

1. Thành phố bước vào đông, trời se lạnh, mọi người đều nhộn nhịp lo toan việc làm ăn, công tác, phấn đấu đạt kết quả tốt cuối năm.

Bên cạnh đó, tuy không biểu lộ ồn ào nhưng mọi người dân, đặc biệt trong giới đồng bào Hoa ở vùng Chợ Lớn, cảm thấy có gì day dứt, lắng sâu, mong đợi. Như một luồng điện chớp tỏa nhiệt, cả thành phố sôi động về tin “Đại hội Đảng lần thứ VI kết thúc thắng lợi, đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng!”. Đồng bào Hoa mừng rỡ ra mặt, đồng thanh cười vui báo tin cho nhau, họ chỉ nói một câu ngắn gọn mà hàm chứa nhiều ý nghĩa trong tình cảm, ước vọng, tương lai, cuộc sống vì “Ông Nguyễn Văn Linh rất hiểu đồng bào Hoa mình!”. Không hiểu sao được, một đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, hàng nửa thế kỷ qua sống lăn lộn trong vùng địch tạm chiếm, đồng cam cộng khổ với đồng bào Nam bộ và thành phố Sài Gòn, luôn lo trước cho đồng bào và vui sau thiên hạ, để giành chén cơm manh áo, quyền làm chủ tối thiểu cho đồng bào. Xuất phát từ quan điểm lập trường giai cấp, trong những năm thành phố gặp nhiều khó khăn nhất, đồng chí đã khẳng định: “Đồng bào Hoa đã dùng cảm đấu tranh và chịu nhiều gian khổ, hy sinh góp

1 Ông Nghị Đoàn: sinh năm 1928, cán bộ Hoa vận lão thành, nguyên Thành ủy viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5, Phó ban Dân vận Thành ủy, Trưởng ban Ban Công tác người Hoa TP. Hồ Chí Minh.

phần vào chiến thắng vĩ đại của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội". (Trích bài nói tại cuộc họp mặt truyền thống của đồng bào Hoa ngày 17-4-1985).

Trong những năm đầu của thập niên 1980, thành phố gặp vô vàn khó khăn, với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, sản xuất kinh doanh gặp nhiều ách tắc, đời sống nhân dân khó khăn, nhân tâm xao xuyến. Trong khu vực Chợ Lớn, nổi lên việc bàn tán đi, ở (vượt biên), vấn đề nóng bỏng đặt ra cho lãnh đạo thành phố lúc đó là làm gì cho sản xuất thành phố không bị đình đốn và có bước phát triển. Trước những khó khăn hầu như không thể vượt được, khi trở về thành phố làm Bí thư Thành ủy (1981) đồng chí Nguyễn Văn Linh thường khuyến khích cán bộ phải có tinh thần tự lực tự cường, "Chúng ta phải tự cứu lấy mình". Và, một quyết định táo bạo chủ trương cho thành lập một lúc hai công ty xuất nhập khẩu, một của Sở Công nghiệp thành phố tên gọi Direximco do đồng chí Ba Toàn⁽¹⁾ (cán bộ Hoa vận thành phố) làm giám đốc, một công ty Cholimex của Quận 5 do đồng chí Ba Hòa⁽²⁾ (cũng là cán bộ Hoa vận thành phố) phụ trách làm giám đốc. Hai công ty này quy tụ các nhà sản xuất kinh doanh người Hoa có tên tuổi và kinh nghiệm sản xuất kinh doanh vào làm cán bộ, nhân viên của công ty, và bắt đầu từ móc ráp một số Việt kiều nhập 60 tấn chỉ sợi và 60 tấn nhựa, giao cho cơ sở người Hoa sản xuất sau đó dành cho họ 15% tổng giá trị sản phẩm gọi là bù chi phí, khuyến khích lợi ích cho cơ sở. Đây có thể nói là thời kỳ đổi mới ban đầu, nhưng hiệu quả đạt được thiết thực, không đầy 3 năm đã góp phần đưa thành phố chuyển động, có ít nhiều tích lũy, trong khi trước đó trong tay không có kilôgam nguyên liệu, càng không thể nói có những đồng ngoại tệ cứng.

Sự thật khách quan, yếu tố tích cực sáng tạo ban đầu, không phải ai cũng đồng tình ủng hộ, và phải có thời gian thử thách, kiểm nghiệm, đảm bảo hiệu quả trong thực tiễn mới có sức thuyết phục.

Một cuộc kiểm tra để "sửa sai" bắt đầu và trong dư luận râm ran về Bí thư, Chủ tịch Quận 5 tại sao quan tâm đến công ty xuất nhập khẩu quận đến thế? (ý nói có chia chác gì đây), và đoàn làm công tác kiểm tra đã nắm

1 Lâm Tư Quang, trước khi nghỉ hưu là giám đốc Công ty chế biến hàng xuất khẩu Cầu Tre.

2 Hồng Tôn Như, trước khi mất là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5.

sẵn trong tay giấy ký lệnh khổng để bắt xử lý khi phát hiện những vụ việc vi phạm luật pháp! May mắn thay, việc này đã không xảy ra.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh rất hiểu cán bộ và tin tưởng chúng tôi, đồng chí cho mời anh Sáu Tín và tôi đến để “truy hồn truy vía”. Trước tiên đồng chí trấn an trả lời dư luận rằng vì công tác xuất nhập khẩu quan trọng nên Bí thư, Chủ tịch quan tâm là phải chờ có gì lạ, và đồng chí lật kinh điển ra đọc trước mọi người: “Về chính sách kinh tế mới của Lenin”, đồng chí cười khẳng định: “Ta làm đúng rồi, không sai, cứ thế mà làm”. Chúng tôi như được cởi mở tắc lòng, tăng thêm sức phấn đấu để vượt qua thử thách.

2. Tôi được quen và làm việc với đồng chí Nguyễn Văn Linh (có khi tôi gọi anh Mười hoặc anh Út) vào cuối những năm 1950 - đầu năm 1960 khi Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam chuẩn bị ra đời. Tôi được tổ chức đưa về căn cứ Trung ương Cục gặp đồng chí giữa lúc căn cứ mới bắt đầu xây dựng. Như lâu ngày gặp lại người thân, đồng chí ân cần thăm hỏi từng cán bộ về hoàn cảnh gia đình, thể ăn ở hợp pháp, nghề nghiệp, v.v... và tôi được đồng chí quyết định đưa về công tác ở Khu ủy Sài Gòn - Gia Định.

Trong khi chờ đợi lên đường, một hôm tôi được đồng chí bảo vệ cho biết sáng nay tôi được ăn cháo. Tôi bàng hoàng xúc động thầm nghĩ: “Trời đất! Đồng chí đã biết mình gốc Triều Châu, thường hay ăn cháo mỗi buổi sáng! Có lẽ đồng chí đã theo dõi những ngày ra chiến khu tôi chưa quen lối sống kham khổ của đồng chí mình, nên chỉ đạo bữa ăn cho hợp khẩu vị”. Quả nhiên bữa sáng hôm đó tôi “chén” liền bốn bát cháo to tướng, không như mọi khi phải ráng nuốt mấy chén cơm.

Trước khi chúng tôi lên đường về chiến trường, đồng chí lại ân cần dặn dò kỹ lưỡng việc ăn ở đi lại, tính cảnh giác đối với địch, những nguyên tắc hoạt động bí mật trong đô thị, tránh nồm nóng làm ấu để bị tổn thất. Và cũng không quên gọi đồng chí phụ trách đường dây giao liên, chọn phương án tối ưu mặc dầu đường xa, nhưng phải bảo đảm an toàn không để sơ xuất, khi đến nơi phải báo cho đồng chí biết.

Còn ân tình nào nặng hơn tấm lòng của đồng chí lãnh đạo, chăm lo cho từng cán bộ, chiến sĩ khi xong ra trận tuyến, chiến đấu với quân thù, khiến cho tôi giữ mãi kỷ niệm sâu sắc này trong tim, luôn luôn hướng về chiến khu, đồng đội... bất kể gian nguy.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh dự cuộc họp mặt mừng Xuân với đồng bào người Hoa.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

3. Hằng năm, theo thông lệ vào ngày lễ Quốc Khánh (2-9) và Tết truyền thống, Ban Công tác người Hoa TP. Hồ Chí Minh cùng một số cán bộ và các cháu đến viếng thăm chúc thọ anh Út, chị Út. Có lần khi đến anh chợt hỏi, sao không thấy các cháu mặc trang phục Hoa.

Tôi giật mình nhận ra sự tế nhị sâu sắc của đồng chí lãnh đạo mình, hiểu biết cán bộ, hiểu biết tâm lý sâu kín của một thành phần dân tộc, trân trọng tình cảm chính đáng của họ với tất cả tấm lòng tin cậy, yêu thương. Đồng bào người Hoa cũng như người Việt.

Tôi nhớ rất nhiều lần khi gặp anh trong câu chuyện đề cập đến công tác người Hoa, anh thường dặn chúng tôi nên quan tâm lực lượng công nhân lành nghề trong người Hoa, nhất là ngành cơ khí, phải tổ chức họ lại và có chính sách chăm sóc để họ phát triển tay nghề làm giàu đất nước.

Khi ra về tôi rất băn khoăn, vì theo tôi biết có những gia đình ba đời làm cơ khí, con cái thế hệ sau đã có trình độ đại học và đã từng học trường kỹ thuật cơ khí Cao Thắng, hằng năm gia đình tự làm vài ba bộ máy xuất đi nước ngoài để kiếm sống, không có một chính sách tài trợ, trong khi ta

buông lỏng thị trường nhập nhiều máy móc, trang thiết bị cũ kỹ của nước ngoài, tự khắc giết chết ngành cơ khí chế tạo tại chỗ.

Tôi rất có lỗi đã không làm được theo lời dặn dò của anh Út, nay đã trở thành di huấn cho thế hệ chúng ta.

4. Giữa lúc tôi “lỡ vận” gặp chuyện không may, bè bạn thương tình nhưng đứng xa, một số anh lãnh đạo nhìn mình bằng cặp mắt thương hại pha lẫn trách móc thì vào một buổi sáng năm 1983, tôi nhận được điện thoại từ Văn phòng Thành ủy báo đồng chí Nguyễn Văn Linh muốn đến thăm tôi tại nhà. Quá đột ngột, tôi vừa mừng vừa lo, vừa xúc động và có ít nhiều hổ thẹn với lương tâm.

Anh Út đến thăm không mang theo thư ký, người bảo vệ, với tư cách đồng chí Bí thư lãnh đạo mình và cũng đồng thời như một người anh vô cùng nhân hậu, yêu thương an ủi tôi trong khi ít nhiều tôi có bị khủng hoảng tinh thần.

Khi anh Út vào nhà vừa ngồi xuống, tôi định báo cáo sơ lược sự việc xảy ra, anh liền ôn tồn chậm rãi gạt đi và nói rằng: “Thôi việc đã qua rồi nhắc lại làm gì?” và sau đó anh bắt đầu câu chuyện về công tác vận động người Hoa, việc đầu tư nước ngoài, v.v... cho mãi đến trưa đồng chí ra về tôi đã kịp tặng anh một quyển sách của một tác giả Đài Loan nghiên cứu về tình hình đầu tư ở thành phố ta.

Mãi đến hôm nay, đã hơn 15 năm rồi, mỗi khi nhớ lại những lần được gặp anh, tôi thấy phải có thời gian mới hiểu sâu sắc hơn những bài học anh để lại về phương pháp xử thế vô cùng tế nhị, đầy nhân ái. Anh cũng đã cho tôi thêm nghị lực chiến đấu vượt qua mặc cảm, vươn lên với tâm nguyện làm tốt nhiệm vụ của một cán bộ, đảng viên hầu đến đáp một phần ân nghĩa của anh với tất cả tấm lòng chân thành của một người học trò nhỏ mà anh hằng tin tưởng và yêu thương dịu dặt.

5. Rồi vào một buổi sáng thứ bảy, tôi vội vã đến bệnh viện Chợ Rẫy thăm anh Út đang nằm chữa bệnh. Khi vào, bệnh viện đang sang nước biển cho anh, không thừa chuyện được với anh, tôi sờ khắp người anh và không cảm được nước mắt. Anh xúc động nắm tay tôi. Làm sao ngờ được đó là lần gặp mặt để tiễn anh.



Đổng chí Nguyễn Văn Linh và tác giả. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

Ngày hôm sau được tin anh đã đi xa, dù mọi người đều đã có dự đoán và chuẩn bị tư tưởng cho tình huống đau buồn đó, nhưng tôi vẫn sững sốt như nghe một tin sét đánh ngang trời, thời gian như ngừng lại vì sự mất mát to lớn quá đối với đất nước và đối với riêng tôi thật là một tổn thương khó được bù đắp.

Hàng vạn nhân dân thành phố đứng hai bên đường, hoặc theo sau xe tang trong ngày tiễn đưa anh đến nghĩa trang thành phố an nghỉ cuối cùng, đều có chung niềm tiếc thương vô hạn và mãi mãi tôn vinh, nguyện học tập tinh thần, sự nghiệp, lý tưởng, tình cảm và nghị lực của anh.

Mùa thu, ngày 23 năm 1998

Sự quan tâm đối với đồng bào Công giáo

TRƯƠNG BÁ CẦN⁽¹⁾

Ông Nguyễn Văn Linh, là một trong những nhà lãnh đạo lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã có quan tâm đặc biệt đối với Công giáo. Có thể nói rằng sở dĩ giới Công giáo ở Việt Nam có được những chuyển biến tích cực như hiện nay, một phần là do những ý kiến chỉ đạo đúng lúc và đúng mức của ông.

Là một người cách mạng suốt đời vì dân vì nước, ông đã dành nhiều ưu ái cho giới Công giáo, là một bộ phận trong nhân dân, đã gặp rất nhiều khó khăn trên con đường đi với dân tộc. Có lần ông nói: “Tôi rất thông cảm với đồng bào Công giáo vì có những khó khăn riêng trên con đường yêu nước, đi với cách mạng của mình. Sau ngày miền Nam giải phóng, bên cạnh niềm phấn khởi trước thắng lợi vĩ đại của dân tộc, thì còn những băn khoăn như: “Cách mạng có trả thù không?”, “Có cấm đạo không?”.⁽²⁾

Là người chiến sĩ cộng sản, ông vẫn tâm niệm về những chủ trương của Đảng, nhưng có lẽ với một xác tín đặc biệt, khi ông nói: “Sự nghiệp cách mạng là của quần chúng; Đảng Cộng sản từ quần chúng mà ra; quân đội

1 Trương Bá Cần (1930-2009), linh mục, ông từng giữ các chức vụ: ủy viên đoàn Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam; Phó Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP. Hồ Chí Minh; phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. Hồ Chí Minh và Tổng biên tập báo *Công giáo và Dân tộc*.

2 Trích bài phát biểu của Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Linh tại Đại hội tổng kết 10 năm của Công giáo TP. Hồ Chí Minh, ngày 25-4-1985 (xem Công giáo TP. Hồ Chí Minh 10 năm, do Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP. Hồ Chí Minh xuất bản năm 1986 tập II, trang 16).



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh cùng các vị đại biểu dự Hội nghị lần thứ VIII Hội đồng Giám mục Việt Nam, ngày 28-5-1987. Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

ta, chính quyền cách mạng cũng do dân mà ra và vì nhân dân mà phục vụ. Bà con Công giáo là con Lạc cháu Hồng, là công dân Việt Nam. Từ trước tới nay, Đảng vẫn khẳng định: tuyệt đại bộ phận giáo dân là người lao động, hoặc là nông dân lao động hoặc là lao động ở thành thị, đều bị phong kiến - đế quốc áp bức, bóc lột thậm tệ như mọi tầng lớp lao động khác; chẳng những thế, họ lại còn bị những kẻ lợi dụng danh nghĩa tôn giáo, lợi dụng thần quyền đầu độc chống cộng sản, xa lánh cách mạng. Mặc dầu vậy, đồng bào Công giáo nói chung vẫn có tinh thần yêu nước, vẫn chống áp bức bóc lột, vẫn ngày càng hướng theo cách mạng...”⁽¹⁾

Là một người marxist, ông đã có một cái nhìn rất đúng đắn về Kitô giáo. Chắc chắn là ông đã đọc cuốn “*Nguồn gốc Kitô giáo*” của F. Engels. Và “khi còn là một người cộng sản trẻ, ông nói, ở nhà lao Hỏa Lò - Hà Nội, tôi đã có dịp đọc được những quyển sách đạo, nhất là những cuốn Kinh Thánh do một linh mục người Pháp đem vào phân phát cho tù nhân. Tôi rất tâm đắc khi thấy Đức Giêsu có một thái độ quyết liệt với những người giàu có

1 Bài phát biểu hôm 25-4-1985. (tlđd, trang 16).

mà vô đạo đức và có một sự quan tâm đặc biệt đối với người nghèo; từ đó, tôi cứ nghĩ rằng nếu người Công giáo làm theo giáo huấn của Đức Giêsu thì sẽ rất gần gũi với lý tưởng của những người cộng sản”.⁽¹⁾

Với cách nhìn và hiểu vấn đề như vậy, ông Nguyễn Văn Linh luôn luôn băn khoăn lo lắng, “khi thấy kẻ thù của dân tộc ta lợi dụng chiêu bài tôn giáo, khoét sâu mâu thuẫn hữu thần - vô thần, để chia rẽ dân tộc, chống lại cách mạng. Rồi từ những thực tế đó, những người cách mạng, những người cộng sản đã nhìn các tôn giáo một cách dè dặt.”⁽²⁾

Trong chiến tranh, điều kiện để phát triển phong trào yêu nước trong đồng bào Công giáo hết sức hạn chế, ông Nguyễn Văn Linh tỏ ra rất trân trọng đối với những người Công giáo yêu nước, linh mục - tu sĩ cũng như giáo hữu, tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Sau khi hòa bình lập lại, trên cương vị lãnh đạo của mình, ông đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để đồng bào Công giáo phát huy lòng yêu nước, hòa nhập vào cuộc sống mới.

Chỉ mấy tháng sau khi Sài Gòn được giải phóng, hai tờ báo Công giáo đã được phép xuất bản để phục vụ các tỉnh phía Nam vừa mới giải phóng⁽³⁾: Nguyệt san *Đứng Dậy* với Quyết định số 01 của T T-V H ngày 4-7-1975 và Tuần báo *Công giáo và Dân tộc* với Quyết định số 2 ngày 4-7-1975. Do di sản của lịch sử để lại hết sức nặng nề, nên việc tháo gỡ những vướng mắc về mặt ưu tư và tình cảm được coi là công tác hàng đầu. Ông Nguyễn Văn Linh, vốn coi công tác tháo gỡ là nhiệm vụ lâu dài, nên đã nhiều lần can thiệp và giúp đỡ để Tuần báo *Công giáo và Dân tộc* vượt qua được các khó khăn để đứng vững trên vị trí công tác.

Năm 1976, lúc ông Nguyễn Văn Linh làm Bí thư Thành ủy, một nhóm công tác Công giáo trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP. Hồ Chí Minh được thành lập. Đây là manh nha của Ủy ban Vận động Công giáo (được thành lập tháng 1-1980) và là nòng cốt của Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP. Hồ Chí Minh (được thành lập đầu năm 1984). Công tác Công giáo vận,

1 Trích bài phát biểu tại Đại hội Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP. Hồ Chí Minh hôm 11-11-1993 (xem Tuần báo Công giáo và Dân tộc số 933 ngày 14-01-1993, trang 4-5).

2 Trích bài phát biểu tại Đại hội tổng kết 10 năm...(tłđđ trang 16).

3 Ông Nguyễn Văn Linh là Phó Bí thư Thường trực Trung ương Cục miền Nam lúc bấy giờ.

đặc biệt thông qua Ủy ban Vận động Công giáo, và Ủy ban Đoàn kết Công giáo đã đóng một vai trò quyết định trong chuyển biến của giới Công giáo ở TP. Hồ Chí Minh.

Những chỉ đạo về Công giáo vẫn được thực hiện một cách sáng tạo và có hiệu quả, trước tiên ở TP. Hồ Chí Minh, rồi dần dần lan rộng ra cả nước. Bằng chứng là tinh thần dẫn thân, tham gia, nhập cuộc, đồng hành đã trở thành đường hướng phục vụ của Giáo hội Công giáo Việt Nam, được khẳng định trong Thư Chung ngày 1-5-1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam. Năm 1980 là năm ông Nguyễn Văn Linh là Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Dân vận Trung ương cùng với ông Trần Bạch Đằng là Phó ban Dân vận Trung ương và là Trưởng ban Tôn giáo của Chính phủ.

Vì phải đảm nhiệm những trọng trách lớn khi ở TP. Hồ Chí Minh cũng như khi ở Trung ương, ông Nguyễn Văn Linh ít khi tiếp xúc với giới Công giáo: với tư cách là Bí thư Thành ủy, ông đã đến phát biểu một lần tại Đại hội tổng kết 10 năm của Công giáo TP. Hồ Chí Minh ngày 25-4-1985; trong cương vị là Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, ông đã có một lần tiếp các Giám mục trong Hội đồng Giám mục Việt Nam ngày 28-5-1987; và trong lúc là Cố vấn Ban chấp hành Trung ương Đảng, ông đã nhận lời mời tới tham dự và phát biểu tại Đại hội những người Công giáo TP. Hồ Chí Minh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tháng 11-1993. Cả ba lần tiếp xúc này đã để lại những dấu ấn sâu đậm.

Tại Đại hội tổng kết 10 năm của Công giáo TP. Hồ Chí Minh, Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Linh phát biểu không phải chỉ để động viên phong trào, mà chính là để nói lên niềm vui của mình trước những kết quả đạt được sau 10 năm giải phóng và cũng là để khẳng định một đường hướng cởi mở và tích cực không thể đảo ngược đối với Đảng cũng như đối với Đạo. Bởi vì sau 10 năm, trắng đen đã rõ ràng, không ai còn có thể mập mờ. Ông nói: “Nếu ai xuyên tạc rằng linh mục - tu sĩ tham gia phong trào yêu nước là “làm chính trị”, là “trái với đạo”, là “gây chia rẽ” thì người đó chưa gần bó với dân tộc, chưa thể hiện đường hướng đã vạch ra như trong Thư Chung của các Giám mục Việt Nam, là “*sống Phúc âm giữa lòng dân tộc*”.⁽¹⁾

1 Trích bài phát biểu tại Đại hội tổng kết 10 năm...(tłđđ, trang 16).

Trong buổi tiếp các Giám mục Việt Nam hôm 28-5-1987, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã không nói điều gì đặc biệt, nhưng buổi tiếp này có một ý nghĩa rất lớn. Bởi vì từ trước cho tới đó, chỉ có những cuộc tiếp xúc giữa chính quyền hay Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với chức sắc tôn giáo; đây là lần đầu tiên Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức tiếp các Giám mục Việt Nam; và sau đó, ở các địa phương, việc Bí thư Tỉnh ủy, hay Huyện ủy tiếp các giám mục, linh mục đã trở thành chuyện thông thường và bình thường.

Tại Đại hội Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP. Hồ Chí Minh tháng 11-1993, Cố vấn Nguyễn Văn Linh đã phát biểu với tất cả tấm lòng của một vị lão thành cách mạng. Người ta thấy là tuy không còn trực tiếp nắm quyền điều hành đất nước, ông vẫn rất quan tâm tới các vấn đề của Công giáo; việc bổ nhiệm Giám quản Tông tòa tại TP. Hồ Chí Minh (từ tháng 8-1993) đang là vấn đề nóng hổi, đã được ông Cố vấn đề cập tới và chỉ ra hướng giải quyết như đã giải quyết vấn đề giám quản Tông tòa cho Tổng giáo phận Hà Nội năm 1990.⁽¹⁾ Đặc biệt là người ta có cảm tưởng rằng bài phát biểu của Cố vấn Nguyễn Văn Linh, hôm 11-11-1993 tại Đại hội Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP. Hồ Chí Minh là những lời dặn dò cuối cùng đầy tâm huyết. Ông nói: “Với kinh nghiệm của một người suốt 50 năm qua đi làm cách mạng để phục vụ dân tộc, tôi có thể nói với quý vị rằng: điều mà Đảng và Nhà nước ta quan tâm là chủ quyền quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an ninh; điều mà Đảng và Nhà nước ta tìm cách ngăn chặn không phải là tôn giáo và phát triển tôn giáo, mà là việc lợi dụng tôn giáo cho những ý đồ chính trị; vì vậy quý vị cứ hoạt động tôn giáo một cách thật sự rõ ràng, thật sự trong sáng...”⁽²⁾

Ông Nguyễn Văn Linh là một nhà cách mạng có tầm cỡ. Hầu như mọi người và mọi giới đều nhìn nhận công lao to lớn của ông, nhất là trong công cuộc đổi mới, đem đất nước đi lên.

Trong sổ tang, Hòa thượng Thích Minh Châu, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, viết: “*Cùng với nhân dân cả nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam vô cùng thương tiếc cụ nguyên*

1 Xem bài phát biểu tại Đại hội Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP. Hồ Chí Minh (tłdd, trang 4).

2 Trích bài phát biểu tại Đại hội Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP. Hồ Chí Minh (tłdd, trang 5).

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh, một tấm gương lãnh đạo với đạo đức và trí tuệ cao vời, đã đóng góp lớn cho sự nghiệp của Tổ quốc”.

Đức Tổng Giám mục Phạm Minh Mẫn viết: “*Vô cùng thương tiếc cụ Nguyễn Văn Linh, người đã góp phần to lớn vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước”.*

Linh mục Thiện Cẩm, Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP. Hồ Chí Minh cũng viết: “*Vô cùng thương tiếc ông Mười Cúc, linh hồn của công cuộc đổi mới, đã đưa thành phố và đất nước vào một thời đại tốt đẹp như chưa bao giờ thấy...”.*

Ông Nguyễn Văn Linh còn có công lớn trong việc tạo điều kiện cho đồng bào có tôn giáo hòa nhập được vào cuộc sống của toàn dân, làm cho khối đại đoàn kết ngày càng vững mạnh, tiền đề của mọi thắng lợi. Thực ra, kết quả đổi mới trong kinh tế thì dễ nhận thấy và dễ đo lường hơn là kết quả đổi mới về tư duy và nhận thức. Hơn nữa sự chuyển biến của một tình hình thường do nhiều tác động. Sự tác động của ông Nguyễn Văn Linh trên sự chuyển biến của giới Công giáo ở Việt Nam, theo như tôi biết là rất lớn.

Dòng tưởng niệm

THÍCH TRÍ QUẢNG⁽¹⁾

Cụ Nguyễn Văn Linh, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, từ giã chúng ta đến nay vừa tròn một năm. Chúng tôi còn như thấy đâu đây hình ảnh thân thương của cụ trong dịp đến viếng tang cố Hòa thượng Thích Thiện Hào, Trưởng ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh. Đặc biệt chúng tôi còn ghi nhớ mãi những lời phát biểu chí tình của cụ lúc bấy giờ trên cương vị Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, trong buổi tiếp phái đoàn Giáo hội Phật giáo Việt Nam đến thăm chiều 24-2-1983, do Hòa thượng Thích Trí Thủ, Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ 1 dẫn đầu. Cụ đã nói:

“Đảng là của chúng ta và Đạo Phật cũng là của chúng ta”

(Lược ghi bài phát biểu của ông Nguyễn Văn Linh, Bí thư Thành ủy, trong buổi tiếp phái đoàn Giáo hội đến thăm chiều 24-2-1983)

“Hôm nay, tôi hết sức cảm động được gặp lại quý vị nơi đây. Tôi luôn luôn vẫn nhớ lời nói hồi đó với Hòa thượng Chủ tịch mà Ngài vừa nhắc lại là:

1 Thích Trí Quảng (sinh năm 1938), Hòa thượng, ông được Giáo hội Phật giáo Việt Nam lần lượt suy cử làm Trưởng ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh, Tổng Biên tập Báo Giác Ngộ, Trưởng ban Hoàng Pháp Trung Ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng Ban Phật giáo Quốc tế, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

“Đối với chúng ta, có thể mạnh dạn nói rằng, Đảng Cộng sản là Đảng của người Việt Nam chúng ta và đạo Phật cũng là đạo của chúng ta!”. Lúc đó việc thống nhất Phật giáo trong cả nước mới là một ước muốn chân thành, từ đó chúng ta cùng nhau bàn bạc để đi đến việc thực hiện. Ngày này, việc đó đã thành công rực rỡ. Hôm nay tôi xin kính chúc thành công đó của đạo Phật cũng như của mọi người Việt Nam chúng ta.

Tôi hết sức cảm xúc khi theo dõi hội nghị trong mấy ngày qua, được nghe Hòa thượng Thích Trí Thủ nói là trong năm 1982 vừa qua tuy là năm hoạt động đầu tiên của Giáo hội, nhưng cũng đã đạt được nhiều thành tích rực rỡ. Nhất là khi Hòa thượng nói rằng những thắng lợi đó là do sự biểu dương của ba mối hòa hợp: trong nội bộ, giữa Giáo hội với dân tộc, và giữa Giáo hội với chủ nghĩa xã hội.

Về sự hòa hợp trong nội bộ Giáo hội thì tôi nghĩ đó là một điều tất nhiên vì Giáo hội thể hiện sự đoàn kết và thống nhất mọi hệ phái. Về sự hòa hợp giữa Phật giáo và dân tộc, tôi cũng cho là điều tất nhiên, vì lịch sử đã chứng minh Phật giáo luôn luôn gắn bó với dân tộc trong những lúc hưng thịnh cũng như lúc suy vong. Quá khứ đã như vậy thì ngày nay cũng như trong tương lai càng tất nhiên sẽ như vậy. Còn riêng về sự hòa hợp giữa Phật giáo với chủ nghĩa xã hội thì đây quả là một điều hết sức đáng vui mừng.

Đối với tôi cũng như đối với mọi người cộng sản thì sự hòa hợp trên đây là một ước muốn rất chân thành. Vì muốn đưa dân tộc đến chỗ hạnh phúc, no ấm nên người cộng sản chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội, diệt bỏ những bất công trong xã hội với sự chung sức chung lòng của mọi người, mọi giới trong đó có Phật giáo. Cho nên tôi rất tán thành lời Hòa thượng Thích Trí Thủ đã nói trong lời khai mạc hội nghị là lý tưởng cộng sản đã gỡ gỡ giáo lý đạo Phật ở chỗ cùng mong muốn cứu khổ, ở chỗ mong muốn làm sao tạo cho mọi người được an vui, hạnh phúc.

Nhờ lại kỷ niệm hoạt động thời trai trẻ của tôi trước kia, trong lúc tìm đường chống Pháp, anh em bạn bè tôi đã có người tìm đến nghiên cứu đạo Phật để mong tìm một giải pháp. Qua đó thấy rằng Phật giáo cũng là một hướng hành động với lý tưởng đúng. Sau đó, dù đi theo chủ nghĩa cộng sản nhưng chúng tôi vẫn giữ một cảm tình nồng hậu với Phật giáo, vì thấy rằng Phật giáo luôn gắn bó với dân tộc qua nhiều thời kỳ lịch sử. Trong chiến đấu



Đại biểu Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ II chụp hình lưu niệm với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh vào 28-10-1987. Nguồn: Internet.

chống Pháp, chống Mỹ, nhiều vị lãnh đạo của chúng ta cũng như ngay cả bản thân tôi cũng được các thầy giúp đỡ nhiều trong những lúc khó khăn. Cho nên, người cộng sản xem sự hòa hợp thứ ba trên đây giữa Phật giáo với chủ nghĩa xã hội là một ước mơ hết sức chân thành.

Riêng tôi thì không chỉ coi đó là một ước mơ thôi, mà tôi còn coi đó là một điều tất yếu nữa. Tôi tin chắc là hai bên sẽ nắm chặt tay nhau cùng đi lên chủ nghĩa xã hội để xây dựng một nước Việt Nam độc lập và tiến bộ. Tôi nghĩ rằng không phải chỉ mình tôi tin tưởng như thế, mà tôi tin là tất cả những người đang có mặt ở đây cũng đều nghĩ như tôi là: những người Việt Nam theo đạo Phật sẽ cùng chung sức với những người Việt Nam khác đoàn kết đi lên để xây dựng một Niết Bàn ngay cho cõi thế này”.

Để kết thúc, tôi xin được vui mừng nhắc lại một lần nữa: đạo Phật là đạo của chúng ta!”.

Ghi lại những lời chí tình này của cụ Nguyễn Văn Linh, một vị lãnh đạo lớn của Đảng, đối với Phật giáo chúng tôi, còn ghi lại trân trọng trên trang báo Giác Ngộ, chúng tôi hằng lưu giữ như một kỷ niệm quý báu khó quên.

17-4-1999

Người bạn lớn của trí thức thành phố

LÝ CHÁNH TRUNG⁽¹⁾

Tôi biết rất ít về anh Nguyễn Văn Linh.

Từ ngày miền Nam giải phóng cho tới khi anh qua đời, tôi chỉ gặp anh trong những buổi họp và được tiếp xúc riêng với anh có ba lần. Về sự nghiệp chính trị của anh, tôi chỉ biết những gì mọi người đều biết. Mọi quan hệ giữa anh và tôi chưa có cơ hội vượt qua mức sơ giao.

Dẫu vậy, có một điều tôi biết về anh - và biết chắc: anh là người bạn lớn của giới trí thức nói chung, của anh em trí thức Sài Gòn nói riêng, một người bạn chân thành, tận tụy và rộng lượng. Tôi cảm nhận sâu sắc điều này qua những lần gặp gỡ đầy ấn tượng và qua một số hành động của anh mà tôi được chứng kiến.

Tôi thấy cần nói lên đây cảm nhận đó để tưởng nhớ anh, người đã có vai trò quyết định trong cuộc đổi mới chế độ và đất nước này vào một thời điểm ngặt nghèo nhất của lịch sử.

Lần đầu tôi thấy anh là trên màn ảnh nhỏ của Đài Truyền hình thành phố, khi anh đăng đàn giới thiệu Bản Đề cương báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trước Đại hội IV, khoảng cuối năm 1976.

1 Lý Chánh Trung: sinh năm 1928, Giáo sư, nguyên là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam TP. Hồ Chí Minh và Đại biểu Quốc Hội ba khóa VI, VII, VIII.

Anh trông còn rất trẻ, dáng điệu thư thái ung dung, nói năng chậm rãi nhỏ nhẹ và thường dùng từ ngữ bình dân Nam bộ. Anh kêu gọi đồng bào hãy đọc kỹ bản Đề cương vừa công bố và mạnh dạn góp ý với Đảng, cho Đảng biết “cái gì mình thấy Đảng nói đúng, cái gì thấy Đảng nói trật”, tôi cứ nhớ hoài hai chữ “đúng trật”.

Lời kêu gọi đơn sơ đượm vẻ chân thành này rất lạ tai đối với dân Sài Gòn và tối thiểu chắc cũng gây được nơi người nghe một cảm giác thoải mái và một độ tin cậy nào đó đối với người kêu gọi. Tôi không biết sự hưởng ứng của bà con các giới khác ra sao, nhưng tại trường Đại học Văn khoa, nơi tôi được cử làm “Phó ban phụ trách” sau ngày 30-4, anh em đã thảo luận sôi nổi về bản Đề cương và thẳng thắn góp ý với Đảng, không chút e ngại.

Tôi còn giữ một bản góp ý của tổ 1, được đánh máy thành 2 bản rất đẹp, có chữ ký của tổ trước một bản gửi lên cấp trên, một bản làm tư liệu. Đọc lại bản góp ý này 23 năm sau, tôi giật mình không chỉ vì sự mạnh dạn mà còn vì sự đúng đắn của các ý kiến. Chẳng hạn trong mục “Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân”, anh em đã “hiển kể” như sau:

“Để cho sự kiểm soát của nhân dân đối với chính quyền được hữu hiệu hơn, đề nghị:

1. Không nên kiêm nhiệm các chức vụ lãnh đạo.
2. Tăng cường vai trò của các Hội đồng dân cư và các đoàn thể.
3. Tăng cường chức năng phản ánh dư luận quần chúng của báo chí.
4. Công khai hóa những hoạt động nào xét không cần giữ bí mật.
5. Các ban Thanh tra nên chủ động tìm hiểu tình hình tại các cơ quan chính quyền.
6. Bảo đảm các quyền tự do căn bản của công dân, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa bằng những bộ luật hoàn bị.

Rõ ràng một bộ phận đáng kể của giới trí thức thành phố đã hưởng ứng tích cực lời kêu gọi của ông Bí thư Thành ủy, đã góp ý với Đảng một cách nghiêm túc và có chiều sâu, chỉ hơn một năm sống với chính quyền cách mạng.

Muốn lý giải đầy đủ thái độ tích cực đó, phải nhớ lại những sự kiện có liên hệ tới giới trí thức đã tuần tự diễn ra tại thành phố này, khi đại bộ phận anh em đã bắt đầu yên tâm đôi chút về các vấn đề việc làm, lương hướng, học tập cải tạo.

Trước hết, ngay trong tháng 6 hoặc tháng 7 năm 1976, hai tờ báo tư nhân đã xuất hiện: *Tin Sáng* và *Đứng Dậy* (Đối Diện trước ngày 30-4). Đây là hai tờ báo có lập trường đối lập dứt khoát rõ ràng nhất dưới chế độ cũ, đã gánh chịu nhiều hoạn nạn và đã giành được cảm tình của giới trí thức và sinh viên học sinh. Sau đó ít lâu, lại có thêm hai tờ báo khác mang màu sắc tôn giáo: *Giác Ngộ* và *Công giáo và Dân tộc*. Các sạp báo rộn rịp trở lại, thành phố vui hơn, dân có học vốn ghiền đọc báo cảm thấy một nhu cầu cần bản của họ đã được chính quyền cách mạng quan tâm đáp ứng theo chiều hướng cởi mở rộng rãi.

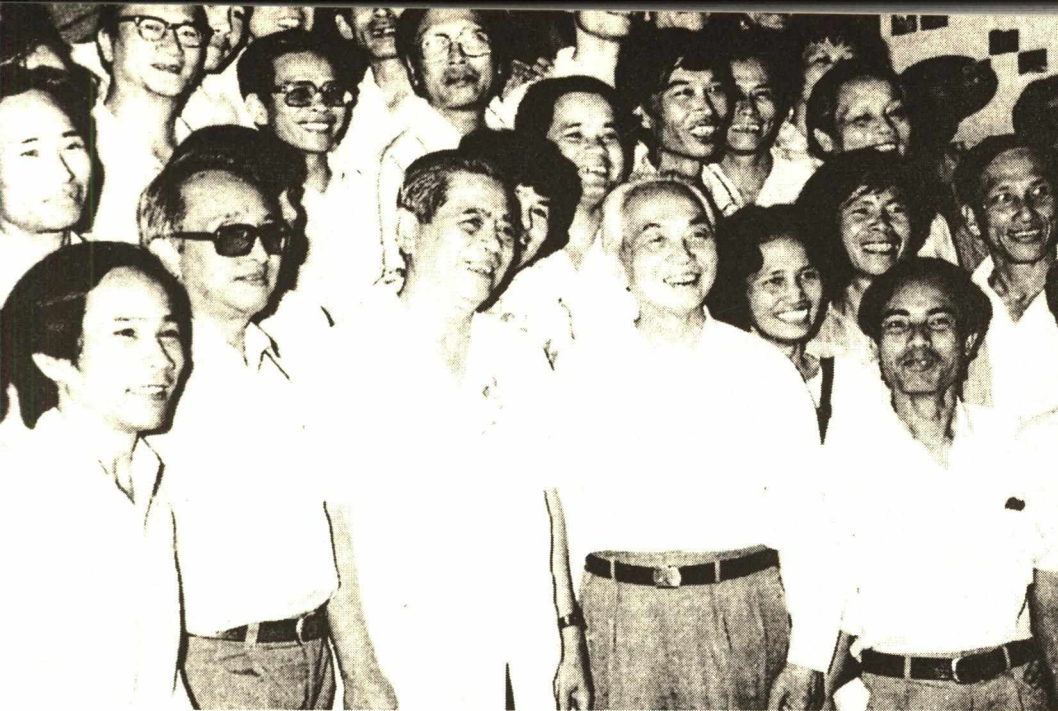
Kể đến, ngày 10-8-1975, Hội trí thức yêu nước mở Đại hội đại biểu lần thứ nhất tại Nhà hát lớn - mới 3 tháng trước đó còn là trụ sở của Hạ nghị viện - với sự tham dự của 500 trí thức tiêu biểu cho các ngành nghề, hầu hết là anh em "tại chỗ"⁽¹⁾. Sau một ngày làm việc, Đại hội đã thông qua bản Điều lệ và danh sách Ban Chấp hành gồm 30 vị, do Giáo sư Lê Văn Thới, nguyên Viện trưởng Viện Đại học Sài Gòn và nguyên Tổng cục trưởng Nguyên tử lực cuộc của Việt Nam cộng hòa làm Chủ tịch. Trong hàng Phó Chủ tịch và Ủy viên, có những trí thức hàng đầu tên tuổi như các anh Phạm Biểu Tâm, Hồ Đắc Ân, Trần Văn Du, Lâm Văn Vàng, Trần Ngọc Liễng, Phạm Hoàng Hộ, Trần Kim Thạch, Nguyễn Quang Nhạc, v.v...

Hội Trí thức bắt đầu hoạt động ngay và hoạt động đều đặn, sôi nổi, đôi khi rầm rộ, thu hút đông đảo anh em trong giới. Chỉ vài tháng sau, Hội đã có tờ báo của mình, tờ *Khoa học phổ thông*, cũng là một tờ báo cũ do anh Lâm Văn Vàng sáng lập từ thời Pháp thuộc! Dấu cho hai chữ "yêu nước" có bị một số người châm biếm lúc đầu, Hội vẫn là một chỗ dựa đáng tin cậy của anh em và một nhịp cầu giữa anh em và trí thức cách mạng.

Sự kiện thứ ba là tháng 4 năm 1976, trong cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội lần đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất, có 17 ứng cử viên thuộc thành phần trí thức (cách mạng và tại chỗ), đã đắc cử trong số 35 đại biểu của thành phố, chiếm tỷ lệ gần 50%.

Ba sự kiện nói trên, trong một thành phố còn ngổn ngang trăm mối và phải chạy gạo từng ngày, cho thấy mối quan tâm và lòng tin cậy của ban lãnh đạo đối với giới trí thức. Anh em chắc chắn đã cảm nhận điều ấy và đã đáp lại xứng đáng.

1 Tức anh em đã làm việc dưới chế độ cũ, để phân biệt với các trí thức do miền Bắc chi viện (được gọi là "trí thức A") và trí thức từ các chiến khu về ("trí thức R").



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp với các đại biểu dự Đại hội đại biểu lần thứ hai Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam tại Hà Nội, ngày 12-5-1988. Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

Cũng nên nhắc lại một sự kiện nhỏ nhưng mang một ý nghĩa tượng trưng quan trọng là cuối năm 1976, khi Đảng bộ thành phố mở Đại hội đại biểu đầu tiên, hai anh Lê Văn Thới, Trần Ngọc Liêng và tôi được mời tham dự cả ngày khai mạc với tư cách đại diện cho giới trí thức, và tôi được mời phát biểu. Đó là lần đầu tôi gặp anh Nguyễn Văn Linh.

Những sự kiện nói trên càng có ý nghĩa hơn, khi về sau tôi được biết đó là những “sự lạ” hoàn toàn độc đáo.

Lần đầu tiên, tôi gặp anh Linh trong một buổi họp ít người là tại Vũng Tàu vào đầu năm 1977, khi một số anh em trong Ban Chấp hành Hội trí thức đến chào anh, lúc ấy mới vào Bộ Chính trị.

Câu chuyện xã giao chuyển dần sang chuyện thời sự và chúng tôi đã nói với anh những điều mắt thấy tai nghe mà phần lớn là những điều không vui, những điều lúc ấy còn được gọi chung chung là những “hiện tượng

tiêu cực”. Người nói sau cùng, thẳng thắn và sôi nổi nhất, là Châu Tâm Luân, tiến sĩ nông học tốt nghiệp tại Hoa Kỳ, Phó Chủ tịch Hội.

Anh ngồi trầm ngâm nghe anh em phát biểu và đã trả lời trực tiếp với Châu Tâm Luân như sau: “Trước giải phóng, anh đã đấu tranh rất dũng cảm chống Mỹ Thiệu, đòi hòa bình, độc lập, thống nhất cho dân tộc Việt Nam và chúng đã bỏ tù anh. Lúc ấy chúng tôi trong rừng coi anh là người “Cộng sản ngoài Đảng”, communiste sans parti. Bây giờ ta đã có hòa bình, độc lập, thống nhất, và chế độ này là của anh. Nếu nó có gì sai trái thì chính anh phải đấu tranh chống những sai trái đó, tất nhiên là với một tinh thần khác và những phương thức khác, vì đây là đấu tranh giữa anh em một nhà”.

Anh ngừng giây lát rồi cười cười nói tiếp: “Hề đấu tranh là có hiểm nguy, dù là giữa anh em một nhà và phải dũng cảm mới được. Nếu rủi ro anh có bị bỏ tù thì tôi sẽ xách cơm đi nuôi anh!”.

Đúng mười năm sau, lúc khởi đầu cuộc đổi mới sau Đại hội VI, anh đã nói với anh em văn nghệ sĩ sau khi đã ngồi nghe anh em phát biểu hai ngày:

“Mình phải chặt chẽ với mình, khi thấy mình đúng, có ý thức xây dựng thì phải kiên quyết bảo vệ chân lý, phải dũng cảm... Tôi nghĩ, dù thế nào, các đồng chí cũng không nên uốn cong ngòi bút của mình. Cần luôn luôn ghi nhớ câu của Bác Hồ: “Nay ở trong thơ nên có thép”. Có thép, tôi hiểu là có tinh thần cách mạng”.

Đọc bài nói của anh trên báo Tuổi Trẻ ngày 15-10-1987, tôi nhớ ngay tứ câu trả lời của anh cho Châu Tâm Luân tại Vũng Tàu, cũng là câu trả lời chung cho tất cả chúng tôi hôm ấy.... và tôi thầm cảm ơn anh.

Anh Nguyễn Văn Linh không chỉ quan tâm đến số phận anh em trí thức trong buổi giao thời, mong muốn tạo điều kiện cho anh em sống thoải mái hầu đóng góp nhiều hơn, tốt hơn cho đất nước về mặt chuyên môn, anh còn thiết tha mong muốn anh em trọn vẹn là người trí thức, những người có suy nghĩ độc lập, có khả năng tìm tòi sự thật và có can đảm bảo vệ sự thật, trong khoa học cũng như trong các lĩnh vực khác, đặc biệt lĩnh vực chính trị. Anh là người bạn lớn của anh em trí thức vậy.

14-4-1999

Noi gương anh

TRẦN TRỌNG TÂN⁽¹⁾

Tôi được gặp đồng chí Nguyễn Văn Linh lần đầu tiên vào tháng 8-1961, tại căn cứ bí mật Mã Đà nay thuộc khu vực Nhà máy Thủy điện Trị An. Lúc đó đã được nghe anh chị em nói đến anh với lòng tin yêu quý trọng là “Ông già căn cơ”, tức là một đồng chí lãnh đạo vững vàng, luôn nắm chắc những vấn đề căn cơ của cách mạng.

Sau này làm việc với anh tôi cũng thường được nghe anh nói nhiều về những điều đúng là rất căn cơ.

Về công tác dân vận, anh bảo, cán bộ đảng viên cần có ý thức giành từng người dân về với Đảng, nắm vững bài học về năm bước công tác cách mạng: điều tra, tuyên truyền, huấn luyện, tổ chức và hướng dẫn quần chúng đấu tranh.

Về lãnh đạo của Đảng, anh nhắc phải: điều tra, nghiên cứu, phân tích, tổng kết kinh nghiệm, phổ biến kinh nghiệm.

Về công tác tổ chức của Đảng, anh dặn phải quản lý tốt, giáo dục kỹ, bố trí lực lượng Đảng có trọng tâm, sử dụng đúng người đúng việc, đề bạt căn chú ý về đạo đức và khả năng đảm trách.

1 Ông Trần Trọng Tân (1926-2014), nguyên là Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Phó bí thư Thường trực Thành ủy TP. Hồ Chí Minh. Ông được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất, cùng nhiều huân chương khác.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh về thăm Trị An năm 1987. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

Anh thường nói tắt cho cán bộ dễ nhớ như:

ĐIỀU - NGHIÊN - PHÂN - TỔNG - PHỔ
QUẢN - GIÁO - BỐ - SỬ - ĐỀ

Trong những năm tháng hoạt động bí mật ở nội thành Sài Gòn, tôi nhớ những điều anh dặn: Nắm tình hình phải rất cụ thể rồi phải phân tích cụ thể, giải quyết cụ thể. Nhận định thái độ chính trị của một người phải xem xét tình huống cụ thể, nguyên nhân cụ thể, tìm cách giành từng người về với cách mạng. Tránh nhận định chung chung, tránh đẩy người ta xa cách mạng. Phải coi những gia đình có con em bị bắt đi lính cho địch là gia đình đau khổ. Đưa quần chúng ra đấu tranh thì bên cạnh khẩu hiệu chính trị, phải có khẩu hiệu đòi quyền lợi dân sinh dân chủ thiết thực. Dân đang phải sống dưới ách kềm kẹp của địch, cho nên khi hướng dẫn quần chúng đấu tranh cũng như khi tập hợp bà con vào tổ chức cách mạng, phải giữ thể hợp pháp, coi thể hợp pháp là cái khiến cho quần chúng tự bảo vệ chống địch đàn áp, khủng bố.

Anh chú ý lắng nghe các ý kiến của dân, của cán bộ hoạt động ở cơ sở, cán bộ bám trụ chiến trường.

Sau ngày miền Nam được giải phóng, tình hình kinh tế và đời sống nhân dân khó khăn, anh có lắm ưu tư: Tại sao xã viên các hợp tác xã ở miền Bắc sống chủ yếu bằng đất riêng 5%, còn 95% đất đưa vào hợp tác xã lại không nâng được đời sống nông dân lên? Tại sao TP. Hồ Chí Minh với cơ ngơi thế này mà không đủ sức tự nuôi được mình?

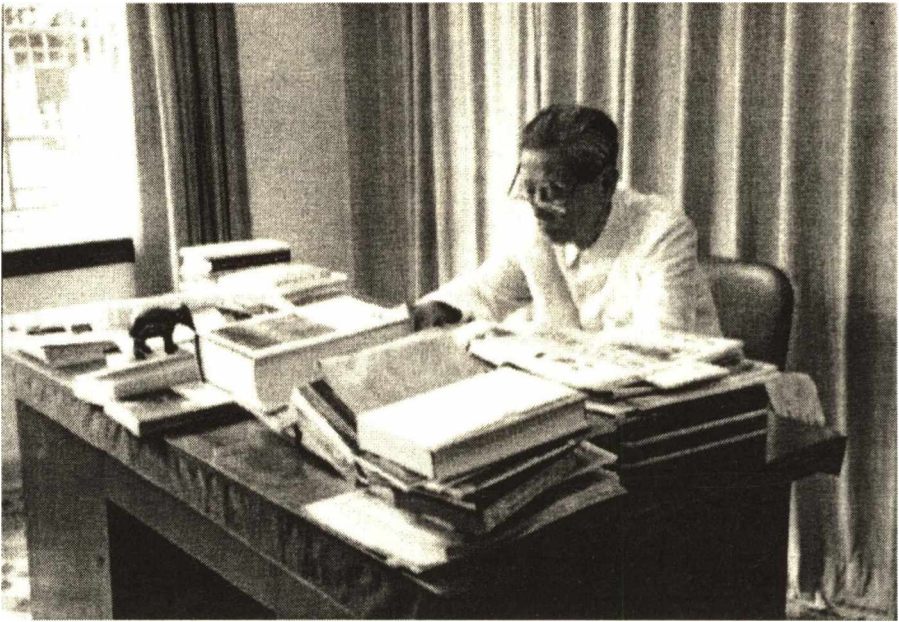
Thế rồi từ những nhận thức căn cơ vốn có, anh đến với người công nhân, nông dân, trí thức, với cán bộ cơ sở, cán bộ quản lý xí nghiệp, tìm hiểu, chỉ đạo một vài nơi làm thử.

Từ đó anh trình bày với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt ở Trung ương và đề nghị sửa đổi chủ trương, chính sách cho phù hợp. Bước đầu, anh góp sức vào công cuộc đổi mới bằng cách như vậy.

Trong Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI, mở đầu công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, khi trình bày bản báo cáo chính trị, có nêu bài học đầu tiên là “phải lấy dân làm gốc”. Đó là quan điểm cơ bản của Đảng, và cũng là điều căn cơ được anh tâm niệm từ lâu. Anh kêu gọi cán bộ, đảng viên phải sát thực tế, bám sát đời sống của dân và báo cáo trung thực với Đảng, đừng vì ham khen mà báo cáo dối. Anh dặn dò cán bộ lãnh đạo các cấp phải biết lắng nghe dân, nghe cán bộ cơ sở, biết động lòng trước những yêu cầu bức xúc của dân để khẩn trương giải quyết “những việc cần làm ngay”.

Suy nghĩ của anh về đổi mới là làm sao cho sản xuất phát triển? Làm sao cho dân được tự do làm ăn sinh sống? Làm sao cho Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh hết lòng lo cho dân? Làm sao giữ vững độc lập chủ quyền và định hướng xã hội chủ nghĩa?

Lúc anh là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, anh thường nói, sinh thời Bác Hồ luôn luôn nêu cao vai trò của tập thể, gắn mình với tập thể. Ngày nay, người lãnh đạo cao nhất của Đảng có trội hơn cũng chỉ chút ít, nên càng phải lo phát huy trí tuệ tập thể. Anh bảo báo chí đừng tuyên truyền nhiều về cá nhân anh. Báo chí cần nêu cho được nhiều gương người tốt, việc tốt, trong các tầng lớp nhân dân, trong các lực lượng vũ trang, trong cán bộ đảng viên.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh tại nhà riêng. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

Anh thường đôn đốc việc tự phê bình và phê bình trong Đảng. Trong nhiệm kỳ làm Tổng Bí thư, anh đã tổ chức được việc kiểm điểm cá nhân từ Tổng Bí thư đến từng Ủy viên trong Bộ Chính trị, rồi tranh thủ sự đóng góp ý kiến của các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương. Nội dung kiểm điểm không chỉ trong công tác lãnh đạo mà cả về ý thức tổ chức kỷ luật, về giữ gìn đạo đức, lối sống.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh của chúng ta đã đi xa. Viết về anh, tôi chỉ mong góp được vài nét nhỏ vào bức chân dung lớn, chân dung của một vị lãnh tụ của Đảng đã trải qua nhiều năm hoạt động bí mật đầy khó khăn gian khổ, chịu đựng cảnh tù đầy, sống giữa mưa bom bão đạn, cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp cứu nước, cứu dân, chân dung một con người đã để lại cho chúng ta tấm gương về một cuộc sống đẹp, rất đẹp.

Người lãnh đạo chí tình chí nghĩa

BÙI THỊ MÈ⁽¹⁾

Tôi biết đồng chí Nguyễn Văn Linh (xin được gọi là anh Mười với tất cả lòng kính mến anh) năm 1964 khi tôi từ miền Tây Nam bộ được điều về R. Tôi được phân công về cơ quan tuyên truyền đối ngoại trong Ban Tuyên huấn Trung ương Cục mà anh Mười trực tiếp lãnh đạo.

Tuy anh không thường trực ở Ban Tuyên huấn, nhưng anh thường đến dự các cuộc họp để chỉ đạo hay làm việc với các đồng chí trong Ban. Anh rất quan tâm đến cán bộ. Biết tôi từ miền Tây lên, bỡ ngỡ với môi trường mới, gặp tôi anh hỏi thăm hoàn cảnh gia đình và động viên tôi an tâm.

Không phải chỉ riêng tôi, anh Mười rất quan tâm đến anh chị em trí thức về các mặt: bồi dưỡng chính trị, quan tâm đến đời sống và công tác của anh chị em với tất cả chân tình. Trong Mặt trận Dân tộc Giải phóng, anh Mười đối với các ủy viên rất bình đẳng, rất chân tình. Anh lắng nghe ý kiến của mọi người, quan tâm đến sinh hoạt, nơi ăn chốn ở, lo chỉ đạo vấn đề bảo vệ an toàn. Năm Liên minh các lực lượng dân chủ và hòa bình được hình thành, các thành viên thoát ly vào R, anh Mười quan tâm đặc biệt vì các vị chưa quen với cuộc sống gian khổ ở chiến khu, chế độ chính sách đối với anh chị em, anh đặc biệt chú ý: được sư Phạm Thị Yên được

1 Bùi Thị Mè (1921-2014): Bà mẹ Việt Nam anh hùng, nguyên là Ủy viên Ban chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ Giải phóng miền Nam Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Y tế Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Phó chủ tịch Hội chữ thập đỏ TP. Hồ Chí Minh.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh chăm sóc cây cảnh tại gia đình.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

điều về cơ quan Liên minh để lo cho anh chị em, sợ anh em thanh niên không thông cảm hết các vị.

Không chỉ lo đời sống, sự an toàn mà anh Mười còn quan tâm bồi dưỡng chính trị cho anh chị em: anh cho mở lớp chính trị Marx - Lenin riêng cho anh chị em trong Liên minh và cán bộ trực thuộc. Các đồng chí giảng viên của trường Đảng sang giảng và chính anh Mười cũng đến giảng một số bài. Anh chị em tự do thảo luận, phát biểu ý kiến, anh Mười nghe rồi vui vẻ giải đáp.

Tinh thần bình đẳng, dân chủ, tôn trọng ý kiến của mọi người, anh Mười thể hiện chính sách của Đảng nhẹ nhàng mà sâu sắc. Tuy chưa quen với môi trường mới: gian khổ, thiếu thốn, nhưng trong Liên minh không ai than phiền vì yêu cầu của anh chị em đều được đáp ứng. Anh Mười thường dặn dò anh em bảo vệ, cận vệ phải thông cảm các vị chưa quen thiếu thốn, gian khổ nhưng đã vì nước dân thân, các đồng chí nên thông cảm mà phục vụ chu đáo.

Tình cảm của anh Mười, một đồng chí lãnh đạo vừa chu đáo vừa chân tình đã động viên anh chị em luôn tin tưởng vào Đảng.

Theo dõi phong trào đấu tranh của trí thức, sinh viên, báo chí ở thành phố thấy có nhiều hình thức đấu tranh phong phú, anh rất mừng. Theo dõi báo chí, lúc Bác Hồ mất, Lý Chánh Trung có viết một bài về Bác, anh gặp tôi, biết quan hệ của tôi với Lý Chánh Trung, anh Mười khen: bài viết rất tốt, khéo.

Trong chiến tranh, gian khổ, khó khăn anh luôn bận rộn. Lúc hòa bình lập lại, anh Mười càng nặng oằn vai vì những nỗi lo âu: thắng lợi nhanh, chúng ta chưa kịp chuẩn bị cho cán bộ nắm chính quyền. Trung ương chỉ viện cán bộ phải bồi dưỡng về thực tế miền Nam. Lý thuyết với thực tiễn phải quện vào nhau. Có nơi bản đàn còn lạc điệu. Anh Mười, suốt hai cuộc chiến tranh hoạt động ở Nam bộ tìm hòa nhịp đập với nhân dân Nam bộ. Thông hiểu nhân dân, anh rất quan tâm đến những lệch lạc trong áp dụng chính sách và quyết tâm sửa chữa những sai sót.

Những ngày đầu sau giải phóng, không biết từ đâu mà có ý kiến không để chị em nữ tu làm việc ở cơ quan y tế xã hội công cộng. Trao đổi ý kiến không xong, đấu tranh không được, tôi hết sức băn khoăn làm sao phải đảm bảo thực hiện chính sách 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, tôi xin gặp anh. Tôi trình bày, anh cho rằng tôi đúng và dặn tôi trở về bảo ngưng ngay việc làm sai trái đó. Tôi xin anh Mười chỉ thị chờ tôi nói sợ anh em cho là hữu khuynh. Anh Mười bảo tôi sẽ chỉ thị, và còn nhắc tôi thấy nơi nào còn tiếp tục làm sai thì điện thoại cho anh. Anh hỏi: “Người ta tình nguyện phục vụ, sao lại không cho?”

Anh Mười rất thẳng thắn khi nói chuyện với cán bộ. Anh không thích tô hồng, mà nêu rõ đúng mức những gì làm được cả những khuyết nhược

điểm ở từng nơi để tránh trước. Chân tình của anh không tránh khỏi có người phản ứng do hẹp hòi, định kiến lệch lạc.

Trong suốt cuộc cách mạng, vào tù ra khám, gian khổ biết bao, anh đều vượt cả, hòa bình lập lại, công việc nặng trĩu hai vai, nhưng đâu phải thuyền anh xuôi dòng! Rồi cũng gặp sóng gió, anh bình tâm, vững tay chèo, đưa thuyền cập bến. Vàng ròng qua lửa vẫn vàng ròng. Đối với miền Nam, đối với thành phố, anh Mười ở trong tim mọi người. Thoát nạn ăn bo bo, gạo mốc, lương thực cho dân, lưu thông phân phối, tiếp tục chất lọc, phát huy từng kinh nghiệm đã có, anh Mười cùng với anh em lãnh đạo âm thầm làm thí điểm: công ty lương thực ra đời, mạng lưới phân phối: phụ nữ đảm nhận. Có người phê phán phụ nữ đá lộn sắn, đánh lộn sòng? Nhưng rồi cái được cho dân, cái mới của lãnh đạo: vì đâu mà có sáng kiến?

Anh Mười với anh Sáu Dân (Võ Văn Kiệt) do cái TÂM vì dân, mà từng bước đưa thành phố thoát khỏi khó khăn, vươn lên phía trước, đi đầu trong đổi mới và kể từ đó có nhiều hình thức lo cho dân thể hiện tinh nghĩa của người cách mạng.

Anh Mười rất quan tâm đến vấn đề giáo dục, nhất là giáo dục đạo đức cho lớp trẻ. Biết tôi cũng tha thiết với vấn đề này, nhiều lần anh Mười đề cập đến và trao đổi tâm tư, lo lắng, động viên tôi và anh chị em cùng chí hướng.

Tình cảm của anh Mười đối với cán bộ rất sâu sắc, anh chia sẻ niềm vui nỗi buồn với cán bộ, thông cảm hoàn cảnh của từng người.

Tết Mậu Thân, anh Mười biết ba con trai tôi hy sinh và một đứa bị thương, anh sang làm việc, hỏi thăm các cháu và sau ngày giải phóng khi về thành phố, năm nào Tết đến, tôi chưa kịp đến chúc tết anh chị, anh chị đã đến thăm chúng tôi. Cha tôi, chồng tôi mất, anh chị đến chia buồn. Anh thực hiện chính sách với cả trái tim mình, cảm động biết bao và được an ủi biết bao. Đối với tôi, đó là một niềm an ủi vô biên và cũng là một bài học sâu sắc “lãnh đạo bằng cả tấm chân tình”. Tôi không bao giờ quên được tình nghĩa đó của anh chị Mười.

Là một Bí thư Thành ủy, là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, là ủy viên Bộ Chính trị, anh Mười không bao giờ cách biệt với cán bộ, luôn luôn giữ quan hệ đối xử rất gần gũi thân tình.

Thưa Tổng Bào, Thưa Tổng chi
Thưa các vị khách quý quốc tế

Hôm nay là ngày ^{lưu giữ} kỷ niệm ^{Trần Quốc Thảo}
nhỏ bé, nhất công lao của một ^{nhiều} anh
nhiên Việt Nam trong nhiều năm qua đã chiến
đấu anh dũng, đã tham gia cuộc giải phóng
người Việt Nam Dân tộc Việt Nam
^{Tiêu} tiêu và vì đang dân nâng lên

Đám anh em Việt Nam Dân tộc Việt Nam
Rất tiếc tôi vì đang làm việc nên
không thể trực tiếp tham gia bữa lễ này.
Chỉ xin có vài lời chúc tốt đẹp để hướng việc đến tốt đẹp.

Trần Quốc Thảo

Mong rằng người dân Việt Nam sẽ ngày
càng đoàn kết, hướng yêu nhau, vì đoàn kết
thì yêu nhau, đồng lòng thì giữ, cố gắng đến
đến thì giữ ngay vì đại hòa bình.

Nguyễn Văn Linh
nguyên tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam
ngày 21-3-1997

Wish

Bút tích cuối cùng của đồng chí Nguyễn Văn Linh khi nghe tin tổ chức lễ cải táng liệt sĩ Trần Quốc Thảo⁽¹⁾

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

1 Trần Quốc Thảo (1915-1957): Năm 1954 ông làm Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, Ủy viên Trung ương Cục Miền Nam. Tháng 1957 bị địch bắt, ông đã anh dũng hy sinh trong lao tù vào ngày 16 tháng 10 năm 1957.

Về hưu, được nghỉ, nhưng anh Mười đâu có nghỉ: anh đi thực tế, dự hội nghị tổng kết, nghe báo cáo để tiếp sức với các đồng chí đương chức.

Bao nhiêu năm gian khổ hy sinh, bệnh tật tích lũy lại tấn công anh, anh vẫn phấn đấu làm việc cho đến lúc phải nằm yên một chỗ. Hôm anh bệnh nhiều, tôi đến thăm ở bệnh viện, anh Mười hỏi tôi: Chị không đi dự lễ truy điệu à? Hôm ấy là lễ truy điệu đồng chí Trần Quốc Thảo. Anh bệnh nặng thế mà vẫn còn nhớ ngày truy điệu đồng chí mình. Tình nghĩa của anh thật là sâu sắc!

Nhớ anh Mười, thương tiếc anh Mười, đốt nén hương lòng, tôi tâm nguyện trong những ngày còn lại của đời mình, học tập gương anh, sống có trách nhiệm, có tâm để xứng đáng với sự diu dặt và tin cậy của anh.

Vài mẩu chuyện kể về đồng chí tổng bí thư

Bác sĩ LÊ HỒNG QUANG

*(ghi lại, theo lời kể của các đồng chí phục vụ
Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh)*

Đồng chí Nguyễn Văn Linh, người Tổng Bí thư mà tên tuổi gắn liền với nhiệm kỳ đổi mới đầu tiên ấy trong bề bộn công việc lớn, nhỏ mà công chúng được biết, được nghe còn có những câu chuyện được anh em gần gũi trực tiếp giúp việc ghi nhớ sâu sắc trong thời gian phục vụ đồng chí Tổng Bí thư; đó là những kỷ niệm khó quên trong đời mà anh em kể lại dưới đây về đồng chí Nguyễn Văn Linh.

1. Chuyện đi chuyên cơ

Đồng chí Nguyễn Quang Lâm, nguyên Cục trưởng Cục Quản trị A thuộc Ban Tài chính Quản trị Trung ương kể rằng: “Chúng tôi rất vinh dự là trực tiếp phục vụ bác Nguyễn Văn Linh trong thời gian bác làm Tổng Bí thư của Đảng, tôi thấy bác là người rất sâu sắc và rất cụ thể, gần gũi anh em chúng tôi. Nhiều vấn đề bác hỏi để có sự chỉ đạo sát đúng, đổi mới trong phục vụ, trong quản lý, nhất là vấn đề tiết kiệm.

Từ xưa đến nay, các đồng chí lãnh đạo chúng ta đi công tác quốc tế và các địa phương theo quy định là dùng chuyên cơ (tức máy bay dành riêng phục vụ các đồng chí lãnh đạo cao cấp, nguyên thủ quốc gia như: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng chính phủ).

Bác Linh đã nhiều lần gọi tôi sang, bác hỏi: “Đi một chuyến chuyên cơ từ Nội Bài vào sân bay Tân Sơn Nhất hết bao nhiêu tiền?”

Tôi nói: “Thưa Bác với thời điểm hiện nay, một chuyến chuyên cơ Ban Tài chính Quản trị Trung ương thanh toán cho Hàng không dân dụng Việt Nam 160 triệu đồng”.

Bác Linh nói: “Máy bay đưa chúng tôi vào TP. Hồ Chí Minh rồi có chờ khách ra hay không? Hay là bay không ra?”.

Tôi nói: “Thưa Bác chuyên cơ là dành riêng cho lãnh đạo, đưa các bác đến sân bay rồi thì máy bay trở ra Hà Nội không được chờ khách”.

Bác Linh nói: “Như vậy là lãng phí lắm! Vì chúng tôi đi mỗi lần khoảng 5 người hoặc có anh em cán bộ cùng đi, tại sao không cho khách lên để đi cùng”.

Tôi nói: “Quy chế chuyên cơ Nhà nước để ra như vậy nên chúng cháu phải chấp hành”.

Bác Linh hỏi: “Đồng chí có thể cho tôi xem các chứng từ về những chuyến đi như thế được không?”.

Tôi và đồng chí Thư ký trình cho bác từ danh sách đi, kế hoạch đi cùng những chứng từ thanh toán với Hàng không dân dụng Việt Nam.

Sau một số lần bác hỏi, bác xem như thế, tôi thấy có chủ trương: “Không dùng chuyên cơ như trước mà tiết kiệm cho ngân quỹ bằng cách:

- Thuê khoang dành riêng (khoảng 5, 6 ghế).
- Mua vé cho các đồng chí còn lại cùng đi.
- Bán vé cho hành khách khác để tận dụng sức chuyên chở, vì phương tiện của ta còn khó khăn.

Lúc ấy máy bay chuyên chở chủ yếu là T.U. 134 của Liên Xô. Chấp hành ý kiến của bác Linh, chúng tôi thực hiện một số chuyến thì bác hỏi: “Thuê khoang như thế hết bao nhiêu tiền một chuyến?”. Tôi trình chứng từ cho bác xem, mỗi chuyến mất có 16 triệu thôi, giảm rất nhiều so với trước. Bác Linh nói: “Tôi đi thử một số chuyến, tôi thấy tốt. Hành khách cũng thấy lạ khi đi cùng chuyến với tôi. Nhưng tôi thấy tốt vì đi như thế tiết kiệm cho ngân sách của Đảng, của Nhà nước”.

Từ đó đến nay (từ sau Đại hội VI) các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà

nước ta đi công tác trong nước và ngoài nước đều thuê một khoang riêng. Các đồng chí cùng đi giúp việc thì mua vé. Như vậy là các đồng chí lãnh đạo cao cấp đều đi chung phương tiện với nhân dân, không có gì là khác biệt cả.

Về mặt đảm bảo bí mật, và an toàn cho các chuyến đi thì có những quy định về các chế độ kiểm soát, kiểm tra chặt chẽ do bộ phận an ninh của Bộ Nội vụ và an ninh của Hàng không dân dụng phối hợp điều hành rất tốt.

2. Chị Lưu kể về những kỷ niệm sâu sắc nhất

Chị *Nguyễn Thị Lưu* công tác ở xí nghiệp Dược phẩm I Hà Nội kể về những kỷ niệm sâu sắc nhất đối với bác Nguyễn Văn Linh và gia đình bác như sau:

- Năm 1963 lần đầu tiên tôi được gặp bác Linh, lúc đó tôi ở với dì Bảy và các em trong gia đình nên tôi gọi là dưỡng Bảy. Lần đó dưỡng Bảy ra Hà Nội họp một thời gian ngắn rồi lại trở vào Nam công tác.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng các đồng chí phục vụ trong những năm là Tổng Bí thư (1986-1991). Nguồn: Do gia đình cung cấp.



- Năm 1966 đi Bày xin cho tôi vào làm ở xí nghiệp Dược phẩm I Hà Nội. Sau một thời gian đi Bày cho các em đi sơ tán, lúc đó các em còn rất nhỏ. Thấy đi Bày vừa công tác vừa lo cho các em. Vì thương các em quá tôi định xin nghỉ việc luôn để đến chăm sóc các em. Nhân có một chuyến thư gia đình đi Bày gửi vào Nam cho bác tôi cũng viết thư vào; vô tình tôi có kể về ý định nghỉ việc của tôi trong thư. Tôi nhớ trong thư tôi có nói: “Cháu là một đứa trẻ mồ côi, nếu xa các em thì cháu thấy trở lại cảnh côi cút của mình...”

Tôi không ngờ trong thư gửi ra bác bảo: “Cháu cố gắng chăm sóc các em xong thì trở về xí nghiệp làm việc, không được nghỉ hẳn”. “Đi làm, cứng cỏi lên và phấn đấu vào Đoàn và Đảng thì khi đó cháu không thấy bơ vơ nữa đâu. Từ bây giờ trở đi Di và Dượng nhận cháu là con nuôi, cho nên cháu cứ yên tâm đi làm để hiểu biết xã hội...”. Lời động viên quý báu đó của bác đã giúp tôi trở lại làm việc và từ đó tôi phấn đấu tiến bộ dần lên.

- Năm 1968, tôi được vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng. Sự tiến bộ của tôi là nhờ sự động viên của bác giúp tôi vượt qua khó khăn, làm việc tốt và liên tục cho đến nay đã 33 năm tròn.

Sau Đại hội VI của Đảng, bác Linh làm Tổng Bí thư, mỗi lần gặp tôi bác hỏi: “Xí nghiệp đang làm gì? Công nhân thu nhập ra sao?”. Tôi thật lòng thưa với bác là xí nghiệp đang thiếu nguyên liệu nên công nhân phải nghỉ 2 ngày trong một tuần. Tôi nói thêm, hàng ế lắm, vì hàng ngoại tràn ngập thị trường lấn át hàng nội. Bác bảo tôi về lấy mẫu mã cho bác coi, xem xong bác nói: “Như thế này là không được, phải làm thế nào cải tiến để chất lượng bên trong và hình thức bên ngoài phù hợp hấp dẫn người mua mới được...”. Tôi nhớ có lần Bộ trưởng Bộ Y tế Phạm Song đến thăm xí nghiệp, nắm tình hình phản ánh của công nhân và bộ phận sản xuất kháng sinh ở chỗ tôi, Bộ trưởng có hứa là sẽ chỉ đạo cải tiến lề lối làm việc, đồng thời cải tiến mẫu mã để thích hợp với thị trường; tôi nghiệm rằng có sự chỉ đạo của bác Linh về việc ấy.

Tôi nhớ mãi có một lần Hà Nội bị mưa ngập lụt, sau trận mưa đó ông bà đến thăm tôi. Cái ngõ nhà tôi xưa nay là cái ngõ lầy lội, lại thêm trận mưa to ngập lụt nên càng khó đi hơn. Các anh bảo vệ thấy vậy bèn mượn đôi ủng cho bác Linh đi vào. Trước khi về bác hỏi: “Tại sao ở đây bị ngập lụt như vậy?” Tôi thưa: “Ngõ này ngập lụt từ lâu lắm rồi bác ạ”. Bác nói: “Làm

thế nào Nhà nước và nhân dân cùng làm chứ để như vậy thì dân khổ quá!”. Sau đó bác có bài đăng báo.

Nhờ sự quan tâm của cấp trên và nhân dân cùng đóng góp nên ít lâu sau đã sửa sang được cái ngõ ấy. Nhân dân ở đây rất vui vẻ và biết ơn đồng chí Tổng Bí thư đã quan tâm đến đời sống người dân sống trong ngõ hẻm, giảm bớt khó khăn trong việc đi lại, làm ăn, giúp cho cuộc sống dễ chịu hơn.

Về sau tôi được bố trí phục vụ bác Linh, chủ yếu là các việc lật vật lo nước nôi, v.v... Đồi lúc tôi thấy bác ngồi đơm cúc áo hay khâu vá gì đó. Tôi xin được làm giúp nhưng bác không cho, bác bảo bác làm được. Tôi thấy trong lòng rất áy náy nhưng vì bác rất kỹ lại không muốn phiền con cháu nên tự bác làm lấy những việc nho nhỏ như vậy...

Hết nhiệm kỳ Tổng Bí thư, bác làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bác vẫn thường hỏi tôi về đời sống, về việc làm, về lương của công nhân trong xí nghiệp và gia đình tôi các cháu học hành ra sao, bác hỏi rất tỉ mỉ về nhà đã sửa chưa, v.v... Tôi rất cảm động và cũng lựa lời báo cáo để bác được yên lòng.

Tất cả chúng tôi, những người có vinh dự được phục vụ bác Linh đều nhận thấy bác là người có cương vị lãnh đạo cao mà luôn quan tâm đến mọi người, riêng tôi rất biết ơn và ghi nhớ rất nhiều kỷ niệm sâu sắc về bác Linh.

3. Đồng chí Hoàng Duy Đức, người bảo vệ đồng chí Nguyễn Văn Linh kể:

Về chế độ bảo vệ đồng chí Nguyễn Văn Linh thời kỳ đồng chí làm Tổng Bí thư theo qui định là bố trí theo phương án A (tức là phương án cao nhất).

Đồng chí Nguyễn Văn Linh góp ý là: “Bảo vệ lo sao thì lo, làm sao bảo đảm được công việc của bảo vệ, về hình thức tôi muốn làm sao không khí thoải mái, không ồn ào...”.

Ví dụ như đồng chí Linh đi thăm một nơi nào đó thì không cần thiết bố trí bảo vệ ở các ngã tư, hoặc các điểm quá nhiều cảnh sát, hoặc đi trên đường phố không nhất thiết lúc nào cũng có thêm xe bảo vệ đi theo.

Bộ phận cảnh vệ chúng tôi rất nhiều anh em đã biết ý của đồng chí Nguyễn Văn Linh rất giản dị, chống hình thức phô trương, nên chúng tôi



Đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng anh em phục vụ trong những năm là
Tổng Bí thư (1986-1991).

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

luôn luôn dùng phương án đáp ứng yêu cầu của đồng chí vừa bảo đảm yêu cầu của công tác bảo vệ.

Dù ở Hà Nội hay vào công tác ở TP. Hồ Chí Minh, đồng chí Linh luôn luôn quan tâm đến thị trường, giá cả, hàng hóa ra sao. Đồng chí muốn trực tiếp thấy chứ không muốn anh em báo cáo lại (sợ không sát tình hình).

Thình thoảng, bất chợt sau khi ăn sáng xong, đồng chí gọi đi một vòng qua các phố. Ví dụ: ở Hà Nội, xe đồng chí thường chạy đường đi Hà Đông, vòng ngược lên Phố Huế, thẳng đến Mậu dịch Tổng hợp Hà Nội. Đi vào cửa hàng ở đây, đồng chí quan tâm hỏi các cô bán hàng về các mặt hàng và giá cả ra sao? Các cô bán hàng biết đồng chí nên cũng mạnh dạn thẳng thắn trả lời để giúp đồng chí biết thêm về giá cả và tình hình hàng hóa trên thị trường. Từ đây đồng chí lại đi bộ lên Hàng Ngang, Hàng Đào và thẳng đến chợ Đồng Xuân xem hàng hóa.

Đồng chí đi qua các phố ai cũng biết cả, tôi cùng các đồng chí khác phối hợp cùng cảnh sát vùng này bảo vệ đồng chí. Thời kỳ ấy giá cả xáo trộn dữ lắm chứ không ổn định như bây giờ nên đồng chí rất quan tâm, nhất là so sánh giữa hàng nội với hàng ngoại, về chất lượng, giá cả chênh lệch ra sao... Chẳng hạn về sành sứ ngoại (Trung Quốc) và sành sứ Hải Dương; đến các sạp trái cây đồng chí nói: “Trái cây ngon của Việt Nam có nhiều như cam Vinh, quýt Tuyên Quang, v.v... nhưng ít được bày bán ở Hà Nội...”. Đồng chí băn khoăn sao nhiều hàng ngoại quá, nhất là hàng Trung Quốc nhiều quá trên thị trường ta, nào là hàng kim khí, vài vốc đầy rẫy...

Thấy một số nhà cao tầng mọc lên, đồng chí hỏi xem là của cơ quan hay tư nhân. Đồng chí đặt vấn đề nguồn tiền ở đâu? Đồng chí muốn biết tiền bất chính hay hợp pháp. Nếu hợp pháp thì đồng chí phấn khởi còn nếu bất chính thì đồng chí đặt vấn đề với cơ quan hữu quan xem xét lại.

Về một người anh

NGUYỄN THỊ CHƠN⁽¹⁾

“**T**răm năm trong cội người ta” đã đành là thế, tuy nhiên trong mỗi người chúng ta đều dành một chỗ trang trọng nhất trong tình cảm của mình và nhiều nuối tiếc cho những ai mà ta nghĩ rằng người đó sống là đem lại nhiều lợi ích cho những người khác. Anh Mười của chúng ta thuộc đội ngũ của những người đó.

Một hôm, tình cờ giờ lại những trang giấy cũ, tôi không tin vào mắt mình khi nhìn thấy bức thư của anh Mười gửi cho tôi cách đây 27, 28 năm, lúc tôi đang ở hội nghị Paris về Việt Nam. Giấy viết thư đã ngả một màu vàng sậm theo thời gian và năm tháng, nhưng trí nhớ tôi vẫn trong veo, và hồi tưởng lại nỗi vui mừng và cảm động của hai mươi mấy năm về trước, khi giữa Paris tôi nhận được bức thư của đồng chí Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam nhắc nhở tôi an tâm công tác, cho biết tình hình của chồng và con tôi, và bảo tôi nên viết thư cho chồng kéo anh ấy mong đợi.

Đó là một phong cách của anh Mười, một đồng chí lãnh đạo rất trên cao nhưng luôn sâu sát, am hiểu tâm tư tình cảm cán bộ, chăm sóc vun bồi cho hạnh phúc gia đình của anh em đồng chí. Tôi vẫn còn nhớ một sự việc mà đầu tiên làm tôi ngạc nhiên vì lúc đó tôi chưa hề biết mặt anh Mười mà chỉ

1 Nguyên Thứ trưởng Bộ Tư pháp Việt Nam

biết tiếng tăm của anh mà thôi. Đó là việc chị Nguyễn Thị Diệu (công tác chung với đơn vị tôi) và chồng là anh Hoa Lư có sự hiểu lầm và căng thẳng suýt để bỏ nhau. Lúc đó, mặc dù tình thế giữa Sài Gòn muôn vàn khó khăn nhưng trước nỗi đau khổ của hai đồng chí, anh Mười đã triệu tập cả hai vợ chồng đến gặp anh Mười để hòa giải cho đến khi hai anh chị đã thực sự hết căng thẳng với nhau. Câu chuyện đó làm tôi vô cùng xúc động và để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng tôi vì nếu không có anh Mười giúp đỡ thì chắc chắn chị Diệu và anh Hoa Lư không kịp hàn gắn với nhau trước khi chị Diệu bị địch bắt và tra tấn đến chết trong khi chị mang thai.

Thường thường trong cơ quan gặp khi có việc lực đực khó giải quyết, chúng tôi thường tranh thủ sự giúp đỡ của anh Mười. Tôi nhớ có hai lần Tám Thanh và tôi có báo cáo cho anh Mười mấy việc quan hệ không ngay thẳng của anh chị em trong cơ quan, anh Mười đã trực tiếp đứng ra giải quyết và mọi sự đều êm thấm.

Cũng nhớ lại năm anh Lê Trọng Tam, chồng chị Hai Riêng hy sinh trên đường đi công tác, mọi người trong cơ quan không ai dám báo tin cho chị Hai, thế là anh Mười đã mời chị Hai, nhẹ nhàng báo cho chị tin đau đớn này, khuyên lơn, an ủi, động viên chị Hai. Anh Mười căn dặn chúng tôi phải ân cần chăm sóc chị Hai vì theo anh Mười, chị Hai là người mồ côi cha mẹ từ tấm bé, do đó có một tình cảm thương yêu chồng con rất đặc biệt, cần phải được hết sức thông cảm. Sau đó, theo yêu cầu của chị Hai và để chị có điều kiện nguôi ngoai dần, anh Mười đã cho chị Hai đi cơ sở mấy tháng liền có người cùng đi theo, để cách ly với môi trường mà trước đây hai vợ chồng đã sống với nhau.

Tính anh Mười hiền lành, ít nói, điềm đạm mà nghiêm khắc với những sai quấy, nên chúng tôi ai cũng đều nể sợ, kể cả Duy Liên là đứa tính tình cứng cỏi, bướng bỉnh nhưng cũng phải ngán anh Mười! Chúng tôi toàn bọn con gái có học Tây, nên rất thích người lãnh đạo của mình cũng là “Tây học” và thường kháo nhau về trình độ tiếng Tây của anh Mười - nhất là thấy anh Mười hay nghiên cứu sách tiếng Pháp và nghe nói “ông già” cũng ở trong groupe culturel marxiste (nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Marx) ở Sài Gòn nên bọn “Tây nhép” này rất ngán sợ. Mỗi sáng, anh Mười hay tập Thái cực quyền, hễ thấy bọn tôi đi ngang là ngừng lại nói chuyện;



Đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng các đồng chí Trung ương Cục miền Nam trên đường vượt Trường Sơn ra Hà Nội họp, tháng 4 năm 1973.

Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

chúng tôi nói với nhau là tránh đi ngang đó để “ông già” được tự do vì chắc “ông già” cũng mắc cỡ khi đứng tập một mình.

Biết chúng tôi đứa nào cũng gọi con ra Bắc, rất nhớ thương con, anh Mười thường hỏi thăm và đồng thời cũng kể về tin tức của các con Hòa - Bình - Linh của anh, về tin tức của chị Bảy người vợ thân yêu của anh, mà cũng là người chị cả của chúng tôi. Có lúc anh Mười khoe ảnh của chị Bảy và nói là chị Bảy đã lên cả chục ký lô, anh tỏ ra rất vui vẻ.

Năm 1965, theo chỉ thị của Đảng, tất cả những đồng chí có điều kiện đều xuống khu Sài Gòn để chuẩn bị nhập nội thành công tác. Với tư cách là người lãnh đạo, vừa là người từng vào sanh ra tử trong công tác nội thành, anh Mười đã tổ chức gặp gỡ chúng tôi nhiều lần để nói về những kinh nghiệm hoạt động trong thành phố. Anh Mười dặn đi dặn lại là phải nắm vững các nguyên tắc hoạt động bí mật, luôn luôn tuân thủ nó dù trong bất

cứ tình huống nào, thì sẽ hạn chế tối đa sự bề bạc. Anh Mười còn nói nếu ai để bị địch bắt vì vi phạm nguyên tắc bí mật thì dù ở tù có giữ được khí tiết, sau khi ra tù cũng vẫn bị kỷ luật. Chúng tôi ai cũng nhập tâm những lời dạy dỗ của anh Mười. Sau khi được trang bị khá kỹ kể cả các giấy tờ cần thiết cho hoạt động bí mật, tất cả chúng tôi Lê Thị Riêng, Đỗ Hữu Bích, Đỗ Duy Liên, Nguyễn Thị Chơn đã xâm nhập nội thành, hoạt động bình yên từ 1965 đến 1967, xây dựng được nhiều cơ sở, đưa được nhiều phong trào công nhân lao động và phụ nữ lên những bước mới đầy triển vọng. Khu ủy Sài Gòn có biểu dương công lao của chúng tôi và anh Mười được báo cáo rất vui mừng, có nhắn lời thăm hỏi và dặn dò công tác tốt. Dùng một cái, vào đầu năm 1967, tất cả gần như sụp đổ. Bốn chúng tôi: Riêng, Duy Liên, Bích, Chơn đều bị sa lưới địch. Nguyên nhân bị bắt là do bọn đầu hàng khai báo, nhìn mặt tình cờ chứ không phải do chúng tôi vi phạm nguyên tắc hoạt động bí mật. Trong nỗi mất mát đó, có một điều vô cùng tuyệt diệu và lớn lao là tất cả chúng tôi đều kiên cường chịu đựng tất cả những mảnh khoe xảo quyệt và đòn vọt khảo tra, cho nên không hề có sự bề bạc nào cho cơ sở, không có một trạm nút giao liên nào bị khai báo. Do đó, mặc dù chúng tôi đều vào tù, tất cả các cơ sở bên ngoài vẫn hoạt động bình thường. Kỳ tích này là có sự đóng góp của anh Mười chúng tôi.

Trong tù mỗi khi nằm nhớ lại những lời dạy dỗ ân cần của anh Mười, tôi thường khóc một mình, vừa nhớ thương đồng chí, vừa thương thân mình. Và khi đó hai câu thơ của anh Thanh Tịnh: *“Giữa dòng thác lũ nghiêng trời đất. Một cánh đào trôi khó ngược dòng”* gửi cho vợ để thông cảm cho nghịch cảnh mà chị gặp phải nên đã đi lấy chồng khác, được tôi sửa lại cho phù hợp với hoàn cảnh của mình, trong đau thương nhưng bằng mọi giá phải chiến thắng:

*Giữa ngàn thác lũ nghiêng trời đất
Một cánh đào trôi cứ ngược dòng*

Từ bấy đến nay, thời gian trôi đi đã trên 30 năm rồi, từ khi chúng tôi ở tù, cũng trên 30 năm rồi khi chúng tôi vĩnh biệt chiến khu, từ già anh Mười thân thương để đi về một chiến trường I Tư (I4) đầy bất trắc trong lòng một kẻ thù đầy hung bạo.

Bây giờ, Sài Gòn đang chuẩn bị kỷ niệm 300 năm, anh Mười của chúng ta đã nằm xuống ngót năm rồi, nhưng tôi vẫn nhớ như in gương mặt trẻ trung và cái bắt tay lưu luyến, nồng ấm tình đồng chí của anh Mười như truyền thêm sức mạnh và lòng tin cho chúng tôi xông vào trận địa Sài Gòn, góp phần vào chiến thắng vĩ đại của toàn dân tộc ta để có một Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh hôm nay.

TP. Hồ Chí Minh 17-11-1998

Điều tôi học ở anh

LÊ THANH HẢI ⁽¹⁾

Lớp học giữa rừng sâu

Cuối năm 1961 một điểm tại rừng già cây cao, cây thấp xen dây leo rợp lá, bên cạnh dòng suối mà tàn cây che kín mít, cận biên giới Tây Ninh - Campuchia; trên 80 khách mời và 300 học viên đã tập trung dự lễ khai giảng trường Lý luận Trung Cao cấp Nguyễn Ái Quốc miền Nam khóa I. Khách dự gồm đại diện các cơ quan, ban ngành, đoàn thể. Học viên gồm các đồng chí cán bộ từ các chiến trường.

Đây rồi! Đồng chí Mười Cúc, anh Út Bí thư Trung ương Cục mà tôi từng nghe tên tuổi, nay lần đầu tiên tôi biết, người chủ trương thành lập trường Nguyễn Ái Quốc miền Nam, người rất coi trọng công tác đào tạo cán bộ. Anh đến trong bộ đồ bà ba đen, đôi dép râu quen thuộc, đôi mày rậm, khuôn mặt phúc hậu.

Sau khi phân tích tình hình, đồng chí Bí thư Trung ương Cục khẳng định: “Giai đoạn Mỹ ngụy dùng toàn lực với quốc sách khủng bố tổ cộng, luật 10/59 lê mấy chém đi khắp nơi, dim cách mạng miền Nam trong máu lửa... đã thất bại”.

1 Tức Mười Nhom, nguyên Khu ủy viên Khu Sài Gòn - Gia Định, nguyên Giám đốc Sở Nhà đất TP. Hồ Chí Minh



Đồng chí Nguyễn Văn Linh tại lớp bồi dưỡng cán bộ hoạt động công khai ở Sài Gòn, mở tại vùng Giải phóng, năm 1967.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

“Thầy” nói tiếp: “Khi đã có đường lối, có nghị quyết và chủ trương đúng thì cán bộ quyết định sự thành công đường lối chủ trương của Đảng”. Cho nên mặc dù khắp nơi đang thiếu cán bộ, đang cần cán bộ mà Trung ương Cục vẫn quyết định thành lập nhà trường, rút cán bộ về đây học khẩn trương, đào tạo cán bộ cho cách mạng miền Nam.

Chúng tôi tranh thủ học ngày học đêm một chương trình lý luận cách mạng rất qui mô về nội dung và phương pháp học.

Mọi người cùng học với tôi đều cảm mến, kính trọng, mang nhiều kỷ niệm cả đời với anh. Trong những năm chiến tranh ác liệt, nhiều đồng chí đã hy sinh oanh liệt như chị Lê Thị Riêng, anh Hồ Hào Hớn...và những đồng chí còn lại luôn xứng đáng là đồng chí, là học trò mà anh đã quan tâm đào tạo.

Nhiệm vụ của tôi là phụ trách lực lượng Thanh niên sinh viên học sinh. Về mặt này, anh thường dặn dò tôi nhiều việc mà tôi nhớ đời:

“Lực lượng sinh viên học sinh đi theo cách mạng trước hết bằng nhận thức lý luận triết lý, nhận thức lý tưởng, bằng tình cảm, tình yêu quê hương đất nước, bằng phản diện của xã hội mà dần dần biết bản chất của Mỹ ngụy là không tốt... và thông qua đấu tranh mà sinh viên học sinh giác ngộ cách mạng. Cậu phải biết và nghiên cứu nội dung tuyên truyền vận động sinh viên học sinh. Trong chỉ đạo đấu tranh, cậu phải gìn giữ, bảo tồn và phát triển thực lực cách mạng”.

Tôi hết sức xúc động trước những lời dặn dò của thầy hôm đó và tôi mang theo suốt cuộc hành trình, luôn truyền đạt lại cho đồng chí, đồng đội.

Những ý kiến chỉ đạo căn cơ

Năm 1976, tôi được Thành ủy giao công tác ở Sở Nhà đất. Đầu năm 1983, một buổi sáng tôi nhận được thư anh, hết sức bồi hồi xúc động:

“Thân gửi: Đồng chí Mười Hải

Có phải đồng chí là Mười Nhom hay không, tôi nghe đồng chí Mười Hải làm ở Sở Nhà đất và Công trình công cộng mà nhớ lại có thể là đồng chí Mười Nhom?

Chúc đồng chí sức khỏe và cố gắng công tác tốt

Ký tên: Nguyễn Văn Linh”

Tôi tranh thủ đến vấn an sức khỏe anh, đồng thời trình báo khái quát tình hình nhà đất và công trình công cộng. Anh thâm trầm căn dặn tôi: “Nhà ở cho cán bộ công nhân viên, cho y tế giáo viên, cho nhân dân lao động là rất quan trọng bức thiết, an cư mới lạc nghiệp, có thể nói nhà ở là một sự nghiệp của nhiều đời người. Nếu chúng ta luôn chăm lo tốt thì góp phần giúp cho nước an lạc thịnh vượng thái bình, bằng không thì lòng dân không tin cách mạng, như vậy là ta mất cái gốc. Cậu phải nghiên cứu có chủ trương, chính sách toàn diện về công tác ngành nhà đất và triệt để chống tiêu cực, những gì gây phiền hà, gây rắc rối, đùn đẩy kéo dài khổ cho dân thì bãi bỏ. Bệnh quan liêu hách dịch, cửa quyền đẻ ra đủ mọi thứ phiền toái mất lòng dân và là cha đẻ của tham nhũng, hối lộ...”

Tôi thật sự xúc động tâm đắc những điều thầy dặn, như thêm sinh lực mới.



Nhân ngày thương binh liệt sĩ 27/7, sau khi viếng Đến Bến Dục, nghĩa trang Liệt sĩ huyện, đồng chí Nguyễn Văn Linh về thăm lại căn hầm bí mật của mình trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ tại huyện Củ Chi (27/7/1997). *Nguồn: Do gia đình cung cấp.*

Nhớ thờ đồng bào, đồng chí đã hy sinh

Tôi nghĩ người đang sống và đất nước thái bình an lạc phải luôn “mang ơn sâu nghĩa nặng” đối với những người đã hy sinh. Năm 1990, tôi vận động xây xong nhà truyền thống tại Bến Dục và vận động chuẩn bị xây Đến tưởng niệm liệt sĩ, tôi đến báo cáo và xin ý kiến của anh về các mặt.

Anh rất vui vẻ phác họa, gợi cho tôi một số suy nghĩ mở rộng tầm nhìn và dặn tôi hãy nhớ: “Thờ đồng bào, đồng chí và chiến sĩ.. đã hy sinh”.

Kính mến thay, tim anh đã dành trọn cho giang sơn đất nước, cho dân mà luôn ân sâu nghĩa nặng với những người đã hy sinh.

Nhân ngày lễ Thương binh liệt sĩ 27-7-1997, anh Mười về viếng Đến tưởng niệm liệt sĩ Bến Dục.

Cuộc tiếp đón anh đơn giản không nghi thức nhưng rất đặc biệt đậm đà nghĩa tình. Kính mến anh gồm có một số bà mẹ Việt Nam anh hùng, dũng sĩ diệt Mỹ năm xưa, số cụ nông dân đã từng đội bom đạn bám trụ chiến

đầu, sản xuất, canh gác, bảo vệ anh ở các ấp Xóm Chùa, Xóm Thuốc, Phú Hiệp, Phú Hòa.

Anh không khỏi bồi hồi trở lại hầm, nơi làm việc năm xưa với ngọn đèn bão cũ treo trên nóc hầm, nó đơn sơ giản dị như phong cách giản dị của anh. Mọi người cũng không ngờ lần trở lại ấy là lần cuối cùng của anh.

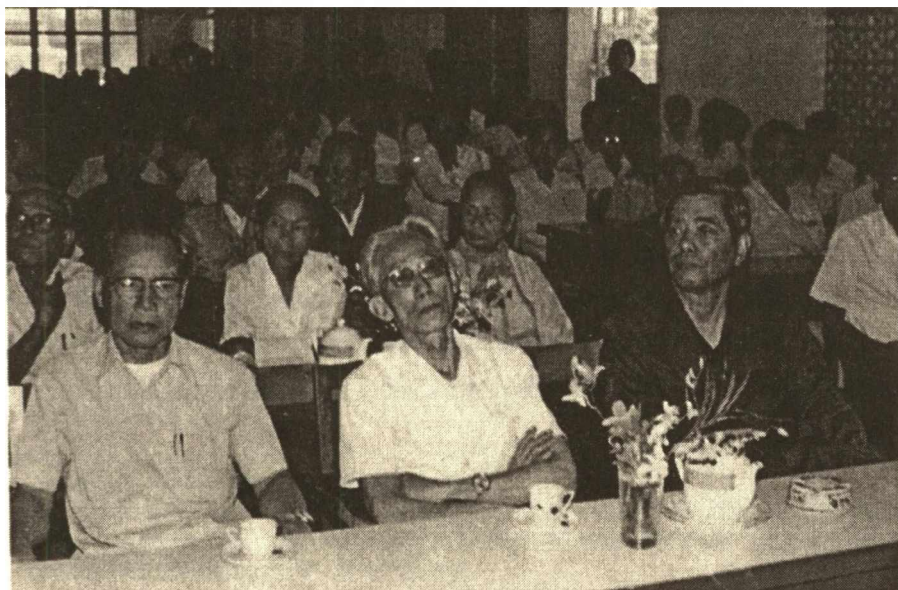
Lo nỗi lo của bệnh nhân nghèo

Cùng với Trung ương Đảng, anh đã phát ngọn cờ đổi mới phù hợp với nguyện vọng toàn Đảng, toàn dân, đưa nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh chóng, vượt khỏi cơn “Đại hồng thủy” của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô.

Nhưng trong xã hội, tỉ lệ người nghèo còn tồn tại. Họ tảo tần kiếm bát cơm cho gia đình đã vất vả, khi đau yếu không có tiền vào bệnh viện, trẻ em nghèo bị dị tật không được chữa trị, cam chịu bất hạnh cả cuộc đời. Nghe thảm cảnh ấy, anh rất xúc động. Cho nên anh hết lòng ủng hộ tổ

Đổng chí Nguyễn Văn Linh dự họp mặt
ngày truyền thống Văn phòng Trung ương Cục (12-1984).

Nguồn: Do gia đình cung cấp.



chức, hoạt động của Hội bảo trợ bệnh viện miễn phí ngay từ quá trình hình thành. Anh rất vui khi nghe Hội đã góp phần chữa trị cho trên 300 ngàn lượt bệnh nhân nghèo, hàng ngàn người và trẻ em bị bệnh hiểm nghèo và bị dị tật bẩm sinh.

Anh rất vui với hai chương trình nhân đạo lớn “Vì nụ cười trẻ thơ”, “Đem lại ánh sáng cho 10 ngàn người nghèo mù năm 1998” ở khắp 30 tỉnh thành phía Nam.

Thấy tôi.

Anh Mười ơi! Anh sống mãi trong lòng mọi người, đồng bào Việt Nam.

Viết xong ngày 6 tháng 12 năm 1998

Vài kỷ niệm về người thầy cách mạng đầu tiên của tôi

LÝ BÍCH QUANG⁽¹⁾

Vào khoảng cuối tháng tư năm 1947, ở tù về, tôi được Sáu Khanh (Nguyễn Thọ Chân)⁽²⁾ đưa ra công tác ở Văn phòng Thành bộ Việt Minh Sài Gòn - Chợ Lớn, “Văn phòng” là nói theo ước lệ chứ lúc tôi đến thì chẳng thấy có gì để có thể gọi là văn phòng cả, ngoài những tờ báo. Có khác nhiều báo. Báo tiếng Việt, tiếng Pháp ở Sài Gòn, có cả hai tờ *L'Humanité* và *La Démocratie nouvelle* ở bên Pháp.

Cán bộ thì chỉ có mấy người: anh Phú, anh Mười, anh Phong Việt. Được mấy hôm, anh Phú ra đi, nghe nói là lên “Nam bộ”, tức là cơ quan cấp Xứ. Anh Phong Việt trở vào nội thành (nghe nói sau đó bị địch bắt và thủ tiêu, mất tích). Anh Sáu Khanh thì ra vào Sài Gòn như đi chợ. Anh vào, ở năm bảy ngày rồi trở ra, bàn bạc gì đó với anh Mười vài ngày rồi lại trở vào. Nhân viên văn phòng chẳng có ai ngoài tôi. Tất cả đều ở trong nhà nông dân. Tôi rất ngạc nhiên, về sau mới biết anh Mười cũng mới đến thay anh Phú, và theo tôi đoán thì anh đang tổ chức lại bộ máy làm việc.

Hồi ấy, tôi chỉ là một đoàn viên Thanh niên cứu quốc, làm công tác cơ sở

1 Chuyên viên Ban Văn hóa - Văn nghệ Trung ương

2 Ông Nguyễn Thọ Chân sinh năm 1922. Nguyên là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa III, Đại sứ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Liên Xô và kiêm Đại sứ tại Thụy Điển, Bộ trưởng Bộ Lao động Việt Nam.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh trên đường đi công tác đến thăm và tiếp chuyện thân mật đồng chí Tư Khởi Nghĩa (Tư Già), năm 1971. Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

ở nội thành. Lần đầu ra vùng giải phóng, sống tập thể với những bậc cách mạng đàn anh, nên tôi cứ như “con nai vàng ngơ ngác”. Tôi chưa biết anh Mười giữ chức vụ gì. Chỉ thấy có nhiều cán bộ (mà tôi đoán là “có cỡ”) ở nội thành ra, báo cáo, bàn bạc gì đó với anh Mười rồi đi ngay. Thấy thái độ trân trọng của họ đối với anh Mười, tôi đoán anh là cán bộ cao nhất ở Sài Gòn - Chợ Lớn.

Công việc tôi được giao là đọc báo, thấy có vấn đề gì thì báo lại với anh. Anh cũng thường đội nón lá, đi đâu một mình, trông đáng vẻ như một nông dân. Có khi tối mệt mới về, nét mặt mệt mỏi.

Do trình độ chính trị còn non kém nên tôi không giúp ích gì nhiều

cho anh trong việc khai thác nội dung báo chí. Khi nghe tôi báo cáo đơn sơ, anh tìm đọc lại chỉ cho tôi biết những vấn đề ẩn đằng sau những mẩu tin mà tôi tưởng là không quan trọng. Anh giải thích cặn kẽ, nhẹ nhàng, nhưng tôi rất “thấm”. Có một điểm ở anh mà tôi chú ý: anh vui tính, hay nói đùa dí dỏm, có khi châm biếm nhẹ nhàng.

Một hôm, gần đến ngày kỷ niệm sinh nhật Hồ Chủ tịch, anh Sáu Khanh bảo tôi làm một bài thơ để đăng vào báo *Chống xâm lăng*, cơ quan của Thành bộ Việt Minh. Tôi vắt óc suy nghĩ, tìm tứ chọn lời, cặm cụi mấy ngày mới xong, rồi đưa cho anh Sáu. Anh xem, không nói gì. Tôi đâm lo. Anh Sáu đưa cho anh Mười. Anh vừa xem vừa tùm tùm cười, và đồng ý cho đăng. Anh bảo tôi: Ráng công tác tốt rồi sẽ cho đi làm phóng viên chiến trường. Tôi mừng rơn trong bụng: chắc tác phẩm của mình cũng khá nên anh Mười mới vui như thế. Ít lâu sau, một hôm thấy tôi chăm chú xem một bài thơ lục bát đăng trên một tờ báo kháng chiến, anh ghé mắt xem. Tôi hỏi ý kiến anh về bài thơ. Anh tùm tùm cười, bảo: “Bài này cũng “hay” như hai câu “Nửa đêm giờ tí canh ba, vợ tôi con gái đàn bà nữ nhi”. Tôi bật cười, nhưng rồi nín bật, vì chợt nhớ ra là khi xem bài thơ của tôi, anh cũng đã cười tùm tùm như thế!

Thấy tôi thích thơ, anh hỏi đã đọc thơ của Éluard, Aragon chưa? Tôi ngơ ngác. Tôi thuộc nhiều bài thơ của Lý Bạch, Đỗ Phủ, Victor Hugo, Alfred de Vigny, v.v... nhưng hai thi sĩ anh vừa nói đến thì tôi chưa nghe tên, nói gì đọc thơ họ! Và nghĩ thầm: cái ông này ở tù Côn Nôn (Côn Đảo) về, học ở đâu mà biết đủ thứ! Hồi ấy tôi đâu đã biết ngục Côn Nôn là trường đại học của các nhà cách mạng. Thú thật, khi đi kháng chiến, tôi vẫn mang theo lòng tự kiêu ngăm về những kiến thức sách vở của một trí thức tiểu tư sản pha phong kiến. Nhưng khi sống gần anh Mười chưa tròn một tháng, lòng tự kiêu ngăm ấy tự nó xẹp xuống như một cái bong bóng xì hơi! Trong một thời gian ngắn, tôi biết thêm và hiểu ra nhiều điều mà mười mấy năm ngồi trên ghế nhà trường, từ tiểu học đến cao đẳng, tôi chưa hề biết đến. Tiếc rằng tôi chỉ được sống gần anh tính ra chưa đầy hai tháng.

Dưới sự chỉ đạo của anh Mười, cơ ngơi của Văn phòng ngày càng phát triển. Trụ sở có nhà riêng, không ở trong nhà dân nữa. Đó vừa là văn phòng, vừa là nơi anh Mười tiếp anh chị em cán bộ đến liên hệ công tác.

Anh cũng ăn ở tại đây với một đồng chí thư ký riêng và ba chú nhỏ liên lạc viên. Sau ngày anh thành lập gia đình và ở riêng, thì đây còn là nơi anh mở lớp dạy chủ nghĩa Marx-Lenin cho cán bộ nội thành ra học.

Tôi được anh phân công qua báo *Chống xâm lăng*. Tờ báo này, trước đây in giấy sếp, nay anh chỉ đạo cho in chữ chì, vừa in được nhiều hơn, vừa đẹp hơn. Tòa soạn đóng ở xã Tân Nhựt, nhà in ở xã Tân Bửu đều thuộc tỉnh Chợ Lớn.

Tuy đã được phân công qua cơ quan khác, nhưng hể rảnh là tôi chèo xuồng đến nhà anh, không phải vì lý do công tác mà để nhìn anh, nghe anh trò chuyện với mọi người. Ở anh, có cái gì đó hấp dẫn người khác. “Cái gì đó” có thể là sự vui tính, lạc quan, lịch thiệp, có thể là sự ân cần, vừa chân tình, vừa tế nhị, có thể là vốn kiến thức khiến người khác thấy mỗi lần tiếp xúc với anh là học hỏi thêm được điều gì đó. Cũng có thể “cái gì đó” ấy là tất cả những yếu tố trên cộng lại. Tôi không phân tích rành mạch được, chỉ biết tính cách con người của anh rất hấp dẫn.

Đầu năm 1948, báo *Chống xâm lăng* chấm dứt nhiệm vụ chính trị của nó. Hồi ấy, như đã nói, tờ báo in ở nông thôn ngoại thành. Việc vận chuyển giấy mực ở nội thành ra rồi đưa báo trở vào vừa khó khăn, vừa nguy hiểm, lại làm cho báo mất thời gian tính. Anh Mười chỉ thị đình bản báo *Chống xâm lăng* của Mặt trận Việt Minh để xuất bản một tờ báo khác của Mặt trận Liên Việt ở nội thành. Cán bộ và công nhân in lần lượt được đưa vào Sài Gòn. Đến lượt tôi, do sự mất cảnh giác của người phụ trách giao liên nên tôi bị địch đón lõng, bắt trên lộ Bốn. Xa anh Mười lần ấy, tôi đâu có ngờ hơn mười lăm năm sau mới lại được gặp anh.

Năm 1956, có lần anh Sáu Hoa báo tin là anh Mười muốn gặp tôi. Mừng quá! Nhưng lúc đó chi bộ tôi vừa bị địch đánh vỡ trong chiến dịch chống bầu cử quốc hội của Ngô Đình Diệm. Cả chi bộ hơn mười người bị bắt gần hết, chỉ còn vài đồng chí và tôi chạy thoát và đang bị truy nã. Mỗi người chúng tôi chỉ được liên lạc đơn tuyến với cấp trên. Tôi nghĩ: nếu rủi mình đang bị địch theo đuôi mà lại đi gặp anh Mười thì chẳng khác nào vô tình dẫn giặc đi bắt lãnh đạo, tác hại sẽ không kể xiết. Nghĩ thế nên tôi trình bày tình thế của tôi với anh Sáu Hoa, nhờ anh thưa lại với anh Mười lý do vì sao tôi chưa dám đến gặp.

Mãi đến đầu năm 1964, tôi mới được gặp lại anh Mười, khi anh đến thăm và nói chuyện với học viên lớp Tuyên truyền và Báo chí mà tôi đang học. Trong lời phát biểu của anh hôm ấy, tôi nhớ mãi một câu: “Khi viết về chuyện anh hùng, về người anh hùng thì bản thân người viết cũng phải có chất anh hùng”.

Ngồi viết bài này, nhớ lại lời anh, tôi không khỏi lo lo tự hỏi: Liệu tôi có đủ chất cách mạng để viết về người thầy cách mạng đầu tiên của mình, tuy chỉ viết vài kỷ niệm nhỏ, vì trong khi viết e không tránh khỏi để cho “cái tôi đáng ghét” thừa cơ trà trộn vào?

Nhớ anh Mười

ĐINH PHONG⁽¹⁾

Năm 1969, tình hình chiến trường rất khó khăn. Sau những cuộc tấn công vào nội đô không thành công trọn vẹn, quân ta rút ra ngoài và bị địch đẩy sát biên giới Campuchia. Vấn đề đặt ra trước mắt là không được bỏ dân, phải bám dân để tiếp tục chiến đấu.

Anh Mười chỉ thị tổ chức các cuộc họp để nghe anh nói chuyện, giảng bài về công tác dân vận cho cán bộ chủ chốt ở các cơ quan Trung ương. Anh yêu cầu cán bộ phải coi trọng công tác dân vận, phải làm tốt công tác vận động quần chúng - nhất là trong lúc cách mạng gặp khó khăn.

Một lần nhân thấy anh vui, tôi nói:

- Anh em cán bộ đi nói chuyện với dân lúng túng quá. Cách mạng gặp khó khăn chẳng có chuyện vui, chuyện phấn khởi nào để động viên bà con.

Anh nói rất nghiêm:

- Là cán bộ cách mạng phải biết làm công tác dân vận trong mọi điều kiện cả khi ta thắng, cả khi ta không thắng. Nếu cứ chờ có thắng lợi mới động viên giáo dục quần chúng, gặp lúc cách mạng thoái trào thì các đồng chí bó tay đầu hàng không làm công tác dân vận hay sao?

Có một chuyện vui. Trong cuộc gặp hôm ấy, anh T.V một cán bộ lớn

1 Nguyên Phó Giám đốc Đài Truyền hình TP. Hồ Chí Minh, năm 1998 đang là Chủ tịch hội Nhà báo TP. Hồ Chí Minh.

tuổi nhưng chưa có gia đình cùng mấy anh em nói chuyện với anh Mười trong giờ nghỉ giải lao. Anh hỏi anh T.V “đã có gia đình chưa?”. Anh T.V trả lời:

- Bao giờ miền Nam giải phóng tôi mới cưới vợ.

Anh Mười nói, nét mặt hơi nghiêm:

- Đừng gán chuyện của đất nước với chuyện cưới vợ. Nếu cần có gia đình thì cứ tiến hành. Nếu đến lúc đồng chí cần cưới vợ mà miền Nam chưa giải phóng thì đồng chí sẽ rất lúng túng, bị động. Mình cưới vợ năm 33 tuổi trong kháng chiến chống Pháp.

Năm 1970, quân đội Sài Gòn đánh lên Campuchia. Sư đoàn 9 đã đánh một trận lớn ở đường số 2 và bắt được một số tù binh - trong đó có thiếu úy N.P.H một trí thức học ở Pháp đang làm Ty trưởng Ty Lao động Bình Long thì bị động viên. Thấy anh ta là trí thức Sài Gòn lại chủ động đầu hàng, tôi đưa cho anh xem “Chương trình 8 điểm của Chính phủ cách mạng lâm thời” do bà Nguyễn Thị Bình đưa ra tại Paris. Sáng hôm sau anh ta nói với tôi:

- Các điểm bà Bình đưa ra rất hợp lý. Duy có điểm tôi nói thật với các ông: nên thay cụm chữ *Chính phủ liên hiệp* bằng *Chính phủ hòa hợp, hòa giải* hay gì đó... bởi lẽ ở Sài Gòn người ta rất ngại mấy chữ này. Họ đã từng thấy các Chính phủ liên hiệp đều trở thành Chính phủ cộng sản như ở Việt Nam năm 1946, ở Tiệp Khắc năm 1949...

Tôi báo cáo với anh Mười ý kiến của thiếu úy N.P.H. Anh suy nghĩ một lúc rồi gật đầu nhiều lần: “Một ý kiến cần phải xem xét...”.

Vào đầu năm 1975, tôi từ trên núi Bà Đen vừa giải phóng trở về căn cứ. Được tin, anh và anh Trần Bạch Đằng gọi tôi đến báo cáo. Theo lời khai của một tù binh, trên núi Bà Đen địch bí mật bố trí một trung tâm thông tin hiện đại, chỉ huy toàn bộ các đơn vị quân đội và các gián điệp ở miền Nam. Căn cứ này đã bị ta pháo kích tan tành và thu được khóa mật mã thông tin, địch đang lúng túng và chưa biết điều này. Anh Mười chỉ thị cho tôi: bất cứ ai hỏi cũng chỉ được nói trên núi Bà Đen có một cơ sở quan sát vùng giải phóng bằng ống nhòm, không được nói đến căn cứ thông tin hiện đại và khóa mật mã đang trong tay ta, phải để bên quân đội khai thác. Bài viết của tôi “Đường lên núi Bà” đăng tin trên báo *Giải Phóng* và báo

Quân đội nhân dân tháng 1 năm 1975 đã chấp hành nghiêm chỉnh lệnh anh Mười.

Sau ngày giải phóng, anh bận nhiều công việc của Đảng song thỉnh thoảng anh hay gọi tôi để góp ý, động viên hoặc phê bình công việc của Đài Truyền hình TP. Hồ Chí Minh mà anh thường theo dõi. Một lần, anh gọi tôi đến yêu cầu báo cáo về tình hình ngăn sông cấm chợ ở phía Nam mà tôi vừa đi điều tra một vòng, rồi chỉ thị nên làm một số phóng sự phê phán việc này. Tôi có nhắc đến ông già vợ tôi - một người lính đã trở về làm ruộng - phàn nàn về chính sách thu mua không công bằng, thương nghiệp ép nông dân bán nông sản và heo gà thấp hơn giá gốc. Anh hơi buồn, nói việc này cần phải sửa. Những lần gặp sau đó, anh hay hỏi “Ông già Tây Ninh” dạo này có khá hơn không?

Tôi được đi theo anh đôi lần công tác, nhất là những dịp anh đi chỉ đạo đổi mới quản lý kinh tế ở Liên hiệp xí nghiệp thuốc lá, dệt Thành Công, sân bay Tân Sơn Nhất, Công ty lương thực thành phố. Ở các nơi này, anh gặp công nhân, nghe giám đốc, trao đổi với Đảng ủy để tìm ra con đường đi đúng. Có những lần anh hỏi ý kiến các nhà báo đi theo và chỉ điều cần nói, điều chưa nên nói. Một lần, cùng anh đến Xí nghiệp dệt 3 - một đơn vị đang thí điểm tính đủ giá thành, anh đang đọc báo cáo bỗng gọi tôi lại chỉ vào một đoạn, rồi hỏi:

- Tại sao có khoản này?

Đó là khoản chi phí “tiếp đãi các nhà báo đến làm việc với xí nghiệp”. Tôi rất lúng túng vì đây là một khoản chi có thật được tính vào giá thành của sản phẩm. Thấy tôi “khó nói”, anh cười. Một lần khác, anh không bằng lòng về một vở “Trong nhà ngoài phố”, anh gọi tôi đến và nói ngay những điều cần sửa. Anh rất thương và thường dạy tôi trong công việc.

Năm 1990, Sư đoàn 9 anh hùng tròn 25 tuổi. Anh gọi tôi đi cùng để báo cáo cho anh nghe thêm về những thành tích mới của Sư đoàn:

- Lâu lắm mình không xuống đơn vị sợ nói không đủ ý, anh em buồn.



Ngày 11-5-1990, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh thăm căn cứ kháng chiến chống Mỹ Bến Dược huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, thăm gia đình ông Hà Văn Sang có 3 con hy sinh trong kháng chiến. Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

Dạo đó anh không khỏe, chúng tôi cũng lo nên chỉ mong anh gặp bộ đội ít phút. Vậy mà gần nửa giờ giữa trời nắng, anh đã nói chuyện với bộ đội và dự lễ diễu binh. Anh em bộ đội Sư đoàn 9 rất xúc động.

Sáng 27-4-1998, tôi đang chỉ huy cuộc đua xe đạp tranh “Cúp truyền hình” tại thành phố Đà Lạt thì được điện thoại từ Sài Gòn báo tin sức khỏe anh nguy kịch. Gần 30 phút sau, tôi được tin anh đã ra đi.

Tôi không thể chạy về TP. Hồ Chí Minh để viếng và tiễn anh. Trong đêm khuya ở cách xa TP. Hồ Chí Minh tôi bỗng nhớ cách đây năm năm, dù tuổi già sức yếu, anh vẫn dậy sớm để đến thăm các vận động viên và đã phát cờ xuất phát cho cuộc đua xe đạp “Về nguồn”. Ban tổ chức cuộc đua Cúp truyền hình 1998 đã quyết định hủy bỏ chặng đua ngày 29-4-1998 từ Đà Lạt về Bảo Lộc để tưởng niệm anh. Hơn hai trăm người trong Ban tổ

chức, vận động viên mô tô, vận động viên xe đạp đã treo cờ rũ, lặng lẽ rời Đà Lạt về Bảo Lộc.

Sáng 30-4-1998, theo con đường bộ đội tiến về giải phóng Sài Gòn năm 1975, cuộc đua xe đạp được tiếp tục chặng cuối cùng đến dinh Thống Nhất.

Tôi nhớ anh, lòng buồn nhưng vẫn phải đưa cuộc đua về đúng hẹn. Lòng tôi áy náy nhưng tin rằng ở nơi xa anh cũng rất vui bởi hoạt động văn hóa này đã từng được anh quan tâm cổ vũ và là một hoạt động chào mừng ngày giải phóng Sài Gòn - một chiến công có sự đóng góp to lớn của anh. Từ đích đến của cuộc đua, tôi đã chạy về thấp nhang trên bàn thờ anh mà tưởng như những ngày đến gặp anh để nghe anh phê bình, động viên...

1-5-1998

Nhớ người tù xưa ở hòn đảo ngọc

Nhà báo PHẠM KHÁNH TOÀN

Cuối năm 1976 - Đài truyền hình TP. Hồ Chí Minh cử chúng tôi thực hiện một bộ phim tài liệu lịch sử về Côn Đảo - địa ngục trần gian - nơi đế quốc Pháp và xâm lược Mỹ đày đọa những người yêu nước làm cho chết dần chết mòn nhằm tiêu diệt ý chí người Cộng sản. Nghĩ về Côn Đảo, không người Việt Nam nào không kính phục hòn đảo đau thương và anh hùng của Tổ quốc Việt Nam. Vốc một nắm cát Hàng Dương thường lẫn vào một thẻ tù, số tù nhòe cùng nước mắt thời gian. Có thể nói hầu hết các lãnh tụ Đảng, Nhà nước ta ở giai đoạn ấy đều là người tù Côn Đảo. Bộ phim mang tên “Hòn đảo ngọc” đoạt giải Bông sen bạc ở liên hoan phim thứ 6 và giải nhất kịch bản phim tài liệu cũng ở liên hoan phim 6, đã nhờ có những hình ảnh xúc động về di tích các nơi giam giữ những con người tiêu biểu là tù nhân Côn Đảo ở giai đoạn chống Pháp như: Hầm xay lúa, chỗ giam cầm Chủ tịch Tôn Đức Thắng, xà lim giam giữ các đồng chí Lê Hồng Phong, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Hoàng Quốc Việt... gốc cây bàng nơi Tổng Bí thư Lê Duẩn làm khổ sai, Ma Thiên Lãnh nơi Phan Đăng Lưu, Nguyễn Chí Diểu hy sinh. Rồi thế hệ tiếp nối là Võ Thị Sáu, cho đến giai đoạn “chuồng cọp Mỹ”, rất nhiều tấm gương hiên hách như Nguyễn Chí Hiếu, Lê Quang Vịnh, Lê Hồng Tư, v.v... và nhiều nữ tù giữ tròn khí tiết.

Mỗi hình ảnh chúng tôi ghi được ở năm đầu Côn Đảo giải phóng còn nóng hổi những kỷ niệm đau thương. Bộ phim khai thác được tội ác của những tên tay sai ba đời làm giám thị Côn Đảo, những tên ác ôn giết tù nhân không ghê tay như: Hà Thiên Mông, Trần Văn Thà...

Tuy nhiên, ở giai đoạn đầu Côn Đảo là địa ngục trần gian khi nằm trong tay bọn thống trị thực dân Pháp, nhờ có người tù vĩ đại Nguyễn Văn Linh - mà nhóm làm phim chúng tôi may mắn được ghi hình ảnh đồng chí thăm lại Côn Đảo ngay sau ngày miền Nam giải phóng, bộ phim càng tăng thêm tính thuyết phục khi đồng chí Nguyễn Văn Linh lúc ấy là Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh (sau là Tổng Bí thư nhiệm kỳ Đại hội Đảng lần thứ VI) ra thăm Côn Đảo năm 1976 cùng các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Xuân Thủy. Thời giờ đồng chí đến Côn Đảo không nhiều và đó cũng là thời gian quý để Đảng ủy và UBND Côn Đảo mời đồng chí đi thăm và xác minh lại một số di tích chính xác rất cần cho cuốn sử Côn Đảo và bảo tàng Cách mạng Côn Đảo sau này.

Máy quay phim của Truyền hình TP. Hồ Chí Minh bám sát người tù Côn Đảo năm xưa ở thế hệ thứ nhất, bởi lẽ đây là dịp hiếm có về một chứng nhân, mà là nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta.

Cùng đồng chí Hoàng Quốc Việt, chú Mười Cúc đến bên chiếc giếng xây bằng gạch ở trại giam 1. Đứng lặng bên chiếc giếng, dường như cuốn phim về quãng đời tù Côn Đảo, lúc chú còn rất trẻ tái hiện lại, chú Mười thông thả kể:

- Anh Xuân Thủy ở tù Sơn La, còn tôi, anh Hạ Bá Cang đây (tên hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Quốc Việt) kể cả anh Đồng thường ra cái giếng này kéo nước...

Đồng chí Hoàng Quốc Việt tiếp lời:

- Phải rồi, ở mà lúc đó cứ xuân về, anh em mình còn tổ chức liên hoan văn nghệ. Đóng cả kịch "Le Cid". Bọn cai ngục và giám thị Tây thấy anh em mình nói tiếng Tây như gió, đều le lưỡi khâm phục. Anh Mười Cúc đây đóng vai con gái, cánh tù người nào cũng trầm trồ, mê như điên đổ.

Cách chiếc giếng hàng chục mét, đồng chí Hoàng Quốc Việt còn nhận ra phòng giam đồng chí hồi trước. Thế rồi bao nhiêu kỷ niệm xưa được hai đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng kể lại. Qua đó chúng tôi là thế hệ sau,

xúc động và vô cùng cảm phục về niềm tin tất thắng, tinh thần lạc quan, bất chấp mọi thủ đoạn đày đoạ dã man của kẻ thù đối với người tù cộng sản.

Vào thăm lại phòng giam, chú Mười và đồng chí Hoàng Quốc Việt thấy lại sàn xi măng lạnh, những chiếc còng rì sét hàn chặt vào thanh sắt to từng cùm chân các đồng chí suốt đêm sau những giờ đi làm khổ sai. Cảnh tượng càng gợi nhớ câu thơ Tố Hữu tả về nỗi cùng cực của đời tù:

*Đây thành lao cửa ngục
Đây xiềng xích gông cùm
Chết nếu mi đòi sống!*

Thật bất ngờ, như sức nhớ ra điều hệ trọng gì đó, đồng chí Hoàng Quốc Việt đưa mắt nhìn bao quát phòng giam, rồi nhìn lên xà nhà trên cao sát với nóc cũ, đồng chí nói với cán bộ bảo tồn của Côn Đảo:

- Các đồng chí cho người trèo lên tìm xem, chỗ kia kia, chính tay tôi giấu vào đó mấy bài của tờ “Người cùng khổ” do Nguyễn Ái Quốc viết.

Về sau này tôi được nghe kể lại các đồng chí bảo tồn ở Côn Đảo đã tìm được tài liệu ấy do đồng chí Hoàng Quốc Việt chỉ cho.

Lại một điều bất ngờ khác mà cũng là bài học quý cho công tác bảo tồn bảo tàng, nếu biết dựa vào chứng nhân sống của lịch sử.

Không hiểu các đồng chí Côn Đảo dựa trên tài liệu và chứng nhân nào mà ngay từ năm 1976, các đồng chí đã khẳng định một số nơi là di tích của lãnh tụ Đảng hy sinh như trường hợp đồng chí Lê Hồng Phong. Chú Mười Cúc cùng đi Bảy Huệ đi thăm lại chuồng bò, chuồng cạp, Ma Thiên Lãnh, Hàng Dương, mũi Cá mập, hòn Cau, hòn Bà, Cỏ ống thời Pháp và khẳng định các địa danh lịch sử này. Nhưng đến một khu đất riêng dựng nhà truyền thống, trưng bày một số di vật, chú Mười ngạc nhiên khi đọc lời chú thích: “Nơi đây đồng chí Lê Hồng Phong đã hy sinh”. Chú Mười giật mình vội nói với đồng chí Bí thư huyện ủy Côn Đảo (lúc đó Côn Đảo trực thuộc TP. Hồ Chí Minh): “Nhầm rồi ông ạ! Một phần đồng chí Lê Hồng Phong ở Hàng Dương thì tôi khẳng định. Nhưng nơi đồng chí Lê Hồng Phong hy sinh không phải chỗ này đâu”.



Năm 1970, các thành viên một ủy ban Quốc hội Mỹ đã viếng thăm Côn Đảo - một hòn đảo được sử dụng làm nơi giam giữ những tù nhân chính trị ở miền Nam Việt Nam. Bằng những thông tin có được từ trước, họ đã khám phá ra một sự thật kinh hoàng bị che giấu:

Một khu biệt giam với tên gọi "Chuồng cọp", nơi giam giữ tù nhân trong điều kiện vô cùng tồi tệ. *Nguồn: Internet.*

Thế rồi chú Mười khoác tay đồng chí Bí thư Côn Đảo kéo cả đoàn đi theo, trong đó có nhóm phóng viên Truyền hình thành phố "khoái như bắt được vàng", bởi lẽ được ghi lại hình ảnh độc nhất vô nhị của lịch sử qua nhân chứng sống cùng thời với liệt sĩ Lê Hồng Phong.

Tôi còn nhớ, chú Mười đưa mọi người đến một xó hẹp của nhà giam kín Côn Đảo. Nơi xó hẹp này lũ đầu trâu mặt ngựa đã thủ tiêu đồng chí Lê Hồng Phong của chúng ta.

Phim tài liệu lịch sử “Hòn đảo ngọc” của chúng tôi “độc quyền” các chi tiết chú Mười Cúc nói về Côn Đảo, nhờ đó thuyết phục được người xem, mặc dù kỹ thuật của truyền hình lúc đó chỉ là đen trắng và phim nhựa 16 ly. Bên cạnh hình ảnh xúc động về chỗ đồng chí Lê Hồng Phong hy sinh, chúng tôi còn ghi được những thước phim giá trị khi chú Mười Cúc đến chuồng cọp Mỹ để so sánh với chuồng cọp Pháp.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã từng bị giam ở chuồng cọp Pháp, nhưng đến chuồng cọp thời Mỹ, so sánh mục đích xây dựng chuồng cọp này, quả bọn đế quốc Mỹ là bậc thầy của thực dân Pháp. Đồng chí phân tích sự tồi tàn trong “nghệ thuật” hãm hại tù nhân của đế quốc Mỹ. Chuồng cọp thời Pháp đỡ hơn vì cách dọa dẫm tù nhân coi “hiền” hơn chuồng cọp Mỹ, đó là: đồ phân, rắc vôi, giam đói. Còn chuồng cọp Mỹ cách ly mặt đất, vừa bảo đảm: rắc vôi, đồ phân, giam đói, còn thêm nhiều kiểu tác động cân não, dọa dẫm thân xác bằng cái lạnh thấu xương của đêm Côn Đảo mùa gió chướng, cái nóng như rang cua, nung da nấu thịt tù nhân mùa hè. Nói về “chuồng cọp Mỹ”, đồng chí Nguyễn Văn Linh cho thấy mức độ dã man không còn tính người của đám cố vấn Mỹ bày cho bọn tay sai thiết kế chuồng cọp. Nhưng dù thâm hiểm và ác độc hơn chuồng cọp Pháp, chúng cũng không thể làm cho các chiến sĩ cộng sản và người yêu nước run sợ đầu hàng. Đồng chí nhắm đọc những chữ viết bằng máu, khắc trên tường lạnh, thể hiện khí phách của người tù chuồng cọp. Thấm khăn lau dòng nước mắt, tưởng nhớ anh linh các chiến sĩ bị hãm hại ở chuồng cọp Mỹ, sự xúc động của đồng chí Nguyễn Văn Linh đã làm nhiều người trong đoàn đi theo đồng chí nước mắt rưng rưng.

Bộ phim của chúng tôi ghi đầy đủ hình ảnh và lời nói của đồng chí Nguyễn Văn Linh ở chuồng cọp Mỹ và đó cũng là trường đoạn phim trở thành vô giá về tính chân thật và truyền cảm. Cũng như thế, chúng tôi ghi đầy đủ hình ảnh chú Mười Cúc thân thương chia tay bà con Côn Đảo sau chuyến đi “hành hương về Côn Đảo” qua cuộc mít tinh của quân và dân Côn Đảo lưu luyến với người tù năm xưa. Đêm ấy Côn Đảo bừng sáng ánh điện. Mọi nhà và cơ quan dồn điện cho đêm mít tinh, do máy phát điện của đảo công suất chỉ có hạn. Bà con được xem tivi của TP. Hồ Chí Minh qua trạm tiếp sóng đặt trên đỉnh núi chúa Côn Đảo.

Không có thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thì Côn Đảo không là địa ngục trần gian. Đảo mới giải phóng còn đầy thương tích của đói nghèo, mặc cảm. Nhưng đêm mít tinh ấy, bộ đội biên phòng bảo vệ đảo, cán bộ chính quyền và gia đình cán bộ ở đảo, gia đình vợ con những người lính thuộc chế độ cũ cùng chung vui trong tinh hòa hợp dân tộc. Với chất giọng ấm áp, với nỗi niềm của người tù năm xưa từng cay đắng tù nhục trước nỗi đau mất nước, nỗi hận của người nô lệ đối với bọn cướp nước, đồng chí Nguyễn Văn Linh nói chuyện với quân và dân ở đảo. Hơn ai hết, đồng chí rất hiểu Côn Đảo, nơi bọn xâm lược dành riêng giam hãm thân tù. Ruộng vườn không nhiều, cơ sở hạ tầng không có gì. Cán bộ đất liền chưa quen thung thỏ, cán bộ tại chỗ vừa thoát tù thân hình mỏng như tờ, đòn thù còn chưa kín miệng trên thân thể. Tài nguyên Côn Đảo dù rất phong phú, nhưng hiện tại đảo rất nghèo. Các nơi như Vũng Tàu, Hậu Giang, TP. Hồ Chí Minh tặng quần áo, thuốc men, sữa, gạo nhưng chỉ đáp đối qua ngày. Đồng chí bàn với Đảng bộ chính quyền Côn Đảo về chiến lược hỗ trợ trước mắt và về lâu dài cho Côn Đảo. Muốn Côn Đảo trở thành “Hòn đảo ngọc” như lời đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn dặn dò, đồng chí Nguyễn Văn Linh ân cần nói với bà con: “Từ sức lực, bàn tay, mồ hôi, trước hết tự lo cho mình, không ỷ lại. Chỉ có đoàn kết trên dưới một lòng, mọi người ra sức lao động, khai thác tiềm năng nhiều mặt của Côn Đảo, sẽ chóng đem lại ổn định và ấm no. Côn Đảo sẽ là vùng đất giàu đẹp của Tổ quốc”.

Thực hiện sự chỉ đạo của chú Mười Cúc với Côn Đảo, chúng tôi ghi hình ảnh bộ đội biên phòng, hải quân giúp dân đảo thu hoạch mùa lúa đầu tiên trúng lớn ở Côn Đảo. Người giám thị chế độ cũ nay trở thành anh đội trưởng sản xuất. Những binh lính trước đây gác tù và vợ con họ nay cũng có công ăn việc làm. Nhiều phụ nữ tham gia việc đồng áng, học nghề ở xưởng mỹ nghệ, tạc tượng gỗ, làm gậy đầu rồng quà lưu niệm của Côn Đảo, hoặc các sản phẩm mỹ nghệ đặc sắc của Côn Đảo: rùa biển, đồi mồi, cua đinh... Sức sống Côn Đảo bật dậy như chính sự chuyển mình của Tổ quốc sau đại nạn xâm lược Mỹ gây ra.

Được sống những giờ phút quý giá bên cạnh đồng chí Nguyễn Văn Linh, một trong những lãnh đạo của Đảng, một tâm hồn lớn lao, luôn nghĩ đến lợi ích của dân của nước, chúng tôi những người làm phim “Hòn đảo



Nghĩa trang Hàng Dương, nơi an nghỉ của gần 2000 liệt sĩ trong tổng số hơn 20.000 liệt sĩ đã hy sinh tại Côn Đảo. *Nguồn: Internet.*

ngọc” hết sức thấm thía những lời dặn dò và triển vọng mà đồng chí nêu ra khi đi thăm Côn Đảo cách đây 22 năm. Côn Đảo bây giờ đang đi lên trên con đường đổi mới mà đồng chí Nguyễn Văn Linh là người đặt viên đá đầu tiên. Côn Đảo đang thực sự trở thành “Hòn đảo ngọc”, một vùng đất giàu đẹp và là điểm du lịch đầy hấp dẫn đối với khách trong và ngoài nước.

Tháng 10-1998

Câu chuyện bát nhang bùng cháy

ĐOÀN HỮU THÀNH,

con rể của đồng chí Nguyễn Văn Linh, kể,

Nam An ghi

Tôi vẫn còn nhớ chuyến về thăm Côn Đảo năm 1992 của Ông già mà tôi được đi cùng.

Năm 1991 ông nghỉ, nên vào thời điểm đó ông ra Côn Đảo với vai trò Cố vấn.

Từ Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi đi xe ra Vũng Tàu rồi từ đó đi máy bay trực thăng ra Côn Đảo. Máy bay Liên Xô, nhỏ, chở được ít người, có người của Văn phòng Trung ương Đảng, bác sĩ Sáu Quang, gia đình thì có tôi tháp tùng ông. Kiểu Ông già đi bao giờ cũng gọn, đơn giản, vì tính ông không thích rình rang. Khi còn là Tổng Bí thư, tôi biết các cận vệ cũng gặp nhiều khó khăn trong việc lên kế hoạch bảo vệ ông, vì Ông già hay tiếp cận, hỏi thăm nhân dân. Có lần ông đã rầy đội trưởng đội bảo vệ vì cứ lấp ló, ngăn chặn, ông nói: “Nếu dân không thương thì người ta bắn tôi chết lâu rồi”.

Trên máy bay, Ông già giờ sổ tay ra ghi lại những dòng cảm nghĩ của mình để chuẩn bị cho những phát biểu, mà bây giờ trở thành bút tích. Bút tích đó cũng là những dấu ấn rất lớn, trong khi đó có những điều rất sơ đẳng (tôi dùng từ sơ đẳng không biết có khiên cưỡng quá hay không)

nhưng nhiều khi người ta không nghĩ tới. Ở ngoài Côn Đảo, với tất cả tấm lòng để đón Ông già ra, cán bộ Côn Đảo rất chu đáo chuẩn bị đón tiếp. Trong buổi lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng Nghĩa trang Hàng Dương, các quan chức của địa phương, của Trung ương lên phát biểu trước rồi sau đó mới mời Ông già phát biểu. Hầu hết, một cách tự nhiên thì bao giờ người ta cũng kính thưa đồng chí Nguyễn Văn Linh, kính thưa các vị quan chức, quan khách... Cuối cùng Ông già lên phát biểu thế này: “Kính thưa liệt sĩ Lê Hồng Phong... Kính thưa liệt sĩ Võ Thị Sáu và các anh hùng liệt sĩ. Nó thể hiện một cái gì đó sâu lắng ghê gớm lắm. Lúc đó tôi cũng không nghĩ đến vấn đề tâm linh vì lúc đó là năm 1992, chuyện về tâm linh cũng còn mờ nhạt lắm, nhưng tôi chú ý một điều là khi Ông già vừa nói xong “Kính thưa...” thì bát nhang bùng cháy lên. Mọi người ở dưới cũng nhìn thấy hết nhưng trong suy nghĩ mỗi người sẽ khác nhau, còn tôi thì nghĩ: “Có cái gì đó...”.

Trong tất cả các chuyến đi, về thì chuyến cuối năm 1976-1977 để lại dấu ấn sâu đậm nhất. Chuyện Ông già về thăm Côn Đảo, về lại xà lim... được ghi lại trong bộ phim *Hòn đảo ngọc* do anh Phạm Khánh Toàn, biên tập viên Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh làm đạo diễn, sau đoạt giải Bông sen bạc. Ông già, người hai lần ở tù Côn Đảo, thì càng thấm thía và thể hiện tình cảm sâu nặng với nơi tuy bị tù đầy nhưng từ đó mà trưởng thành.

Câu chuyện nho nhỏ nhưng thể hiện tấm lòng chân thành, rất chân thành, nghĩa tình, nghĩa khí đối với đồng chí của mình. Đó là cảm nhận của tôi.

Tháng 6-2015



Kính thưa các liệt-sĩ
Lê Hồng Phong, Nguyễn an Ninh
Lê ~~Nguyễn~~ ^{Nguyễn} Hieu; Võ Thị Sáu và
tất cả các liệt sĩ anh hùng,

Côn Đảo cũng như nhà tù Sơn La,
Bam Mê - Thuật và bao nhiêu nhà
tù khác là những địa ngục trần
gian mà bọn đế-quốc và tay sai
đã ^{đẩy đẩy} đem những người công-sản,
những người yêu nước.

Chỉ một số con sông sọt được
về tiếp tục sự nghiệp cách mạng,
còn bao nhiêu đồng chí đã bị
sinh dỗi bên tay đót ác của
Kẻ thù và bị chôn vùi ở
dưới cái bãi cát Không ~~thà~~ xứng

trưng
 danh lại một nghìn đóa liệt sĩ.

Hôm nay Đảng và Nhà Nước
 phải chúng tôi ra đây thắp
 nến các đồng chí và lãnh tụ
 khởi công ~~để~~ xây dựng một
 nghìn hàng, một đại liệt sĩ
 của cả dân tộc Việt - Nam
 đời đời nhớ các đồng chí, nhớ
 những ^{anh hùng} người đi đầu vì nước
 vong thân, nhớ những người
 đã phải bỏ tánh mạng
 một cách thê thảm chỉ vì
 đã cùng đồng chí, đồng bào đấu
 tranh kiên cường để giải
 phóng đất nước, giải phóng đồng
 bào thoát cảnh áp bức, lầm
 than.

~~am hơng~~

Nghĩa hàng và đại liệt, si V
này đồng bào các nước phải
hãy nhớ tình bề công, bề của
tổ dựng nên gọi là tương
nhớ đến những cái dòng - chủ
những vì ảnh hưởng đã vì
mười vòng thân. Chẳng
những thế hệ chúng tôi ngày
này mà cái thế hệ cháu,
chất chúng ta sau này mãi
mãi ~~sau này luôn luôn~~ sẽ
tương nhớ đến những người đã
có công lớn với Tổ Quốc, do
đó sẽ ~~đó~~ nơi gương anh dũng của
các vị mà ra sức xây dựng
và bầu về tự do, độc lập của
nước Việt Nam quê hương
Xhcn

4



XXVII съезд КПСС

Chúa các đồng chí an nghỉ
trong lòng ngưỡng mộ của
toàn dân - tộc !!

Ngày 19-12-1992

Bài phát biểu tại Côn Đảo được đồng chí Nguyễn Văn Linh viết trên chuyến bay từ
TP. Hồ Chí Minh đến Côn Đảo ngày 19 tháng 12 năm 1992. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

Trong tôi sống mãi hình ảnh một con người

BẢO ĐỊNH GIANG⁽¹⁾

Lần đầu tiên tôi được gặp và nghe đồng chí Mười Cúc nói chuyện về Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và sứ mạng mà Đảng gánh vác trong cuộc đấu tranh gian khổ lâu dài nhằm đấu tranh giải phóng dân tộc và giai cấp ra khỏi cảnh cơ hàn, cực nhục do đế quốc và phong kiến gây ra.

Cuộc nói chuyện của đồng chí Mười Cúc tại cuộc mít tinh trọng thể, nhân ngày kỷ niệm Đảng 6-1-1950, được tổ chức tại một xã ở tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang ngày nay).

Tại địa điểm mít tinh, cán bộ, nhân viên, bộ đội và nhân dân đến dự con số lên đến mấy ngàn người. Đồng chí Lê Duẩn và Bộ Tư lệnh Nam bộ (thời gian cơ quan đang đóng ở đây) các đồng chí trong Xứ ủy, Tỉnh ủy Rạch Giá cũng có mặt trong đêm ấy đều ngồi bệt xuống đất trên một thửa ruộng khô còn thơm mùi rạ, sau vụ mùa vừa mới gặt.

Là người mới gia nhập Đảng vài năm trước đó, sự hiểu biết về Đảng còn nông cạn, với tôi, suốt hai tiếng đồng hồ ngồi nghe đồng chí Mười Cúc trình bày có hệ thống quá trình hình thành chính Đảng của giai cấp vô sản ở nước ta như được dự một lớp học chính trị rất bổ ích. Nội dung phong

1 Nhà thơ **Bảo Định Giang** (1919-2005): Ông là tác giả của hai câu thơ nổi tiếng: "Tháp Mười đẹp nhất bông sen, Nước Nam đẹp nhất có tên cụ Hồ". Từng kinh qua các chức vụ: Phó Tổng thư ký Hội Văn Nghệ Việt Nam, Vụ phó Vụ Văn nghệ Ban Tuyên huấn Trung ương, Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật TP. Hồ Chí Minh, Tổng Biên tập báo Văn nghệ.



Từ trái sang phải: đồng chí Bảo Định Giang, đồng chí Ngô Thị Huệ, đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Nguyễn Thị Thập, thiếu tướng Lê Quốc Sơn. *Nguồn: Do gia đình cung cấp.*

phú và với giọng nói ôn tồn, đồng chí Mười Cúc thu hút đông đảo người nghe giữa một cánh đồng tĩnh mịch, gió thổi về đêm - càng về khuya càng hào phóng.

Sau cuộc nói chuyện, một vở kịch ba màn được chuẩn bị từ tháng trước, do đồng chí Lê Duẩn gợi ý cho các anh: Huỳnh Văn Tiểng, Lưu Quý Kỳ và tôi chấp bút. Tiếp theo là một hoạt cảnh dân ca ba miền do các nghệ sĩ có giọng rất đẹp là Khánh Vân, Tường Ngọc và chị Hòa trình bày, được người xem thích thú.

Đêm mít tinh kết thúc gần hai giờ sáng. Sau nhiều tuần chuẩn bị, lại phải đóng vai chính trong vở, mất nhiều công sức tập luyện nhưng tôi không thấy mệt nhọc chút nào. Trong lần gặp tình cờ này, ngoài các đồng chí lãnh đạo Đảng, tôi có vinh dự được đồng chí Mười Cúc trong mười, mười lăm phút cho ý kiến về vở kịch và màn hoạt cảnh giúp tôi hiểu thêm về tính nghệ thuật gắn liền một cách hữu cơ với tính tư tưởng trong một tác phẩm như thế nào.

Trên chiếc ghe tam bản, trở về nơi đóng quân rất xa, khi nghĩ về đêm mít tinh, lòng tôi thấy lâng lâng như sắp gặp được một điều may mắn, tốt lành diễn ra trong đời tham gia cách mạng của mình.

Bằng đi khá lâu, tôi mới được gặp lại đồng chí Mười Cúc ở Hà Nội - thời chống Mỹ, khi nghe tin đồng chí ra họp. Gặp để thăm viếng, cho thấy mặt để thỏa tình trong những giây phút gần gũi, không dám làm mất ngày giờ vàng ngọc của đồng chí trong lúc miền Nam đang sống trong nước sôi lửa bỏng. Trước đó mấy hôm, khi gặp đồng chí Lê Duẩn để hỏi ý kiến về một số vấn đề văn nghệ ở đô thị Sài Gòn, đồng chí Lê Duẩn bảo: “Nhân có anh Mười Cúc ra Hà Nội, anh nên gặp anh ấy”. Phải ra gặp và về gặp, đa đoan công việc, tôi biết anh Mười Cúc không có ngày giờ để gặp, nên tôi, dù muốn - chẳng gặp. Tiếc, nhưng đành chịu vậy!

Thời gian được gặp và làm việc nhiều nhất với đồng chí Mười Cúc là sau ngày miền Nam giải phóng. Với cương vị là Bí thư Thành ủy, đồng chí thường đến cơ quan chúng tôi, tìm hiểu công việc “làm ăn” của chúng tôi và bảo chúng tôi đưa đồng chí đi thăm các Hội văn học nghệ thuật ở thành phố. Tháo gỡ một số khó khăn và góp ý nhiều lần, đồng chí Mười Cúc tập trung phát biểu vào mấy điều sau đây:

1. Phải có quan điểm đúng, nhìn sự vật đúng.
2. Phải có tấm lòng trong sáng, vì ích nước, lợi dân mà viết, mà vẽ, mà làm phim ảnh...
3. Phải đi thực tế, luôn gắn bó với đối tượng miêu tả. Thoát ly quần chúng, nhất là nhân dân lao động thì không thể có tác phẩm tốt.
4. Tài năng nghệ thuật là quý hiếm, ngoài năng khiếu bẩm sinh, đòi hỏi phải học hỏi, tôi luyện lâu dài. Sự sáng tạo trong nghệ thuật là cực kỳ quan trọng. Tác phẩm dù viết đúng đắn dẫn đến đâu, nhưng thiếu tính nghệ thuật, có cũng bằng không, vì nó không đi vào tâm trí người đọc.
5. Càng có tài, càng khiêm tốn. Khiêm tốn chỉ được thôi chớ không mất gì. Viết được vài cuốn sách đã phát sinh bệnh kiêu ngạo dễ làm thui chột tài năng, ngăn trở sự phát triển của bản thân.

Một cái ý mà cuộc gặp mặt nào trong giới văn học nghệ thuật, đồng chí Mười Cúc cũng nhắc là góp phần đấu tranh chống tiêu cực phát sinh trong xã hội, nhưng trước tiên và quan trọng hơn cả là biểu dương, ca ngợi



Đồng chí Nguyễn Văn Linh nói chuyện với cán bộ và chuyên gia trên công trường thủy điện Trị An. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

những gương người tốt việc tốt. Người tốt, việc tốt xuất hiện trong đội ngũ công nhân, nông dân, trí thức có nhiều, đang làm chủ vận mạng của đất nước. Nếu toàn xã hội không có lực lượng nòng cốt ấy thì đất nước sẽ ra sao? Bọn tiêu cực làm tổn hại tinh thần, vật chất của xã hội không nhỏ, nhưng nhìn toàn cảnh, chúng chẳng qua là một chấm đen trên trang giấy trắng. Lật sổ tay xem lại khi viết bài này, tôi hình dung như đồng chí Mười Cúc đang ngồi đối diện với chúng tôi, một con người phúc hậu nhưng sắc sảo, một người anh đang tỉ tê dạy bảo đàn em.

Đi thăm hỏi các đồng chí cách mạng lão thành, các gia đình gặp khó khăn, các cảnh ngộ neo đơn, trường học, bệnh viện, các cơ sở sản xuất là việc thường xuyên của đồng chí. Tôi biết ơn và cảm động sâu sắc, nhắc hoài việc đồng chí Mười Cúc nhờ anh Dương Đình Thảo đưa đồng chí đến tận nhà tôi để thăm hỏi khi hay tin tôi lâm bệnh. Hai chai mật ong có chất lượng cao, do đồng chí tặng đối với tôi là của quý. Nhưng quý gấp trăm lần là



Đồng chí Nguyễn Văn Linh thăm xí nghiệp đóng tàu Ba Son. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

những khoảnh khắc đồng chí đến thăm và dặn dò cách bồi dưỡng sức khỏe.

Nói như thế này có phản khoa học? Có hợp với bệnh lý không? Một khi tinh thần được sáng khoái, hưng phấn thì dù đang bệnh, sức khỏe cũng phục hồi được nhanh hơn là uống thuốc rất đắt tiền trong khi cõi lòng sầu muộn kéo dài. Mấy chai mật của anh Mười Cúc - đích thân anh mang đến nhà cho - đối với tôi là một thứ "linh dược".

Tôi cũng thấy như thế đối với chị Nguyễn Thị Thập đau ốm kéo dài. Thường xuyên vài năm trước khi chị Thập thở hơi cuối cùng, anh Mười Cúc và chị Bảy Huệ (tức chị Mười) thường hay đến thăm - nhất là chị Bảy Huệ. Tôi cảm động về tình cảm của anh Mười và chị Mười đối với một người đã từng phát cao cờ trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở xã Long Hưng và tiếp tục hoạt động cách mạng suốt một đời người, chưa kể chồng và hai con trai đều hy sinh trong khởi nghĩa và trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ.

Với người đồng tâm, đồng chí thì thái độ và tình cảm như thế, nhưng với kẻ hám danh, hám lợi, lộng quyền hà hiếp quần chúng và lợi dụng

quyền hành tước đoạt của công dân... thì anh Mười Cúc lên án không thương tiếc trong nhiều cuộc họp mà tôi được dự. Giọng ôn tồn thường xuyên của anh trở thành giận dữ đối với các đối tượng vừa nói - nhất là khi anh thôi làm Tổng Bí thư, được đề cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tôi thấy cần kể ra đây, trước khi kết thúc bài viết ngắn ngủi về đồng chí Nguyễn Văn Linh - anh Mười Cúc. Nhân kỷ niệm lần thứ 20, ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng và kỷ niệm ngày 1 tháng 5, xí nghiệp Ba Son có tổ chức cuộc họp mặt tại xí nghiệp. Đồng chí Cố vấn Nguyễn Văn Linh đang bận việc, nhưng cũng cố gắng sắp xếp ngày giờ tới dự. Đồng chí cáo lỗi ra về sau khi phát biểu một số ý kiến ngắn gọn như sau:

“Trong nhà tù Côn Đảo mà Bác Tôn bị giam cầm nhiều năm, lúc ấy tôi cũng bị thực dân Pháp đày ải ra đó, khi tôi 16-17 tuổi. Nhiều lần làm phu sai, tạp dịch bên Bác Tôn, tôi học được ở Bác nhiều điều. Chính Bác Tôn đã nâng đỡ tinh thần tôi, củng cố quyết tâm của tôi đối với cách mạng. Các gương sáng về lòng trung kiên, chung thủy, đức tính kiên cường và dũng cảm của Bác Tôn khiến tôi và các đồng chí khác đều kính phục. Tất cả điều tôi học được ấy vẫn sống dai dẳng trong tôi cho đến ngày nay...”

Dự cuộc mít tinh tôi học được hai bài học lớn: Tấm gương kiên cường, khí phách, coi cái chết “nhẹ như lông hồng” của Bác Tôn qua các tháng năm dài bị đọa đày ở Côn Đảo và bài học về tính trung thực, tinh thần rất đổi khiêm tốn của đồng chí Nguyễn Văn Linh, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tôi nhớ mãi câu nói của anh: “Tất cả điều tôi học được ấy (ở Bác Tôn) vẫn sống dai dẳng trong tôi cho đến ngày nay”.

Trong ngày được tin đồng chí Nguyễn Văn Linh từ trần, nửa đêm hôm đó, tôi lục lọi trong hòm đựng ảnh lấy tấm ảnh mà đồng chí bảo tôi và chị Mười, thiếu tướng Lê Quốc Sản và đứa cháu gái chụp chung để làm kỷ niệm trước thêm Hội trường Ba Đình trong dịp Đại hội Đảng lần thứ VI. Suốt đêm ấy, tôi không ngủ được, ngồi viết bài thơ đến gần sáng, kèm theo là bức ảnh vừa nói trên để kịp đăng trên “Tuần báo Văn Nghệ” để viếng một con người yêu quý đã đi xa...

Càng nhớ càng thương anh

ĐỖ DUY LIÊN⁽¹⁾

Anh tham gia cách mạng từ lúc tôi mới hơn mười tuổi; những nỗi gian truân, cơ cực của anh thời đó tôi không thể biết, chỉ từ lúc giác ngộ cách mạng, đi kháng chiến chống thực dân Pháp tôi mới biết anh; nên tôi chỉ nói được về anh từ đó.

Suốt 30 năm anh tình nguyện, chấp nhận chiến đấu để giải phóng dân tộc trên một chiến trường sôi động, ác liệt, quyết liệt chưa từng có. Đây là chiến trường đô thị ngay trong sào huyệt của địch, đây là vùng rừng núi căn cứ địa cách mạng, những nơi mà mạng sống và cái chết của con người không có ranh giới, tù đầy khó tránh, bom đạn như mưa, thường xuyên đe dọa rình rập, một cuộc sống căng thẳng mà anh phải chịu đựng tính đến trên mười ngàn ngày đêm.

Không những chiến đấu trong tình huống sống chết như chơi ấy mà anh lại luôn là người giữ những cương vị lãnh đạo chủ chốt, cương vị đứng đầu; trách nhiệm đè nặng cả hai vai, anh luôn phải đối địch, đương đầu với kẻ thù đầy mưu sâu hiểm độc, anh phải rất vững chãi, bình tĩnh sáng suốt để có những quyết định quan trọng, những quyết định cho vận mệnh cách mạng ở thành phố rồi sau đó ở cả miền Nam.

1 Bà Đỗ Duy Liên: Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, nguyên Phó chủ tịch Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo TP.HCM, bây giờ, tuổi đã cao, bà vẫn cùng các đồng chí khác làm công việc từ thiện, chăm lo cho những người nghèo đang bị bệnh tật.

Suốt những năm tháng đằng đẵng ấy, anh lại phải sống xa vợ, xa con - một hy sinh mà anh và bao đồng chí đã chấp nhận vì nghĩa lớn. Ở anh còn có nỗi niềm sâu lắng, vốn sớm chịu mồ côi, lớn lên trong cô đơn, nên anh rất khao khát tình cảm gia đình. Trong một thư viết cho chị vào tháng 6-1950 trước khi đi công tác xa: *"Anh đi lần này chỉ canh cánh bên lòng một điều: trước khi đi không biết có được gặp H không? Chúng ta chưa tạo được đứa con, giá có một đứa con!"*. Đầu năm 1953, trong một thư khác anh mơ ước với chị: *"... trong vòng một năm nữa là H có con khóc oe oe bồng trong tay, chừng đó nó còn đỏ hỏn để H bồng, anh thì 6 tháng mới bồng được, nếu bồng sớm nó nhỏ quá lọt tay mất..."*. Tháng 6-1953, một thư khác anh lại viết cho chị: *"... sức nhớ bây giờ mình đâu còn gia đình, bây giờ anh chỉ có một gia đình, gia đình lớn là Đảng, gia đình nhỏ là gia đình của H... bây giờ nhớ mẹ, là nhớ đến ngày túng thiếu mẹ con co ro ôm nhau khóc"*.

Chị Bảy Huệ, người bạn đời của anh khi nhắc đến anh, đến các con, chị kể rằng: Thành hôn với chị anh rất mong có một đứa con. Lần chị sanh đứa con gái đầu lòng (lúc này anh đang hoạt động trong nội thành Sài Gòn) anh náo nức suốt đêm không ngủ, chỉ ngồi hút thuốc chờ đến sáng để được đến với con. Anh ôm con vào lòng, im lặng - anh tận hưởng hạnh phúc tốt đời trong cuộc đời. Khi có các cháu, không một bức thư nào viết cho chị và cho các cháu anh không nhắc đến nỗi khắc khoải nhớ mong. Tháng 12-1966 trong lúc chiến tranh ở miền Nam rất ác liệt thư anh viết cho các con anh: *"Các con đừng lo gì về bố cả, chỉ cần lo học, lo giữ sức khỏe thật tốt đồng thời các con lo sức khỏe cho mẹ, hỏi các con còn nhớ mẹ vì các con mà mệt nhọc nhiều, nhất là bố lại ở xa. Phải làm cho mẹ vui nhé. Linh viết cho bố chữ viết rõ, nắn nót cẩn thận, bố bằng lòng lắm"*. Đến năm 1968 năm của cuộc tiến công Mậu Thân anh lại có dịp viết và nói chuyện với các con anh: *"Các con ạ, hiện nay miền Nam ta đang thắng to, Mỹ thua liểng xiểng... bố nghe Hòa nấu ăn khá lắm phải không? Ủ học nấu khá lên rồi bao giờ ở gần nấu cho bố ăn, mà phải nấu những món bố thích ăn kia, hỏi mẹ thì biết"*. Năm 1970, anh vui sướng, mãn nguyện viết cho con: *"... Kỳ này được tin Hòa đã vinh dự được kết nạp vào Đoàn lấy tên Bác Hồ, bố hết sức phấn khởi. Bố bỗng sống lại thời kỳ cách đây 40 năm, lúc đó bố 16 tuổi, lần đầu bố được kết nạp vào "Đoàn học sinh" ở Hải Phòng, lúc đó bố không hề nghĩ*

40 năm sau, mình lại có một đứa con được kết nạp vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh để nối tiếp sự nghiệp của mình. Ngày nào bố nhận được tin Bình rồi Linh sẽ vào Đoàn thì thật không gì vui sướng bằng”.

Càng thương vợ thương con, anh càng để ý chăm lo cho đồng đội đồng chí cùng chiến đấu với anh, bởi vì trong họ nhiều người cũng xa vợ, xa con, có người hoàn cảnh còn khó khăn hơn. Anh lo đến sự tiến bộ trong công tác cách mạng, đến hạnh phúc, đến sức khỏe của từng người. Riêng tôi, một trong hàng vạn cán bộ dưới quyền anh cũng được anh rất quan tâm săn sóc. Lúc tôi với anh Nhuận⁽¹⁾ quen nhau, chính anh tạo điều kiện cho hai chúng tôi gặp lại nhau, thành vợ thành chồng. Cuộc đời tôi thiếu may mắn, chồng tôi hy sinh trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Anh thông cảm cảnh các con tôi mất cha nên, cũng chính anh, anh chưa cho tôi trở lại chiến trường (thời gian tôi được đưa ra điều trị bệnh tại miền Bắc) anh lấy cớ là tôi phải có nhiệm vụ ở lại miền Bắc một thời gian. Tôi rất hiểu, anh Mười thương các cháu, anh cố giữ cho các cháu vừa mất cha phải còn có mẹ về, chiến trường đang rất ác liệt, biết có giữ được mạng sống hay không.

Dù bận rộn đến đâu, chiến trường căng thẳng đến đâu, anh vẫn không quên ai, trong đó có tôi. Mấy năm sau, cũng chính anh, anh gọi đến gặp để tính chuyện xây dựng lại hạnh phúc cho tôi. Tuy tôi không làm theo ý định của anh, nhưng mối ân tình đó bao giờ tôi cũng ghi sâu trong lòng.

Nhiều lần ngồi nghe chị Bảy nói chuyện về anh, tôi khóc và càng quý trọng anh vô cùng. Anh tâm sự với chị: Suốt mấy chục năm phải sống xa nhau, anh không chia sẻ được nỗi nhọc nhằn nào với chị, dồn hết cả việc nuôi lẫn việc dạy con cho chị. Anh biết chị vất vả nhọc nhằn lắm. Bây giờ được sum họp anh lại già yếu, bệnh tật, anh đã không chia sẻ bù đắp được gì cho chị mà còn làm cho chị vất vả thêm, lại phải chăm sóc sức khỏe thuốc thang cho anh. Thế là anh có lỗi với chị. Chị ôn tồn chân thực nói với anh: Anh lắm, không vất vả đâu, được sum họp, được lo cho anh là hạnh phúc của chị. Chị còn nói rằng mình vẫn hạnh phúc hơn bao

1 Ông Lê Duy Nhuận hy sinh năm 1968 khi đang công tác tại Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam. Ông là thân phụ của ông Lê Thái Hỷ - Giám đốc Sở Thông tin Truyền thông TP. Hồ Chí Minh.



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh làm việc với Thành ủy và Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, ngày 27-4-1987. Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

hiều người, có người mong được nổi “vất vả” của mình mà không thể nào có được.

Có lẽ anh muốn tôn vinh lòng trung hậu, đảm đang của chị nên anh đã có ý định, đến kỷ niệm 50 năm ngày cưới, anh cùng con cháu sẽ tổ chức liên hoan mừng hai người, nhưng thực ra là mừng chị. Thật ngậm ngùi chưa thực hiện được ý định, anh đã vĩnh biệt cuộc đời.

Một đời sống tình cảm nữa của anh mà tôi nghĩ, nếu không nhắc đến là chưa phải với anh, đó là những ấp ủ, ước mơ của anh được vùng vẫy khi đất nước có độc lập và thống nhất.

Cuộc kháng chiến càng gần tới thắng lợi, càng ác liệt căng thẳng. Anh Mười vẫn khẳng định ước mơ, kế hoạch của anh: nhất định giải phóng xong mình sẽ xây dựng lại thành phố Sài Gòn rực rỡ, thật phong lưu - làm cho người dân hết cơ cực, ai ai cũng tin yêu vào chế độ cộng sản, như Bác đã trấn trối trong Di chúc.

Sau 30-4-1975, có giang san trong tay rồi mà anh lại chưa thực hiện được ý nguyện.

Anh có dịp nói với nhân dân qua phỏng vấn báo chí: “Chúng tôi chiến đấu ở miền Nam mấy chục năm, chuyên lo công tác dân vận và đánh giặc, sau 1975 thì lao vào ổn định tình hình, khôi phục cuộc sống bình thường... Sau ngày Tổ quốc thống nhất, vấn đề đặt ra cho TP. Hồ Chí Minh, cho Hà Nội và cho cả nước là phải từng bước xây dựng, đặc biệt là xây dựng kinh tế... song đáng tiếc, bên cạnh những thành tựu đạt được ta lại mắc sai lầm... đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là bệnh chủ quan duy ý chí... đó là tư tưởng tiểu tư sản vừa “tả” vừa “hữu” khuynh. Ở thành phố ta chủ trương tịch thu cơ sở sản xuất của tư sản mại bản là đúng vì chúng là tay chân của đế quốc, song đối với giai cấp tư sản dân tộc thì không nên dùng cách đó mà phải khuyến khích họ đem tài năng, của cải để phát triển sản xuất, xây dựng đất nước... Đáng tiếc là ta vội vàng tiến hành cải tạo từ tiểu chủ đến tư sản, kể cả người buôn bán trung bình... làm hư hỏng cơ sở sản xuất, mất mát nguyên liệu, tứ tán tài năng. Từ những ngày sau chiến tranh đã có một số ý kiến khác với những việc đang làm. Lúa gạo là hàng hóa, phải để người làm ra tự chọn người bán, tự định giá, song ta lại tổ chức thu mua tùy tiện, ép giá... Từ cách làm đó nông dân phải bán lúa chui để không bị lỗ. Nhà nước ta lại lập trạm kiểm soát, bắt bớ người bán gạo; về lý luận và thực tiễn cách làm đó là sai. Ở TP. Hồ Chí Minh, những người lãnh đạo đã thấy rất rõ những thiếu sót đó, trao đổi với nhau để tìm cách thay đổi cách làm ăn cũ... Chúng tôi làm thử một số việc như cho sản xuất và xuất khẩu một số mặt hàng tiêu dùng sang các nước Đông Nam Á, cho người sản xuất vay vốn để tự mua nguyên vật liệu, tự cân đối sản xuất, hủy bỏ việc bán gạo hai giá, bỏ luôn cả cách phân phối gạo bao cấp... Các công việc này có tiếng vang ra ngoài thành phố và chúng tôi đã “không được hoan nghênh” mà bị kiểm tra, thanh tra, thẩm định trách nhiệm của các người lãnh đạo...”⁽¹⁾

Những nỗi khắc khoải ấy dần vật anh khiến anh phải chịu đựng chắc là nặng nề, căng thẳng, dù không phải như lúc đối đầu với ác liệt của chiến tranh suốt mấy chục năm trước. Anh càng ít nói và nỗi trầm tư u uất ấy đâu phải trong khoảnh khắc giữa tháng ngày được sum họp hạnh phúc với gia đình.

1 Trích lời của đồng chí Nguyễn Văn Linh, do đồng chí Đinh Phong, Phó Giám đốc Đài truyền hình TP. Hồ Chí Minh phỏng vấn trong *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*.

Mấy năm sau, nổi u uất được giải tỏa. Với cương vị cao nhất - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, anh có thuận lợi hơn để vẫy vùng. Hơn bốn năm gánh vác trọng trách, anh đã để lại cho đời nhiều thay đổi, nhiều hạnh phúc. Ở thành phố này, người dân có người không biết hoặc không nhớ tên anh, nhưng chính họ, họ đã thích thú, hồn nhiên gọi anh là “Ông Đồi mới”. Những chủ trương mới được định hình, cả nước có nhiều chuyển động. Khi hết nhiệm kỳ, anh có một quyết định tuyệt đẹp khiến chúng tôi được tự hào về anh: Anh tình nguyện xin thôi giữ cương vị Tổng Bí thư, và nhận làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Những tưởng năm tháng này anh được thanh thoi bên gia đình, anh được sống cho anh một ít - nhưng những nỗi đau nhức nhối khi nghĩ về sự nghiệp chung, về đạo đức cao đẹp của người Việt Nam, về phẩm chất phải có của người cộng sản, về chính sách sử dụng con người, chính sách đào tạo đội ngũ cán bộ... tiếp tục ray rứt anh - nỗi nặng nề ray rứt không ít hơn bệnh tật trong người anh giữa lúc tuổi tác chống chọi thêm.

Anh lại phát biểu, lại viết, lại đề xuất góp ý với Bộ Chính trị, với Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trong dịp nhận huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, chỉ trước ngày mất 3 tháng, anh phát biểu nỗi vui mừng, biết ơn Đảng, nhưng anh còn bộc bạch những băn khoăn như những lời trần trối để lại: “... Hôm nay tôi được tặng huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, tôi rất mừng, té ra mình vào Đảng được 60 năm rồi. Nói như thế tôi thấy cần liên hệ với lớp thanh niên bây giờ. Lúc bấy giờ chúng tôi có được giáo dục bao nhiêu đâu nhưng đều mang tấm lòng yêu nước... Có hôm bọn chúng tôi được triệu tập đến một nơi, một bên là hình cụ Phan Chu Trinh, một bên là hình cụ Phan Bội Châu - và nói là: Nếu như sau này có ai phản bội cách mạng thì sẽ bị chặt đầu. Ngay thơ như thế nhưng ai cũng quyết đi đến cùng. Hôm nay tôi nói chuyện cũ thấy nó tức cười nhưng cốt để liên hệ với tình hình hiện nay, đặc biệt là đối với thanh niên... Tôi tha thiết kêu gọi, bởi vì chúng ta ngồi đây, phần lớn đầu đã bạc hết rồi, công tác một số năm nữa rồi cũng phải nghỉ thôi, nhưng các lớp kế tục chúng ta, thì hãy coi chừng sẽ ra sao nếu thanh niên không chịu học tập, giáo dục đến nơi đến chốn; thẳng địch âm mưu diễn biến hòa bình ngay trong đất nước ta. Nhớ bài học của Liên Xô, bây giờ nước Nga là nước gì? Đầu phải để quốc đem quân đến đánh đâu?

Có đồng chí nói là đổi mới đáng mừng, nhưng trong khi đổi mới thì bên cạnh những thành tựu đang xuất hiện những cái không tốt, các đồng chí có thấy không? Phải thấy mới được. Tư bản Nhà nước như thế nào? Muốn thành tư bản Nhà nước thì phải làm như thế nào? Các đồng chí phải thấy. Đang có rất nhiều vấn đề mà chúng ta, cấp lãnh đạo phải biết...”⁽¹⁾

Tôi là người học trò của anh, người em gái có nhiều năm gần gũi, tôi xin viết những dòng này kính dâng hương hồn anh những tình cảm sâu nặng - những điều chưa nói được với anh lúc anh còn sống.

Anh đã đi xa một năm rồi, càng nhớ tôi càng thương anh.

Anh - Nguyễn Văn Linh - người Cộng sản Việt Nam đích thực.

1 Trích phát biểu của đồng chí Nguyễn Văn Linh trong buổi đón nhận Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

Những hoài niệm về vùng đất Trung Huyện, Chợ Lớn xưa

TRƯƠNG MINH NHỰT⁽¹⁾

Trong gần 70 năm hoạt động, đồng chí Nguyễn Văn Linh có nhiều công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng, của Đảng và dân tộc. Đặc biệt, với miền Nam, mà tiêu biểu là Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh, rất nhiều lần đồng chí đảm nhận trách nhiệm Bí thư Thành ủy, hay Bí thư Đặc khu, Phân Khu ủy như: 1947-1948; 1950-1952; 1954-1956; 1965; 1972-1973; sau giải phóng, năm 1976; rồi tháng 12-1981... Điều này, rất đặc biệt, qua nhiều giai đoạn, nhiều thời gian, đồng chí Nguyễn Văn Linh được tin nhiệm trong công tác lãnh đạo, từ TP. Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đến TP. Hồ Chí Minh. Là người con của đất quê Hưng Yên đồng bằng Bắc bộ, đồng chí đã có gần 60 năm, hoạt động gắn bó với miền Trung, miền Nam rồi với cả nước trên cương vị Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Rồi những năm cuối đời, khi vĩnh biệt chúng ta, người con đầy kính yêu của đất nước, và nhiều ảnh hưởng sâu sắc Nguyễn Văn Cúc (Muời Cúc) được nằm trong lòng đất phương Nam.

... Với phía vùng ven Tây Nam thành phố, đặc biệt với Trung Huyện,

1 Ông Trương Minh Nhựt: sinh 1952, Tiến sĩ, nguyên Phó Tổng Biên tập báo Tuổi Trẻ, Phó Bí thư thường trực huyện ủy huyện Bình Chánh; Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy; Thành ủy viên, Bí thư Quận ủy Quận 4.



Đồng chí Nguyễn Văn Linh về thăm lại khu căn cứ Thành ủy TP. Sài Gòn cũ và địa đạo Củ Chi. (Đồng chí Nguyễn Văn Linh ở giữa, đồng chí Tám Lê Thanh bên phải).

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

tỉnh Chợ Lớn cũ, trong đó có huyện Bình Chánh, đồng chí có nhiều gắn bó thân thiết. Lúc đó tôi được phân công làm ủy viên Thường vụ huyện ủy, Trưởng ban Tuyên giáo rồi Phó Bí thư Thường trực huyện ủy Bình Chánh, nhiều lần được trực tiếp làm việc; được nghe đồng chí chỉ đạo xây dựng bộ sử truyền thống huyện Bình chánh thời kỳ 1930-1975; được đồng chí đồng ý hỗ trợ, xây dựng khu di tích lịch sử Láng Le - Bàu Cò (kỷ niệm trận đánh cách nay 50 năm rất oai hùng, ác liệt) và những lần đón, mời đồng chí Nguyễn Văn Linh và phu nhân về thăm lại căn cứ Vườn Thơm - Bà Vụ... Tôi nhận ra thêm ở đồng chí sự dịu dàng, thân mật, đặc biệt đọc trong mắt người đối diện điều gì chưa nói ra, đồng chí gợi mở và sẵn sàng nghe... Tôi nhớ mãi chiều hôm đó, ngày 25-1-1991, ngay khi từ Hà Nội vào, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã dành cho huyện ủy Bình Chánh, Ban Tuyên giáo và Ban biên tập bản tin Bình Chánh lúc bấy giờ, buổi gặp gỡ thân mật tại nhà riêng khu T.78.

Không phải đợi lâu, chúng tôi vừa ổn định chỗ ngồi thì đồng chí Nguyễn Văn Linh giản dị, vui vẻ, nhanh nhẹn nhưng điểm đậm đã xuất hiện ở cửa phòng khách. Sau đó, đồng chí Ngô Thị Huệ (dì Bảy Huệ) phu nhân của đồng chí, vui vẻ tự nhắc thêm một chiếc ghế ngồi cạnh đồng chí rất chân tình và ấm cúng.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh chủ động bắt tay mừng từng người và chủ động nói mở câu chuyện “Tôi định lâu rồi, lúc nào đó sẽ về thăm lại Bình Chánh và chiến khu Vườn Thơm - Bà Vực, Láng Le - Bàu Cò một lần. Đó là một trong những cái nôi kháng chiến của Sài Gòn, Gia Định, Chợ Lớn cũ mà Xứ ủy, Thành ủy có nhiều năm đứng chân”. Điều tôi xúc động nhất khi đồng chí Lê Phương giới thiệu tôi, đồng chí Nguyễn Văn Linh à lên một tiếng và hỏi thăm sức khỏe, đơn vị công tác của mẹ tôi⁽¹⁾ và các thành viên trong gia đình, nhắc lại những lần “chú cháu” đã gặp và làm việc ở căn cứ Thành ủy, Thành đoàn thời chiến tranh (vùng căn cứ Tim Phơn - Prây Veng của Campuchia), và cơ quan Thành ủy, Thành đoàn sau giải phóng và khuyên tôi nên cố gắng công tác, học tập ở môi trường mới.

Trong một buổi trò chuyện, đồng chí Nguyễn Văn Linh hoài niệm rất thiết tha về quãng đời chiến đấu cũ. Hồi đó, vào Láng Le - Bàu Cò, đồng chí dừng lại ở nhà ông Mười Thừa (xã Tân Kiên - bên kia cầu An Lạc). Đây là nơi làm trạm giao liên, đón khách từ nội thành ra, từ chiến khu vào. Về sau “động”, phải dời vào khu biển trũng phía ấp 2 bên kia đường (cũng thuộc xã Tân Kiên). Đồng chí Nguyễn Văn Linh nhớ và nhắc lại rất rõ tên những người đồng thời: đồng chí Cao Đăng Chiếm ở Bộ Nội vụ; đồng chí Các, Phó Chủ tịch ủy ban hành chính kháng chiến, đồng chí Kha Vạn Cân, Lê Văn Sỹ, Nguyễn Hộ.... và cả các đồng chí vào học nghị quyết hay tham dự các lớp đào tạo ngắn ngày, các cán bộ thành phố và Trung ương... như: Sáu Hò, Đỗ Duy Liên, Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thọ Chân...

Xúc động nhất là đồng chí nhớ từng chủ xe đồ, xe thổ mộ. Đồng chí nói: “Hễ ai đi trên xe dừng ở trạm Tân Kiên, xuống ghe vào cứ thì y như lần sau họ không lấy tiền xe. Có lần, một bác xà ích đã nhường cho tôi làm người đánh xe để qua mắt lính và công an đồn Phú Lâm rất dữ dằn”.

1 Bà Nguyễn Thị Tư (Sáu Hòa), nguyên ủy viên Ban quân sự Thành đoàn Sài Gòn - Gia Định, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh thăm địa đạo Củ Chi, nơi đồng chí hoạt động trong thời kỳ kháng chiến, ngày 20-9-1991. Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

Khi nói chuyện với Ban biên tập bản tin Bình Chánh, đồng chí Nguyễn Văn Linh cho rằng làm báo bây giờ về điều kiện vật chất, kỹ thuật đã tân tiến lắm. Đồng chí nói “Hồi tôi cùng anh em làm tờ *Chống xâm lăng* (1947-1949) ở cầu Bà Tàng, kinh Lý Văn Mạnh khổ lắm. Tờ báo 4 trang khổ nhỏ, ban đầu quay ronéo, sau sắp chữ chì (chỗ anh Hữu, một chủ nhà in hỗ trợ). Sau tờ báo nhập vào tờ *Cảm tử* của công đoàn ở An Phú Đông, anh Lê Văn Sỹ Bí thư Thành ủy có phụ trách một thời gian trước khi hy sinh ở Vườn Chanh.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh còn kể, lúc đó với tư cách phụ trách Đảng và báo, đồng chí có tiếp phóng viên của tờ L'Humanité (Pháp) và một sĩ quan Pháp. Tại điểm giao liên nói trên, đi ghe qua kinh Lý Văn Mạnh rồi thăm Láng Le - Bà Cò, xuống luôn kinh Dương Văn Dương, vào Đồng Tháp Mười. Sau này, tường thuật lại chuyến đi, phóng viên ấy tỏ ra khâm phục tinh thần kháng chiến giành độc lập của nhân dân ta.

Lúc đó, dì Sáu Vân, Năm Mỹ Lệ, Ba Tấn...là người bán báo *Chống xâm lăng* của đồng chí Nguyễn Văn Linh ở nội thành và vùng ven. Những tờ báo được các dì ngụy trang kỹ trên các ghe khóm và cùng bạn hàng ra chợ. Đặc biệt, dì Bảy Huệ đọc báo rất kỹ không chỉ vì nhiệm vụ cách mạng mà còn vì có những bài viết của đồng chí Mười Cúc.

Cũng vùng đất này, bên dòng Kinh (nay thuộc xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh) đúng ngày 23-5-1948, nhằm ngày rằm tháng 4, sau buổi họp của Thành ủy tại nhà ông Biện Sinh ở Gò Xoài, đám cưới đồng chí Nguyễn Văn Linh và Ngô Thị Huệ diễn ra, đơn sơ mà mặn nồng. Dự cưới cũng vài ba chục, có đồng chí Lê Văn Sỹ, Nguyễn Hộ, Tư Hữu, anh Các, kỹ sư Kha Vạn Cân, Nguyễn Minh Đường (Sáu Đường)...

Tiệc cưới là những mâm cơm đơn sơ, có đĩa cá rô chiên, tô canh chua bắp chuối và món ăn tươi mà bà con chỉ cốt xung quanh tặng.

Sau này khi làm Cố vấn cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí đã nhiều lần về dự họp mặt truyền thống Trung Huyện Chợ Lớn cũ vào dịp đầu năm (có năm không về được, đồng chí viết thư thăm hỏi); về thăm lại khu di tích Láng Le - Bàu Cò (Bình Chánh), về dự lễ kỷ niệm xây mộ bia Trung đoàn Phạm Hồng Thái. Mỗi lần như thế, dù sức khỏe yếu hơn, đồng chí rất vui và cảm thấy như được trở về nhà.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh không còn nữa, nhưng bài học về nhân cách sống, về tinh thần cộng sản, về tư tưởng lãnh đạo phải gần với dân là còn lại mãi cho đời và cho một góc quê Trung Huyện, Láng Le - Bàu Cò, Vườn Thơm - Bà Vụ. Xin xem bài viết này như một nén hương...

Lần cuối gặp anh

Đại tá ĐẶNG VĂN THƯỢNG ⁽¹⁾

Khi nhìn anh Nguyễn Văn Linh nằm yên trên giường bệnh ở lầu 10 bệnh viện Chợ Rẫy, tôi rất xúc động, nhẹ bước đến gần, tự giới thiệu tên mình vào thăm, vấn an sức khỏe của anh.

Bằng giọng hơi khàn...nhưng rành rọt, anh hỏi: “Chú là Thượng ở Bình Chánh à? Tôi nghe người ta nói, cách đây vài hôm, Bình Chánh có tổ chức kỷ niệm 50 năm trận đánh Láng Le. Hôm đó chú có đi dự không, bà con nhân dân Chợ Lớn cũ có về dự đông đủ không?!”

Khi bước vào viện, bác sĩ đã khuyên không được nói nhiều, vì sợ anh mệt, nhưng anh lại hỏi, muốn biết về buổi lễ tổ chức kỷ niệm Láng Le; làm tôi bối rối đành phải thuật lại những điều anh cần biết... (kỳ thật tôi không ngờ đây là lần cuối trước lúc anh đi xa...).

Khi nghe qua tôi kể, anh nói: “Anh em Bình Chánh trẻ mà tổ chức được như vậy rất tốt; tôi rất mừng vì biết có bà con nhân dân Chợ Lớn cũ và quận, huyện bạn chung quanh về dự đông đủ. Tôi yếu không đi được - Anh nói - Nhưng tôi có rất nhiều kỷ niệm sâu sắc với đồng bào khu vực Láng Le - Bàu Cò. Trong chiến tranh, bà con chịu rất nhiều gian khổ và nghèo khó, nhưng vẫn một lòng nuôi bộ đội ta đến ngày cách mạng thành công.

1 Nguyên cán bộ Trung đoàn 308 (Nguyễn An Ninh)



Đổng chí Nguyễn Văn Linh về thăm căn cứ Củ Chi năm 1990. Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

Ngày nay truyền thống quý báu đó cần phải được gìn giữ trong Đảng, trong nhân dân cán bộ mình, để xây dựng đất nước”.

Qua vài giây suy nghĩ, anh tiếp: “Hợp truyền thống hàng năm thỉnh thoảng tôi có về dự. Đến nay anh em vẫn duy trì được cuộc họp như thế rất quý, tuy địa danh của tỉnh Chợ Lớn không còn, nhưng lịch sử bản thân của nó đã đóng góp thành tích rất lớn cho công cuộc cách mạng và kháng chiến của TP. Hồ Chí Minh ngày nay. Tới đây, họp mặt sinh hoạt truyền thống này ra sao? Các anh có dự kiến củng cố lại Ban liên lạc không? Nếu có nên mời thêm anh Hai Chí vào Ban liên lạc vì lúc này anh có điều kiện hơn”.

Anh nói tiếp: “Theo ý tôi, Ban liên lạc các anh nên nghiên cứu mẫu kỷ niệm chương, hay huy chương lưu niệm gì đó, làm để tặng cho các anh em Chợ Lớn - Trung Huyện cũ”.

Đang nói, anh chợt nhú mày lại suy nghĩ điều gì và tiếp: “Ở Bình Chánh có định làm Tập san 50 năm kỷ niệm Láng Le không? Theo tôi, anh em nên làm tập san đặc biệt vào dịp này, nó có ý nghĩa rất lớn, gắn với kỷ niệm thành phố 300 năm, để mọi người đọc. Cách đây vài hôm, tôi có nghe băng



Đồng chí Nguyễn Văn Linh, nguyên Cố vấn Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về thăm khu di tích Lăng Le - Bàu Cò. *Nguồn: Nxb Trẻ.*

ghi âm lại các bài diễn văn buổi lễ của Bình Chánh, Trung đoàn 308 và Phạm Hồng Thái, nội dung rất tốt, đem biên tập lại, đưa vào tập san làm chủ đề của nó”.

Nói đến đây anh dừng lại, nhờ tôi chuyển lời thăm thân ái đến đồng bào, chiến sĩ và Đảng bộ huyện Bình Chánh, luôn được khỏe mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị địa phương mình.

Qua gần 20 phút nói chuyện, anh thắm mệt, đưa tay tôi bắt, trên sắc mặt đượm vẻ ưu tư. Siết chặt bàn tay gầy gò của anh, nước mắt mình chực trào ra, tôi linh cảm tạm biệt anh lần này có thể là vĩnh biệt anh mãi mãi!...

Giờ phút này tôi cảm thấy kính yêu anh vô hạn, một bậc cách mạng lão thành mẫu mực, người học trò trung hiếu của Bác Hồ: suốt đời phấn đấu vì Đảng vì nhân dân. Đến lúc yếu đau nằm trên giường bệnh anh vẫn không quên lợi ích của Đảng, của nước, của dân mà trăn trối lại đời sau.

Anh ra đi, nhưng tâm hồn và lý tưởng cao cả của anh mãi mãi còn lại trong chúng ta!...

Chú Mười và những nghĩa tình để lại

LÊ HỒNG LIÊM⁽¹⁾

Có những ấn tượng sâu sắc mà ở lớp trẻ thế hệ chúng tôi, những cán bộ đảng viên trẻ trước đây, nhưng bây giờ cũng đã ngập ngừng 50 tuổi, không thể nào quên được với chú Mười Cúc - Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh, người chú - người thầy đáng kính.

Thời thành phố và cả nước đang lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, sản xuất và đời sống dường như bị tắc nghẽn, tê liệt và rời rã, chính chú Mười thông qua thực tiễn sinh động của thành phố đã cùng Trung ương Đảng thiết kế nên đường lối đổi mới. Cụ thể là Nghị quyết Đại hội VI, như một dòng sông được tháo gỡ đê ngăn nút chặn, bỗng chốc cuốn cuộn òa nên một sức sống mạnh mẽ thấm đến từng ngõ ngách trong cuộc sống, trong từng người, trong từng gia đình. Hình ảnh và tên tuổi của chú Mười gắn liền với công cuộc đổi mới vĩ đại này.

Có một thời, chúng tôi mỗi sáng đến cơ quan, việc đầu tiên là đi tìm đọc những bài báo ký tên N.V.L. những bài báo thật ngắn, thật súc tích và rõ ràng, nêu lên những vấn đề cụ thể về những tiêu cực trong xã hội, trên các

1 Ông Lê Hồng Liêm: Tiến sĩ, nguyên là Bí thư Quận ủy Quận 5; Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin TP. Hồ Chí Minh; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng.



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh cùng các đồng chí lãnh đạo Hoa vận chụp ảnh lưu niệm nhân ngày khai mạc “Những ngày văn hóa các dân tộc Việt Nam” vào ngày 30 tháng 4 năm 1990.

Nguồn: Ban công tác người Hoa TP.HCM.

lĩnh vực của các ngành, các giới, khi thì xảy ra ở địa phương này, khi thì nói về một lĩnh vực nọ, khi thì phê phán một đơn vị kia. Những bài báo này thật cụ thể, song có sức khái quát cao, có sức lay chuyển, làm cho ai “có tật cũng phải giật mình”. Qua đó, chúng tôi ngày càng thấm thía được ý nghĩa của cách đặt vấn đề, cách khơi gợi mà bài báo đặt ra. Những bài báo này tuy ngắn, nhưng điều chú Mười thay mặt Đảng nêu lên là *hãy gần dân hơn nữa, hãy nắm bắt thực tiễn một cách sinh động hơn, bớt cái quan liêu, hành chính, sơ cứng và chung chung để làm cho dân bớt khổ hơn và tin tưởng hơn ở người cán bộ đảng viên, tin ở Đảng.*

Điều thật ấn tượng là chú Mười không chỉ đặt vấn đề, kêu gọi, thông qua các bài báo có tính thuyết phục mạnh mẽ mà chính chú là người đã thực hiện một cách xuất sắc chân lý trên. Có thể thấy rất rõ điều này qua tình cảm quý mến chân thành của đồng bào thành phố, trong đó có bà con người Hoa thành phố đối với chú. Mỗi lần họp mặt mừng Đảng - mừng xuân hàng năm bà con luôn luôn đón chờ lời dặn dò, tâm huyết và giàu tình cảm của chú, hoặc ít ra là được nghe nhắc lại những lời dặn dò chỉ tình của chú đối với bà con, từ việc khẳng định rõ vị trí xã hội đến quan

tâm phát huy tiềm năng to lớn của người Hoa. Trong bài phát biểu ở khu du lịch Đầm Sen ngày 30-1-1994: “Sau Cách mạng tháng Tám, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ chẳng những đồng bào Việt mà đồng bào Hoa ngay tại thành phố này cũng tham gia phong trào kháng chiến rất nhiều. Tôi biết là trong cuộc họp mừng xuân này cũng có rất nhiều người đã từng tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Thanh niên, sinh viên Hoa cũng tham gia chống Mỹ ngay trong nội thành và ở Chợ Lớn. Một biểu tượng trước bùng binh chợ Bến Thành là bức tượng nữ sinh người Hoa Quách Thị Trang” hoặc “Tôi được biết có nhiều người Hoa trước đây đã làm ăn ở đây, sau đó đi các nơi khác làm ăn cũng tốt và nay đã lần lần về ở hẳn hoặc cùng công tác với đồng bào Việt xây dựng thành phố” và chú cũng kêu gọi “Tôi đề nghị đồng bào các giới kinh doanh người Hoa ở thành phố này có quen biết với bà con và bạn bè mình ở các nước gần chúng ta như: Singapore, Malaysia, Đài Loan, Hồng Kông... trước kia đã từng ở đây. Nhưng sau vì nhiều lý do bỏ đi sang các nơi khác làm ăn, bây giờ có thể vẫn cứ ở các nước đó, nhưng sẽ về đây góp vốn, thiết bị, máy móc cùng với đồng bào Hoa tại thành phố để chung sức nhau xây dựng TP. Hồ Chí Minh cũng như đất nước Việt Nam”. Được lời như cời tấm lòng, bà con người Hoa thành phố đã nhanh chóng xóa bỏ mặc cảm để cùng hòa trong cộng đồng các dân tộc anh em cùng chung sức xây dựng, gìn giữ và phát triển thành phố về mọi mặt, và lúc nào bà con cũng luôn biết ơn, nhớ về chú và làm theo lời chú, coi chú như là một biểu hiện sinh động cho tinh thần đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Bác Hồ. Chính những điều này là những thuận lợi lớn cũng như là những bài học rất quý giá đối với chúng tôi khi được phân công về công tác tại Quận 5.

Và cũng chính vì tấm lòng và công lao to lớn của chú đối với dân, đối với đất nước như vậy nên khi chú mất đi đã để lại muôn vàn tiếc thương của đồng bào, đồng chí. Từng đoàn người đủ mọi thành phần, lứa tuổi và ở nhiều miền đất nước đã đến thấp nhang, tưởng nhớ chú ngay cả sau khi tang lễ kết thúc nhiều ngày.

Sau này khi được Đảng phân công về công tác trên lĩnh vực Văn hóa Thông tin, mặt trận văn hóa thật sôi động, ở đây vừa chứa đựng những điều tốt đẹp nhất song cũng là mặt trận không khoan nhượng giữa cái bảo

thủ trì trệ và đổi mới tiến bộ, giữa gạn đục khơi trong, cuộc đấu tranh giữ truyền thống văn hóa và xu thế toàn cầu hóa cả về kinh tế và văn hóa dưới áp lực nhiều mặt của chủ nghĩa cường quyền đế quốc... Trong những vấn đề lớn lao và cả chi tiết trên lĩnh vực Văn hóa Thông tin này, với tôi, những ấn tượng sâu sắc của chú Nguyễn Văn Linh như vừa kể trên là rất có ý nghĩa. Bởi những gì mà chú Mười đã để lại là những điều mà thế hệ chúng tôi đang nỗ lực học tập và tiếp bước.

Mãi mãi sống trẻ trung

DƯƠNG ĐÌNH THẢO⁽¹⁾

Trước hết tôi xin được sòng phẳng với chính mình: trên chặng đường dài học làm người, học làm đảng viên tôi cũng có trải qua những bước thăng trầm, nhưng “thăng” lấn áp “trầm”; vượt qua mỗi bước ngoặt là nhờ sức của tâm và sức của ân nghĩa từ nhiều nguồn, mà trong phạm vi bài này tôi xin chủ yếu nói về cái nguồn vô tận từ anh Mười Cúc.

Bước ngoặt mở ra con đường đưa tôi theo “mặt trời chân lý” là từ khi tôi được người bạn thân thiết Võ Văn Thời móc rập làm việc với người cộng sản, được kết nạp vào Đảng, đặc biệt được dự Hội nghị cán bộ Thành ủy với tính chất và quyền hạn của một đại biểu Đại hội Đảng hồi tháng 4-1947. Tôi được gặp anh Ba Lê Duẩn - người “deux cents bougies” (đèn hai trăm nến) và anh Mười Cúc được bầu tiếp tục làm Bí thư Thành ủy. Nếu tin có “số phận” thì từ đây “số phận” của tôi phần lớn gắn với anh Mười.

Ấn tượng đầu tiên tôi cảm nhận được từ anh Mười và được khẳng định, bổ sung dài theo năm tháng “không phải lặn lơ trôi” là: hình ảnh một người cán bộ lãnh đạo, một người cộng sản trung thực, có sức thuyết phục bằng trí tuệ và hơn cả trí tuệ là đức tin và sức thông cảm. Tôi không bao giờ dám so sánh anh Mười với Bác Hồ, với đồng chí Lê Duẩn, dù trong lòng đinh ninh anh là một học trò rất mực trung thành, xuất sắc của Bác, nhưng sao tự nhiên khi nghĩ về anh, tôi lại nhớ lời nói về Bác Hồ của nhà

1 Ông Dương Đình Thảo sinh năm 1924, nguyên ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin; Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy TP. Hồ Chí Minh.



Hành hương vườn nhà Bác Hồ tháng 11 năm 1986. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Hà Huy Giáp - nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

văn bậc thầy Nguyễn Công Hoan: “Điều làm tôi ngạc nhiên nhất là lần đầu tiên tôi được gặp Bác, Bác không làm tôi ngạc nhiên tí nào”. Còn với anh Mười Cúc, tôi không có cảm giác gì ngạc nhiên mà thấy *gần gũi ngay và dễ gọi gần lòng tin*.

Về sau này, với anh dù ở các cương vị khác nhau, Bí thư Thành ủy, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Cố vấn và thôi trách nhiệm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, những ai đã có dịp tiếp xúc anh, họ thuộc đủ các giới, các lứa tuổi, ở chính khách quốc gia, quốc tế, nhà nghiên cứu, người làm báo dù xu hướng có khác nhau, người dân thường... cũng đều có một ấn tượng gần như nhau, mà tôi được nghe trực tiếp, nghe kể lại, hoặc đọc trên báo: Mười Cúc - Nguyễn Văn Linh một người anh, một đồng chí lãnh đạo, một con người Việt Nam trung thực, tin cậy được.

Đối thoại và tâm sự

Hôm đó, nắng như đổ lửa, sau phiên họp trước giờ ăn cơm trưa, tôi đi tắm, khi nháy xuống nước trong xanh của con kinh Bà Vực (nay thuộc huyện Bình Chánh), tình cờ tôi nhận ra anh Mười cũng đang ở dưới nước gần đó. Anh bật miệng vui vẻ nói với tôi: “Anh đừng có ngại gì cả, cứ theo sự hiểu biết của mình mà tiếp tục phát biểu ý kiến. Anh em phê phán chẳng có sao đâu”. Số là lần đầu tiên được dự hội nghị Đảng, do vốn hiểu biết về Đảng còn nông cạn, không tránh khỏi có những ý kiến lệch lạc, nên tôi vừa bị “đầu” và trong tư tưởng cảm thấy có phần chững lại. Lời an ủi của anh Mười quả trúng vào tim đen. Đó là lần đầu tiên tôi cảm nhận người lãnh đạo như anh là có tính nhạy cảm, thông cảm động cơ của người đối thoại, chịu khó “gạn đục khơi trong”.

Về sau tôi được may mắn gặp anh nhiều lần và có thời làm việc bên anh cho đến lần cuối cùng, lòng quặn đau nhìn anh ra đi, không có lần gặp nào là không có đối thoại và tâm sự hai chiều. Đối thoại đâu phải để nói những ý kiến khác nhau, mà còn thông tin bổ sung hiểu biết cho nhau. Trong những lần đối thoại với anh, thông thường là tôi được tiếp thu nhiều hơn là phát ra, bởi anh có thông tin từ nhiều nguồn, từ những góc độ khác nhau, anh rất ghét với lối thông tin một chiều, nhất là một chiều theo *goút* (khẩu vị, sở thích) của thủ trưởng.

Không phải anh chỉ lắng nghe tâm sự của người đối thoại mà còn chủ động trao gởi lại tâm sự của mình. Tâm sự của anh là những ưu tư, trăn trở về việc đánh giá, nhận định tình hình, nhận xét sử dụng cán bộ không định kiến, không cố chấp, giải pháp tình thế và chính sách lâu dài, nhứt quán... Trong tư duy tầm cỡ chiến lược anh có những tâm sự rất cụ thể như bút rút: cũng như anh Hà Huy Giáp mỗi dịp đi ngang qua những khách sạn khang trang, anh Mười cũng đặt vấn đề làm sao tổ chức lần lượt cho bà con nông dân được về ở trong những khách sạn như thế này rồi đi du lịch tham quan quê hương Tổ quốc. Chắc các anh cũng lo cái lo của Bác để lại trong Di chúc, mà năm nay chúng ta kỷ niệm ba mươi năm, lo cho “đồng bào ta, nhứt là đồng bào nông dân” được “hỉ hả, mát dạ, mát lòng”... Tôi không hề nghe anh đối thoại, tâm sự điều gì cho riêng anh, mặc dù tôi biết nhiều lần anh cũng có gặp “nghịch cảnh!”.

Tôi rất thích thú được biết việc đối thoại tâm sự cũng thường diễn ra trong khung cảnh gia đình, giữa anh Mười với chị Bảy, với các cháu từ vấn đề đời sống của người dân lao động, quản lý trật tự trị an... đến nhu cầu, quan điểm thẩm mỹ, trường phái nghệ thuật... Gặp tôi, anh thường “thông báo” những ý kiến khác nhau đó, để xem tôi nghiêng về đâu? Trong trường hợp này tôi chia sẻ niềm hạnh phúc của anh Mười giữ được liên hệ với các giới đồng bào, nhất là với thế hệ trẻ, có phần nhờ qua nguồn thông tin có trách nhiệm từ chính những người thân thương gần gũi với mình nhất, phần này đâu phải nhỏ?

Tôi có nhắc và anh Mười cũng nhớ câu chuyện giữa Lenin với Clara Zetkin, một chiến sĩ, một lãnh tụ Quốc tế Cộng sản có tên tuổi, xoay quanh câu chuyện về tuổi trẻ Nga sau cách mạng tháng 10 chạy theo “mode” (kiểu tân thời), những nhu cầu về thẩm mỹ, Lenin đã “bật cười một cách hồn nhiên” và nói: “Chị và tôi, chúng ta đều đã già rồi. Thôi, ít nhất là trong cách mạng, chúng ta vẫn cứ trẻ trung và đứng vào hàng đầu trong đó, thế là đủ rồi, không nên đòi hỏi nhiều hơn nữa. Nhưng đối với nghệ thuật mới, chúng ta không thể đi theo được nữa, chúng ta chịu liệt bệ và ở sau vậy”.⁽¹⁾

Tôi nghĩ chắc cũng để một số đồng chí trong Bộ Chính trị có điều kiện đối thoại, tâm sự thẳng với những điển hình đang bung ra sản xuất, kinh doanh, anh Mười tổ chức cuộc họp mặt Đà Lạt năm 1983, cuộc họp mặt đã trở thành sự kiện mang tính lịch sử. Thực tiễn làm ăn sản xuất, kinh doanh tại thành phố và nhiều nơi khác ở Nam bộ và trong cả nước đã thêm cơ sở để Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V ra Nghị quyết lần thứ 6 ngày 12-7-1984 bổ sung nghị quyết Đại hội Đảng V nghiêm khắc phê phán: “Cơ chế quản lý còn mang nặng tính chất quan liêu, bao cấp, còn nhiều gò bó đối với cơ sở và địa phương, chưa phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo của cơ sở và địa phương”... Nhưng còn bao nhiêu gian khổ phải vượt qua, từ lời phê phán kiên quyết đến hành động thiết thực có hiệu quả, còn phải chờ đến Đại hội Đảng VI mở ra thời kỳ bước ngoặt đổi mới.

Tôi nghĩ có thể nhờ có đức tính, bản lĩnh chấp nhận đối thoại - tâm sự mà anh dễ nhạy cảm, tiếp cận chân lý, thực tế luôn luôn thay đổi, tránh được điều mà Lenin đã có lần chê trách “Có rất nhiều và rất nhiều người

1 V. Lenin “Bàn về văn học và nghệ thuật”, NXB Sự Thật - Hà Nội 1960, t. 232.

cộng sản.. đã được thử thách và tôi luyện trong đấu tranh, bây giờ lại không muốn và cũng không thể hiểu tính chất quan trọng của sự thay đổi...”⁽¹⁾

Kiên trì và dứt khoát

Kiên trì và dứt khoát là bài học giữ quyền chủ động cũng như biến bị động thành chủ động, biến yếu thành mạnh. Bác Hồ kiên trì thương lượng với Pháp để “giữ gìn từng giọt máu”⁽²⁾, tranh thủ thời gian chuẩn bị kháng chiến và dứt khoát “xác định sẽ chiến đấu đến giọt máu cuối cùng chống lại việc tái lập chủ nghĩa đế quốc Pháp”.⁽³⁾ Quán triệt chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, được rèn luyện thử thách trong đấu tranh cách mạng, thấm nhuần những bài học thực tiễn lãnh đạo cổ kim, thâm nhập cuộc sống và không ngừng trau dồi đạo đức, phẩm chất, ở anh Mười đức tính kiên trì và dứt khoát không phải chỉ là thái độ, phương pháp, mà còn là trí tuệ, tâm hồn và bản lĩnh của người lãnh đạo. Với cái vốn quý báu đó được khẳng định, bổ sung và phát triển bằng kinh nghiệm của trong nước và ngoài nước, anh Mười mới đi đến con đường đổi mới theo hoàn cảnh, điều kiện Việt Nam và “đã có những đóng góp tích cực và có hiệu quả vào việc thiết kế đường lối chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước”⁽⁴⁾ mở ra từ Đại hội Đảng lần thứ VI. Đây là một bước ngoặt cách mạng có ý nghĩa quyết định sự tồn tại và phát triển của đất nước ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhưng với tư cách Tổng Bí thư Đảng, anh Mười đã khiêm tốn thừa nhận Đại hội Đảng lần thứ VI “mới nêu được phương hướng chủ yếu của cơ chế mới, còn nội dung, hình thức, bước đi, cách làm cụ thể thì còn nhiều vấn đề chưa được giải đáp thỏa đáng cả về mặt lý luận và thực tiễn”,⁽⁵⁾ và còn phải “... tiến hành thiết kế các cơ chế quản lý cụ thể cũng như soạn thảo các chính sách, biện pháp phù hợp đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống”.⁽⁶⁾

Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) họp tháng 3 năm 1989 kiểm điểm hai năm thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng

1 V. Lenin toàn tập t.41, NXB Tiến bộ Moskva 1978, tr. 480

2, 3 “Hồ Chí Minh toàn tập”, tập 4, NXB CTQG, tr. 200, 182

4 Trong lời điều do đồng chí Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc trong lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Văn Linh

5 “Đổi mới tư duy và phong cách” - Nguyễn Văn Linh, NXB Sự Thật, 1987, tr. 11-12

6 “Đổi mới tư duy và phong cách” - Nguyễn Văn Linh, NXB Sự Thật, 1987, tr. 11-12



Ảnh chụp tại Hà Nội năm 1986. Từ phải qua trái: Đồng chí Dương Đình Thảo, đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Phạm Dân, đồng chí Minh Châu.

Nguồn: Do gia đình cung cấp.

VI cho thấy bên cạnh những thành tựu “bước đầu động viên được nhân dân hăng hái góp sức lực, của cải, tài năng vào xây dựng kinh tế”, tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội vẫn còn kéo dài. Giữa lúc chúng ta còn phải đương đầu với vô vàn khó khăn thì mây đen vẫn vũ xuất hiện trên bầu trời nhiều nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và nhiều triệu chứng bất ổn làm vẩn đục bầu không khí chính trị ở Liên Xô. Chính trong bối cảnh mới dễ bùng nổ rồi ren đó, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Trung ương Đảng đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với sức nhạy bén và bản lĩnh vững vàng tiếp tục thúc đẩy sự nghiệp đổi mới trên các lĩnh vực đối nội, đối ngoại và đặc biệt kịp thời tỏ rõ thái độ một mặt dứt khoát không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên, mặt khác hết sức quan tâm phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa. Quan điểm lập trường chính trị dứt khoát như vậy và được khẳng định từ đó đến nay, rõ ràng đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, tiền đề phát triển kinh tế.

Song song với việc tiếp tục tăng cường quan hệ láng giềng đặc biệt với Lào, Campuchia, từng bước hội nhập với các nước trong khối ASEAN, việc nối lại quan hệ Việt Nam Trung Quốc từ năm 1990 đã tạo thêm “điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc” đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế trong khu vực và trên thế giới.

Trong khi không tiếc sức mình đảm đương trọng trách Tổng Bí thư nhiệm kỳ VI, anh Mười cũng dành hết tâm trí cùng với Bộ Chính trị Ban Bí thư và Trung ương Đảng chuẩn bị Đại hội VII sẽ khai mạc vào tháng 6 năm 1991.

Chuẩn bị cho Đại hội Đảng VII

Từ tháng 3 năm 1987, Bộ Chính trị đã thành lập Ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế xã hội do Tổng Bí thư làm trưởng ban. Chúng ta hãy nghe anh Mười phát biểu về dự thảo Cương lĩnh tại hội nghị 9 Ban Chấp hành Trung ương VI ngày 20-8-1990:

“Từ năm 1987 đến giữa năm 1990, Tiểu ban và Tổ biên tập đã thực hiện 8 lần dự thảo Cương lĩnh. Trong quá trình đó, Bộ Chính trị đã nhiều lần thảo luận và góp ý kiến, nhiều cuộc hội thảo khoa học cũng đã được tổ chức để trao đổi một số đề tài nêu trong dự thảo Cương lĩnh”. Và dĩ nhiên Tổng Bí thư còn phải chủ trì và trực tiếp hoàn chỉnh Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương VI trình Đại hội VII và còn có trách nhiệm đối với các dự thảo văn kiện khác, các vấn đề về tổ chức, nhân sự...”

Khi đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu nói về công lao của anh Mười “... đóng góp vào việc thiết kế đường lối, chính sách đổi mới của Đảng”, rõ ràng việc anh Mười đóng góp trí tuệ, tim óc không chỉ đóng khung trong thời hạn nhiệm kỳ VI.

Chúng ta hãy nghe tiếp lời phát biểu của anh Mười trong lễ bế mạc Đại hội nội bộ của Đại hội Đảng VII ngày 22-6-1991:

“Có thể nói những nỗ lực lớn nhất, tâm huyết nhất, tiềm năng trí tuệ của toàn Đảng và toàn dân đã được khơi dậy và kết tinh trong các văn kiện... Không có Đại hội VI và thực tiễn của hơn bốn năm thực hiện nghị quyết Đại hội VI, chúng ta thật khó hình dung làm thế nào để có được một tiếng nói chung, thống nhất như vậy”.



Phút thư giãn - một xéc bóng bàn với nhà báo Pháp Jean Claude Labbé, một người bạn rất thân thiết đã ủng hộ Việt Nam từ trước và sau ngày giải phóng. *Nguồn: Do gia đình cung cấp.*

Làm sao không đồng tình, không chia sẻ niềm vui và hạnh phúc thật sự của anh khi anh nghĩ rằng sự nhất trí của Đại hội về quan điểm và nội dung các vấn đề được đặt ra “là một hạnh phúc lớn đối với mỗi người cộng sản và mỗi người cách mạng yêu nước Việt Nam, đặc biệt trong thời điểm hiện nay”, thời điểm của những năm sóng to gió lớn trên trường quốc tế vào cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90.

Giữa lúc tình hình đất nước bắt đầu sáng sủa và từng bước đi đến như hôm nay, tuy chưa phải đã hết khó khăn, thử thách, cũng tại đại hội nội bộ này, anh Mười đã xin chân thành cảm ơn sự cộng tác và giúp đỡ nhiệt tình của đồng bào, đồng chí, anh tha thiết được xin không ứng cử trong Đại hội Đảng lần thứ VII và đã “tâm sự”, nói từ đáy lòng: “Dù biết mình có nhiều cố gắng, song tôi vẫn cảm thấy chưa làm được nhiều hơn nữa, có hiệu quả hơn nữa cho dân, cho nước. Đó là điều tôi vẫn thường băn khoăn”.

Anh Mười đã cống hiến cả cuộc đời cho Đảng, cho nhân dân, cho Tổ quốc và đến hơi thở cuối cùng anh vẫn băn khoăn, như anh đã nói.

Mãi mãi sống trẻ trung

Khi nhận nhiệm vụ làm Cố vấn cho Ban Chấp hành Trung ương và sau khi nghỉ làm Cố vấn, anh vẫn tiếp tục nghiên cứu những vấn đề lý luận, thâm nhập thực tiễn, tiếp tục đối thoại, tâm sự, tham gia ý kiến với Bộ Chính trị, với Trung ương Đảng về các lĩnh vực của đời sống, đối nội và đối ngoại.

Anh đặc biệt quan tâm sự nghiệp xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Rất tiếc trong tình hình Đảng có Nghị quyết Trung ương V “về xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, và Nghị quyết Trung ương VI (lần 2) “về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng”, anh Mười không còn nữa. Nhưng trước mắt tôi, tôi còn có bản ghi những ý kiến của anh đóng góp cho Trung ương khóa VII ra Nghị quyết 3 “về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng”. Điều như trở thành quán tính ở anh cũng như bất kỳ người cộng sản xứng với danh



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh gặp gỡ thân mật các đại biểu dự Hội nghị toàn quốc cán bộ phụ trách thiếu nhi giỏi tại Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 1988.

Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.

hiệu cao quý là ý thức tình cảm chăm lo tăng cường mối quan hệ gắn bó Đảng với dân, dân với Đảng. Trong việc xây dựng Đảng, anh lưu ý: “Phải phát động quần chúng, làm cho người ta thoải mái, tự do, dám phê bình. Phải đảm bảo cho người ta phê bình thẳng thắn để xây dựng Đảng, không sợ bị thành kiến, trù dập”. Anh suy nghĩ và hành động theo tư tưởng Hồ Chí Minh, theo Di chúc thiêng liêng mà Bác Hồ vô vàn kính yêu để lại cho toàn Đảng toàn dân cách đây 30 năm.

Là một người học trò được Bác tin yêu, anh Mười cũng học tập ở Bác tấm lòng lo cho mọi người và đặc biệt chăm lo cho thanh thiếu niên, gắn liền Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với Đảng để nhấn mạnh tình cảm tin cậy, thương yêu, trách nhiệm của Đảng đối với Đoàn và thế hệ trẻ. Tại Đại hội III của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh TP. Hồ Chí Minh từ hồi tháng 6-1984, anh Mười đã trân trọng nói lên tình cảm đặc biệt đó: “Nếu trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chúng ta thường nói: “Ra ngõ là gặp anh hùng”, thì bây giờ bất kỳ ở đâu, bất kỳ trên lĩnh vực nào, nếu chúng ta có tấm lòng và biết chắt chiu cái mới, trân trọng mầm non, thì chúng ta cũng bắt gặp được những con người tận tụy hy sinh, chịu thương, chịu khó... họ đã và đang làm đẹp cuộc đời, tuy rằng những con người đó chưa phải là số đông”.⁽¹⁾ - Tấm lòng tin yêu của anh từng bước lan tỏa trong các thế hệ tại thành phố này và trên cả nước.

Lời kết luận của anh tại Đại hội Đoàn còn là hồi kèn thổi thúc không chỉ lớp trẻ mà cả những ai còn giữ sáng được tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam: “*Năm tháng sẽ trôi qua rất nhanh, nhưng các đồng chí sẽ mãi mãi sống trẻ trung, nếu các đồng chí rèn luyện được lý tưởng cao cả, giữ được lối sống phong cách suy nghĩ và hành động của người cán bộ Đoàn, của con người thanh niên mới*”.⁽²⁾

Tình cảm thương nhớ và biết ơn anh Mười được khắc sâu thêm trong lòng càng nung nấu thêm ý chí phấn đấu theo gương cao đẹp của anh, *mãi mãi sống trẻ trung*.

1, 2 “Về công tác vận động quần chúng hiện nay” Nguyễn Văn Linh NXB TP. Hồ Chí Minh, 1986, t.80, 106

Vĩnh biệt anh Mười Cúc

TRẦN BẠCH ĐĂNG

8 giờ 12 phút ngày 27 tháng 4 năm 1998 - còn ba hôm nữa đến ngày 30 tháng 4 mà cuộc đại thắng dân tộc ấy liên quan khá đậm với cuộc đời của anh - tim anh Nguyễn Văn Linh ngừng đập...Ra đi vào tuổi 83 tất nhiên được xem khá thọ, nhất là với những người từng vào sanh ra tử, song đứng cạnh giường anh ở cái phút cuối cùng, thân quyến đều không thể nén nỗi niềm.

Căn bệnh quái ác và bao nhiêu phiền muộn quật ngã anh. Thôi, cái thế giới mà anh đến chắc chắn sẽ khiến anh thanh thản - điều rất hiếm hoi ở một con người đầy nội tâm như anh.

Trong hàng ngũ cán bộ lãnh đạo đất nước ta, Nguyễn Văn Linh - mà chúng tôi gọi là Mười Cúc, anh Út theo tập quán Nam bộ - có một chỗ đứng khá đặc biệt. Nhắc anh Mười Cúc tức nhắc thời kỳ chuẩn bị Đồng Khởi và Đồng Khởi ở miền Nam, tức nhắc buổi ban đầu đầy gian nan của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cũng ở miền Nam, tức nhắc công cuộc đổi mới toàn đất nước nhen nhóm sau ngày đại thắng 30-4, thể nghiệm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và chính thức tuyên cáo như quốc sách qua Đại hội VI, Đại hội đã bầu anh vào cương vị Tổng bí thư Đảng. Là một trong những nhân vật trung tâm trong các biến chuyển mang tầm chiến lược kể trên, anh Nguyễn Văn Linh thuộc gương mặt lớn của Việt Nam hiện đại. Rất kiên định những vấn đề nguyên tắc của lý luận Marx-Lenin - Hồ Chí

Minh trong đấu tranh giải phóng dân tộc và trong xây dựng xã hội mới, anh đồng thời rất linh hoạt về ứng dụng, bám sát các điều kiện khách quan vào những nơi, những lúc cụ thể.

Đơn giản, thanh bạch, thủy chung với vợ, thương yêu con cháu, thù địch với thói quan liêu, phô trương hình thức, gian tham, hách dịch... đời tư của anh có thể nói gọn như vậy.

Biết anh đầu năm 1946, tôi có dịp làm việc chung với anh - từng lúc ngắn trong kháng chiến chống Pháp và gần như thường xuyên từ 1954 đến nay. Mỗi quan hệ có thể xem là thân tình. Trên địa bàn Nam bộ và thành phố Sài Gòn, anh Nguyễn Văn Linh còn nhiều đồng sự từng sống lúc hiểm nghèo: Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ,... Gia đình chúng tôi quan hệ gần gũi với nhau. Chúng tôi xem anh Mười Cúc vừa là đàn anh, vừa là thầy. Nhìn mặt lần cuối tại bệnh viện, trong "bộ tứ" chỉ vắng anh Mai Chí Thọ không có ở thành phố. Anh Võ Văn Kiệt đứng rất lâu trước Anh, bồi hồi nhìn những giây phút chót cuộc đời của người bạn chiến đấu - bây giờ, cả anh Kiệt và tôi - chỉ còn nhớ những gì đẹp nhất mà chúng tôi từng cùng trải qua, cùng chia sẻ.

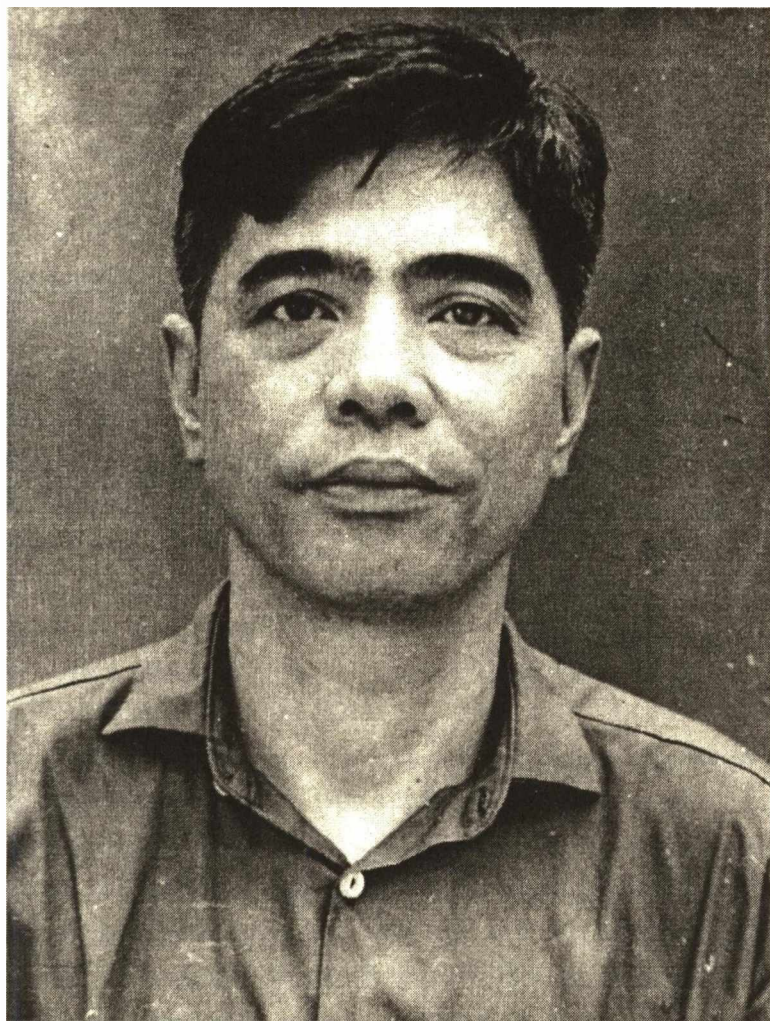
Chị Ngô Thị Huệ - bạn đời của anh - tỏ rõ lòng can đảm trước lúc chia tay. Cháu Hòa - con gái đầu lòng của anh - bưng mặt khóc. Chắc ai cũng có cách lưu luyến riêng của mình, cháu cứ khóc - tôi nhủ thầm.

Sáng nay, người bán báo nói với tôi, giọng run: "Ông cụ Nguyễn Văn Linh ra đi rồi". Ông chỉ vào tờ Sài Gòn Giải Phóng và tờ Tuổi Trẻ. Tại công viên Lê Văn Tám, nhiều nhóm lão thành ngồi thừ trên băng đá, nói với tôi bằng ánh mắt tin không bất ngờ vẫn gây xúc động này.

Tôi nhớ, năm trước, anh Nguyễn Văn Linh đến huyện Tánh Linh dự lễ kỷ niệm chiến thắng Bắc Ruộng thời Diệm, đồng bào các dân tộc đốt đuốc đón anh...

Vài hình ảnh để nói lên rằng: anh Nguyễn Văn Linh có quyền thanh thản. Không phải cán bộ lãnh đạo nào cũng có được hạnh phúc như anh...

Ngày 28 tháng 4 năm 1998



Đồng chí Nguyễn Văn Linh trong kháng chiến chống Mỹ. Nguồn: Do gia đình cung cấp.

PHỤ LỤC

- Một số bài viết của đồng chí Nguyễn Văn Linh
 - Một số hình ảnh
 - Lời diếu và trích sổ tang
 - Những dấu ấn thời gian

Phát huy truyền thống vẻ vang, tiếp tục xứng đáng là đội quân tiên phong chính trị của toàn xã hội

Trích diễn văn của đồng chí Tổng bí thư **Nguyễn Văn Linh**
tại lễ kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Thưa các đồng chí và các bạn,

Thưa các vị khách quốc tế,

Hôm nay chúng ta tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng do Bác Hồ kính yêu sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo, Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, ngọn cờ dẫn dắt dân tộc Việt Nam hơn một nửa thế kỷ đấu tranh kiên cường và giành được những thắng lợi hết sức vẻ vang.

Nhân ngày lễ lịch sử trọng đại này, chúng ta tưởng nhớ các lãnh tụ của Đảng ta, các anh hùng liệt sĩ, đồng bào và đồng chí đã anh dũng hy sinh trong cuộc đấu tranh lâu dài của Đảng ta và dân tộc ta vì nền độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Bước ngoặt vĩ đại

Thưa các đồng chí và các bạn,

Ngày 3 tháng 2 năm 1930 đi vào lịch sử Đảng ta và đất nước ta như một cột mốc chói lọi, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trên con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động vì mục tiêu độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Sự kiện Đảng ta ra đời là hiện tượng hợp quy luật, phản ánh điều kiện khách quan và chủ quan đã chín muồi trong dòng vận động của lịch sử dân tộc cũng như trào lưu chung của cách mạng thế giới. Đảng ta là sản phẩm của sự kết hợp phong trào yêu nước, phong trào giai cấp công nhân ở Việt Nam với chủ nghĩa Marx-Lenin.

Với việc thành lập Đảng ngày 3 tháng 2 năm 1930, đồng chí Hồ Chí Minh đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử là chấm dứt cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước kéo dài suốt mấy chục năm, thống nhất các lực lượng cộng sản thành một Đảng duy nhất làm hạt nhân lãnh đạo cách mạng. Từ đây lịch sử giao phó cho Đảng ta sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam; từ đây vận mệnh dân tộc gắn chặt với vận mệnh của Đảng.

Năm tháng qua đi, nhưng *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* do đồng chí Hồ Chí Minh soạn thảo và thông qua đúng vào ngày thành lập Đảng, về sau được đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng phát triển trong *Luận cương chính trị*, mãi mãi là ngọn đèn pha chiếu sáng con đường cách mạng của nhân dân ta.

Đảng Cộng sản Việt Nam trước hết là hiện thân của lý tưởng độc lập và tự do của dân tộc.

Ngay sau khi mới ra đời, Đảng đã phát động một phong trào cách mạng rộng lớn, mở đầu bằng cuộc bãi công của 5.000 công nhân đồn điền Phú Riềng, phát triển lên thành cao trào trong Xô viết Nghệ Tĩnh, chia mũi nhọn đấu tranh vào bọn thực dân cướp nước và tay sai bán nước. Tuy cách mạng bị dìm trong biển máu và sau đó rơi vào thoái trào, nhưng ý nghĩa của nó là vô cùng quý giá. Đây là lần đầu tiên chứng minh trong thực tiễn quyền lãnh đạo và khả năng lãnh đạo của Đảng đối với quần chúng, chứng minh khối đoàn kết công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng có một sức mạnh phi thường như thế nào. Phong trào cách mạng năm 1930-1931 đã tăng cường hơn nữa sự thống nhất của Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức trong hành động, nhiều đảng viên được tôi luyện cứng cáp qua lò lửa thử thách. Ý nghĩa của nó còn là ở chỗ, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định, đã “rèn luyện lực lượng cho cuộc Cách mạng tháng Tám sau này”, nói cách khác, đó là *cuộc tổng diễn tập đầu tiên* chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám thành công.

Thất bại tạm thời không làm Đảng nao núng, bó tay. Một loạt công tác rộng lớn được Đảng triển khai nhằm củng cố nội bộ, tập hợp quần chúng, hoàn chỉnh đường lối, sách lược đấu tranh, nhờ vậy chỉ sau vài ba năm phong trào cách mạng lại phục hồi và phát triển.

Năm 1936, nguy cơ phát xít và chiến tranh thế giới đến gần. Đáp ứng tình hình mới trong nước và quốc tế, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương nhằm mục tiêu trước mắt là chống phản động thuộc địa - tay sai của chủ nghĩa phát xít, đòi tự do, cơm áo và hòa bình, tạm gác khẩu hiệu đánh đổ chủ nghĩa đế quốc và phong kiến nói chung.

Chủ trương đúng đắn đó của Đảng đã làm dấy lên cao trào dân chủ kéo dài gần ba năm (1936-1939), một sự kiện hiếm thấy ở một nước thuộc địa lúc bấy giờ. Trong cao trào đó, Đảng khéo kết hợp cuộc đấu tranh đòi dân chủ, dân sinh với cuộc đấu tranh cho yêu cầu dân tộc, kết hợp các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp; đấu tranh nghị trường và ngoài nghị trường. Qua phong trào này, Đảng đã lớn lên về nghệ thuật tập hợp quần chúng dưới các hình thức khác nhau, hàng triệu nhân dân trưởng thành về ý thức chính trị.

Đây là cuộc tổng diễn tập thứ hai dưới sự lãnh đạo của Đảng, chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám thắng lợi.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, Đảng dự đoán “hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”. Chủ động đón trước thời cơ chiến lược sắp xảy ra, Đảng kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, xác định nhiệm vụ trung tâm là chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Theo hướng này, Đảng thành lập Mặt trận Việt Minh nhằm tiếp tục sự nghiệp của Mặt trận phản đế ra đời trước đó, xây dựng lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh quân sự với sự nổi dậy của quần chúng giành chính quyền bộ phận, thành lập căn cứ địa cách mạng. Nam kỳ khởi nghĩa và Bắc Sơn khởi nghĩa là những trang sử chói ngời thể hiện ý chí quật cường của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ này.

Đây là cuộc tổng diễn tập thứ ba (1939-1945), trực tiếp chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân trước khi quân đồng minh vào nước ta.

Khi “giờ quyết định vận mệnh dân tộc đã đến”, nhân dân ta từ Bắc chí Nam, nghe theo lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ đã đồng loạt vùng lên Tổng khởi nghĩa, trong vòng không đầy hai tuần lễ giải phóng toàn bộ đất nước, thành lập nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Cách mạng tháng Tám đã đưa nhân dân ta từ người nô lệ thành người tự do làm chủ đất nước, đưa Đảng ta từ một Đảng không hợp pháp thành Đảng lãnh đạo chính quyền, mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc: kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm hoành hành, vận mệnh đất nước khác nào “ngàn cân treo sợi tóc”. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa thực hiện sách lược mềm dẻo thêm bạn bớt thù, tranh thủ khả năng tối đa hòa hoãn, vừa sẵn sàng đối phó với tình hình xấu nhất xảy ra. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, kẻ địch càng lấn tới, chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa. Tình thế buộc nhân dân ta đứng lên cầm vũ khí.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Từ thực tế lịch sử Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong 60 năm qua như phần trên đã trình bày, có thể nêu lên một số vấn đề về sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng trong tình hình hiện nay.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội ta là một tất yếu khách quan

Vấn đề thứ nhất. Thực tiễn cách mạng Việt Nam suốt 60 năm qua chứng minh một chân lý sau đây: Sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội ta là một tất yếu khách quan. Không phải ngẫu nhiên mà lịch sử đã trao cho Đảng Cộng sản Việt Nam sứ mệnh đó. Trước năm 1930, ở Việt Nam đã có nhiều đảng và phong trào ra đời, đã từng thử nghiệm vai trò là lãnh tụ của quần chúng. Nhưng cương lĩnh và hoạt động của các đảng và phong trào này không vượt qua nổi thử thách của thời đại. Tuy các tổ chức này và lãnh tụ của họ không thiếu đức tính dũng cảm, hy sinh quên mình, nhưng do hạn chế lịch sử về thế giới quan và hệ tư tưởng nên rút cục bị thất bại và tan rã. Từ năm 1930 trở đi, trên vũ đài chính trị nước ta lần lượt xuất hiện một số đảng phái khác như (Việt Quốc, Việt Cách, Đại Việt...) nhưng những đảng

này đã phản bội lợi ích dân tộc, cam tâm làm tay sai cho nước ngoài thống trị nước ta. Trước và sau Cách mạng tháng Tám, theo chủ trương tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân để làm cách mạng và kháng chiến của Đảng ta, Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội đã được thành lập, đứng trong hàng ngũ Mặt trận yêu nước và tự nguyện thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Như vậy, khác với tình hình nhiều nước trên thế giới, một trong những đặc điểm nổi bật của cách mạng Việt Nam là ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam là người duy nhất lãnh đạo cách mạng. Đó không phải và cũng không thể là sự áp đặt chủ quan duy ý chí của Đảng đối với lịch sử. Trái lại, đó là sự giao phó của lịch sử thông qua sự sàng lọc nghiêm khắc. Nhân dân ta bằng sự thể nghiệm xương máu của mình, đã có dịp đối chiếu so sánh các cương lĩnh và hoạt động của các đảng và các phong trào để cuối cùng “chọn mặt gửi vàng”, thừa nhận Đảng ta là đội tiên phong chân chính và duy nhất của họ. Đó là vì, như Hồ Chủ tịch nhận định: “Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng ta không có lợi ích nào khác”. Đó là Đảng của dân, do dân, dựa vào dân và vì dân. Nhờ đó, Đảng đã phát huy được sức mạnh to lớn của nhân dân để làm nên những chiến công vĩ đại. Chỉ có Đảng, đội tiên phong có tổ chức nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động được vũ trang bằng chủ nghĩa Marx-Lenin, học thuyết khoa học và cách mạng của thời đại, mới có khả năng lãnh đạo nhân dân hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân triệt để và từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ngoài Đảng Cộng sản ra, ở nước Việt Nam không có một đảng của giai cấp hoặc tầng lớp nào đảm đương nổi vai trò đó. Lịch sử trước đây đã như vậy, hiện nay và sau này vẫn sẽ là như vậy. Trong điều kiện Việt Nam hiện nay cũng như trong tương lai, không có sự cần thiết khách quan nào để tạo dựng nên các đảng phái chính trị đối lập. Đảng luôn luôn phấn đấu tự đổi mới mình, và đổi mới sự lãnh đạo để bảo đảm được vai trò là đội tiên phong chính trị của xã hội. Thử hỏi, hiện nay có đường lối nào thuận với trào lưu phát triển và phù hợp với lòng dân ngoài đường lối đổi mới do Đảng đề xướng?

Một chế độ dân chủ chân chính không phải được quyết định ở chỗ có một hay nhiều đảng. Vấn đề là ở chỗ nền dân chủ đó hình thức hay có thực chất, dân chủ cho một thiểu số hay cho đa số nhân dân. Nắm vững chân lý sơ đẳng này có ý nghĩa nguyên tắc để không bị tuyên truyền về dân chủ tư sản mê hoặc và lừa mị chúng ta.

Đảng ta phải không ngừng nâng cao và hoàn thiện sự lãnh đạo của mình

Vấn đề thứ hai. Để xứng đáng là người lãnh đạo chính trị đối với xã hội, xứng đáng với niềm tin yêu, hy vọng của nhân dân, Đảng ta phải không ngừng nâng cao và hoàn thiện sự lãnh đạo của mình. Điều này trước hết liên quan đến việc soạn thảo chiến lược và sách lược đúng yêu cầu cách mạng trong từng thời kỳ để định hướng cho xã hội tiến lên. Ở đây, *tâm nhìn xa trông rộng, khả năng bắt mạch đúng nhu cầu hiện tại của cuộc sống và dự đoán có căn cứ khoa học sự vận động trong tương lai là những phẩm chất hàng đầu mà Đảng phải có.* Trong các thời kỳ cách mạng và chiến tranh trước đây, Đảng ta sở dĩ chiến thắng là nhờ có được những phẩm chất đó. Ngày nay, qui mô, tính phức tạp và chiều sâu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, đòi hỏi Đảng nâng cao các phẩm chất đó lên một trình độ mới. Một trong những nhiệm vụ cơ bản hiện nay của Đảng trong lĩnh vực này là soạn thảo Cương lĩnh Đảng và chiến lược kinh tế - xã hội để trình Đại hội Đảng lần thứ VII quyết định. Những vấn đề như tổng kết sự thành công và thiếu sót của ba năm đổi mới vừa qua, bước đi và nội dung của công cuộc đổi mới sắp tới, việc cụ thể hóa nội dung đổi mới của nghị quyết Đại hội VI vào một số ngành thuộc lĩnh vực xã hội và công tác vận động quần chúng cũng đang là yêu cầu bức thiết. Cũng như trước đây, chúng ta chủ trương đổi mới song song cả hai lĩnh vực kinh tế và chính trị, đặt trọng tâm vào đổi mới kinh tế, việc đổi mới chính trị phải tiến hành tích cực nhưng vững chắc để mang lại kết quả thực tế, không gây ra sự mất ổn định về chính trị và làm phương hại đến toàn bộ công cuộc đổi mới nói chung. Đổi mới là sự nghiệp mới mẻ, chỉ có thể vừa làm vừa tìm tòi, khám phá. Điều quan trọng là một mặt phải nghiên cứu nắm vững các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Marx-Lenin, vận dụng chúng một cách sáng tạo phù hợp với điều kiện Việt Nam; mặt khác, tăng cường thâm nhập tổng kết thực tiễn, coi trọng kinh nghiệm của các địa phương, ngành và cơ sở. Đảng huy động trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, đặc biệt của các ngành khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật đóng góp cho sự nghiệp này.

Để nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, cần tiếp tục phân định rõ chức năng của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng.

Đảng lãnh đạo xã hội thông qua việc đề ra cương lĩnh, chiến lược, phương hướng, mục tiêu, các quan điểm về kế hoạch và chính sách lớn

trên các lĩnh vực đối nội và đối ngoại. Sau khi được thể chế hóa về mặt Nhà nước, Đảng tập trung vào công tác kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các chủ trương và chính sách. Qua đó mà góp phần uốn nắn lệch lạc, bổ sung và hoàn chỉnh các chủ trương chính sách. Lãnh đạo mà buông lỏng việc kiểm tra thì cũng bằng không, như không có lãnh đạo. Đây đang là khâu yếu của các cấp ủy đảng từ trên xuống dưới. Một lĩnh vực mà Đảng phải tập trung đầu tư công sức là đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt của các cấp, các ngành. Mấy năm qua, công tác này có một số tiến bộ nhưng vẫn còn xa mới đáp ứng được yêu cầu. Trong bối cảnh thực hiện công cuộc đổi mới và chuyển tiếp thể hệ lãnh đạo, công tác cán bộ có một tầm quan trọng đặc biệt. Thật là đơn giản nếu nghĩ rằng chỉ cần quy hoạch cán bộ trên giấy và làm một lần là xong. Phải làm đi làm lại, điều chỉnh, bố trí sử dụng đi đôi với kiểm tra và phát hiện cán bộ. Hiện nay, một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong công tác cán bộ là đào tạo, bồi dưỡng và kiện toàn đội ngũ cán bộ cơ sở (chi bộ, đảng bộ cơ sở). Đó là vì cán bộ cơ sở là những người hàng ngày trực tiếp với dân, đem chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống và biến thành hành động cách mạng của quảng đại quần chúng. Thực tế cho thấy, ở nơi nào có đội ngũ cán bộ cơ sở vững vàng, nhất là cán bộ cốt cán, thì ở đó phong trào phát triển nhiều mặt. Từ nay đến Đại hội VII của Đảng, một nhiệm vụ quan trọng khác là chuẩn bị tốt nhân sự các cấp ủy đảng tỉnh, thành, đặc biệt nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Thông qua cơ chế dân chủ và với tinh thần trách nhiệm cao, Đảng phải lựa chọn cho được những người thật sự tiêu biểu về trí tuệ, năng lực và phẩm chất vào Ban Chấp hành để trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng vững vàng đưa sự nghiệp đổi mới tới thắng lợi theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Đảng chuẩn bị cán bộ cho mình và giới thiệu những cán bộ chủ chốt cho Nhà nước các cấp để cơ quan Nhà nước xem xét và quyết định.

Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Cơ quan Đảng các cấp không “ra lệnh” hoặc bao biện làm thay những công việc thuộc thẩm quyền Nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được thực hiện thông qua cơ chế dân chủ do luật định và thông qua tác động ảnh hưởng của các đảng viên hoạt động trong bộ máy Nhà nước. Chỉ có như vậy mới phát huy được dân chủ, tăng

cường được trách nhiệm và đề cao hiệu lực quản lý của các cơ quan Nhà nước, đồng thời cho phép Đảng tập trung sự chú ý vào chức năng lãnh đạo của mình. Trước hết phải khắc phục khuynh hướng Đảng bao biện làm thay công việc của Nhà nước và lãnh đạo theo lối áp đặt, đồng thời chống khuynh hướng buông lỏng lãnh đạo phó mặc hoàn toàn cho Nhà nước. Cả hai khuynh hướng đó đều hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng.

Nâng cao vai trò và chất lượng lãnh đạo của Đảng đối với xã hội bao hàm một mặt quan trọng nữa là nâng cao năng lực và đổi mới phong cách lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng. Ai nấy đều biết, quan hệ giữa Đảng với quần chúng bao giờ cũng là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và cách mạng nước ta. Nguồn sức mạnh làm nên thắng lợi của chúng ta trong các thời kỳ cách mạng và kháng chiến trước đây chính là ở chỗ Đảng gắn bó máu thịt với dân, lãnh đạo và phát huy được tiềm năng to lớn của dân, quan tâm giải quyết các lợi ích thiết thân của quần chúng được thể hiện rõ trong câu ca đặc sắc vang lên trong thời kỳ chống Mỹ và được Bác Hồ nhiều lần nhắc lại: “Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”.

Phải chăng thần thừa nhận rằng, ngày nay truyền thống tốt đẹp đó đang bị vi phạm nghiêm trọng và phổ biến. Một trong những nguyên nhân dẫn tới sự vi phạm đó là bệnh quan liêu của cán bộ, đảng viên và bộ máy, kể cả bộ máy chuyên trách công tác quần chúng. Quan liêu là căn bệnh nguy hiểm mà Lenin nhiều lần lưu ý chúng ta phải cảnh giác và thường xuyên đấu tranh vì nó không chỉ là di sản của chế độ cũ để lại mà còn là sự “hồi sinh một phần chủ nghĩa quan liêu trong lòng chế độ Xô Viết”. Thực tế ở một số nước xã hội chủ nghĩa anh em gần đây càng làm cho chúng ta thấy rõ hơn chủ nghĩa quan liêu đã dẫn đến làm mất uy tín Đảng và gây tổn thất cho cách mạng như thế nào. Hiện nay, cuộc sống bức bách đòi hỏi chúng ta phải suy nghĩ nghiêm túc vấn đề mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền và đổi mới căn bản công tác vận động quần chúng cho phù hợp. Đặc biệt, Đảng phải quan tâm giáo dục và đào tạo đoàn viên thanh niên cộng sản và thanh niên ta nói chung theo lời căn dặn tâm huyết của Bác Hồ: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết”. Do ý nghĩa to lớn của các vấn đề nói trên, Bộ Chính trị đã đề nghị Hội nghị Ban Chấp hành

Trung ương Đảng lần thứ 8 sắp tới sẽ bàn chuyên đề “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng”.

Sức mạnh, uy tín và chất lượng lãnh đạo của Đảng phụ thuộc một phần quyết định ở việc phát huy đầy đủ dân chủ xã hội chủ nghĩa, bao gồm dân chủ trong Đảng và trong xã hội. Dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới xã hội ta, một phương tiện có hiệu quả để xây dựng Đảng. Dân chủ về thực chất là bảo đảm quyền làm chủ trên thực tế của người dân trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội và tinh thần, phát huy cao độ tính tích cực sáng tạo của họ trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Theo hướng đó, trong ba năm từ sau Đại hội VI, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã có những khởi sắc bước đầu, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Các tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng và các cơ quan quyền lực Nhà nước đã có nhiều cố gắng trong việc tạo ra những cơ chế phát huy dân chủ. Tuy vậy, những gì đã làm được mới chỉ là bước đi đầu tiên trên con đường dài xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đáng lưu ý là tình trạng vi phạm dân chủ còn nặng nề cả trong sinh hoạt nội bộ Đảng, cơ quan Nhà nước và đoàn thể quần chúng, cả về quyền công dân trên các mặt của đời sống xã hội. Mặt khác, tuy dân chủ mới mở ra nhưng cũng đã xuất hiện những biểu hiện dân chủ cực đoan, vô nguyên tắc, hoặc nặng về đòi hỏi mở rộng dân chủ, nhẹ về tôn trọng kỷ luật, kỷ cương và pháp luật. Rõ ràng, để cho nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ăn sâu bám chắc vào cơ chế xã hội, trở thành nếp sống bình thường của mỗi người, mỗi tổ chức và toàn xã hội, chúng ta phải phấn đấu kiên trì và có sự nỗ lực to lớn. Tới đây, cần triển khai một số phương hướng chủ yếu sau đây:

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện và xây dựng mới các thiết chế và cơ chế dân chủ (bao gồm việc nghiên cứu thành lập các tổ chức cần thiết, xây dựng pháp luật, chính sách, qui định, thể lệ...) nhằm xác định quyền lợi và nghĩa vụ công dân trên các lĩnh vực hoạt động khác nhau.

- Bảo đảm thực thi đúng các quyền và nghĩa vụ công dân đã được ban hành, nghiêm trị những hành vi xâm phạm theo đúng pháp luật Nhà nước.

- Củng cố về tổ chức và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống thanh tra và kiểm tra (bao gồm thanh tra nhân dân và thanh tra Nhà nước, kiểm tra đảng và kiểm tra của các tổ chức quần chúng), của tòa án, viện kiểm sát và công an nhân dân.

- Giáo dục và tuyên truyền sâu rộng Hiến pháp và pháp luật trong các nhà trường và trong xã hội.

Để thực hiện dân chủ hóa xã hội, trước hết phải dân chủ hóa trong Đảng. Từ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho đến tổ chức đảng cơ sở phải là tấm gương mẫu mực trong việc thực hiện dân chủ. Mọi cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ, đảng viên có chức vụ cao đều phải sống và làm việc theo pháp luật như mọi công dân bình thường, không có ngoại lệ.

Luôn luôn giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng

Vấn đề thứ ba. Một trong những truyền thống quý báu của Đảng ta là luôn luôn giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Đó là nhân tố làm nên sức mạnh của Đảng ta trong suốt 60 năm qua. Lúc sinh thời cũng như lúc sắp qua đời, Bác Hồ luôn luôn quan tâm chăm lo đến vấn đề cốt tử này. Trong “Di chúc” Bác căn dặn: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Chúng ta tự hào là trong trong lịch sử của Đảng ta chưa bao giờ có sự phân liệt chia rẽ, chưa bao giờ có phe này, phái nọ, mặc dù tình hình mất đoàn kết ở những mức độ khác nhau, nơi này hay nơi khác, lúc này hay lúc khác cũng đã xảy ra. Tuy vậy, chúng ta không được phép chủ quan lơ là, xao nhãng việc củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Trước hết, đó là vì trước đây chúng ta đã đoàn kết thống nhất với nhau, nay lại càng phải đoàn kết thống nhất cao hơn, chặt chẽ hơn. Hai nữa là những điều kiện và cơ sở của sự đoàn kết thống nhất trong mỗi thời kỳ cách mạng không hoàn toàn giống nhau. Trước đây, trong thời kỳ cách mạng và kháng chiến, chúng ta đoàn kết trên cơ sở giành độc lập, tự do và thống nhất đất nước, chặt phá gông xiềng để biến người nô lệ thành người tự do. Trong bối cảnh giữa cái sống và cái chết chỉ cách nhau trong gang tấc, con người có nhu cầu tự nhiên phải gắn bó với nhau để cứu nước, cứu mình. Lúc đó mỗi đảng viên, cán bộ đi làm cách mạng và kháng chiến với ba lô trên vai, nhẹ nhàng và thanh thản. Ngày nay, Đảng đã lãnh đạo chính quyền trên phạm vi cả nước, cơ sở sâu xa để đoàn kết thống nhất là thực hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Đó là con đường mới mẻ, phức tạp, có nhiều vấn đề phải tìm tòi, thử nghiệm đúng sai không phải đã dễ dàng phân biệt được ngay. Trong điều kiện đó, nảy sinh nhiều ý kiến khác nhau

là điều dễ hiểu. Cái chính là không để cho sự khác nhau đó dẫn đến sự chia rẽ. Mặt khác, cán bộ, đảng viên nay phần lớn được giao những chức trách trong bộ máy Đảng và Nhà nước, có quyền hạn và trách nhiệm to lớn, do vậy cuộc đấu tranh giữa cái chung và cái riêng trở nên phức tạp hơn trước. Cần nhận thức rõ những đặc điểm mới đó để có phương hướng đúng đắn tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Tuy có những đặc điểm nói trên, nhưng các nhân tố tạo ra sự đoàn kết thống nhất bất kể trong giai đoạn cách mạng nào cũng bao gồm những mặt chủ yếu sau đây.

Một, Đảng đề ra được đường lối, chủ trương đúng. Đây là nhân tố quan trọng hàng đầu vì nó tạo ra nền tảng chính trị và tư tưởng cho sự đoàn kết thống nhất rộng rãi nhất. Điều này nhắc nhở chúng ta phải nhạy bén với tình hình, tập hợp được trí tuệ của đảng viên và nhân dân để không ngừng bổ sung và hoàn chỉnh đường lối. Hiện nay, cơ sở để đoàn kết cán bộ, đảng viên và quần chúng ở nước ta là đường lối đổi mới do Đại hội VI vạch ra.

Hai, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc sinh hoạt đảng về tập trung dân chủ tự phê bình và phê bình. Bác Hồ chỉ rõ: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”.

Ba, ra sức chống chủ nghĩa cá nhân. Kinh nghiệm cho thấy trong nhiều trường hợp, sở dĩ xảy ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ thường do chủ nghĩa cá nhân gây ra. Chủ nghĩa cá nhân có nhiều sắc thái như công thần, kèn cựa địa vị, tự cao tự đại, coi thường tập thể, tham ô, hối lộ, thu vén riêng tư, độc đoán chuyên quyền, v.v... Đáng lưu ý một dạng biểu hiện khác khá nguy hiểm của chủ nghĩa cá nhân là bệnh cơ hội đang có chiều hướng phát triển. Chính vì vậy mà Bác Hồ đã gọi chủ nghĩa cá nhân là “kẻ địch”, vì nó mà dẫn tới “mất đoàn kết, thiếu tinh tổ chức, tinh kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước”. Chú ý rằng, trong điều kiện đã có chính quyền, chủ nghĩa cá nhân và cơ hội có môi trường để phát triển và rất nguy hại khi nó dựa vào quyền lực để tồn tại và hoành hành. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tỉnh táo, tu dưỡng mình và tập thể phải giúp đỡ, đấu tranh để hạn chế và đẩy lùi tác hại của nó.

Thể hiện trên thực tế tính giai cấp, tính tiên phong của đảng viên

Vấn đề thứ tư. Sức mạnh và uy tín của Đảng bắt nguồn từ việc thể hiện trên thực tế tính giai cấp, tính tiên phong của đảng viên. Lịch sử tồn tại và phát triển của Đảng ta trong những thập kỷ qua đã chứng minh điều đó. Đúng như Bác Hồ nói: “Đảng mạnh là do chi bộ tốt, chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt”. Điều này giải thích vì sao năm 1945 Đảng ta chỉ có khoảng 5.000 đảng viên mà đã lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền trong cả nước. Hiện nay Đảng ta có hơn hai triệu đảng viên, gấp hơn 4.00 lần so với lúc đó. Đương nhiên, sự nghiệp cách mạng phát triển thì số lượng đảng viên cũng tăng thêm. Điều quan trọng là đông nhưng phải mạnh, số lượng đi đôi với chất lượng. Không phủ nhận thực tế là nhiều đảng viên, cán bộ của Đảng hiện nay vẫn nêu gương sáng về phẩm chất và phát huy được vai trò của mình trước quần chúng xứng đáng với niềm tin yêu, hy vọng của họ. Nhưng cũng có một thực tế khác là một bộ phận không nhỏ đảng viên, cán bộ sa sút phẩm chất, suy giảm tính giai cấp, tính tiên phong, mất lòng tin đối với quần chúng. Trong Đảng ta có những thời kỳ trong mục phân loại đảng viên có mức “trung bình”. Theo tôi, không nên dùng khái niệm “trung bình” gắn với danh hiệu đảng viên. Đã là đảng viên thì phải là bộ phận ưu tú nhất của giai cấp và nhân dân. Còn đối với đảng viên yếu kém thì phải bằng các biện pháp khác nhau kiên quyết xử lý.

Sự nghiệp đổi mới xã hội chủ nghĩa đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải tự đổi mới không ngừng. Trước hết là đổi mới nhận thức. Muốn vậy phải tăng cường nghiên cứu nắm vững lý luận Marx-Lenin, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, học tập văn hóa, kỹ thuật và nghiệp vụ. Chủ yếu là tự học, vừa học vừa kết hợp với vận dụng trong công tác thực tế. Đó là cách tốt nhất để khắc phục chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa giáo điều đang tồn tại khá phổ biến hiện nay trong cán bộ ta. Thiếu tri thức, nhất là tri thức hiện đại, trí tuệ sẽ nghèo nàn, và con người không thể có được hoạt động tự giác, tự chủ và sáng tạo, một nhân tố then chốt để đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên. Điều này càng đặc biệt cần thiết đối với cán bộ, đảng viên giữ vai trò lãnh đạo. Tôi nhấn mạnh điều này vì ở không ít tổ chức, có nguy cơ cán bộ lãnh đạo lạc hậu so với quần chúng.

Dù sao, điều quan trọng nhất là danh hiệu người đảng viên, cán bộ phải được bảo vệ và chứng minh trên thực tế chứ không phải trên lời nói. Đó

là trong mọi công việc, phải thật sự xuất phát từ quan điểm “lấy dân làm gốc”, là gần gũi, gần bó với quần chúng, hiểu thấu tâm tư, nguyện vọng và quan tâm giải quyết những lợi ích thiết thân của họ, có tác dụng hướng dẫn nêu gương trước quần chúng. Đáng tiếc là về mặt này, một số không ít đảng viên, cán bộ chúng ta còn bộc lộ nhiều thiếu sót. Tâm lý thụ động, bàng quan, thái độ vô trách nhiệm, tác phong làm việc theo kiểu bàn giấy còn ngự trị ở nhiều nơi. Có những người không chút động lòng day dứt trước tiếng kêu oan ức, nổi bất công của người dân. Mỗi quan tâm hàng ngày của những người này không vượt ra khỏi bản thân và gia đình. Thậm chí ở một số nơi vừa qua, có những đảng viên cán bộ đi đầu trong việc tập hợp, lừa mị một số quần chúng nhẹ dạ để gây rối trong các vụ tranh chấp ruộng đất, chống đối lại chính quyền. Chúng ta phải xử lý nghiêm khắc và không để tái diễn những trường hợp như vậy. Nguy cơ mất dẫn quần chúng sẽ tăng lên nếu để kéo dài các tình hình nói trên mà không có biện pháp khắc phục. Tôi không muốn kể thêm nhiều biểu hiện tiêu cực khác. Chỉ muốn lưu ý một hiện tượng là gần đây tình trạng xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, tham ô hối lộ, phung phí của cải của nhân dân, ăn chơi sa đọa trong một bộ phận cán bộ, đảng viên - nhất là ở các ngành kinh tế - tăng lên đến mức báo động, gây phản nộ chính đáng trong các tầng lớp nhân dân. Đây thật sự là tội ác dù xét theo khía cạnh đạo đức cá nhân hay hành vi xã hội. Luật pháp phải kiên quyết loại trừ ngay những con sâu mọt đó. Kỳ luật Đảng phải sớm chấm dứt sự xói mòn nguy hiểm đối với uy tín của Đảng. Chú ý rằng quần chúng quan niệm về Đảng thường là qua những đảng viên cụ thể ở nơi làm việc và trong khu dân cư. Không có Đảng trừu tượng, vô hình, nằm ngoài con mắt của quần chúng. Trước hết phải tự rèn luyện mình, tiến hành tự phê bình, đồng thời cần thiết phải tổ chức thường xuyên những hình thức lấy ý kiến của quần chúng góp ý với cán bộ, đảng viên, nhất là những người lãnh đạo. Trách nhiệm đối với đảng viên trước hết thuộc về chi bộ đảng. Trong Đảng ta, số tổ chức cơ sở đảng kém tác dụng đối với đảng viên và quần chúng nay chiếm đến vài ba chục phần trăm. Chúng ta suy nghĩ nhiều về con số đó. Vì vậy, Trung ương sẽ quyết định tới đây phải cấp bách củng cố tổ chức cơ sở Đảng và đẩy mạnh cuộc vận động làm trong sạch Đảng và tổ chức bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại

Vấn đề thứ năm. Lịch sử Đảng ta là lịch sử của sự kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại. Đây là truyền thống quý báu của Đảng và ngày càng được bồi đắp phát huy. Đảng ta ngay từ khi mới ra đời đã là một thành viên đáng tin cậy của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Một mặt, chúng ta nhận được sự giúp đỡ, ủng hộ chí tình của Liên Xô, Trung Quốc, Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa khác, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của các lực lượng tiến bộ trên thế giới; mặt khác, chúng ta đóng góp hết sức mình vào sự phát triển của cách mạng xây dựng chủ nghĩa và các trào lưu tiến bộ trên thế giới... Đảng ta có quyền tự hào về sự vô tư, trong sáng, thủy chung của mình trong quan hệ với các đảng anh em. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi hoàn toàn xa lạ với Đảng ta. Sau khi có chính quyền, Đảng ta càng có nhiều điều kiện hơn để thực hiện nghĩa vụ quốc tế của mình, trước hết đối với các nước trên bán đảo Đông Dương, theo tinh thần của Bác Hồ "giúp bạn cũng tức là giúp mình".

Hiện nay, như mọi người đều biết, tình hình ở một số nước xã hội chủ nghĩa đang có những khó khăn gay gắt. Trong làn sóng cải tổ và cải cách xuất hiện như một tất yếu khách quan để khắc phục những lệch lạc làm biến dạng chủ nghĩa xã hội, các Đảng Cộng sản và công nhân ở một số nước xã hội chủ nghĩa đang trải qua cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, nảy sinh những mâu thuẫn mới mà trước đây chưa từng có. Chúng ta ủng hộ sự đổi mới theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa ở các nước này nhằm làm cho chủ nghĩa xã hội mạnh hơn, phát huy được đầy đủ hơn tính ưu việt của nó, làm chỗ dựa vững chắc cho các dân tộc khác trên thế giới trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Chúng ta chân thành hy vọng nhân dân và các đảng anh em sớm vượt qua được thử thách to lớn này. Đảng sẽ lấy lại được lòng tin của quần chúng, đóng vai trò là đội tiên phong chính trị trong xã hội. Các thế lực phản động và đế quốc đang ra sức chống phá các nước xã hội chủ nghĩa, nhưng chúng không dễ dàng đảo ngược được lý tưởng xã hội chủ nghĩa đã ăn sâu bám chắc trong đời sống của hàng chục triệu con người với tính cách là giải pháp hợp lý

nhất đưa đất nước đi lên. Về phần mình, trước sau như một, chúng ta tiếp tục mở rộng quan hệ mọi mặt với các nước anh em, tăng cường tình đoàn kết quốc tế xã hội chủ nghĩa, tích cực tham gia vào việc đổi mới có hiệu quả hoạt động của Hội đồng Tương trợ Kinh tế.

Với phong trào cách mạng trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta và nhân dân đã, đang và sẽ mãi mãi là người bạn đáng tin cậy, cùng đi chung một con đường, cùng giúp đỡ và ủng hộ lẫn nhau. Sự kiện Panama vừa mới xảy ra nhắc nhở chúng ta mài sắc hơn nữa cảnh giác, không có một chút ảo tưởng nào đối với chủ nghĩa đế quốc, về cái mà chúng thường rêu rao là “thiện chí” hòa bình, “tôn trọng” nhân quyền và “không can thiệp” vào chủ quyền của các dân tộc. Nhân dân ta hiểu rằng, những kẻ đã từng xâm lược và thống trị các dân tộc không một chút nào có tư cách phát ngôn về tự quyết dân tộc và về nhân quyền.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, chúng ta có quyền tự hào chính đáng về Đảng của mình, về con đường mà Nhân dân và Đảng ta đã đi qua. Một Đảng chỉ mới sau 15 năm thành lập đã lãnh đạo Nhân dân làm Cách mạng tháng Tám thành công, sau 45 năm giành được độc lập, tự do trên phạm vi cả nước. Ngày nay, nhiệm vụ lịch sử lớn lao đang đặt ra trước Đảng và Nhân dân ta là bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự do đã giành được và xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, mang lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc cho mọi người.

Những năm 90, thập kỷ cuối cùng của thế kỷ 20, chuẩn bị bước vào thế kỷ 21 đang chờ chúng ta phía trước với những thách thức to lớn và cả những vận hội to lớn. Trên con đường đi tới, Đảng Cộng sản Việt Nam nguyện phát huy truyền thống vẻ vang của mình, tích cực khắc phục sai lầm và khuyết điểm, tiếp tục xứng đáng là đội tiên phong chính trị của xã hội, cùng toàn thể Nhân dân Việt Nam tiến lên giành những đỉnh cao mới trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” như Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nhân dân hằng mong đợi.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã và đang soi sáng con đường thắng lợi của cách mạng Việt Nam

NGUYỄN VĂN LINH

Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

Vào thu năm nay, cùng với niềm tự hào đời đời về Cách mạng tháng Tám, việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và những trang lịch sử oanh liệt của hai cuộc kháng chiến kết thúc toàn thắng trong mùa Xuân 1975, còn có niềm vui trước vận hội mới mở ra cho đất nước, tiếp theo những thành tựu bước đầu rất quan trọng của sự nghiệp đổi mới hòa quyện với niềm tự hào và niềm vui lớn đó là tình cảm dạt dào thương nhớ và lòng biết ơn vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh - Bác Hồ vô vàn kính yêu. Thấm thoát đã hai mươi lăm năm rồi ngày Bác ra đi và để lại Di chúc thiêng liêng sáng ngời tư tưởng Hồ Chí Minh và thắm đượm "muôn vàn tình thân yêu"⁽¹⁾ của Bác dành cho "toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng".⁽²⁾

Phần đầu thực hiện Di chúc, từ sau ngày miền Nam được giải phóng, Tổ quốc được thống nhất, Đảng ta đã trải qua nhiều năm mò mẫm, trả giá, đến Đại hội Đảng lần thứ VI đề ra đường lối đổi mới, trước hết đổi mới tư duy kinh tế. Đại hội Đảng lần thứ VII khẳng định, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới, thông qua Cương lĩnh, Chiến lược kinh tế - xã hội đến

năm 2000. Và tiếp theo, các kỳ hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đã đưa ra những nghị quyết đáp ứng được đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ đưa đến thắng lợi và cục diện mới trước mắt. Các nghị quyết đó thể hiện nhiều mặt của Di chúc, của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong phạm vi của bài viết này, tôi không đề cập toàn bộ nội dung Di chúc, mà chỉ xin nêu một số vấn đề, tuy có được đặt ra nhiều lần để giải quyết nhưng vẫn còn là những nỗi ưu tư, day dứt của người đảng viên, người dân thiết tha với tương lai của đất nước, dân tộc.

Với *“tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt tuy sức khỏe có kém”*.⁽¹⁾ Bác viết trong Di chúc: “Trước hết nói về Đảng”. Được chủ nghĩa Marx-Lenin soi sáng con đường giải phóng cho đồng bào bị đọa đày, đau khổ, ngay từ 1927 trong “Đường Cách mệnh”⁽¹⁾ Bác đã đặt ra câu hỏi: *“Cách mệnh trước hết phải có cái gì?”* và đưa ra lời đáp: *“Trước hết phải có đảng cách mệnh... Đảng có vững vàng, cách mệnh mới thành công cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”* và *“Đảng phải theo chủ nghĩa Lenin, là chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất”*. Từ nhận thức và quan điểm đúng, Bác dày công ra sức xây dựng, giáo dục, rèn luyện Đảng với lòng mong muốn Đảng *“trở thành hình thức tổ chức cao nhất của quần chúng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc”*.⁽²⁾

Phân tích nguyên nhân, đồng thời cũng là bài học bảo đảm cho Đảng làm được vai trò đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành thắng lợi, Bác nêu rõ, đó là *“nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc”*.⁽¹⁾ Bác nhắc nhở: *“Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”*, cần phải được giữ gìn như *“giữ gìn con người của mắt mình”*.⁽¹⁾

Đối với Đảng cầm quyền như Đảng ta, Bác đòi hỏi: *“Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”*,⁽¹⁾ *“phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”*.⁽¹⁾

1 “Hồ Chí Minh toàn tập”. Tập 2, trang 189

2 “Hồ Chí Minh toàn tập”. Tập 7, trang 207



Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh thắp hương tưởng niệm trước bàn thờ Tổ quốc ở quê nội của Bác Hồ trong chuyến thăm tỉnh Nghệ Tĩnh từ 23 đến 27 tháng 5 năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969). *Nguồn: Nxb Chính trị Quốc gia.*

Thể hiện tư tưởng tư duy xây dựng Đảng trong Di chúc, Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) đã ra Nghị quyết về đổi mới và chỉnh đốn Đảng phù hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới và có tính đến những mặt mạnh và yếu của Đảng, những thuận lợi và khó khăn trong công tác xây dựng Đảng. Nghị quyết Trung ương 3 xác định: “Trong bối cảnh quốc tế, tình hình đất nước hiện nay, việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng đang nổi lên là một nhiệm vụ quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng”.

Việc triển khai Nghị quyết Trung ương 3 từ năm 1992 đến nay đã đạt được nhiều kết quả tích cực, mà kết quả tích cực nhất là trong nội bộ Đảng có sự nhận thức sâu sắc hơn tư tưởng chỉ đạo trong Di chúc *trước* hết phải chăm lo xây dựng Đảng và những bài học thực tiễn về đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Ở những nơi mà Đảng bộ cố gắng làm tốt công tác đổi mới, chỉnh đốn Đảng, trình độ lãnh đạo, quản lý, chất lượng sinh hoạt Đảng được nâng lên, mang đến những kết quả thiết thực là sản xuất, kinh

doanh, công tác, học tập tiến bộ, góp phần cải thiện được một bước đời sống vật chất, tinh thần, tình cảm và lòng tin của quần chúng đối với đảng viên, với Đảng tốt hơn. Những kết quả bước đầu tuy còn khiêm tốn so với đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng, so với tâm tư nguyện vọng của trong và ngoài Đảng, nhưng cũng đem đến những bài học thực tiễn rất quý báu, đánh thức được ý thức trách nhiệm, tính Đảng trong cán bộ, đảng viên ở cương vị phụ trách. Tuy nhiên đáng buồn là nhiều biểu hiện trì trệ, tiêu cực, thoái hóa ở nơi này, nơi khác, cấp này, cấp khác chẳng những chưa được khắc phục đúng mức mà còn có chiều hướng phát triển, lây lan.

Về tình hình đoàn kết nội bộ, có những nơi mất đoàn kết nghiêm trọng kéo dài. Ở đây, nguyên nhân không phải do khác nhau, chưa gặp nhau trên các vấn đề về đánh giá tình hình, đối tượng, về chấp hành chủ trương, chính sách, về lễ lối, cơ chế mà chủ yếu do mâu thuẫn về quyền lợi cá nhân, tập đoàn, phe phái, cục bộ, địa phương.

Di chúc có chỉ rõ để củng cố và phát triển sự đoàn kết của Đảng, cách tốt nhất là *“trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình”*.⁽¹⁾ Rõ ràng ở những nơi có tình hình mất đoàn kết nghiêm trọng, ở đó không có dân chủ, không có tự phê bình và phê bình thường xuyên, nghiêm chỉnh, không có tình đồng chí. Điều tôi muốn lưu ý là ở một số cấp ủy Đảng, chính quyền, việc tự phê bình và phê bình không thể hiện được tính Đảng, tính nguyên tắc, tình thương yêu đồng chí mà được thay thế bằng tính nể nang, thiếu thẳng thắn đấu tranh bảo vệ chân lý, bảo vệ việc đúng người tốt. Lo lắng bị định kiến, bị vô hiệu hóa, thậm chí bị trù dập không phải là những trường hợp riêng lẻ, chỉ ở cấp cơ sở. Ở một số nơi xảy ra tình hình Ban Thường vụ, Thường trực biến thành một cấp cao hơn cấp ủy Đảng tương đương.

Ở Bắc Hồ, ý thức và nề nếp tự phê bình và phê bình trở thành sinh hoạt tự nhiên không thể thiếu được. Nhà báo Trần Dân Tiên kể hồi bị đế quốc Anh giam trong xà lim ở Hồng Kông: “Ông Nguyễn dùng thì giờ để suy nghĩ, để nhớ lại công việc cũ hoặc tự phê bình... làm như vậy chán rồi, ông đếm đi đếm lại sàn bao nhiêu gạch, mái bao nhiêu ngói...”⁽¹⁾

1 “Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch” Trần Dân Tiên, Nhà xuất bản Sự Thật Hà Nội, 1975. Trang 83

Về phẩm chất đạo đức cách mạng, từ khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền, Bác Hồ luôn luôn nhắc cán bộ, đảng viên: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân...”⁽¹⁾ Bác còn nhắc: “Phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân” và “Làm đầy tớ ví như mấy chữ a, b, c không phải ai cũng thuộc, phải học mãi, học suốt đời mới thuộc được”.⁽²⁾ Bây giờ chúng ta còn thấy không ít những cán bộ, đảng viên tham nhũng gây phần nộ trong dư luận xã hội, có người miệng kêu gọi tiết kiệm, liêm chính mà trong cuộc sống hàng ngày của cá nhân mình hay chung quanh mình để xảy ra lãng phí, ăn cắp của công, ức hiếp, trù dập người ngay. Những kẻ đó dễ quên “cảnh hàn vi”, lúc sống và hoạt động phải dựa vào dân để dân nuôi, chăm sóc lúc bệnh hoạn, che chở khi gặp nguy nan... Con sâu làm rầu nồi canh, nhưng để nhiều sâu thì thật nguy hiểm. Kẻ địch xem những cán bộ, đảng viên thoái hóa, mất chất không kịp thời ăn năn hối cải là những kẻ tiếp tay đắc lực cho chúng trong hoạt động chia rẽ nội bộ, chia rẽ Đảng với dân, đi vào âm mưu “diễn biến hòa bình”.

Chúng ta càng nghiêm khắc phê phán và phải xử lý đúng mức những cá nhân, tập thể cán bộ, đảng viên mất phẩm chất đạo đức, vi phạm chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước, chúng ta càng hết sức tin yêu, quý trọng cá nhân và tập thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, nhân dân yêu nước - tiếp tục chịu đựng gian khổ, kể cả chấp nhận hy sinh, giữ niềm tin, niềm tự hào vì dân, vì nước. Nếu trong lịch sử vẻ vang của dân tộc “hào kiệt đời nào cũng có”, trong hai cuộc kháng chiến “ra ngô gạo anh hùng” thì đời nay, trong sự nghiệp đổi mới, trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao, an ninh, quốc phòng... đã xuất hiện và nở rộ những bông hoa cá nhân và tập thể lập kỳ tích có tiếng vang trong nước và trên thế giới. Chúng ta cũng hết sức quý trọng “hàng triệu, hàng chục triệu con người hàng ngày góp gió thành bão” như cách nói của Bác. Đó là đồng bào các dân tộc trong các giai cấp tầng lớp, các

1 “Hồ Chí Minh toàn tập”. Tập 4, trang 467

2 “Hồ Chí Minh toàn tập”. Tập 10, trang 663

giới, các thế hệ trong nước và ở nước ngoài luôn luôn hướng về Tổ quốc thân thương theo truyền thống “lá rụng về cội”.

Việc quý trọng những cán bộ, đảng viên trung thực, dám đấu tranh chống tiêu cực đòi hỏi Bí thư cấp ủy Đảng, thủ trưởng đơn vị cơ quan có chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của những con người đó, đừng để họ bị đổ ky, bị cô lập, trù dập...

Bác Hồ có niềm tin và tấm lòng yêu thương vô bờ bến đối với nhân dân và cán bộ, đảng viên từ nhân dân mà ra. Bác nói: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”.⁽¹⁾ “Ta được lòng dân thì ta không sợ gì cả”.⁽²⁾ Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, trong Di chúc, nhân dân là đại gia đình các dân tộc, là nhân dân lao động với liên minh công nhân, nông dân, trí thức, là đồng bào lương và giáo, là người có công với cách mạng, không quên nạn nhân của chế độ cũ, là cộng đồng người Việt Nam ở trong nước và đang làm ăn sinh sống ở nước ngoài, bây giờ có đến hai triệu người. Và đặc biệt bao giờ tình cảm thương yêu, tin cậy của Bác cũng dành cho các lực lượng võ trang, bộ đội và công an, cho thanh niên xung phong, và tuổi trẻ. Hình ảnh “năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài” Bác nêu trong những ngày đầu Nam bộ kháng chiến có sức cổ vũ đoàn kết mãnh liệt ở trong Nam và trong cả nước. Sau Hiệp định Genève 1954, Bác đã “tha thiết kêu gọi tất cả những người thật thà yêu nước không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đã đứng về phe nào, chúng ta hãy thật thà cộng tác vì dân vì nước...”⁽³⁾

Nhân dân đối với Bác không chỉ là cộng đồng nói chung mà còn là từng trường hợp cụ thể. Bác rất thông cảm với hoàn cảnh, điều kiện của từng người. Nói chuyện với những ai có lòng yêu nước mà không có điều kiện đảm nhận những công việc như mình muốn, Bác ân cần an ủi: “Lòng người thì đồng mà hoàn cảnh không đồng”.⁽⁴⁾ Với một nhà báo nước ngoài, Bác đã tâm tình về tấm lòng của Bác đối với đồng bào miền Nam: “Mỗi

1 “Hồ Chí Minh toàn tập”. Tập 7, trang 544

2 “Hồ Chí Minh toàn tập”. Tập 10, trang 388

3 “Hồ Chí Minh toàn tập”. Tập 7, trang 4

4 “Hồ Chí Minh biên niên”, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Tập 3, trang 20

người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp lại những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”.⁽¹⁾ Với tâm hồn cao đẹp, chủ nghĩa nhân văn cao đẹp như vậy, Bác mới nói: “... Đảng ta vĩ đại vì nó bao trùm cả nước, đồng thời vì nó gần gũi tận trong lòng của mỗi đồng bào ta”.⁽²⁾

Tôi rất vui mừng trước thành công tốt đẹp của Đại hội lần thứ 4 Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vừa mới họp. Đại hội đã thể hiện sinh động và có sức thuyết phục tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới. Hơn bao giờ hết, chúng ta có điều kiện và có trách nhiệm để làm công việc mà Đại hội đã làm là khơi dậy “niềm tự hào về dân tộc, tin tưởng vào tương lai của đất nước, xóa bỏ mặc cảm, hận thù, chân thành đoàn kết, hòa hợp thành một khối thống nhất, tận dụng thời cơ thuận lợi cùng nhau phấn đấu hoàn thành sứ mệnh lịch sử thiêng liêng đưa đất nước tiến lên”.⁽³⁾

Tôi được biết và hoan nghênh trong quá trình chuẩn bị Đại hội Mặt trận ở các cấp và ngay trong Đại hội toàn quốc, bên cạnh những ý kiến khẳng định vai trò và những thành tựu quý báu đã đạt được của Mặt trận trong nhiệm kỳ qua, có nổi lên những ý kiến xác đáng chỉ rõ những mặt yếu, tồn tại trong xã hội và trong công tác của Ủy ban Mặt trận ở cơ sở và cấp tỉnh, thành, trung ương.

Tôi mong và tin rằng sau Đại hội, để cho chương trình hành động đi vào cuộc sống, quyết tâm cao của Mặt trận sẽ thể hiện bằng kế hoạch, biện pháp thiết thực, nhất là thường xuyên củng cố và mở rộng ủy ban các cấp, thu hút vào các phong trào hành động yêu nước nhiều lực lượng mới trong nhân dân, nhiều cá nhân tiêu biểu ngoài Đảng ở trong nước và ở nước ngoài. Đảng và Nhà nước chắc chắn sẽ làm hết trách nhiệm đối với Mặt trận, tạo những điều kiện cần thiết để Mặt trận đảm đương vai trò tập hợp, huy động toàn dân trong và ngoài nước vào sự nghiệp của Tổ quốc trong thời kỳ mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

1 “Hồ Chí Minh toàn tập”. Tập 10, trang 795

2 “Hồ Chí Minh toàn tập”, Tập 8, trang 587

3 Chương trình của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Di chúc thể hiện sâu sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh có sự kết tinh nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, giai cấp và dân tộc, giữa dân tộc và quốc tế, giữa tâm hồn, khí phách Việt Nam với tinh hoa trí tuệ cổ kim, đông tây, mà đỉnh cao là chủ nghĩa Marx-Lenin sáng ngời chủ nghĩa nhân văn cho hôm nay và mai sau. Danh hiệu cao quý “Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa lớn” mà thế giới phong tặng cho Bác là niềm vinh dự, là nguồn sức mạnh diệu kỳ Bác để lại cho dân tộc, cho Đảng qua các thế hệ trong thời đại Hồ Chí Minh.

Tuyên ngôn Độc lập do Bác thảo ra và đọc long trọng ở Quảng trường Ba Đình lịch sử trong ngày 2 tháng 9 năm 1945 là lời hiệu triệu, lời sông núi. Di chúc thiêng liêng Bác để lại trong ngày Bác vĩnh biệt chúng ta trong niềm tiếc thương vô hạn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, của bạn bè và đồng đảo nhân dân thế giới cũng là lời hiệu triệu, lời sông núi thôi thúc, dẫn dắt chúng ta thực hiện cho kỳ được điều mong muốn cuối cùng của Bác: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.^(*)

Để nhớ hai mươi lăm năm Di chúc của Bác Hồ, tôi tha thiết mong muốn, trong Đảng và trong nhân dân, đặc biệt trong tuổi trẻ có những buổi sinh hoạt, nghiên cứu, trao đổi về Di chúc của Bác. Như thế chắc chắn sẽ có thêm sức mạnh vật chất và tinh thần để tận dụng thời cơ, đẩy lùi bốn nguy cơ mà hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đã đề ra và để hoàn thành tốt đẹp các công trình mừng năm 1995 với nhiều ngày lịch sử trọng đại, trong đó có kỷ niệm lần 65 ngày thành lập Đảng và kỷ niệm lần thứ 105 ngày sinh của Bác. Công trình quan trọng nhất sẽ là công trình “Trống Ngươi” là một việc rất quan trọng và rất cần thiết như Bác dạy trong Di chúc.

^{*} Những câu trích trong Di chúc của Hồ Chủ tịch

Đổi mới tư duy và phong cách

NGUYỄN VĂN LINH

*Trích giới thiệu bài nói của đồng chí Nguyễn Văn Linh
về “Đổi mới tư duy và phong cách” tại lớp nghiên cứu Nghị quyết
Đại hội VI do trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc tổ chức
(tháng 5-1987)*

Cùng với việc khẳng định những thành tựu đã đạt được trong sự Nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Đại hội lần thứ VI của Đảng đồng thời cũng vạch ra những nhược điểm và khuyết điểm của chúng ta trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng và tổ chức. Hơn bao giờ hết, thực tiễn cách mạng nước ta đang đòi hỏi cấp bách phải đổi mới cách nghĩ và cách làm một cách sâu sắc và toàn diện trên mọi lĩnh vực hoạt động xã hội, Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu bước ngoặt lớn trên con đường đổi mới này.

...Chúng ta đã thu được những thành tựu đáng kể nhưng so với tiềm năng và khả năng có thể khai thác được trong tầm tay thì còn có một khoảng cách lớn. Chính cách nghĩ, cách làm bảo thủ và quan liêu là một trong những nguyên nhân cơ bản gây ra tình trạng trì trệ, rối ren trong sản xuất và phân phối, lưu thông, làm tăng thêm khó khăn về đời sống, tiêu cực phát triển ngày càng nhiều. Đây là tình hình không thể chấp nhận được, đòi hỏi phải thay đổi kiên quyết bằng mọi biện pháp mạnh mẽ về tư tưởng, tổ chức, cán bộ, và phong cách.

Phải nhìn thẳng vào sự thật, phải thấy rằng thiếu sót chủ quan của chúng ta là nghiêm trọng và kéo dài. Phải có tinh thần dũng cảm tự phê phán mạnh mẽ và triệt để để đổi mới. Không như thế, chúng ta sẽ rơi vào tình trạng trì trệ kéo dài với những tai họa thật sự - những tai họa không phải do bản chất của chế độ chúng ta gây ra mà là do khuyết điểm của chúng ta gây ra.

Có thật sự đổi mới tư duy và phong cách mới hiểu được thực chất của hiện trạng, phân biệt rõ ràng đúng sai, phát huy được nhân tố tiến bộ; gạt bỏ được những sai lầm. Từ đấy mở ra một trình độ mới trong việc nhận thức và vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Marx-Lenin, khơi dậy được tính chủ động sáng tạo vô tận của nhân dân lao động, phát huy được tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội để đưa đất nước đi lên.

Đây là một quá trình đấu tranh kiên quyết “chống cái cũ, chống bảo thủ trì trệ, chống giáo điều rập khuôn, chống chủ quan nóng vội, chống tha hóa biến chất, chống những thói quen lỗi thời dai dẳng. Đây là cuộc chủ trương cách mạng gian khổ diễn ra trên mọi lĩnh vực và trong bản thân từng người chúng ta”.⁽¹⁾

... Có nhận thức đúng và sâu mới làm đúng và làm có hiệu quả. Do đó, muốn có đổi mới trong đời sống thì trước hết phải đổi mới trong tư duy. Nói đến tư duy là nói đến trình độ nắm bắt các quy luật khách quan, nói đến việc suy nghĩ theo đòi hỏi của các quy luật đó và áp dụng phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước, nói đến quá trình sáng tạo để xuất ra các ý kiến mới, nói đến việc tìm tòi các biện pháp có hiệu quả cho hành động... Điều này đòi hỏi phải chống chủ nghĩa kinh nghiệm hời hợt trong nhận thức, chống cách suy nghĩ chủ quan, bảo thủ, giáo điều, chống việc tách rời giữa lý luận và thực tiễn. Muốn làm được việc này, phải gắn lời nói với việc làm, có nhiệt tình cách mạng cao thống nhất với tri thức khoa học vững chắc, dám nhìn thẳng vào sự thật, công khai hóa hoạt động, đi sâu đi sát thực tiễn, lấy hiệu quả thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội làm mục đích, biết giải quyết mọi công việc trên cơ sở phát huy quyền làm chủ và tính chủ động của quần chúng nhân dân lao động... Nói cách khác, đổi mới tư

1 Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1987, trang 8.



Ngày 27-4-2015, tại Quảng trường Nguyễn Văn Linh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đã khánh thành tượng đài Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. *Nguồn: Internet.*

duy phải đi liền với đổi mới phong cách, đó là một quá trình thống nhất không thể tách rời.

... Để tiến hành công cuộc đổi mới ở bất cứ lĩnh vực nào của đời sống xã hội, cần phải chuẩn bị trước về cơ sở lý luận. Sự khám phá về lý luận phải là tiền đề và điều kiện cơ bản làm cơ sở cho sự đổi mới trong hoạt động thực tiễn, vì như V.I. Lenin nói: Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng. *Trên cơ sở lý luận đúng đắn dẫn dắt đường, tiến hành thiết kế các cơ chế quản lý cụ thể cũng như soạn thảo các chính sách, biện pháp phù hợp đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống.* Thông qua phương pháp thử nghiệm xã hội ở những mô hình trong các ngành và địa phương khác nhau, chọn lọc những nhân tố phù hợp với quy luật và được cuộc

sống chấp nhận, sẽ triển khai ứng dụng trên quy mô đại trà. Đến đây, tư duy mới đúng đắn được định hình trong cuộc sống, được thể chế hóa về mặt nhà nước, biến thành hành động thực tiễn hàng ngày của quảng đại quần chúng. Đây là cội nguồn sâu xa tiếp thêm sinh lực dồi dào, phong phú cho hoạt động lý luận, điều chỉnh nó theo phương hướng đúng, đưa nó lên một tầm cao mới, lớn hơn. Chỉ có lý luận nào vận động theo chu trình nghiêm ngặt đó mới có tương lai đầy hứa hẹn và làm đúng chức năng xã hội của nó. Và cũng chỉ trên cơ sở tuân theo chu trình đó thì hoạt động thực tiễn mới thoát khỏi chủ nghĩa kinh nghiệm, tự phát, bết mò mẫm đường vòng và phải trả giá đắt. Tôi nghĩ rằng, từ nay về sau, việc đề ra các quyết định lớn của Đảng và Nhà nước phải kiên trì đi theo con đường đó. Yêu cầu của hoạt động tự giác và làm chủ quá trình vận động của xã hội không thể có sự lựa chọn nào khác. Đó là một vấn đề cốt tử trong công cuộc đổi mới tư duy và phong cách. Dĩ nhiên, sự ra đời và chiến thắng của cái mới là một quá trình cùng với sự chín muồi các điều kiện để thực hiện nó. Nôn nóng muốn bỏ qua các bước quá độ cần thiết là một sai lầm không kém phần tai hại.

Thừa nhận các bước quá độ cần thiết trong quá trình đổi mới quyết không phải là quan điểm chiết trung, “đứng giữa” hai cực. Đó là quan điểm duy nhất và đúng đắn phù hợp với qui luật ra đời của cái mới. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta chấp nhận thái độ thụ động mặc cho quá trình đổi mới kéo dài vô thời hạn. Đồng thời, tránh quan niệm giản đơn cho rằng, việc đổi mới chỉ tiến hành một lần là xong, diễn ra nhanh chóng. Phải thấy hết tính chất gay go, phức tạp của nó. Mặt khác, chính cuộc sống vận động không ngừng luôn luôn đề xuất những yêu cầu mới, đòi hỏi chúng ta phải thay đổi cách nghĩ, cách làm cũ không còn phù hợp. Phải tích cực chủ động, dùng toàn bộ sức mạnh tác động vào việc tạo ra những điều kiện cần thiết để quá trình đổi mới xuất hiện nhanh chóng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội nước ta.

Phương pháp tư duy đúng đắn không thừa nhận sự cường điệu hóa, nhấn mạnh mặt này coi nhẹ mặt kia, trong khi sự vật vốn bao hàm sự thống nhất hai mặt đối lập, như kế hoạch và thị trường, tập trung và dân chủ... Vậy mà, trong hoạt động lý luận và thực tiễn ở nước ta hiện nay,

thường vẫn xuất hiện những âm thanh lạc điệu đối với những vấn đề này. Thậm chí, có người nhân danh tư duy mới để phủ định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Marx-Lenin. Chẳng hạn, một số người phê phán việc kế hoạch hóa kinh tế của ta hiện nay tập trung quan liêu, cứng nhắc và áp đặt, điều đó đúng, nhưng khi họ đề xuất giải pháp để thay đổi tình hình bằng cách áp dụng đồng loạt, không phân biệt nguyên tắc “Tất cả các cơ sở sản xuất tự quyết định việc lựa chọn mặt hàng sản xuất, miễn là được thị trường chấp nhận” và “người nào sản xuất, người đó quyết định giá” thì vấn đề đã khác rồi. Ở đây ranh giới có tính nguyên tắc giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội đã bị xóa nhòa. Thậm chí, còn thụt lùi so với chủ nghĩa tư bản, vì trong một số trường hợp, nhà nước tư bản vẫn dùng sức mạnh hành chính và kinh tế để can thiệp vào chế độ tiền lương, thị trường và giá cả của sản xuất tư nhân.

... Chúng ta nhận thức đầy đủ rằng, đổi mới là việc đặc biệt khó khăn. Chỉ xét riêng trong lĩnh vực đổi mới tư duy, đổi mới phong cách làm việc đã đủ thấy không thể dễ dàng và nhanh chóng. Tư duy, phong cách cũ đã kéo dài nhiều năm, ăn sâu vào tiềm thức của mọi người, mọi tổ chức như một căn bệnh cố hữu, thậm chí một số mặt của nó còn được thể chế hóa về pháp lý. Quá trình thay đổi tư duy, nếp làm việc sẽ không tránh khỏi sức ỳ to lớn của những quan niệm cũ, tính bảo thủ ghê gớm của tác phong công tác và lề lối làm việc đã hình thành như một thói quen khó sửa, nhất là chúng lại được gắn với những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân, vụ lợi. Muốn giành thắng lợi trong cuộc tiến công vào nhận thức, phong cách cũ, cần có đủ dũng khí cách mạng, hết sức kiên trì và nhất thiết phải tiến hành công việc trên cơ sở khoa học. Thậm chí, trong cuộc đấu tranh này, còn cần phải có cả ý thức cảnh giác, vì những cái cũ vốn nằm ngay trong bản thân mỗi người, và chúng rất dễ hồi phục dưới những hình thức có vẻ như mới. Cần phân biệt đâu là cái cần đổi mới, đâu là cái cần bồi đắp, nâng cao hơn. Nói đổi mới tư duy hoàn toàn không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận và quan điểm đúng đắn của Đảng, phủ nhận các quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa, trái lại, cần tiếp tục hoàn chỉnh và phát triển thêm những thành tựu đó.

... Đại hội VI đã khẳng định rằng, tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá cán bộ là phải “lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực”,⁽¹⁾ trong đó, điều cốt lõi hiện nay là phải lấy việc đổi mới cách nghĩ, cách làm sao cho phù hợp với yêu cầu giải phóng năng lực sản xuất và sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, khơi dậy được tính chủ động, quyền làm chủ của dân... mà đánh giá và sử dụng cán bộ. Những cán bộ nào không thích ứng được thì kiên quyết đào tạo lại hoặc thay đổi. Chúng ta sẽ không đổi mới cán bộ một cách hình thức (chỉ căn cứ thuần túy vào độ tuổi, bằng cấp, nguồn...) mà căn cứ chủ yếu vào nhiệm vụ phải hoàn thành một cách khẩn trương và có hiệu quả mà bố trí cán bộ.

Cuộc đổi mới hiện nay đòi hỏi cán bộ chúng ta phải không ngừng học tập, phải học nhiều, rất nhiều bằng mọi hình thức mới đảm đương nổi những nhiệm vụ mà thiếu trình độ lý luận, học vấn thì khó mà làm được.

... Trình độ trí tuệ dù quan trọng đến mấy cũng chỉ là một nhân tố trong những điều cần có của một cán bộ. Chú ý rằng, phẩm chất cách mạng là yếu tố hết sức cơ bản. Lòng trung thành vô hạn với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa của giai cấp công nhân; ý chí cách mạng tiến công, sự chiến đấu không mệt mỏi để xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách có hiệu quả; sự gần bó và ý thức phục vụ nhân dân lao động, tôn trọng và xây dựng quyền làm chủ của nhân dân lao động; tính trung thực, ý thức đấu tranh và biết tự phê phán cùng với sinh hoạt cá nhân lành mạnh nêu gương được cho mọi người chung quanh;... tất cả những điều này nếu không có trong cán bộ nào đó, thì dù trí tuệ có cao đến đâu cũng không có ích gì cho cách mạng. Và điều cần chú ý thêm là những phẩm chất này, chủ yếu phải được đánh giá qua hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

... Chúng ta đang thực hiện những nhiệm vụ hết sức khó khăn, phải nhận thức chính xác có chiều sâu những vấn đề phức tạp của cuộc sống. Điều này phụ thuộc trước hết vào tình hình hoạt động lý luận, tư tưởng của Đảng ta phát triển như thế nào. Phải có đòi hỏi cao đối với cán bộ trung, cao cấp trong lĩnh vực học tập nâng cao trình độ lý luận, năng lực

1 Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1987, trang 132.

tư duy khoa học. Trình độ lý luận thấp, hiểu biết một cách kinh nghiệm, mỗi người một khác, khi chỉ đạo thực tiễn thì tùy tiện điều khiển công việc theo những nhận thức cũ kỹ từ phía “tả” hay hữu, hoặc dao động từ cực này sang cực khác, mất khả năng phân định đúng sai. Có những cái sai cứ bảo vệ là đúng, có những cái đúng thì lại gạt bỏ không tiếp thu. Tại sao có những ngành, địa phương, đơn vị chủ trương đầu tư xây dựng cơ bản ngoài kế hoạch như làm hội trường, trụ sở cơ quan, sân vận động, v.v... cộng lại đến 6 - 7 tỉ đồng chỉ mới ba, bốn tháng sau Đại hội VI? Không thể chấp nhận Nghị quyết của Đảng một cách hình thức, còn hoạt động thì có thể khác, nhân danh “vốn tự có?” Ở đây, ngoài những nguyên nhân khác, có vấn đề trình độ lý luận thấp, không có khả năng hiểu đúng thực chất, tính nguyên tắc của những tư tưởng, chủ trương đã được thông qua trong Đại hội đã đẩy đến tình trạng làm ăn tùy tiện trên. Mặt khác, hiểu những tư tưởng của Đại hội không phải trên câu chữ mà phải hiểu được quan điểm, những căn cứ lý luận và thực tiễn cơ bản của nó, từ đó mới có khả năng vận dụng tư giác, chủ động, dám nghĩ, dám làm.

... Nói đổi mới tư duy, điều căn bản là phải đổi mới tư duy lý luận. Là cán bộ trung, cao cấp của Đảng, chúng ta suy nghĩ về trình độ lý luận của mình và chăm lo công tác lý luận, tư tưởng nói chung của Đảng ra sao? Đây cũng là một lĩnh vực cấp bách, thậm chí là cấp bách nhất phải đổi mới. Thảng thốt mà nói, sự lãnh đạo của Đảng vừa qua trên lĩnh vực này còn nhiều thiếu sót, chưa quan tâm đúng mức các vấn đề như chỉ đạo nghiên cứu những đề tài khoa học lớn, tổ chức phối hợp các cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, huy động các lực lượng nghiên cứu vào quá trình xây dựng đường lối, chính sách của Đảng. Nhiều năng lực nghiên cứu có thể đóng góp ý kiến bổ ích còn nằm ngoài quá trình ra các quyết định quan trọng của Đảng và Nhà nước. Sắp tới, chúng ta phải có biện pháp có hiệu quả để khắc phục tình hình này.

... Triển khai việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội VI mà công tác lý luận, tư tưởng không được đổi mới và phát triển thì khó có hiệu quả thật sự. Lý luận không phải là việc bàn cãi giữa những nhà lý luận mà thực chất là việc giải quyết quan điểm và năng lực chỉ đạo thực tiễn của tất cả chúng ta. Cuộc sống càng phức tạp, nhiệm vụ càng khó khăn, thời đại càng diễn

biến nhanh chóng thì lý luận càng trở thành điều thiết yếu như cơm ăn và nước uống hàng ngày. Chúng ta từ một nước sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội thì càng phải quán triệt điều này.

Để nâng cao trình độ lý luận đáp ứng những yêu cầu mới của cách mạng, mỗi cán bộ lãnh đạo dù công tác ở lĩnh vực nào cũng cần ra sức học tập lý luận, xem đó là nhiệm vụ vừa bức thiết, vừa thường xuyên của mình. Học tập lý luận là công việc rộng lớn, bao gồm việc học tập chủ nghĩa Marx-Lenin, khai thác kho tàng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo của Đảng, quán triệt đường lối của Đảng qua nghiên cứu Nghị quyết các Đại hội và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, học những kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn cách mạng nước ta và tham khảo những thành tựu phát triển lý luận của các đảng anh em. Tất cả những nội dung đó có mối liên hệ gắn bó mật thiết với nhau, không thể chỉ coi trọng mặt này, xem nhẹ mặt kia. Nghiên cứu nguyên lý lý luận mà không gắn với thực tiễn thì chỉ là sách vở, kinh viện; trái lại, nếu không xem trọng việc trau dồi lý luận cơ bản thì sẽ thiếu những hiểu biết rất cần thiết về thế giới, quan phương pháp luận marxist, sẽ không có được vũ khí lý luận sắc bén nhất của thời đại là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, sẽ sa vào những cuộc tranh luận kéo dài không thể phân định đúng, sai. Nếu biết gắn việc học tập những nguyên lý chung với quán triệt đường lối của Đảng và tình hình thực tiễn thì việc tiếp thu lý luận sẽ trở nên sinh động phong phú hơn. Sự cần thiết phải gắn việc học lý luận với việc học đường lối và học kinh nghiệm thực tiễn còn bởi vì cả ba mặt đó đều không ngừng phát triển, ngày càng có thêm những nội dung mới. Dừng lại ở những hiểu biết lý luận cũ thì nhất định sẽ không tiếp thu được những quan điểm mới trong đường lối của Đảng và không bắt nhịp nổi những diễn biến mới của thực tiễn cách mạng.

Để việc học tập có kết quả, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, cần đặc biệt chú trọng xây dựng và rèn luyện phương pháp học tập khoa học. Mỗi người cần tạo cho mình ý thức học một cách sáng tạo, chủ động, thật sự “tiêu hóa” kiến thức học được thành cái của mình. Mục đích cuối cùng của việc học tập lý luận là thông qua những tri thức lý luận cơ bản và những kiến thức thực tiễn mà hình thành phương pháp luận nhận thức, cách

thức phân tích tình hình một cách khách quan và đề ra những chủ trương, biện pháp đúng đắn trong những công việc cụ thể. Người cán bộ lãnh đạo có trình độ lý luận cao không nhất thiết phải là người thuộc nhiều câu trích dẫn kinh điển và Nghị quyết, mặc dù việc đọc rộng, đọc kỹ các tác phẩm lý luận là không bao giờ đủ, mà điều quan trọng hơn là phải có bản lĩnh định hướng được suy nghĩ và hành động của mình trong những hoàn cảnh phức tạp, khó khăn, biết tìm ra “mắt xích quan trọng nhất” mà giải quyết nó sẽ làm chủ được toàn bộ dây xích như V.I Lenin đã dạy. Do vậy, cần vận dụng triệt để phương châm gắn việc học lý luận với thực tiễn, học với hành, gắn việc nâng cao trình độ lý luận với rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng. Để xứng đáng là những cán bộ cách mạng, những chiến sĩ tiên phong của Đảng trên các mặt trận xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mỗi người chúng ta phải xác định động cơ học tập rõ ràng là học để nâng cao trình độ năng lực, góp phần thiết thực vào công việc của Đảng, của cách mạng. Trình độ lý luận càng cao thì năng lực tổ chức thực tiễn phải càng giỏi. Cũng cần nhắc lại rằng, học tập là việc cả đời, không thể coi học một lần ở trường là đủ, mà mỗi người phải có kế hoạch, bố trí thời gian để tự học, tiếp tục nâng cao trình độ của bản thân, thực hiện đúng khẩu hiệu “học, học nữa, học mãi”. Các đồng chí chưa được trang bị lý luận một cách có hệ thống nhất thiết phải qua đào tạo lại và bổ túc thêm bằng cách tự học, tự nghiên cứu, nhất là học tập trong công tác thực tiễn của mỗi người.

Nhân đây, tôi nhớ lại những năm tháng ở nhà tù Côn Đảo. Hồi đó, những người tù chính trị chúng tôi, sống trong hoàn cảnh vật chất cực kỳ khó khăn, bị đầy đọa về thể xác, nhưng ngày ngày vẫn không quên trau dồi lý luận cách mạng. Chúng tôi bí mật chuyển tay nhau từng quyển sách lý luận marxist như “Tư bản luận”, “Những vấn đề của chủ nghĩa Lenin” bằng tiếng Pháp, đọc đi đọc lại nhập tâm đến mức thuộc lòng từng đoạn dài. Tôi nhớ có một lần anh Ngô Gia Tự - vốn là người đọc nhiều và có phương pháp nghiên cứu tốt - trao đổi kinh nghiệm với tôi về cách học và truyền bá chủ nghĩa Marx-Lenin. Anh nói: khi học chủ nghĩa Marx-Lenin, phải học một cách cơ bản và có hệ thống, chỉ như vậy mới nắm được thực chất và toàn bộ chủ nghĩa Marx-Lenin. Nhưng khi ra hoạt động cách mạng, giác ngộ quần chúng đấu tranh, phải làm theo trình tự ngược lại.

Nghĩa là, không phải bắt đầu bằng cách bê nguyên xi những điều học được để giảng giải cho quần chúng, mà phải tham gia vào phong trào, cùng họ đấu tranh chống đế quốc và chống phong kiến. Từ đó, dùng những điều mà mình đã học được về lý luận kết hợp với thực tiễn sinh động trong cuộc đấu tranh của quần chúng để cắt nghĩa cho nông dân hiểu sâu cao thuế nặng là một hình thức bóc lột địa tô phong kiến, cắt nghĩa cho công nhân hiểu họ bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư, cắt nghĩa thế nào là chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản, thế nào là các mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa... Chỉ có qua hoạt động thực tiễn của bản thân quần chúng, họ mới hiểu lý luận một cách tự nhiên, cụ thể và sinh động. Đó là con đường tốt nhất, một phương pháp hay để đưa lý luận thâm nhập vào quần chúng. Đó cũng là con đường để mỗi cán bộ lý luận hiểu được chiều sâu và thực chất của lý luận.

Khoa học Marx-Lenin rất sâu sắc, là đỉnh cao của các khoa học của thời đại, là sự tổng kết thực tiễn đấu tranh phong phú của quần chúng. Vì vậy, nếu nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Marx-Lenin một cách trùu tượng, chung chung theo lối “tầm chương trích cú”, kinh viện, thì sẽ làm mất sức sống của nó, không còn là vũ khí sắc bén để cải tạo xã hội.

Về thăm lại căn cứ
Củ Chi, đồng chí
Nguyễn Văn Linh
đang chăm chú
nhìn lại căn hầm cũ
trong thời kỳ
kháng chiến
chống Mỹ, cứu nước



Đồng chí Nguyễn Văn Linh tại TP. Hồ Chí Minh tháng 10 năm 1990



Đồng chí Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh về thăm Quân khu 4 nhân kỷ niệm 100 ngày sinh Bác Hồ (19.5.1890 - 19.5.1990)



Chơi bóng bàn với các cháu (1990)



Độc báo



Chăm sóc cây kiểng



Ông bà Nguyễn Văn Linh và các cháu (tháng 7 năm 1992)

Đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng các cháu dạo chơi trong sân nhà





Các cháu thiếu nhi thành phố kính viếng đồng chí Nguyễn Văn Linh



Đồng bào thành phố ngậm ngùi kính viếng đồng chí Nguyễn Văn Linh



Các đồng chí lãnh đạo Trung ương và thành phố kính viếng đồng chí Nguyễn Văn Linh





Bà Ngô Thị Huệ phu nhân đồng chí Nguyễn Văn Linh xúc động đáp từ và cảm ơn đồng chí, đồng bào thành phố trong lễ đưa đồng chí Nguyễn Văn Linh đến nơi an nghỉ cuối cùng

Phút tưởng niệm trong lễ tang đồng chí Nguyễn Văn Linh





Lễ di quan đồng chí Nguyễn Văn Linh đến nơi an nghỉ tại nghĩa trang TP. Hồ Chí Minh



Lời diếu

Lời diếu do đồng chí **Lê Khả Phiêu**, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Trưởng ban lễ tang đọc tại buổi lễ truy diếu đồng chí Nguyễn Văn Linh, ngày 29-4-1998.

Thưa đồng bào, đồng chí và các bạn,

Hôm nay, trong niềm tiếc thương vô hạn, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng ủy quân sự Trung ương và đồng bào, chiến sĩ, bạn bè, đồng chí, tổ chức trọng thể lễ tiễn đưa về nơi an nghỉ cuối cùng đồng chí Nguyễn Văn Linh - người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đảng viên Cộng sản rất mực kiên cường, trung thành tận tụy, suốt đời chiến đấu vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân, một người lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, nhân dân và quân đội ta, người bạn tin cậy của bạn bè quốc tế. Đồng chí Nguyễn Văn Linh mất đi là một tổn thất lớn đối với Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta, đối với gia quyến đồng chí.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh tên thật là Nguyễn Văn Cúc; bạn bè, đồng chí đồng bào thường gọi tên anh một cách thân thương là Mười Cúc. Xuất thân trong một gia đình yêu nước, sớm giác ngộ cách mạng, thấu hiểu



Đồng chí Lê Khả Phiêu, Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đọc diếu văn tại tang lễ đồng chí Nguyễn Văn Linh. *Nguồn: Do gia đình cung cấp.*

cảnh đau khổ của đất nước lâm than, nô lệ do chế độ thực dân cai trị, mới 14 tuổi, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã tham gia hoạt động yêu nước trong phong trào Học sinh Đoàn, do Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội lãnh đạo. Với nhiệt huyết của tuổi trẻ, muốn được cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, lại được tư tưởng Nguyễn Ái Quốc dẫn đường, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã tích cực, hăng hái hoạt động không sợ hy sinh, không nề gian khổ. Mới 15 tuổi, đồng chí đã bị địch bắt, kết án tù chung thân và đày đi Côn Đảo.

Từ những ngày đầu tiên ấy đến khi vĩnh biệt chúng ta, đồng chí đã trải qua gần 70 năm hoạt động cách mạng và đã được Đảng, Nhà nước giao phó nhiều trọng trách. Đồng chí đã tham gia lập lại Xứ ủy Trung kỳ, giữ các chức vụ Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, Bí thư Đặc khu ủy Sài Gòn - Gia Định, Ủy viên Thường vụ rồi quyền Bí thư Xứ ủy Nam bộ, Ủy viên Trung ương Đảng khóa III, Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đến nay, đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng khóa IV, Ủy viên Bộ Chính trị

khóa V, Trưởng ban cải tạo xã hội chủ nghĩa của Trung ương, Trưởng ban Dân vận Mặt trận Trung ương, Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng. Đến Đại hội VI của Đảng, đồng chí được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương. Tại Đại hội VII và Đại hội VIII của Đảng, đồng chí được Ban Chấp hành Trung ương cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí là đại biểu Quốc hội khóa VIII.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã hoạt động trong nhiều vùng, ở nhiều địa phương của đất nước, để lại những kỷ niệm sâu sắc trong lòng đồng chí, đồng bào ta ở trong nước cũng như kiều bào ta ở nước ngoài, trong đó hơn một nửa cuộc đời hoạt động cách mạng của mình gắn bó máu thịt với miền Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, với trách nhiệm là Bí thư Trung ương Cục, đồng chí đã chủ trì và cùng với các đồng chí khác lãnh đạo phong trào cách mạng miền Nam vào thời điểm gay go nhất và cũng oanh liệt nhất, ghi lại những dấu ấn không bao giờ phai mờ về cuộc Đồng Khởi và cuộc kháng chiến chống xâm lược. Khi ở bưng biển cũng như khi ở trong căn cứ nội thành, đồng chí luôn kiên cường “bám trụ”, sát cánh cùng đồng bào, chiến sĩ, tin tưởng tuyệt đối vào dân, vừa lãnh đạo chiến đấu, vừa bền bỉ xây dựng, phát triển phong trào yêu nước và lực lượng cách mạng. Hình ảnh anh Mười Cúc trong bộ quần áo bà ba, khuôn mặt hiền từ, dáng đi nhanh nhẹn, giọng nói ấm áp, mộc mạc nhưng giàu tình cảm còn in đậm mãi trong ký ức của đồng bào, đồng chí. Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc thuộc về toàn Đảng, toàn dân ta, trong đó có công lao to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh.

Giữ vững khí tiết người Cộng sản, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc là đức tính quý báu của đồng chí Nguyễn Văn Linh. Đồng chí đã trải qua hai lần với hơn 10 năm bị gông cùm trong ngục tù đế quốc. Dù bị kẻ thù tra tấn dã man, tàn bạo, đồng chí vẫn một mực kiên trung, tin tưởng vào lý tưởng cao quý của Đảng và tương lai tươi sáng của dân tộc.

Đồng chí đã trải qua nhiều vị trí lãnh đạo khác nhau ở địa phương và ở cơ quan Trung ương, dù ở đâu, làm việc gì, đồng chí cũng đem hết trí tuệ, sức lực để cống hiến cho Đảng và nhân dân, đặt lợi ích chung của cách mạng lên trên lợi ích cá nhân, luôn luôn trau dồi kiến thức và lắng nghe ý kiến đồng bào, đồng chí, quan tâm tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ và góp phần xây dựng các quan điểm, đường lối của Đảng.

Đại hội VI của Đảng mở đầu công cuộc đổi mới, đánh dấu một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam. Từ tổng kết thực tiễn trên nhiều lĩnh vực, đồng chí đã có những đóng góp tích cực và có hiệu quả vào việc thiết kế đường lối, chính sách Đổi mới của Đảng và Nhà nước. Suốt nhiệm kỳ Đại hội VI, với cương vị là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã cùng tập thể lãnh đạo nhạy bén, chủ động, sáng tạo, khôn khéo léo lái con thuyền cách mạng vượt qua những bước hiểm nghèo của thời kỳ xảy ra những biến động to lớn trên thế giới, đẩy mạnh công cuộc đổi mới và thu được những thành tựu rất quan trọng, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, cải thiện đời sống nhân dân, mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đồng chí đã nêu ra và kiên trì thực hiện đổi mới có nguyên tắc - đổi mới nhưng luôn luôn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện “dân biết dân bàn dân làm dân kiểm tra”. Đồng bào, đồng chí còn nhớ “Những việc cần làm ngay” trên báo Nhân Dân vào năm đầu thời kỳ đổi mới, tạo ra luồng sinh khí mới trong xã hội: dân chủ, công khai, nói thẳng, nói thật, lời nói đi đôi việc làm góp phần đấu tranh chống tiêu cực, làm trong sạch bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Trên cương vị là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, mặc dù tuổi cao sức yếu, đồng chí đã đem hết sức lực và trí tuệ của mình để tham gia nhiều ý kiến quan trọng với lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta về những vấn đề lớn của đất nước.

Thưa các đồng chí và các bạn, thưa gia quyến đồng chí Nguyễn Văn Linh!

Từ buổi đầu tiên tham gia cách mạng đến khi vĩnh biệt chúng ta, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã giữ trọn danh hiệu cao quý của người đảng viên Cộng sản, một lòng, một dạ phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, hy sinh cao cả vì lý tưởng cao đẹp của Đảng. Đồng chí đã để lại cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta một tấm gương sáng về phẩm chất của người Cộng sản “Tận trung với nước, tận hiếu với dân”, sống trung thực, thẳng thắn, chan hòa, gần gũi mọi người, giản dị và cần kiệm, ghét thói phô trương, hình thức. Chúng ta luôn luôn ghi nhớ những bài học quý báu về lãnh đạo và chỉ đạo của đồng chí - giữ vững nguyên tắc trong quan điểm, đồng thời linh hoạt trong sách lược, luôn luôn gắn bó với thực tiễn đất nước, đồng cảm với đồng bào, chiến sĩ.

Do công lao to lớn của đồng chí đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân ta, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng đồng chí Huân chương Sao Vàng và nhiều Huân chương cao quý khác.

Thưa đồng chí Nguyễn Văn Linh - Thưa anh Mười Cúc kính mến!

Hôm nay vĩnh biệt Anh trong niềm tiếc thương sâu sắc. Trong giờ phút đau thương này, chúng tôi xin chia sẻ nỗi buồn đau với gia quyến đồng chí, với chị Bảy Huệ - người đồng chí, người bạn đời và các cháu thân thương. Gia đình mất đi một người chồng mẫu mực, chung thủy, một người cha thân yêu, một người ông hiền hòa. Rất mong chị Bảy và các cháu nén bớt đau thương, được khuấy khỏa đôi phần trong tình đồng chí chân tình của bạn bè, cô bác.

Đưa Anh về nơi an nghỉ cuối cùng, chúng tôi nguyện cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục sự nghiệp cách mạng, giữ vững độc lập tự do, đưa công cuộc đổi mới đến thắng lợi, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Xin kính cẩn nghiêng mình vĩnh biệt đồng chí Nguyễn Văn Linh kính mến!

Vô cùng thương tiếc đồng chí Nguyễn Văn Linh,
người học trò xuất sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại,
người công nhân Việt Nam kiên cường, mẫu mực, người lãnh đạo
khắc nghiệt nhưng vĩ đại tận tụy, người báo chí đầy nhiệt huyết
thời gian.

Đồng chí nhàn nhàn từ huấn luyện viên ở công lao
tư tưởng đồng chí từng bị nghị quyết giải oan, thăng
nhất từ quê hương công nhân đến một đất nước.

Tên người anh hùng kiên cường, bất khuất, tâm
huyết trung thành, dũng cảm, kiên trì gian khổ, chỉ huy
của đồng chí là tấm gương sáng cho toàn Đảng, toàn Quân
và toàn dân ta noi theo.

Ngày 28-4-1998
Tổng Bí thư Ban chấp hành
Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam

Nguyễn Văn Linh

Lê Khả Phiêu

Ngày 20 tháng 4 năm 1972

Thương nhớ anh Nguyễn Văn Lộc người chiến sĩ Công an
điên cuồng bên trung đội mà đơn vị của anh đã, người
hồng chí vô cùng thân thiết, người anh vô cùng
kinh mến -

Người hồng chí, người anh của anh

Đinh -

Văn Đức

Vào cùng tháng đầu đông chi Nguyễn Văn Linh
Anh Mười đưa anh em về thăm trường.

Đông chi mới đi là trời thật lạnh lắm trời
v.đ. Đông, Nhà nước, anh em dân ta và với gia đình
tổng chi.

Trên qua gần 70 năm hoạt động cách mạng,
đã có bất kỳ công việc nào, tổng chi cũng
hết mức trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng
của dân tộc, làm lợi phẩm dân, hy sinh vì lý
tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh
phúc của Nhân dân.

Chính biết chúng ta, tổng chi ta đi lại
cho toàn Đảng, toàn dân ta một tâm gương sáng
ngời và phẩm chất cao đẹp của người Cộng sản tiên
quang, người Đại biểu Quốc hội tận tụy với nhân dân
dòng trung thực, thành tâm, chân thành, gần gũi với
đồng bào, tổng chi, một lòng, một dạ phụng sự
Tổ Quốc, phụng sự Nhân dân.

Chính biết Anh, chúng tôi với nguyên là tiếp
học với anh em chúng ta. Cách mạng mà trên cơ sở
đó. Anh ta từng đi, phân tích cũng toàn Đảng
toàn dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, đất nước
v. nước ta: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trong giờ phút đau thương này, là chia sẻ niềm
biểu thương vô hạn, nơi tâm hồn sâu sắc cùng chi ủy
và toàn thể gia đình tổng chi Nguyễn Văn Linh.

T/M Ủy ban Thường vụ Quốc hội
chủ tịch.

Nông Đức Mạnh

Thân ái. HANOI, LIBNO, LIBNTO
 Thân ái Hồ Chí Minh và cũng thân ái,
 các ông Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Tấn Bội,
 Thủ tướng Đảng, Nguyễn Bội Khắc Khanh (SCTD),
 Nguyễn Bội Khắc Khanh (SCTD) - Anh
 út và cũng thân ái.

Công lao của Anh út với nhân dân
 Đảng bộ Thành phố trong các thời kỳ kháng
 chiến, trong xây dựng hòa bình. Hết lòng tin,
 các kết quả những lúc khó khăn gian khổ.
 Anh út cũng công xây dựng, giao lưu, trao đổi
 một đời người em út có phần chất và
 năng lực để kế thừa sự nghiệp của Anh.
 Đảng bộ và nhân dân TP. Hồ Chí Minh luôn
 ghi nhớ công lao đó của Anh.

Xin anh giữ gìn sức khỏe.

Xin thành tâm chúc mừng anh út và gia đình.

Vĩnh biệt Anh út!

Ngày 28/4/1992

LIBNTO
 ET

TP. HANOI
 S. CT

LIBNO
 S. CT

TP. TP. HCM
 B. S. S.

Lê Văn Bội

Lê Văn Bội

Võ Văn Bội

Trần Văn Bội

Và cuối cùng: Cháu Khắc Khanh

28-4-1998

Bộ Y tế, tất cả các cán bộ y tế Việt nam vô cùng
thượng trọng đồng chí Nguyễn Văn Linh nguyên
Đổng lý Thủ BCTW Đảng, nguyên Cố vấn BCH
TW Đảng.

Các thầy thuốc Việt nam luôn ghi công ơn đức,
Anh Mười Cục thần thường đã có công cứu đất
ngàn y tế những ngày chiến tranh chống Mỹ.
Cứu nhiều cùng như thời kỳ kháng chiến.

Hai từ "Đời mới" đã trở thành phương
châm hành động và định hướng xây dựng của
toàn dân và của toàn ngành y tế. Hai từ đó
từ những lời căn dặn của đức Nguyễn Văn
Linh khi gặp gỡ, luôn nhắc cho ngành y tế
chúng tôi.

Đồng chí Mười Cục re đi những đồng
chí vẫn sống trong lòng chúng tôi, những
thời kỳ đau ốm đang tiếp bước về nơi
giống đồng chí.

Trên giường bệnh, đức vâng là tâm gửi
chúng tôi bệnh tật.

Chúng tôi hứa sẽ làm việc xứng đáng với
công ơn đức.

PHƯƠNG

Đỗ Nguyễn Phương
Bộ trưởng Bộ Y tế

Cùng với nhân dân cả nước, Giáo hội
Phật giáo Việt Nam vô cùng thương tiếc
Cụ Nguyễn Tổng Bí Thư Phan Châu Trinh Trung,
Ung Dũng Công Sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh,
một tấm gương lãnh đạo với đạo đức và trí
tuệ cao vời, đã đóng góp lớn lao cho sự nghiệp
của Tổ Quốc.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 1998
T/M Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo
Việt Nam,

Phó Chủ tịch Thường trực,

Đoàn Văn Duyệt

Hà thượng Thích Minh Châu.

Hệ Phái Ni gửi Nhật Bản, VN

Tỉnh Hà Ngọc - Phú Thọ.

Vô cùng thương tiếc cụ

Nguyễn Văn Lish - Nguyễn Tông Bi' Cui

Đang Công Sơn VN.

Ni Trưởng Ngọt - Liên.



29/4/1998.

AP. Ho. ch. find the 98 - 24 $\frac{4}{98}$.

Lời chia buồn.

Đền Chử Dực Hm: Thờ 100 Cao Thụ Đền Chử Dực Hm

- Ban Thư - Ban Đại Diện Công An BCSH TP. Hồ Chí Minh
Và cũng thường trực Ngã Nguyễn Văn Bình Nguyễn
Tôn An - Ban BCSH Trung ương Đảng Cộng Sản Việt
Nam. Đã viết hết ở đây rồi chúng ta.

[illegible]

Thầy mất sớm, thành ra loài dạn của dân
Đã có một thói quen - tức là người con của dân
Đã quên đi - tức là con của dân và con
Chia lòng của dân với gia đình.

King, Pri

7m. Cam. Throwing twice 11m. Throwing

Henry [unclear]

Whidney Job Shop

HÙNG NGUYỄN.

THƯỜNG. PHO. TIA NH

Bác Linh ơi !

Chúng cháu là những sinh viên của trường Đại
Học Khoa Học Tự Nhiên đến đây để viếng Bác
lớn tuổi - Một người đã suốt đời tận tụy
công hiến hết mình cho Tổ Quốc, cho lý tưởng
của Đảng và cho tất cả những người dân của
nước CH XHCN VN này.

Chúng cháu vô cùng biết ơn những người đi
trước đã có nhiều hi sinh công hiến, không màng
gì lợi ích cá nhân để cho người sau được ấm
no hạnh phúc. Chúc Bác sẽ vui ở nơi xa xôi
ây ! chúng cháu nguyện sẽ đem hết sức để
tiếp tục công hiến cho mọi người và cho Tổ Quốc

Đại diện nhóm

29/4/1998

Tung

Ng~ Thanh Tung

Kính Viêng Bae Nguyễn Văn Linh

Chúng cháu là sinh viên đại học Y Dược TP HCM,
đến viếng bae lần cuối cùng với niềm thương tiếc vô cùng
của chúng cháu đến với bae.

Bae đã đến đến chu lễ' lễ tri' một kỷ
nguyên mới giúp cho chúng cháu mở rộng và
mở triển hết với tất cả các nước trên cùng năm
cháu.

Cũng cháu sẽ nguyên - lập nơi đã thui lười,
tất con cháu của bae do lương dân

ngày 25/4/1995
tập thể nhóm 51

Trần

Lê Thị Kim Chi

Nguyễn

Trần Thị Ngọc Mỹ

Nguyễn Văn Minh

Nguyễn Văn Minh

Chào

Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Văn Linh

dấu ấn thời gian

- 1/7/1915 Sinh ở Hà Nội trong một gia đình công chức, quê gốc ở xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Tên thật là Nguyễn Văn Cúc. Cha mẹ ông có ba người con: hai gái, một trai, ông là con thứ hai.
- 1919 Cha là ông Nguyễn Đức Lan, thầy giáo dạy học ở trường Yên Phụ Hà Nội, bị bệnh qua đời.
- 1920 - 1928 Người chị bị bệnh qua đời. Sau đó, vì ốm đau, mẹ phải dẫn em gái ông vào tá túc và chữa bệnh tại chùa Thái Bình, huyện Đông Anh, Hà Nội. Khi mẹ mất, ông không được gặp mặt, chỉ nghe nói bà được an táng trong đất chùa này. Bà nội và chú ruột ông là Nguyễn Đức Thụ làm ở Sở Thương chính (hải quan) có nhà ở phố Hàng Bột, Hà Nội đưa ông về nuôi cho ăn học.
- 1929 Chú Thụ của ông đổi chỗ làm về Hải Phòng, bà nội, ông và em gái theo chú Thụ về sống ở Hải Phòng, được chú cho vào học trường Bonnal (nay là trường Ngô Quyền, quận Lê Chân), khi đang học lớp Nhì thì bà nội qua đời. Để vơi bớt nỗi buồn, ông xin phép chú Thụ được về ở với chú Hùng là em họ của cha. Ở trường Bonnal, ông được kết nạp vào tổ chức Học sinh Đoàn do Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội lãnh đạo.

- 1/5/1930 Học lớp nhất trường Jean Dupuis. Khi rải truyền đơn chống đế quốc, ông bị địch bắt kết án 18 tháng tù đưa về giam tại khám lớn Hải Phòng.
- 26/1/1931 Mặc dù tuổi vị thành niên, ông vẫn bị thực dân Pháp kết án phát lưu chung thân, đày ra Côn Đảo.
- 1931 - 1936 Khi mới vào tù trình độ tiếng Pháp còn chưa vững, nhờ sự giúp đỡ của các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Kim Cương, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Cừ... dần dần ông đã tự đọc và nghiên cứu được những tác phẩm kinh điển bằng tiếng Pháp như: *A.B.C về chủ nghĩa cộng sản, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, v.v... Khi ông ở tù ngoài Côn Đảo thì người em gái bị bệnh qua đời.
- Cuối 1936 Nhờ Mặt trận bình dân Pháp thắng cử, ông nằm trong số khoảng 500 tù chính trị được trả tự do và trở về đất liền.
- 1936 - 1938 Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1936, tham gia hoạt động trong công nhân lao động ở Hải Phòng, Hà Nội. Xây dựng cơ sở Đảng, thành lập nhiều chi bộ và Thành ủy lâm thời Hải Phòng.
- Đầu 1939 Được Đảng điều động vào công tác ở Sài Gòn, tham gia Ban Chấp hành Thành ủy Sài Gòn.
- Cuối 1939 Được phân công tham gia lập lại Xứ ủy Trung kỳ.
- 1941 Bị bắt ở Vinh, đưa về Sài Gòn xử án 5 năm tù, đày ra Côn Đảo lần thứ hai.
- 1941 - 1945 Tiếp tục tiếp thu có hệ thống chủ nghĩa Marx-Lenin do các đàn anh Nguyễn Văn Cừ, Phạm Văn Đồng, Lê Duẩn... truyền lại.
- 1945 Nhờ thành công của cách mạng tháng Tám, ông và nhiều đồng chí khác được trả tự do, trở về đến đất liền đúng vào lúc nổ ra cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam bộ (23-9-1945).
- 1945 Được đón về Nam bộ hoạt động ở miền Tây, được Xứ ủy phân công về lại Sài Gòn với trọng trách lãnh đạo phong trào đô thị. Lần đầu gặp và có cảm tình với bà Ngô Thị Huệ.

- 1946 Bí thư Thành ủy Sài Gòn.
- 4/1947 Được bầu vào xứ ủy Nam bộ, được chính thức bầu làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Khi cùng công tác tại Sài Gòn, ông đã nói với bà Huệ: “Hai đứa chúng mình thuộc tầng lớp nghèo, đều có trải qua tù tội, thấm thía nỗi đau của riêng mình nằm trong nỗi đau của dân tộc, những điểm giống nhau đó sẽ giúp chúng mình dễ cảm thông nhau, sẽ biết sống và hy sinh cho nhau”. Từ đó hai người yêu nhau.
- 23/5/1948 Lễ thành hôn với bà Ngô Thị Huệ được tổ chức đơn giản tại Gò Xoài (nay thuộc huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh), chủ hôn là ông Lê Văn Sỹ, đại diện cho Xứ ủy, đồng thời là người bạn tù thân thiết của ông.
- 1949 Tham gia Thường vụ Xứ ủy Nam bộ.
- 8/1950 Bí thư Đặc khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn.
- 1952 Được Trung ương cử ra Bắc học trường Đảng Cao cấp Nguyễn Ái Quốc.
- 1953 Tham gia cải cách ruộng đất, phát hiện thấy cách làm theo các cổ vấn Trung Quốc không phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Bản thân đoàn của ông không tìm ra địa chủ. Ông đã báo cáo với Bác Hồ rằng: “Cải cách ruộng đất làm thế sợ sai, vì không đúng với thực tế nông thôn nước ta”.
- 1953 Trong thư gửi về cho vợ ở miền Nam, ông viết: “Có một điều rất đáng ghi nhớ của anh là ở Hội nghị toàn quốc, lần đầu tiên trong đời anh được thấy Bác. Bác rất mạnh, rất vui, rất giản dị, rất linh hoạt. Mỗi lời nói của Bác đi sâu vào trong lòng người. Mỗi cử chỉ của Bác là một bài học thấm thía. Đảng ta, dân tộc ta có Bác thật là hạnh phúc to”.
- 7/1954 Hiệp định Genève được ký kết đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Hòa bình được lập lại nhưng đồng bào miền Nam còn phải tiếp tục đấu tranh gian khổ trong vùng kiểm soát của đối phương.

- 9/1954 Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn.
- 1955 Con gái đầu lòng Nguyễn Thị Hòa chào đời khi ông về miền Tây hợp Xứ ủy được ba ngày.
- 1956 Khi con gái thứ hai Nguyễn Thị Bình chào đời, ông cũng không có mặt do tình hình kẻ thù đang rình rập theo từng bước chân ông.
- 12/1956 Đồng chí Lê Duẩn đã hoàn thành dự thảo Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam.
- 1957-1960 Quyền Bí thư xứ ủy Nam bộ.
- 1958 Con trai Nguyễn Hùng Linh chào đời.
- 7/1959 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 chính thức thông qua nghị quyết xác định: “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân”.
- Cuối 1959 Vợ cùng 3 người con được lệnh ra miền Bắc.
- 9/1960 Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Trung ương chỉ định làm Bí thư xứ ủy Nam bộ.
- 20/12/1960 Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập nhằm tập hợp mọi tầng lớp nhân dân yêu nước, đánh đổ chế độ thống trị của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai, tiến tới thống nhất Tổ quốc.
- 1961 Trung ương quyết định giải thể Xứ ủy Nam bộ, lập Trung ương Cục miền Nam, ông được chỉ định làm Bí thư Trung ương Cục.
- 1963 Ông ra Hà Nội để báo cáo với Trung ương Đảng về tình hình miền Nam sau ba năm thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương. Vừa đến Hà Nội, ông đã được Bác Hồ gọi vào gặp, Bác hỏi thăm về tình hình và đời sống của đồng bào và chiến sĩ miền Nam. Sự quan tâm của Người với miền Nam đã làm cho ông vô cùng xúc động.
- Cuối 1964 Để tăng cường sự chỉ đạo của Trung ương đối với cách mạng miền Nam, Trung ương Đảng cử Đại tướng Nguyễn

Chí Thanh ủy viên Bộ Chính trị vào miền Nam trực tiếp phụ trách Trung ương Cục miền Nam; ông vẫn làm Bí thư Trung ương Cục.

1965 Trung ương Cục đã điều ông, Bí thư Trung ương Cục về giữ chức Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định.

1966 Ông được điều trở lại Trung ương Cục.

1967 Trung ương Đảng đã cử đồng chí Phạm Hùng vào Nam giữ chức Bí thư Trung ương Cục miền Nam, ông làm Phó Bí thư Trung ương Cục.

10/1967 Để chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, Trung ương Cục quyết định thành lập “Khu trọng điểm” gồm Sài Gòn - Gia Định và một phần các tỉnh tiếp giáp với Sài Gòn. “Khu trọng điểm” đặt dưới sự lãnh đạo của một Đảng ủy do ông, Phó Bí thư Trung ương Cục kiêm nhiệm Bí thư “Khu trọng điểm”.

30-31/1/1968 Túc đêm giao thừa rạng mồng một Tết Mậu Thân, tại “Khu trọng điểm” Sài Gòn - Gia Định, quân giải phóng tiến công mãnh liệt vào các mục tiêu quan trọng như Đại sứ quán Mỹ, Dinh Độc Lập, Bộ Tổng tham mưu, Bộ Tư lệnh Hải quân, Đài Phát thanh Sài Gòn, Tổng nha Cảnh sát, Bộ Tư lệnh Biệt khu thủ đô.... của chính quyền Sài Gòn. Bộ đội chiến đấu rất dũng cảm, tranh chấp quyết liệt với địch từng khu phố (ngã tư Bảy Hiền, chùa Trúc Lâm, cư xá Phú Lâm A, Cầu Tre, v.v.). Ta đã thắng lớn mà lớn nhất là “làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ”, tạo nên bước ngoặt quyết định của chiến tranh.

16 - 31/10/1968 Trung ương Cục cử ông ra Hà Nội báo cáo với Bộ Chính trị. Được tin có cán bộ từ miền Nam ra, 25/10/1968, Bác Hồ liền cho gọi vào báo cáo tình hình và giữ lại ăn cơm. Cùng được dự cơm với Bác có đồng chí Vũ Kỳ. Hôm đó, Bác Hồ rất vui, tuy hồi đó Người đã yếu nhưng vẫn cố gắng ăn hết hai lưng bát cơm, như để qua ông về nói lại cho đồng bào miền Nam yên tâm! Sau khi ra về, được đồng chí Vũ Kỳ cho biết, ông đã không cầm được nước mắt.

- 8/1969 Ông lại được cử ra Bắc báo cáo tình hình với Bộ Chính trị. Hồ Chủ tịch lúc này đã mệt nặng, nhưng Người vẫn cho gọi ông vào gặp. Người hỏi về chiến dịch “bình định cấp tốc” mà Mỹ và Chính quyền Sài Gòn đang tiến hành ở miền Nam. Người căn dặn: “Bất cứ trong tình huống nào cũng phải bám chắc lấy dân, dựa vào dân để mà tồn tại... Đó là cái chìa khóa của mọi thắng lợi”.
- 9/1969 Ông hồi tưởng: “Cho đến hôm gần thờ hơi cuối cùng, Bác đã cho mời các đồng chí Bộ Chính trị đến bên cạnh. Tôi lúc đó không ở trong Bộ Chính trị, nhưng là cán bộ duy nhất ở miền Nam ra, nên Bác cũng cho kêu đến. Bác cố nắm tay từng đồng chí trong Bộ Chính trị và sau đó nắm lấy tay tôi. Khi ấy, Bác đã không còn nói được nữa, nhưng đôi mắt và vẻ mặt của Bác thể hiện một tình cảm thật sâu sắc, không bút nào tả xiết. Riêng đối với tôi, tôi hiểu rằng tình cảm của Bác không phải đối với riêng tôi, mà Bác muốn qua cái nắm tay cuối cùng, gửi gắm tấm lòng của Bác đối với đồng bào, chiến sĩ miền Nam trước khi Bác từ biệt cõi đời để theo các Cụ Marx, Lenin”.
- 4/1972 Kiêm nhiệm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định.
- 27/1/1973 Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết và có hiệu lực từ 9 giờ sáng ngày 28/1/1973, đây là thắng lợi rất to lớn và quan trọng trong cuộc đấu tranh lâu dài chống Mỹ xâm lược của dân tộc ta. Thắng lợi của việc ký kết Hiệp định Pari đã tạo nên bước phát triển mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Đầu 1973 Ở Sài Gòn - Gia Định, đến tháng 3-1973, địch đã chiếm lại các khu vực ven đô. Với cương vị Phó Bí thư Trung ương Cục, ông đã kịp thời chỉ đạo Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định kiên quyết đánh trả khi chúng lấn chiếm vùng giải phóng. Đây là một chủ trương sáng suốt, đã làm cho hình thái chiến trường trở lại như trước khi có Hiệp định.
- 24/5/1973 Bộ Chính trị họp Hội nghị mở rộng nhằm kiểm điểm tình hình cách mạng miền Nam trong 18 năm qua và để

ra phương hướng đấu tranh trong thời gian tới. Tham gia Hội nghị có đại biểu các chiến trường, trong đó Đoàn cán bộ B2 do ông dẫn đầu.

- 9/1974 Thành ủy Sài Gòn - Gia Định họp Hội nghị nhận định: “Tình hình hiện nay đang có những chuyển biến mới, nhanh và đang tạo ra tình thế cách mạng ở đô thị. Đô thị Sài Gòn - Gia Định là chiến trường quyết định chiến lược cuối cùng ở miền Nam Việt Nam”.
- 7/4/1975 Đồng chí Lê Đức Thọ thay mặt Bộ Chính trị công bố quyết định của Trung ương Đảng thành lập Bộ Chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn và thông qua phương án của chiến dịch. Ông với chức trách Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam được giao nhiệm vụ phụ trách chỉ đạo công tác nổi dậy của quần chúng.
- 1976 Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh.
- 12/1976 Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương, được Trung ương bầu vào Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng.
- 4/1977 Trưởng ban cải tạo xã hội chủ nghĩa Trung ương. Quan điểm của ông là: cải tạo là để sản xuất phát triển, thúc đẩy nền sản xuất tiến lên, nếu cải tạo mà làm cho sản xuất đình trệ, công nhân mất việc làm, đời sống đông bào ngày càng khó khăn,... thì chúng ta cần phải xem xét lại.
- Cuối 1977 Trưởng ban Dân vận - Mặt trận Trung ương. Công tác Dân vận - Mặt trận vốn là một trong thế mạnh của ông bởi lúc nào ông cũng lẫn lộn trong dân, được dân nuôi dưỡng, che chở, nên ông rất gần dân, hiểu dân - tâm tư tình cảm cũng như những cống hiến, hy sinh to lớn của dân cho cách mạng..
- 1978 Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, trên cương vị mới, ông là người khởi xướng sự nghiệp Đổi mới Công đoàn. Ông nhận định: Công đoàn là tổ chức rộng lớn của công nhân lao động, cần phải đổi mới tổ chức và hoạt động để góp

phần xây dựng giai cấp công nhân nước ta không ngừng lớn mạnh, đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu.

- 1980-1981 Phụ trách theo dõi thực hiện nghị quyết của Đảng và Chính phủ ở các tỉnh miền Nam.
- 12/1981 Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh.
- 3/1982 Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, ông được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương.
- 12-19/7/1983 “Sự kiện Đà Lạt” diễn ra trong thời gian khoảng một tuần lễ. Những báo cáo của ông và của Thành ủy TP. Hồ Chí Minh cùng các giám đốc của các xí nghiệp năng động, sản xuất kinh doanh có hiệu quả với các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công, cùng với những chuyển biến ở TP. Hồ Chí Minh đã được Trung ương vận dụng vào việc chuẩn bị Văn kiện Đại hội VI, Đại hội khởi xướng công cuộc Đổi mới.
- 6/1985 Được bầu lại vào Bộ Chính trị.
- 6/1986 Được bầu vào Ban Bí thư, được phân công Thường trực Ban Bí thư.
- 12/1986 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã trao cho ông trọng trách Tổng Bí thư đầu tiên của thời kỳ Đổi mới.
- 6/1987 Được bầu làm Đại biểu Quốc hội khóa VIII.
- 1988 Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (tức khoán 10) đã giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, và chỉ trong năm sau, từ một nước thiếu ăn, hằng năm vẫn phải nhập thêm lương thực, đã tự giải quyết được nhu cầu lương thực trong nước, năm 1989 còn xuất khẩu được hơn 1 triệu tấn gạo!
- Cuối 1989 Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã đứng trước nguy cơ sụp đổ. Trước tình hình đó, ông nói: “Dân chủ là bản chất của chế độ ta, chúng ta phải từng bước mở rộng dân chủ trong Đảng và ngoài xã hội, nhưng dân chủ phải có lãnh đạo, nếu để tự phát muốn làm gì thì làm thì sẽ dẫn đến hỗn loạn xã hội”. Ông bác bỏ chủ nghĩa đa nguyên.

- 19/8/1989 Ký thông báo số 151-TB/TW của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về một số vấn đề liên quan đến Di chúc và ngày qua đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- 1990 Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông nói: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị anh hùng lớn nhất trong lịch sử đấu tranh giành độc lập và tự do của dân tộc Việt Nam, là hiện thân của tinh hoa văn hóa dân tộc và nhân loại... Người đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Marx-Lenin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, để ra đường lối cách mạng đúng đắn,... tạo ra bước ngoặt lớn nhất trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đưa nhân dân tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội”.
- 1991 Trong đơn gửi Ban Chấp hành Trung ương khá lâu trước khai mạc Đại hội VII, ông viết: “Tôi làm cách mạng từ năm 15 tuổi, nay đã 76 tuổi rồi. Sức khỏe yếu, huyết áp dao động lớn. Tôi xin rút”. Ông hứa rằng: “Dù không còn ở trong Trung ương nữa, nhưng với trách nhiệm là người đảng viên, tôi sẽ xin cố gắng cống hiến sự hiểu biết và kinh nghiệm nhỏ bé của mình cho cách mạng, cho Đảng cho đến hơi thở cuối cùng. Đó là điều mà các đồng chí có thể hoàn toàn tin tưởng ở tôi”.
- 6/1991 Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, ông được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
- 6/1996 Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, ông được cử lại làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
- 12/1997 Ông viết thư xin thôi giữ chức Cố vấn vì lý do sức khỏe.
- 27/4/1998 Ông qua đời tại bệnh viện Chợ Rẫy TP. Hồ Chí Minh

Ông được Đảng và Nhà nước tặng Huân chương Sao Vàng, huy hiệu 60 năm tuổi Đảng và nhiều Huân chương, Huy chương cao quý khác. Nhà nước Lào tặng Huân chương Vàng quốc gia. Nhà nước Cuba tặng Huân chương José Martí. Nhà nước Campuchia tặng Huân chương Angkor.

NGUYỄN VĂN LINH
HÀNH TRÌNH CÙNG LỊCH SỬ
NHIỀU TÁC GIẢ

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm bản thảo: NGUYỄN PHAN NAM AN
Biên tập lần đầu: THẢO NGỌC
Biên tập tái bản: HÀ AN HUY
Bìa: BÙI NAM
Trình bày: VŨ THỊ PHƯỢNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: hophubandoc@nxbtre.com.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanh@nxbtue.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)
161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM
ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450
Email: info@ybook.vn
Website: www.ybook.vn

Khổ: 15,5 cm x 23 cm, số: 1154-2015/CXBIPH/1-129/Tre
Quyết định xuất bản số 486A/QĐ-Tre, ngày 11 tháng 6 năm 2015
In 1.500 cuốn, tại Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2015